

TIÊU TẶNG THANH VĂN

TRUNG A-HÀM

II



TUỆ SỸ *dịch và chú*

TRUNG A-HÀM

MỤC LỤC - TẬP II

7. PHẨM TRƯỜNG THỌ VƯƠNG

- 72. Kinh Trường Thọ Vương Bản Khởi
- 73. Kinh Thiên
- 74. Kinh Bát Niệm
- 75. Kinh Tịnh Bất Động Đạo
- 76. Kinh Úc-Già-Chi-La
- 77. Kinh Sa-Kê-Đế Tam Tộc Tánh Tử
- 78. Kinh Phạm Thiên Thịnh Phật
- 79. Kinh Hữu Thắng Thiên
- 80. Kinh Ca-Hi-Na
- 81. Kinh Niệm Thân
- 82. Kinh Chi-Ly-Di-Lê
- 83. Kinh Trường Lão Thượng Tôn Thụy Miên
- 84. Kinh Vô Thích
- 85. Kinh Chân Nhân
- 86. Kinh Thuyết Xứ

8. PHẨM UẾ

- 87. Kinh Uế Phẩm
- 88. Kinh Cầu Pháp
- 89. Kinh Tỳ-Kheo Thịnh
- 90. Kinh Tri Pháp
- 91. Kinh Chu-Na Vấn Kiến
- 92. Kinh Thanh Bạch Liên Hoa Dụ
- 93. Kinh Thủy Tịnh Phạm Chí
- 94. Kinh Hắc Tỳ-Kheo
- 95. Kinh Trụ Pháp
- 96. Kinh Vô

9. PHẨM NHÂN

- 097. Kinh Đại Nhân
- 098. Kinh Niệm Xứ
- 099. Kinh Khổ Ấm (I)
- 100. Kinh Khổ Ấm (II)

101. Kinh Tăng Thượng Tâm
102. Kinh Niệm
103. Kinh Sư Tử Hống
104. Kinh Ưu-Đàm-Bà-Là
105. Kinh Nguyện
106. Kinh Tượng

10. PHẨM LÂM

107. Kinh Lâm (I)
108. Kinh Lâm (II)
109. Kinh Tự Quán Tâm (I)
110. Kinh Tự Quán Tâm (II)
111. Kinh Đạt Phạm Hạnh
112. Kinh A-Nô-Ba
113. Kinh Chư Pháp Bản
114. Kinh Ưu-Đà-La
115. Kinh Mật Hoàn Dụ
116. Kinh Cù-Đàm-Di

11. PHẨM ĐẠI (Phần đầu)

117. Kinh Nhu Nhuận
118. Kinh Long Tượng
119. Kinh Thuyết Xứ
120. Kinh Thuyết Vô Thường
121. Kinh Tỉnh Tỉnh
122. Kinh Chiêm-Ba
123. Kinh Sa-Môn Nhị Thập Ưc
124. Kinh Bát Nạn
125. Kinh Bản Cùng
126. Kinh Hành Dục
127. Kinh Phước Điền
128. Kinh Ưu-Bà-Tắc
129. Kinh Oán Gia
130. Kinh Giáo
131. Kinh Hàng Ma
132. Kinh Lại-Tra-Hòa-La
133. Kinh Ưu-Bà-Ly
134. Kinh Thích Vấn

135. Kinh Thiện Sanh
136. Kinh Thương Nhân Cầu Tài
137. Kinh Thế Gian
138. Kinh Phước
139. Kinh Túc Chỉ Đạo
140. Kinh Chí Biên
141. Kinh Dụ



**PHẨM THỨ 8:
TRƯỜNG THỌ VƯƠNG**

TỤNG NGÀY THỨ HAI

Tiểu thỏ thành

長壽天八念	淨不移動道
郁伽支羅說	娑雞三族姓
梵天迎請佛	勝天伽絺那
念身支離彌	上尊長老眠
無刺及真人	說處最在後

Kệ tóm tắt:

Trường thọ, Thiên, Bát niệm,
Tịnh bất di động đạo,
Úc-già-chi-la thuyết,
Ba nam tử Sa-la,
Phạm thiên nghinh thỉnh Phật,
Thắng Lâm thiên, Ca-hi-na,
Niệm thân, Chi-li-di,
Thượng tôn trang lão ngữ,
Không ga, và Chân nhân,
Thuyết xứ ở sau cùng.

72. KINH TRƯỜNG THỌ VƯƠNG BỒN KHỞI

73. KINH THIÊN

74. KINH BÁT NIỆM
75. KINH TỊNH BẤT ĐỘNG ĐẠO
76. KINH ÚC-GIÀ-CHI-LA
77. KINH SA-KÊ-ĐẾ TAM TỘC TÁNH TỬ
78. KINH PHẠM THIÊN THỈNH PHẬT
79. KINH HỮU THẮNG THIÊN
80. KINH CA-HI-NA
81. KINH NIỆM THÂN
82. KINH CHI-LY-DI-LÊ
83. KINH TRƯỞNG LÃO THƯỢNG TÔN THỤY MIÊN
84. KINH VÔ THÍCH
85. KINH CHÂN NHÂN
86. KINH THUYẾT XỨ

72. KINH TRƯỜNG THỌ VƯƠNG BỔN KHỞI

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại Câu-xá-di¹, trong vườn Cù-sư-la². Bấy giờ các Tỳ-kheo ở Câu-xá-di đã nhiều lần cãi vã nhau.³ Do đó Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo ở Câu-xá-di rằng:

“Này các Tỳ-kheo, các người chớ cãi vã nhau. Vì sao?

Nếu lấy tranh dút tranh⁴,

Đòi nào dút cho xong.

Nhẫn nhục dút hận thù,

Đó là pháp tối thượng⁵.

“Vì sao? Này các Tỳ-kheo, thuở xưa có vua nước Câu-sa-la, tên là Trường Thọ⁶. Lại có vua nước Gia-xá tên là Phạm-ma-đạt-đa⁷. Hai vị quốc vương này đã nhiều lần gây chiến với nhau. Rồi quốc vương Phạm-ma-đạt-đa dấy quân với bốn loại quân là tượng quân, mã quân, xa quân và bộ quân. Sau khi dấy quân, vua Phạm-ma-đạt-đa đích thân kéo quân đi muốn gây chiến với vua Trường Thọ, nước Câu-sa-la.

“Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la nghe tin vua Phạm-ma-đạt-đa nước

¹ Câu-xá-di 拘舍彌. No.1428: Câu-diệm-di, Pāli: Kosambī, một trong 16 nước lớn thời Phật, thủ phủ là Vamsā, ở phía Bắc Kosala.

² Cù-sư-la viên 瞿師羅園. Pāli: Ghositārāma, một tinh xá được dựng do Ghosita.

³ Một cuộc tranh chấp lịch sử xảy ra tại đây, được ghi lại trong hầu hết Luật tạng. *Tứ phần 43* (tr. 879b24): Kiền-độ 9 Câu-thiêm-di; *Thập tụng 30* (tr. 214a21): Câu-xá-di pháp. Pāli, Mahāvagga x. Kosambakakkhandho, Vin.i. 336ff.

⁴ Tranh 諍, cãi lộn, tranh chấp. Pāli: Dham. vera, oán hận, thù nghịch.

⁵ Xem Pháp cú (Dham.5). Bản Pāli đối chiếu không ghi bài kệ này và câu chuyện tiền thân dưới đây cũng không.

⁶ Câu-sa-la Quốc vương Trường Thọ 拘娑羅國王長壽. Chuyện tiền thân này cũng được tìm thấy trong bản *Trường Thọ Vương kinh* (No.161, tr. 386 - 388). Cf. *Tứ phần 43* (tr. 880b18); Pāli (Vin.i. tr. 342): Dīghīti.

⁷ Gia-xá Quốc vương Phạm-ma-đạt-đa 加赦國王梵摩達哆. Pāli: Kāsī, Brahmadata.

Gia-xá vừa dấy quân với bốn loại quân là tượng quân, mã quân, xa quân và bộ quân. Sau khi bổ sung quân số cho bốn loại quân ấy, lại muốn giao chiến với mình, vua Trường Thọ nước Câu-sa-la nghe vậy cũng dấy quân với bốn loại quân là tượng quân, mã quân, xa quân và bộ quân. Sau khi dấy bốn loại quân, vua Trường Thọ nước Câu-sa-la đích thân xuất quân dẫn đến tận biên giới, dàn trận giao chiến, tức thời đánh tan quân đối phương. Bấy giờ vua Trường Thọ nước Câu-sa-la bắt trọn bốn loại quân của Phạm-ma-đạt-đa là tượng quân, mã quân xa quân và bộ quân, lại bắt sống vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá. Bắt được liền phóng thích và nói với Phạm-ma-đạt-đa rằng:

“– Ông là nạn nhân cùng đường, nay ta tha cho, sau này chớ gây chiến nữa”.

[533a]“Vua Phạm-ma-đạt-đa, nước Gia-xá lại ba lần dấy quân với bốn loại quân là tượng quân, mã quân, xa quân và bộ quân. Sau mỗi lần dấy quân với bốn loại quân, lại đích thân dẫn quân qua gây chiến với vua Trường Thọ, nước Câu-sa-la.

“Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la nghe tin vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá vừa dấy quân với bốn loại quân là tượng quân, mã quân, xa quân và bộ quân. Sau khi dấy quân, lại kéo đến gây chiến với mình. vua Trường Thọ nghe tin như vậy liền nghĩ: ‘Ta đánh bại nó, cần gì đánh bại nữa. Ta đã hàng phục nó, nó đâu đủ sức để hàng phục ta. Ta đã hại nó, cần gì phải hại nữa. Ta chỉ cần với một cây cung không cũng đủ hàng phục nó’.

“Vua Trường Thọ, nước Câu-sa-la nghĩ như thế nên an nhiên không cần dấy quân với bốn loại quân là tượng quân, mã quân, xa quân và bộ quân, và tự mình cũng không ra mặt trận.

“Bấy giờ, vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá tiến quân đánh phá, bắt trọn bốn loại quân của vua Trường Thọ nước Câu-sa-la là tượng quân, mã quân, xa quân và bộ quân. Vua Trường Thọ nghe tin Phạm-ma-đạt-đa vua nước Gia-xá đã tiến quân bắt trọn bốn loại quân của mình là tượng quân, mã quân, xa quân và bộ quân, lại nghĩ rằng: ‘Chiến tranh, thật là kỳ quái! Chiến tranh, thật là bạo ác. Vì sao? Chiến Thắng Lâm sẽ bị chiến Thắng Lâm; chế phục sẽ bị chế phục; tàn hại sẽ bị tàn hại. Vậy ta nay hãy đơn thân dẫn một người vợ cùng đi một cỗ xe, chạy đến Ba-la-nại’.

“Rồi vua Trường Thọ nước Câu-sa-la đơn thân dẫn một người vợ cùng đi trên một cỗ xe, chạy đến Ba-la-nại. Vua Trường Thọ lại nghĩ: ‘Ta nay có lẽ nên từ thôn này qua thôn kia, từ ấp này qua ấp nọ để cầu học rộng nghe nhiều’. Nghĩ vậy, vua Trường Thọ liền từ thôn này qua thôn khác, từ ấp này qua ấp nọ cầu học rộng nghe nhiều. Vì học rộng nghe nhiều nên vua đổi tên là Trường Thọ Bác sĩ.

“Trường Thọ Bác sĩ lại nghĩ: ‘Những gì đáng học ta đã học rồi. Ta nên vào đô ấp Ba-la-nại, đến ở đường này hẻm kia với vẻ mặt tươi cười, tấu lên âm thanh vi diệu. Như vậy, các nhà hào quý ở Ba-la-nại nghe được sẽ vô cùng hoan hỷ và thấy vui thích’. Nghĩ xong, Trường Thọ Bác sĩ vào đô ấp Ba-la-nại, đứng ở đường này hẻm nọ với vẻ mặt tươi cười, tấu lên âm thanh vi diệu nên các nhà hào quý ở Ba-la-nại nghe được đều rất hoan hỷ và lấy làm thỏa thích.

“Lúc ấy, các quyền thuộc của vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá, [533b] từ quyền thuộc ngoài xa đến quyền thuộc ở giữa, rồi đến quyền thuộc bên trong và đến Bà-la-môn quốc sư, tất cả đều nghe. Khi được nghe, Bà-la-môn quốc sư cho gọi Trường Thọ Bác sĩ đến diện kiến.

“Bấy giờ Trường Thọ Bác sĩ đi đến chỗ Bà-la-môn quốc sư,⁸ đứng quay mặt về phía quốc sư, với vẻ mặt vui tươi, tấu lên âm thanh vi diệu. Sau khi nghe, Bà-la-môn quốc sư rất hoan hỷ và lấy làm thỏa thích. Bà-la-môn quốc sư nói với Trường Thọ Bác sĩ:

“– Từ nay ông có thể nương tựa vào ta. Ta sẽ cung cấp cho đầy đủ.

“Trường Thọ Bác sĩ thưa rằng:

“– Thưa Tôn giả, tôi còn có một người vợ, phải làm thế nào?

“Bà-la-môn quốc sư nói với Bác sĩ:

“– Bác sĩ, ông có thể đem đến ở nhà ta. Ta sẽ cung cấp cho đầy đủ.

“Thế rồi Trường Thọ Bác sĩ dẫn vợ mình đến trú tại nhà Bà-la-môn quốc sư. Bà-la-môn quốc sư liền chu cấp đầy đủ.

“Một thời gian sau, vợ của Trường Thọ Bác sĩ trong lòng rầu rĩ⁹ nghĩ

⁸ Pāli: purohiro brāhmaṇo, Bà-la-môn tư tế của Vua. Ông trước đó là bạn của Vua Dīghīti nước Kosala.

⁹ No.125 (24.8) nói, bà đang có thai. Pāli cũng nói vậy (*gabbhinī ahoṣi*).

rằng: ‘Ước gì có bốn loại quân trận với lớp lớp tấm thuẫn¹⁰, tuốt gương sáng loáng, từ từ đi qua. Ta muốn xem khắp và cũng muốn uống nước mài gương đao’.

“Vợ của Trường Thọ Bác sĩ nghĩ như vậy rồi, liền nói với Trường Thọ Bác sĩ rằng:

“– Tôi cảm thấy trong lòng rầu rĩ, đang nghĩ thế này: ‘Ước gì thấy có bốn loại quân trận với lớp lớp tấm thuẫn, tuốt gương sáng loáng từ từ đi qua. Ta muốn xem cùng khắp, lại cũng muốn uống nước mài đao.’”

“Trường Thọ Bác sĩ nói với vợ rằng:

“– Khanh chớ nghĩ như vậy. Vì sao? Chúng ta đã bị vua Phạm-ma-đạt-đa đánh bại, khanh nhờ đâu mà thấy được bốn loại quân trận với lớp lớp tấm thuẫn, tuốt gương sáng loáng từ từ đi qua để khanh xem cùng khắp và khanh lại được uống nước mài đao?”

“Bà vợ lại nói:

“– Thưa Tôn quân, nếu được như thế thì tôi còn hy vọng sống. Nếu không, chắc chắn phải chết chớ không có gì nghi ngờ nữa¹¹.”

“Trường Thọ Bác sĩ liền đến chỗ Bà-la-môn quốc sư, đứng quay mặt về phía quốc sư, về mặt sàu thăm, bằng tiếng nói ai oán mà tấu lên các khúc nhạc. Bà-la-môn quốc sư nghe mà không được hoan hỷ. Bấy giờ Bà-la-môn quốc sư hỏi rằng:

“– Nay Bác sĩ, trước kia, ông đứng quay mặt về phía ta, với vẻ mặt vui tươi mà tấu lên âm thanh vi diệu. Nghe xong ta rất hoan hỷ, lấy làm vui thích. Nay ông vì sao lại đứng quay về phía ta với vẻ mặt sàu thăm, bằng âm thanh ai oán mà tấu lên khúc nhạc, ta nghe không được hoan hỷ. Nay Trường Thọ Bác sĩ, thân ông không bệnh hoạn, ý ông không sàu não chứ?”

“Trường Thọ Bác sĩ thưa:

“– Thưa Tôn giả, thân tôi không bệnh hoạn nhưng ý tôi [533c] sàu não. Tôn giả, vợ tôi trong lòng rầu rĩ, đã nghĩ thế này: ‘Em muốn thấy bốn loại quân trận với lớp lớp tấm thuẫn, tuốt gương sáng loáng từ từ đi qua.

¹⁰ Lỗ bạc 鹵簿; loại thuẫn lớn khi vua xuất trận.

¹¹ No.125 (24.8): bà có thai và chiêm bao thấy như vậy. Trong vòng bảy ngày sẽ sanh, nếu không thấy đúng như chiêm bao nhất định phải chết.

Em muốn xem cùng khắp, lại cũng muốn uống nước mài dao'. Tôi liền bảo rằng: 'Khanh chớ nghĩ như thế. Vì sao? Ta nay thế này, khanh nhờ đâu mà được bốn loại quân trận với lớp lớp tấm thuẫn, tuốt gươm sáng loáng từ từ đi qua để khanh xem cùng khắp và lại cũng được uống nước mài dao?' Vợ tôi lại nói rằng: 'Thưa Tôn quân, nếu được như thế thì tôi còn hy vọng sống. Nếu không thì chắc chắn sẽ chết, không nghi ngờ gì nữa'. Thưa Tôn giả, nếu vợ tôi mà không toàn mạng thì sao nữa!

"Bà-la-môn quốc sư bảo rằng:

"– Nay Bác sĩ, vợ ông, ta có thể gặp được không?

"– Thưa Tôn giả, có thể được.

"Thế rồi Bà-la-môn quốc sư cùng với Trường Thọ Bác sĩ đi đến chỗ bà vợ của Bác sĩ. Bấy giờ vợ của Trường Thọ Bác sĩ mang thai một người con có đứ. Bà-la-môn quốc sư thấy vợ của Trường Thọ Bác sĩ đang mang thai một người con có đứ nên quỳ gối bên phải xuống đất, chấp tay hướng về phía vợ của Bác sĩ khen ba lần rằng:

"– Vua nước Câu-sa-la sẽ sanh! Vua nước Câu-sa-la sẽ sanh.

"Rồi lại ra lệnh cho tả hữu không ai được phép tiết lộ cho người ngoài biết.

"Bà-la-môn quốc sư nói tiếp:

"– Nay Bác sĩ, ông chớ ưu sầu. Ta sẽ cho vợ ông được thấy bốn loại quân trận với lớp lớp tấm thuẫn, tuốt gươm sáng loáng từ từ đi qua và cũng được uống nước mài dao.

"Rồi Bà-la-môn quốc sư đi đến chỗ Phạm-ma-đạt-đa, vua nước Gia-xá, thưa rằng:

"– Tâu Thiên vương, nên biết cho rằng, có vì sao hữu đứ xuất hiện. Mong Thiên vương cho dàn bốn loại quân trận với lớp lớp tấm thuẫn, tuốt gươm sáng loáng từ từ diễn hành và biểu dương quân uy bằng nước mài dao. Mong Thiên vương đích thân thị sát. Tâu Thiên vương, nếu làm được như vậy thì chắc chắn có báo ứng tốt.

"Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá liền ra lệnh cho tướng quân:

"– Các khanh nên biết, có vì sao hữu đứ xuất hiện, các khanh hãy tức khắc dàn bốn loại quân trận với lớp lớp tấm thuẫn, tuốt gươm sáng loáng từ từ diễn hành, biểu dương quân uy bằng nước mài dao. Ta sẽ

đích thân quan sát. Nếu làm được như vậy thì chắc chắn có báo ứng tốt. “Bấy giờ tướng quân tuân lệnh vua, dàn bốn loại quân trận với lớp lớp tấm thuẫn, tuốt gươm sáng loáng từ từ diễn hành, biểu dương quân uy bằng nước mài dao. Vua Phạm-ma-đạt-đa liền đích thân thị sát. Nhờ đó, vợ của Trường Thọ Bác sĩ thấy được bốn loại quân trận với lớp lớp [534a] tấm thuẫn, tuốt gươm sáng loáng từ từ đi qua để biểu dương và cũng được uống nước mài dao. Sau khi uống nước mài dao, lòng sâu muộn liền tiêu, tiếp đến hạ sanh người con có đức, đặt tên tự là Trường Sanh Đồng tử¹², gọi cho người khác bí mật nuôi nấng và lần hồi lớn khôn.

“Nếu có các vị vua Sát-lị Đánh Sanh chinh trị thiên hạ với một quốc độ lớn, có đủ các tài nghệ như cỡi voi, chế ngự, dong xe, chơi bắn cung, đánh bằng tay, ném dây, ném móc câu, dong xe, ngồi kiệu; các thứ tài nghệ tuyệt diệu như thế, Trường Sanh Đồng tử đều biết đầy đủ. Với tất cả các loại xảo diệu nào, nếu Trường Sanh đụng đến, thấy đều vượt hẳn mọi người; dũng mãnh và cương nghị hơn đời, thông minh xuất chúng. Bao nhiêu điều bí ẩn sâu xa, không có điều gì là không thông suốt tinh tường.

“Lúc ấy, Phạm-ma-đạt-đa nghe tin Trường Thọ vua nước Câu-sa-la đổi tên là Bác sĩ và đang ở tại Ba-la-nại liền ra lệnh cho tả hữu:

“– Các khanh hãy cấp tốc đến bắt Trường Thọ, vua nước Câu-sa-la, trói thúc ké hai tay, bỏ lên lừa chở đi, đánh trống lớn tiếng như tiếng lừa kêu, tuyên bố cho khắp nơi biết rồi dẫn ra khỏi cửa thành hướng Nam, bắt ngồi dưới cây nêu cao mà cật vấn.

“Cận thần tả hữu vâng lệnh, liền đến bắt Trường Thọ, vua nước Câu-sa-la, trói hai tay ra đằng sau, bỏ lên lừa chở đi, đánh trống lớn tiếng như lừa kêu, tuyên bố cho khắp nơi biết rồi dẫn ra cửa thành phía Nam, bắt ngồi dưới cây nêu cao rồi cật vấn. Lúc ấy, Trường Sanh Đồng tử đi theo cha, lúc bên tả, lúc bên hữu, thưa với cha rằng:

“– Thiên vương chớ sợ. Thiên vương chớ sợ! Con ở đây, chắc chắn cứu được, chắc chắn cứu được.

“Trường Thọ vua nước Câu-sa-la bảo con:

¹² Trường Sanh Đồng tử 長生童子. Pāli: Dīghāyu, hay là Dīghāvu.

“– Đồng tử nên nhẫn, Đồng tử nên nhẫn! Chớ khởi oán kết mà phải thực hành nhân từ.

“Mọi người nghe vua Trường Thọ nói như vậy liền hỏi:

“– vua muốn nói những gì như thế?

“ vua nói:

“– Đồng tử này thông minh, chắc chắn hiểu lời ta nói.

“Thế rồi Trường Sanh Đồng tử khuyên những người hào quý trong thành Ba-la-nại rằng:

“– Chư vị, hãy bỏ thí tu phước mà chú nguyện cho vua Trường Thọ nước Câu-sa-la. Đem phước thí ấy cầu nguyện cho vua Trường Thọ nước Câu-sa-la được an ổn, giải thoát.

“Bấy giờ các nhà hào quý trong thành Ba-la-nại, theo lời khuyến khích của Trường Sanh Đồng tử, bỏ thí, tu phước, chú nguyện cho vua Trường Thọ nước Câu-sa-la, đem phước thí ấy cầu nguyện cho vua Trường Thọ an ổn giải thoát.

“Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá nghe các nhà hào quý trong thành Ba-la-nại này bỏ thí, tu phước, chú nguyện cho vua Trường Thọ nước Câu-sa-la, [554b] đem phước thí ấy cầu nguyện cho vua Trường Thọ được an ổn, giải thoát thì vô cùng sợ hãi, tóc lông dựng đứng, nghĩ rằng: ‘Mong những nhà hào quý trong thành Ba-la-nại này không phản lại ta chăng? Nhưng hãy gác lại việc kia, nay ta trước hết phải cấp tốc tiêu diệt sự việc này’.

“Rồi vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá hạ lệnh cho tả hữu:

“– Các khanh hãy cấp tốc đi giết vua Trường Thọ nước Câu-sa-la, chặt ra làm bảy đoạn.

“Cận thần tả hữu vâng lệnh, liền đi giết vua Trường Thọ, chặt thành bảy đoạn. Bấy giờ Trường Sanh Đồng tử nói với các nhà hào quý trong thành Ba-la-nại rằng:

“– Các vị xem đây, vua nước Gia-xá Phạm-ma-đạt-đa tàn ác vô đạo. Nó chặt cha ta, vua Trường Thọ nước Câu-sa-la là người vô tội. Nó cướp đoạt kho tàng, tài sản của nước ta. Vì thù hận cay độc mà giết người, chặt thành bảy đoạn một cách oan uổng. Các vị nên đến dùng lụa mới, quần nhiều lớp, bọc kín thi hài bảy đoạn, liệm cho cha ta; dùng tất cả các cây

hương thơm chất đồng để hỏa táng và lập miếu đường để thờ. Phải vì cha ta mà gửi thơ cho Phạm-ma-đạt-đa, nói rằng, Trường Sanh Đồng tử con vua nước Câu-sa-la báo cho vua biết, người không sợ sau này con cháu gieo họa cho chăng?’

“Rồi thì những nhà hào quý ở thành Ba-la-nại theo lời khuyên của Trường Sanh Đồng tử, dùng lụa mới xếp nhiều lớp liệm lấy thi hài bảy đoạn ấy, dùng các loại hương thơm chất đồng hỏa táng rồi lập miếu mà thờ, và cũng viết thư gửi cho Phạm-ma-đạt-đa, nói rằng: ‘Trường Sanh Đồng tử, con vua nước Câu-sa-la bảo rằng, người không sợ sau này bị con cháu gieo họa cho chăng?’

“Bấy giờ vợ của vua Trường Thọ nói với Trường Sanh Đồng tử:

“– Con nên biết, vua nước Gia-xá là Phạm-ma-đạt-đa, là kẻ tàn bạo, vô đạo, bắt cha con là vua Trường Thọ nước Câu-sa-la là người vô tội, cướp đoạt kho tàng, tài sản của nước con, lại vì thù hận cay độc giết người, chặt ra bảy đoạn một cách oan uổng. Nay Đồng tử, con hãy đến đây cùng ta, dong một chiếc xe chạy ra khỏi Ba-la-nại này. Nếu không đi thì tai họa sẽ đến với con.

“– Thế rồi vợ của Trường Thọ cùng với Đồng tử cùng dong một chiếc xe chạy ra khỏi Ba-la-nại. Bấy giờ Trường Sanh Đồng tử nghĩ rằng: ‘Ta nên đến thôn này, qua thôn kia để cầu học rộng nghe nhiều’.

“Nghĩ xong, Trường Sanh Đồng tử liền đi từ thôn này qua thôn nọ để cầu học rộng nghe nhiều. Vì học rộng nghe nhiều, nên đổi tên khác là Trường Sanh Bác sĩ.

“Trường Sanh Bác sĩ lại [534c] nghĩ: ‘Điều cầu học ta đã học xong, có lẽ ta nên vào đô ấp Ba-la-nại, đứng ở đường này hèm nọ với vẻ mặt tươi cười, tấu lên âm thanh vi diệu. Như vậy các nhà hào quý ở Ba-la-nại nghe được sẽ hoan hỷ và cảm thấy vui thích’.

“Nghĩ vậy, Trường Sanh Bác sĩ liền vào đô ấp Ba-la-nại đứng ở đường này hèm nọ với vẻ mặt vui tươi, tấu lên âm thanh vi diệu. Các nhà hào quý ở Ba-la-nại nghe được, hoan hỷ vô cùng và cảm thấy vui thích.

“Bấy giờ các quyền thuộc của vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá, từ quyền thuộc ngoài xa đến quyền thuộc khoảng giữa và quyền thuộc bên trong, Bà-la-môn quốc sư, lần hồi tấu đến tai vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá. Sau khi nghe đến, vua liền gọi vào diện kiến.

“Thế rồi Trường Sanh Bác sĩ đi đến chỗ vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá, đứng quay về phía vua vói về mặt tươi cười, tấu lên bằng âm thanh vi diệu. Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá nghe như thể hoan hỷ vô cùng, lấy làm vui thích, rồi vua Phạm-ma-đạt-đa nói với Bác sĩ rằng:

“– Khanh từ nay có thể nương tựa vào ta. Ta sẽ cung cấp cho đầy đủ.

“Khi ấy, Trường Sanh Bác sĩ nương tựa vào vua và được cung cấp đầy đủ. Về sau vua lại hết lòng tín nhiệm, giao phó công việc, đem kiếm hộ thân trao cho Trường Sanh Bác sĩ.

“Vào một lúc, Phạm-ma-đạt-đa vua nước Gia-xá bảo người đánh xe:

“– Ngươi hãy sửa soạn xa giá. Ta muốn đi săn bắn.

“Người đánh xe vâng lời, sửa soạn xa giá xong, trở lại tâu rằng:

“– Con đã sửa soạn xa giá xong, xin theo ý Thiên vương.

“Thế rồi Phạm-ma-đạt-đa vua nước Gia-xá và Trường Sanh Bác sĩ cùng ngồi vào cỗ xe ra đi. Trường Sanh Bác sĩ nghĩ rằng: ‘Phạm-ma-đạt-đa vua nước Gia-xá tàn bạo, vô đạo. Nó bắt cha ta là vua Trường Thọ nước Câu-sa-la là người vô tội, lại cướp đoạt kho tàng, tài sản của ta, và vì thù hận cay độc mà giết người, chặt ra bảy đoạn một cách oan uổng. Ta bây giờ nên đánh xe tách ra khỏi bốn loại quân, đi đến một nơi khác’.

“Khi ấy vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá vì vất vả trải qua con đường lầy lội, gió nóng bức bách nên cảm thấy khát nước, mệt nhọc quá đỗi, muốn nằm, liền xuống xe, gói vào đầu gối của Trường Sanh Bác sĩ mà ngủ. Trường Sanh Bác sĩ nghĩ rằng: ‘Phạm-ma-đạt-đa vua nước Gia-xá này vô đạo, tàn bạo. Nó bắt cha ta là vua Trường Thọ nước Câu-sa-la là người vô tội, lại cướp đoạt kho tàng, tài sản của nước ta và vì thù hận cay độc mà giết người chặt ra bảy đoạn một cách oan uổng. [535a] Thế mà ngày nay nó đã nằm trong tay ta, ta phải báo oán’. Trường Sanh Bác sĩ nghĩ như vậy, liền tuốt gươm báu, dí vào cổ Phạm-ma-đạt-đa vua nước Gia-xá mà nói rằng:

“– Nay ta giết ngươi! Nay ta giết ngươi!

“Trường Sanh Bác sĩ lại nghĩ: ‘Ta không làm đúng. Vì sao? Nhớ lại ngày trước, khi ngồi dưới cây nêu cao, vào phút sắp lâm chung, cha ta đã bảo ta rằng: ‘Đồng tử hãy nhẫn, Đồng tử hãy nhẫn. Chớ khởi oán kết mà phải thực hành nhân từ.’ Nhớ lại như vậy, Bác sĩ bèn thu gươm, tra vào vỏ.

“Trong lúc đó, vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá mộng thấy Trường Sanh Đồng tử, con vua Trường Thọ nước Câu-sa-la tay cầm gươm bén dí vào cổ mình mà nói rằng: ‘Nay ta giết ngươi! Nay ta giết ngươi’. Thấy vậy, vua sợ hãi, tóc lông dựng đứng, liền kinh hoàng chột tỉnh, nói với Trường Sanh Bác sĩ:

“– Ngươi có biết không, ta trong chiêm bao thấy Trường Sanh Đồng tử, con vua Trường Thọ nước Câu-sa-la tay cầm kiếm bén dí vào cổ ta, nói rằng: ‘Nay ta giết ngươi! Nay ta giết ngươi!’ Nghe xong, Trường Sanh Đồng tử thưa rằng:

“– Thiên vương chớ sợ! Thiên vương chớ sợ! Vì sao? Trường Sanh Đồng tử, con vua Trường Thọ nước Câu-sa-la chính là thần đây. Thiên vương, thần nghĩ rằng: ‘Phạm-ma-đạt-đa, vua nước Gia-xá tàn bạo, vô đạo, bắt cha ta, một người vô tội, lại cướp đoạt kho tàng, tài sản của nước ta, và vì thù hận cay độc mà giết cha ta, chặt người ra làm bảy đoạn một cách oan uổng, mà nay chính nó đã nằm trong tay ta, ta nghĩ phải báo oán’. Tâu Thiên vương, thần liền rút gươm dí vào cổ Thiên vương mà nói rằng: ‘Nay ta giết ngươi! Nay ta giết ngươi!’ Thiên vương, thần lại nghĩ: ‘Ta làm không đúng. Vì sao? Nhớ ngày trước, ngồi dưới cây nêu cao, vào phút sắp lâm chung, cha ta đã bảo rằng: ‘Đồng tử hãy nhẫn, Đồng tử hãy nhẫn! Chớ khởi oán kết mà phải thực hành nhân từ.’” Nhớ lại như vậy nên thần thu gươm tra vào vỏ’.

“Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá nói rằng:

“– Nay Đồng tử, khanh nói rằng: ‘Đồng tử hãy nhẫn, Đồng tử hãy nhẫn’, ta đã rõ nghĩa ấy. Nhưng Đồng tử lại nói: ‘Chớ khởi oán kết, mà phải thực hành nhân từ’, là nghĩa thế nào?

“Trường Sanh Đồng tử đáp:

“– Tâu Thiên vương, chớ khởi oán kết mà phải thực hành nhân từ, chính là việc làm này vậy.

“Nghe xong, vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá nói rằng:

“– Nay Đồng tử, từ ngày hôm nay ta đem đất nước mà ta đang chinh lãnh trao hết cho khanh. Vì sao? Vì khanh đã làm một việc quá khó là đã ban ân huệ cho mạng sống của ta.

[535b]“Trường Sanh Đồng tử nghe vậy liền thưa:

“– Bồn quốc của Thiên vương thì thuộc về Thiên vương. Bồn quốc của thân phụ hạ thần thì mới có thể giao hoàn lại cho hạ thần.

“Bấy giờ, vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá cùng với Trường Sanh Đồng tử lên xe trở về, vào thành Ba-la-nại, ngồi trên chánh điện, vua bảo các cận thần:

“– Này các khanh, nếu bắt gặp Trường Sanh Đồng tử, con vua Trường Thọ nước Câu-sa-la thì các khanh sẽ xử sự như thế nào?

“Cận thần nghe vậy, có người tâu rằng:

“– Tâu thiên vương, nếu bắt gặp nó thì sẽ chặt tay.

“Có người lại tâu:

“– Tâu Thiên vương, nếu bắt gặp nó thì chặt chân.

“Có người tâu:

“– Tâu Thiên vương, nếu bắt gặp nó thì giết.

“Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá nói rằng:

“– Các khanh, muốn gặp Trường Sanh Đồng tử, con vua Trường Thọ nước Câu-sa-la thì ở đây này. Các khanh chớ khởi ác ý với Đồng tử này. Vì sao? Vì Đồng tử đã làm một việc rất khó là đã tha mạng sống cho ta.

“Thế rồi vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá dùng nước tắm của vua tắm gọi cho Trường Sanh Đồng tử, cho thoa bằng bột hương của vua, cho mặc y phục của vua, mời ngồi lên ngự sàng bằng vàng, đích thân vua Phạm-ma-đạt-đa và vợ con trở về bồn quốc.

“Này Tỳ-kheo, các quốc vương Sát-lị Đảnh Sanh ấy làm chủ đại quốc, chính trị thiên hạ mà tự thực hành hạnh nhẫn nhục; tự thực hành từ tâm, lại xưng tán từ tâm; tự ban ân huệ, lại xưng tán ân huệ. Này chư Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo cũng nên làm như vậy> Các người đã chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, hãy nên thực hành hạnh nhẫn nhục, lại xưng tán nhẫn nhục; tự thực hành từ tâm, lại xưng tán từ tâm; tự ban ân huệ, lại xưng tán ân huệ”.

“Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Đức Phật thuyết như vậy, có vị bạch rằng:

“Thế Tôn là Pháp chủ. Nay mong Thế Tôn cứ ở yên vậy. Vị ấy nói hành

con, con làm sao không nói hành vị ấy được¹³”. Lúc đó, Đức Thế Tôn không vui vì việc làm của các Tỳ-kheo Câu-xá-di, với những oai nghi, lễ tiết mà họ đã học, đã tập. Ngài từ chỗ ngồi đứng dậy, nói bài kệ tụng:

*Với bao nhiêu lời nói,
Phá hoại chúng tôi tôn.
Khi phá hoại Thánh Chúng,
Không ai can dứt nổi.*

*Nát thân và mất mạng,
Kẻ cướp đoạt ngựa trâu,
Tài sản, và quốc gia,
Họ còn hay hòa thuận;*

*Hướng người vài tiếng cãi
Sao không chịu thuận hòa?
Không suy chân nghĩa xa,
Oán kết làm sao giải?*

[535c] *Mạ lỵ, trách nhau mãi
Mà biết chế, thuận hòa;
Nếu suy chân nghĩa xa
Oán kết tất giải được.*¹⁴

*Thù hận dứt hận thù,
Đời nào dứt cho xong.
Nhẫn nhục dứt hận thù,
Đó là pháp tối thượng.*¹⁵

*Sân với bậc thượng trí,
Nói toàn lời vô lại,
Phỉ báng Thánh Mâu-ni,*

¹³No.125 (24.8): “Thế Tôn tuy có nói như vậy nhưng thực tế lại không thể như vậy. Rồi Thế Tôn bỏ đi sang Bạt-kỳ”. *Tứ phần* ibid (tr. 882b12), một Tỳ-kheo bạch Phật: “Mong Thế Tôn ở yên.Đầu tránh sự này, các Tỳ kheo tự biết.” Thế Tôn can gián ba lần, nhưng không được, liền nói bài kệ, rồi bỏ đi.

¹⁴ Xem Pháp cú 3&4.

¹⁵ Pháp cú 5.

Thấp hèn không chút tuệ.

Người khác không rõ nghĩa,

Riêng ta biết mà thôi.

Người rõ nghĩa là ai?

Người này dứt sân nhuế.¹⁶

Nếu được gặp bạn trí,

Nhất định kết đồng tu;

Xả ý chấp xưa kia

Hoan hỷ thường theo đến.¹⁷

Nếu không gặp bạn trí,

Hãy tu riêng một mình;

Như vua nghiêm trị nước;

Như voi lẻ rừng vắng.¹⁸

Độc hành, chớ làm ác,

Như voi lẻ rừng vắng.

Độc hành là tốt nhất,

Đừng hội kẻ vô đức.¹⁹

Học: “Không gặp bạn tốt,

Không cùng ai ngang mình;

Hãy cô độc chuyên tinh

Đừng hội kẻ vô đức.”²⁰

Lúc Đức Thế Tôn thuyết bài tụng này xong, Ngài dùng như ý túc cõi hư không mà đi đến thôn Bà-la-lâu-la²¹. Ở thôn Bà-la-lâu-la có Tôn giả Bà-cửu, người họ Thích²², ngày đêm không ngủ, tinh cần hành đạo, chí thành

¹⁶ So sánh Pháp cú 6.

¹⁷ Xem Pháp cú 328.

¹⁸ Pháp cú 329.

¹⁹ Pháp cú 330.

²⁰ Pháp cú 330.

²¹ Bà-la-lâu-la thôn 婆羅樓羅村. Pāli: Bālakalaṇakāragama.

²² Bà-cửu Thích-gia tử 婆咎釋家子. Pāli: Bhdagu, dòng họ Thích, xuất gia một

thường định tĩnh, an trú trong đạo phẩm. Tôn giả Bà-cửu từ xa trông thấy Đức Thế Tôn đi đến, khi đã trông thấy liền nghinh tiếp, đỡ lấy y bát của Ngài, trải giường, múc nước rửa chân. Đức Phật rửa chân xong, Ngài lên chỗ ngồi của Bà-cửu người họ Thích. Ngồi xong, Ngài nói:

“Tỳ-kheo Bà-cửu, người thường an ổn, không hề thiếu thốn chăng?”

Tôn giả Bà-cửu trả lời:

“Bạch Thế Tôn, con thường an ổn, không có thiếu thốn”.

Đức Thế Tôn lại hỏi:

“Thế nào là an ổn, không có thiếu thốn?”

Tôn giả Bà-cửu đáp:

“Bạch Thế Tôn, con ngày đêm không ngủ, tinh tấn hành đạo, chí hành thường định tĩnh, an ổn vào đạo phẩm. Bạch Thế Tôn, như vậy con thường an ổn, không có thiếu thốn”.

Đức Thế Tôn lại nghĩ: “Thiện nam tử này sống cuộc đời an lạc. Ta nên thuyết pháp cho y”. Nghĩ vậy, Ngài liền thuyết pháp cho [536a] Tôn giả Bà-cửu, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ.

Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ cho vị ấy, Ngài từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến rừng Hộ tự²³. Vào rừng Hộ tự, đến dưới gốc cây Ngài trải ni-sur-đàn ngồi kiết già. Lúc ấy, Đức Thế Tôn lại nghĩ rằng: “Ta đã thoát được nhóm Tỳ-kheo ở Câu-xá-di, một nhóm luôn luôn tranh chấp nhau, chèn ép nhau, thù nghịch nhau, giận hờn nhau, cãi vã nhau. Ta không hoan hỷ nghĩ đến phương ấy, nơi mà nhóm Tỳ-kheo Câu-xá-di đang trú”.

Ngay lúc đó có một con voi, chúa của đàn voi, tách rời đàn, sống một mình, cũng đến rừng Hộ tự. Vào rừng Hộ tự, đến đứng dưới cây Hiền-sa-la²⁴. Khi ấy, voi chúa nghĩ rằng: “Ta đã thoát được bọn voi kia, voi cha, voi mẹ, voi con lớn nhỏ. Bọn voi ấy thường đi trước dẫm lên cỏ và làm

lấn với các ngài Anurudha và Kimbila. Một hôm vừa bước khỏi giường, ngài cảm thấy hồng chân, cổ gượng và do đó chột chứng quả A-la-hán.

²³ Rừng Hộ tự 護寺林. Pāli: Rakkhitavanasaṇḍa. Sớ giải Dhammapada: từ Ghositārāma, Phật đi thẳng vào Parrileyya.

²⁴ Hiền-sa-la 賢娑羅. Pāli: bhaddasāla.

vẩy bản nước. Ta bây giờ ăn cỏ bị dẫm đạp ấy, uống nước vẫn đục kia. Ta nay ăn cỏ mới, uống nước trong”.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn bằng tha tâm trí biết ý nghĩ trong lòng voi lớn kia, liền nói bài tụng:

*Một voi với một voi,
Cũng vốc, ngà, chân đũ.
Tâm này như tâm kia,
Rừng sâu vui đợc trú.*

Khi ấy, Đức Thế Tôn từ rừng Hộ tự mang y cầm bát đi đến rừng Ban-na-mạn-xà-tự²⁵. Bây giờ có ba thiện nam tử trú trong rừng Ban-na-mạn-xà-tự, là Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nan-đề, Tôn giả Kim-tì-la²⁶. Các Tôn giả ấy sống như vậy: Nếu ai khát thực trở về trước, người đó trải giường, múc nước để rửa chân, để sẵn chậu, đặt sẵn đòn rửa chân và khăn lau chân, lu nước uống. Nếu những gì khát thực có thể dùng hết thì dùng hết, nếu còn dư thì đổ vào hủ đậy kín cất. Ăn xong, dọn bát, cất, rửa tay chân, lấy ni-sur-đàn vắt lên vai, vào thất tĩnh tọa. Ai khát thực về sau, nếu dùng hết thì dùng, nếu thiếu thì lấy đồ ăn khát thực đợc của người trước dùng cho đủ. Nếu dư thì đổ vào đất sạch hay nước không có trùng, rồi đem bình bát rửa sạch, lau khô và cất vào một góc, thu dọn giường chiếu, dẹp đòn rửa chân và lu nước uống, ghè nước rửa tay và quét dọn nhà ăn. [536b] Sau khi tẩy sạch những rác bẩn ấy thì thu xếp y bát, rửa tay chân, lấy ni-sur-đàn vắt lên vai, vào thất tĩnh tọa. Đến lúc xế, các Tôn giả ấy, nếu có vị nào từ chỗ tĩnh tọa dậy trước, thấy lu nước uống và ghè nước rửa tay trống rỗng, không có nước, thì mang đi lấy. Nếu xách về nổi thì xách đến để một góc, nếu xách không nổi thì lấy tay vẩy một Tỳ-kheo nữa, mỗi người khiêng một bên, không ai nói chuyện với nhau. Các Tôn giả ấy cứ năm ngày tụ tập lại một lần, cùng nhau bàn về pháp và im lặng theo pháp bậc Thánh.

Bây giờ, người giữ rừng trông thấy Đức Thế Tôn từ xa đi đến, bèn đón và quở ngăn rằng:

²⁵ Ban-na-mạn-xà-tự lâm 般那蔓閣寺林. Pāli: Pācīnavamsadāya.

²⁶ Xem kinh số 185.

“Sa-môn! Sa-môn chớ vào rừng này. Vì sao? Nay trong rừng này có ba thiện nam tử, đó là Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nan-đề và Tôn giả Kim-tì-la. Các vị ấy trông thấy Sa-môn, chắc họ không vừa ý”.

Đức Thế Tôn bảo rằng:

“Này người giữ rừng, các vị kia nếu thấy Ta, chắc chắn không có gì không vừa ý”.

Ngay lúc đó, Tôn giả A-na-luật-đà, từ xa trông thấy Đức Thế Tôn đi đến, liền quở trách người kia:

“Này người giữ rừng, chớ ngăn cản Đức Thế Tôn. Này người giữ rừng, chớ ngăn cản Đức Thiện Thệ đang đi đến. Vì sao? Vì đó là Tôn sư của tôi đến! Là Đức Thiện Thệ của tôi đến!”

Tôn giả A-na-luật-đà ra nghênh đón Đức Thế Tôn, đỡ y bát của Ngài. Tôn giả Nan-đề trải giường cho Đức Phật. Tôn giả Kim-tì-la lấy nước cho Ngài. Khi ấy, Đức Thế Tôn sau khi rửa chân xong, ngồi lên chỗ mà Tôn giả ấy đã trải. Ngồi xong, Ngài hỏi:

“Này A-na-luật-đà, người thường an ổn, không có gì thiếu thốn chăng?”

Tôn giả A-na-luật-đà đáp:

“Bạch Thế Tôn, con thường an ổn, không có gì thiếu thốn”.

Đức Thế Tôn lại hỏi:

“Như thế nào là an ổn, không có gì thiếu thốn?”

Tôn giả A-na-luật-đà đáp:

“Bạch Thế Tôn, con nghĩ rằng, con có thiện lợi, có đại công đức, nghĩa là con được cùng tu hành với các vị đồng phạm hạnh như thế. Bạch Thế Tôn, con thường hướng về các vị đồng phạm hạnh ấy, sống với thân nghiệp từ hòa, trước mặt hay vắng mặt đều như nhau; sống với khẩu nghiệp từ hòa, ý nghiệp từ hòa, trước mặt hay vắng mặt đều như nhau không khác. Bạch Thế Tôn, con nay có thể tự nghĩ rằng: ‘Tự xả bỏ tâm con, tùy thuận tâm Chư Hiền’. Bạch Thế Tôn, con liền xả bỏ tâm con, tùy thuận tâm Chư Hiền. Bạch Thế Tôn, con chưa từng có một điều nào là không vừa lòng. Bạch Thế Tôn, con thường an ổn, không có gì thiếu thốn là như thế”.

Đức Thế Tôn hỏi Tôn giả Nan-đề, Tôn giả cũng đáp như thế.

Đức Thế Tôn lại hỏi Tôn giả Kim-tì-la:

[536c] “Ngươi thường an ổn, không có gì thiếu thốn chẳng?”

Tôn giả Kim-tì-la đáp:

“Bạch Thế Tôn, con thường an ổn, không có gì thiếu thốn”.

Đức Thế Tôn lại hỏi:

“Này Kim-tì-la, thế nào là thường an ổn, không có gì thiếu thốn?”

Tôn giả Kim-tì-la đáp:

“Bạch Thế Tôn, con nghĩ rằng, con có thiện lợi, có đại công đức, nghĩa là con được cùng tu hành với các vị đồng phạm hạnh như thế. Bạch Thế Tôn, con thường hướng về các vị đồng phạm hạnh ấy, sống với thân nghiệp từ hòa, trước mặt hay vắng mặt đều như nhau; sống với khẩu nghiệp từ hòa, ý nghiệp từ hòa, trước mặt hay vắng mặt đều như nhau không khác. Bạch Thế Tôn, con nay có thể tự nghĩ rằng: ‘Tự xả bỏ tâm con, tùy thuận tâm Chư Hiền’. Bạch Thế Tôn, con liền xả bỏ tâm con, tùy thuận tâm Chư Hiền. Bạch Thế Tôn, con chưa từng có một điều nào là không vừa lòng. Bạch Thế Tôn, con thường an ổn, không có gì thiếu thốn là như thế”.

Đức Thế Tôn tán thán:

“Lành thay! Lành thay! A-na-luật-đà, như thế các ngươi thường cùng nhau hòa hợp, an lạc, không tranh, cùng hiệp nhất trong một tâm, một Thầy, như nước với sữa, và có chứng đắc pháp thượng nhân mà sống an lạc thoải mái chẳng²⁷?”

Tôn giả A-na-luật-đà bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, chúng con cùng nhau hòa hợp không tranh, cùng hợp nhất trong một tâm, chung một Thầy, như nước với sữa, và có chứng đắc pháp thượng nhân mà sống an lạc thoải mái. Bạch Thế Tôn, chúng con nhận được ánh sáng và rồi thấy sắc²⁸. Giấy lát, sắc được thấy kia và ánh

²⁷ Nguyên văn Hán: *phả đắc nhân thượng chi pháp nhi hữu sai giáng an lạc trụ chi da* 頗得 人上之法而有差降安樂住止. Pāli: *alamariyañānadassanaviseso adhigato phāsuvihāro ti*, chúng đắc tri kiến tối thắng của bậc Thánh và sống an lạc thoải mái.

²⁸ Tham chiếu nghĩa Pāli: *obhāsañ ceva samjānāma dassanañ ca rūpānaṃ*, chúng con cảm nhận ánh sáng và sự hiện diện của các sắc. Sắc xuất hiện trong định,

sáng liền biến mất”.

Đức Thế Tôn nói:

“Này A-na-luật-đà, các người không thấu triệt được tướng ấy; nghĩa là tướng nhận được ánh sáng mà thấy sắc; giây lát, sắc được thấy kia và ánh sáng liền biến mất.

“Này A-na-luật-đà, thuở xưa lúc Ta chưa đắc đạo giác ngộ vô thượng chánh chân, cũng nhận được ánh sáng mà thấy sắc. Giây lát, sắc được thấy kia và ánh sáng liền biến mất. A-na-luật-đà, Ta nghĩ: ‘Trong tâm Ta có tai hoạn nào²⁹ khiến cho Ta mất định mà con mắt diệt;³⁰ con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà trước đó Ta nhận được để thấy sắc, ánh sáng để thấy sắc ấy³¹ giây lát liền diệt?’ A-na-luật-đà, Ta hành tinh tấn, không biếng nhác, thân tĩnh chỉ an trú, có chánh niệm chánh trí, không có ngu si, được tĩnh chỉ nhất tâm. Này A-na-luật-đà, Ta nghĩ rằng: ‘Ta hành tinh tấn, không biếng nhác, tĩnh chỉ nơi thân, có chánh niệm chánh trí, an trú, không có si, được định tĩnh nhất tâm. Phải chăng trong đời không có gì³² để Ta thấy, để Ta biết chăng?’ Trong tâm Ta sanh tai hoạn về hoài nghi ấy. Nhân tai hoạn của hoài nghi³³ ấy nên mất định mà con mắt diệt. Con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà trước đó Ta nhận được [537a] để thấy sắc,

thuộc pháp xứ (dhammāyatana, tức đối tượng của ý thức chứ không phải của nhãn thức. Cf. *Đại thừa a-tì-đạt-ma tạp tập 1* (No 1606, tr. 696b20b), đây là cảnh giới sở hành của các Giải thoát, Thắng xứ, Tĩnh lự. Không thấy các bộ phái luận chi tiết loại sắc mà Đại thừa gọi là định quả sắc này. Sớ giải Pāli (MA iv. tr. 207) nói đây là ánh sáng của biến tác định (*parikammobhāsam*) tức ánh sáng xuất hiện trong giai đoạn chuẩn bị định (*parikammasamādhinibattam obhāsam*). Sớ thích nói, khi muốn thấy sắc hành (*rūpagatam*) bằng thiên nhãn, bấy giờ biến nhập và an trú biến xứ định (bằng đệ tứ thiên) về ánh sáng (*obhāsakaṣiṇaṃ pharitva thito*).

²⁹ Pl.: *ko nu kho hetu ko paccayo*, do nhân gì, duyên gì?

³⁰ Pāli không đề cập yếu tố nhãn diệt: *samādhimhi cute obhāso anataradhāyati*, định diệt, đồng thời ánh sáng biến mất.

³¹ Spú giải Pāli: ánh sáng biến tác định biến mất, bằng thiên nhãn cũng không thấy sắc (*parikammobhāsoṃpi antaradhāyī dibbacakkhunāpi rūpaṃ na passi*).

³² Đề bản: vô đạo 無道. TNM: vô thị 無是.

³³ Pl.: *vicikicchā*, nghi.

ánh sáng để thấy sắc ấy giây lát liền diệt. A-na-luật-đà, nay Ta nên nghĩ rằng: ‘Trong tâm Ta không sanh tai hoạn của hoại nghi’. A-na-luật-đà, vì Ta muốn không sanh tai hoạn này nên sống cô độc viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nhân sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn nên nhận được ánh sáng mà thấy sắc; nhưng ánh sáng để thấy sắc được ấy giây lát liền biến mất.

“Này A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: ‘Trong tâm Ta có tai hoạn nào khiến cho Ta mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà trước đó Ta nhận được để thấy sắc, ánh sáng để thấy sắc ấy giây lát liền diệt?’ A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: ‘Trong tâm Ta sanh tai hoạn về vô niệm.³⁴ Nhân tai hoạn của vô niệm này nên mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà trước đó Ta nhận được để thấy sắc, ánh sáng để thấy sắc ấy giây lát liền diệt’. A-na-luật-đà, Ta nay cần phải nghĩ rằng: ‘Trong tâm Ta không sanh tai hoạn về hoại nghi, cũng không sanh tai hoạn về vô niệm’. A-na-luật-đà, Ta muốn không móng khởi tai hoạn này nên sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nhân sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn nên nhận được ánh sáng để thấy sắc, ánh sáng để thấy sắc ấy giây lát liền diệt.

“Này A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: ‘Trong tâm Ta có tai hoạn nào khiến cho Ta mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà trước đó Ta nhận được để thấy sắc, ánh sáng để thấy sắc ấy giây lát liền diệt?’ A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: ‘Trong tâm Ta sanh tai hoạn về thân bệnh tướng.³⁵ Nhân tai hoạn của thân bệnh tướng này nên mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà trước đó Ta nhận được để thấy sắc, ánh sáng để thấy sắc được ấy giây lát liền diệt’. A-na-luật-đà, Ta nay cần phải nghĩ rằng: ‘Trong tâm Ta không sanh tai hoạn về hoại nghi, không sanh tai hoạn về vô niệm, cũng không sanh tai hoạn về thân bệnh tướng’. A-na-luật-đà, Ta muốn không móng khởi tai hoạn này nên sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nhân sống cô độc

³⁴ Vô niệm. Pl. *amanasikāro*, không tác ý

³⁵ Thân bịnh tướng 身病想. Có lẽ Pl.: *duṭṭullam*, thô ác, tiếp ngay sau *uppiḷam*, phần chán. Sớ giải nói, do tinh tấn kiên trì nên phát sanh phần chán, bấy giờ làm cho sự tinh tấn hoãn bở, vì vậy khiến cho thân bất an, thân thô trọng, thân đã dượi (*kāyadaratho kāyaduṭṭhullam kāyālasiyam*).

tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn nên nhận được ánh sáng để thấy sắc, ánh sáng để thấy sắc ấy giây lát liền diệt.

“Này A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: ‘Trong tâm Ta có tai hoạn nào khiến cho Ta mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà trước đó Ta nhận được [537b] để thấy sắc, ánh sáng để thấy sắc ấy giây lát liền diệt?’ A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: ‘Trong tâm Ta sanh tai hoạn về thụy miên. Nhân tai hoạn của thụy miên³⁶ này nên mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì liền diệt’. A-na-luật-đà, Ta nay cần phải nghĩ rằng: ‘Trong tâm Ta không sanh tai hoạn về hoài nghi, không sanh tai hoạn về vô niệm, không sanh tai hoạn về thân bệnh tướng, cũng không sanh tai hoạn về thụy miên’. A-na-luật-đà, Ta muốn không móng khởi tai hoạn này nên sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nhân sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn nên nhận được ánh sáng để thấy sắc, ánh sáng để thấy sắc ấy giây lát liền diệt.

“Này A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: ‘Trong tâm Ta có tai hoạn nào khiến cho Ta mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà trước đó Ta nhận được để thấy sắc, ánh sáng để thấy sắc ấy giây lát liền diệt?’ A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: ‘Trong tâm Ta sanh tai hoạn về tinh cần thái quá.³⁷ Nhân tai hoạn của tinh cần thái quá này nên mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà trước đó Ta nhận được để thấy sắc, ánh sáng để thấy sắc ấy giây lát liền diệt’. A-na-luật-đà, cũng như lực sĩ bắt con ruồi quá ngặt, con ruồi liền chết. Cũng vậy, A-na-luật-đà, trong tâm Ta sanh tai hoạn về tinh cần thái quá. Nhân tai hoạn của tinh cần thái quá này nên mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà Ta nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt. A-na-luật-đà, Ta nay cần phải nghĩ rằng: ‘Trong tâm Ta không sanh tai hoạn về hoài nghi, không sanh tai hoạn về vô niệm, không sanh tai hoạn về thân bệnh tướng, không sanh tai hoạn về thụy miên, cũng không sanh tai hoạn về tinh cần thái quá’. A-na-luật-đà, Ta muốn không móng

³⁶ Pl.: *thinamidha*, hôn trầm và thụy miên, tiếp theo ngay sau *amanasikāro*, không tác ý.

³⁷ Quá tinh cần 過精勤. Pl.: *accāraddhavīriyam*, tinh cần thái quá, ngay sau *duṭṭhullam*, thô ác tướng.

khởi tai hoạn này nên sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nhân sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn nên nhận được ánh sáng để thấy sắc, ánh sáng để thấy sắc ấy giây lát liền diệt.

“Này A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: ‘Trong tâm Ta có tai hoạn nào khiến cho Ta mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà trước đó Ta nhận được để thấy sắc, ánh sáng để thấy sắc ấy giây lát liền diệt?’ A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: ‘Trong tâm Ta sanh tai hoạn về giải đãi thái quá.’³⁸ Nhân tai hoạn của giải đãi thái quá này nên [537c] mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà trước đó Ta nhận được để thấy sắc, ánh sáng để thấy sắc ấy giây lát liền diệt’. A-na-luật-đà, cũng như lực sĩ bắt con ruồi quá hoãn, con ruồi bèn bay mất. Cũng vậy, A-na-luật-đà, trong tâm Ta sanh tai hoạn về giải đãi thái quá. Nhân tai hoạn của giải đãi thái quá này nên mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà trước đó Ta nhận được để thấy sắc, ánh sáng để thấy sắc ấy giây lát liền diệt. A-na-luật-đà, Ta nay cần phải nghĩ rằng: ‘Trong tâm Ta không sanh tai hoạn về hoài nghi, không sanh tai hoạn về vô niệm, không sanh tai hoạn về thân bệnh tướng, không sanh tai hoạn về thụy miên, không sanh tai hoạn về tinh cần thái quá, cũng không sanh tai hoạn về giải đãi thái quá’. A-na-luật-đà, Ta muốn không móng khởi tai hoạn này nên sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nhân sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn nên nhận được ánh sáng để thấy sắc, ánh sáng để thấy sắc ấy giây lát liền diệt.

“Này A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: ‘Trong tâm Ta có tai hoạn nào khiến cho Ta mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà trước đó Ta nhận được để thấy sắc, ánh sáng để thấy sắc ấy giây lát liền diệt?’ A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: ‘Trong tâm Ta sanh tai hoạn về sợ hãi.’³⁹ Nhân tai hoạn của sợ hãi này nên mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà trước đó Ta nhận được để thấy sắc, ánh sáng để thấy sắc ấy giây lát liền diệt’. A-na-luật-đà, cũng như một người đang đi đường, kẻ thù từ bốn phía kéo đến; người kia thấy vậy, kinh khủng sợ hãi, toàn thân lông tóc dựng đứng. Cũng vậy, A-na-luật-đà, trong tâm Ta sanh tai hoạn

³⁸ Pl.: *atilmavīriyam*, tinh cần quá yếu.

³⁹ Pl.: *chambhittam*, kinh sợ, tiếp ngay sau *thinamidham*, hôn trầm thụy miên.

về sợ hãi. Nhân tai hoạn của sợ hãi này nên mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà trước đó Ta nhận được để thấy sắc, ánh sáng để thấy sắc ấy giây lát liền diệt. A-na-luật-đà, Ta nay cần phải nghĩ rằng: ‘Trong tâm Ta không sanh tai hoạn về hoài nghi, không sanh tai hoạn về vô niệm, không sanh tai hoạn về thân bệnh tướng, không sanh tai hoạn về thụy miên, không sanh tai hoạn về tinh cần thái quá, không sanh tai hoạn về giải đãi thái quá, cũng không sanh tai hoạn về sợ hãi’. A-na-luật-đà, Ta muốn không móng khởi tai hoạn này nên sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nhân sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn nên nhận được ánh sáng để thấy sắc, ánh sáng để thấy sắc ấy giây lát liền diệt.

‘Này A-na-luật-đà, Ta [538a] lại nghĩ: ‘Trong tâm Ta có tai hoạn nào khiến cho Ta mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà trước đó Ta nhận được để thấy sắc, ánh sáng để thấy sắc ấy giây lát liền diệt?’ A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: ‘Trong tâm Ta sanh tai hoạn về hỷ duyệt. Nhân tai hoạn của hỷ duyệt này nên mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà trước đó Ta nhận được để thấy sắc, ánh sáng để thấy sắc ấy giây lát liền diệt’. A-na-luật-đà, cũng như người đi tìm một kho báu; bỗng nhiên được cả bốn kho báu; thấy như vậy rồi, người ấy sanh hỷ duyệt. Cũng vậy, A-na-luật-đà, trong tâm Ta sanh tai hoạn về hỷ duyệt.⁴⁰ Nhân tai hoạn của hỷ duyệt này nên mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà trước đó Ta nhận được để thấy sắc, ánh sáng để thấy sắc ấy giây lát liền diệt. A-na-luật-đà, Ta nay cần phải nghĩ rằng: ‘Trong tâm Ta không sanh tai hoạn về hoài nghi, không sanh tai hoạn về vô niệm, không sanh tai hoạn về thân bệnh tướng, không sanh tai hoạn về thụy miên, không sanh tai hoạn về tinh cần thái quá, không sanh tai hoạn về giải đãi thái quá, không sanh tai hoạn về sợ hãi, cũng không sanh tai hoạn về hỷ duyệt’. A-na-luật-đà, Ta muốn không móng khởi tai hoạn này nên sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nhân sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn nên nhận được ánh sáng để thấy sắc, ánh sáng để thấy sắc ấy giây lát liền diệt.

‘Này A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: ‘Trong tâm Ta có tai hoạn nào khiến cho

⁴⁰ Hỷ duyệt 喜悅. Pl. *uppilam* (= *ubbillo*), hân hoan, phấn chấn.

Ta mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà trước đó Ta nhận được để thấy sắc, ánh sáng để thấy sắc ấy giầy lát liền diệt?’ A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: ‘Trong tâm Ta sanh tai hoạn về tâm tự cao.⁴¹ Nhân tai hoạn của tâm tự cao này nên mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà Ta nhận được để thấy sắc, giầy lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt’. A-na-luật-đà, Ta nay cần phải nghĩ rằng: ‘Trong tâm Ta không sanh tai hoạn về hoài nghi, không sanh tai hoạn về vô niệm, không sanh tai hoạn về thân bệnh tướng, không sanh tai hoạn về thụy miên, không sanh tai hoạn về tinh cần thái quá, không sanh tai hoạn về giải đãi thái quá, không sanh tai hoạn về sợ hãi, không sanh tai hoạn về hỷ duyệt, cũng không sanh tai hoạn về tâm tự cao’. A-na-luật-đà, Ta muốn không móng khởi tai hoạn này nên sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nhân sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn nên nhận được [528b] ánh sáng để thấy sắc, ánh sáng để thấy sắc ấy giầy lát liền diệt.

‘Này A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: ‘Trong tâm Ta có tai hoạn nào khiến cho Ta mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà trước đó Ta nhận được để thấy sắc, ánh sáng để thấy sắc ấy giầy lát liền diệt?’ A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: ‘Trong tâm Ta sanh tai hoạn về đa dạng tướng⁴². Nhân tai hoạn của đa dạng tướng này nên mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà trước đó Ta nhận được để thấy sắc, ánh sáng để thấy sắc ấy giầy lát liền diệt’. A-na-luật-đà, Ta nay cần phải nghĩ rằng: ‘Trong tâm Ta không sanh tai hoạn về hoài nghi, không sanh tai hoạn về vô niệm, không sanh tai hoạn về thân bệnh tướng, không sanh tai hoạn về thụy miên, không sanh tai hoạn về tinh cần thái quá, không sanh tai hoạn về giải đãi thái quá, không sanh tai hoạn về sợ hãi, không sanh tai hoạn về hỷ duyệt, không sanh tai hoạn về tâm tự cao, cũng không sanh tai hoạn về đa dạng tướng’. A-na-luật-đà, Ta muốn không móng khởi tai hoạn này nên sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nhân sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật,

⁴¹ Tự cao tâm 自高心. Có lẽ Pal. *abhijappā*, dục cầu. Sớ giải, sau khi phát triển ánh sáng hướng về phía chư thiên, tham ái muốn thấy chúng hội chư thiên khởi lên; đó là *abhijappā*.

⁴² Nhược can tướng 若干想. Pl.: *nānattasaññā*, ngay sau *abhijappā*, dục cầu.

tu hành tinh tấn nên nhận được để thấy sắc, ánh sáng để thấy sắc ấy giây lát liền diệt.

“Này A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: ‘Trong tâm Ta có tai hoạn nào khiến cho Ta mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà trước đó Ta nhận được để thấy sắc, ánh sáng để thấy sắc ấy giây lát liền diệt?’ A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: ‘Trong tâm Ta sanh tai hoạn về không quán sắc.’⁴³ Nhân tai hoạn của không quán sắc này nên mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà trước đó Ta nhận được để thấy sắc, ánh sáng để thấy sắc ấy giây lát liền diệt’. A-na-luật-đà, Ta nay cần phải nghĩ rằng: ‘Trong tâm Ta không sanh tai hoạn về hoài nghi, không sanh tai hoạn về vô niệm, không sanh tai hoạn về thân bệnh tướng, không sanh tai hoạn về thụy miên, không sanh tai hoạn về tinh cần thái quá, không sanh tai hoạn về giải đãi thái quá, không sanh tai hoạn về sợ hãi, cũng không sanh tai hoạn về hỷ duyệt, cũng không sanh tai hoạn về tâm tự cao, cũng không sanh tai hoạn về đa dạng tướng, cũng không sanh tai hoạn về không quán sắc’. A-na-luật-đà, Ta muốn không móng khởi tai hoạn này nên sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nhân sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn nên nhận được để thấy sắc, ánh sáng để thấy sắc ấy giây lát liền diệt.

“Này A-na-luật-đà, nếu tâm Ta sanh tai hoạn về nghi, đối với tai hoạn đó, tâm được thanh tịnh. Nếu sanh tai hoạn về vô niệm, về bệnh tướng của thân, về thụy miên, về tinh cần thái quá, giải đãi thái quá, về sợ hãi, về hỷ duyệt, về tâm tự cao, về đa dạng tướng, về tâm không quán sắc, đối với những tai hoạn đó, tâm được thanh tịnh.

“Này A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ rằng: ‘Ta phải tu học về ba định, là tu học về định có tầm có tứ, tu học về định không tầm chỉ tứ⁴⁴, tu học về định tầm giác không tứ’. A-na-luật-đà, Ta liền tu học ba định ấy, là tu học về định có tầm có tứ, tu học về định không tầm chỉ tứ, tu học về định không

⁴³ Bất quán sắc 不觀色. Tương đương giai đoạn *atinijhātattam*, nhưng ý nghĩa bất đồng. Pl., sau *nānattasaññā* (sai biệt tướng) là *atinijjhāyittam*, cực thiên tứ. Sở giải nói, do tác ý về nhiều loại sắc sai biệt nên sai biệt tướng phát sinh; bấy giờ tác ý về một loại duy nhất, do đó phát sinh sự tư duy sắc thái quá.

⁴⁴ Nguyên văn: vô giác *thiêu* quán; nhưng thông thường: vô tầm *duy* từ, tức không giác *duy chỉ* có quán. Pl. *avtakkaṃ vicāramattaṃ samādhiṃ*.

tâm không tứ. Nếu Ta tu học về định có tâm có tứ thì tâm liền thuận hướng đến định không tâm chỉ tứ, như vậy Ta chắc chắn không mất trí và kiến này. Như vậy, khi Ta đã biết như thế rồi, suốt ngày suốt đêm, rồi suốt đêm suốt ngày, Ta tu học về định có tâm có tứ. A-na-luật-đà, Ta lúc bấy giờ thực hành trụ chỉ này. Nếu Ta tu học về định có tâm có tứ, tâm liền thuận hướng đến định không tâm không tứ. Như vậy, chắc chắn Ta không mất trí và kiến này. Nay A-na-luật-đà, như vậy, ta đã biết như thế rồi nên suốt ngày suốt đêm, rồi suốt đêm suốt ngày, tu học về định có tâm có tứ. Nay A-na-luật-đà, bấy giờ Ta sống trong trạng thái này.

“Này A-na-luật-đà, nếu Ta tu học về định không tâm chỉ tứ, tâm liền thuận hướng định có tâm có tứ. Như vậy, ta chắc chắn không mất trí kiến này. Nay A-na-luật-đà, Ta biết như thế rồi, nên suốt ngày suốt đêm, suốt ngày lẫn đêm tu học về định không tâm chỉ tứ. Nay A-na-luật-đà, Ta bấy giờ thực hành hạnh tĩnh chỉ này. Nếu Ta tu học về định không tâm chỉ tứ, tâm liền thuận hướng đến định không tâm không tứ. Như thế, Ta chắc chắn không mất trí và kiến này. Nay A-na-luật-đà, do đó Ta biết như thế rồi nên suốt ngày suốt đêm tu học về định không tâm chỉ tứ. Nay A-na-luật-đà, bấy giờ Ta sống trong trạng thái này.

“Này A-na-luật-đà, nếu Ta tu học về định không tâm không tứ, tâm liền thuận hướng đến định có tâm có tứ. Như thế, Ta chắc chắn không mất trí kiến này. Do Ta đã biết như thế, nên suốt ngày suốt đêm, suốt ngày lẫn đêm tu học về định không tâm không tứ. Nay A-na-luật-đà, Ta bấy giờ sống trong trạng thái này. Nay A-na-luật-đà, nếu Ta tu học về định không tâm không tứ thì tâm liền thuận hướng đến định không tâm chỉ tứ. Như thế, Ta không mất trí và kiến này. Nay A-na-luật-đà, do Ta đã biết như thế rồi nên suốt ngày suốt đêm, [539a] suốt ngày lẫn đêm tu học về định không tâm không tứ. Nay A-na-luật-đà, Ta bấy giờ sống trong trạng thái này.

“Này A-na-luật-đà, có lúc Ta nhận biết ánh sáng mà không thấy sắc.⁴⁵ A-na-luật-đà, Ta nghĩ rằng: ‘Do nhân nào, do duyên nào Ta nhận biết ánh sáng mà không thấy sắc?’ A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ rằng: ‘Nếu Ta niệm tướng của ánh sáng, không niệm tướng của sắc thì bấy giờ Ta nhận biết

⁴⁵ Pl.: *obhāsāñhi kho sañjānāmi na ca rūpāni passāmi*, Ta có tường ánh sáng nhưng Ta không thấy sắc. Sớ giải: không thấy sắc bằng thiên nhãn.

ánh sáng mà không thấy sắc’. Như vậy, Ta biết như thế rồi nên suốt ngày suốt đêm, suốt ngày lẫn đêm nhận biết ánh sáng mà không thấy sắc. Nay A-na-luật-đà, Ta bấy giờ sống trong trạng thái này.

“Này A-na-luật-đà, có lúc Ta thấy sắc mà không nhận biết ánh sáng. A-na-luật-đà, Ta nghĩ rằng: ‘Do nhân nào, do duyên nào Ta thấy sắc mà không nhận biết ánh sáng?’ A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ rằng: ‘Nếu Ta niệm tướng của sắc mà không niệm tướng của ánh sáng thì bấy giờ Ta nhận biết sắc mà không nhận biết ánh sáng’. Nay A-na-luật-đà, Ta biết như thế rồi nên suốt ngày suốt đêm, suốt ngày lẫn đêm Ta nhận biết sắc mà không nhận biết ánh sáng. Nay A-na-luật-đà, bấy giờ Ta sống trong trạng thái này.

“Này A-na-luật-đà, có lúc Ta nhận biết ánh sáng hạn chế,⁴⁶ cũng thấy sắc hạn chế. A-na-luật-đà, Ta liền nghĩ: ‘Do nhân nào, do duyên nào Ta nhận biết được ánh sáng hạn chế, cũng thấy sắc hạn chế?’ Ta lại nghĩ: ‘Nếu Ta nhập định hạn chế,⁴⁷ Ta nhập định hạn chế nên nhãn căn thanh tịnh hạn chế. Vì nhãn căn thanh tịnh hạn chế nên Ta nhận biết ánh sáng hạn chế, cũng thấy sắc hạn chế’. A-na-luật-đà, Ta biết như thế rồi nên suốt ngày suốt đêm, suốt ngày lẫn đêm, biết ánh sáng hạn chế và thấy sắc hạn chế. Nay A-na-luật-đà, bấy giờ Ta sống trong trạng thái này.

“Này A-na-luật-đà, có lúc Ta nhận biết ánh sáng rộng lớn,⁴⁸ cũng thấy sắc rộng lớn. A-na-luật-đà, Ta nghĩ rằng: ‘Do duyên nào, do nhân nào Ta nhận biết ánh sáng rộng lớn, cũng thấy ánh sáng rộng lớn’. Ta lại nghĩ: ‘Nếu Ta nhập định rộng lớn, nhờ nhập định rộng lớn nên nhãn căn thanh tịnh rộng lớn. Nhờ nhãn căn thanh tịnh rộng lớn nên Ta nhận biết ánh sáng rộng lớn, cũng thấy sắc rộng lớn’. A-na-luật-đà, Ta biết như thế rồi nên suốt ngày suốt đêm, suốt ngày lẫn đêm biết ánh sáng rộng lớn, cũng thấy sắc rộng lớn. Nay A-na-luật-đà, bấy giờ Ta sống trong trạng thái này.

⁴⁶ Thiểu tri quang minh 少知光明. Pl. *parittam obhāsam saññānāmi*, có tướng về ánh sáng hạn chế, tức ánh sáng trong phạm vi hạn chế (Sớ giải: *paritakaṭṭhāne obhāsam*).

⁴⁷ Thiểu nhập định 少入定. Pl. *paritto samādhi*, định hạn chế, tức biến tác định (*parikammasamādhi*) có giới hạn chỉ liên hệ ánh sáng hạn chế trong giới hạn nhỏ.

⁴⁸ Quảng tri quang minh 廣知光明. Pl. *appamāṇam obhāsam saññānāmi*.

“Này A-na-luật-đà, nếu trong tâm ta sanh tai hoạn về nghi, đối với tai hoạn ấy trong tâm Ta đã đoạn trừ, được thanh tịnh. Với vô niệm, thân bệnh tướng, thụy miên, tinh cần thái quá, [539b] giải đãi thái quá, sợ hãi, hỷ duyệt, tâm tự cao, đa dạng tướng, và sanh tai hoạn về không quán sắc, đối với những tai hoạn ấy tâm được thanh tịnh. Tu học, cực tu học về định có tầm có tứ; tu học, cực tu học về định không tầm ít tứ; tu học, cực tu học về định không tầm không tứ; tu học, cực tu học về định thuần nhất; tu học, cực tu học về định hỗn hợp⁴⁹; tu học, cực tu học về định hạn chế; tu học, cực tu học về định rộng vô lượng⁵⁰. Ta có trí và kiến thanh tịnh, sáng suốt vô cùng, hướng đến an trú vào định, tinh cần tu tập đạo phẩm, biết như thật rằng: ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’. Này A-na-luật-đà, bấy giờ Ta thực hành trụ chỉ ấy”.

Phật thuyết như vậy. Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nan-đề, Tôn giả Kim-tì-la sau khi nghe những lời Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.⁵¹



⁴⁹ Tập định, từ lúc nhập cho đến lúc xuất, lần lượt đi từ định này sang định khác. Khác với Nhất hướng định, định thuần túy, từ lúc nhập cho đến lúc xuất chỉ một loại định.

⁵⁰ Có bốn giới hạn về đối tượng của định: giới hạn nhỏ, giới hạn lớn, giới hạn vô hạn và hoàn toàn ra ngoài giới hạn. Thường nói Tứ tướng, xem *Tập dị 6* (No.1536, Đại 26, trang 292 a).

⁵¹ Bản Hán, hết quyển 17.

73. KINH THIÊN¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại Chi-đề-sấu, trong rừng Thủy chủ².

Bấy giờ Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Thuở xưa, lúc Ta chưa đắc Đạo giác ngộ vô thượng chánh chân, bấy giờ Ta nghĩ rằng: ‘Ta làm sao để được phát sanh ánh sáng,³ nhân ánh sáng ấy mà thấy hình sắc. Như vậy, trí kiến của ta sẽ cực kỳ minh tịnh’. Vì để có trí kiến cực kỳ minh tịnh ấy mà Ta sống cô độc tại một nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần. Ta nhân sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần nên đạt được ánh sáng, liền thấy hình sắc. Nhưng Ta chưa cùng với Chư Thiên kia tụ hội, cùng chào hỏi, cùng luận thuyết, cùng đối đáp.

“Ta lại nghĩ rằng: ‘Ta làm sao để được [539c] phát sanh ánh sáng. Nhân ánh sáng ấy mà thấy hình sắc và cùng Chư Thiên kia tụ hội, cùng chào hỏi, cùng luận thuyết, cùng đối đáp. Như vậy trí kiến của Ta sẽ cực kỳ minh tịnh. Vì để có trí kiến cực kỳ minh tịnh này mà Ta sống tại nơi xa vắng, cô độc, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần. Ta nhân sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần nên đạt được ánh sáng, liền thấy hình sắc, cùng Chư Thiên kia tụ hội, cùng chào hỏi nhau, cùng luận thuyết, cùng đối đáp, nhưng Ta không biết Chư Thiên kia có họ như thế nào, tên như thế nào, sanh như thế nào.

“Ta lại nghĩ rằng: ‘Ta làm sao để được phát sanh ánh sáng. Nhân ánh sáng ấy mà thấy hình sắc và cùng Chư Thiên kia tụ hội, cùng chào hỏi nhau, cùng luận thuyết, cùng đối đáp và cũng biết Chư Thiên kia có họ như vậy, tên như vậy và sanh như vậy. Như thế, trí kiến của Ta cực kỳ minh tịnh’. Vì để có trí và kiến cực kỳ minh tịnh này mà Ta sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần. Nhân sống cô độc tại nơi xa vắng, tu hành tinh cần, liền thấy được ánh sáng và cùng Chư Thiên kia tụ hội, chào hỏi nhau, cùng luận thuyết, cùng đối đáp và cũng

¹ Bản Hán, quyển 18. Tương đương Pāli, A. 8. 64. Gayā.

² Chi-đề-sấu, Thủy chủ lâm 枝提瘦水渚林. Bản Pāli: gayāyaṃ vahaṛati gayāsīse, trú tại thôn Gayā, trong núi Gayāsīsa.

³ Số giải AA iv. 143: ánh sáng của thiên nhãn trí.

biết được Chư Thiên ấy danh tánh như vậy, tên tự như vậy và sanh như vậy. Nhưng Ta không biết Chư Thiên kia ăn như thế nào, thọ khổ lạc như thế nào.

“Ta lại nghĩ rằng: ‘Ta làm sao để được phát sanh ánh sáng, nhân ánh sáng ấy mà thấy hình sắc và cùng Chư Thiên tụ hội, chào hỏi nhau, cùng luận thuyết, cùng đối đáp, biết Chư Thiên ấy có họ như vậy, tên như vậy, sanh như vậy và cũng biết Chư Thiên ấy ăn như vậy, thọ khổ lạc như vậy. Như thế trí kiến của Ta sẽ cực kỳ minh tịnh’. Vì để có trí kiến cực kỳ minh tịnh này mà Ta sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần. Nhân sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần, Ta được ánh sáng, liền thấy hình sắc và cùng Chư Thiên tụ hội, cùng chào hỏi nhau, cùng luận thuyết, cùng đối đáp, cũng biết Chư Thiên ấy có họ như vậy, tên như vậy và sanh như vậy; và cũng biết Chư Thiên ấy ăn như vậy, thọ khổ lạc như vậy. Nhưng Ta không biết Chư Thiên ấy trường thọ như thế nào, [540a] tồn tại lâu như thế nào, mạng tận như thế nào.

“Ta lại nghĩ rằng: ‘Ta làm sao để được phát sanh ánh sáng, nhân ánh sáng ấy mà thấy hình sắc và cùng Chư Thiên tụ hội, cùng chào hỏi nhau, cùng luận thuyết, cùng đối đáp, biết Chư Thiên ấy có họ như vậy, tên như vậy, sanh như vậy, cũng biết Chư Thiên ấy ăn như vậy, thọ khổ lạc như vậy; cũng biết Chư Thiên ấy trường thọ như thế, tồn tại lâu như thế, mạng tận như thế. Như thế trí kiến của Ta sẽ cực kỳ minh tịnh’. Vì để có trí kiến cực kỳ minh tịnh này mà Ta sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần. Nhân sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần, Ta được ánh sáng, liền thấy hình sắc và cùng Chư Thiên tụ hội, cùng chào hỏi nhau, cùng luận thuyết, cùng đối đáp, cũng biết Chư Thiên ấy có họ như vậy, tên như vậy, sanh như vậy; biết Chư Thiên ấy ăn như vậy, thọ khổ lạc như vậy; và cũng biết Chư Thiên ấy trường thọ như vậy, tồn tại lâu như vậy, mạng tận như vậy. Nhưng Ta không biết Chư Thiên ấy tạo nghiệp như thế nào, đã chết nơi này và sanh nơi kia như thế nào.

“Ta lại nghĩ rằng: ‘Ta làm sao để được phát sanh ánh sáng, nhân ánh sáng ấy mà thấy hình sắc và cùng Chư Thiên kia tụ hội, cùng chào hỏi nhau, cùng luận thuyết, cùng đối đáp, biết Chư Thiên ấy có họ như vậy, tên như vậy, sanh như vậy, biết Chư Thiên ấy ăn như vậy, thọ khổ lạc

như vậy; biết Chư Thiên ấy trường thọ như vậy, tồn tại lâu như vậy, mạng tận như vậy; và cũng biết Chư Thiên ấy tạo nghiệp như vậy, chết nơi này và sanh nơi kia như vậy. Như thế trí kiến của Ta sẽ cực kỳ minh tịnh'. Vì để có trí kiến cực kỳ minh tịnh này mà Ta sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần. Nhân sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần, Ta đạt được ánh sáng, liền thấy hình sắc và cùng Chư Thiên kia tụ hội, cùng chào hỏi nhau, cùng luận thuyết, cùng đối đáp, biết Chư Thiên ấy có họ như vậy, tên như vậy, sanh như vậy; biết Chư Thiên ấy ăn như vậy, thọ khổ lạc như vậy; biết Chư Thiên ấy trường thọ như vậy, tồn tại lâu như vậy, mạng tận như vậy; và cũng biết Chư Thiên ấy tạo nghiệp như vậy, chết nơi này và sanh nơi kia như vậy. Nhưng Ta không biết Chư Thiên ấy [540b] ở trong những cõi trời nào.

“Ta lại nghĩ rằng: ‘Ta làm sao để được phát sanh ánh sáng, nhân ánh sáng ấy mà thấy hình sắc và cùng Chư Thiên tụ hội, cùng chào hỏi nhau, cùng luận thuyết, cùng đối đáp, biết Chư Thiên ấy có họ như vậy, tên như vậy, sanh như vậy, biết Chư Thiên ấy ăn như vậy, thọ khổ lạc như vậy; biết Chư Thiên ấy trường thọ như vậy, tồn tại lâu như vậy, mạng tận như vậy; biết Chư Thiên ấy tạo nghiệp như vậy, chết nơi này và sanh nơi kia như vậy; và cũng biết Chư Thiên ở trong các cõi trời ấy. Như thế trí kiến của Ta sẽ cực kỳ minh tịnh’. Vì để có trí kiến cực kỳ minh tịnh này mà Ta sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần. Ta nhân sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần, nên đạt được ánh sáng, liền thấy hình sắc và cùng Chư Thiên kia tụ hội, cùng chào hỏi nhau, cùng luận thuyết, cùng đối đáp, biết Chư Thiên ấy có họ như vậy, tên như vậy, sanh như vậy; biết Chư Thiên ấy ăn như vậy, thọ khổ lạc như vậy; biết Chư Thiên ấy trường thọ như vậy, tồn tại lâu như vậy, mạng tận như vậy; biết Chư Thiên ấy tạo nghiệp như vậy, chết nơi này và sanh nơi kia như vậy; và cũng biết Chư Thiên ở trong những cõi trời ấy. Nhưng Ta không biết Ta đã từng sanh vào cõi đó hay chưa từng sanh vào cõi đó.

“Ta lại nghĩ rằng: ‘Ta làm sao để được phát sanh ánh sáng, nhân ánh sáng ấy mà thấy hình sắc và cùng Chư Thiên tụ hội, cùng chào hỏi nhau, cùng luận thuyết, cùng đối đáp, biết Chư Thiên ấy có họ như vậy, tự như vậy, sanh như vậy, biết Chư Thiên ấy ăn như vậy, thọ khổ lạc như vậy;

biết Chư Thiên ấy trường thọ như vậy, tồn tại lâu như vậy, mạng tận như vậy; biết Chư Thiên ấy tạo nghiệp như vậy, chết nơi này và sanh nơi kia như vậy; biết Chư Thiên ở trong các cõi trời ấy; và cũng biết ở cõi trời ấy Ta đã từng sanh vào hay chưa từng sanh vào. Như thế trí kiến của Ta sẽ cực kỳ minh tịnh”. Vì để có trí kiến cực kỳ minh tịnh này mà Ta sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần. Ta nhân sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần, nên đạt được ánh sáng, liền thấy hình sắc và cùng Chư Thiên kia tụ hội, cùng chào hỏi nhau, cùng luận thuyết, cùng đối đáp, biết Chư Thiên ấy có [540c] họ như vậy, tên như vậy, sanh như vậy; biết Chư Thiên ấy ăn như vậy, thọ khổ lạc như vậy; biết Chư Thiên ấy trường thọ như vậy, tồn tại lâu như vậy, mạng tận như vậy; biết Chư Thiên ấy tạo nghiệp như vậy, đã chết nơi này và sanh nơi kia như vậy; biết Chư Thiên ở trong những cõi trời ấy; và cũng biết ở cõi trời ấy Ta đã từng sanh vào.

“Nếu Ta không biết một cách chân chánh tám hành⁴ này thì không thể nói một cách xác định là đã chứng đắc,⁵ cũng không biết Ta đắc Đạo giác ngộ vô thượng chánh chân; đối với Chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn ở thế gian này Ta không thể siêu việt lên trên; Ta cũng không đắc giải thoát với những sự giải thoát sai biệt. Ta cũng chưa lìa các đảo điên, chưa biết như thật rằng ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’.

“Nếu Ta biết được một cách chân chánh tám hành này thì mới có thể nói một cách xác định đã chứng đắc, cũng biết rằng Ta đã đắc đạo giác ngộ vô thượng chánh chân, đối với Chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, Ta siêu việt lên trên. Ta cũng chứng đắc giải thoát với những sự giải thoát sai biệt; tâm Ta đã xa lìa các đảo điên, biết như thật rằng ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’.”

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ

⁴ Bát hành 八行. Pāli: *aṭṭhaparivaṭṭam adhidevañānadassanam*, tri kiến về chư Thiên với tám sự lưu chuyển.

⁵ Pl: (...) *neva tāvāhaṃ sadevake loke... anuttaram sammāsambodhiṃ abhisambuddho'ti paccaññāsim*, chừng ấy Ta đã không thể tuyên bố Ta đã giác ngộ Vô thượng Chánh đẳng giác ở trong thế gian này gồm Chư Thiên....

phụng hành.



74. KINH BÁT NIỆM

Tôi nghe như vậy.

Một thời Đức Phật trú tại Bà-kì-sáu¹, ở rừng Bó trong núi Ngạc, trong vườn Lộc dã².

Bấy giờ Tôn giả A-na-luật-đà ở tại Chi-đề-sáu, trong rừng Thủy chủ³. Tôn giả A-na-luật-đà ở chỗ yên tĩnh, tĩnh tọa tư duy, tâm nghĩ rằng: “Đạo chứng đắc từ vô dục,⁴ chứ chẳng phải từ hữu dục. Đạo chứng đắc từ tri túc, chứ không phải là không nhàm chán. Đạo chứng đắc từ viễn ly, chứ không phải từ sự ưa tụ hội, không phải từ sự sống tụ hội, không phải từ sự hội hợp tụ hội. Đạo chứng đắc từ sự tinh cần, chứ không phải từ sự biếng nhác. Đạo chứng đắc từ chánh niệm, chứ không phải từ tà niệm. Đạo chứng đắc từ định tâm, chứ không phải từ loạn ý. Đạo chứng đắc từ trí tuệ, chứ không phải từ ngu si”.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn bằng tha tâm trí biết Tôn giả A-na-luật-đà đang niệm gì, đang tư gì, đang hành gì. Sau khi đã biết, Đức Thế Tôn nhập định như thế⁵. Với định như thế, trong khoảnh khắc [541a] như người lực sĩ co duỗi cánh tay, cũng thế, Đức Thế Tôn từ Bà-kì-sáu, từ rừng Bó trong núi Ngạc, trong vườn Lộc dã, bỗng biến mất, và xuất hiện trước mặt Tôn giả A-na-luật-đà tại Chi-đề-sáu. Bấy giờ, Đức Thế Tôn xuất định, tán thán Tôn giả A-na-luật-đà rằng:

“Lành thay! Lành thay! A-na-luật-đà, người ở chỗ yên tĩnh, ngồi tĩnh tọa tư duy, tâm đã nghĩ thế này: ‘Đạo chứng đắc từ vô dục, chứ chẳng phải từ hữu dục. Đạo chứng đắc từ tri túc, chứ không phải là không nhàm

¹ Bà-kì-sáu 婆奇瘦. Pāli: Bhaggesu, giữa những người Bhagga.

² Ngạc sơn Bó lâm Lộc dã viên 鱷山怖林鹿野園. Pī.: trong núi Cá sáu (Sūmsumāragire), rừng Khủng bố (bhesakālavane), chỗ nuôi hươu (migadāye). No.46: Phật ở tại Thệ mục sơn 誓牧山, dưới gốc cây Cầu sư 求師樹.

³ Chi-đề-sáu Thủy chủ lâm 枝提瘦水渚林. Pāli.: giữa những người Cetī, trong rừng Đông trúc Pācīnavamsadāye. No.125 (42.6): Tôn giả ở tại trú xứ trước đây bốn Phật đã ở. No 46: Tôn giả A-na-luật ở trong Thiền không trạch 禪空澤 (đám Thiền không).

⁴ Pī.: *appicchassāyam dhammo*, pháp này cho người thiếu dục, ít ham muốn.

⁵ Như kỳ tượng định 如其像定. Pāli: *tathārūpaṃ samādhi*.

chán. Đạo chứng đắc từ viễn ly, chứ không phải từ sự ưa tụ hội, không phải từ sự sống tụ hội, không phải từ sự hội hợp tụ hội. Đạo chứng đắc từ sự tinh cần, chứ không phải từ sự biếng nhác. Đạo chứng đắc từ chánh niệm, chứ không phải từ tà niệm. Đạo chứng đắc từ định tâm, chứ không phải từ loạn ý. Đạo chứng đắc từ trí tuệ, chứ không phải từ ngu si’.

“Này A-na-luật-đà, người hãy nghe Như Lai, lãnh thọ thêm suy niệm thứ tám của bậc Đại nhân⁶. Sau khi lãnh thọ, người hãy tư duy rằng: ‘Đạo chứng đắc từ chỗ không hý luận⁷, ưa sự không hý luận, hành sự không hý luận, chứ không phải từ chỗ hý luận, không phải từ chỗ ưa hý luận, không phải từ chỗ hành hý luận’.

“Này A-na-luật-đà, nếu người thành tựu tám suy niệm của bậc Đại nhân, chắc chắn người có thể ly dục, ly ác, ly bất thiện pháp, cho đến chứng đắc Tứ thiên, thành tựu an trụ.

“Này A-na-luật-đà, nếu người thành tựu tám suy niệm của bậc Đại nhân này, lại chứng đắc bốn tầng thượng tâm này, sống an lạc ngay trong hiện tại, dễ được chứ không khó. Cũng như vua và đại thần có hòm đẹp đựng đầy các loại y phục đẹp, buổi sáng muốn mặc liền lấy mặc; buổi trưa, buổi chiều, muốn mặc liền lấy mặc, tùy ý tự tại, này A-na-luật-đà, người cũng vậy, được y phẩn tảo, làm y phục bậc nhất, tâm người vô dục, sống với đời sống này.

“Này A-na-luật-đà, nếu người thành tựu tám suy niệm của bậc Đại nhân, lại chứng đắc bốn tầng thượng tâm này nữa, sống an lạc ngay trong đời hiện tại, dễ được không khó. Cũng như vua và vương thần có cai bếp làm các thức ăn ngon lành mỹ diệu, này A-na-luật-đà, người cũng vậy, thường sống bằng món ăn khát thực làm món ăn độc nhất, tâm người vô dục, sống với đời sống này.

“Này A-na-luật-đà, nếu người thành tựu tám suy niệm của bậc Đại nhân, lại cũng chứng đắc bốn tầng thượng tâm này nữa, sống an lạc ngay trong đời hiện tại này, dễ được chứ không khó. Cũng như vua và vương thần có

⁶ Đại nhân chi niệm 大人之念. Pāli: *mahāpurisavitakka*.

⁷ Hán: đạo tòng bất hý... đắc 不戲. Pāli: *nippapañcārāmassāyam dhammo*, đây là pháp của người không ưa hý luận. Sớ giải: ái, mạn, kiến (*tanhāmānadiṭṭhi*), đồng nghĩa với *papañca*.

nhà cửa đẹp, hoặc có lầu các, cung điện, này A-na-luật-đà, người cũng như thế, ngồi dưới gốc cây, lấy sự tịch tĩnh làm ngôi nhà bậc nhất, tâm người vô dục, sống với đời sống này.

“Này A-na-luật-đà, nếu người thành tựu tám suy niệm của bậc Đại nhân, lại cũng chứng đắc bốn tầng thượng tâm này nữa, [541b] sống an lạc ngay trong đời hiện tại này, dễ được chứ không khó. Cũng như vua và vương thần có giường đẹp, trải lên bằng chăn nệm, đệm bông, phủ lên bằng gấm, the, lụa, sa trun, có chăn đệm ở hai đầu để gối, trải thảm quý bằng da sơn dương⁸; này A-na-luật-đà, người cũng như vậy, chỗ ngồi trải bằng cỏ, bằng lá cây, là chỗ ngồi bậc nhất. Tâm người vô dục, sống với trụ chỉ hành này.

“Này A-na-luật-đà, nếu người thành tựu tám suy niệm của bậc Đại nhân, lại cũng chứng đắc bốn tầng thượng tâm này nữa, sống an lạc ngay trong đời hiện tại này, dễ được chứ không khó. Cũng như thế, nếu người an trú phương Đông, ở đó chắc chắn được an lạc, không có các tai họa đau khổ. Nếu an trú phương Tây, phương Nam, phương Bắc, ở đó chắc chắn được an lạc, không có các tai họa đau khổ.

“Này A-na-luật-đà, nếu người thành tựu tám suy niệm của bậc Đại nhân, lại cũng chứng đắc bốn tầng thượng tâm này nữa, sống an lạc ngay trong đời hiện tại này, dễ được chứ không khó, đối với các pháp thiện, người đã an trú, Ta không nói đến, huống nữa là nói đến sự suy thoái. Các thiện pháp cứ ngày đêm tăng trưởng chứ bất thối.

“Này A-na-luật-đà, nếu người thành tựu tám suy niệm của bậc Đại nhân, lại cũng chứng đắc bốn tầng thượng tâm này nữa, sống an lạc ngay trong đời hiện tại này, dễ được chứ không khó, thì đối với hai quả, chắc chắn người đắc được một, hoặc trong đời này đắc cứu cánh trí, hoặc nếu còn hữu dư thì đắc A-na-hàm.

“Này A-na-luật-đà, người hãy thành tựu tám suy niệm này của bậc Đại nhân, và cũng nên chứng đắc bốn tầng thượng tâm này nữa, sống an lạc ngay trong đời hiện tại này, dễ được chứ không khó; sau đó mới an cư mùa mưa tại Chi-đề-sấu, trong rừng Thủy chử vậy”.

⁸ Trong bản Hán: gia-lăng-già-ba-hòa-la ba-giá-tát-đa-la-na 加陵伽波和邏波遮悉哆羅那. Pāli: *kadalimigapavara-paccattharaṇo*.

Bấy giờ Đức Thế Tôn thuyết pháp cho Tôn giả A-na-luật-đà, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện, thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, Đức Thế Tôn liền như vậy mà nhập định, trong khoảnh khắc, như người lực sĩ co duỗi cánh tay, cũng vậy, Đức Thế Tôn từ Chi-đề-sáu, trong rừng Thủy chủ, bỗng nhiên biến mất, không thấy, rồi hiện ra ở Bà-kì-sáu, núi Ngạc rừng Bồ, trong vườn Lộc dã.

Lúc ấy Tôn giả A-nan cầm quạt đứng hầu Đức Phật, Đức Phật liền xuất định, quay lại bảo A-nan rằng:

“Này A-nan, nếu có Tỳ-kheo nào đến núi Ngạc rừng Bồ, trong vườn Lộc dã, bảo tất cả tụ tập tại giảng đường. Sau khi tụ tập tại giảng đường xong, trở lại cho Ta hay”.

Tôn giả A-nan vâng lời Đức Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Ngài, liền đi tuyên bố rằng: “Đức Thế Tôn dạy: nếu có Tỳ-kheo nào đến núi Ngạc rừng Bồ, trong vườn Lộc dã, tất cả hãy tụ tập tại giảng đường”.

Sau khi các Tỳ-kheo tụ tập tại [541c] giảng đường, Tôn giả A-nan trở lại chỗ Đức Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân rồi đứng qua một bên, bạch rằng: “Bạch Đức Thế Tôn, các Tỳ-kheo đến núi Ngạc rừng Bồ, trong vườn Lộc dã, tất cả đã tụ tập tại giảng đường. Mong Đức Thế Tôn biết cho, nay đã đến thời”.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn đến giảng đường, trải chỗ ngồi trước chúng Tỳ-kheo và nói:

“Này chư Tỳ-kheo, Ta nói cho các người nghe về tám suy niệm của bậc Đại nhân. Các người hãy lắng nghe và khéo suy tư, ghi nhớ!

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe. Đức Thế Tôn nói rằng:

“Đây là tám pháp suy niệm của bậc Đại nhân:

“Đạo từ vô dục chứ không phải từ hữu dục mà chứng đắc.

“Đạo từ tri túc chứ không phải từ không nhàm tởm mà chứng đắc.

“Đạo từ viễn ly chứ không phải từ chỗ ưa tụ hội, không phải từ sự sống chỗ tụ hội, không phải từ sự sống hội hợp tụ hội mà chứng đắc.

“Đạo từ tinh cần chứ không phải từ biếng nhác mà chứng đắc.

“Đạo từ chánh niệm, chứ không phải từ tà niệm mà chứng đắc.

“Đạo từ chỗ định ý chứ không phải từ loạn ý mà chứng đắc.

“Đạo từ trí tuệ chứ không phải từ ngu si mà chứng đắc.

“Đạo từ chỗ không hý luận, ưa sự không hý luận, hành sự không hý luận; chứ không phải từ hý luận, không phải từ sự ưa hý luận, không phải từ sự hành hý luận, mà chứng đắc.

“Thế nào là đạo từ vô dục mà chứng đắc, chứ không phải từ hữu dục? Tỳ-kheo đạt được vô dục, tự biết đạt được vô dục, không tỏ cho kẻ khác biết mình vô dục; đạt được tri túc, đạt được viễn ly, đạt được tinh cần, đạt được chánh niệm, đạt được định tâm, đạt được trí tuệ, đạt được không hý luận, tự biết đạt được không hý luận, không muốn tỏ cho người khác biết mình vô dục. Như vậy gọi là đạo từ vô dục chứ không phải từ hữu dục mà chứng đắc.

“Thế nào là đạo từ tri túc chứ không phải từ không nhàm tởm mà chứng đắc? Tỳ-kheo hành tri túc, áo dùng để che thân, ăn đủ nuôi thân. Đó là đạo từ tri túc chứ không phải từ không nhàm tởm mà chứng đắc.

“Thế nào là đạo từ viễn ly chứ không phải từ ưa tụ hội, sống chỗ tụ hội, hội họp nơi tụ hội mà chứng đắc? Tỳ-kheo sống đời sống viễn ly, sống với hai sự viễn ly là thân và tâm đều viễn ly. Đó là đạo từ viễn ly chứ không phải từ sự ưa tụ hội, sống ở chỗ tụ hội, hội họp nơi tụ hội mà chứng đắc.

“Thế nào là đạo từ tinh tấn chứ không phải từ biếng nhác mà chứng đắc? Tỳ-kheo thường hành tinh tấn, đoạn ác bất thiện, tu các thiện pháp, hằng tự sách tấn, chuyên nhất kiên cố, vì các gốc rễ thiện mà không hề từ bỏ khó nhọc. Đó gọi là đạo từ tinh tấn, chứ không phải từ biếng nhác mà chứng đắc.

“Thế nào là đạo từ chánh niệm chứ không phải từ tà niệm mà chứng đắc? Tỳ-kheo quán thân nơi nội thân, quán thọ, tâm, pháp trên pháp. Đó gọi là đạo từ chánh niệm chứ không phải từ tà niệm mà chứng đắc.

“Thế nào là đạo từ định tâm chứ không phải từ loạn ý mà chứng đắc? Tỳ-kheo ly dục, ly [542a] pháp ác bất thiện, cho đến chứng đắc Tứ thiên, thành tựu và an trụ. Đó gọi là đạo từ định ý chứ không phải từ loạn ý mà chứng đắc.

“Thế nào là đạo từ trí tuệ chứ không phải từ ngu si mà chứng đắc? Tỳ-kheo tu hạnh trí tuệ, quán pháp hưng suy, chứng đắc trí như thật, thánh tuệ minh đạt, phân biệt rõ ràng để dứt sạch khổ một cách chính đáng. Đó

gọi là đạo từ trí tuệ chứ không phải từ ngu si mà chứng đắc.

“Thế nào là đạo từ không hý luận, ưa không hý luận, hành không hý luận; chứ không phải từ hý luận, không phải từ ưa hý luận, không phải từ hành hý luận mà chứng đắc? Tỳ-kheo tâm ý thường diệt hý luận, an lạc, trú trong Vô dư Niết-bàn, tâm thường lạc trú, hoan hỷ, ý giải. Đó gọi là đạo từ không hý luận, ưa không hý luận, hành không hý luận; chứ không phải từ hý luận, không phải từ ưa hý luận, không phải từ hành hý luận mà chứng đắc.

“Này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo A-na-luật-đà đã tành tựu tám suy niệm của bậc Đại nhân này, sau đó mới an cư mùa mưa tại Chi-đề-sâu, trong rừng Thủy chủ. Ta đem những điều này nói ra, vị ấy sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần. Vị ấy khi sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần, đã đạt đến cứu cánh mà một thiện nam tử vì cứu cánh ấy đã cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, duy chỉ cầu đắc vô thượng phạm hạnh ngay trong đời này, tỳ tri, tỳ giác, tỳ thân chứng đắc, thành tựu và an trú, biết một cách như thật rằng ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.’”

Ngay lúc ấy, Tôn giả A-na-luật-đà chứng đắc A-la-hán, tâm chánh giải thoát, xứng đáng bậc Trưởng lão Thượng tôn, rồi nói bài tụng:

*Vô thượng thế gian sư
Xa biết con hý luận,
Chánh thân tâm nhập định
Nương không, chợt đến đây.*

*Biết con tâm niệm này,
Thuyết pháp vượt lên nữa.
Chư Phật không hý luận;
Hý luận đã xa lìa.*

*Đã biết pháp Như Lai,
Ưa trú trong chánh pháp.
Rồi tam muội chứng ngay,
Pháp Phật đã thành đạt.*

Con chẳng ưa sự chết,

*Cũng không nguyện nơi sanh;
 Tùy thời, tùy sở thích,
 Niệm, chánh trí vững vàng.*

*Tỳ-da-ly, Trúc lâm,⁹
 Nơi đó mạng con dirt;
 Ở ngay dưới khóm trúc,
 Nhập Vô dư Niết-bàn.*

Phật thuyết như vậy. Tôn giả A-na-luật-đà và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, [542b] hoan hỷ phụng hành.



⁹ Tỳ-da-ly Trúc lâm 毘耶離竹林. Pāli: trong Vajji-Veluvagāma, một ngôi làng ở Vesali, xứ Vajjī (Bạt Kỳ); Anuruddha sẽ nhập Niết-bàn ở đó.

75. KINH TỊNH BẤT ĐỘNG ĐẠO

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại Câu-lâu-sấu, ở Kiêm-ma-sát-đàm, một đô ấp của Câu-lâu¹.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Dục là vô thường, hư ngụy, giả dối². Đã là pháp giả dối thì huyễn hóa, dối gạt, ngu si³. Dầu là dục của đời nay hay là dục của đời sau, hoặc sắc đời này hay sắc đời sau⁴, tất cả đều là cảnh giới của Ma, là miếng mồi của Ma. Nhân những thứ ấy mới sanh ra vô lượng pháp ác bất thiện, tham lam⁵, sân nhuế và đấu tranh⁶, làm chướng ngại cho sự tu học của Thánh đệ tử.

“Đa văn Thánh đệ tử nên quán như vậy, ‘Thế Tôn nói rằng dục là vô thường, hư ngụy, giả dối, huyễn hóa, dối gạt, ngu si. Dù là dục của đời này hay dục của đời sau, dù là sắc của đời này hay sắc của đời sau, tất cả đều là cảnh giới của Ma, là miếng mồi của Ma. Nhân những thứ ấy, tâm mới sanh ra vô lượng pháp ác bất thiện, tham lam, sân nhuế và đấu tranh, làm chướng ngại sự tu học của Thánh đệ tử’.

“Rồi vị ấy có thể suy nghĩ như vậy: ‘Ta hãy đạt đến tâm quảng đại, thành tựu và an trú, nhiếp phục thế gian, nhiếp trì tâm ấy. Nếu ta đạt đến tâm quảng đại, thành tựu và an trú, nhiếp phục thế gian, nhiếp trì tâm ấy, thì tâm như thế không sanh ra vô lượng pháp ác bất thiện, tham lam, sân nhuế và đấu tranh, làm chướng ngại sự tu học của Thánh đệ tử’.

¹ Kiêm-ma-sát-đàm Câu-lâu. Pāli: tại thị trấn Kammāsadhamma của người Kuru. Xem kinh số 10.

² Hán: Dục...hư ngụy, vọng ngôn 虛偽妄言. Pāli: *aniccā... kāmā tucchā musā mosadhammā*, dục là pháp trống rỗng, giả dối, ngu si.

³ Thị huyễn ngôn... ngu si. Pāli: *mayākatam etam... bālalāpanam*, đó là phiếm luận của người ngu đờc tạo ra bằng sự hư huyễn.

⁴ Dục..., và sắc.... Pāli: *kāmā..., kāmasaññā...*: dục và dục tưởng.

⁵ Hán: tăng tứ 增伺. Pāli: *abhijjhā*, xan tham, tham lam; thường chỉ ham muốn, dòm ngó của người khác.

⁶ Đấu tránh 鬥諍. Pāli: *ārambha*, nóng tính, hay phẫn nộ, hay gây gổ.

“Vị ấy bằng sự hành này, bằng sự học này, như vậy mà tu tập để phát triển rộng lớn, liền ở nơi xứ mà tâm được minh tịnh.⁷ Sau khi tâm đã minh tịnh ở nơi xứ, Tỳ-kheo ấy, hoặc nhờ đó mà nhập vào bất động⁸, hoặc do tuệ mà giải thoát⁹. Về sau, khi thân hoại mạng chung, nhân tâm ý đã có sẵn ấy¹⁰, chắc chắn đạt đến bất động. Đó gọi là thuyết về Tịnh bất động đạo¹¹ thứ nhất.

“Lại nữa, Đa văn Thánh đệ tử nên quán như thế này: ‘Những gì là sắc, tất cả những sắc ấy là bốn đại và bốn đại tạo thành. Bốn đại ấy là pháp vô thường, khổ và diệt’. Vị ấy bằng sự hành này, bằng sự học này, như vậy mà tu tập để phát triển rộng lớn, liền ở nơi xứ mà tâm được minh tịnh. Sau khi tâm đã minh tịnh ở nơi xứ, Tỳ-kheo ấy, hoặc nhờ đó mà nhập vào bất động, hoặc do tuệ mà giải thoát. Về sau, [542c] khi thân hoại mạng chung, nhân tâm ý đã có sẵn ấy, chắc chắn đạt đến bất động. Đó gọi là thuyết Tịnh bất động đạo thứ hai.

“Lại nữa, Đa văn Thánh đệ tử nên quán như thế này: ‘Dù là dục của đời này hay dục của đời sau, dù là sắc đời này hay sắc đời sau, dù là dục tưởng của đời này hay dục tưởng của đời sau, dù là sắc tưởng của đời này hay sắc tưởng của đời sau, tất cả tưởng ấy đều là pháp vô thường, khổ và diệt’. Vị ấy bằng sự hành này, bằng sự học này, như vậy mà tu tập để phát triển rộng lớn, liền ở nơi xứ mà tâm được minh tịnh. Sau khi tâm đã minh tịnh ở nơi xứ, Tỳ-kheo ấy, hoặc nhờ đó mà nhập vào bất động, hoặc do tuệ mà giải thoát. Về sau, khi thân hoại mạng chung, nhân tâm ý đã có sẵn ấy, chắc chắn đạt đến bất động. Đó gọi là thuyết Tịnh bất động đạo thứ ba.

“Lại nữa, Đa văn Thánh đệ tử nên quán thế này: ‘Dù là dục tưởng của

⁷ Pl.: *āyatane cittaṃ pasīdati*. Sở giá: tâm minh tịnh nở nơi nguyên nhân, tức ở nơi A-la-hán quả hoặc hướng đến A-la-hán; đệ tử thiên hoặc hướng đến đệ tử thiên.

⁸ Nhập bất động 入不動. Pāli: *āneñjaṃ samāpajjati*, nhập định với trạng thái bất động, chỉ đệ tử thiên.

⁹ Dĩ tuệ vi giải 以慧為解. Pāli: *paññāya adhimuccati*, do tuệ mà có quyết định. Cũng có thể hiểu, do tuệ mà quyết định giải thoát.

¹⁰ Nhân bản ý 因本意. Pāli: *samvattanikaṃ viññāṇaṃ*, thức đã được định hướng.

¹¹ Tịnh bất động đạo 淨不動道. Pāli: *āneñjasappayā paṭipadā*, sự thực hành đưa đến lợi ích của bất động.

đời này hay dục tướng của đời sau, dù là sắc tướng của đời này hay sắc tướng của đời sau, và bất động tướng, tất cả tướng đều là pháp vô thường, khổ và diệt’. Vị ấy bảy giờ đắc Vô sở hữu xứ tướng. Vị ấy bằng sự hành này, bằng sự học này, như vậy mà tu tập để phát triển rộng lớn, liền ở nơi xứ mà tâm được minh tịnh. Sau khi tâm đã minh tịnh ở nơi xứ, Tỳ-kheo ấy, hoặc nhờ đó mà nhập vào bất động, hoặc do tuệ mà giải thoát. Về sau, khi thân hoại mạng chung, nhân tâm ý đã có sẵn ấy, chắc chắn đạt đến bất động. Đó là gọi là thuyết Tịnh vô sở hữu xứ đạo thứ nhất¹².

“Lại nữa, Đa văn Thánh đệ tử nên quán như thế này: ‘Thế gian này là không, ngã không, ngã sở không,¹³ cái hữu thường không, cái hữu hằng không, cái trường tồn không, cái không biến dịch không’. Vị ấy hành như vậy, học như vậy, tu tập và phát triển như vậy thì ở nơi xứ mà tâm được minh tịnh. Sau khi ở nơi xứ mà tâm được minh tịnh, Tỳ-kheo ấy hoặc nhờ đó mà tâm nhập Vô sở hữu xứ, hoặc do tuệ mà giải thoát. Về sau, khi thân hoại mạng chung, nhân tâm ý đã có sẵn ấy, chắc chắn đạt đến Vô sở hữu xứ. Đó là trường hợp thứ hai được gọi là Tịnh vô sở hữu xứ đạo.

“Lại nữa, Đa văn Thánh đệ tử nên quán như thế này: ‘Ta không phải được tạo ra vì cái khác, cũng không phải được tạo ra vì chính mình¹⁴’. Vị ấy hành như vậy, học như vậy, tu tập và phát triển như vậy, ở nơi xứ mà tâm được minh tịnh. Sau khi ở nơi xứ mà tâm được minh tịnh, Tỳ-kheo ấy hoặc nhờ đó mà nhập Vô sở hữu xứ, hoặc do tuệ mà giải thoát. Về sau, khi thân hoại mạng chung, nhân tâm ý đã có sẵn ấy, chắc chắn đạt đến vô sở hữu xứ. Đó là [543a]trường hợp thứ ba được gọi là Tịnh vô sở hữu xứ đạo.

“Lại nữa, Đa văn Thánh đệ tử nên quán như thế này: ‘Dù là dục của đời này hay dục của đời sau, dù là sắc của đời này hay sắc của đời sau, dù là

¹² Tịnh vô sở hữu xứ đạo. Pāli: *ākiñcaññāyatanaṣappayā paṭipadā*, sự thực hành đưa đến lợi ích của Vô sở hữu xứ.

¹³ Không ư thần không, thần ot hữu không 空於神神所有空. Pl. *suññam idaṃ attena vā attaniyena*, cái này là trống không với ngã và ngã sở.

¹⁴ Phi vị tha... Phi vị tự nhi hữu sở vi 非為他...非自為而有所為. Pāli: *nāhaṃ kvacani kassaci kiñcanatasmim, na mama kvacani kismiñci kiñcanaṃ natthī’ti*, tôi không hiện hữu bất cứ ở đâu, cho bất cứ ai, trong bất cứ cái gì. Sở hữu của tôi không hiện hữu bất cứ ở đâu, cho bất cứ ai, trong bất cứ cái gì.

dục tướng của đời này hay dục tướng của đời sau, dù là sắc tướng của đời này hay sắc tướng của đời sau và bất động tướng, vô sở hữu xứ tướng, tất cả tướng ấy đều là pháp vô thường, khổ và diệt'. Bấy giờ vị ấy đắc Vô tướng. Vị ấy hành như vậy, học như vậy, tu tập và phát triển như vậy, thì ở nơi xứ mà tâm được minh tịnh. Sau khi ở nơi xứ mà tâm được minh tịnh, Tỳ-kheo ấy hoặc nhờ đó mà nhập vô tướng, hoặc do tuệ mà giải thoát. Về sau, khi thân hoại mạng chung, nhân tâm ý đã có sẵn ấy, chắc chắn đạt đến vô tướng xứ. Đó là nói về **Tịnh vô tướng đạo**¹⁵.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan đang cầm quạt đứng hầu Đức Phật. Tôn giả hướng về Phật mà bạch rằng:

“Bạch Đức Thế Tôn, nếu có Tỳ-kheo nào thực hành như vậy, ‘Không có ta, không có sở hữu của ta; ta sẽ không tồn tại, sở hữu của ta sẽ không tồn tại; những gì có trước kia,’ hoàn toàn xả ly như vậy¹⁶. Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo ấy thực hành như thế, có chứng đắc cứu cánh Niết-bàn chăng?”

Đức Phật nói rằng:

“Này A-nan, sự kiện ấy không nhất định. Hoặc có người chứng đắc, hoặc có người không chứng đắc”.

Tôn giả A-nan lại thưa:

“Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo ấy hành như thế nào mà không chứng đắc Niết-bàn?”

Đức Thế Tôn đáp:

“Này A-nan, Tỳ-kheo nào hành như vậy, ‘Không có ta, không có sở hữu của ta; ta sẽ không tồn tại, sở hữu của ta sẽ không tồn tại; những gì có trước kia,’ hoàn toàn xả ly như vậy. Nhưng này A-nan, nếu Tỳ-kheo ấy vui thích với sự xả ấy,¹⁷ đắm trước nơi sự xả ấy, an trú nơi xả ấy, Tỳ-kheo như thế chắc chắn không chứng đắc Niết-bàn”.

Tôn giả A-nan bạch rằng:

¹⁵ **Tịnh vô tướng đạo** 淨無想道. Pāli: *nevasaññānāsaññāyatanaṣappayā paṭipadā*, sự thực hành đưa đến lợi ích của Phi tướng phi phi tướng xứ.

¹⁶ Tận đắc xả 盡得捨. Pl.: *tam pajahāmi*, xả ly, đoạn tận.

¹⁷ Pl.: *so tam upekkham abhinandati*.

“Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo nào nếu có chấp thủ¹⁸ sẽ không đắc Niết-bàn chẳng?”

Đức Thế Tôn đáp:

“Này A-nan, nếu Tỳ-kheo nào có chỗ chấp thủ thì chắc chắn không đắc Niết-bàn”.

Tôn giả A-nan bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo ấy bị chấp thủ bởi những gì?”

Đức Thế Tôn đáp:

-Này A-nan, còn hữu dư ở trong hành;¹⁹ đó là Phi tướng phi phi tướng xứ, bậc nhất trong các hữu mà Tỳ-kheo ấy chấp thủ”.²⁰

Tôn giả A-nan bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo ấy còn chấp thủ vào hành nào khác nữa chẳng?”

Đức Thế Tôn đáp:

“Đúng như thế, Tỳ-kheo ấy còn chấp thủ vào hành khác nữa”.²¹

Tôn giả A-nan bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo phải hành như thế nào thì chắc chắn đắc Niết-bàn?”

Đức Thế Tôn đáp:

“Này A-nan, Tỳ-kheo nào hành như vậy, ‘Không có ta, không có sở hữu của ta; ta sẽ không tồn tại, sở hữu của ta sẽ [543b] không tồn tại; những gì có trước kia,’ hoàn toàn xả ly như vậy. Và này A-nan, nếu Tỳ-kheo ấy không ưa thích với xả ấy, không đắm trước xả ấy, không an trú nơi xả ấy, thì này A-nan, Tỳ-kheo thực hành như thế, chắc chắn chứng đắc Niết-bàn”.

Tôn giả A-nan hỏi rằng:

¹⁸ Pl.: *sa-upādāna*.

¹⁹ Hành trung hữu dư 行中有餘.

²⁰ Pl.: *upādānaseṭṭhaṇhetam yadidaṃ nevasaññānāsaññāyatanaṃ*, tối thắng trong các chấp thủ, đó là Phi tướng phi phi tướng xứ.

²¹ Vấn đáp này không có trong Pāli.

“Bạch Thế Tôn, nếu Tỳ-kheo nào không chấp thủ vào đâu cả thì chắc chắn chứng đắc Niết-bàn chăng?”

Đức Thế Tôn đáp:

“Này A-nan, nếu Tỳ-kheo nào không chấp thủ vào đâu cả thì chắc chắn chứng đắc Niết-bàn”.

Bấy giờ Tôn giả A-nan chấp tay hướng về Phật, bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đã thuyết về Tịnh bất động đạo, đã thuyết về Tịnh vô sở hữu xứ đạo, đã thuyết về Tịnh vô tướng xứ đạo, đã thuyết về Vô dư Niết-bàn. Bạch Thế Tôn, thế nào là sự giải thoát của bậc Thánh?”

Đức Thế Tôn đáp:

“Này A-nan, Đa văn Thánh đệ tử nên quán như thế này: ‘Dù là dục của đời này hay dục của đời sau, dù là sắc của đời này hay là sắc của đời sau, dù là dục tướng của đời này hay là dục tướng của đời sau, dù là sắc tướng của đời này hay là sắc tướng của đời sau và bất động tướng, vô sở hữu tướng, vô tướng tướng, tất cả các tướng ấy đều là pháp vô thường, khổ và diệt, đó là hữu thân²². Nếu là hữu thân thì đó là sanh, đó là già, đó là bệnh, đó là chết.

“Này A-nan, nếu có pháp này thì diệt trừ tất cả, không để lưu dư, không để có trở lại. Như vậy thì không sanh, không già, không bệnh, không chết.

“Bậc Thánh quán như vậy. Nếu cai gì có, cái đó là pháp giải thoát. Nếu có cái gì là bất tử,²³ cái đó là Vô dư Niết-bàn. Vị nào quán như vậy, chắc chắn tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu và vô minh lậu. Đã giải thoát liền biết đã giải thoát, biết như thật rằng ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’.

“Này A-nan, Ta nay đã nói cho người nghe về Tịnh bất động đạo, về Tịnh vô sở hữu xứ đạo, về Tịnh vô tướng đạo, về Vô dư Niết-bàn, về sự giải thoát của bậc Thánh. Như bậc Tôn sư với tâm đại bi, đoái tưởng, thương xót, mong cầu phước lợi và thiện ích, cầu an ổn và khoái lạc cho đệ tử, những điều ấy Ta nay đã làm xong. Các người hãy tự mình làm.

²² Nguyên hán: tự kỷ hữu 自己有: *tự thân*, hay *hữu thân*, về sự chắc thật của năm uẩn. Pāli: *sakkāya*.

²³ Nguyên hán: cam lộ 甘露, cũng hiểu là bất tử. Pāli: *amata*.

Hãy đi đến nơi rừng vắng, đến dưới gốc cây, chỗ yên tĩnh, trống vắng, ngồi tĩnh tọa mà tư duy, chớ có phóng dật, đừng để về sau phải hối hận. Đó là lời khuyến giáo của Ta, đó là huấn thị của Ta”.

Phật thuyết như vậy. Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



76. KINH ÚC-GIÀ-CHI-LA

[543c3] Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại Úc-già-chi-la¹, ở bên bờ hồ Hằng thủy. Bảy giờ, một Tỳ-kheo vào lúc xế, từ chỗ tĩnh tọa đứng dậy, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn khéo léo thuyết pháp ngắn gọn cho con. Được nghe pháp Đức Thế Tôn dạy, con sẽ sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần. Nhân sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần để đạt đến cứu cánh mà một thiện nam tử đã cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo là để đạt được vô thượng phạm hạnh, ngay trong đời này tự tri tự giác, tự thân tác chứng, thành tựu an trú, biết một cách như thật rằng ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’.

Đức Thế Tôn bảo:

“Tỳ-kheo hãy tu học như vậy, để khiến được an trú bên trong, bất động, vô lượng, khéo tu tập. Lại quán thân nơi nội thân, thực hành hết sức tinh cần, vững chánh niệm chánh trí, khéo tự chế ngự tâm, khiến lia bõn sèn tham lam, ý không sâu não. Lại quán thân nơi ngoại thân, thực hành hết sức tinh cần, vững chánh niệm chánh trí, khéo tự chế ngự tâm, khiến xa lia bõn sèn tham lam, ý không sâu não. Lại quán thân nơi nội ngoại thân, thực hành hết sức tinh cần, vững chánh niệm chánh trí, khéo tự chế ngự tâm, khiến cho xa lia bõn sèn tham lam, ý không sâu não. Nay Tỳ-kheo, với định như vậy, khi tới, khi lui, hãy khéo tu tập; lúc đứng, lúc ngồi, lúc nằm, lúc ngủ, lúc thức, lúc tĩnh dậy, cũng đều tu tập như vậy.

“Lại nữa, cũng nên tu tập định có tầm có tứ, định không tầm chỉ tứ, tu tập định không tầm không tứ; cũng nên tu tập về định câu hữu với hỷ, định

¹ Úc-già-chi-la . Pāli: Ukkācelā 郁伽支羅, một ngôi làng trong xứ Vajji, trên bờ sông Gaṅgā, trên con đường từ Vương xá đến Xá-vệ. Sau khi Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên thị tịch, trong khoảng 15 ngày, Đức Phật trên đường đi về Vesāli, Ngài ghé lại Ukkācelā thuyết kinh Ukkācelā-sutta (S.47.14). Ngài nói: “Nay các Tỳ-kheo, khi Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên Bát-niết-bàn, Ta thấy chúng hội này giống như trống không”. Bản Hán không đề cập đến sự kiện này.

câu hữu với lạc, định câu hữu với định, định câu hữu với xả.

“Này Tỳ-kheo, nếu tu tập các định này, tu một cách khéo léo, này Tỳ-kheo, phải tu thêm quán thọ nơi nội thọ, thực hành hết sức tinh cần, giữ vững chánh niệm chánh trí, khéo tự chế ngự tâm, khiến xa lìa bỏn sẻn tham lam, ý không sâu não. Lại quán thọ nơi ngoại thọ, thực hành hết sức tinh cần, giữ vững chánh niệm chánh trí, khéo tự chế ngự tâm, khiến lìa bỏn sẻn tham lam, ý không sâu não. Lại quán thọ nơi nội ngoại thọ, thực hành hết sức tinh cần, giữ vững chánh niệm chánh trí, khéo tự chế ngự tâm, khiến xa lìa bỏn sẻn tham lam, ý không sâu não. Này Tỳ-kheo, với định như thế, lúc đi, lúc đến, hãy khéo [544a] tu tập. Lúc đứng, lúc ngồi, lúc nằm, lúc ngủ, lúc thức, lúc tỉnh dậy, cũng đều tu tập như thế.

“Lại nữa, cũng nên tu tập định câu hữu với hỷ, định câu hữu với lạc, định câu hữu với định, định câu hữu với xả. Này Tỳ-kheo, nếu tu tập các định này, tu tập một cách khéo léo thì nên tu thêm quán tâm nơi nội tâm, thực hành hết sức tinh cần, giữ vững chánh niệm chánh trí, khéo chế ngự tâm, khiến xa lìa bỏn sẻn tham lam, ý không sâu não. Lại nên quán tâm nơi ngoại tâm, thực hành hết sức tinh cần, giữ vững chánh niệm chánh trí, khéo chế ngự tâm, khiến xa lìa bỏn sẻn tham lam, ý không sâu não. Lại nên quán tâm nơi nội ngoại tâm, thực hành hết sức tinh cần, giữ vững chánh niệm chánh trí, khéo chế ngự tâm, khiến xa lìa bỏn sẻn tham lam, ý không sâu não. Này Tỳ-kheo, với định như thế, lúc đi, lúc đến hãy khéo tu tập. Lúc đứng, lúc ngồi, lúc nằm, lúc ngủ, lúc thức, lúc tỉnh dậy, cũng đều tu tập như vậy.

“Lại nữa, cũng nên tu tập định có tầm có tứ, định không tầm chỉ tứ, định không tầm không tứ. Cũng nên tu tập định câu hữu với hỷ, định câu hữu với lạc, định câu hữu với xả.

“Này Tỳ-kheo, nếu tu tập các định này, tu một cách khéo léo thì nên tu thêm quán pháp nơi nội pháp, thực hành hết sức tinh cần, giữ vững chánh niệm chánh trí, khéo chế ngự tâm, khiến xa lìa bỏn sẻn tham lam, ý không sâu não. Lại quán pháp nơi ngoại pháp, thực hành hết sức tinh cần, giữ vững chánh niệm chánh trí, khéo chế ngự tâm, khiến xa lìa bỏn sẻn tham lam, ý không sâu não. Lại quán pháp nơi nội ngoại pháp, thực hành hết sức tinh cần, giữ vững chánh niệm chánh trí, khéo chế ngự tâm, khiến xa lìa bỏn sẻn tham lam, ý không sâu não. Này Tỳ-kheo, với định như thế, lúc đi lúc đến, hãy khéo tu tập. Lúc đứng, lúc ngồi, lúc nằm, lúc ngủ, lúc

thức, lúc tỉnh dậy, cũng đều tu tập như vậy.

“Lại nữa, nên tu tập định có tầm có tứ, định không tầm chỉ tứ, định không tầm không tứ, cũng nên tu tập định câu hữu với hỷ, định câu hữu với lạc, định câu hữu với định, định câu hữu với xả. Nay Tỳ-kheo, nếu tu tập các định này, tu tập một cách khéo léo, này Tỳ-kheo, tâm hãy cùng với từ tương ưng, biến mãn một phương, thành tựu và an trú. Cũng như vậy, hai, ba bốn phương, phương trên, phương dưới, châu biến cùng khắp, tâm cùng với từ tương ưng, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rộng rãi bao la, vô lượng, [544b] khéo tu tập, biến mãn cùng khắp thế gian, thành tựu và an trú. Nay Tỳ-kheo, nếu người tu tập các định này, tu một cách khéo léo, khi sống phương Đông, chắc chắn ở đó được an lạc, không có các tai hoạn đau khổ. Khi sống phương Nam, phương Tây và phương Bắc, chắc chắn ở đó an lạc, không có các tai hoạn đau khổ.

“Này Tỳ-kheo, nếu người tu tập các định này một cách khéo léo, đối với các pháp thiện mà người đã an trú, Ta không còn nói đến, hướng là sự suy thoái. Các pháp thiện cứ ngày đêm tăng trưởng, chứ bất thối.

“Này Tỳ-kheo, nếu người tu tập các định này, tu một cách khéo léo thì trong hai quả, chắc chắn sẽ đắc một, hoặc ngay trong đời này đắc cứu cánh trí. Hoặc nếu còn hữu dư thì chứng đắc A-na-hàm”.

Bấy giờ vị Tỳ-kheo ấy nghe những lời Đức Phật dạy, khéo léo thọ trì, liền từ chỗ ngồi đứng dậy cúi đầu đánh lễ dưới chân Đức Phật, đi quanh ba vòng rồi lui ra. Vị ấy thọ trì pháp của Phật, sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần. Nhân sống tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần, đạt đến cứu cánh mà một thiện nam tử đã cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo là duy chỉ cầu đắc vô thượng phạm hạnh, ngay trong đời hiện tại tự tri, tự giác, tự thân chứng đắc, thành tựu an trú, biết một cách như thật rằng ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’. Tôn giả đã biết pháp, đắc A-la-hán.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



77. KINH SA-KÊ-ĐẾ TAM TỘC TÁNH TỬ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại Sa-kê-đế¹ trong rừng Thanh².

Bấy giờ ở Sa-kê-đế có ba thiện gia nam tử là Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nan-đề và Tôn giả Kim-tì-la³ đều là thiếu niên mới xuất gia học đạo, cùng đến nhập Chánh pháp này không lâu.

Lúc ấy Đức Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo:

“Ba thiện gia nam tử này đều là thiếu niên mới xuất gia học đạo, cùng đến nhập Chánh pháp này không lâu; ba thiện nam tử ấy có vui thích sống phạm hạnh ở trong Chánh Pháp Luật này chăng?”

Khi đó các vị Tỳ-kheo im lặng, không trả lời.

Đức Thế Tôn ba lần [544c] hỏi các Tỳ-kheo rằng:

“Ba thiện gia nam tử này đều là thiếu niên mới xuất gia học đạo, cùng đến nhập Chánh pháp này không lâu; ba thiện nam tử ấy có vui thích sống phạm hạnh ở trong Chánh Pháp Luật này chăng?”

Khi ấy các Tỳ-kheo cũng ba lần im lặng, không đáp. Thế rồi Đức Thế Tôn hỏi thẳng ba thiện nam tử ấy, Ngài nói với Tôn giả A-na-luật-đà rằng:

“Các người, ba thiện gia nam tử, đều ở tuổi thiếu niên, mới xuất gia học đạo, cùng đến nhập Chánh pháp không lâu. Nay A-na-luật-đà, các người có vui thích sống phạm hạnh ở trong Chánh Pháp Luật này chăng?”

Tôn giả A-na-luật-đà thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, quả thật như vậy, chúng con vui thích sống phạm hạnh ở trong Chánh Pháp Luật này.

Đức Thế Tôn lại hỏi:

“Này A-na-luật-đà, các người lúc còn nhỏ, là những đồng tử ấu thơ, trong

¹ Sa-kê-đế 娑雞帝. Pāli: Sāketa, một thị trấn lớn của Kosala, cách Sāvatti chừng bảy dặm.

² Thanh lâm 靑林. Pāli, có lẽ: Palāsavana. Bản Pāli: trú Kosala, thôn Nalapāna, rừng Palāsa.

³ Xem kinh số 72 ở trước và kinh số 185 ở sau.

trắng, tóc đen, thân thể thanh trắng, vui thích trong du hý, vui thích trong tắm gội, săn sóc nâng niu thân thể. Về sau, bà con thân thích và cha mẹ đều cùng lưu luyến, thương yêu, khóc lóc thảm thiết, không muốn cho các người xuất gia học đạo. Các người đã quyết chí cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, không phải vì sợ giặc cướp, không phải vì sợ nợ nần, không phải vì sợ khủng bố, không phải vì sợ bần cùng, cũng không phải vì sợ không sống được mà phải xuất gia học đạo, mà chỉ vì nhàm tởm sự sanh, sự già, bệnh tật, sự chết, khóc lóc, sầu khổ, hoặc vì muốn đoạn tận khối khổ đau vĩ đại này nên xuất gia học đạo. Này A-na-luật-đà, các người vì những tâm niệm này mà xuất gia học đạo chẵng?”

Tôn giả A-na-luật-đà đáp rằng:

“Bạch Thế Tôn, quả thật như vậy”.

Phật liền nói:

“A-na-luật-đà, nếu thiện gia nam tử nào với tâm niệm như thế mà xuất gia học đạo, nhưng có biết do đâu mà chứng đắc vô lượng thiện pháp chẵng?”

Tôn giả bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, Thế Tôn là gốc của Pháp, là chủ của Pháp, Pháp do Thế Tôn nói. Mong Thế Tôn giảng giải cho chúng con. Sau khi nghe, chúng con sẽ biết được nghĩa một cách rộng rãi”.

Đức Thế Tôn liền bảo:

“Này A-na-luật-đà, các người hãy lắng nghe, khéo tư duy và ghi nhớ! Ta sẽ phân biệt nghĩa ấy cho các người”.

Các Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nan-đề, Tôn giả Kim-tì-la vâng lời lắng nghe. Đức Thế Tôn bảo:

“A-na-luật-đà, nếu ai bị dục phủ kín, bị ác pháp quán chặt, không được xả, lạc, vô thương tịch tĩnh,⁴ thì với người ấy tâm sanh ra tham lam, sân hận, thuy miên, tâm sanh không an lạc, thân sanh ra dã dượi, ăn nhiều, tâm ưu sầu. Tỳ-kheo ấy không nhẫn nại được đối khát, nóng lạnh, muỗi

⁴ Pl.: *nādhigacchati aññam vā tato santataram*, không đạt được một trạng thái khác tịch tĩnh hơn.

mòng, ruồi nhặng, gió nắng bức bách, nghe tiếng thô ác hay bị đánh đập cũng không thể nhẫn nại được. Thân mắc phải các bệnh tật thống khổ đến mức muốn chết và gặp những cảnh ngộ [545a] không vừa lòng đều không thể nhẫn chịu được. Vì sao? Vì bị dục phủ kín, bị ác pháp quấn chặt, không được xả, lạc, vô thượng tịch tịnh. Trái lại, nếu ly dục, không bị ác pháp quấn chặt, chắc chắn sẽ đạt đến xả, lạc, vô thượng tịch tịnh. Tâm vị ấy không sanh ra tham lam, sân nhuế, thụy miên, tâm được an lạc. Thân không sanh ra dã dượi, cũng không ăn nhiều, tâm không sầu não. Tỳ-kheo ấy nhẫn nại được đói khát, lạnh nóng, muỗi mòng, ruồi nhặng, gió nắng bức bách, nghe tiếng thô ác hay bị đánh đập cũng đều nhẫn nại được. Thân dù mắc những chứng bệnh hiểm nghèo rất thống khổ đến mức chết được, hay gặp những cảnh ngộ không thể vừa lòng, đều nhẫn nại được. Vì sao? Vì không bị dục phủ kín, không bị ác pháp quấn chặt, lại đạt đến xả, lạc, vô thượng tịch tịnh.

Đức Thế Tôn hỏi:

“Này A-na-luật-đà, Như Lai vì ý nghĩa gì mà có cái hoặc phải đoạn trừ, hoặc có cái phải thọ dụng, hoặc có cái phải kham nhẫn, hoặc có cái phải đình chỉ, hoặc có cái phải xả bỏ⁵?”

A-na-luật-đà bạch rằng:

“Thế Tôn là gốc của Pháp, là chủ của Pháp, Pháp do Thế Tôn nói. Mong Thế Tôn giảng giải cho chúng con. Sau khi nghe xong, chúng con sẽ biết được những nghĩa ấy một cách rộng rãi”.

Đức Thế Tôn lại bảo:

“Này A-na-luật-đà, các người hãy lắng nghe, khéo tư duy và ghi nhớ! Ta sẽ phân biệt những thiện lợi ấy cho các người”.

Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nan-đề, Tôn giả Kim-tì-la vâng lời lắng nghe.

Đức Thế Tôn bảo:

⁵ Hữu sở trừ, sở dụng, sở kham, sở chỉ, sở thối 所除 所用 所堪 所止 所吐.
Pāli: *saṅkhāyekaṃ paṭisevati saṅkhāyekaṃ adhvāsati saṅkhāyekaṃ parivajjati saṅkhāyekaṃ vinodeti*: sau khi tư duy, thọ dụng một pháp; sau khi tư duy, nhẫn thọ (chấp nhận) một pháp; sau khi tư duy, xả ly một pháp; sau khi tư duy, bài trừ một pháp.

“Này A-na-luật-đà, các lậu cấu uế là gốc của sự hữu trong tương lai, là sự phiền nhiệt, là nhân của khổ báo, của sanh, già, bệnh, chết; Như Lai không phải vì không diệt tận, không phải vì không biến tri mà có cái phải đoạn trừ, có cái phải thọ dụng, có cái phải kham nhẫn, có cái phải đình chỉ, có cái phải xả bỏ. Này A-na-luật-đà, Như Lai chỉ vì nhân nơi thân này, nhân nơi sáu xứ, nhân nơi thọ mạng mà có cái phải đoạn trừ, có cái phải thọ dụng, có cái phải kham nhẫn, có cái phải đình chỉ, có cái phải xả bỏ. Này A-na-luật-đà, Như Lai vì những nghĩa này mà có cái phải đoạn trừ, có cái phải thọ dụng, có cái phải kham nhẫn, có cái phải đình chỉ, có cái phải xả bỏ”.

Đức Thế Tôn hỏi:

“Này A-na-luật-đà, Như Lai vì những ý nghĩa nào mà sống nơi rừng vắng, trong núi sâu, dưới gốc cây, ưa sống nơi vách núi cao, vắng vẻ không tiếng động, viễn ly, không có sự ác, không có bóng người, tùy thuận tĩnh tọa như thế?”

Tôn giả A-na-luật-đà thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, Thế Tôn là gốc của Pháp, Thế Tôn là Chủ của Pháp, Pháp do Thế Tôn nói. Mong Thế Tôn giảng giải cho chúng con. Sau khi nghe xong, chúng con sẽ được những thiện lợi ấy một cách rộng rãi”.

Đức Thế Tôn bảo rằng:

[545b] “Này A-na-luật-đà, các người hãy lắng nghe và khéo tư duy, ghi nhớ! Ta sẽ phân biệt những thiện lợi ấy cho các người”.

Các Tôn giả vâng lời lắng nghe.

Đức Thế Tôn bảo:

“Này A-na-luật-đà, không phải vì muốn đạt được những gì chưa đạt đến, vì muốn thu hoạch những gì chưa thu hoạch, vì muốn chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ mà Như Lai sống nơi rừng vắng, trong núi sâu, dưới gốc cây, thích ở non cao, vắng bật tiếng tăm, xa lánh, không sự dữ, không có bóng người, tùy thuận tĩnh tọa. Này A-na-luật-đà, Như Lai chỉ vì hai mục đích sau đây nên mới sống nơi rừng vắng, trong núi sâu, dưới gốc cây, thích ở non cao, vắng bật tiếng tăm, xa lánh, không sự dữ, không có bóng người, tùy thuận tĩnh tọa. Một là, sống an lạc ngay trong đời hiện tại. Hai là, vì thương xót chúng sanh đời sau. Đời sau hoặc có chúng sanh học theo Như Lai, sống nơi rừng vắng, trong núi sâu, dưới

gốc cây, thích ở non cao, vắng bật tiếng người, tùy thuận tĩnh tọa. Nay A-na-luật-đà, vì những mục đích ấy mà Như Lai sống nơi rừng vắng, trong núi sâu, dưới gốc cây, thích ở non cao, vắng bật tiếng tăm, xa lánh, không sự dữ, không có bóng người, tùy thuận tĩnh tọa”.

Đức Thế Tôn hỏi:

“Này A-na-luật-đà, vì ý nghĩa gì mà khi đệ tử mạng chung Như lai ký thuyết nggờinày sanh chỗ này, người kia sanh chỗ kia?”

Tôn giả A-na-luật-đà thưa:

“Bạch Thế Tôn, Thế Tôn là gốc của Pháp, Thế Tôn là chủ của Pháp, Pháp do Thế Tôn nói. Mong Thế Tôn giảng giải cho chúng con. Sau khi nghe xong, chúng con sẽ được những thiện lợi ấy một cách rộng rãi”.

Đức Thế Tôn bảo rằng:

“Này A-na-luật-đà, các người hãy lắng nghe và khéo tư duy, ghi nhớ! Ta sẽ phân biệt những ý nghĩa ấy cho các người”.

Các Tôn giả vâng lời lắng nghe.

Đức Thế Tôn bảo:

“Này A-na-luật-đà, không phải vì xu hướng của người mà nói, cũng chẳng phải vì lừa gạt người, cũng chẳng phải vì muốn vui lòng người mà khi đệ tử lâm chung, Như Lai ghi nhận vị này sẽ sanh chỗ này, vị kia sanh chỗ kia. Nay A-na-luật-đà, chỉ vì những thanh tín thiện nam hay thanh tín thiện nữ với tín tâm nhiệt thành, với ái lạc cao độ, với hỷ duyệt cùng cực, sau khi đã nghe Chánh Pháp Luật, tâm nguyện noi theo theo như vậy, cho nên lúc lâm chung của các đệ tử, Như Lai đã ghi nhận vị này sanh chỗ này, vị kia sanh chỗ kia. Nếu Tỳ-kheo nào nghe Tôn giả ấy lâm chung nơi ấy, được Phật ghi nhận đã đắc cứu cánh trí, biết như thật rằng: ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’. Hoặc nhiều lần trông thấy, hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: ‘Tôn giả ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy’. Tỳ-kheo kia nghe xong nhớ rằng Tôn giả kia có tín tâm như vậy, [545c] trì giới như vậy, học rộng như vậy, trí tuệ như vậy. Sau khi nghe Chánh Pháp Luật này, Tỳ-kheo kia có thể tâm nguyện noi theo như vậy, như vậy. Nay A-na-luật-đà, Tỳ-kheo ấy chắc chắn được

phần nào sống trong sự an lạc thoải mái⁶.

“Này A-na-luật-đà, nếu Tỳ-kheo nào nghe Tôn giả ấy lâm chung ở chỗ ấy, được Phật ghi nhận đã dứt sạch năm hạ phần kiết, sanh vào nơi kia mà nhập Niết-bàn, chứng đắc pháp bất thối, không còn trở lại thế gian này nữa. Hoặc chính mắt trông thấy, hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng ‘Tôn giả ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy’. Tỳ-kheo kia nghe xong nhớ rằng Tôn giả kia có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, trí tuệ như vậy. Sau khi nghe Pháp Luật chân chánh này, Tỳ-kheo đó tâm nguyện noi theo theo như vậy, như vậy. Này A-na-luật-đà, Tỳ-kheo đó chắc chắn được phần nào sống trong sự an lạc thoải mái.

“Này A-na-luật-đà, lại nữa, Tỳ-kheo nào nghe rằng: ‘Tôn giả ấy lâm chung ở chỗ ấy, được Phật ghi nhận dứt sạch ba kiết sử, đã làm mỏng dâm, nộ, si, chỉ một lần qua lại thiên thượng, nhân gian; sau một lần qua lại thì đoạn tận khổ biên’. Hoặc tận mắt trông thấy, hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: ‘Tôn giả ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy’. Sau khi nghe xong, Tỳ-kheo kia nhớ rằng: ‘Tôn giả kia có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, trí tuệ như vậy. Nghe Pháp Luật chân chánh này rồi, Tỳ-kheo đó có thể tâm nguyện noi theo theo như vậy, như vậy...’ Này A-na-luật-đà, Tỳ-kheo đó chắc chắn được phần nào sống trong sự an lạc.

“Lại nữa, này A-na-luật-đà, Tỳ-kheo nào nghe Tôn giả ấy lâm chung ở nơi ấy, được Phật ghi nhận đã dứt sạch ba kiết sử, đắc Tu-đà-hoàn, không còn đọa ác pháp, nhất định sẽ đạt đến chánh giác, nhiều lắm là bảy lần thọ sanh. Sau bảy lần qua lại nhân gian, thiên thượng thì đạt đến tận cùng sự khổ. Hoặc tận mắt trông thấy, hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: ‘Tôn giả ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy’. Sau khi nghe xong, Tỳ-kheo kia nhớ rằng: ‘Tôn giả kia có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy. Sau khi nghe Pháp Luật chân chánh này, Tỳ-kheo đó có thể tâm nguyện noi theo theo như vậy, như vậy’. Này A-na-luật-đà, Tỳ-kheo đó chắc chắn được phần nào sống trong sự an lạc thoải mái.

⁶ Hán: sai giảng an lạc trụ chỉ. Xem cht.20, kinh số 72.

“Này A-na-luật-đà, nếu Tỳ-kheo-ni nào nghe rằng: [546a] “Tỳ-kheo-ni ấy được Phật ghi nhận đã dứt cứu cánh trí, biết như thật ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’. Hoặc tận mắt trông thấy Tỳ-kheo-ni ấy, hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: ‘Tỳ-kheo-ni ấy có tín tâm như vậy, có trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy’. Sau khi nghe xong, nhớ rằng Tỳ-kheo-ni ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy. Sau khi nghe Pháp Luật chân chánh này, Tỳ-kheo-ni đó có thể tâm nguyện noi theo theo như vậy, như vậy. Này A-na-luật-đà, Tỳ-kheo-ni đó chắc chắn được phần nào sống trong sự an lạc thoải mái.

“Lại nữa, này A-na-luật-đà, Tỳ-kheo-ni nào nghe rằng: ‘Tỳ-kheo-ni ấy lâm chung nơi ấy, được Đức Thế Tôn ghi nhận đã dứt sạch năm hạ phần kiết, sanh vào nơi kia mà nhập Niết-bàn, đắc pháp bất thối, không còn trở lại cõi này nữa’. Hoặc tận mắt trông thấy, hoặc nhiều lần nghe người khác nói lại rằng: ‘Tỳ-kheo ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy’. Sau khi nghe Pháp Luật chân chánh này, Tỳ-kheo-ni ấy có thể tâm nguyện noi theo theo như vậy, như vậy. Này A-na-luật-đà, như vậy, Tỳ-kheo-ni đó chắc chắn được phần nào sống trong sự an lạc thoải mái.

“Lại nữa, này A-na-luật-đà, Tỳ-kheo-ni nào nghe rằng: ‘Tỳ-kheo-ni ấy lâm chung nơi ấy, được Đức Phật ghi nhận rằng đã dứt sạch ba kiết sử, đã mỏng dâm, nộ, si; chỉ một lần qua lại thiên thượng, nhân gian. Sau khi một lần qua lại ấy thì đạt đến tận cùng sự khổ’. Hoặc tận mắt trông thấy, hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: ‘Tỳ-kheo-ni ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy’. Nghe xong, nhớ rằng: Tỳ-kheo-ni ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy. Sau khi nghe Pháp Luật chân chánh này, vị ấy có thể tâm nguyện noi theo theo như vậy, như vậy. Này A-na-luật-đà, như vậy, Tỳ-kheo-ni đó chắc chắn được phần nào sống trong sự an lạc.

“Lại nữa, này A-na-luật-đà, Tỳ-kheo-ni nào nghe rằng ‘Tỳ-kheo-ni ấy lâm chung nơi ấy, được Đức Phật ghi nhận đã dứt sạch ba kiết sử, đắc Tu-đà-hoàn, không đọa vào ác pháp, nhất định đã đạt đến chánh giác, nhiều lắm là bảy lần thọ sanh. Sau bảy lần qua lại thiên thượng, nhân

gian thì đạt đến tận cùng sự khổ’. Hoặc tận mắt trông thấy, hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: ‘Tỳ-kheo-ni ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy’. Nghe xong, Tỳ-kheo-ni kia nhớ rằng: Tỳ-kheo-ni ấy có tín tâm như vậy, [546b] trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy. Sau khi nghe Pháp Luật chân chánh này rồi, Tỳ-kheo-ni kia có thể tâm nguyện noi theo như vậy, như vậy. Nay A-na-luật-đà, Tỳ-kheo-ni đó chắc chắn có sự sai giáng an lạc trụ chỉ.

“Này A-na-luật-đà, nếu vị Ưu-bà-tắc nào nghe vị Ưu-bà-tắc ấy lâm chung ở chỗ ấy, được Phật ghi nhận đã dứt sạch năm hạ phần kiết, sanh vào chỗ kia mà nhập Niết-bàn, đắc pháp bất thối, không còn trở lại thế gian này nữa. Hoặc tận mắt trông thấy, hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: ‘Ưu-bà-tắc ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy’. Nghe xong, vị Ưu-bà-tắc kia nhớ rằng: Vị Ưu-bà-tắc ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy. Sau khi nghe Pháp Luật chân chánh này, vị Ưu-bà-tắc kia có thể tâm nguyện noi theo như vậy, như vậy. Nay A-na-luật-đà, như vậy vị Ưu-bà-tắc kia chắc chắn được phần nào sống trong sự an lạc.

“Lại nữa, này A-na-luật-đà, Ưu-bà-tắc nào nghe vị Ưu-bà-tắc ấy lâm chung ở chỗ ấy, được Phật ghi nhận dứt sạch ba kiết, đã làm mỏng dâm, nộ, si; chỉ một lần qua lại thiên thượng, nhân gian. Sau một lần qua lại ấy thì đạt đến tận cùng sự khổ. Hoặc tận mắt trông thấy, hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng ‘Ưu-bà-tắc ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy’. Nghe xong, Ưu-bà-tắc kia nhớ rằng: Vị Ưu-bà-tắc ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy. Sau khi nghe Pháp Luật chân chánh này, vị Ưu-bà-tắc kia có thể tâm nguyện noi theo như vậy, như vậy. Nay A-na-luật-đà, vị Ưu-bà-tắc đó chắc chắn được phần nào sống trong sự an lạc.

“Lại nữa, này A-na-luật-đà, Ưu-bà-tắc nào nghe Ưu-bà-tắc kia lâm chung ở chỗ ấy, được Phật ghi nhận đã dứt sạch ba kiết sử, đắc Tu-đà-hoàn, đã đoạn ác pháp, nhất định sẽ đạt đến chánh giác, nhiều lắm là bảy lần thọ sanh nữa. Sau bảy lần qua lại thiên thượng, nhân gian thì đạt đến tận cùng sự khổ. Hoặc tận mắt trông thấy, hoặc nhiều lần nghe người khác kể

lại rằng: ‘Ưu-bà-tắc ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy’. Nghe xong, Ưu-bà-tắc kia nhớ lại rằng: Vị Ưu-bà-tắc ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy. Sau khi nghe Pháp Luật chân chánh này, vị Ưu-bà-tắc kia có thể tâm nguyện noi theo theo như vậy, như vậy... Nay A-na-luật-đà, vị Ưu-bà-tắc đó chắc chắn được phần nào sống trong sự an lạc.

“Này A-na-luật-đà, nếu Ưu-bà-di nào nghe vị Ưu-bà-di ấy lâm chung nơi ấy, được Phật ghi nhận dứt sạch năm hạ phần kiết, sanh vào nơi kia mà nhập Niết-bàn, đắc pháp bất thối, không còn trở lại thế gian này nữa. Hoặc tận mắt trông thấy, hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: ‘Ưu-bà-di ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy’. Nghe xong, Ưu-bà-di đó nhớ lại rằng: Vị Ưu-bà-di ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy. Sau khi nghe Pháp Luật chân chánh này, vị Ưu-bà-di đó có thể tâm nguyện noi theo theo như vậy, như vậy... Nay A-na-luật-đà, vị Ưu-bà-di đó chắc chắn được phần nào sống trong sự an lạc.

“Lại nữa, này A-na-luật-đà, Ưu-bà-di nào nghe Ưu-bà-di đó lâm chung ở nơi ấy, được Phật ghi nhận đã dứt sạch ba phần kiết, làm mỏng dâm, nộ, si; chỉ một lần qua lại thiên thượng, nhân gian. Sau một lần qua lại ấy thì đạt đến tận cùng sự khổ. Hoặc tận mắt trông thấy, hoặc nghe người khác kể lại rằng: ‘Ưu-bà-di ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy’. Nghe xong, Ưu-bà-di kia nhớ lại rằng: Ưu-bà-di ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy. Sau khi nghe Pháp Luật chân chánh này, Ưu-bà-di đó có thể tâm nguyện noi theo theo như vậy, như vậy... Nay A-na-luật-đà, vị Ưu-bà-di đó chắc chắn được phần nào sống trong sự an lạc.

“Lại nữa, này A-na-luật-đà, vị Ưu-bà-di nào nghe vị Ưu-bà-di đó lâm chung ở nơi ấy, được Phật ghi nhận đã dứt sạch ba kiết, chứng Tu-đà-hoàn, không còn đọa vào ác pháp, nhất định sẽ đến chánh giác, nhiều lắm là bảy lần thọ sanh. Sau bảy lần qua lại thiên thượng, nhân gian thì đạt đến tận cùng sự khổ. Hoặc tận mắt trông thấy, hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: ‘Ưu-bà-di ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy’. Nghe xong, Ưu-bà-di ấy nhớ lại rằng: Ưu-bà-di ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng

như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy. Sau khi nghe Pháp Luật chân chánh này, Ưu-bà-di ấy có thể tâm nguyện noi theo như vậy, như vậy... Nay A-na-luật-đà, vị Ưu-bà-di ấy chắc chắn được phần nào sống trong sự an lạc.

“Này A-na-luật-đà, Như Lai vì những thiện lợi ấy nên khi đệ tử lâm chung ghi nhận vị này sẽ sanh vào chỗ này, vị kia sẽ sanh vào chỗ kia”.

Phật thuyết như vậy Tôn giả A-na-luật-đà và các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.⁷



⁷ Bản Hán, hết quyển 18.

78. KINH PHẠM THIÊN THỈNH PHẬT

[547a11] Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ có một Phạm thiên¹ ở cõi trời Phạm thiên, sanh khởi tà kiến như thế này: “Chỗ này là hằng hữu, chỗ này là thường hữu, chỗ này là trường tồn, chỗ này quan yếu², chỗ này pháp không hoại diệt³, chỗ này là xuất yếu⁴, ngoài xuất yếu này không còn xuất yếu nào khác nữa mà có đáng Tối Thắng Lâm, Tối diệu, Tối thượng”.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bằng tha tâm trí, biết rõ tâm niệm của Phạm thiên đang nghĩ, liền như vậy mà nhập định⁵. Với định như vậy, chỉ trong khoảnh khắc ví như người lực sĩ co duỗi cánh tay Ngài biến mất khỏi vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Thắng Lâm Lâm tại nước Xá-vệ, đi lên cõi trời Phạm.

Lúc ấy, Phạm thiên trông thấy Đức Thế Tôn đi đến, liền chào hỏi:

“Kính chào Đại Tiên nhân, chỗ này là thường hữu, chỗ này là hằng hữu, chỗ này là trường tồn, chỗ này là quan yếu, chỗ này là pháp không hoại diệt, chỗ này là xuất yếu, và ngoài xuất yếu này không còn xuất yếu nào hơn nữa mà có bậc Tối Thắng Lâm, Tối diệu, Tối thượng”.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo:

“Này Phạm thiên, cái không thường, ông bảo là thường; cái không hằng, ông bảo là hằng; cái không trường tồn, ông bảo là trường tồn; cái không quan yếu, ông bảo là quan yếu; cái hoại diệt, ông bảo là không hoại diệt; cái không xuất yếu, ông bảo là xuất yếu mà ngoài sự xuất yếu ấy, không còn xuất yếu nào khác nữa để có đáng Tối Thắng Lâm, Tối diệu, Tối

¹ Bản Pāli nói vị này tên là Baka.

² Hán: thử xứ thị yếu 此處是要. Pāli: *idam kevalam*, cái này là tuyệt đối, độc nhất, toàn nhất.

³ Hán: thử xứ bất chung pháp 此處不終法. Pāli: *idam acavadhammam*, cái này là pháp bất diệt.

⁴ Hán: xuất yếu 出要. Pāli: *nissarana*, sự thoát ly, giải thoát, sự cứu rỗi.

⁵ Như kỳ tượng định 如其像定.

thượng. Phạm thiên, ông có cái vô minh ấy! Phạm thiên, ông có cái vô minh ấy!”

Lúc đó, có Ma Ba-tuần⁶ ở trong chúng. Ma Ba-tuần nói với Đức Thế Tôn rằng:

“Này Tỳ-kheo, chớ nên trái điều Phạm thiên nói, chớ nên nghịch điều Phạm thiên nói. Tỳ-kheo, nếu ông trái điều Phạm thiên nói’ [457b] nghịch điều Phạm thiên nói thì, Tỳ-kheo, cũng như người gặp vận may mà lại xua đuổi đi. Lời Tỳ-kheo nói ra, lại cũng như vậy. Cho nên, Tỳ-kheo, tôi bảo ông rằng ông chớ trái điều Phạm thiên nói, chớ nên nghịch điều Phạm thiên nói. Này Tỳ-kheo, nếu ông trái lời Phạm thiên, chống đối thuyết của Phạm thiên thì, Tỳ-kheo, cũng như người từ núi cao rơi xuống, tuy dang tay chân quờ quạng hư không nhưng không bám víu được gì. Lời Tỳ-kheo nói ra lại cũng như vậy. Cho nên, Tỳ-kheo, tôi bảo ông rằng ông chớ trái điều Phạm thiên nói, chớ nên nghịch điều Phạm thiên nói. Này Tỳ-kheo, nếu ông trái điều Phạm thiên nói, nghịch điều Phạm thiên nói thì, Tỳ-kheo, cũng như người từ trên cây cao rơi xuống, tuy dang tay chân quờ quạng lá cành nhưng chẳng bám víu được gì. Lời Tỳ-kheo nói ra lại cũng như vậy. Cho nên, này Tỳ-kheo, tôi bảo ông rằng ông chớ nên trái điều Phạm thiên nói, chớ nên nghịch điều Phạm thiên nói. Vì sao? Vì Phạm thiên là đấng Phước hựu, là Hóa công, là đấng Tối tôn, là đấng Năng tác, là đấng Sáng tạo, là Tổ phụ của tất cả chúng sanh đã sanh và sẽ sanh. Tất cả đều do Ngài sanh ra. Những gì Ngài biết là trọn biết, những gì Ngài thấy là trọn thấy⁷.

“Đại Tiên nhân, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào ghét đất, chê bai đất, thì sau khi thân hoại mạng chung, chắc chắn sanh làm thần kỹ nhạc trong chốn hạ tiện nhất. Cũng thế, đối với nước, lửa, gió, quỷ thần⁸, Chư Thiên,

⁶ Ma Ba-tuần 魔波旬. Pāli: Māra Papiman.

⁷ Pāli: *eso hi bhikkhu brahmā mahābrahmā abhibhū anabhibhūto aññudatthudaso vasavatī issaro kattā nimmātā seṭṭho sañjitā vasī pitā bhūtabhavyānam*, Tỳ-kheo, vị Brahmā này thật sự là Mahā-brahmā, là Đại Phạm thiên, là đấng Chiến thắng, Toàn thắng, Toàn kiến, Toàn năng, Tự tại, là đấng Sáng tác, Sáng tạo, Tối tôn, Chúa tể, Quyền năng, là Tổ phụ của những gì đã sanh và sẽ sanh.

⁸ Hán: thần 神, đây chỉ quỷ thần; Pāli: *bhūta*.

Sanh chủ, Phạm thiên, nếu ai ghét Phạm thiên, chê bai Phạm thiên, thì sau khi thân hoại mạng chung, chắc chắn sanh làm thân kỹ nhạc trong chốn hạ tiện nhất. Đại Tiên nhân, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào ưa thích đất, ca ngợi đất thì sau khi thân hoại mạng chung, chắc chắn sanh làm bậc tối Thượng tôn trong cõi trời Phạm thiên. Cũng thế, đối với nước, lửa, gió, quỷ thần, Chư Thiên, Sanh chủ, Phạm thiên, nếu ai ưa thích Phạm thiên, tán thán Phạm thiên, thì sau khi thân hoại mạng chung, chắc chắn sanh làm bậc tối Thượng tôn trong cõi trời Phạm thiên. Đại Tiên nhân, ông há không thấy đại quyền thuộc của Phạm thiên ấy, chẳng hạn như bọn chúng tôi đang ngồi đây chăng?”

Ma Ba-tuần chẳng phải là Phạm thiên, chẳng phải quyền thuộc của Phạm thiên, nhưng lại xưng mình là Phạm thiên. Bây giờ Đức Thế Tôn nghĩ rằng: “Ma Ba-tuần chẳng phải là Phạm thiên, cũng chẳng phải quyền thuộc của Phạm thiên, lại tự xưng là Phạm thiên. Nếu nói rằng có Ma Ba-tuần thì đây chính là Ma Ba-tuần”.

Biết rõ như vậy, Đức Thế Tôn bảo:

“Này Ma Ba-tuần, người chẳng phải Phạm thiên, cũng chẳng phải quyền thuộc của Phạm thiên, nhưng người tự xưng rằng ‘Ta là Phạm thiên’. Nếu nói rằng [547c] có Ma Ba-tuần, thì chính người là Ma Ba-tuần”.

Lúc ấy, Ma Ba-tuần liền nghĩ: “Thế Tôn đã biết ta! Thiện Thệ đã biết ta!” Biết như thế nên rất đỗi ưu sầu, vụt biến mất nơi ấy.

Bây giờ, Phạm thiên ấy lại ba lần thưa thỉnh Đức Thế Tôn rằng:

“Kính chào Đại Tiên nhân, chỗ này là thường hữu, chỗ này là trường tồn, chỗ này là quan yếu, chỗ này là pháp không hoại diệt, chỗ này là xuất yếu, ngoài xuất yếu này không còn xuất yếu nào hơn nữa mà có đáng Tối Thắng Lâm, Tối diệu, Tối tôn?!”

Đức Thế Tôn cũng ba lần bảo Phạm Thiên rằng:

“Này Phạm thiên, cái không thường, ông bảo là thường; cái không hằng, ông bảo là hằng; cái không trường tồn, ông bảo là trường tồn; cái không quan yếu, ông bảo là quan yếu; cái hoại diệt, ông bảo là không hoại diệt; cái không xuất yếu, ông bảo là xuất yếu mà ngoài sự xuất yếu ấy, không còn xuất yếu nào khác nữa để có đáng Tối Thắng Lâm, Tối diệu, Tối thượng. Phạm thiên, ông có cái vô minh ấy! Phạm thiên, ông có cái vô minh ấy!”

Rồi thì, Phạm thiên bạch Thế Tôn rằng:

“Đại Tiên nhân, thuở xưa có Sa-môn, Bà-la-môn thọ mạng rất lâu dài. Đại Tiên nhân, thọ mạng của ông ngắn quá, không bằng một khoảnh khắc ngôi yên của Sa-môn, Bà-la-môn kia. Vì sao? Vì những gì các vị ấy biết là trọn biết, những gì các vị ấy thấy là trọn thấy. Nếu thật có sự xuất yếu, ngoài sự xuất yếu ra không còn xuất yếu nào hơn nữa mà có bậc Tối Thắng Lâm, Tối diệu, Tối thượng thì các vị ấy biết ngay rằng có; và ngoài xuất yếu ấy ra, không còn sự xuất yếu nào hơn nữa mà có bậc Tối Thắng Lâm, Tối diệu, Tối thượng. Nếu thật không có sự xuất yếu, lại không có ngoài xuất yếu nào hơn nữa mà có bậc Tối Thắng Lâm, Tối diệu, Tối thượng thì các vị ấy biết ngay là không có. Đại Tiên nhân, đối với chỗ xuất yếu ông nghĩ là không xuất yếu. Trái lại, đối với chỗ không phải là xuất yếu, ông nghĩ là xuất yếu. Như vậy, ông không đạt được chỗ xuất yếu và trở thành kẻ đại si. Vì sao? Vì sẽ không bao giờ có cảnh giới ấy cho ông.

“Đại Tiên nhân, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào ưa thích đất, ca ngợi đất, thì vị ấy tùy theo sự tự tại của ta, làm theo ý ta muốn, vâng theo mệnh lệnh ta sai. Cũng thế, đối với nước, lửa, gió, quỷ thần, Chư Thiên, Sanh chủ, Phạm thiên; nếu ai ưa thích Phạm thiên, ca ngợi Phạm thiên thì vị ấy tùy theo sự tự tại của ta, làm theo ý ta muốn, vâng theo mệnh lệnh ta sai. Đại Tiên nhân, nếu ông ưa thích đất, ca ngợi đất, thì ông cũng tùy theo sự tự tại của ta, làm theo ý ta muốn, vâng theo mệnh lệnh ta sai. Cũng thế, với nước, lửa, gió, quỷ thần, Chư Thiên, Sanh chủ, Phạm thiên; nếu ông ưa thích Phạm thiên, ca ngợi Phạm thiên thì ông cũng tùy theo sự tự tại của ta, làm theo ý ta muốn, vâng theo mệnh lệnh ta sai”.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói rằng:

“Phạm thiên, điều Phạm thiên nói sự thật. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào ưa thích đất, ca ngợi đất, vị ấy tùy theo sự tự tại của ông, làm theo [548a] ý ông muốn, vâng theo mệnh lệnh ông sai. Cũng vậy, đối với nước, lửa, gió, quỷ thần, Chư Thiên, Sanh chủ, Phạm thiên; nếu ai ưa thích Phạm thiên, ca ngợi Phạm thiên thì vị ấy tùy theo sự tự tại của ông, làm theo ý ông muốn, vâng theo mệnh lệnh của ông sai. Và này Phạm thiên, nếu Ta ưa thích đất, ca ngợi đất thì Ta cũng tùy theo sự tự tại của ông, làm theo ý ông muốn và vâng theo mệnh lệnh của ông sai. Cũng thế, đối với nước, lửa, gió, quỷ thần, Chư Thiên, Sanh chủ, Phạm thiên;

nếu Ta ưa thích Phạm thiên, ca ngợi Phạm thiên thì Ta cũng tùy theo sự tự tại của ông, làm theo ý ông muốn, vâng theo mệnh lệnh ông sai.

“Nhưng này Phạm thiên, nếu tám sự kiện này⁹, Ta tùy theo mỗi sự mà ưa thích, mà ca ngợi, thì những điều ấy cũng vẫn như thế. Này Phạm thiên, Ta biết rõ ông từ đâu đến và sẽ đi đâu, tùy nơi ông đang sống, tùy chỗ ông mất, và tùy chốn ông tái sanh. Nếu có Phạm thiên thì Phạm thiên ấy có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần”.

Nghe vậy, Phạm thiên bạch Thế Tôn rằng:

“Đại Tiên nhân, làm thế nào ông biết được điều ta biết, thấy được điều ta thấy? Làm sao ông biết rõ ta như mặt trời, tự tại soi sáng khắp nơi, bao trùm cả một ngàn thế giới? Ông có tự tại không, trong một ngàn thế giới ấy? Ông có biết nơi này và nơi kia, nơi nào không có ngày đêm không? Này Đại Tiên nhân, ông có lần nào qua lại các nơi ấy chưa? Hay đã nhiều lần qua lại các nơi ấy rồi?”

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo:

“Này Phạm thiên, như mặt trời tự tại, soi sáng khắp nơi, bao trùm cả một ngàn thế giới. Trong ngàn thế giới ấy, Ta được tự tại và cũng biết này hay nơi kia, không có ngày đêm. Này Phạm thiên, Ta đã từng qua lại những nơi ấy và qua lại rất nhiều lần. Này Phạm thiên, có ba loại trời, đó là Quang thiên, Tịnh quang thiên và Biến tịnh quang thiên¹⁰. Nếu những gì mà ba loại trời ấy có biết và có thấy, thì Ta cũng có biết và có thấy. Phạm thiên, những gì mà ba loại trời đó không có biết, không có thấy, thì riêng Ta vẫn có biết, có thấy. Này Phạm thiên, nếu những gì mà ba loại trời ấy và quyến thuộc của họ có biết và có thấy thì Ta cũng có biết và có thấy. Những gì mà ba loại trời ấy và quyến thuộc họ không biết, không

⁹ Tám sự kể trên: bốn đại: đất, nước, lửa, gió, và quỷ thần, chư Thiên, Sanh chủ, Phạm thiên. Pāli: *pathavī, āpa, tejo, vāyo, bhūta, deva, pajāpati, brahmā*.

¹⁰ Quang thiên 光天 (Pāli: Parittābhā: Thiếu quang); Tịnh quang thiên 淨光天 (Pāli: Apramāṇābhā: Vô lượng quang) Biến tịnh quang thiên 遍淨光天 (Pāli: Ābhassara: Cực quang), cả ba thuộc thiên thứ hai Sắc giới. Bản Pāli kể: Ābhassara Cực quang thiên, cao nhất trong Nhị thiên), Subhakiṇṇa (Biến tịnh thiên, cao nhất trong Tam thiên) và Vehapphala (Quảng quả thiên thấp nhất trong Tứ thiên). Phạm thiên thuộc Sơ thiên.

thấy, thì riêng Ta vẫn có biết, có thấy. Nay Phạm thiên, những gì mà ông có biết, có thấy, Ta cũng có biết, có thấy. Những gì mà ông không có biết, có thấy, thì riêng Ta vẫn có biết, có thấy. Nay Phạm thiên, nếu những gì mà ông và những quyền thuộc của ông có biết, có thấy, thì Ta cũng có biết, có thấy. Những gì mà ông và quyền thuộc của ông không có biết, có thấy, thì riêng Ta vẫn có biết, có thấy. Nay Phạm thiên, ông không thể ngang hàng Ta về tất cả, ông không thể ngang hàng Ta suốt hết. Nhưng đối với ông, Ta là Tối Thắng Lâm, [548b] Tối thượng.

Nghe vậy, Phạm thiên thưa Đức Thế Tôn rằng:

“Này Đại Tiên nhân, do đâu mà nếu những gì ba loại trời ấy có biết và có thấy, thì ông cũng có biết và có thấy; những gì mà ba loại trời đó không có biết, không có thấy, thì riêng ông vẫn có biết, có thấy? Nếu những gì mà ba loại trời ấy và quyền thuộc của họ có biết và có thấy thì ông cũng có biết và có thấy; những gì mà ba loại trời ấy và quyền thuộc họ không biết, không thấy, thì riêng ông vẫn có biết, có thấy? Nếu những gì mà ta có biết, có thấy, ông cũng có biết, có thấy; những gì mà ta không có biết, có thấy, thì riêng ông vẫn có biết, có thấy? Nếu những gì mà ta và những quyền thuộc của ta có biết, có thấy, thì ông cũng có biết, có thấy; những gì mà ta và quyền thuộc của ta không có biết, có thấy, thì riêng ông vẫn có biết, có thấy? Đại Tiên nhân, đó không phải là lời nói khoác chăng? Sau khi hỏi xong, không biết có tăng thêm sự ngu si chăng? Vì sao? Vì nếu biết vô lượng cảnh giới nên có vô lượng biết, vô lượng thấy, vô lượng chủng loại phân biệt. Trái lại, ta thì biết riêng rẽ từng cái. Là đất, ta biết đó là đất. Là nước, lửa, gió, quỷ thần, Chư Thiên, Sanh chủ, Phạm thiên, cũng giống như thế. Là Phạm thiên, ta biết đó là Phạm thiên”.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo rằng:

“Này Phạm thiên, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào đối với đất mà có tưởng về đất rằng: ‘Đất là ta, đất là sở hữu của ta, ta là sở hữu của đất’, thì khi chấp đất là ta tức không biết rõ đất. Cũng thế, đối với nước, lửa, gió, quỷ thần, Chư Thiên, Sanh chủ, Phạm thiên, Vô phiền thiên, Vô nhiệt và Tịnh¹¹; nếu nghĩ rằng: ‘Tịnh là ta, Tịnh là sở hữu của ta, ta là sở

¹¹ Vô phiền, Vô nhiệt và Tịnh, nên hiểu là Vô phiền thiên, Vô nhiệt thiên, và Tịnh cư thiên. Xem cht.5 kinh 106.

hữu của Tịnh’, khi chấp nhận Tịnh là ta rồi, vị ấy không thực biết về Tịnh. Phạm thiên, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào đối với đất mà biết là đất, ‘Đất không phải là ta, đất không phải là sở hữu của ta, ta không phải là sở hữu của đất,’ do không chấp đất là ta nên vị ấy mới thực biết về đất. Cũng thế, đối với nước, lửa, gió, quý thần, Sanh chủ, Chư Thiên, Phạm thiên, Vô phiền, Vô nhiệt, Tịnh mà nghĩ rằng ‘Tịnh chẳng phải là ta, Tịnh chẳng phải là sở hữu của ta, ta chẳng phải là sở hữu của Tịnh,’ do không chấp Tịnh là ta nên vị ấy mới thật sự biết về Tịnh.

Nghe vậy, Phạm thiên thưa với Đức Thế Tôn rằng:

“Chúng sanh này, ai cũng ái trước hữu, ưa thích hữu, than cận hữu hữu. Chỉ có ông đã nhổ tận gốc rễ hữu. Vì sao? Vì ông là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác”.

Phạm thiên [548c] liền nói bài kệ:

*Nơi hữu thấy sợ hãi;
Không hữu thấy sợ gì?
Cho nên đừng ưa hữu;
Hữu làm sao chẳng dứt?¹²*

“Này Đại Tiên nhân, tôi nay muốn ẩn hình”.

Đức Thế Tôn bảo:

“Này Phạm thiên, nếu ông muốn ẩn mình thì cứ tùy tiện”.

Phạm thiên liền ẩn hình ngay nơi đó. Đức Thế Tôn thấy rõ, liền nói:

“Phạm thiên, ông ở chỗ này. Ông đến chỗ kia. Ông lại ở giữa”.

Phạm thiên vận dụng hết như ý túc, muốn tự ẩn hình mà không thể tự ẩn, nên hiện hình trở lại giữa cõi trời Phạm thiên.

Bấy giờ Đức Thế Tôn mới bảo:

“Này Phạm thiên, Ta cũng muốn ẩn mình”.

Phạm thiên thưa rằng:

“Đại Tiên nhân, nếu muốn ẩn mình, xin cứ tùy tiện”.

Lúc ấy, Đức Phật nghĩ rằng: “Ta hãy như vậy mà hóa hiện như ý túc¹³,

¹² Trong bản Pāli, bài kệ này do Phật nói.

¹³ Như kỳ tượng như ý túc 如其像如意足.

phóng hào quang cực sáng, chiếu rọi cùng khắp cõi trời Phạm thiên, rồi ẩn hình trong đó, khiến cho Phạm thiên và quyến thuộc của Phạm thiên chỉ nghe tiếng mà không thấy hình Ta”.

Nghĩ xong, Đức Thế Tôn hiện như ý túc như vậy, phóng hào quang cực sáng, chiếu rọi khắp cõi trời Phạm thiên. Phạm thiên và quyến thuộc chỉ nghe tiếng mà không thấy hình Ngài. Bấy giờ Phạm thiên và quyến thuộc mới nghĩ rằng: “Sa-môn Cù-đàm thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần. Vì sao? Vì đã phóng hào quang chiếu sáng, chiếu rọi khắp cả trời Phạm thiên, rồi tự ẩn hình trong đó, khiến cho chúng ta chỉ được nghe tiếng mà không thấy hình”.

“Lúc ấy, Đức Thế Tôn lại nghĩ rằng: “Ta đã giáo hóa Phạm thiên này và quyến thuộc của Phạm thiên. Nay Ta hãy thu hồi như ý túc”.

“Đức Thế Tôn liền thu hồi như ý túc, hiện ra giữa cõi trời Phạm thiên. Khi ấy Ma vương cũng liền xuất hiện trong chúng Phạm thiên. Bấy giờ Ma vương liền bạch Thế Tôn rằng:

“Đại Tiên nhân, ông thật khéo thấy, khéo biết, khéo thông suốt, nhưng ông chớ nên giáo huấn, chớ nên diu dắt đệ tử, chớ nói pháp cho đệ tử nghe, chớ luyến ái đệ tử. Chớ vì luyến ái đệ tử mà khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào nơi thấp kém, sanh trong loại thần kỹ nhạc. Hãy sống vô vi mà hưởng thụ an ổn khoái lạc trong đời hiện tại. Vì sao? Đại Tiên nhân, vì đó là tự gây phiền nhiệt vô ích. Đại Tiên nhân, xưa có Sa-môn, Bà-la-môn giáo huấn đệ tử, diu dắt [549a] đệ tử, nói pháp cho đệ tử nghe, luyến ái đệ tử. Vì luyến ái đệ tử nên khi thân hoại mạng chung, vị ấy đã sanh vào những nơi thấp kém, sanh làm thần kỹ nhạc. Đại Tiên nhân, vì thế tôi bảo ông chớ nên giáo huấn đệ tử và diu dắt đệ tử, cũng đừng nói pháp cho đệ tử nghe, chớ luyến ái đệ tử. Vì luyến ái đệ tử, sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào nơi thấp kém, làm thần kỹ nhạc. Hãy sống vô vi mà hưởng thụ khoái lạc trong đời hiện tại. Vì sao? Vì đó là tự gây phiền nhọc vô ích mà thôi”.

Khi ấy, Phật bảo rằng:

“Ma Ba-tuần, người chẳng phải vì mong cầu nghĩa lợi cho Ta, chẳng phải vì mong cầu sự hữu ích, chẳng phải vì mưu cầu an lạc, cũng chẳng phải mưu cầu sự an ổn cho Ta mà nói với Ta rằng: ‘Đừng giáo huấn, diu dắt

đệ tử, đừng nói pháp cho đệ tử nghe, đừng luyện ái đệ tử. Vì sao? Vì luyện ái đệ tử thì sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh vào nơi thấp kém, sanh làm thần kỹ nhạc. Hãy sống mà hưởng thụ khoái lạc ngay trong đời hiện tại. Vì sao vậy? Đại Tiên nhân, vì đó là sự gây phiền nhọc vô ích mà thôi’. Ma Ba-tuần, Ta biết người đang nghĩ rằng ‘Sa-môn Cù-đàm này nói pháp cho đệ tử nghe, sau khi nghe xong, các đệ tử ấy sẽ ra khỏi cảnh giới của ta’. Nay Ma Ba-tuần, vì thế cho nên người nói với Ta rằng: ‘Đừng giáo huấn, diu dắt đệ tử, đừng nói pháp cho đệ tử nghe, cũng đừng luyện ái đệ tử, thì sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào cảnh giới thấp kém, sanh làm thần kỹ nhạc. Hãy sống vô vi mà hưởng thụ khoái lạc an ổn ngay trong đời hiện tại. Vì sao vậy? –Này Đại Tiên nhân, vì đó là sự gây phiền nhọc vô ích mà thôi’.

“Ma Ba-tuần, nếu quả có Sa-môn, Bà-la-môn nào đã giáo huấn đệ tử, diu dắt đệ tử, nói pháp cho đệ tử nghe và luyện ái đệ tử; vì luyện ái đệ tử nên thân hoại mạng chung đã sanh vào nơi thấp kém, làm thần kỹ nhạc thì Sa-môn, Bà-la-môn ấy chẳng phải là Sa-môn mà tự xưng là Sa-môn, chẳng phải là Bà-la-môn mà tự xưng là Bà-la-môn, chẳng phải A-la-hán mà tự xưng là A-la-hán, chẳng phải Đẳng chánh giác mà tự xưng Đẳng chánh giác.

“Này Ma Ba-tuần, Ta là Sa-môn thực nên mới xưng là Sa-môn, thực là Bà-la-môn nên mới xưng là Bà-la-môn, thực là A-la-hán nên mới xưng là A-la-hán, thực là Đẳng chánh giác nên mới xưng là Đẳng chánh giác. Nay Ma Ba-tuần, nếu Ta có nói pháp hay không nói pháp cho đệ tử nghe thì người cũng nên đi đi. Nay Ta tự biết nên nói pháp cho đệ tử nghe hay không nên nói pháp cho đệ tử nghe.

“Đó là sự thỉnh cầu Phạm thiên, sự chống đối của Ma Ba-tuần, sự tùy thuận thuyết pháp của Đức Thế Tôn, cho nên kinh này gọi là “Phạm thiên thỉnh Phật”.

Phật thuyết như vậy. Phạm thiên [549b] và quyến thuộc của Phạm thiên sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



79. KINH HỮU THẮNG THIÊN

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Tiên Du Tài Chủ¹ bảo một người sứ:

“Ngươi hãy đến chỗ Đức Phật, thay ta cúi đầu đánh lễ dưới chân Đức Thế Tôn và thưa hỏi Ngài: Thánh thể có khang cường, an vui, không bệnh, đi đứng dễ dàng, khí lực bình thường chăng? Hãy nói như vậy: ‘Tiên Du Tài Chủ cúi lạy dưới chân Phật, thưa hỏi Thế Tôn: Thánh thể có khang cường, an vui, không bệnh, đi đứng dễ dàng, khí lực bình thường chăng?’ Ngươi đã thay ta thăm hỏi Phật rồi, hãy đến chỗ Tôn giả A-na-luật-đà², cũng thay mặt ta cúi lạy dưới chân Tôn giả, rồi thăm hỏi rằng: ‘Tiên Du Tài Chủ cúi lạy dưới chân Tôn giả A-na-luật-đà và thưa hỏi Tôn giả: Thánh thể có khang kiện, an vui, không bệnh, đi đứng dễ dàng, thoải mái, nhẹ nhàng, khí lực bình thường chăng? Tiên Du Tài Chủ cung thỉnh Tôn giả A-na-luật-đà, tất cả bốn vị, ngày mai cùng đến thọ thực’. Nếu ngài nhận lời, thưa thêm rằng: ‘Bạch Tôn giả, Tiên Du Tài Chủ nhiều công việc, nhiều bổn phận, làm các việc cho vua, giải quyết việc thần tá³. Cúi xin Tôn giả vì lòng thương xót, cùng tất cả bốn vị nữa, ngày mai đến nhà Tiên Du Tài Chủ’.”

Lúc ấy người sứ nghe lời Tiên Du Tài Chủ dạy xong, đi đến chỗ Phật, cúi lạy dưới chân Ngài, đứng qua một bên mà bạch rằng:

“Bạch Đức Thế Tôn, Tiên Du Tài Chủ cúi lạy dưới chân Phật, thăm hỏi Thế Tôn: Thánh thể có khang kiện, an vui, không bệnh, đi đứng thoải mái nhẹ nhàng, khí lực bình thường chăng?”

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo người sứ:

“Mong rằng Tiên Du Tài Chủ an ổn, khoái lạc. Mong rằng trời, người, A-

¹ Tiên Du Tài Chủ 仙餘財主; Pāli có thể là Isidatta dhanapati (thương gia), nhưng không đồng với Pāli ở đây: Pañcakaṅga thapati (Ngũ Chi vật chủ, xem kinh 179), một người thợ mộc của Pasenadi, vua xứ Kosala.

² Xem các kinh 72, 74, 77.

³ Đoán lý thần tá 斷理臣佐.

tu-la, Càn-thát-bà, La-sát và tất cả loài khác an ổn khoái lạc.

Khi ấy, người sứ nghe lời Phật dạy, khéo ghi nhớ, cúi lạy dưới chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra. Đi đến chỗ Tôn giả A-na-luật-đà cúi lạy dưới chân, ngó qua một bên và bạch rằng:

“Bạch Tôn giả A-na-luật-đà, Tiên Dư Tài Chủ cúi lạy dưới chân ngài, thăm hỏi Tôn giả: [549c] Thánh thể có khang kiện, an vui, không bệnh, đi đứng thoải mái nhẹ nhàng, khí lực bình thường chăng? Tiên Dư Tài Chủ cung thỉnh Tôn giả cùng bốn vị ngày mai cùng đến thọ thực”.

Lúc ấy, cách Tôn giả A-na-luật-đà không xa, Tôn giả Chân Ca-chiên-diên⁴ đang ngồi nghỉ. Tôn giả A-na-luật-đà liền nói:

“Hiền giả Chân Ca-chiên-diên, tôi đã nói ngày mai chúng ta đến Xá-vệ để khát thực chính là vậy. Hôm nay Tiên Dư Tài Chủ sai người thỉnh chúng ta bốn người cùng thọ thực ngày mai”.

Tôn giả Chân Ca-chiên-diên lập tức bạch rằng:

“Mong Tôn giả A-na-luật-đà vì người ấy mà nhận lời mời. Ngày mai chúng ta ra khỏi khu rừng này để vào thành Xá-vệ khát thực.”

Tôn giả A-na-luật-đà vì người ấy mà im lặng nhận lời. Lúc đó người sứ biết Tôn giả im lặng nhận lời, liền thưa thêm rằng:

“Tiên Dư Tài Chủ bạch Tôn giả rằng: ‘Tiên Dư Tài Chủ có nhiều công việc, nhiều bổn phận, làm các việc cho vua, giải quyết việc thần tá. Mong Tôn giả vì thương xót, tất cả bốn vị, ngày mai đến sớm nhà Tiên Dư Tài Chủ.’”

Tôn giả A-na-luật-đà bảo người sứ rằng:

“Ông cứ trở về, tôi tự biết thời”.

Lúc ấy, người sứ liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đánh lễ, nhiễu ba vòng rồi lui ra.

Đêm tàn, trời sáng, Tôn giả A-na-luật-đà mang y cầm bát và tất cả bốn vị cùng đến nhà Tiên Dư Tài Chủ. Bấy giờ Tiên Dư Tài Chủ với thể nữ vây quanh, đứng ở giữa cửa, chờ Tôn giả A-na-luật-đà.

Tiên Dư Tài Chủ thấy Tôn giả A-na-luật-đà từ xa đi đến. Sau khi thấy, Tiên Dư Tài Chủ chấp tay hướng về Tôn giả A-na-luật-đà tán thán:

⁴ Chân Ca-chiên-diên 真迦旃延. Pāli: Sabhiya Kaccāna.

“Kính chào Tôn giả A-na-luật-đà, đã lâu rồi ngài không đến đây”.

Với lòng tôn kính, Tiên Dur Tài Chủ dìu Tôn giả A-na-luật-đà vào trong nhà, mời ngồi trên giường tốt đẹp đã bày sẵn. Tôn giả liền ngồi trên giường ấy, Tiên Dur Tài Chủ cúi lạy dưới chân Tôn giả A-na-luật-đà, ngồi qua một bên mà bạch rằng:

“Kính bạch Tôn giả A-na-luật-đà, con có điều muốn hỏi, xin ngài nghe cho”.

Tôn giả bảo:

“Tài Chủ, tùy theo ông hỏi. Nghe rồi tôi sẽ suy nghĩ”.

Tiên Dur Tài Chủ hỏi Tôn giả A-na-luật-đà rằng:

“Có Sa-môn, Bà-la-môn đi đến chỗ con, bảo con: ‘Tài Chủ, [550a] ông nên tu đại tâm giải thoát⁵.’ Bạch Tôn giả, lại có Sa-môn, Bà-la-môn đến chỗ con, bảo con: ‘Tài Chủ, ông nên tu vô lượng tâm giải thoát⁶.’ Bạch Tôn giả, đại tâm giải thoát và vô lượng tâm giải thoát, hai giải thoát này khác vẫn khác nghĩa, hay một nghĩa nhưng khác vẫn?”

Tôn giả A-na-luật-đà bảo:

“Tài Chủ, ông hỏi điều này trước, vậy ông hãy tự trả lời trước, rồi tôi sẽ trả lời sau”.

Tài Chủ thưa:

“Bạch Tôn giả, đại tâm giải thoát và vô lượng tâm giải thoát này đồng nghĩa nhưng khác vẫn”.

Tiên Dur Tài Chủ không thể trả lời việc này⁷.

Tôn giả A-na-luật-đà bảo rằng:

“Tài chủ, hãy lắng nghe. Tôi sẽ nói cho ông nghe về đại tâm giải thoát và vô lượng tâm giải thoát.

“Thế nào là đại tâm giải thoát? Có Sa-môn, Bà-la-môn ở trong rừng vắng hoặc đến gốc cây, chỗ yên tịnh, y trên một gốc cây, ý cõi mở, đại

⁵ Đại tâm giải thoát 大心解脫. Pāli: *mahaggatā cetovimutti*, tâm giải thoát đại hành, được phát triển rộng lớn.

⁶ Vô lượng tâm giải thoát 無量心解脫. Pāli: *appamāṇā cetovimutti*.

⁷ Pāli, ngài không thừa nhận cả hai đồng nghĩa.

tâm giải thoát biến mãn, thành tựu an trụ, chỉ với giới hạn bằng chừng đó, tâm giải thoát không vượt hơn chỗ đó⁸. Nếu không y trên một cây, thì hãy y trên hai, hay ba gốc cây, ý cởi mở, đại tâm giải thoát biến mãn, thành tựu an trụ, với giới hạn bằng chừng đó, tâm giải thoát không vượt hơn chỗ đó. Nếu không y trên hai, hay ba gốc cây thì hoặc y trên một khu rừng. Nếu không y trên một khu rừng thì hoặc y trên hai, ba khu rừng. Nếu không y trên hai, ba khu rừng, nên y trên một thôn. Nếu không y trên một thôn thì nên y trên hai, ba thôn. Nếu không y trên hai, ba thôn thì hoặc y trên một nước. Nếu không y trên một nước, thì nên y trên hai, ba nước. Nếu không y trên hai, ba nước thì hoặc y vào đại địa, cho đến đại hải, ý cởi mở, đại tâm giải thoát biến mãn, thành tựu an trú, với giới hạn bằng đó, tâm giải thoát không vượt hơn chỗ đó. Đó là đại tâm giải thoát.

“Tài Chủ, thế nào là vô lượng tâm giải thoát? Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào ở trong rừng vắng, hoặc đến gốc cây, chỗ yên tịnh trồng trái, tâm đi đôi với từ, biến mãn một phương, thành tựu và an trú. Như vậy, hai, ba, bốn phương, trên dưới cùng khắp nơi, tâm đi đôi với từ, không kết không oán, không giận không tranh, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian. Cũng như vậy, tâm đi đôi với hỷ, bi, xả, không kết không oán, không giận không tranh, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian. Đó là vô lượng tâm giải thoát”.

Tôn giả hỏi:

“Tài Chủ, đại tâm giải thoát và vô lượng tâm giải thoát, [550b] hai giải thoát này khác nghĩa, khác văn, hay đồng nghĩa đồng văn?”

Tiên Dư Tài Chủ bạch rằng:

“Từ chỗ tôi nghe Tôn giả thì tôi hiểu được nghĩa ấy. Hai giải thoát ấy, nghĩa đã khác nhau mà văn cũng khác”.

Tôn giả A-na-luật-đà bảo rằng:

“Tài Chủ, có ba loại trời: Quang thiên, Tịnh quang thiên và Biến tịnh

⁸ Bản Pāli: *yāvatā ekaṃ rukkhamūlaṃ mahaggan ti pharitvā adhimuccitvā viharati*, vị ấy an trú sau khi làm sung mãn và xác định rằng “lớn đến mức bằng một gốc cây”.

thiên⁹. Trong đó, Chư Thiên trong cõi Quang thiên sanh tại một chỗ, không nghĩ rằng: ‘Đây là sở hữu của ta, kia là sở hữu của ta’. Nhưng Quang thiên kia tùy chỗ họ đến nơi nào thì liền vui say nơi đó.

“Tài Chủ, ví như con ruồi ở nơi miếng thịt, không nghĩ rằng: ‘Đây là sở hữu của ta, kia là sở hữu của ta’, nhưng con ruồi tùy theo miếng thịt ở đâu mà vui say chỗ đó. Cũng vậy, Chư Thiên cõi Quang thiên không nghĩ rằng: ‘Đây là sở hữu của ta, kia là sở hữu của ta’, nhưng Quang thiên tùy chỗ họ đến nơi nào thì liền vui say trong đó.

“Có thời, Chư Thiên cõi Quang thiên họp lại một chỗ, tuy thân có khác nhau nhưng ánh sáng không khác.

“Tài Chủ, ví như có người thắp vô số cây đèn, đặt ở trong một cái nhà; các cây đèn kia tuy khác nhau nhưng ánh sáng của các cây đèn thì không khác. Cũng vậy, Chư Thiên cõi Quang thiên họp lại một chỗ, tuy thân có khác nhau, nhưng ánh sáng không khác.

“Có lúc Quang thiên kia đều tự tản mát; lúc họ tự tản mát thì thân của họ đã khác nhau mà ánh sáng cũng khác.

“Tài Chủ, ví như có người từ trong một cái nhà đem ra nhiều cây đèn, phân chia đặt các nơi trong nhà. Những cây đèn đó đã khác mà ánh sáng cũng khác. Cũng vậy, Quang thiên kia có khi tự tản mát; lúc họ tản mát thì thân của họ đã khác mà ánh sáng cũng khác”.

Lúc ấy, Tôn giả Chân Ca-chiên-diên bạch rằng:

“Bạch Tôn giả A-na-luật-đà, các vị Quang thiên sanh ở một chỗ, có thể biết có sự hơn, bằng, vi diệu và không vi diệu chăng?”

Tôn giả A-na-luật-đà đáp rằng:

“Hiền giả Ca-chiên-diên, có thể nói Quang thiên kia sanh ở một chỗ, mà biết có sự hơn, bằng, vi diệu và không vi diệu”.

Tôn giả Chân Ca-chiên-diên lại hỏi:

“Tôn giả A-na-luật-đà, Quang thiên kia sanh tại một chỗ, do nhân gì, duyên gì mà biết được có sự hơn, bằng, vi diệu và không vi diệu?”

Tôn giả A-na-luật-đà đáp:

“Hiền giả Chân Ca-chiên-diên, có Sa-môn, Bà-la-môn ở trong rừng vắng,

⁹ Xem [cht. 10](#), kinh 78.

hoặc đến gốc cây, chỗ an tịnh, trống vắng, y trên một gốc cây, ý cởi mở, suy tưởng về ánh sáng, thành tựu an trụ. Tâm suy tưởng về ánh sáng cực thịnh, với giới hạn bằng chừng đó, tâm giải thoát không vượt hơn chỗ đó. Nếu không y trên một cây, thì hoặc y trên hai, ba cây, cởi mở, suy tưởng về ánh sáng, tâm suy tưởng ánh sáng cực thịnh, với giới hạn bằng chừng đó, [550c] tâm giải thoát không vượt hơn chỗ đó. Nay Hiền giả Chân Ca-chiên-diên, hai tâm giải thoát này, giải thoát nào là trên, là hơn, là vi diệu, là tối cao?”

Tôn giả Chân Ca-chiên-diên đáp:

“Tôn giả A-na-luật-đà, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn không y trên một cây, mà y trên hai, ba cây, ý cởi mở, suy tưởng về ánh sáng, thành tựu và an trú. Tâm suy tưởng về ánh sáng cực thịnh, với giới hạn bằng chừng đó, tâm giải thoát không vượt hơn chỗ đó. Tôn giả A-na-luật-đà, trong hai loại giải thoát, giải thoát này là trên, là hơn, là vi diệu, là tối cao”.

Tôn giả A-na-luật-đà lại nói:

“Hiền giả Chân Ca-chiên-diên, nếu không y trên hai, ba cây thì hoặc y trên một rừng. Nếu không y trên một rừng thì hoặc y trên hai, ba rừng. Nếu không y trên hai, ba rừng thì hoặc y trên một thôn. Nếu không y trên một thôn, thì hoặc y trên hai, ba thôn. Nếu không y trên hai, ba thôn, thì hoặc y trên một nước. Nếu không y trên một nước thì hoặc y trên hai, ba nước. Nếu không y trên hai, ba nước thì hoặc y trên một đại địa này, cho đến đại hải, ý cởi mở, suy tưởng về ánh sáng. Tâm suy tưởng ánh sáng cực thịnh, với giới hạn bằng chừng đó, tâm giải thoát không vượt hơn chỗ đó. Hiền giả Chân Ca-chiên-diên, trong hai giải thoát đó, giải thoát nào là hơn, là trên, là vi diệu, là tối cao?”

Tôn giả Chân Ca-chiên-diên đáp:

“Tôn giả A-na-luật-đà, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn không y trên hai, ba cây thì hoặc y trên một rừng. Nếu không y trên một rừng thì hoặc y trên hai, ba rừng. Nếu không y trên hai, ba rừng thì hoặc y trên một thôn. Nếu không y trên một thôn, thì hoặc y trên hai, ba thôn. Nếu không y trên hai, ba thôn, thì hoặc y trên một nước. Nếu không y trên một nước thì hoặc y trên hai, ba nước. Nếu không y trên hai, ba nước thì hoặc y trên một đại địa này, cho đến đại hải, ý cởi mở, suy tưởng về ánh sáng. Tâm suy tưởng ánh sáng cực thịnh, với giới hạn bằng chừng đó, tâm giải thoát

không vượt hơn chỗ đó. Tôn giả A-na-luật-đà, trong hai loại giải thoát, giải thoát này là trên, là hơn, là vi diệu, là tối Thắng Lâm”.

Tôn giả A-na-luật-đà bảo rằng:

“Này Chân Ca-chiên-diên, do nhân ấy, duyên ấy, Quang thiên kia sanh ở một chỗ mà biết có hơn, có bằng, có vi diệu và không vi diệu. Vì sao? Vì do tâm người có hơn, có bằng, nên sự tu có tinh, có thô. Do sự tu có tinh, có thô nên người chứng đắc có hơn, có bằng. Này Hiền giả Chân Ca-chiên-diên, [551a] Đức Thế Tôn cũng nói như vậy, con người có hơn, có bằng nhau”.

Tôn giả Chân Ca-chiên-diên lại hỏi:

“Tôn giả A-na-luật-đà, Tịnh quang thiên kia sanh một chỗ có thể biết có sự hơn, bằng, vi diệu và không vi diệu chăng?”

Tôn giả A-na-luật-đà đáp:

“Này Hiền giả, có thể nói, Tịnh quang thiên kia sanh tại một chỗ mà biết có sự hơn, bằng, vi diệu và không vi diệu”.

Tôn giả Chân Ca-chiên-diên lại hỏi:

“Tôn giả A-na-luật-đà, Tịnh quang thiên kia sanh tại một chỗ, vì nhân gì, duyên gì mà biết có sự hơn, bằng, vi diệu và không vi diệu?”

Tôn giả A-na-luật-đà đáp:

“Này Hiền giả Chân Ca-chiên-diên, có Sa-môn, Bà-la-môn ở trong rừng vắng, hoặc đến dưới gốc cây, chỗ an tịnh không nhàn, ý cõi mở, Tịnh quang thiên biến mãn, thành tựu an trú; vị ấy định này không tu, không tập, không phát triển, không cực kỳ thành tựu. Vị ấy sau đó, khi thân hoại mạng chung, sanh lên Tịnh quang thiên, sanh rồi không được cực kỳ tĩnh chỉ, không được cực kỳ tịch tịnh, cũng không sống trọn tuổi thọ.

“Này Hiền giả Chân Ca-chiên-diên, ví như hoa sen màu xanh, vàng, đỏ, trắng, sanh ra và lớn lên đều ở dưới đáy nước. Khi ấy, rễ, cọng, lá, hoa, tất cả đều bị thấm nước, ngập nước, không gì là không bị thấm nước. Này Hiền giả Chân Ca-chiên-diên, cũng như vậy, có Sa-môn, Bà-la-môn ở chỗ vô sự, hoặc đến dưới gốc cây, nơi an tĩnh không nhàn, ý cõi mở, Tịnh quang thiên biến mãn thành tựu an trú; vị ấy định này không tu, không tập, không làm rộng lớn, không cực kỳ thành tựu. Vị ấy thân hoại mạng chung, sanh lên Tịnh quang thiên, sanh rồi không được cực kỳ tĩnh chỉ,

kh ụng cực kỳ tịch tịnh, cũng không sống trọn tuổi thọ.

“Này Hiền giả Chân Ca-chiên-diên, lại có Sa-môn, Bà-la-môn, ý cõi mở, Tịnh quang thiên biến mãn, thành tựu an trụ; vị ấy định này nhiều lần tu, nhiều lần tập, nhiều lần làm rộng lớn, cực kỳ thành tựu. Vị ấy thân hoại mạng chung, sanh lên Tịnh quang thiên. Sau khi sanh, được cực kỳ tịch chỉ, cực kỳ tịch tịnh, cũng được sống trọn tuổi thọ.

“Này Hiền giả Ca-chiên-diên, ví như hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng sanh dưới nước, lớn dưới nước, vượt lên trên nước, nước không thể thấm ngập được. Hiền giả Ca-chiên-diên, cũng như vậy, nếu lại có Sa-môn, Bà-la-môn ở chỗ vô sự, hoặc đến dưới gốc cây, nơi an tĩnh không nhân, ý cõi mở, Tịnh quang thiên biến mãn, thành tựu an trụ; vị ấy định này nhiều lần tu, nhiều lần tập, nhiều lần làm rộng lớn, cực kỳ thành tựu. Vị ấy khi thân hoại mạng chung, sanh lên Tịnh quang thiên. Sanh lên rồi, được cực kỳ tịch chỉ, cực kỳ tịch tịnh, và cũng được sống trọn tuổi thọ.

[551b] “Này Hiền giả Ca-chiên-diên, do nhân ấy, duyên ấy, Chư Thiên cõi Tịnh quang thiên, sanh ở một chỗ, biết có sự hơn, bằng, vi diệu và không vi diệu. Vì sao? Bởi do tâm người có hơn, có bằng, nên sự tu có tinh, có thô. Do sự tu có tinh, có thô nên người chứng đắc có hơn, có bằng. Này Hiền giả Ca-chiên-diên, Đức Thế Tôn cũng nói như vậy, con người có hơn, có bằng nhau”.

Tôn giả Chân Ca-chiên-diên lại hỏi:

“Tôn giả A-na-luật-đà, Biến tịnh quang thiên kia, sanh ở một chỗ, biết có sự hơn, bằng, vi diệu và không vi diệu chăng?”

Tôn giả A-na-luật-đà đáp:

“Này Hiền giả Chân Ca-chiên-diên, có thể nói Biến tịnh quang thiên kia sanh ở một chỗ, mà biết có sự hơn, bằng, vi diệu và không vi diệu”.

Tôn giả Chân Ca-chiên-diên lại hỏi:

“Tôn giả A-na-luật-đà, Biến tịnh quang thiên kia, sanh tại một chỗ, do nhân gì, duyên gì mà biết có sự hơn, bằng, vi diệu và không vi diệu?”

Tôn giả A-na-luật-đà đáp:

“Này Hiền giả Chân Ca-chiên-diên, có Sa-môn, Bà-la-môn ở trong rừng vắng, hoặc đến dưới gốc cây, chỗ an tịnh không nhân, ý cõi mở, Biến tịnh quang thiên biến mãn, thành tựu an trú. Vị ấy không cực kỳ đình chỉ

được thụy miên, không chấm dứt trạo hồi một cách khéo léo. Sau đó, khi thân hoại mạng chung, sanh lên Biến tịnh quang thiên. Vị ấy sanh rồi, ánh sáng cực kỳ minh tịnh.

“Này Hiền giả Chân Ca-chiên-diên, ví như đèn cháy là nhờ nơi dầu và tim đèn. Nếu dầu có cạn, tim lại không sạch, do đó ánh sáng của đèn phát ra không sáng tỏ. Này Hiền giả Ca-chiên-diên, cũng vậy, có Sa-môn, Bà-la-môn nào ở trong rừng vắng, hoặc đến dưới gốc cây, chỗ an tĩnh không nhân, ý cõi mờ, Biến tịnh quang thiên biến mãn, thành tựu an trụ. Vị ấy không cực kỳ đình chỉ được thụy miên, không chấm dứt khéo léo trạo hồi. Khi thân hoại mạng chung, sanh lên Biến tịnh quang thiên. Vị ấy sanh rồi, ánh sáng cực kỳ minh tịnh.

“Này Hiền giả Chân Ca-chiên-diên, lại có Sa-môn, Bà-la-môn ở trong rừng vắng, hoặc đến dưới gốc cây, chỗ an tĩnh không nhân, ý cõi mờ, Biến tịnh quang thiên biến mãn, thành tựu an trụ. Vị ấy cực kỳ đình chỉ được thụy miên, chấm dứt khéo léo trạo hồi. Khi thân hoại mạng chung sanh lên Biến tịnh quang thiên. Vị ấy sanh rồi, ánh sáng cực kỳ minh tịnh.

“Này Hiền giả Ca-chiên-diên, cũng như vậy, đèn do dầu và do tim. Nếu dầu rất sạch và tim rất sạch, nhờ đó ánh sáng phát ra rất trong sáng. Cũng vậy, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn ở chỗ nhân tịnh, vô sự, đến dưới gốc cây, ý cõi mờ, Biến tịnh quang thiên biến mãn, thành tựu [551c] an trụ. Vị ấy cực kỳ đình chỉ được thụy miên, chấm dứt khéo léo được trạo hồi. Khi thân hoại mạng chung, sanh lên Biến tịnh quang thiên. Vị ấy sanh rồi, ánh sáng cực kỳ minh tịnh.

“Này Hiền giả Chân Ca-chiên-diên, do nhân ấy, duyên ấy, Chư Thiên cõi Biến tịnh quang thiên sanh ở một chỗ mà biết có hơn, bằng, vi diệu và không vi diệu. Vì sao? Bởi do tâm người có hơn, có bằng nên sự tu có tinh có thô. Do sự tu có tinh, có thô, nên khi người chứng đắc có hơn, có bằng. Này Hiền giả Chân Ca-chiên-diên, Đức Thế Tôn cũng nói như vậy, loài người có hơn, có bằng nhau”.

Bấy giờ Tôn giả Chân Ca-chiên-diên khen Tiên Dư Tài Chủ:

“Lành thay! Lành thay! Tài Chủ, ông đã làm cho chúng tôi được nhiều lợi ích. Vì sao? Vì trước hết ông hỏi Tôn giả A-na-luật-đà về việc cõi trời

thù Thắng Lâm¹⁰. Chúng tôi chưa từng nghe Tôn giả A-na-luật-đà nói về nghĩa như vậy. Tức là, cõi trời kia, có cõi trời kia, cõi trời kia như vậy”.

Lúc ấy, Tôn giả A-na-luật-đà bảo rằng:

“Này Hiền giả Chân Ca-chiên-diên, có nhiều cõi trời kia, mà mặt trời và mặt trăng này có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần như vậy nhưng ánh sáng này không kịp ánh sáng kia. Các vị kia cùng tôi tụ họp, cùng hỏi han, cùng có những điều luận thuyết, có những điều để đối đáp, nhưng tôi không như vậy, rằng: “Cõi trời kia, có cõi trời kia, cõi trời kia như vậy”.

Khi đó Tiên Dư Tài Chủ biết Tôn giả A-na-luật-đà đã nói xong, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, tự tay đi lấy nước rửa, dùng các thức ăn hết sức trong sạch, tốt tươi, đầy đầy các loại nhai, loại nuốt, tự tay sẵn sóc thức ăn, rót nước, liền cho ăn uống no đủ.

Ăn xong, dọn dẹp đồ dùng, rửa nước, rồi Tài Chủ lấy một cái ghế nhỏ, ngồi một bên nghe pháp. Tiên Dư Tài Chủ ngồi xong, Tôn giả A-na-luật-đà thuyết pháp cho Tài chủ nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho Tài chủ nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, rồi Tôn giả từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Tôn giả A-na-luật-đà thuyết như vậy. Tiên Dư Tài Chủ và các Tỳ-kheo sau khi nghe xong, hoan hỷ phụng hành.



¹⁰ Hán: hữu thắng thiên 有勝天. Tên kinh cũng do đó.

80. KINH CA-HI-NA

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, A-na-luật-đà cũng ở tại nước Xá-vệ, trong núi [552a] Sa-la-la nham¹. Lúc ấy đêm đã qua, trời sáng, Tôn giả A-na-luật-đà mang y, cầm bát vào thành Xá-vệ khát thực. Tôn giả A-nan cũng vào buổi sáng đắp y mang bát vào thành Xá-vệ khát thực. Tôn giả A-na-luật-đà gặp Tôn giả A-nan cùng đi khát thực. Sau khi gặp, Tôn giả A-na-luật-đà hỏi:

“Này Hiền giả A-nan, nên biết, ba y của tôi đã rách nát hết. Này Hiền giả, nay đây có thể nhờ các Tỳ-kheo may y hộ cho tôi không?”²

Tôn giả A-nan im lặng nhận lời Tôn giả A-na-luật-đà, hứa sẽ nhờ.

Rồi Tôn giả A-nan vào Xá-vệ khát thực. Sau khi ăn xong, sau buổi trưa, rửa tay chân, lấy ni-su-đàn vắt lên vai, tay cầm chìa khóa cửa, Tôn giả đến khắp các phòng gặp các Tỳ-kheo, nói rằng:

“Thưa các Thầy, hôm nay hãy qua núi Sa-la-la nham may hộ y cho Tôn giả A-na-luật-đà”.

Các Tỳ-kheo nghe lời Tôn giả A-nan, thấy đều đến Sa-la-la nham để may y cho Tôn giả A-na-luật-đà.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn gặp Tôn giả A-nan tay cầm chìa khóa cửa, đang đến khắp các phòng. Ngài hỏi:

“A-nan, ông có việc gì mà tay cầm chìa khóa cửa, đi đến khắp các phòng vậy?”

Tôn giả A-nan bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, con nay nhờ các Tỳ-kheo may y cho Tôn giả A-na-luật-đà”.

Đức Thế Tôn bảo rằng:

¹ Sa-la-la nham sơn 娑羅邏巖山. Có lẽ Pli. Salaḷāgāra, tại đây Tôn giả Anuruddha đã thuyết kinh Salaḷāgāra-sutta (A. vi, tr. 300) về bốn *satipaṭṭhāna* cho các Tỳ-kheo.

² Xem *Ngũ phần 22* (tr. 153a19).

“A-nan, sao ông không thỉnh Như Lai may y cho A-na-luật-đà?”

Tôn giả A-nan liền chấp tay hướng về Đức Thế Tôn bạch rằng:

“Cúi mong Thế Tôn qua núi Sa-la-la nham may y cho Tôn giả A-na-luật-đà”.

Đức Thế Tôn im lặng nhận lời.

Bấy giờ Đức Thế Tôn dẫn Tôn giả A-nan qua núi Sa-la-la nham, ngồi trước mặt chúng Tỳ-kheo. Lúc ấy trong núi Sa-la-la nham có tám trăm Tỳ-kheo và Đức Thế Tôn cũng ngồi chung may y cho Tôn giả A-na-luật-đà.

Lúc đó, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cũng có trong chúng. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo:

“Đại Mục-kiền-liên, Ta có thể vì A-na-luật-đà trải rộng khuôn khổ tấm y, cắt rọc rồi khâu may lại thành y”.³

Lúc đó, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai hữu, chấp tay hướng về Đức Thế Tôn mà bạch rằng:

“Cúi mong Đức Thế Tôn trải rộng khuôn khổ tấm y, các vị Tỳ-kheo sẽ cùng nhau cắt rọc, khâu vá, may chung lại thành y”.

[552b] Bấy giờ Đức Thế Tôn liền vì Tôn giả A-na-luật-đà trải rộng khuôn khổ tấm y, các vị Tỳ-kheo cùng nhau cắt rọc, khâu vá, may chung lại. Ngay trong ngày hôm ấy may xong ba y⁴ cho Tôn giả A-na-luật-đà. Đức Thế Tôn lúc ấy biết ba y của Tôn giả A-na-luật-đà đã may xong, liền bảo rằng:

“A-na-luật-đà, ông hãy nói pháp Ca-hi-na cho các Tỳ-kheo nghe. Ta đang đau lưng muốn nghỉ một lúc”.

Tôn giả A-na-luật-đà bạch rằng:

“Xin vâng, bạch Thế Tôn”.

³ Y được căng trên một cái khung gỗ để may. Y có thể may hai lớp hay bốn lớp. Người trang y là vai trò thợ cả. *Ngũ phần 22, Tăng-kỳ 28* (tr. 452b10) đều có pháp yết-ma tăng sai Tỳ kheo làm người may y.

⁴ Nguyên bản Hán như vậy. Nhưng trong các Luật, chỉ một y ca-thi-na thôi. Trong ba y của Tỳ kheo, chọn bất cứ y nào làm ca-thi-na cũng được.

Khi ấy, Đức Thế Tôn xếp chồng y uất-đa-la-tăng bốn lớp⁵ trải lên giường, gập y tăng-già-lê làm gối, nằm hông bên phải, hai chân chồng lên nhau, khởi quang minh tướng, thường tác khởi tư tưởng nơi chánh niệm chánh trí.

Lúc đó Tôn giả A-na-luật-đà bảo các Tỳ-kheo:

“Này Chư Hiền, xưa kia, lúc tôi chưa xuất gia học đạo, nhằm tởm cảnh sanh, già, bệnh, chết, khóc than, áo não, buồn tủi, lo lắng, muốn đoạn trừ cái khối đau khổ lớn lao này.

“Này Chư Hiền, khi đã nhằm tởm, tôi quán sát như vậy: ‘Đời sống tại gia hết sức chật hẹp, đầy bụi bặm. Xuất gia học đạo, rộng rãi bao la. Ta nay sống tại gia bị kèm tỏa trong sự xiềng xích, không được trọn đời tu các phạm hạnh. Ta hãy từ bỏ những tài vật ít, và tài vật nhiều, từ bỏ thân tộc ít và thân tộc nhiều, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo.

“Này Chư Hiền, sau đó tôi từ bỏ những tài vật ít, và tài vật nhiều, từ bỏ thân tộc ít và thân tộc nhiều, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo.

“Này Chư Hiền, khi tôi đã xuất gia học đạo, từ bỏ dòng họ rồi, thọ pháp Tỳ-kheo, tu hành cấm giới, thủ hộ Biệt giải thoát. Tôi lại khéo léo nhiếp phục các oai nghi lễ tiết, thấy tội nhỏ nhặt thường ôm lòng lo sợ, thọ trì thập giới.

“Này Chư Hiền, tôi xa lìa sát hại, đoạn trừ sát hại, vất bỏ dao gậy, có tâm có quý, có tâm từ bi, lợi ích tất cả, ngay đến cả côn trùng nhỏ nhặt. Với việc sát sanh, tôi đã đoạn trừ tâm đó.

“Này Chư Hiền, tôi đã xa lìa sự lấy của không cho, đoạn trừ sự lấy của không cho, chỉ lấy những gì được cho, vui nơi việc lấy vật đã được cho, thường ưa bố thí, hoan hỷ không keo kiệt, không mong cầu báo đáp. Với sự lấy của không cho, tâm tôi đã đoạn trừ.

“Này Chư Hiền, tôi đã xa lìa phi phạm hạnh, siêng năng tu phạm hạnh, tinh cần tịnh diệu, thanh tịnh không cấu uế, lia dục, đoạn dâm. Với việc phi phạm hạnh, tâm tôi đã đoạn trừ.

⁵ Xem **cht. 28** kinh 33.

“Này Chư Hiền, tôi xa lìa nói láo, nói lời chân thật, thích sự chân thật, an trụ nơi chân thật không di động, hết thảy đều đáng tin, không dối gạt thế gian. Với lời nói dối, tâm tôi đã đoạn trừ.

“Này Chư Hiền, tôi xa lìa lời nói hai lưỡi, đoạn trừ lời nói hai lưỡi, thực hành không nói hai lưỡi, không phá hoại người khác; không nghe lời người này đem nói lại với người kia để phá hoại người này; không nghe lời người kia đem nói lại với người này để phá hoại người kia. Ai chia rẽ thì muốn làm cho hòa hiệp, ai hòa hiệp thì làm cho hoan hỷ; không bè đảng, không ham thích bè đảng, không rêu rao bè đảng. Với lời nói hai lưỡi, tâm tôi đã đoạn trừ.

“Này Chư Hiền, tôi xa lìa lời nói thô ác, đoạn trừ lời nói thô ác. Nếu có lời nói mà ngôn từ thô ác, hung hăng, tiếng dữ trái tai, mọi người không vui, mọi người không mến, khiến cho người khác khổ não, không được an định, tôi đoạn trừ lời nói ấy. Nếu có lời nói mà trong trẻo, hòa thuận, mềm mỏng, xuôi tai, đáng mến, khiến cho người khác an lạc, ngôn từ đầy đủ rõ ràng, không làm người sợ, khiến họ được an tịnh; tôi nói những lời như vậy. Với lời nói thô ác, tâm tôi đã đoạn trừ.

“Này Chư Hiền, tôi xa lìa lời nói phù phiếm, đoạn trừ lời nói phù phiếm, nói lời hợp thời, lời chân thật, đúng pháp, đúng nghĩa, nói lời tịch tĩnh và ưa nói lời tịch tĩnh, hợp theo việc, hợp theo thời, dạy dỗ khéo léo, quở trách khéo léo. Với lời nói phù phiếm, tâm tôi đã đoạn trừ.

“Này Chư Hiền, tôi xa lìa sự buôn bán, đoạn trừ sự buôn bán, vất bỏ dụng cụ đong lường, cái đấu, cái hộc; không nhận lãnh hàng hóa, không buộc tội người, không mong bẻ đấu đong lường, không vì lợi nhỏ mà xâm lấn dối gạt người khác. Với sự buôn bán, tâm tôi đã đoạn trừ.

“Này Chư Hiền, tôi xa lìa việc nhận lãnh quả phụ, đồng nữ, đoạn trừ việc nhận lãnh quả phụ, đồng nữ. Với việc nhận lãnh quả phụ, đồng nữ, tâm tôi đã đoạn trừ.

“Này Chư Hiền, tôi xa lìa việc nhận lãnh tôi tớ, đoạn trừ việc nhận lãnh tôi tớ. Với việc nhận lãnh tôi tớ, tâm tôi đã đoạn trừ.

“Này Chư Hiền, tôi xa lìa việc nhận lãnh voi, ngựa, bò, dê; đoạn trừ việc nhận lãnh voi, ngựa, bò, dê. Với việc nhận lãnh voi, ngựa, trâu, dê, tâm tôi đã đoạn trừ.

“Này Chư Hiền, tôi xa lìa việc nhận lãnh gà, heo, đoạn trừ việc nhận lãnh

gà, heo. Đối với việc nhận lãnh gà, heo, tâm tôi đã đoạn trừ.

“Này Chư Hiền, tôi xa lìa việc nhận lãnh ruộng vườn, tiệm quán, đoạn trừ việc nhận lãnh ruộng vườn, tiệm quán. Với việc nhận lãnh ruộng vườn, tiệm quán, tâm tôi đã đoạn trừ.

“Này Chư Hiền, tôi xa lìa việc nhận lãnh lúa, mè, đậu còn sống chưa chín; đoạn trừ việc nhận lãnh lúa, mè, đậu còn sống chưa chín. Với việc nhận lãnh lúa, mè, đậu còn sống chưa chín, tâm tôi đã đoạn trừ.

“Này Chư Hiền, tôi xa lìa rượu, đoạn trừ rượu. Với việc uống rượu, tâm tôi đã đoạn trừ.

“Này Chư Hiền, tôi xa lìa giường lớn, cao rộng; đoạn trừ giường lớn cao rộng. Với việc giường cao lớn rộng, tâm tôi đã đoạn trừ.

“Này Chư Hiền, tôi xa lìa tràng hoa, anh lạc, phấn sáp thơm tho, bôi xoa thân thể; đoạn trừ tràng hoa, anh lạc, phấn sáp thơm tho, bôi xoa thân thể. Với tràng hoa, anh lạc, phấn sáp, bôi xoa, thơm tho thân thể, [553a] tâm tôi đã đoạn trừ.

“Này Chư Hiền, tôi xa lìa ca múa, xướng hát, xem nghe; đoạn trừ ca múa, hát xướng, xem nghe. Với việc ca múa, hát xướng, xem nghe, tâm tôi đã đoạn trừ.

“Này Chư Hiền, tôi xa lìa việc nhận lãnh vàng bạc quý báu, đoạn trừ việc nhận lãnh vàng bạc quý báu. Với việc nhận lãnh vàng bạc quý báu, tâm tôi đã đoạn trừ.

“Này Chư Hiền, tôi xa lìa việc ăn quá giữa trưa, đoạn trừ việc ăn quá giữa trưa; ăn một lần, không ăn đêm, học ăn đúng thời. Với việc ăn quá giữa trưa, tâm tôi đã đoạn trừ.

“Này Chư Hiền, tôi đã thành tựu Thánh giới tụ này, lại học theo hạnh hết sức tri túc, y phục chỉ đủ để che thân, ăn chỉ đủ để nuôi thân, đi đến đâu đều mang theo y bát, đi không luyến nhớ, như chim ưng mang theo đôi cánh bay lượn trên không trung. Này Chư Hiền, tôi cũng vậy, đi đến đâu đều mang theo y bát, không luyến nhớ.

“Này Chư Hiền, tôi đã thành tựu Thánh giới tụ này và hết sức tri túc. Tôi lại học thủ hộ các căn, thường nghĩ đến sự khép kín các căn, mong muốn

các căn thông suốt,⁶ thủ hộ niệm tâm mà được thành tựu, luôn luôn đề khởi chánh tri. Khi mắt thấy sắc, không chấp thủ sắc tướng,⁷ không đắm sắc vị;⁸ vì nguyên nhân gì⁹ mà khi không thủ hộ căn con mắt, trong tâm sanh tham lam, ưu não, ác bất thiện pháp, tôi hướng đến đó để thủ hộ căn con mắt. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, khi ý biết pháp không chấp thủ pháp tướng, không đắm pháp vị; vì nguyên nhân gì¹⁰ mà khi không thủ hộ căn con mắt, trong tâm sanh tham lam, ưu não, ác bất thiện pháp, tôi hướng đến đó để thủ hộ ý căn.

“Này Chư Hiền, tôi đã thành tựu Thánh giới tụ này, hết sức tri túc và thủ hộ các căn. Tôi lại học chánh tri: khi ra, khi vào¹¹, khéo phân biệt khi

⁶ Hán: niệm dục minh đạt 念欲明達.

⁷ Hán: bất thọ tướng 不受相. Pl. *cakkhunā rūpaṃ disvā ma nimittaggāhi hohi mānuyyañjanaggāhī*, khi mắt thấy sắc, không nắm hình tướng của sắc, không nắm giữ các dấu hiệu riêng của sắc.

⁸ Hán: bất vị sắc. Pl.: *mānuyyañjanaggāhī*, chớ nắm giữ tướng phụ, các dấu hiệu riêng biệt khi nhìn thấy sắc. Pl.: *vyañjana* có nghĩa dấu hiệu, cũng có nghĩa gia vị hương liệu. Bản Hán hiểu theo nghĩa thứ hai.

⁹ Vị phần tránh cố 謂忿諍故; vì sự phần nộ và tranh cãi. Pāli, thành cú: *yatvādhikaraṇam enam cakkhundriyaṃ asaṃvuttaṃ viharantaṃ abhijjhādomanassā ... anvāssaveyyuṃ tassa saṃsvarāya paṭipajjhāhi*, do nguyên nhân gì mà khi không phòng hộ nhãn căn thì tham ưu trôi chảy vào, hãy tu tập để phòng hộ nguyên nhân ấy. Pāli: *adhikaraṇa*, có hai nghĩa: nguyên nhân, và tránh sự (tranh chấp); bản Hán hiểu theo nghĩa thứ hai. Vừa không chính xác, mà đoạn văn lại tối nghĩa. Ở đây y theo thành cú Pāli sửa lại.

¹⁰ Vị phần tránh cố 謂忿諍故; vì sự phần nộ và tranh cãi. Pāli, thành cú: *yatvādhikaraṇam enam cakkhundriyaṃ asaṃvuttaṃ viharantaṃ abhijjhādomanassā ... anvāssaveyyuṃ tassa saṃsvarāya paṭipajjhāhi*, do nguyên nhân gì mà khi không phòng hộ nhãn căn thì tham ưu trôi chảy vào, hãy tu tập để phòng hộ nguyên nhân ấy. Pāli: *adhikaraṇa*, có hai nghĩa: nguyên nhân, và tránh sự (tranh chấp); bản Hán hiểu theo nghĩa thứ hai. Vừa không chính xác, mà đoạn văn lại tối nghĩa. Ở đây y theo thành cú Pāli sửa lại.

¹¹ Chánh tri xuất nhập 正知出入; Pāli: *abhikkante paṭikkante saṃpajānakārī*, tỉnh giác (biết mình đang làm gì) khi đi tới đi lui.

nhìn¹²; co duỗi, cúi ngược, nghi dung chững chạc; khéo mang tăng-già-lê và các y bát; đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói năng hay im lặng đều có chánh tri.

“Này Chư Hiền, khi tôi đã thành tựu Thánh giới tụ này và hết sức tri túc, thủ hộ các căn, chánh trí xuất nhập. Tôi lại học hạnh viễn ly, cô độc một mình, ở trong chỗ rừng vắng, hoặc đến dưới gốc cây, nơi an tĩnh trống vắng, núi sâu, hốc đá, đất trống, hoặc ở trong núi rừng, hoặc ở nơi gò trũng.

“Này Chư Hiền, khi tôi đã đến chỗ vô sự, hoặc dưới gốc cây, nơi an tĩnh trống vắng, trải ni-sur-đàn, ngồi kiết già, chánh thân chánh nguyện¹³, hướng niệm nội tâm¹⁴, đoạn trừ tâm tham lam, tâm không tranh cãi¹⁵, thấy tài vật và các nhu dụng sinh sống của người khác mà không khởi lòng tham muốn, muốn khiến về mình. Tôi đối với sự tham lam, tâm đã tịnh trừ. Cũng vậy, sân nhuế, [553b] thụy miên, trạo hối, đoạn nghi trừ hoặc, đối với các thiện pháp không có do dự. Tôi đối với sự nghi hoặc, tâm đã tịnh trừ.

“Này Chư Hiền, tôi đã đoạn trừ năm triền cái vốn làm cho tâm cấu uế, tuệ yếu kém; rồi ly dục, ly ác bất thiện, cho đến chứng đắc Tứ thiên, thành tựu và an trụ.

“Này Chư Hiền, tôi đã được định tâm như vậy, thanh tịnh không cấu uế, không buồn phiền, nhu nhuyễn, khéo an trụ, được tâm bất động, học hướng đến chứng nghiệm như ý túc trí thông.

“Này Chư Hiền, tôi đã được vô lượng như ý túc; đó là, phân một thân thành nhiều, hợp nhiều thân thành một, một thời trụ một, có tri có kiến, không trở ngại bởi vách đá, chướng khác nào đi giữa hư không, vào đất

¹²Thiện quán phân biệt 善觀分別; Pāli: *ālokite vilokite saupajānakārī*, tỉnh giác khi nhìn trước nhìn sau.

¹³Chánh thân chánh nguyện 正身正願; Pāli: *ujum kāyam paṇidhāya*, ngồi thẳng lưng. Bản Hán, *paṇidhāya*, sau khi đặt đẽ, được hiểu là *paṇidhāna*: ước nguyện.

¹⁴Phản niệm bất hướng 反念不向; Pāli: *parimukhaṃ satim upaṭṭhapetvā*, dựng chánh niệm ngay trước mặt (*hệ niệm tại tiền*).

¹⁵Tâm vô hữu tránh 心無有諍; Pāli: *vigatābhijjhena cetasā vharati*, sống với tâm tư không tham lam.

như vào nước, đi trên nước như đi trên đất, ngồi kiết già mà bay lên không trung như chim bay. Ngay mặt trời này, mặt trăng này có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, như vậy mà tôi sờ bắt được. Thân tôi cao đến Phạm thiên.

“Này Chư Hiền, khi tôi đã được định tâm như vậy, thanh tịnh, không tạp uế, không phiền, nhu nhuyễn, khéo an trụ, được tâm bất động, tôi hướng đến chứng nghiệm thiên nhĩ trí thông. Này Chư Hiền, tôi bằng thiên nhĩ mà nghe âm thanh loài người và không phải loài người, gần xa, hay và không hay.

“Này Chư Hiền, khi tôi đã được định tâm như vậy, thanh tịnh không cấu uế, nhu nhuyễn, khéo an trụ, được bất động tâm, tôi học chứng nghiệm tha tâm trí thông. Này Chư Hiền, những gì chúng sanh khác suy nghĩ, hành động; tôi bằng tha tâm trí biết được tâm của họ đúng như thật. Tâm có dục, tôi biết đúng như thật là tâm có dục. Tâm không dục, tôi cũng biết đúng như thật là tâm không dục. Nếu có giận, có nghi, không giận, không nghi, có uế, không uế, định tâm, tán loạn, cao thấp, lớn nhỏ, tu hay không tu, định hay không định, tôi đều biết đúng như thật. Không có tâm giải thoát, tôi biết không có tâm giải thoát. Có tâm giải thoát tôi cũng biết đúng như thật có tâm giải thoát.

“Này Chư Hiền, tôi đã được định tâm như vậy, thanh tịnh không uế, không phiền, nhu nhuyễn, khéo an trụ, được tâm bất động, tôi học ức túc mạng trí thông. Này Chư Hiền, hành nghiệp gì, tướng mạo gì, những gì đã trải qua trong vô lượng đời trước đây, tôi đều nhớ lại, từ một đời, hai đời, trăm đời, ngàn đời, thành kiếp, hoại kiếp, vô số thành hoại kiếp. Chúng sanh kia tên gì; nơi kia tôi đã từng sanh, với tên họ như vậy, danh tự như vậy, sống như vậy, ăn uống như vậy, cảm thọ khổ, lạc như vậy, sống lâu như vậy, tồn tại như vậy, thọ mạng chấm dứt như vậy, chết đây sanh kia, chết kia sanh đây. Tôi sanh chỗ này, họ như vậy, tên như vậy, sống như vậy, ăn uống như vậy, cảm thọ khổ như vậy, lạc như vậy, [553c] sống lâu như vậy, tồn tại như vậy, thọ mạng chấm dứt như vậy.

“Này Chư Hiền, tôi đã được định tâm như vậy, thanh tịnh không uế, không phiền, nhu nhuyễn, khéo an trụ, được tâm bất động, tôi hướng đến sanh tử trí thông. Này Chư Hiền, tôi bằng thiên nhãn thanh tịnh, nhìn xa hơn người, thấy chúng sanh này lúc chết lúc sanh, sắc đẹp sắc xấu, vi

diệu hoặc không vi diệu, qua lại chỗ thiện, chỗ bất thiện, tùy chỗ tạo nghiệp của chúng sanh này mà thấy họ đúng như thật. Nếu chúng sanh nào thành tựu ác hành nơi thân, ác hành nơi khẩu, ác hành nơi ý, phi báng Thánh nhân, tà kiến, thành tựu nghiệp tà kiến, thì chúng sanh ấy, bởi nhân duyên này, khi thân hoại mạng chung chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục. Nếu chúng sanh nào thành tựu diệu hành nơi thân, diệu hành nơi khẩu và diệu hành nơi ý, không phi báng Thánh nhân, chánh kiến, thành tựu nghiệp chánh kiến, thì chúng sanh ấy, bởi nhân duyên này, khi thân hoại mạng chung chắc chắn sanh lên cõi thiện, sanh lên thiên giới.

“Này Chư Hiền, tôi với định tâm như vậy, thanh tịnh, không cấu uế, không phiền nhiệt, nhu nhuyễn, khéo an trụ, chứng đắc tâm bất động, bèn hướng đến sự tác chứng lậu tận trí thông. Tôi liền biết như thật rằng: ‘Đây là Khổ’, ‘Đây là Khổ tập’, ‘Đây là Khổ diệt’, ‘Đây là Khổ diệt đạo’. Cũng biết như thật: ‘Đây là lậu’, ‘Đây là lậu tập’, ‘Đây là lậu diệt’, ‘Đây là lậu diệt đạo’. Tôi đã biết như vậy, thấy như vậy rồi, tâm giải thoát dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu. Giải thoát rồi liền biết là mình đã giải thoát, biết như thật rằng ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’.

“Này Chư Hiền, Tỳ-kheo phạm giới, giới bị vỡ, giới bị khuyết, giới bị thủng, giới tạp uế, giới đen, mà muốn nương tựa nơi giới, an lập nơi giới, lấy giới làm thang leo lên tòa nhà vô thượng tuệ, lên lầu gác chánh pháp, nhất định không có điều đó.

“Này Chư Hiền, ví như cách thôn không xa, có nhà lớn, nhà nhỏ, lầu cao, lầu thấp, trong đó có một cái thang; nếu người nào đến cầu xin, muốn leo lên nhà gác đó, nhưng nếu không leo lên nấc thang thứ nhất mà muốn leo lên nấc thang thứ hai thì không thể được. Nếu không leo lên nấc thang thứ hai, thứ ba, thứ tư mà lên đến nhà gác cũng không thể được. Này Chư Hiền, cũng như thế, nếu Tỳ-kheo phạm giới, giới bị vỡ, giới bị khuyết, giới bị thủng, giới tạp uế, giới đen, mà muốn nương tựa nơi giới, an lập nơi giới, lấy giới làm thang leo lên tòa nhà vô thượng tuệ, lầu gác chánh pháp, nhất định không có điều đó.

“Này Chư Hiền, Tỳ-kheo không phạm giới, giới không bị vỡ, giới không bị khuyết, giới không bị thủng, giới không tạp uế, giới không đen, vị ấy [554a] nếu muốn nương tựa nơi giới, an lập nơi giới, lấy giới làm thang

leo lên tòa nhà vô thượng tuệ, lầu gác chánh pháp, điều đó chắc chắn có.

“Này Chư Hiền, như cách thôn không xa có ngôi nhà gác, trong đó có một cái thang, hoặc có mười nấc thang hay mười hai nấc thang. Có người cầu xin, muốn được leo lên nhà gác đó, nếu leo lên nấc thứ nhất của thang ấy rồi, muốn leo lên nấc thứ hai thì chắc chắn có thể được. Nếu leo lên nấc thứ hai, rồi muốn leo lên nấc thứ ba, thứ tư thì chắc chắn có thể được. Này Chư Hiền, cũng như thế, nếu Tỳ-kheo không phạm giới, giới không bị vỡ, giới không bị khuyết, giới không bị thủng, giới không tạp uế, giới không đen, vị ấy xneú muốn nương tựa nơi giới, an lập nơi giới, lấy giới làm thang leo lên tòa nhà vô thượng tuệ, lầu gác chánh pháp, chắc chắn có điều đó.

“Này Chư Hiền, tôi nương tựa nơi giới, an lập nơi giới, lấy giới làm thang leo lên tòa nhà vô thượng tuệ, lầu gác chánh pháp, với phương tiện như quán sát ngàn thế giới.

“Này Chư Hiền, như người có mắt đứng trên lầu cao, chỉ với chút ít cố gắng có thể nhìn khoảng đất trống phía dưới, thấy ngàn ụ đất. Này Chư Hiền, tôi cũng như vậy, nương tựa nơi giới, an lập nơi giới, lấy giới làm thang leo lên tòa nhà vô thượng tuệ, lầu gác chánh pháp, với chút ít phương tiện mà thấy ngàn thế giới.

“Này Chư Hiền, như con voi lớn của vua, hoặc có bảy báu, hoặc lại giảm tám,¹⁶ lấy lá đa-la mà che đi, như tôi được che phủ với sáu thông này.

“Này Chư Hiền, đối với sự chứng đắc của tôi về như ý túc trí thông, nếu ai có gì nghi ngờ thì cứ hỏi tôi, tôi sẽ trả lời.

“Này Chư Hiền, đối với thiên nhĩ thông của tôi, nếu ai có điều gì nghi ngờ thì cứ hỏi tôi, tôi sẽ trả lời.

“Này Chư Hiền, đối với tha tâm trí thông của tôi, nếu có điều gì nghi ngờ thì cứ hỏi tôi, tôi sẽ trả lời.

“Này Chư Hiền, đối với túc mạng trí thông của tôi, nếu có điều gì nghi ngờ thì cứ hỏi tôi, tôi sẽ trả lời.

“Này Chư Hiền, đối với sanh tử trí thông của tôi, nếu có điều gì nghi ngờ thì cứ hỏi tôi, tôi sẽ trả lời.

¹⁶ Hoặc phục giảm bát 或復減八: không rõ nghĩa.

“Này Chư Hiền, đối với lậu tận trí thông của tôi, nếu có điều gì nghi ngờ thì cứ hỏi tôi, tôi sẽ trả lời”.

Bấy giờ Tôn giả A-nan bạch rằng:

“Bạch Tôn giả A-na-luật-đà, nay đây đang tập hợp ngồi trong núi Sa-la-la nham gồm có tám trăm Tỳ-kheo và Đức Thế Tôn để may y cho Tôn giả A-na-luật-đà. Nếu đối với Tôn giả A-na-luật-đà ai có điều gì nghi ngờ về sự chứng đắc như ý túc trí thông thì vị ấy cứ hỏi, Tôn giả A-na-luật-đà sẽ trả lời. Nếu đối với [554b] Tôn giả A-na-luật-đà ai có điều gì nghi ngờ về sự chứng đắc thiên nhãn trí thông thì vị ấy cứ hỏi, Tôn giả A-na-luật-đà sẽ trả lời. Nếu đối với Tôn giả A-na-luật-đà ai có điều gì nghi ngờ về tha tâm trí thông thì vị ấy cứ hỏi, Tôn giả A-na-luật-đà sẽ trả lời. Nếu đối với Tôn giả A-na-luật-đà ai có điều gì nghi ngờ về túc mạng trí thông thì vị ấy cứ hỏi, Tôn giả A-na-luật-đà sẽ trả lời. Nếu đối với Sanh tử trí thông, ai có điều gì nghi ngờ thì cứ hỏi, Tôn giả A-na-luật-đà sẽ trả lời. Ai có điều gì nghi ngờ về lậu tận trí thông thì cứ hỏi, Tôn giả A-na-luật-đà sẽ trả lời. Nhưng trong một thời gian dài, chúng tôi đã bằng tâm mình mà biết được tâm của Tôn giả A-na-luật-đà, đúng như Tôn giả A-na-luật-đà nói: Ngài có đại Như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần”.

Khi ấy Đức Thế Tôn chỗ đầu đã bớt và được an ổn, Ngài liền trở dậy ngồi kiết già. Sau khi ngồi, Đức Thế Tôn khen Tôn giả A-na-luật-đà:

“Lành thay! Lành thay! A-na-luật-đà, ông đã nói pháp Ca-hi-na cho các Tỳ-kheo nghe. Này A-na-luật-đà, ông lại nói pháp Ca-hi-na cho các Tỳ-kheo nghe. Này A-na-luật-đà, ông thường nói pháp Ca-hi-na cho các Tỳ-kheo nghe”.

Khi ấy Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Này các Tỳ-kheo, các ông hãy vâng thọ pháp Ca-hi-na, đọc tụng, tu tập pháp Ca-hi-na, khéo giữ pháp Ca-hi-na. Vì sao? Vì pháp Ca-hi-na cùng tương ưng với pháp, là căn bản phạm hạnh, đưa đến trí thông suốt, đưa đến giác ngộ, đưa đến Niết-bàn. Thiệt gia nam tử cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo thì hãy chí tâm vâng thọ pháp Ca-hi-na. Vì sao? Vì Ta không thấy trong quá khứ các Tỳ-kheo may y như vậy, như A-na-luật-đà Tỳ-kheo. Cũng như trong vị lai và hiện tại các Tỳ-kheo may y như vậy, như Tỳ-kheo A-na-

luật-đà. Vì sao? Vì hôm nay tám trăm Tỳ-kheo cùng ngồi nơi núi Sa-la-la nham, và Thế Tôn cũng có trong đó, may y cho Tỳ-kheo A-na-luật-đà. Như vậy, Tỳ-kheo A-na-luật-đà có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần”.

Phật thuyết như vậy. Tôn giả A-na-luật-đà và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.¹⁷



¹⁷ Bản hán, hết quyển 19.

81. KINH NIỆM THÂN

[554c12] Tôi nghe như vậy.

Một thời Đức Phật trú tại nước Ưong-ki¹, cùng với đại chúng Tỳ-kheo đi qua A-hòa-na², trú xứ của Kiên-ni³.

Bấy giờ đêm tàn, trời sáng, Đức Thế Tôn đắp y ôm bát vào A-hòa-na để khát thực. Sau buổi ăn trưa, Đức Thế Tôn thu cất y bát, rửa tay chân, vắt ni-sư-đàn lên vai, đi đến một khu rừng. Vào trong rừng đó, Ngài đến dưới một gốc cây, trải ni-sư-đàn và ngồi kiết già.

Lúc bấy giờ một số đông các Tỳ-kheo sau giờ ăn trưa, tụ họp tại giảng đường, cùng thảo luận vấn đề này:

“Này Chư Hiền, Đức Thế Tôn thật kỳ diệu thay, hy hữu thay! Sự tu tập niệm thân⁴ được phân biệt, được quảng bá, được hiểu biết tốt cùng, được quán sát tốt cùng, được tu tập tốt cùng, được thủ hộ và đối trị tốt cùng, khéo sung mãn, khéo thực hành, ở trong một tâm. Phật tuyên bố niệm thân có đại quả báo, được con mắt, có con mắt thấy đệ nhất nghĩa”.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn từ chỗ tĩnh tọa, bằng thiên nhĩ thanh tịnh, nghe xa hơn người, Ngài biết các Tỳ-kheo sau giờ ăn trưa tụ họp tại giảng đường, cùng bàn luận vấn đề này, “Này Chư Hiền, Đức Thế Tôn thật kỳ diệu thay, hy hữu thay! Sự tu tập niệm thân được phân biệt, được quảng bá, được hiểu biết tốt cùng, được quán sát tốt cùng, được tu tập tốt cùng, được thủ hộ và đối trị tốt cùng, khéo sung mãn, khéo thực hành, ở trong một tâm. Phật tuyên bố niệm thân có đại quả báo, được con mắt, có con mắt thấy đệ nhất nghĩa”.

Sau khi Đức Thế Tôn nghe như vậy, vào lúc xế, rời chỗ tĩnh tọa đứng dậy, Ngài đến giảng đường, trải chỗ ngồi trước chúng Tỳ-kheo.

Bấy giờ Đức Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo:

¹ Ưong-kỳ 鸯祁. Các đoạn trên kia âm là Ưong-già. Pāli: Aṅga.

² A-hòa-na 阿那. Có lẽ Pāli là Āpaṇa, một ngôi làng Bà-la-môn, một thị trấn trong xứ Anguttarāpa thuộc vương quốc Aṅga (Ưong-kỳ).

³ Kiên-ni 犍尼 có lẽ Pāli là Kaniya, một đạo sĩ bện tóc (Jatila) ở tại Āpaṇa, được nói đến trong M.9: Sela-sutta. Bản Pāli nói: Phật tại Sāvattthi.

⁴ Niệm thân 念身. Pāli: *kāyagātāsati*, thân hành niệm.

“Các người cùng nhau vừa bàn luận việc gì? Vì việc gì mà tụ tập tại giảng đường?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

[555a] “Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo chúng con sau giờ ăn trưa, tụ họp tại giảng đường, cùng bàn luận về vấn đề này: ‘Này Chư Hiền, Đức Thế Tôn thật kỳ diệu thay, hy hữu thay! Sự tu tập niệm thân được phân biệt, được quảng bá, được hiểu biết tột cùng, được quán sát tột cùng, được tu tập tột cùng, được thủ hộ và đối trị tột cùng, khéo sung mãn, khéo thực hành, ở trong một tâm. Phật tuyên bố niệm thân có đại quả báo, được con mắt, có con mắt thấy đệ nhất nghĩa’. Bạch Thế Tôn, chúng con vừa cùng nhau bàn luận vấn đề vấn đề như vậy. Vì vấn đề này mà tụ họp tại giảng đường”.

Đức Thế Tôn lại hỏi các Tỳ-kheo:

“Ta đã nói như thế nào về tu tập niệm thân, phân biệt, quảng bá, được đại quả báo?”

Lúc ấy các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, Thế Tôn là gốc của Pháp, là chủ của Pháp, Pháp do Thế Tôn. Kính mong Thế Tôn giảng thuyết. Chúng con sau khi nghe xong sẽ được hiểu biết nghĩa lý rộng rãi”.

Đức Phật nói:

“Các người hãy lắng nghe, hãy khéo suy nghĩ! Ta sẽ phân biệt nghĩa ấy cho các người nghe”.

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, lắng nghe.

Đức Phật nói:

“Tỳ-kheo tu tập niệm thân như thế nào? Tỳ-kheo khi đi thì biết mình đang đi, đứng thì biết mình đang đứng, ngồi thì biết mình đang ngồi, nằm thì biết mình đang nằm, ngủ thì biết mình đang ngủ. Như vậy, Tỳ-kheo tùy thân hành mà biết đúng như thật như vậy. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai họa của tâm và được định tâm⁵. Khi được định tâm rồi thì biết như thật như

⁵ Từ đây trở xuống, như kinh số 98. Xem các chú thích ở kinh đó.

⁶ Pāli: *ye gehasitā sarasaṃkappā te pahīyanti... ajjhattam eva cittaṃ santiṭṭhati*

vậy⁷. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

“Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau. Tỳ-kheo tỉnh giác⁸ khi vào, khi ra, khéo phân biệt khi nhìn,⁹ khi co, lúc duỗi, khi cúi, lúc ngược; nghi dung chững chạc, khoác tăng-già-lê ngay ngắn, ôm bát chỉnh tề; đi đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói năng, im lặng, đều biết rõ như thực. Như vậy, Tỳ-kheo tùy thân hành mà biết đúng như thật như vậy. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết như thật như vậy. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

“Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau. Tỳ-kheo khi phát sanh tâm niệm ác, bất thiện, liền bằng niệm pháp thiện để đối trị, đoạn trừ, tiêu diệt, tĩnh chỉ. Như người thợ mộc hoặc học trò thợ mộc kéo thẳng dây mực, búng thẳng lên thân cây, rồi dùng búa bén mà đẽo cho thẳng. Cũng vậy, Tỳ-kheo khi sanh niệm ác bất thiện, liền niệm pháp thiện để đối trị, đoạn trừ, tiêu diệt, tĩnh chỉ. Như vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết như thật như vậy. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành [555b] tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết như thật như vậy như vậy. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

“Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau. Tỳ-kheo răng ngậm khít lại, lưỡi ấn lên trên khẩu cái, dùng tâm trị tâm, đối trị, đoạn trừ, tiêu diệt, tĩnh chỉ. Như hai lực sĩ bắt một người yếu mang đi khắp nơi, tự do đánh đập; cũng vậy, Tỳ-kheo răng ngậm khít lại, lưỡi ấn lên khẩu cái, dùng tâm trị tâm, đối trị, đoạn trừ, tiêu diệt, tĩnh chỉ. Như vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết như thật như vậy. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết như thật như vậy. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

sannisīdati ekodi hoti samādhīyati; đoạn trừ những niệm tương tư duy liên hệ thế tục... nội tâm an lập, an trụ, chuyên nhất, nhập định.

⁷ Tri thượng như chân 知上如真; không rõ ý.

⁸ Nguyên Hán: chánh tri 正知. Pāli: *sampajāna*.

⁹ Hán; thiện quán phân biệt. Pl.: ālokite volikite sampajānakārī, tỉnh giác khi nhìn, khi quan sát.

“Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau. Tỳ-kheo niệm hơi thở vào thì biết niệm hơi thở vào; niệm hơi thở ra thì biết niệm hơi thở ra; thở vào dài thì biết thở vào dài, thở ra dài thì biết thở ra dài; thở vào ngắn thì biết thở vào ngắn, thở ra ngắn thì biết thở ra ngắn. Học toàn thân thở vào, học toàn thân thở ra. Học thở vào thân hành tinh chỉ, học thở ra khẩu hành tinh chỉ. Như vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết như thật như vậy. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết như thật như vậy. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

“Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau. Tỳ-kheo có hỷ lạc do ly dục nhuần thấm thân, phổ biến sung mãn. Khắp trong thân thể, hỷ lạc sanh do ly dục, không đâu không có. Như người hầu tắm, bỏ bột tắm¹⁰ đầy chậu, nước hòa thành bọt, nước thấm vào thân, phổ biến sung mãn, không đâu không có. Cũng vậy, Tỳ-kheo có hỷ lạc do ly dục nhuần thấm vào thân, phổ biến sung mãn, khắp trong thân thể hỷ lạc sanh do ly dục không đâu không có. Như vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết như thật như vậy. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết như thật như vậy. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

“Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau. Tỳ-kheo có hỷ lạc do định sanh nhuần thấm thân, phổ biến sung mãn. Khắp trong thân thể, hỷ lạc do định sanh không đâu không có. Cũng như suối trên núi tràn đầy, tràn ngập nước trong sạch, trong vắt. Nước từ bốn phương [555c] bên ngoài không ngõ nào để chảy vào được. Chính nước ngay từ dưới đáy suối ấy tự phun lên, chảy tràn ra ngoài, thấm ướt cả núi, phổ biến sung mãn, không đâu không có. Cũng vậy, Tỳ-kheo có hỷ lạc do định sanh nhuần thấm thân, phổ biến sung mãn. Khắp trong thân thể, hỷ lạc do định sanh không đâu không có. Như vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết như thật như vậy. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết như thật như vậy. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm

¹⁰ Hán: tháo đậu 澡豆, người Trung Quốc thời cổ nghiền đậu thành bột, trộn với thuốc, làm bột tắm. Từ này dùng để chỉ bột tắm trong kinh Phật. Pāli: nahāniya-cuṇṇa.

thân.

“Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau. Tỳ-kheo có lạc do ly hỷ thấm nhuần thân, phổ biến sung mãn. Khắp trong thân thể, lạc do ly hỷ không đâu không có. Như các thứ sen xanh, hồng, đỏ, trắng sanh ra từ nước, lớn lên trong nước, ở dưới đáy nước, rễ, cọng, hoa, lá đều nhuần thấm nước, phổ biến sung mãn, không đâu không có. Cũng vậy, Tỳ-kheo có lạc do ly hỷ nhuần thấm vào thân, phổ biến sung mãn; khắp trong thân thể, lạc do ly hỷ không đâu không có. Như vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết như thật như vậy. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết như thật như vậy. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

“Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau. Tỳ-kheo ở trong thân này biến mãn với tâm ý thanh tịnh, tỏ rõ¹¹, thành tựu an trụ; ở trong thân này với tâm thanh tịnh, không chỗ nào là không biến mãn. Như có một người trùm một cái áo dài bảy hay tám khuỷu tay, từ đầu đến chân, không chỗ nào là không phủ kín; cũng vậy, Tỳ-kheo ở trong thân này, biến mãn với tâm ý thanh tịnh, tỏ rõ, thành tựu an trụ; ở trong thân này với tâm thanh tịnh, không chỗ nào là không biến mãn. Như vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết như thật như vậy. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết như thật như vậy. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

“Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau. Tỳ-kheo-niệm quang minh tướng¹², khéo thọ, khéo trì, nhớ rõ điều niệm; như phía trước, phía sau cũng vậy; như phía sau, phía trước cũng vậy¹³; ngày cũng như đêm, đêm cũng như ngày; dưới cũng như trên, trên cũng như dưới. Như vậy, [556a] tâm không điên đảo, tâm không bị ràng buộc, tâm tu quang minh, không khi nào còn bị bóng tối che lấp. Như vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà

¹¹ Thanh tịnh tâm ý giả 清淨心意解: tâm thanh tịnh và ý cởi mở. Pāli: *so imam eva kāyaṃ parisuddhena cetasā pariyodātena pharitvā*, vị ấy làm thấm nhuần thân nay với tâm thuần tịnh, tinh khiết.

¹² Quang minh tướng 光明想; niệm tướng về ánh sáng. Bản Pāli không đề cập.

¹³ Nghĩa là quán trước mặt thấy như là sau lưng và ngược lại. Xem kinh số 85.

biết như thật như vậy. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết như thật như vậy. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

“Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau. Tỳ-kheo quán sát tướng¹⁴, khéo tiếp thu, khéo ghi nhớ, khéo được hý luận bởi ý. Như người ngồi quán sát kẻ nằm, người nằm quán sát kẻ ngồi. Cũng vậy, Tỳ-kheo quán sát tướng, khéo tiếp thu, khéo ghi nhớ, khéo được hý luận bởi ý. Như vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết như thật như vậy. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết như thật như vậy. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

“Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau. Tỳ-kheo tùy theo những chỗ trong thân, tùy theo tính chất tốt xấu, từ đầu đến chân, quán thấy thấy đều đầy đầy bất tịnh. Tức là, trong thân này có tóc, lông, móng, răng, da dày, da non, thịt, gân, xương, tim, thận, gan, phổi, ruột già, ruột non, lá lách, dạ dày, phân¹⁵, não và não căn, nước mắt, mồ hôi, nước mũi, nước miếng, mủ, máu, mỡ, tủy, đờm giải, nước tiểu. Như một cái bồn chứa đủ loại hạt giống, ai có mắt sáng thì thấy rõ ràng, ‘Đây là hạt lúa, gạo; kia là hạt cải, cỏ, rau’. Cũng vậy, Tỳ-kheo tùy theo những chỗ trong thân, tùy theo tính chất tốt xấu, từ đầu đến chân, quán thấy thấy đều đầy đầy bất tịnh. Tức là, trong thân này có tóc, lông, móng, răng, da dày, da non, thịt, gân, xương, tim, thận, gan, phổi, ruột già, ruột non, lá lách, dạ dày, phân, não và não bộ, nước mắt, mồ hôi, nước mũi, nước miếng, mủ, máu, mỡ, tủy, đờm giải, nước tiểu. Như vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết như thật như vậy. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết như thật như vậy. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

“Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau. Tỳ-kheo quán các giới trong thân rằng ‘Trong thân này của ta có địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới’. Như gã đồ tể mổ bò, lột hết bộ da, trải lên mặt đất, phân thành sáu đoạn. Cũng vậy, Tỳ-kheo quán các giới trong

¹⁴ Quán tướng 觀相. Bản Pāli không đề cập.

¹⁵ Đoàn phân 搏糞; bản Tống-Minh 膾 bản Nguyên 揣.

thân rằng: ‘Trong thân này của ta có địa giới, thủy giới, hỏa [556b] giới, phong giới, không giới, thức giới’. Như vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết như thật như vậy. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết như thật như vậy. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

“Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau. Tỳ-kheo quán xác chết mới chết, từ một, hai ngày đến sáu, bảy ngày, đang bị quạ, điều bươi mổ, sài lang cấu xé; hoặc đã được hỏa thiêu hay đã được chôn lấp, đang bị rữa nát hư hoại. Quán sát rồi, tự so sánh: ‘Thân ta cũng thế, đều có những trường hợp này, không sao tránh khỏi’. Như vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết như thật như vậy. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết như thật như vậy. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

“Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau. Tỳ-kheo như đã từng thấy trong nghĩa địa, hài cốt sặc xanh, rửa nát, bị chim thú ăn một nửa, xương cốt nằm rải rác trên mặt đất. Tỳ-kheo thấy rồi, tự so sánh, ‘Thân ta cũng thế, đều có những trường hợp này, không sao tránh khỏi’. Như vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết như thật như vậy. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết như thật như vậy. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

“Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau. Tỳ-kheo như đã từng thấy ở trong nghĩa địa, thân chết không còn da thịt, máu, mà chỉ còn gân nối liền với xương. Thấy rồi, tự so sánh, ‘Thân ta cũng thế, đều có những trường hợp này, không sao tránh khỏi’. Như vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết như thật như vậy. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết như thật như vậy. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

“Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau. Tỳ-kheo như đã từng thấy trong nghĩa địa, xương rời từng đốt, tản mác khắp nơi, xương chân, xương đùi, xương đầu gối, xương bắp vế, xương sống, xương vai, xương cổ, xương sọ, mỗi thứ một nơi. Thấy rồi tự so sánh, ‘Thân ta cũng thế,

đều có những trường hợp này, không sao tránh khỏi’. Như vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết như thật như vậy. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, [556c] tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết như thật như vậy. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

“Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau. Tỳ-kheo như đã từng thấy ở trong nghĩa địa, xương trắng như vỏ ốc, xanh như lông chim bồ câu, đỏ như màu máu, mục nát, bể vụn. Thấy rồi tự so sánh, ‘Thân ta cũng thế, đều có những trường hợp này, không sao tránh khỏi’. Như vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết như thật như vậy. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết như thật như vậy. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

“Nếu có vị nào tu tập niệm thân như vậy, quảng bá như vậy, các thiện pháp kia toàn bộ đều ở trong đó, gọi là Đạo phẩm pháp¹⁶. Vị ấy có tâm ý thanh biến mãn, giống như biển lớn mà các con sông nhỏ kia đều đổ vào. Cũng vậy, tu tập niệm thân như vậy, quảng bá như vậy, các thiện pháp kia toàn bộ đều ở trong đó, gọi là Đạo phẩm pháp.

“Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào không chân chánh an trụ niệm thân, sống với tâm nhỏ hẹp¹⁷, với vị ấy nếu Ma Ba-tuần muốn chi phối thì có thể chi phối được. Vì sao? Vì Sa-môn, Bà-la-môn kia trống không, không có niệm thân. Giống như một cái bình, bên trong trống không, không có nước, đặt ngay ngấn trên mặt đất, nếu có người đem nước đến đổ vào trong bình thì Tỳ-kheo nghĩ sao? Bình ấy như vậy, có đổ nước vào được hay không?”

Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, có thể được. Vì sao? Vì bình trống không, không có nước, đặt ngay ngấn trên mặt đất cho nên có thể đổ nước vào được”.

¹⁶ Đạo phẩm pháp 道品法; không phải 37 phẩm trợ đạo. Pāli: *vijābhāgiyā*, pháp thuận minh phần, dẫn đến phát sanh minh (*ettha sampayogavasena vijjam bhajantī’ti vijābhāgiyā*).

¹⁷ Du hành thiếu tâm 遊行少心; được hiểu là sống với tâm không biến mãn bởi thân hành niệm.

“Cũng vậy, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào không chánh lập an trụ niệm thân, sống với tâm nhỏ hẹp, vị ấy nếu Ma Ba-tuần muốn chi phối thì có thể lchi phối được. Vì sao? Vì Sa-môn, Bà-la-môn kia trống không, không có niệm thân.

“Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào chánh lập an trụ niệm thân, sống với tâm vô lượng, vị ấy nếu Ma Ba-tuần muốn chi phối, nhất định không thể được. Vì sao? Vì Sa-môn, Bà-la-môn kia không trống không, có niệm thân. Giống như có một cái bình, bên trong chứa đầy nước, đặt ngay ngắn trên mặt đất, nếu có người đem nước đến đổ vào trong bình, thì Tỳ-kheo nghĩ sao? Bình ấy như vậy có nhận nước nữa không?”

Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, không thể được. Vì sao? Vì bình ấy nước đã đầy rồi, đặt ngay ngắn trên mặt đất, cho nên không nhận nước được nữa”.

“Cũng vậy, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào chánh lập [557a] an trụ niệm thân, sống với tâm vô lượng, vị ấy nếu Ma Ba-tuần muốn chi phối, nhất định không thể được. Vì sao? Vì Sa-môn, Bà-la-môn kia không trống không, có niệm thân.

“Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào không chánh lập an trụ niệm thân, sống với tâm nhỏ hẹp, vị ấy nếu Ma Ba-tuần muốn chi phối thì có thể chi phối được. Vì sao? Vì Sa-môn, Bà-la-môn kia trống không, không có niệm thân. Giống như người lực sĩ khiêng hòn đá to, nặng, quăng vào trong vũng bùn, thì Tỳ-kheo, người nghĩ sao, hòn đá có bị lún vào bùn không?”

Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, hòn đá bị lún vào bùn. Vì sao? Vì bùn lầy mà đá nặng, cho nên chắc chắn phải lún vào”.

“Cũng vậy, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào không chánh lập an trụ niệm thân, sống với tâm nhỏ hẹp, vị ấy nếu Ma Ba-tuần muốn chi phối thì có thể lợi dụng được. Vì sao? Vì Sa-môn, Bà-la-môn kia trống không, không có niệm thân.

“Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào chánh lập an trụ niệm thân, sống với tâm vô lượng, vị ấy nếu Ma Ba-tuần muốn chi phối, nhất định không thể được. Vì sao? Vì Sa-môn, Bà-la-môn kia không trống không, có niệm thân. Giống như người lực sĩ cầm một trái cầu nhẹ bằng lông, ném vào một cánh cửa thẳng đứng, thì Tỳ-kheo, người nghĩ sao, cánh cửa kia có

nhận trái cầu chãng?”

Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, không thể nhận. Vì sao? Vì trái cầu thì nhẹ mà cánh cửa đứng thẳng, không thể nhận được”.

“Cũng vậy, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào chánh lập an trụ niệm thân, tâm vô lượng, vị ấy nếu Ma Ba-tuần muốn chi phối, nhất định không thể được. Vì sao? Vì Sa-môn, Bà-la-môn kia không trống không, có niệm thân.

“Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào không chánh lập an trụ niệm thân, sống với tâm nhỏ hẹp, vị ấy nếu Ma Ba-tuần muốn chi phối thì có thể lợi dụng được. Vì sao? Vì Sa-môn, Bà-la-môn kia trống không, không có niệm thân. Giống như người tìm lửa, lấy củi khô làm mồi, rồi dùng dùi khô mà dùi, thì này Tỳ-kheo, người nghĩ sao, người kia làm như vậy có tìm thấy lửa không?”

Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, người kia tìm thấy lửa. Vì sao? Vì người kia lấy dùi khô mà dùi củi khô, cho nên chắc chắn tìm thấy lửa”.

“Cũng vậy, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào không chánh lập an trụ niệm thân, tâm nhỏ hẹp, vị ấy nếu Ma Ba-tuần muốn chi phối thì có thể lợi dụng được. Vì sao? Vì Sa-môn, Bà-la-môn kia trống không, không có niệm thân.

“Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào chánh lập an trụ niệm thân, sống với tâm vô lượng, vị ấy nếu Ma Ba-tuần muốn [557b] chi phối, nhất định không thể được. Vì sao? Vì Sa-môn, Bà-la-môn kia không trống không, có niệm thân. Giống như người tìm lửa, lấy củi ướt làm mồi, rồi dùng dùi ướt mà dùi, thì này Tỳ-kheo, người nghĩ sao, người kia làm vậy có tìm thấy lửa không?”

Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, người kia không tìm thấy lửa. Vì sao? Vì người kia lấy củi ướt mà dùi gỗ ướt, cho nên không tìm thấy lửa”.

“Cũng vậy, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào chánh lập an trụ niệm thân, tâm vô lượng, vị ấy nếu Ma Ba-tuần muốn chi phối, nhất định không thể được. Vì sao? Vì Sa-môn, Bà-la-môn kia không trống không, có niệm

thân.

“Tu tập niệm thân như vậy, quảng bá như vậy, nên biết có mười tám công đức¹⁸. Những gì là mười tám công đức?

“Tỳ-kheo có thể nhẫn nại những sự đói, khát, nóng, lạnh, muỗi mòng, ruồi nhặng, gió nắng bức bách, hay gậy đánh, tiếng dũ cũng có thể nhẫn nại. Thân bị bệnh tật hết sức đau đớn, gần như tuyệt vọng, những điều không xứng ý đều có thể kham nhẫn. Đây là đức tánh thứ nhất khi tu tập niệm thân như vậy, quảng bá như vậy.

“Lại nữa, Tỳ-kheo kham nhẫn điều không vui thích hoan lạc. Nếu sanh điều không hoan lạc thì tâm nhất định không vương mắc. Đây là đức tánh thứ hai khi tu tập niệm thân như vậy, quảng bá như vậy.

“Lại nữa, Tỳ-kheo kham nhẫn sự sợ hãi. Nếu sợ hãi phát sanh thì tâm nhất định không vương mắc. Đây là đức tánh thứ ba khi tu tập niệm thân như vậy.

“Lại nữa, Tỳ-kheo sanh ba ác niệm: dục niệm, nhuế niệm, hại niệm.¹⁹ Nếu ba ác niệm phát sanh, tâm nhất định không dính trước. Đây là đức tánh thứ tư, thứ năm, thứ sáu và thứ bảy²⁰ khi tu tập niệm thân như vậy, quảng bá như vậy.

“Lại nữa Tỳ-kheo ly dục, ly pháp ác bất thiện, cho đến chứng đắc Tứ thiên, thành tựu an trụ. Đây là đức tánh thứ tám khi tu tập niệm thân như vậy, quảng bá như vậy.

“Lại nữa, Tỳ-kheo đã diệt tận ba kết sử, chứng quả Tu-đà-hoàn, không còn đọa vào ác pháp, nhất định đến chánh giác, chỉ còn thọ sanh tối đa bảy đời nữa. Sau bảy lần qua lại thiên thượng, nhân gian sẽ chứng đắc khổ biên. Đây là đức tánh thứ chín khi tu tập niệm thân như vậy, quảng bá như vậy.

“Lại nữa, Tỳ-kheo đã diệt tận ba kết sử, dâm, nộ, si đã mỏng, chỉ còn qua lại một lần thiên thượng nhân gian. Sau một lần qua lại sẽ chứng đoạn tận khổ biên. Đây là đức tánh thứ mười khi tu tập niệm thân như vậy, quảng

¹⁸ Bản Pāli nói có mười: dasānisamsā, mười điều lợi ích.

¹⁹ Tức ba bất thiện tâm.

²⁰ Bản Cao-li ghi các số năm, sáu, bảy. Bản Minh, sau thứ tư, không ghi các số này.

bá như vậy.

“Lại nữa, Tỳ-kheo đã diệt tận năm hạ phần kết sử, sanh vào nơi kia rồi nhập Niết-bàn, được pháp bất thối, không trở lại đời này. [557c] Đây là đức tánh thứ mười một khi tu tập niệm thân như vậy, quảng bá như vậy.

“Lại nữa, Tỳ-kheo nếu có tịch tĩnh giải thoát²¹, ly sắc, chứng đắc vô sắc, định như vậy²², tự thân tác chứng, thành tựu an trụ, rồi bằng trí tuệ và quán sát để vĩnh viễn đoạn trừ các lậu. Đây là đức tánh thứ mười hai, mười ba, mười bốn, mười lăm, mười sáu, mười bảy²³ khi tu tập niệm thân như vậy, quảng bá như vậy.

“Lại nữa, Tỳ-kheo chứng đắc như ý túc, thiên nhĩ, tha tâm trí, túc mạng trí, sanh tử trí, các lậu đã tận diệt, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Ngay trong đời này mà tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ; biết một cách như thật rằng ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã thành, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’. Đây là đức tánh thứ mười tám khi tu tập niệm thân như vậy, quảng bá như vậy.

“Tu tập niệm thân như vậy, quảng bá như vậy, nên biết, có mười tám công đức này²⁴.”

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



²¹ Nguyên Hán: tức giải thoát 息解脫; (Pāli: santa-vimokkha); chỉ định từ sắc giới vượt qua sắc để nhập vô sắc, an trụ nơi tịch tĩnh giải thoát. Xem các kinh 26, 51. Bản Pāli không đề cập.

²² Như kỳ tượng định.

²³ Các số này kể theo bản Cao-li. Bản Minh chỉ nêu số mười hai.

²⁴ Thực sự chỉ có 10, bằng con số trong bản Pāli, chỉ khác chi tiết.

82. KINH CHI-LY-DI-LÊ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại thành Vương xá, trong rừng Trúc, vườn Ca-lan-đa.

Bấy giờ một số đông các Tỳ-kheo sau giờ ăn trưa, có ít việc cần làm nên tụ họp ngồi ở giảng đường để giải quyết một vụ tranh chấp¹, tức thảo luận điều này có phải là pháp luật, điều này có phải là lời Phật dạy. Lúc bấy giờ Tỳ-kheo Chất-đa-la Tượng Tử² cũng hiện diện trong chúng.

Trong khi một số đông các Tỳ-kheo đang thảo luận điều này có phải là pháp luật, điều này có phải là lời Phật dạy, thì ngay trong lúc đang bàn luận ấy, Tỳ-kheo Chất-đa-la Tượng Tử không đợi cho các Tỳ-kheo nói pháp xong, mà dành nói nửa chừng, lại không có thái độ cung kính, không quan sát cẩn thận để thưa hỏi các bậc Tỳ-kheo Thượng tôn Trưởng lão.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Câu-hi-la³ cũng đang có mặt trong chúng. Tôn giả nói với Tỳ-kheo Chất-đa-la Tượng Tử rằng:

“Hiền giả nên biết, trong khi một số đông Tỳ-kheo đang thảo luận điều này có phải là pháp luật, điều này có phải là lời Phật dạy, Hiền giả chớ có dành nói nửa chừng. Đợi các Tỳ-kheo nói xong, [558a] nhiên hậu Hiền giả mới nói. Hiền giả hãy có thái độ cung kính và quán sát cẩn thận để thưa hỏi các bậc Tỳ-kheo Thượng tôn Trưởng lão. Chớ đem sự không cung kính, không khéo quán sát để thưa hỏi các ngài”.

Khi đó, bạn bè quen thân của Tỳ-kheo Chất-đa-la Tượng Tử hiện có trong chúng, nói với Tôn giả Đại Câu-hi-la rằng:

“Này Hiền giả Đại Câu-hi-la, ngài chớ nặng lời quở trách Tỳ-kheo Chất-đa-la Tượng Tử. Lý do vì sao? Vì Tỳ-kheo Chất-đa-la Tượng Tử có giới đức, đa văn, trông giống như người giải đãi nhưng không công cao, ngã mạn. Này Hiền giả Đại Câu-hi-la, bất cứ lúc nào, các Tỳ-kheo làm việc gì, Tỳ-kheo Chất-đa-la Tượng Tử đều có thể giúp đỡ cả”.

¹ Tránh sự 諍事. Pī., họ đang thảo luận về đề tài abhidhamma.

² Chất-đa-la Tượng Tử 質多羅象子. Pāli: Citta-Hathisāriputta.

³ Đại Câu-hi-la 大拘絺羅. Pāli: Mahā-kotṭhika.

Tôn giả Đại Câu-hi-la khi ấy nói với bạn bè quen thuộc của Tỳ-kheo Chất-đa-la Tượng Tử rằng:

“Này Chư Hiền, nếu không biết tâm của kẻ khác thì đừng vội nói là người ấy xứng đáng hay không xứng đáng. Lý do vì sao? Vì hoặc có một người lúc ở trước Đức Thế Tôn và trước các đồng phạm hạnh Thượng tôn Trưởng lão, khả tầm, khả quý, khả ái, khả kính, thì người ấy khéo léo thủ hộ, nhưng sau đó, khi không còn ở trước Đức Thế Tôn và trước các đồng phạm hạnh Thượng tôn Trưởng lão khả tầm, khả quý, khả ái, khả kính, thì người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện, rồi tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt⁴. Thân nhiệt, tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo.

“Này Chư Hiền, giống như con bò vào trong ruộng lúa của người, người giữ ruộng bắt được, hoặc lấy dây cột lại, hoặc nhốt trong chuồng. Này Chư Hiền, nếu có người nói rằng: ‘Con bò này không vào ruộng lúa của người khác nữa đâu’. Người kia nói như vậy có đúng chăng?”

“Không đúng. Vì sao? Vì nếu con bò bị trói kia, hoặc làm đứt, hoặc làm sút sợi dây trói, hoặc nhảy ra khỏi chuồng, nó cũng lại vào trong ruộng lúa của người khác như trước, chứ không khác gì cả”.

“Này Chư Hiền, hoặc có một người lúc ở trước Đức Thế Tôn và trước các đồng phạm hạnh Thượng tôn Trưởng lão khả tầm, khả quý, khả ái, khả kính thì người ấy khéo léo thủ hộ. Nhưng sau đó, khi không còn ở trước Đức Thế Tôn và trước các đồng phạm hạnh Thượng tôn Trưởng lão khả tầm, khả quý, khả ái, khả kính, thì người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện, rồi thì tâm sanh tham dục, tâm sanh ham muốn, rồi thì [558b] thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo. Này Chư Hiền, có một hạng người như vậy.

“Lại nữa, này Chư Hiền, hoặc có một người vừa được Sơ thiên; được Sơ thiên rồi, người ấy liền an trú chứ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, không mong thu hoạch những gì chưa thu

⁴ Pāli: *rāgo cittam anuddhamsati*, tham dục làm bại hoại tâm.

hoạch, không mong tác chứng những gì chưa tác chứng. Người ấy, sau đó thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo.

“Này Chư Hiền, như lúc mưa to, hồ ao trong thôn xóm đều đầy nước. Có người trước khi chưa mưa, thấy trong hồ ao đó có cát, đá, cỏ cây, một vài loại giáp trùng, cá, rùa, ếch ương và các loài thủy tánh khác, lúc bơi qua, lúc bơi lại, lúc rượt chạy, lúc đứng yên. Nhưng sau khi trời mưa, ao hồ đầy nước, người đó không còn thấy như thế nữa. Chư Hiền, nếu người kia nói như thế này: ‘Trong hồ ao kia nhất định không thể nào thấy lại được cát, đá, cỏ cây, một vài loại giáp trùng, cá, rùa, ếch ương và các loài thủy tánh khác, lúc bơi qua, lúc bơi lại, lúc rượt chạy, lúc đứng yên’. Người ấy nói như vậy có đúng chăng?”

“Không đúng. Vì sao? Vì hồ ao đầy nước kia, hoặc voi uống, ngựa uống, lạc đà, bò, lừa, heo, nai, trâu uống, hoặc người lấy dùng, gió thổi, mặt trời rọi, thì nước sẽ cạn. Người kia khi nước đầy hồ ao không thấy cát, đá, cỏ cây, một vài loại giáp trùng, cá, rùa, ếch ương và các loài thủy tánh khác, lúc bơi qua, lúc bơi lại, lúc rượt chạy, lúc đứng yên, nhưng sau khi nước đã cạn rồi thì vẫn thấy như cũ”.

“Cũng vậy, này Chư Hiền, hoặc có một người vừa được Sơ thiên; được Sơ thiên rồi, người ấy liền an trụ chứ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt, tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo. Này Chư Hiền, có một hạng người như vậy.

“Lại nữa, này Chư Hiền, hoặc có một người được Nhị thiên; được Nhị thiên rồi, người ấy liền an trụ chứ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện, rồi thì sanh tâm tham dục. [558c] Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt, tâm

niệt rồi liền xả giới bỏ đạo.

“Này Chư Hiền, như lúc mưa to, đất bụi ở nơi ngã tư đường đều thành bùn. Này Chư Hiền, nếu có người nói như thế này: ‘Bùn ở nơi ngã tư đường này nhất định không khô ráo, không thể trở lại thành bụi đất được nữa’. Người ấy nói như vậy có đúng chăng?”

“Không đúng. Vì sao? Vì ngã tư đường này hoặc voi đi, ngựa đi, lạc đà, bò, lừa, heo, nai, trâu và người đi, gió thổi, mặt trời rọi, thì con đường kia bùn sẽ khô và khô rồi sẽ trở thành đất bụi trở lại”.

“Cũng như vậy, này Chư Hiền, hoặc có người được Nhị thiên; được đê Nhị thiên rồi, người ấy liền an trụ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt, tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo. Này Chư Hiền, có một hạng người như vậy.

“Này Chư Hiền, lại nữa, hoặc có một người được Tam thiên; được Tam thiên rồi, người ấy liền an trụ chứ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt, tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo.

“Này Chư Hiền, như nước suối, nước hồ lặng trong, ngang bờ đứng yên, không xao động và cũng không có sóng. Này Chư Hiền, nếu có người nói như thế này: ‘Nước suối, nước hồ kia nhất định không bao giờ xao động và nổi sóng nữa’. Người ấy nói như vậy có đúng chăng?”

“Không đúng. Vì sao? Vì hoặc ở phương Đông gió lớn chọt thổi đến làm cho nước trong hồ xao động nổi sóng. Cũng vậy, phương Nam, phương Tây, phương Bắc, gió lớn chọt thổi đến làm cho nước trong hồ xao động nổi sóng”.

“Cũng như vậy, này Chư Hiền, hoặc có một người được Tam thiên; được

Tam thiên rồi, người ấy liền an trụ chứ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt, tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo. Nay Chư Hiền, một hạng người như vậy.

“Lại nữa, nay Chư Hiền, hoặc có một người được Tứ thiên; được Tứ thiên rồi, người ấy liền an trụ chứ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt, tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo.

“Nay Chư Hiền, ví như cư sĩ hoặc con cư sĩ ăn đồ ăn vi diệu, sau khi ăn uống no nê đầy bụng rồi thì những món ăn mà họ đã ăn trước kia, bây giờ không còn muốn ăn nữa. Nay Chư Hiền, nếu có lời nói như thế này: ‘Cư sĩ hoặc con của cư sĩ nhất định không bao giờ muốn ăn lại nữa’. Người ấy nói như vậy có đúng chăng?” “Không đúng. Vì sao? Vì cư sĩ hoặc con của cư sĩ kia qua một đêm đã thấy đói, thì những gì khi no bụng họ không muốn ăn, bây giờ lại có thể ăn như trước”.

“Cũng vậy, nay Chư Hiền, hoặc có một người được Tứ thiên; được Tứ thiên rồi, người ấy liền an trụ chứ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt, tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo. Nay Chư Hiền, một hạng người như vậy.

“Lại nữa, này Chư Hiền, hoặc có một người được Vô tướng tâm định⁵; được vô tướng tâm định rồi thì người ấy liền an trụ, không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt, tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo.

“Này Chư Hiền, ví như ở một khu rừng vắng, người ta nghe tiếng dế kêu⁶. Khi vua hoặc đại thần ngủ đêm tại khu rừng vắng đó, bấy giờ người ta nghe nào là tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe cộ, tiếng đi bộ, tiếng trống, tiếng trống com, [559a] tiếng trống kịch, tiếng múa, tiếng hát, tiếng đàn cầm, tiếng ăn uống, chứ không nghe tiếng dế kêu như trước tại khu rừng này nữa. Này Chư Hiền, nếu có lời nói như thế này: ‘Khu rừng kia nhất định không bao giờ nghe được tiếng dế kêu nữa’. Người ấy nói như vậy có đúng chăng?”

“Không đúng. Vì sao? Vì vua hoặc đại thần ấy khi qua đã đêm, trời sáng, thấy đều trở về. Nếu chỗ đó vì nghe các tiếng voi, ngựa, xe cộ, đi bộ, tiếng ốc, tiếng trống, trống com, trống múa, tiếng múa, ca, tiếng đàn, ăn uống nên không nghe tiếng dế kêu, nhưng khi họ đã đi rồi thì nghe lại như cũ.

“Cũng vậy, này Chư Hiền, có một người được Vô tướng tâm định; được Vô tướng tâm định rồi liền an trụ chứ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt, tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo. Này Chư Hiền, có một hạng người như vậy”.

⁵ Vô tướng tâm định 無想心定; đây chỉ vô tướng tâm định. Pāli: *animitta cetosamādhī*.

⁶ Nguyên Hán: Chi-ly-di-lê trùng 支離彌梨虫. Pāli: *cīrika-sadda* (hoặc *cīriḷika-sadda*, tên kinh bản Hán âm từ từ này), tiếng dế kêu.

Bấy giờ Tỳ-kheo Chát-đa-la Tượng Tử sau đó chẳng bao lâu xả giới, bỏ đạo. Bạn bè quen thân của Tỳ-kheo Chát-đa-la Tượng Tử nghe ông xả giới bỏ đạo, qua đến chỗ Tôn giả Đại Câu-hi-la, đến nơi rồi, bạch rằng:

“Bạch Tôn giả Đại Câu-hi-la, ngài biết rõ tâm của Tỳ-kheo Chát-đa-la Tượng Tử hay nhờ các việc khác mà biết? Lý do vì sao? Vì nay Tỳ-kheo Chát-đa-la Tượng Tử đã xả giới bỏ đạo”.

Tôn giả Đại Câu-hi-la bảo các bạn bè quen thân kia rằng:

“Này Chư Hiền, việc ấy phải như vậy. Lý do vì sao? Vì do không biết như thật, không thấy như chân nên xảy ra như vậy”.

Tôn giả Đại Câu-hi-la thuyết như vậy, các Tỳ-kheo nghe Tôn giả dạy xong, hoan hỷ phụng hành⁷.



⁷ Bản Pāli còn có đoạn kết: Phật tiên đoán Tượng Tử sẽ xuất gia trở lại và sẽ đắc quả A-la-hán. Lời tiên đoán đúng.

83. KINH TRƯỞNG LÃO THƯỢNG TÔN THỤY MIÊN

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Bà-kì-sầu¹, ở rừng Bồ trong núi Ngạc, [559c] trong vườn Lộc dã².

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên ở tại nước Ma-kiệt-đà, trong làng Thiện tri thức³. Lúc ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên sống riêng một mình nơi yên tĩnh, ngồi tĩnh tọa tư duy nhưng mắc phải chứng buồn ngủ. Đức Thế Tôn ở xa biết Tôn giả Đại Mục-kiền-liên sống riêng một mình nơi yên tĩnh, ngồi tĩnh tọa tư duy và mắc phải chứng buồn ngủ. Đức Thế Tôn biết như vậy, Ngài liền như vậy mà nhập định⁴. Do định như vậy, trong khoảnh khắc, như người lực sĩ co duỗi cánh tay, từ Bà-kì-sầu, rừng Bồ trong núi Ngạc, trong vườn Lộc dã, Đức Thế Tôn bỗng biến mất khỏi chỗ đó, qua đến nước Ma-kiệt-đà, thôn Thiện tri thức, trước mặt Tôn giả Đại Mục-kiền-liên. Rồi Đức Thế Tôn xuất định và nói rằng:

“Này Đại Mục-kiền-liên, ngươi đang bị buồn ngủ chi phối. Này Đại Mục-kiền-liên, ngươi đang bị buồn ngủ chi phối⁵.”

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên bạch Thế Tôn:

“Quả thật vậy, bạch Đức Thế Tôn”.

Phật lại nói:

“Này Đại Mục-kiền-liên, nếu như sở tướng⁶ nào gây buồn ngủ, ngươi chớ tu tập tướng ấy và cũng đừng phát triển⁷ nó. Như vậy, chứng buồn ngủ mới có thể được diệt trừ.

¹ Bà-kì-sầu 婆奇度. Pāli: Bhaggesu, giữa những người Bhagga.

² Ngạc sơn Bồ lâm Lộc dã viên 鱷山怖林鹿野園. Pāli: trong núi Cá sấu, rừng Khủng bố, chỗ nuôi hươu. Xem kinh 74.

³ Thiện tri thức thôn 善知識村. Pāli: Kallavālamuttagāma. Ngài Đại Mục-kiền-liên ở đây ngay sau khi vừa xuất gia. Kinh này được nói vào lúc này. Bấy ngày sau đó, Ngài đắc quả A-la-hán.

⁴ Như kỳ tượng định.

⁵ Pāli: *pacalāyati*, ngủ gật.

⁶ Sở tướng 所相, ở đây, đề mục thiền định. Pāli: saññā, tướng.

⁷ Quảng bá 廣布. Pāli: *bahulīkaroti*, tu tập nhiều.

“Nếu chứng buồn ngủ của người vẫn không diệt trừ, thì này Đại Mục-kiền-liên, hãy theo giáo pháp đã được nghe, tùy theo đó mà thọ trì, quảng bá và tụng đọc. Như vậy mới có thể diệt trừ được buồn ngủ.

“Nếu sự buồn ngủ của người vẫn không diệt trừ, thì này Đại Mục-kiền-liên, hãy theo giáo pháp đã được nghe, tùy theo đó mà thọ trì, rồi dần rộng ra cho người khác nghe. Như vậy sự buồn ngủ mới có thể được diệt trừ.

“Nếu sự buồn ngủ của người vẫn không diệt trừ, thì này Đại Mục-kiền-liên, hãy theo giáo pháp đã được nghe, tùy theo đó mà thọ trì, tâm suy niệm, tâm suy tư. Như vậy, sự buồn ngủ mới có thể được diệt trừ.

“Nếu thụy miên của người vẫn không diệt trừ, thì này Đại Mục-kiền-liên, hãy dùng hai tay day⁸ hai lỗ tai. Như vậy, sự buồn ngủ mới có thể được diệt trừ.

“Nếu sự buồn ngủ của người không diệt trừ, thì này Đại Mục-kiền-liên, hãy lấy nước lạnh rửa mặt và dội ướt thân thể. Như vậy, sự buồn ngủ mới có thể được diệt trừ.

“Nếu thụy miên của người vẫn không diệt trừ, thì này Đại Mục-kiền-liên, hãy đi ra ngoài thất, xem khắp bốn phương, ngược nhìn các vì sao. Như vậy, chứng buồn ngủ mới có thể được diệt trừ.

“Nếu sự buồn ngủ của người vẫn không diệt trừ, thì này Đại Mục-kiền-liên, hãy đi ra ngoài thất, đến khoảng đất trống phía đầu thất mà kinh hành, thủ hộ các căn, tâm an trụ bên trong, khởi hậu tiền tưởng⁹. Như vậy, sự buồn ngủ mới có thể được diệt trừ.

“Nếu sự buồn ngủ của người không diệt trừ, thì này Đại Mục-kiền-liên, hãy bỏ con đường đang kinh hành, đến đầu con đường ấy, trải ni-sur-đàn, ngồi kiết già. Như vậy, sự buồn ngủ mới có thể [560a] được diệt trừ.

“Nếu sự buồn ngủ của người vẫn không diệt trừ, thì này Đại Mục-kiền-liên, hãy trở vào thất, gấp y uất-đa-la-tăng bốn lớp trải trên giường, gấp tăng-già-lê làm gối, nằm hông bên phải, hai chân chồng lên nhau, khởi

⁸ Hán: môn mô 捫摸 (mần mò). Pāli: *ubho kaṃṣasotāni āviñcheyyasi*, người hãy *vặn* (hay *kéo*?) hai lỗ tai.

⁹ Hậu tiền tưởng 後前想, quán tưởng sau lưng như là trước mặt. Pāli: *pacchāpuresaññī*.

tướng ánh sang¹⁰, lập chánh niệm chánh trí và luôn luôn khởi ý tưởng muốn trôi dạt¹¹. Nay Đại Mục-kiền-liên, đừng ham lạc thú giường nệm, đừng ham lạc thú ngủ nghỉ, đừng ham tài lợi, đừng đắm trước danh dự¹². Lý do vì sao? Vì Ta nói: ‘Tất cả pháp không nên tụ hội’, và cũng nói, ‘Nên tụ hội’.¹³

“Nay Đại Mục-kiền-liên, Ta nói pháp gì không nên tụ hội? Nay Đại Mục-kiền-liên, nếu pháp đạo và tục mà cùng tụ hội, Ta nói pháp này không nên tụ hội.¹⁴ Nay Đại Mục-kiền-liên, nếu pháp đạo và tục mà cùng tụ hội thì có nhiều điều phải nói. Nếu có nhiều điều phải nói thì có trạo cử¹⁵. Nếu có trạo cử thì tâm không tịch tĩnh. Nay Đại Mục-kiền-liên, nếu tâm không tịch tĩnh thì tâm rời xa định. Nay Đại Mục-kiền-liên, do đó Ta nói là không thể tụ hội.

“Nay Đại Mục-kiền-liên, Ta nói pháp gì nên cùng tụ hội? Nay Đại Mục-kiền-liên, ở nơi rừng vắng kia¹⁶, Ta nói pháp này nên cùng tụ hội: núi rừng, dưới cây, chỗ an tĩnh không nhân, núi cao, hang đá, vắng bật âm thanh, viễn ly, không ác, không người, có thể tùy thuận mà tĩnh tọa. Nay Đại Mục-kiền-liên, Ta nói pháp này nên cùng tụ hội.

“Nay Đại Mục-kiền-liên, nếu người đi vào làng khát thực, hãy nhằm tởm lợi lộc, nhằm tởm sự cúng dường, cung kính. Đối với lợi lộc, cúng dường, cung kính, khi tâm người đã phát khởi sự nhằm tởm rồi mới vào làng khát thực.

¹⁰ Minh tướng 明想 hay quang minh tướng, lấy các loại ánh sáng để làm đề mục, tập trung tư tưởng trên đó. Pāli: *ālokasaññā*, đề cập đến sau khi ngắm các ngôi sao không thành công.

¹¹ Dục khởi tướng 欲起想. Pāli: *uṭṭhānasaññā*.

¹² Trong bản Pāli, câu này dành cho hành giả tự tâm niệm lúc nằm, tức những điều suy niệm của phép dục khởi tướng.

¹³ Pl.(A.iv. tr. 88): *na panāhaṃ, moggallāna, sabbeva saṃsaggam vaṇṇayāmi, na panāhaṃ sabbeva saṃsaggam na vaṇṇayāmi.*, “Ta không tán thán tất cả sự tụ hội. ta cũng không phải không tán thán tất cả sự tụ hội.”

¹⁴ Pl. *ibid.*: *sagahaṭṭhapabbajitehi kho ahaṃ saṃsaggam na vaṇṇayāmi*, “Ta không tán thán sự câu hội với người tại gia và xuất gia.”

¹⁵ Điệu 掉, ở đây cử chỉ thảy máy không yên. Pāli: *uddhacca*.

¹⁶ Vô sự xứ.

“Này Đại Mục-kiền-liên, đừng đem ý cao đại mà vào làng khất thực. Vì sao? Vì nhà trưởng giả có công việc gì đó, Tỳ-kheo đến khất thực khiến trưởng giả không chú ý. Tỳ-kheo liền nghĩ rằng: ‘Ai phá hoại ta ở nhà trưởng giả¹⁷? Vì sao? Vì ta vào nhà trưởng giả khất thực mà trưởng giả không chú ý’. Nhân đó sanh ưu sầu, nhân ưu sầu mà sanh trạo cử, nhân trạo cử mà tâm không tịch tĩnh, nhân tâm không tịch tĩnh nên tâm rời xa định.

“Này Đại Mục-kiền-liên, khi người thuyết pháp, đừng vì tranh luận. Nếu có tranh luận thì có nhiều lời, nhân nhiều lời mà có trạo cử, nhân trạo cử mà tâm không tịch tĩnh, nhân tâm không tịch tĩnh nên tâm rời xa định.

“Này Đại Mục-kiền-liên, khi người thuyết pháp đừng nói to, nói mạnh, như sư tử. Này Đại Mục-kiền-liên, khi người thuyết pháp hãy hạ ý mà thuyết pháp, không rắng sức, tiêu diệt sức, dẹp bỏ sức, hãy thuyết pháp bằng sự không dùng cường lực, như [560b] sư tử¹⁸.

“Này Đại Mục-kiền-liên, hãy học như vậy”.

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên rời chỗ ngồi đứng dậy, trích áo vai phải, chấp tay hướng Phật, bạch rằng:

“Bạch Đức Thế Tôn, thế nào là Tỳ-kheo đến chỗ cứu cánh, cứu cánh bạch tịnh, cứu cánh phạm hạnh và cứu cánh phạm hạnh cùng tột?”

Đức Thế Tôn bảo:

“Này Đại Mục-kiền-liên, Tỳ-kheo khi đã thọ lạc, cảm thọ khổ, cảm thọ không lạc không khổ, vị ấy ở nơi các cảm thọ này mà quán vô thường, quán hưng suy, quán đoạn, quán vô dục, quán diệt, quán xả. Sau khi ở nơi các cảm thọ này mà quán vô thường, quán hưng suy, quán đoạn, quán vô dục, quán diệt, quán xả, vị ấy không chấp thủ cái gì cả trong đời này¹⁹, do không chấp gì thủ đời này mà không bị nhọc nhằn, do không bị nhọc nhằn nên nhập Niết-bàn, biết một cách như thật rằng: ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều đáng làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’.

¹⁷No.47: ai đã nói gì với cư sĩ đó? Bởi vì ta vào nhà mà cư sĩ đó không chịu nói chuyện với ta.

¹⁸No.47: hãy như sư tử luận.

¹⁹Bất thọ thử thế 不受此世. Pāli: *na kiñci loke upādiyati*, không chấp thủ bất cứ cái gì ở trên đời.

“Này Đại Mục-kiên-liên, như vậy là Tỳ-kheo đạt đến chỗ cứu cánh, cứu cánh bạch tịnh, cứu cánh phạm hạnh và cứu cánh phạm hạnh cùng tột”.

Phật thuyết như vậy. Tôn giả Đại Mục-kiên-liên nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.²⁰



²⁰ Bản Hán, hết quyển 20.

84. KINH VÔ THÍCH

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú Tì-xá-li, ở tại ngôi nhà sàn, bên bờ ao Di hầu¹.

Các đệ tử danh đức Trưởng lão Thượng tôn như các ngài Già-la, Ưu-bá-già-la, Hiền Thiện, Hiền Hoạn, Da-xá, Thượng Xứng²; các Tỳ-kheo danh đức Trưởng lão Thượng tôn như vậy cũng tựu tại Tì-xá-li, ở tại ngôi nhà sàn, bên ao Di hầu và đều ở bên cạnh nhà lá của Phật. Các người Lê-xa³ ở thành Tì-xá-li nghe Đức Thế Tôn trụ tại Tì-xá-li, [560c] nơi ngôi nhà sàn, bên bờ ao Di hầu, liền nghĩ rằng, “Chúng ta hãy phát đại như ý túc, khởi oai đức của bậc vua chúa, lớn tiếng rao truyền rồi ra khỏi thành Tì-xá-li, qua đến chỗ Phật cúng dường kính lễ”.

Lúc bấy giờ các đại đệ tử Danh đức Trưởng lão Thượng tôn nghe người Lê-xa thành Tì-xá-li phát đại như ý túc, khởi oai đức của bậc vua chúa, lớn tiếng rao truyền rồi ra khỏi thành Tì-xá-li, qua đến chỗ Phật cúng dường kính lễ, liền nghĩ rằng: ‘Âm thanh là gai nhọn đối với thiền’. Đức Thế Tôn cũng nói rằng: ‘Âm thanh là gai nhọn đối với thiền’. Chúng ta hãy qua rừng Nguru giác Sa-la⁴, nơi ấy không náo loạn, sống viễn ly cô độc, ẩn dật nơi thanh vắng mà tĩnh tọa”.

Rồi các đại đệ tử danh đức Trưởng lão Thượng tôn đi qua rừng Nguru giác Sa-la, nơi ấy không náo loạn, sống viễn ly cô độc, ẩn dật nơi thanh vắng mà tĩnh tọa để tư duy.

Bấy giờ, rất nhiều người Lê-xa thành Tì-xá-li phát đại như ý túc, khởi oai đức của bậc vua chúa, lớn tiếng rao truyền, rồi ra khỏi thành Tì-xá-li, qua đến chỗ Phật cúng dường kính lễ. Hoặc có người Lê-xa thành Tì-xá-li cúi lạy chân Phật rồi ngồi xuống một bên, hoặc có người chào hỏi Phật rồi ngồi xuống một bên, hoặc có người chấp tay hướng về Phật rồi ngồi xuống một bên, hoặc có người ở xa thấy Phật rồi im lặng ngồi xuống.

¹ Xem kinh 217. Pāli: Mahāvane kuṭāgārasālāyam.

² Già-la 遮羅, Ưu-bá-già-la 優簸遮羅, Hiền Thiện 賢善, Hiền Hoạn 賢患, Da-xá 耶舍, Thượng Xứng 上稱. Pāli: Cāla, Upacāla, Kukkuṭa, Kaḷimbha, Nikāṭa, Kaṭissa.

³ Lê-xé 麗掣: Lê-xa, hoặc Li-xa. Pāli: Licchavi.

⁴ Xem kinh 184.

Khi những người Lê-xa thành Tì-xá-li đã ngồi xong đầu đầy, Đức Thế Tôn thuyết pháp cho họ nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho họ nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, Đức Thế Tôn ngồi im lặng.

Những người Lê-xa thành Tì-xá-li, sau khi đã được Đức Thế Tôn thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi lạy chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi ra về.

Sau khi những người Lê-xa thành Tì-xá-li đi chẳng bao lâu, bấy giờ Đức Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo rằng:

“Các Trưởng lão Thượng tôn đại đệ tử đã đi đến nơi nào?”

Các Tỳ-kheo bạch:

“Bạch Thế Tôn, các Trưởng lão Thượng tôn đại đệ tử khi nghe những người Lê-xa thành Tì-xá-li phát đại như ý túc, khởi oai đức của bậc vua chúa, lớn tiếng rao truyền rồi ra khỏi thành Tì-xá-li, qua đến chỗ Phật cúng dường kính lễ. Các ngài nghĩ rằng: ‘Âm thanh là gai nhọn đối với thiên’, Đức Thế Tôn cũng nói rằng: ‘Âm thanh là gai nhọn đối với thiên’. Chúng ta hãy đi qua rừng Nguru giác Sa-la, ở đó không náo loạn, sống viễn ly cô độc, ẩn dật nơi thanh vắng mà tĩnh tọa tư duy. Bạch Thế Tôn, các Trưởng lão Thượng tôn đại đệ tử đều đi đến nơi đó”.

[561a] Bấy giờ Đức Thế Tôn nghe xong, khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! Nếu là Trưởng lão Thượng tôn đại đệ tử, nên nói như thế này: ‘Âm thanh là gai nhọn đối với thiên’. Đức Thế Tôn cũng nói: ‘Âm thanh là gai nhọn đối với thiên’. Vì sao? Vì quả thật Ta có nói như vậy: Âm thanh là gai nhọn đối với thiên. Phạm giới là gai nhọn đối với trì giới. Trang sức thân thể là gai nhọn đối với thủ hộ các căn. Tịnh tướng là gai nhọn đối với tu tập bất tịnh⁵. Sân nhuế là gai nhọn đối với tu tập từ tâm. Uống rượu là gai nhọn đối với xa lìa uống rượu. Thấy nữ sắc là gai nhọn đối với phạm hạnh. Âm thanh là gai nhọn đối với nhập Sơ thiên. Tầm tứ là gai đối với nhập Nhị thiên. Hỷ là gai nhọn đối với nhập Tam thiên. Hơi thở ra, hơi thở vào là gai nhọn đối với nhập Tứ thiên. Sắc tướng là gai nhọn đối với nhập Không xứ. Không tướng là gai nhọn đối với nhập Thức xứ. Thức tướng là gai nhọn đối với nhập Vô sở hữu xứ.

⁵ Nguyên Hán: ô lộ 惡露. Pl.: *asubhanimittāmyogam*.

Tưởng và thọ⁶ là gai nhọn đối với nhập Tưởng thọ diệt định.⁷

“Lại cũng có ba loại gai nhọn khác; gai nhọn đục, gai nhọn nhuế và gai nhọn ngu si. Với ba loại gai này, bậc lậu tận A-la-hán đã đoạn trừ, đã biết rõ, đã nhổ sạch cội rễ, tuyệt diệt không còn sanh, ấy là bậc A-la-hán không bị gai chích, bậc A-la-hán xa lìa gai chích, bậc A-la-hán không gai, lìa gai”.

Phật thuyết như vậy. Các vị Tỳ-kheo nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



⁶ Nguyên bản Hán: tưởng tri 想知. Pl.: *saññāvedayita*.

⁷ Trng bản Pali, Phật nói mười loại gan nhọn (*dasa kaṇṭakā*).

85. KINH CHÂN NHÂN

Tôi nghe như vậy.

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta sẽ nói cho các người nghe về pháp chân nhân, và pháp không phải chân nhân¹. Hãy lắng nghe, hãy khéo hý luận”.

Các Tỳ-kheo thọ giáo lắng nghe.

Phật nói:

“Thế nào là pháp không phải chân nhân? Ở đây có một người thuộc dòng dõi hào quý, xuất gia học đạo và những người khác thì không như vậy. Người ấy nhân vì dòng dõi hào quý mà quý mình khinh người. Đó gọi là pháp không phải chân nhân. Pháp chân nhân xét nghĩ như thế này: ‘Ta không phải nhân bởi dòng dõi hào quý mà đoạn trừ được dâm, nộ, si. Hoặc có người nào đó không phải dòng dõi hào quý mà xuất gia học đạo, [561b] người ấy thực hành pháp như pháp, tùy thuận pháp, thực hành pháp tùy pháp², do đó mà được cúng dường, cung kính’. Vị ấy như vậy mà thú hưởng sự chứng đắc pháp chân đế nhưng không quý mình, không khinh người. Đó gọi là pháp chân nhân.

“Lại nữa, hoặc có người đoạn chánh, khả ái, những người khác không được như vậy. Người kia nhân vì mình đoạn chánh, khả ái mà quý mình khinh người. Đó gọi là pháp không phải chân nhân. Pháp chân nhân xét nghĩ như thế này: ‘Ta không phải do vẻ đoạn chánh khả ái này mà đoạn trừ được dâm, nộ, si. Hoặc có người nào đó không đoạn chánh khả ái nhưng người ấy thực hành pháp như pháp, tùy thuận pháp, thực hành pháp tùy pháp, do đó mà được cúng dường, cung kính’. Vị ấy như vậy

¹ Chân nhân pháp 真人法; No.48: hiền giả pháp 賢者法. Pāli: *sappurisadhamma*, chân nhân pháp, thiện nhân pháp thiện sĩ pháp.

² Hành pháp như pháp, tùy thuận pháp, hướng pháp thứ pháp 行法如法隨順於法向法次法. Pāli: *dhammānudhammapaṭṭipanno sāmīcīpaṭṭipanno anudhammacāri*; là người thực hành pháp tùy pháp, thực hành chân chính, có hành vi tùy thuận pháp.

mà thú hướng sự chứng đắc pháp chân đế nhưng không quý mình, không khinh người. Đó gọi là pháp chân nhân.

“Lại nữa, hoặc có một người hùng biện, luận giỏi, những người khác không được như vậy. Người kia nhân vì hùng biện, luận giỏi mà quý mình khinh người. Đó gọi là điều của kẻ không phải chân nhân. Pháp chân nhân xét nghĩ như thế này: ‘Ta không phải do tài hùng biện, luận giỏi này mà đoạn trừ được dâm, nộ, si. Hoặc có người nào đó không có tài hùng biện, luận giỏi, nhưng người ấy thực hành pháp như pháp, tùy thuận pháp, thực hành pháp tùy pháp, do đó mà được cúng dường, cung kính’. Vì ấy như vậy mà thú hướng sự chứng đắc pháp chân đế nhưng không quý mình, không khinh người. Đó gọi là pháp chân nhân.

“Lại nữa, hoặc có người thuộc hàng Trưởng lão, quen biết với vua, nổi tiếng với mọi người và có đại phước, những người khác không được như vậy. Người kia nhân vì là Trưởng lão, vì quen biết với vua, vì nổi tiếng với mọi người và có đại phước mà quý mình khinh người. Đó gọi là pháp không phải chân nhân. Pháp chân nhân xét nghĩ như thế này: ‘Ta không phải do Trưởng lão, không phải do quen biết với vua, nổi tiếng với mọi người và có đại phước mà đoạn trừ được dâm, nộ, si. Hoặc có người nào đó không phải là Trưởng lão, không quen biết với vua, không nổi tiếng với mọi người và cũng không có đại phước, nhưng người ấy thực hành pháp như pháp, tùy thuận pháp, thực hành pháp tùy pháp, do đó mà được cúng dường, cung kính’. Vì ấy như vậy mà thú hướng sự chứng đắc pháp chân đế nhưng không quý mình, không khinh người. Đó gọi là pháp chân nhân.

“Lại nữa, hoặc có người tụng Kinh, trì Luật, học A-tỳ-đàm³, thuộc lâu A-hàm⁴, học nhiều kinh sách, người khác không được như vậy. Người kia nhân vì thuộc lâu A-hàm, học nhiều kinh sách nên quý mình khinh người. Đó gọi là pháp không phải chân nhân. Pháp chân nhân [661c] xét nghĩ như thế này: ‘Ta không phải do thuộc lâu A-hàm, học nhiều kinh sách mà đoạn trừ được dâm, nộ, si. Hoặc có người nào đó không thuộc lâu A-hàm, cũng không học nhiều kinh sách, nhưng người ấy thực hành pháp như

³ A-tỳ-đàm 阿毗曇; thường chỉ Luận tạng. Pāli: abhidhamma.

⁴ Nguyên trong bản: A-hàm-mộ 阿含慕, thường chỉ chung Kinh tạng. Pāli: *āgama*.

pháp, tùy thuận pháp, thực hành pháp tùy pháp, do đó mà được cúng dường, cung kính’. Vị ấy như vậy mà thú hưởng sự chứng đắc pháp chân đế nhưng không quý mình, không khinh người. Đó gọi là pháp chân nhân.

“Lại nữa, hoặc có người mặc y phẩn tảo, nhiếp ba pháp phục, trì y bất mạn⁵, người khác không được như vậy. Người kia nhân vì trì y bất mạn nên quý mình khinh người. Đó gọi là pháp không phải chân nhân. Pháp chân nhân xét nghĩ như thế này: ‘Ta không phải do trì y bất mạn này mà đoạn trừ được dâm, nộ, si. Hoặc có người nào đó không trì y bất mạn nhưng người ấy thực hành pháp như pháp, tùy thuận pháp, thực hành pháp tùy pháp, do đó mà được cúng dường, cung kính’. Vị ấy như vậy mà thú hưởng sự chứng đắc pháp chân đế nhưng không quý mình, không khinh người. Đó gọi là pháp chân nhân.

“Lại nữa, hoặc có người thường đi khát thực, cơm chỉ ngang bằng năm thặng, chỉ khát thực hạn cuộc nơi bảy nhà, chỉ ăn một bữa, quá giữa trưa không uống nước trái cây⁶, người khác không được như vậy. Người kia nhân vì quá giữa trưa không uống nước trái cây mà quý mình khinh người. Đó gọi là pháp không phải chân nhân. Pháp thượng nhân xét nghĩ như thế này: ‘Ta không phải do sự quá giữa trưa không uống nước trái cây này mà đoạn trừ được dâm, nộ, si. Hoặc có người nào đó không dứt bỏ sự quá giữa trưa uống nước trái cây, nhưng người ấy thực hành pháp như pháp, tùy thuận pháp, thực hành pháp tùy pháp, do đó mà được cúng dường, cung kính’. Vị ấy như vậy mà thú hưởng sự chứng đắc pháp chân đế nhưng không quý mình, không khinh người. Đó gọi là pháp chân nhân.

“Lại nữa, hoặc có người ở chỗ rừng vắng sơn lâm, dưới gốc cây, hoặc ở núi cao hay nơi đất trống, hoặc nơi gò mả, hoặc có thể biết thời; người khác không được như vậy. Người kia nhân vì biết thời mà quý mình khinh người. Đó không phải là pháp chân nhân. Pháp chân nhân xét nghĩ như thế này: ‘Ta không phải do sự biết thời này mà đoạn trừ được dâm,

⁵ Bất mạn y 不慢衣. Pāli: *amāna-cīvara*, y không kiêu mạn, hay *amanāpa-cīvara*, y xấu xí?

⁶ Bất ẩm tương 不飲漿. Luật chế, Tỳ kheo không ăn chiều nhưng được phép uống tám thứ nước trái cây.

nộ, si. Hoặ có người nào đó không biết thời nhưng người ấy thực hành pháp như pháp, tùy thuận pháp, thực hành pháp tùy pháp, do đó mà được cúng dường, cung kính'. Vị ấy như vậy mà thú hưởng sự chứng đắc pháp chân đế nhưng không quý mình, không khinh người. Đó gọi là pháp chân nhân.

“Lại nữa, hoặ có người vừa được Sơ thiên. Người ấy nhân vì được Sơ thiên mà quý mình [662a] khinh người. Đó gọi là pháp không phải chân nhân. Pháp chân nhân xét nghĩ như thế này: ‘Về Sơ thiên, Đức Thế Tôn nói là vô lượng chủng loại, nếu có kể chấp thì gọi là ái⁷ vậy. Do đó người ấy được cúng dường cung kính’. Như vậy, vị này thú hưởng sự chứng đắc pháp chân đế, nhưng không quý mình, không khinh người. Đó gọi là pháp chân nhân.

“Lại nữa, hoặ có người được Nhị, Tam, Tứ thiên; được Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ, người khác không được như vậy. Người kia nhân vì được phi tưởng phi phi tưởng xứ nên quý mình khinh người. Đó gọi là pháp không phải chân nhân. Pháp chân nhân xét nghĩ như thế này: ‘Phi tưởng phi phi tưởng, Đức Thế Tôn nói là vô lượng chủng loại, nếu có kể chấp thì gọi đó là ái, do đó người ấy được cúng dường cung kính’. Như vậy, vị này thú hưởng sự chứng đắc pháp chân đế, nhưng không quý mình, không khinh người. Đó gọi là pháp chân nhân.

“Các người hãy nhận biết pháp chân nhân và pháp không phải chân nhân. Sau khi biết được pháp thượng nhân và pháp không phải chân nhân rồi, hãy dứt bỏ pháp không phải chân nhân và hãy học pháp chân nhân”.

*Giàu, đẹp trai, nói giỏi,
Trưởng lão, tụng nhiều kinh,
Y, thực, tu núi, thiên,
Sau cùng bỏ vô sắc.*

“Các người nên học như vậy”.

Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo nghe Đức Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

⁷ Ái 愛; TNM: thọ (chấp thủ). Pāli (A.iii. 42): *paṭhamajjhānasamāpattiya pi kho atammayatā vuttā*, sự chứng đạt Sơ thiên được nói là có tánh không tham luyến.



86. KINH THUYẾT XỨ

Tôi nghe như vậy.

Một thời Đức Phật đến nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Tôn giả A-nan vào lúc xế, rời chỗ ngồi tĩnh tọa đứng dậy, dẫn các Tỳ-kheo niên thiếu đi đến chỗ Phật, cúi lạy dưới chân Phật rồi ngồi qua một bên. Các Tỳ-kheo niên thiếu cũng cúi lạy chân Phật, rồi ngồi qua một bên.

Tôn giả A-nan bạch rằng:

“Bạch Đức Thế Tôn, với các Tỳ-kheo niên thiếu này, con phải răn bảo như thế nào? Dạy dỗ như thế nào? Thuyết pháp cho họ nghe như thế nào?”

Đức Thế Tôn bảo rằng:

“Này A-nan, ông hãy nói về xứ¹ và dạy về xứ cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu ông nói về xứ và dạy về xứ cho các Tỳ-kheo niên thiếu, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, [562b]trọn đời tu hành phạm hạnh”.

Tôn giả A-nan chấp tay hướng về Phật, bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, nay thật là đúng thời. Bạch Thiện Thệ, nay thật là đúng thời. Nếu Thế Tôn nói về xứ và dạy về xứ cho các Tỳ-kheo niên thiếu, con và các Tỳ-kheo niên thiếu sau khi nghe Thế Tôn nói sẽ khéo léo thọ trì”.

Đức Thế Tôn bảo rằng

“A-nan, các ông hãy lắng nghe, hãy khéo suy nghĩ! Ta sẽ phân biệt rộng rãi cho ông và các Tỳ-kheo niên thiếu nghe”.

Tôn giả A-nan thọ giáo, lắng nghe.

Đức Thế Tôn bảo rằng:

“A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về năm thủ uẩn²: sắc thủ uẩn,

¹ Xứ 處, gồm sáu nội xứ và sáu ngoại xứ. Pāli: *cha ajjhattikāni āyatanāni, cha bāhirāni āyatanāni*.

² Ngũ thành âm 五盛陰.

thọ, tướng, hành và thức thủ uẩn. Nay A-nan, năm thủ uẩn này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu ông nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về năm thủ uẩn này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

“A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về sáu nội xứ: nhãn xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ. A-nan, sáu nội xứ này ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu ông nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về sáu nội xứ này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

“A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về sáu ngoại xứ: sắc xứ, thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ. A-nan, sáu ngoại xứ này ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu ông nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về sáu ngoại xứ này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

“A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về sáu thức thân³: nhãn thức, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức. A-nan, sáu thức thân này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu ông nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về sáu thức thân này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

“A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về sáu xúc thân⁴: nhãn xúc, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc. A-nan, sáu xúc thân này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu ông nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về sáu xúc thân này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

“A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về sáu thọ thân⁵: nhãn thọ, [562c] nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thọ. A-nan, sáu thọ thân này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu ông nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về sáu thọ thân này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

³ Thức thân 識身. Pāli: *viññānakāya*.

⁴ Nguyên Hán: cánh lạc thân 更樂身. Pāli: *phassakāya*.

⁵ Nguyên Hán: giác thân 覺身. Pāli: *vedanākāya*.

“A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về sáu tướng thân⁶: nhãn tướng, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý tướng. A-nan, sáu tướng thân này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu ông nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về sáu tướng thân này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

“A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về sáu tư thân⁷: nhãn tư, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý tư. A-nan, sáu tư thân này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu ông nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về sáu tư thân này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

“A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về sáu ái thân⁸: nhãn ái, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý ái. A-nan, sáu ái thân này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu ông nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về sáu ái thân này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

“A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về sáu giới: địa giới, thủy, hỏa, phong, không, thức giới. A-nan, sáu giới này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu ông nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về sáu giới này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

“A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về nhân duyên khởi và pháp sanh khởi do nhân duyên khởi⁹: ‘Nếu có cái này thì có cái kia, nếu không có cái này thì không có cái kia. Nếu sanh cái này thì sanh cái kia, nếu diệt cái này thì diệt cái kia. Duyên vô minh, có hành. Duyên hành, có thức. Duyên thức, có danh sắc. Duyên danh sắc, có sáu xứ. Duyên sáu xứ, có xúc. Duyên xúc, có thọ. Duyên thọ, có ái. Duyên ái, có thủ. Duyên thủ,

⁶ Tướng thân 想身. Pāli: *saññākāya*.

⁷ Tư thân 思身. Pāli: *sañcetanā-kāya*.

⁸ Ái thân 愛身. Pāli: *taṇhākāya*.

⁹ Nhân duyên khởi và nhân duyên khởi sở sanh pháp 因緣起-因緣起所生法, hay *duyên khởi, duyên khởi pháp*; duyên sanh, duyên dĩ sanh pháp: lý duyên khởi và pháp do duyên khởi. Bản Pāli không đề cập, nhưng các từ tương đương là *paṭiccasammuppāda*, và *paṭiccasammuppannā dhammā*.

có hữu. Duyên hữu, có sanh. Duyên sanh, có già chết. Nếu vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì sáu xứ diệt, sáu xứ diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt [563a] thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì già chết diệt. A-nan, nhân duyên khởi và pháp sanh khởi do nhân duyên khởi này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu ông nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về nhân duyên khởi và pháp sanh khởi do nhân duyên khởi này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

“A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về bốn niệm xứ, quán thân như thân, quán thọ, quán tâm, quán pháp như pháp. A-nan, bốn niệm xứ này ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu ông nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về bốn niệm xứ này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

“A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về bốn chánh đoạn¹⁰, Tỳ-kheo đối với pháp ác bất thiện đã sanh, vì để đoạn trừ chúng nên khởi ước muốn, nỗ lực hành, tinh cần, dốc hết tâm, đoạn trừ¹¹. Đối với các pháp ác bất thiện chưa sanh, vì để chúng không phát sanh nên khởi ước muốn, nỗ lực hành, tinh cần, dốc hết tâm, đoạn trừ. Đối với các pháp thiện chưa sanh, vì để cho phát sanh nên khởi ước muốn, nỗ lực hành, tinh cần, dốc hết tâm, đoạn trừ. Đối với các pháp thiện đã sanh, vì để chúng kiên trụ, không bị quên lãng, không bị thoái hóa, được bồi bổ tăng tiến, được phát triển rộng rãi, được viên mãn cụ túc, nên khởi ước muốn, nỗ lực hành, tinh cần, dốc hết tâm, đoạn trừ. A-nan, bốn chánh đoạn này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu ông nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về bốn chánh đoạn này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

¹⁰ Bốn chánh đoạn 正斷, tức bốn chánh cần. Pāli: *sammappadhāna*.

¹¹ Khởi dục, cầu phương tiện hành, tinh cần, cử tâm, đoạn 起欲求方便行精勸舉心斷. Tham chiếu, *Tập dị 6* (tr.391c 6): khởi dục, phát cần, tinh tấn, sách tâm, trì tâm 起欲發動精進策心持心. Pāli: *chandaṃ janeti vāyamati viriyaṃ ārabhati cittaṃ paggaṇhati padahati*.

“A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về bốn như ý túc¹², Tỳ-kheo thành tựu dục định, thiêu đốt các hành¹³, tu tập như ý túc¹⁴, y vô dục, y viễn ly, y diệt, nguyện đến phi phẩm¹⁵. Tinh tấn định, tâm định cũng như vậy. Thành tựu tư duy định,¹⁶ thiêu đốt các hành, tu tập như ý túc, nương vào vô dục, nương vào viễn ly, nương vào diệt, nguyện đến phi phẩm. Nay A-nan, bốn như ý túc này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu ông nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về bốn như ý túc này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

“A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về bốn thiền, Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện cho đến được bốn thiền, thành tựu an trụ. Nay A-nan, [563b] bốn thiền này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu ông nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về bốn thiền này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

“A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về bốn Thánh đế: Khổ thánh đế, Tập, Diệt và Đạo thánh đế. A-nan, bốn Thánh đế này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu ông nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về bốn thánh đế này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

“A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về bốn tướng, Tỳ-kheo có

¹² Bốn như ý túc 如意足, cũng nói là bốn thần túc. Pāli: *cattaro iddhipādā*.

¹³ Thiêu chư hành 燒諸行. Pāli: *padhānasamkhāra*: tinh cần hành, tức tác ý hay nỗ lực tinh cần; *samkhāra* ở đây đồng nghĩa payoga: gia hành. Bản Hán hiểu *padahana*: tinh cần, do gốc động từ dahati: *thiêu đốt*, thay vì theo nghĩa *đặt để*.

¹⁴ Dịch sát văn Hán. Tham chiếu, *Tập dị* 6, nt.: dục tam-ma-địa đoạn hành (hay *thắng hành*) thành tựu thần túc Pāli: *chanda-samādhi-padhānā-samkhāra-samannāgataṃ iddhipādam*, thần túc được thành tựu bằng tác động tinh cần tập trung vào sự (đối tượng) ước muốn.

¹⁵ Nguyện chí phi phẩm 願至非品. Xem kinh 10 cht. 24. Pl. thành cú: *vivekanissitaṃ virāganissitaṃ nirodhanissitaṃ vossaggaparīnāmiṃ*, y viễn ly, y ly dục, y diệt tận, hướng đến xả ly.

¹⁶ Nguyên Hán: quán định 觀定.

tiểu tướng, có đại tướng, có vô lượng tướng, có vô sở hữu tướng¹⁷. A-nan, bốn tướng này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu ông nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về bốn tướng này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

“A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về bốn vô lượng, Tỳ-kheo tâm đi đôi với từ biển mẫn một phương, thành tựu an trụ. Cứ như thế, hai phương, ba phương, bốn phương, tứ duy, trên dưới biển khắp tất cả, tâm đi đôi với từ, không kết, không oán, không sân nhuế, không tranh, vô cùng rộng lớn, vô lượng, khéo tu tập, biển mẫn tất cả thế gian, thành tựu an trụ. Bi và hỷ cũng vậy. Tâm đi đôi với xả, không kết, không oán, không sân nhuế, không tranh, vô cùng rộng lớn, vô lượng, khéo tu tập, biển mẫn tất cả thế gian, thành tựu an trụ. A-nan, bốn vô lượng này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu ông nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về bốn vô lượng này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

“A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về bốn vô sắc, Tỳ-kheo đoạn trừ tất cả sắc tướng, cho đến chứng đắc phi tướng phi phi tướng xứ, thành tựu an trụ. A-nan, bốn vô sắc này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu ông nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về bốn vô sắc này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

“A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về bốn Thánh chủng. Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nhận được cái y thô xấu mà biết hài lòng, tri túc, không phải vì y áo mà mong thỏa mãn ý mình. Nếu [563c] chưa được y thì không u uất, không khóc than, không đấm ngực, không si đại. Nếu đã được y áo thì không nhiễm, không trước, không ham muốn, không tham lam, không cất giấu, không tích trữ. Khi dùng y thì thấy rõ tai họa và biết sự xuất ly. Được sự lợi như vậy vẫn không giải đãi mà có chánh trí. Đó là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni chân chánh an trụ nơi Thánh chủng cựu truyền¹⁸. Về ẩm thực và trụ xứ cũng như vậy. Mong muốn đoạn trừ, vui thích đoạn trừ, mong

¹⁷ Xem giải thích, *Tập dị* 6, tr. 392 a-b.

¹⁸ Hán: cựu Thánh chủng 舊聖種. *Tập dị* ibid: cô tích Thánh chủng, Pāli: *porāṇe aggaññe ariyavaṃse thito*, đứng vững trong phá hệ Thánh từ ngàn xưa.

muốn tu, vui thích tu. Vị ấy nhân muốn đoạn trừ, vui thích đoạn trừ, muốn tu, vui thích tu nên không quý mình, không khinh người. Sự lợi như vậy, không giải đãi nhưng chánh trí. Đó gọi là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni chân chánh an trụ nơi Thánh chúng cữu trụ.

“A-nan, bốn Thánh chúng này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu ông nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về bốn Thánh chúng này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

“A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về bốn quả Sa-môn: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, tối thượng A-la-hán quả. A-nan, bốn quả Sa-môn này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu ông nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về bốn quả Sa-môn này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

“A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về năm thành thực giải thoát tướng¹⁹: tướng về vô thường, tướng vì vô thường cho nên khổ, tướng khổ cho nên vô ngã, tướng bất tịnh ô lộ²⁰, tướng hết thấy thế gian không có gì đáng ái lạc²¹. A-nan, năm thực giải thoát này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu ông nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về năm thực giải thoát tướng này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

“A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về năm giải thoát xứ. Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni chưa giải thoát thì nhờ ở đây mà tâm được giải thoát²². Nếu chưa tận trừ các lậu thì sẽ được tận trừ hoàn toàn. Nếu chưa chứng đắc vô thượng Niết-bàn thì sẽ chứng đắc vô thượng Niết-bàn. Thế nào là

¹⁹ Thực giải thoát tướng 孰解脫想. Xem *Tập dị* 13 (tr. 423c): thành thực giải thoát tướng. Pāli: *pañca vimutti-paripācaniyā saññā* (các tướng làm chín mùi giải tắt): *anicca-saññā, anicce dukkha-saññā, dukkhe anatta-saññā, pahāna-saññā* (khác với các bản Hán; xem D. 33. Saṅgīti, mục Năm pháp).

²⁰ Bất tịnh ô lộ tướng 不淨惡露想. Pāli: *asubhasaññā*.

²¹ Hai tướng sau, *Tập dị*: yếm nghịch thực tướng, tử tướng; xem thêm chú thích trên.

²² Năm giải thoát xứ 解脫處. Pāli: *pañca vimuttāyatanāni*. Xem D. 33. Saṅgīti.

năm? A-nan, Thế Tôn thuyết pháp cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nghe, các đồng phạm hạnh có trí cũng thuyết pháp cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nghe. A-nan, nếu Thế Tôn thuyết pháp cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nghe, các đồng phạm hạnh có trí cũng thuyết pháp cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nghe; họ nghe pháp rồi thấu hiểu pháp, thấu hiểu nghĩa, và do sự thấu hiểu pháp, thấu hiểu nghĩa đó nên được hân hoan²³, nhân [654a] hân hoan mà được hỷ.²⁴ Nhân hỷ mà được thân khinh an²⁵. Do thân khinh an nên được cảm thọ lạc. Do cảm thọ lạc nên được tâm định.²⁶ A-nan, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nhân tâm định nên được thấy như thật, biết như thật. Do thấy như thật, biết như thật nên phát sanh sự nhàm tởm. Do nhàm tởm nên được vô dục. Do vô dục nên được giải thoát. Do giải thoát mà biết là mình giải thoát, biết một cách như thật rằng ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh đời sau nữa’. A-nan, đó là giải thoát xứ thứ nhất. Nhân đó mà nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni chưa được giải thoát, chưa tận trừ các lậu thì được tận trừ hoàn toàn, chưa chứng đắc vô thượng Niết-bàn thì chứng đắc vô thượng Niết-bàn. Lại nữa, này A-nan, nếu trong trường hợp Thế Tôn không có thuyết pháp cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nghe, các đồng phạm hạnh có trí cũng không thuyết pháp cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nghe, nhưng họ theo những điều đã nghe, đã tụng tập và đọc tụng rộng rãi. Nếu không đọc tụng rộng rãi những điều đã nghe, đã tụng đọc nhưng họ chỉ tùy theo điều đã nghe, đã tụng tập, nói lại rộng rãi cho người khác nghe. Nếu không nói rộng rãi cho người khác nghe những điều đã nghe, đã tụng tập, nhưng họ chỉ tùy theo điều đã nghe, đã tụng tập mà tư duy, phân biệt. Nếu không tư duy phân biệt những điều đã nghe, đã tụng tập, nhưng họ chỉ thọ trì các tướng tam-muội. A-nan, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni khéo thọ trì các tướng tam-muội thì thấu hiểu pháp, thấu hiểu nghĩa. Do thấu hiểu pháp, thấu hiểu nghĩa nên được hân hoan. Do hân hoan nên có hỷ. Do hỷ nên được thân khinh

²³ Nguyên Hán: hoan duyệt 歡悅.

²⁴ Nguyên Hán: hoan hỷ 歡喜.

²⁵ Nguyên Hán: chỉ thân 止身; ở đây theo dịch ngữ của *Tập dị* sđđ. Pāli: passaddha-kāya.

²⁶ Tuần tự theo Pāli (D.iii. 241): *pamojjaṃ* (hoan hỷ), *pīti* (hỷ), *passaddhakāya* (thân khinh an), *sukhaṃ* (lạc), *cittaṃ samādhīyati* (tâm định).

an. Do thân khinh an nên được cảm thọ lạc. Do cảm thọ lạc nên được tâm định. A-nan, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nhân tâm định nên được thấy như thật, biết như thật. Do thấy như thật, biết như thật nên phát sanh nhàm tởm. Do nhàm tởm nên được vô dục. Do vô dục nên được giải thoát. Do giải thoát mà biết là mình đã giải thoát, biết một cách như thật rằng: ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều đáng làm đã làm xong, không còn tái sanh đời sau nữa’. Nay A-nan, đó là giải thoát xứ thứ năm, nhân đó mà nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni chưa được giải thoát thì được tâm giải thoát, chưa dứt sạch các lậu thì được dứt sạch trọn vẹn, chưa chứng đắc vô thượng Niết-bàn thì chứng đắc vô thượng Niết-bàn. A-nan, năm giải thoát xứ này ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu [564b] ông nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về năm giải thoát xứ này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

“A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về năm căn, tín, tinh tấn, niệm, định và tuệ căn. A-nan, năm căn này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu ông nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về năm căn này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

“A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về năm lực, tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ lực. A-nan, năm lực này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu ông nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về năm lực này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

“A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về năm xuất yếu giới²⁷. Những gì là năm? A-nan, Đa văn Thánh đệ tử quán sát dục một cách cực kỳ mãnh liệt. Vị ấy do cực kỳ mãnh liệt quán sát dục nên tâm không hướng theo dục, không vui say dục, không thân cận với dục, không quyết tâm²⁸ nơi dục. Khi tâm dục vừa sanh, tức thì bị cháy tiêu, khô héo, co rút lại, bị

²⁷ Năm xuất yếu hay 出要界: xuất ly giới Pāli: *pañca nissāraṇiyā dhātuyo*, năm giới hạn cần phải thoát ly; xem D. 33 Saṅgīti. Cf *Tập dị 14* (No 1536, tr. 427b21).

²⁸ Nguyên Hán: bất tín giải 不信解; *Tập dị*, sdd. tr.427c: vô thắng giải 無勝解; Pāli (D 33) *na vimuccati* (Số giải: đồng nghĩa với *adhimuccati*).

cuốn tròn lại chứ không được mở rộng ra, bị vứt bỏ đi; không trụ nơi dục, chán ghét, nhằm tởm. A-nan, giống như lông và gân của con gà bị đem quăng vào trong lửa, tức khắc cháy tiêu, khô héo, co rút lại, bị cuốn tròn lại chứ không được mở rộng ra. A-nan, Đa văn Thánh đệ tử cũng vậy, cực kỳ mãnh liệt quán sát dục. Vị ấy do cực kỳ mãnh liệt quán sát dục nên tâm không hướng theo dục, không vui say trong dục, không thân cận với dục, không quyết tâm nơi dục. Khi tâm dục vừa sanh, tức thì bị cháy tiêu, khô héo, co rút lại, bị cuốn tròn lại chứ không được mở rộng ra. Vị ấy vứt bỏ, không trụ nơi dục, chán ghét, nhằm tởm, chế ngự dục. Vị ấy quán sát vô dục, tâm hướng về vô dục, vui say vô dục, thân cận vô dục, quyết tâm nơi vô dục, tâm không bị chướng ngại, không ô trược, tâm được an lạc, rất an lạc, viễn ly tất cả dục, viễn ly các lậu và các thứ phiền nhọc, ưu sầu do dục mà có, giải chúng, thoát chúng và lại giải thoát khỏi chúng. Vị ấy không còn nhận lãnh các cảm thọ ấy nữa, tức các cảm thọ sanh ra bởi dục. Như vậy, đó là sự xuất ly khỏi dục. A-nan, đó là xuất yếu giới thứ nhất. A-nan, Đa văn Thánh đệ tử quán sát sân nhuế cực kỳ mãnh liệt. Vị ấy do cực kỳ mãnh liệt quán sát sân nhuế nên tâm không hướng theo sân nhuế, không vui say trong sân nhuế, không thân cận với sân nhuế, không quyết tâm nơi sân nhuế. Khi tâm sân nhuế vừa sanh, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô héo, co rút lại, [564c] bị cuốn tròn lại chứ không được nở rộng ra, bị vứt bỏ đi. Vị ấy không trụ nơi sân nhuế, chán ghét, nhằm tởm, chế ngự sân nhuế. A-nan, giống như lông và gân của con gà bị đem quăng vào trong lửa, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô rút lại, bị cuốn tròn lại chứ không được nở rộng ra. A-nan, Đa văn Thánh đệ tử cũng vậy, cực kỳ mãnh liệt quán sát sân nhuế. Vị ấy do cực kỳ mãnh liệt quán sát sân nhuế nên tâm không hướng theo nhuế, không vui say nhuế, không quyết định nơi nhuế. Tâm nhuế vừa sanh, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô rút, bị cuốn tròn chứ không nở rộng ra được, bị vứt bỏ đi, vị ấy không an trụ nơi nhuế, chán ghét, nhằm tởm, chế ngự nhuế. Vị ấy quán sát vô nhuế, tâm hướng về vô nhuế, vui say vô nhuế, thân cận vô nhuế, quyết định nơi vô nhuế, tâm không bị chướng ngại, không ô trược, tâm được an lạc, rất an lạc, viễn ly dục nhuế, viễn ly các lậu và các thứ phiền nhọc, ưu sầu do nhuế mà có, thoát chúng, giải chúng và lại giải thoát khỏi chúng. Vị ấy không còn nhận lãnh cảm thọ này nữa, tức cảm thọ sanh ra bởi nhuế. Như vậy, đó là sự xuất ly khỏi nhuế. A-nan, đó là xuất yếu giới thứ hai.

Lại nữa, A-nan, Đa văn Thánh đệ tử quán sát một cách cực kỳ mãnh liệt não hại. Vị ấy do cực kỳ mãnh liệt quán sát hại nên tâm không hướng theo hại, không vui say hại, không thân cận với hại, không quyết định nơi hại. Khi tâm hại vừa sanh, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô héo, co rút lại, bị cuốn tròn lại chứ không được nở rộng ra, bị vứt bỏ đi. Vị ấy không trụ nơi hại, chán ghét, nhằm tởm, chế ngự não hại. A-nan, giống như lông và gân của con gà bị đem quăng vào trong lửa, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô, bị cuốn tròn lại chứ không được nở rộng ra. A-nan, Đa văn Thánh đệ tử cũng vậy, cực kỳ mãnh liệt quán sát não hại. Vị ấy do cực kỳ quán sát não hại nên tâm không hướng theo hại, không vui say hại, không thân cận với hại, không quyết định nơi hại. tâm hại vừa sanh, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô rút, bị cuốn tròn chứ không nở rộng ra được, bị vứt bỏ đi. Vị ấy không an trụ nơi hại, chán ghét, nhằm tởm, chế ngự hại. Vị ấy quán sát vô hại, tâm hướng về vô hại, vui say vô hại, thân cận vô hại, quyết định nơi vô hại, tâm không bị chướng ngại, không ô trược, tâm được an lạc, rất an lạc, viễn ly dục hại, viễn ly các lậu và các thứ phiền nhọc, ưu sầu do hại mà có, thoát chúng, giải chúng và lại giải thoát khỏi chúng. Vị ấy không còn nhận lãnh cảm thọ này nữa, tức cảm thọ sanh ra bởi hại. Như vậy, đó là sự xuất ly khỏi hại. A-nan, đó là xuất yếu giới thứ ba. Lại nữa, A-nan, Đa văn Thánh đệ tử quán sát sắc cực kỳ mãnh liệt. Vị ấy do cực kỳ mãnh liệt quán sát sắc nên tâm không hướng theo sắc, không vui say trong sắc, không thân cận với sắc, không quyết định nơi sắc. Khi tâm sắc vừa sanh, tức thì bị cháy tiêu, bị khô héo, co rút lại, bị cuốn tròn lại chứ [565a] không được nở rộng ra, bị vứt bỏ đi. Vị ấy không trụ nơi sắc, chán ghét, nhằm tởm, chế ngự sắc. A-nan, giống như lông và gân của con gà bị đem quăng vào trong lửa, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô, bị cuốn tròn lại chứ không được nở rộng ra. A-nan, Đa văn Thánh đệ tử cũng vậy, cực kỳ mãnh liệt quán sát sắc. Vị ấy do cực kỳ quán sát sắc nên tâm không hướng theo sắc, không vui say sắc, không thân cận với sắc, không quyết định nơi sắc. Tâm sắc vừa sanh, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô rút, bị cuốn tròn chứ không nở rộng ra được, bị vứt bỏ đi. Vị ấy không an trụ nơi sắc, chán ghét, nhằm tởm, chế ngự sắc. Vị ấy quán sát vô sắc, tâm hướng về vô sắc, vui say vô sắc, thân cận vô sắc, quyết định nơi vô sắc, tâm không bị chướng ngại, không ô trược, tâm được an lạc, rất an lạc, viễn ly dục sắc, viễn ly các lậu và các thứ phiền nhọc, ưu sầu do sắc mà có, thoát

chúng, giải chúng và lại giải thoát khỏi chúng. Vị ấy không còn nhận lãnh cảm thọ này nữa, tức cảm thọ sanh ra bởi sắc. Như vậy, đó là sự xuất ly khỏi sắc. A-nan, đó là xuất yếu giới thứ tư. Lại nữa, A-nan, Đa văn Thánh đệ tử hết sức thận trọng khéo léo, quán sát hữu thân²⁹ một cách cực kỳ mãnh liệt. Vị ấy do cực kỳ mãnh liệt quán sát hữu thân nên tâm không hướng theo hữu thân, không vui say trong hữu thân, không thân cận với hữu thân, không quyết định nơi hữu thân. Khi hữu thân vừa sanh, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô héo, co rút lại, bị cuốn tròn lại chứ không được nở rộng ra, bị vứt bỏ đi. Vị ấy không trụ nơi thân, chán ghét, nhàm tởm, chế ngự hữu thân. A-nan, giống như lông và gân của con gà bị đem quăng vào trong lửa, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô, bị cuốn tròn lại chứ không được nở rộng ra. A-nan, Đa văn Thánh đệ tử cũng vậy, cực kỳ mãnh liệt quán sát hữu thân. Vị ấy do cực kỳ mãnh liệt quán sát hữu thân nên tâm không hướng theo thân, không vui say thân, không quyết định nơi thân. Hữu thân vừa sanh, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô rút, bị cuốn tròn chứ không nở rộng ra được, bị vứt bỏ đi. Vị ấy không an trụ nơi thân, chán ghét, nhàm tởm, chế ngự thân. Vị ấy quán sát vô thân, tâm hướng về vô thân, vui say vô thân, thân cận vô thân, quyết định vô thân, tâm không bị chướng ngại, không ô trược, tâm được an lạc, rất an lạc; viển ly dục thân, viển ly các lậu và các thứ phiền nhọc, ưu sầu do thân mà có, thoát chúng, giải chúng và lại giải thoát khỏi chúng. Vị ấy không còn nhận lãnh cảm thọ này nữa, tức cảm thọ sanh ra bởi thân. Như vậy, đó là sự xuất ly khỏi thân. A-nan, đó là xuất yếu giới thứ năm. A-nan, năm xuất yếu giới này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. [565b] Nếu ông nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về năm xuất yếu giới này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

“A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về bảy tài sản: tín, giới, tâm, quý, văn, thí và tuệ tài. A-nan, bảy tài sản này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu ông nói và dạy bảy tài sản này cho các Tỳ-kheo niên thiếu, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu phạm hạnh.

²⁹ Nguyên Hán: kỷ thân 己身: tự thân của mình. Đây nói về hữu thân (kiến), hay tát-ca-da (tả-kiến). *Tập dị* ibid.: hữu thân 有身. Pali: sakāya.

“A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về bảy lực: tín, tinh tấn, tâm, quý, niệm, định, tuệ lực. A-nan, bảy lực này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu ông nói và dạy bảy lực này cho các Tỳ-kheo niên thiếu, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

“A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về bảy giác chi: niệm, trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an³⁰, định, xả giác chi. A-nan, bảy giác chi này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu ông nói và dạy bảy giác chi này cho các Tỳ-kheo niên thiếu, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

“A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về Thánh đạo tám chi: chánh kiến, chánh tư duy³¹, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn³², chánh niệm, chánh định. Đó là tám. A-nan, Thánh đạo tám chi này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu ông nói và dạy tám chi Thánh đạo này cho các Tỳ-kheo niên thiếu, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh”.

Lúc ấy, Tôn giả A-nan chấp tay hướng về Phật, bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu, thật là hy hữu! Đức Thế Tôn đã nói về xứ và dạy về xứ cho các Tỳ-kheo niên thiếu”.

Đức Thế Tôn bảo:

“Này A-nan, thật vậy, thật vậy! Thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, Ta nói về xứ và dạy về xứ cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Này A-nan, nếu ông lại hỏi về đánh pháp và đánh pháp thối³³ từ nơi Như Lai thì ông hết sức tin tưởng, hoan hỷ đối với Như Lai”.

Bấy giờ Tôn giả A-nan chấp tay hướng về Phật, bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, nay thật đúng thời. Bạch Thiện Thệ, nay thật đúng thời. Nếu Thế Tôn nói và dạy về đánh pháp và đánh pháp thối cho các Tỳ-

³⁰ Nguyên Hán: tức 息.

³¹ Nguyên Hán: chánh chí 正志.

³² Nguyên Hán: chánh phương tiện 正方便.

³³ Đánh pháp đánh pháp thối 頂法頂法退. Pāli không có. Tham khảo, *Ti-bà-sa 6* (No.1545, tr. 25 c): “Ví như đỉnh núi”.

kheo niên thiếu thì con và các Tỳ-kheo niên thiếu từ Đức Thế Tôn nghe xong sẽ khéo léo thọ trì”.

[565c]Đức Thế Tôn bảo:

“Này A-nan, các ông hãy lắng nghe. Hãy khéo suy nghiệm! Ta sẽ nói về đánh pháp và đánh pháp thối cho ông và các Tỳ-kheo niên thiếu nghe”.

Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo niên thiếu thọ trì lắng nghe.

Đức Thế Tôn bảo rằng³⁴:

“A-nan, Đa văn Thánh đệ tử chân thật, nhân nơi tâm hý luận³⁵, tư lương, khéo quán sát, phân biệt về vô thường, khổ, không, phi ngã. Vị ấy khi hý luận như vậy, tư lương như vậy, khéo quán sát, phân biệt như vậy, liền phát sanh nhĩn, phát sanh lạc, phát sanh dục, tức mong cầu nghe, mong cầu niệm, mong cầu quán³⁶. Này A-nan, ấy gọi là đánh pháp.

“A-nan, nếu được đánh pháp này nhưng lại mất đi, suy thoái, không tu thủ hộ, không tập tinh tấn, này A-nan, ấy gọi là đánh pháp thối³⁷. Cũng vậy, đối với thức nội xứ, thức ngoại xứ, xúc, thọ, tưởng, tư, ái, giới, nhân duyên khởi và pháp do nhân duyên khởi³⁸ cũng như vậy.

“A-nan, Đa văn Thánh đệ tử đối với nhân duyên khởi và nhân duyên khởi pháp này mà hý luận, tư lương, khéo quán sát, phân biệt về vô thường, khổ, không, phi ngã, vị ấy khi hý luận như vậy, tư lương như vậy, khéo quán sát, phân biệt như vậy nên phát sanh nhĩn, phát sanh lạc, phát sanh dục, tức mong cầu nghe, mong cầu niệm, mong cầu quán. A-nan, đó gọi là đánh pháp.

“A-nan, nếu được đánh pháp này nhưng lại mất đi, suy thoái, không tu

³⁴ Đoạn này, về đánh pháp được dẫn trong *Tỳ-bà-sa* 6 (Đại 27, trang 26 c) với một ít dị biệt. Xem các chú thích dưới.

³⁵ *Tỳ-bà-sa* ibid.: “đối với năm thủ uẩn, trong pháp duyên sanh...”

³⁶ ibid.: “... có nhĩn, có kiến, có dục lạc, có hành giải...” về nhĩn pháp, *Câu-xá* 23 (No.1558, tr. 119 c): “đối với bốn Diệu đế có khả năng chấp nhận”.

³⁷ *Phát trí 1* (No.1554, tr. 918 c) *Tỳ-bà-sa* 6 (tr. 27 a-b): đánh đọa do ba nguyên nhân sau khi đã đạt đến đẳng: Không thân cận thiện sĩ, không thính văn chánh pháp, không như lý tác ý.

³⁸ Bản Hán, văn mạch không chặt chẽ, nên hiểu là “cũng như đối với năm thủ uẩn ở trên, thức... cũng vậy”.

thủ hộ, không tập tinh tấn, này A-nan, ấy gọi là đánh pháp thối. A-nan, đánh pháp và đánh pháp thối này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu ông nói và dạy đánh pháp và đánh pháp thối này cho các Tỳ-kheo niên thiếu, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu phạm hạnh.

“A-nan, Ta đã nói về xứ, dạy về xứ, về đánh pháp, đánh pháp thối cho các ông nghe. Như vị Tôn sư vì đệ tử nên khởi lòng đại từ ái, lân niệm, mẫn thương mà mong cầu sự thiện lợi và hữu ích, mong cầu an ổn, khoái lạc. Ta đã thực hiện như vậy, các ông cũng nên tự chính mình thực hiện. Hãy đến nơi rừng vắng, nơi núi rừng, dưới gốc cây, chỗ an tĩnh không nhàn, tĩnh tọa tư duy, không được phóng dật, siêng năng tinh tấn, đừng để ân hận về sau. Đây là lời giáo sắc của Ta, là lời huấn thị của Ta”.

Phật thuyết như vậy. Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo niên thiếu nghe lời Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

*Uẩn, nội, ngoại, thức, xúc,
Thọ, tưởng, tư, ái, giới;
Nhân duyên, niệm, chánh đoạn,
Như ý, thiền, để tưởng,
Vô lượng, vô sắc chủng,
Sa-môn quả, giải thoát,
Xứ, căn, lực, xuất yếu,
Tài, lực, giác, đạo, danh³⁹. □*

³⁹ Bài tụng này tóm tắt các vấn đề được nói đến trong kinh. * Bản Hán, hết quyển 21.

PHẨM 9: PHẨM UẾ
TỤNG NGÀY THỨ HAI

Tiểu thổ thành

穢求比丘請 智周那問見
華喻水淨梵 黑住無在後

Kệ tóm tắt: Uế, Cầu, Tỳ kheo thỉnh,
Hoa dụ, Thủy tịnh phạm,
Hắc, Trụ, Vô cuối cùng.

87. KINH UẾ PHẨM

88. KINH CẦU PHÁP

89. KINH TỠ-KHEO THỈNH

90. KINH TRI PHÁP

91. KINH CHU-NA VẤN KIẾN

92. KINH THANH BẠCH LIÊN HOA DỤ

93. KINH THỦY TỊNH PHẠM CHÍ

94. KINH HẮC TỠ-KHEO

95. KINH TRỤ PHÁP

96. KINH VÔ

87. KINH UẾ PHẨM

[566a14] Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật đến Bà-kì-sầu, ở trong núi Ngạc rừng Bồ, vườn Lộc dã¹.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất nói với các Tỳ-kheo:

“Này Chư Hiền, thế gian có bốn hạng người. Những gì là bốn? Hoặc có một hạng người bên trong thật có cầu ướ² mà không tự biết, không biết như thật bên trong có cầu ướ. Hoặc có một hạng người bên trong thật có cầu ướ nhưng tự biết, biết như thật bên trong có cầu ướ. Hoặc có một hạng người bên trong thật không có cầu ướ mà không tự biết, không tự biết bên trong thật không có cầu ướ. Hoặc có một hạng người bên trong thật không có cầu ướ và tự biết, biết như thật bên trong thật không có cầu ướ.

“Chư Hiền, ở đây hạng người bên trong thật có cầu ướ mà không tự biết, không biết như thật bên trong có cầu ướ, hạng ấy tối hạ tiện trong các hạng người.

“Ở đây hạng người bên trong thật có cầu ướ nhưng tự biết như thật, biết như thật bên trong thật có cầu ướ, hạng ấy tối thắng trong các hạng người.³

“Ở đây hạng người bên trong thật không có cầu ướ mà không tự biết, không biết như thật bên trong thật không có cầu ướ, hạng ấy tối hạ tiện trong các hạng người.⁴

“Ở đây hạng người bên trong thật không có cầu ướ mà tự biết, biết như thật bên trong thật không có cầu ướ, thì trong loài người, đây là hạng tối

¹ Xem kinh 74.

² Hán: 餽穢. Pāli: *aṅga*, vết bẩn, bụi bẩn, nước dơ.

³ Nguyên Hán: ư chư nhân trung vi tối thắng 於諸人中為最勝. Tham chiếu Pl. A. i. 25: *ayaṃ imesaṃ dvināṃ puggalānaṃ sāṅgaṇānaṃ- yeva satam seṭṭhapuriso akkhāyati*, trong hai người có cầu ướ, người này được kể là tối thắng.

⁴ Hán: ư chư nhân trung tối vi hạ tiện 於諸人中為最下賤; xem **cht. 3 trên**. Pl. A. i. 25: *ayaṃ imesaṃ dvināṃ puggalānaṃ anaṅgaṇānaṃ yeva satam hīnapuriso akkhāyati*, trong hai người không cầu ướ, người này được kể là thấp kém.

thắng”.

Lúc ấy, có một Tỳ-kheo⁵ liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trích áo vai phải, chấp tay hướng về Tôn giả Xá-lợi-phất bạch rằng:

“Bạch Tôn giả Xá-lợi-phất, [566b] do nhân gì, duyên gì mà hai hạng người trước đều có cấu uế làm bản tâm, mà một người được nói là tối hạ tiện và một người được coi là tối thắng? Và do nhân gì, duyên gì mà hai hạng người sau không có cấu uế, không làm bản tâm, nhưng một người được nói là tối hạ tiện và một người được coi là tối thắng?”

Khi đó, Tôn giả Xá-lợi-phất trả lời vị Tỳ-kheo kia rằng:

“Hiền giả, một người bên trong thật có cấu uế mà không tự biết, không biết như thật bên trong thật có cấu uế, thì nên biết, người ấy không muốn đoạn trừ cấu uế, không cầu phương tiện, không tinh cần học. Người ấy khi mạng chung, với cấu uế làm bản tâm, do mạng chung với cấu uế làm bản tâm, nó chết không an lành, sanh vào chỗ bất thiện. Vì sao? Vì người ấy do mạng chung với cấu uế làm bản tâm.

“Này Hiền giả, cũng như có một người từ chợ, quán, hoặc từ nhà làm đồ đồng mua về một cái mâm đồng bị bụi bẩn làm bản. Người ấy mang về nhưng không năng rửa bụi, không năng lau chùi, cũng không phơi nắng, lại để chỗ nhiều bụi bặm nên đồng càng dính thêm bụi bặm dơ bẩn. Hiền giả, cũng vậy, một người bên trong thật có cấu uế mà không tự biết, không biết như thật bên trong thật có cấu uế, thì nên biết, người ấy không muốn đoạn trừ cấu uế, không cầu phương tiện, không tinh cần học, nó mạng chung với sự cấu uế làm bản tâm. Do mạng chung với sự cấu uế làm bản tâm, nó chết không an lành, sanh vào chỗ bất thiện. Vì sao? Bởi vì nó mạng chung với cấu uế làm bản tâm.

“Này Hiền giả, nếu một người biết như thật rằng: ‘Trong ta có cấu uế, trong ta quả thật có cấu uế này’, thì nên biết, người ấy muốn đoạn trừ cấu uế đó, cầu phương tiện và tinh cần học. Người ấy mạng chung mà không có cấu uế, không làm bản tâm. Do mạng chung không có cấu uế, không làm bản tâm, người ấy chết an lành, sanh vào cõi thiện. Vì sao? Vì người ấy mạng chung mà không có cấu uế, không làm bản tâm.

⁵ Bản Pāli: Tôn giả Mahāmogallāna (Đại Mục-kiền-liên). No.125 (25-6) cũng vậy.

“Này Hiền giả, cũng như có người từ chợ, quán, hoặc từ nhà người làm đồ đồng mua về một cái mâm đồng bị bụi bặm làm dơ bẩn. Người ấy mang mâm về, thường năng rửa bụi bặm, thường năng lau chùi, thường năng phơi nắng và không để chỗ nhiều bụi bặm. Như vậy, mâm đồng hết sức sạch bóng. Hiền giả, cũng vậy, nếu một người biết như thật rằng: ‘Trong ta có cầu uế; trong ta quả thật có cầu uế này’, thì nên biết, người ấy muốn đoạn trừ cầu uế đó, cầu phương tiện và tinh cần học. Người ấy mạng chung mà không có cầu uế, không làm bản tâm. Do mạng chung không có cầu uế, không làm bản tâm, người ấy chết an lành, sanh vào cõi thiện. Vì sao? Vì người ấy mạng chung mà không có cầu uế, [566c] không làm bản tâm.

“Hiền giả, nếu một người không biết như thật rằng: ‘Trong ta không có cầu uế; trong ta quả thật không có cầu uế này’, thì nên biết, người ấy không giữ gìn được những pháp mắt thấy tai nghe. Do không giữ gìn được những pháp mắt thấy tai nghe, nó bị dục tâm ràng buộc. Nó sẽ mạng chung với dục tâm, với cầu uế làm bản tâm. Do mạng chung với dục tâm, với cầu uế làm bản tâm, nó chết không an lành, sanh vào cõi bất thiện. Vì sao? Vì nó mạng chung với dục tâm, với cầu uế làm bản tâm.

“Hiền giả, cũng như có một người từ chợ, quán, hoặc từ nhà làm đồ đồng, mua về một cái mâm đồng không có bụi bẩn. Người ấy mang mâm về nhưng không năng rửa bụi, không năng lau chùi, không thường phơi nắng, để chỗ nhiều bụi bặm. Như vậy, mâm đồng chắc chắn dính bụi bặm dơ bẩn. Hiền giả, cũng vậy, nếu một người không biết như thật rằng: ‘Trong ta không có cầu uế; trong ta thật không có cầu uế này’, thì nên biết, người kia không giữ gìn được những pháp mắt thấy tai nghe. Do không giữ gìn được những pháp mắt thấy tai nghe, nó bị dục tâm ràng buộc. Nó sẽ mạng chung với dục tâm, với cầu uế làm bản tâm. Nó chết không an lành, sanh vào cõi bất thiện. Vì sao? Vì nó mạng chung với dục tâm, với cầu uế làm bản tâm.

“Hiền giả, nếu một người biết như thật rằng: ‘Trong ta không có cầu uế; trong ta quả thật không có cầu uế này’, thì nên biết, người ấy giữ gìn được những pháp mắt thấy tai nghe. Do vì giữ gìn được những pháp mắt thấy tai nghe nên người ấy không bị dục tâm ràng buộc. Người ấy mạng chung mà không có dục tâm, không có cầu uế, không làm bản tâm. Do

mạng chung mà không có dục tâm, không có cấu uế, không làm bản tâm, người ấy chết an lành, sanh vào nẻo thiện. Vì sao? Vì người ấy không có dục tâm, không có cấu uế, không làm bản tâm.

“Hiền giả, cũng như có người hoặc từ chợ, quán, hoặc từ nhà làm đồ đồng mua về một cái mâm đồng không có bụi bẩn, sạch bóng. Người ấy mang mâm về, thường năng rửa bụi, thường năng lau chùi, thường năng phơi nắng, không để chỗ bụi bặm. Như vậy, cái mâm đồng hết sức sạch bóng. Hiền giả, cũng vậy, nếu một người biết như thật rằng: ‘Trong ta không có cấu uế; trong ta quả thật không có cấu uế này’, thì nên biết người ấy giữ gìn được những pháp mắt thấy tai nghe. Do vì giữ gìn được những pháp mắt thấy tai nghe nên người ấy không bị dục tâm ràng buộc. Người ấy mạng chung mà không có dục tâm, không có cấu uế, không làm bản tâm. Do mạng chung mà không có dục tâm, [567a] không có cấu uế, không làm bản tâm, người ấy chết an lành, sanh vào cõi thiện. Vì sao? Vì người ấy không có dục tâm, không có cấu uế, không làm bản tâm.

“Hiền giả, do nhân này, duyên này mà hai hạng người trước mặc dù đều có cấu uế làm bản tâm, nhưng một người được nói là tối hạ tiện, và một người được coi là tối thắng. Và cũng do nhân này, duyên này mà hai hạng người sau mặc dù đều không có cấu uế, không làm bản tâm, nhưng một người được nói là tối hạ tiện, và một người được coi là tối thắng”.

Bấy giờ lại có một thầy Tỳ-kheo khác, từ chỗ ngồi đứng dậy, trích áo vai hữu, chấp tay hướng về Tôn giả Xá-lợi-phất, bạch rằng:

“Bạch Tôn giả Xá-lợi-phất, Ngài nói cấu uế; những gì là cấu uế?”

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp rằng:

“Này Hiền giả, vô lượng pháp ác bất thiện từ dục mà sanh, đó là cấu uế⁶. Vì sao? Giả sử có một người mà tâm sanh ước muốn như vậy, ‘Ta đã phạm giới, mong rằng người khác đừng biết ta phạm giới’. Hiền giả, nhưng có người khác biết nó phạm giới. Bởi vì người khác biết nó phạm

⁶ Cf. Pāli *ibid.*: *pāpakānaṃ kho etaṃ akusalānaṃ icchāvacarānaṃ adhivacanaṃ yadidaṃ aṅgaṇaṃ*, các pháp ác bất thiện, cảnh giới của dục, là đồng nghĩa của uế.

giới, nên nó tâm sanh ác⁷. Nếu với người ấy mà tâm phát sanh ác, tâm phát sanh dục, cả hai đều là bất thiện⁸.

“Hiền giả, giả sử có người sanh tâm ước muốn như vậy, ‘Ta đã phạm giới, mong người khác chỉ trích ta ở chỗ kín đáo, chứ đừng chỉ trích ta phạm giới ở giữa đại chúng’. Hiền giả, nhưng có người khác chỉ trích nó ở giữa đại chúng chứ không ở chỗ kín đáo. Do bởi người khác quở trách nó ở giữa đại chúng, chứ không ở chỗ kín đáo, nên nó sanh tâm ác. Người ấy sanh tâm ác và sanh tâm dục cả hai đều là bất thiện.

“Hiền giả, giả sử có người sanh tâm ước muốn như vậy, ‘Ta đã phạm giới, mong rằng bị người hơn mình trách mắng, chứ đừng bị người kém mình trách mắng ta phạm giới’. Nay Hiền giả, nhưng người kém nó chứ không phải người hơn, trách mắng nó phạm giới. Do bị người kém mình chứ không phải người hơn trách mắng, nên tâm sanh ác. Nếu người ấy tâm sanh ác và tâm sanh dục thì cả hai đều là bất thiện.

“Hiền giả, giả sử có người sanh tâm ước muốn như vậy: ‘Mong rằng ta ngồi trước mặt Đức Thế Tôn, thưa hỏi Đức Thế Tôn về giáo pháp để Ngài nói cho các Tỳ-kheo nghe, chứ không phải vị Tỳ-kheo khác ngồi trước mặt Đức Thế Tôn, thưa hỏi Đức Thế Tôn về giáo pháp để Ngài nói cho các Tỳ-kheo nghe’. Nay Hiền giả, nhưng có Tỳ-kheo khác ngồi trước mặt Đức Thế Tôn, thưa hỏi Đức Thế Tôn về giáo pháp để Ngài nói cho các Tỳ-kheo nghe. Do vì có vị Tỳ-kheo khác ngồi trước mặt Đức Thế Tôn, thưa hỏi Đức Thế Tôn về giáo pháp để Ngài nói cho các Tỳ-kheo nghe, nên người ấy sanh tâm ác. Người ấy sanh tâm ác và sanh tâm dục, cả hai đều là bất thiện.

“Hiền giả, giả sử có người sanh tâm [567b] ước muốn như vậy: ‘Lúc các Tỳ-kheo vào làng⁹, mong rằng ta đi trước nhất, các Tỳ-kheo theo sau ta mà vào làng, đừng có một Tỳ-kheo nào khác mà khi các Tỳ-kheo vào làng đi trước nhất, và các Tỳ-kheo đi theo sau mà vào’. Nay Hiền giả,

⁷ Pāli: *so kupito hoti appatīto*, nó phẫn nộ và bất mãn.

⁸ Pāli: *kopo yo ca appaccayo ubhayam etaṃ aṅgaṇaṃ*, phẫn nộ và bất mãn, cả hai cái này là cấu uế.

⁹ Hán: nhập nội thời 入內時. Pāli: *gāmaṃ bhattāya paviseyyuṃ*, vào làng để ăn cơm.

nhưng có Tỳ-kheo, khi các Tỳ-kheo vào làng, đã đi trước nhất, và các Tỳ-kheo theo sau vị ấy để vào làng. Do bởi có Tỳ-kheo khác, khi các Tỳ-kheo vào làng, đã đi trước nhất và các Tỳ-kheo theo sau để vào làng, nên người ấy sanh tâm ác. Người ấy sanh tâm ác và sanh tâm dục, cả hai đều là bất thiện.

“Hiền giả, giả sử có người tâm sanh ước muốn như vậy, ‘Khi các Tỳ-kheo đã vào trong¹⁰, mong rằng ta ngồi chỗ cao hơn hết, được chỗ ngồi bậc nhất, được nước rửa bậc nhất, được thức ăn bậc nhất, chứ đừng có vị Tỳ-kheo nào khác mà khi các Tỳ-kheo đã vào trong lại ngồi chỗ cao hơn hết, được chỗ ngồi bậc nhất, được nước rửa bậc nhất, được thức ăn bậc nhất’. Nay Hiền giả, nhưng có Tỳ-kheo khác, khi các Tỳ-kheo đã vào trong, ngồi chỗ cao hơn hết, được chỗ ngồi bậc nhất, được nước rửa bậc nhất, được thức ăn bậc nhất. Do bởi có Tỳ-kheo khác, khi các Tỳ-kheo đã vào trong, ngồi ghé cao hơn hết, được chỗ ngồi bậc nhất, được thức ăn bậc nhất, nên người ấy sanh tâm ác. Người ấy sanh tâm ác và sanh tâm dục, cả hai đều là bất thiện.

“Hiền giả, giả sử có người sanh tâm ước muốn như vậy: ‘Các Tỳ-kheo ăn xong, sau khi thu dọn đồ ăn, lau rửa rồi, mong ta nói pháp cho cư sĩ nghe để khuyến phát khát ngưỡng và thành tựu hoan hỷ; đừng có Tỳ-kheo nào khác sau khi các Tỳ-kheo ăn xong thu dọn đồ ăn, lau rửa rồi, nói pháp cho cư sĩ nghe để khuyến phát khát ngưỡng và thành tựu hoan hỷ’. Nay Hiền giả, nhưng có Tỳ-kheo khác, sau khi Tỳ-kheo ăn xong, thu dọn đồ ăn, lau rửa rồi, nói pháp cho cư sĩ nghe để khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Do bởi có Tỳ-kheo khác, sau khi các Tỳ-kheo ăn xong, thu dọn đồ ăn, lau rửa rồi nói pháp cho cư sĩ nghe để khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, nên người ấy sanh tâm ác. Người ấy sanh tâm ác và sanh tâm dục, cả hai đều là bất thiện.

“Hiền giả, giả sử có người sanh tâm ước muốn như vậy: ‘Khi các cư sĩ đi đến chúng viên¹¹, mong rằng ta với họ cùng tụ hội, cùng tụ tập, cùng ngồi, cùng đàm luận, đừng có Tỳ-kheo nào khác khi các cư sĩ đi đến chúng

¹⁰Hán: dĩ nhập nội 已入內. Pāli: bhattagge, tại nhà ăn.

¹¹ Hán: chúng viên 眾園: tăng-già-lam (*saṅghārāma*), tăng viên. Pāli: *ārāmagatānaṃ bhikkhūnaṃ dhammaṃ deseyyaṃ*, mong ta thuyết pháp cho các Tỳ-kheo tập họp tại tinh xá.

viên mà cùng tụ hội, cùng tụ tập, cùng ngồi, cùng đàm luận với họ’. Nay [567c] Hiền giả, nhưng có Tỳ-kheo khác, khi các cư sĩ đi đến chúng viên, cùng tụ hội, cùng tụ tập, cùng ngồi, cùng đàm luận với họ. Do bởi có Tỳ-kheo khác khi các cư sĩ đi đến chúng viên cùng tụ hội, cùng tụ tập, cùng ngồi, cùng đàm luận với họ, nên người ấy sanh tâm ác. Người ấy sanh tâm ác và sanh tâm dục, cả hai đều là bất thiện.

“Hiền giả, giả sử có người sanh tâm ước muốn như vậy: ‘Mong rằng ta được Vua biết đến, được các Đại thần, Bà-la-môn, Cư sĩ và nhân dân trong nước biết đến và kính trọng’. Nay Hiền giả, nhưng có vị Tỳ-kheo khác được vua biết đến, được các Đại thần, Bà-la-môn, Cư sĩ và nhân dân trong nước biết đến và kính trọng. Do bởi có vị Tỳ-kheo khác được vua biết đến, được các Đại thần, Bà-la-môn, Cư sĩ và nhân dân trong nước biết đến và kính trọng, nên người ấy sanh tâm ác. Người ấy sanh tâm ác và sanh tâm dục, cả hai đều là bất thiện.

“Hiền giả, giả sử có người sanh tâm ước muốn như vậy: ‘Mong rằng ta được bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di kính trọng, đừng có Tỳ-kheo nào khác được bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di kính trọng’. Nay Hiền giả, nhưng có Tỳ-kheo khác được bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di kính trọng. Do bởi có Tỳ-kheo khác được bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di kính trọng, nên người ấy sanh tâm ác. Người ấy sanh tâm ác và sanh tâm dục, cả hai đều là bất thiện.

“Hiền giả, giả sử có người sanh tâm ước muốn như vậy: ‘Mong ta được các dụng cụ sinh hoạt như quần áo, đồ ăn uống, giường nệm, thuốc thang, đừng có Tỳ-kheo nào được các dụng cụ sinh hoạt như quần áo, đồ ăn uống, giường nệm, thuốc thang’. Nay Hiền giả, nhưng có Tỳ-kheo khác được các dụng cụ sinh hoạt như quần áo, đồ ăn uống, giường nệm, thuốc thang. Do bởi có Tỳ-kheo khác được các dụng cụ sinh hoạt như: quần áo, đồ ăn uống, giường nệm, thuốc thang, nên người ấy sanh tâm ác. Người ấy sanh tâm ác và sanh tâm dục, cả hai đều là bất thiện.

“Nay Hiền giả, như vậy nếu có các đồng phạm hạnh có trí, vì không biết người ấy sanh tâm ham muốn vô lượng ác bất thiện như vậy, nên mặc dù người ấy như thế không phải Sa-môn nhưng các vị tưởng là Sa-môn, không phải là Sa-môn có trí mà tưởng là Sa-môn có trí, không phải là chánh trí mà tưởng là chánh trí, không phải là chánh niệm mà tưởng là

chánh niệm, không phải thanh tịnh mà [568a] tưởng là thanh tịnh. Hiền giả, người ấy như vậy mà nếu các đồng phạm hạnh có trí, do biết người ấy sanh tâm ham muốn vô lượng ác bất thiện như vậy, người ấy như thế không phải Sa-môn thì không cho là Sa-môn, không phải là Sa-môn có trí thì không cho là Sa-môn có trí, không phải chánh trí thì không cho là chánh trí, không phải chánh niệm thì không cho là chánh niệm, không phải thanh tịnh thì không cho là thanh tịnh.

“Này Hiền giả, cũng như có người hoặc từ chợ, quán, hoặc từ nhà làm đồ đồng mua một cái mâm đồng đựng đầy phân bên trong, có nắp đậy phía trên, rồi bung đi. Qua các phố xá, gần chỗ đồng người qua lại; những người kia thấy mâm đồng ấy đều muốn được ăn, tỏ ý rất ưa thích, không chán ghét và nghĩ làm cái mâm đồng là sạch. Người ấy bung mâm đồng đi rồi dừng chân tại một chỗ nào đó và gỡ nó ra. Mọi người thấy vậy đều không muốn ăn, không có ý ưa thích, rất chán ghét và cho là đồ bất tịnh. Dù cho người đã muốn ăn cũng không thêm dùng, huống chi người vốn không muốn ăn. Hiền giả, cũng vậy, người ấy như vậy, nếu các phạm hạnh có trí, vì không biết người ấy sanh tâm ham muốn vô lượng bất thiện như vậy, nên mặc dù người ấy như thế, không phải Sa-môn mà các vị kia cứ tưởng là Sa-môn, không phải Sa-môn có trí mà cứ tưởng là Sa-môn có trí, không phải chánh trí mà tưởng là chánh trí, không phải chánh niệm mà tưởng là chánh niệm, không phải là thanh tịnh mà tưởng là thanh tịnh. Này Hiền giả, người ấy như vậy, nếu các đồng phạm hạnh có trí, do biết người ấy sanh tâm ham muốn vô lượng ác bất thiện như vậy, nên người ấy như thế không phải là Sa-môn thì các vị kia không cho nó là Sa-môn, không phải Sa-môn có trí thì không cho là Sa-môn có trí, không phải chánh trí thì không cho là chánh trí, không phải chánh niệm thì không cho là chánh niệm, không phải thanh tịnh thì không cho là thanh tịnh.

“Này Hiền giả, phải biết, người như vậy không nên gạn gửi, không nên cung kính, lễ bái. Nếu Tỳ-kheo nào không đáng gạn gửi mà gạn gửi, không đáng cung kính lễ bái mà cung kính lễ bái, thì người thân cận cung kính lễ bái ấy lâu dài không được thiện lợi, không được hữu ích, không lợi ích, không an ổn khoái lạc, sanh ra đau khổ buồn lo.

“Hiền giả, giả sử có người không sanh tâm ước muốn như vậy: ‘Ta đã phạm giới, mong người khác đừng biết ta phạm giới’. Này Hiền giả, hoặc

có người biết người ấy phạm giới, người ấy nhân vì người khác biết mình phạm giới, không sanh tâm ác. Nếu người ấy không sanh tâm ác, không sanh tâm dục, cả hai đều là thiện.

“Hiền giả, giả sử có người không sanh tâm ước muốn như vậy, ‘Ta đã phạm giới, mong người khác chỉ trích ở chỗ kín đáo chứ đừng chỉ trích là ta phạm giới ở giữa [568b] đại chúng’. Nay Hiền giả, hoặc có người khác chỉ trích người ấy ở giữa đại chúng chứ không ở chỗ kín đáo, người ấy nhân vì người khác chỉ trích ở giữa đại chúng chứ không ở chỗ kín đáo, không sanh tâm ác. Nếu người ấy không sanh tâm ác, không sanh tâm dục, cả hai đều là thiện.

“Hiền giả, giả sử có người người không sanh tâm ước muốn như vậy, ‘Ta đã phạm giới, mong người hơn mình chỉ trích chứ đừng có người không bằng mình chỉ trích ta đã phạm giới’. Nay Hiền giả, hoặc có người không bằng, chứ không phải người hơn chỉ trích người ấy phạm giới, người ấy nhân vì người không bằng mình chứ không phải người hơn chỉ, không sanh tâm ác. Nếu người ấy không sanh tâm ác, không sanh tâm dục, cả hai đều là thiện.

“Hiền giả, giả sử có người người không sanh tâm ước muốn như vậy, ‘Mong ta ngồi trước mặt Đức Thế Tôn, thưa hỏi Đức Thế Tôn về giáo pháp để Ngài nói cho các Tỳ-kheo nghe’. Nay Hiền giả, hoặc có vị Tỳ-kheo khác ngồi trước mặt Đức Thế Tôn, thưa hỏi Đức Thế Tôn về giáo pháp để Ngài nói cho các Tỳ-kheo nghe. Người ấy nhân vì có vị Tỳ-kheo khác ngồi trước mặt Đức Thế Tôn, thưa hỏi Đức Thế Tôn về giáo pháp để Ngài nói cho các Tỳ-kheo nghe, không sanh tâm ác. Nếu người ấy không sanh tâm ác, không sanh tâm dục, cả hai đều là thiện.

“Hiền giả, giả sử có người người không sanh tâm ước muốn như vậy, ‘Lúc các Tỳ-kheo vào làng mong rằng ta đi trước nhất và các Tỳ-kheo theo sau ta để vào, chứ đừng có vị Tỳ-kheo nào đi trước nhất khi các Tỳ-kheo vào trong và các Tỳ-kheo theo sau vị ấy vào’. Nay Hiền giả, khi các Tỳ-kheo vào trong làng, hoặc có Tỳ-kheo khác đi trước nhất và các Tỳ-kheo theo sau vị ấy vào trong. Người ấy nhân vì có Tỳ-kheo khác, khi các Tỳ-kheo vào trong, đi trước nhất, các Tỳ-kheo theo sau vào trong nhưng không sanh tâm ác. Nếu người ấy tâm không sanh ác, tâm không sanh dục, cả hai đều là thiện.

“Hiền giả, giả sử có người người không sanh tâm ước muốn như vậy, ‘Khi các Tỳ-kheo đã vào trong, mong ta ngồi trên ghế cao hơn hết, được ngồi chỗ bậc nhất, được nước rửa bậc nhất, được thức ăn bậc nhất’. Nay Hiền giả, hoặc có vị Tỳ-kheo khác, khi các Tỳ-kheo đã vào trong, [568c] ngồi ghế cao hơn hết, được chỗ ngồi bậc nhất, được nước rửa bậc nhất, được thức ăn bậc nhất. Người ấy nhân vì có Tỳ-kheo khác, khi các Tỳ-kheo đã vào trong, ngồi ghế cao hơn hết, được chỗ ngồi bậc nhất, được nước rửa bậc nhất, không sanh tâm ác. Nếu người ấy không sanh tâm ác, không sanh tâm dục, cả hai đều là thiện.

“Hiền giả, giả sử có người người không sanh tâm ước muốn như vậy, ‘Sau khi các Tỳ-kheo ăn xong, thu dọn đồ ăn, lau rửa rồi mong ta nói pháp cho cư sĩ nghe để khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, đừng có Tỳ-kheo nào khác, sau khi các Tỳ-kheo ăn xong, thu dọn đồ ăn, lau rửa rồi nói pháp cho cư sĩ nghe để khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ’. Nay Hiền giả, hoặc có vị Tỳ-kheo khác, sau khi các Tỳ-kheo ăn xong, thu dọn đồ ăn, lau rửa rồi nói pháp cho cư sĩ nghe để khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Người ấy nhân vì có Tỳ-kheo khác, sau khi các Tỳ-kheo ăn xong, thu dọn đồ ăn, lau rửa rồi nói pháp cho cư sĩ nghe để khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, nhưng không sanh tâm ác. Nếu người ấy tâm không sanh tâm ác, tâm không sanh dục, cả hai đều là thiện.

“Hiền giả, giả sử có người người không sanh tâm ước muốn như vậy, ‘Khi các cư sĩ đi đến chúng viên, mong ta với họ cùng tụ hội, cùng tụ tập, cùng ngồi, cùng đàm luận, chứ đừng có Tỳ-kheo nào khác khi các cư sĩ đi đến chúng viên, cùng tụ hội, cùng tụ tập, cùng ngồi, cùng đàm luận với họ’. Nay Hiền giả, hoặc có Tỳ-kheo khác, khi các cư sĩ đi đến chúng viên cùng tụ hội, cùng tụ tập, cùng ngồi, cùng đàm luận với họ. Người ấy nhân vì có Tỳ-kheo khác, khi các cư sĩ đến chúng viên cùng tụ hội, cùng tụ tập, cùng ngồi, cùng đàm luận với họ, không sanh tâm ác. Nếu người ấy tâm không sanh ác, tâm không sanh dục, cả hai đều là thiện.

“Hiền giả, giả sử có người người không sanh tâm ước muốn như vậy, ‘Mong ta được vua biết đến, được các Đại thần, Bà-la-môn, cư sĩ, nhân dân trong nước biết đến và kính trọng; đừng có Tỳ-kheo nào khác được vua biết đến, được các Đại thần, Bà-la-môn, cư sĩ, nhân dân trong nước biết đến và kính trọng’. Nay Hiền giả, hoặc có vị Tỳ-kheo khác được vua

biết đến, được các Đại thần, Bà-la-môn, cư sĩ, nhân dân trong nước biết đến và kính trọng. Nhân vì có Tỳ-kheo khác được vua biết đến, được các Đại thần, Bà-la-môn, cư sĩ, nhân dân trong nước biết đến và kính trọng, người ấy không sanh tâm ác. Nếu người ấy không sanh tâm ác, không sanh tâm dục, cả hai đều là thiện.

“Hiền giả, giả sử có người người không sanh tâm ước muốn như vậy, ‘Mong ta được bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, [569a] Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di kính trọng, đừng có Tỳ-kheo nào khác được bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di kính trọng’. Nay Hiền giả, hoặc có Tỳ-kheo khác được bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di kính trọng. Nhân vì có Tỳ-kheo khác được bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di kính trọng, người ấy không sanh tâm ác. Nếu người ấy tâm không sanh ác, tâm không sanh dục, cả hai đều là thiện.

“Hiền giả, giả sử có người người không sanh tâm ước muốn như vậy, ‘Mong ta được các dụng cụ sinh hoạt như quần áo, đồ ăn uống, giường nệm, thuốc thang, đừng có Tỳ-kheo nào khác được các dụng cụ sinh hoạt như quần áo, đồ ăn uống, giường nệm, thuốc thang’. Nay Hiền giả, hoặc có Tỳ-kheo khác được các dụng cụ sinh hoạt như quần áo, đồ ăn uống, giường nệm, thuốc thang, người ấy không sanh tâm ác. Nếu người ấy tâm không sanh ác, tâm không sanh dục, cả hai đều là thiện.

“Hiền giả, người ấy như vậy, nếu các đồng phạm hạnh có trí, vì không biết người ấy sanh tâm dục vô lượng thiện¹² như vậy nên người ấy như thế chính là Sa-môn, mà các vị kia tưởng không phải là Sa-môn, chính là Sa-môn có trí mà tưởng không phải là Sa-môn có trí, chính là chánh trí mà tưởng không phải là chánh trí, chính là chánh niệm mà tưởng không phải là chánh niệm, chính là thanh tịnh mà tưởng không phải là thanh tịnh. Nay Hiền giả, người ấy như vậy, nếu các đồng phạm hạnh có trí, do biết người này sanh tâm ham muốn vô lượng thiện như vậy, nên người ấy như vậy chính là Sa-môn, các vị kia cho là Sa-môn, chính là Sa-môn có trí thì cho là Sa-môn có trí, chính là chánh trí thì cho là chánh trí, chính là

¹² Hán: vô lượng thiện tâm dục 無量善心欲: ở đây, dục đồng nghĩa với vô lượng thiện tâm. Trong bản Pāli không có khái niệm, nhưng nói (A. i. 31): *yassa kassaci bhikkhuno ime pāpakā akusalā icchāvarā pahīnā*, đối với Tỳ-kheo mà cảnh giới của dục, ác bất thiện này được đoạn trừ.

chánh niệm thì cho là chánh niệm, chính là thanh tịnh thì cho là thanh tịnh.

“Này Hiền giả, cũng như có người, hoặc từ chợ, quán, hoặc từ nhà làm đồ đồng mua về một cái mâm đồng đựng đầy đủ thứ đồ ăn uống trong sạch, ngon lành, đặt nắp lên trên rồi bung đi. Ngang qua phố xá, gần chỗ đông người qua lại, những người kia thấy được mâm đồng đều không muốn ăn, không có ý ưa thích, hết sức chán ghét và nghĩ rằng mâm đồng này không trong sạch và nói như vậy, ‘Phân bản kia, hãy đem đi lập tức! Phân bản kia, hãy đem đi lập tức!’ Người kia bung mâm đồng đi, rồi dừng chân lại một chỗ và gỡ nó ra. Sau khi thấy gỡ ra rồi, những người kia đều muốn ăn, ý hết sức ưa thích, không còn chán ghét và nghĩ rằng đó là đồ trong sạch. Dù cho những người đã không muốn ăn, thấy rồi cũng muốn ăn, hướng chỉ những người đã có ý muốn ăn. Hiền giả, cũng vậy, người ấy như vậy, nếu các đồng phạm hạnh có trí không biết người ấy sanh tâm dục vô lượng thiện như vậy thì người ấy như thế chính là Sa-môn mà các vị kia tưởng không phải là Sa-môn, chính là Sa-môn có trí mà tưởng không phải là Sa-môn có trí, chính là chánh trí mà tưởng không phải là chánh trí, chính là chánh niệm mà tưởng không phải là chánh niệm, chính là thanh tịnh mà tưởng không phải là thanh tịnh.

“Này Hiền giả, người ấy như vậy, nếu có đồng phạm hạnh có trí, do biết người này sanh tâm dục vô lượng thiện như vậy nên người ấy như vậy, chính là Sa-môn các vị kia cho là Sa-môn, chính là Sa-môn có trí thì cho là Sa-môn có trí, chính là chánh trí thì cho là chánh trí, chính là chánh niệm thì cho là chánh niệm, chính là thanh tịnh thì cho là thanh tịnh.

“Này Hiền giả, phải biết người như vậy nên gần gũi, nên cung kính lễ bái. Nếu Tỳ-kheo nào đáng gần gũi, đáng cung kính lễ bái mà cung kính lễ bái thì người gần gũi, cung kính lễ bái ấy lâu dài được thiện lợi, được hữu ích, an ổn khoái lạc và cũng được không khổ, không buồn lo”.

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cũng có mặt trong chúng, ngài bạch rằng:

“Tôn giả Xá-lợi-phất, nay tôi muốn nói một thí dụ cho các Tỳ-kheo nghe, ngài cho phép chăng?”

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

“Hiền giả Đại Mục-kiền-liên, ngài muốn nói thí dụ, xin cứ nói”.

Tôn giả Đại Mục-kiên-liên bạch rằng:

“Tôn giả Xá-lợi-phất, tôi nhớ một thời tôi đến thành Vương xá, ở trong Nham sơn. Bấy giờ, đêm đã qua, trời vừa sáng, tôi đắp y, ôm bát vào thành Vương xá để khát thực, đi đến nhà Vô Y Mãn Tử, trước kia là một thợ xe¹³. Lúc ấy ngang nhà ông lại có một người thợ đang đẽo trục xe. Vô Y Mãn Tử, một thợ xe cũ, đi đến nhà đó. Rồi Vô Y Mãn Tử, một thợ xe cũ, thấy người kia đang đục đẽo trục xe, tâm sanh ý nghĩ như vậy, ‘Nếu người thợ này cầm búa đẽo trục, đẽo gọt chỗ xấu này, chỗ xấu kia, như thế thì cái trục ấy mới tuyệt đẹp’. Bấy giờ, người thợ kia đúng như điều suy nghĩ của Vô Y Mãn Tử, một thợ xe cũ, liền cầm búa đẽo gọt chỗ xấu này, chỗ xấu kia. Khi ấy, Vô Y Mãn tử, một thợ xe cũ, hết sức hoan hỷ, nói như thế này:

“– Nay con ông thợ xe, tâm ông như vậy tức là biết tâm tôi rồi. Vì sao? Vì đúng theo ý nghĩ của tôi, ông cầm búa đẽo gọt chỗ xấu này, chỗ xấu kia.

“Cũng như thế, Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu như có kẻ dua nịnh, dối trá, ganh tị, không tín, giải đãi, không chánh niệm, không chánh trí, không định, không tuệ, tâm nó cuồng mê, không giữ các căn, không tu hạnh Sa-môn, không hiểu biết phân biệt; Tôn giả Xá-lợi-phất vì biết tâm của người ấy nên nói pháp này.

“Tôn giả Xá-lợi-phất, [569c] nếu có người không dua nịnh, không dối trá, không ganh tị, có tín, có tấn, không giải đãi, có chánh niệm, chánh trí, tu định, tu tuệ, tâm không cuồng mê, giữ gìn các căn, tu tập rộng rãi hạnh Sa-môn và phân biệt khéo léo thì người ấy nghe Tôn giả Xá-lợi-phất nói pháp giống như kẻ đói muốn được ăn, khát muốn được uống, tức thì được ăn và uống như ý vậy.

“Tôn giả Xá-lợi-phất, giống như con gái Sát-lị hay con gái Bà-la-môn, Cư sĩ, Công sư, đoan trang xinh đẹp, tắm rửa sạch sẽ, lấy hương thoa khắp thân thể, mặc áo mới và dùng các thứ anh lạc để trang sức dung nhan. Giả sử có người nghĩ đến nàng ấy, mong cầu sự thiện lợi hữu ích,

¹³ Cựu xa sư Vô y Mãn Tử 舊車師無衣滿子. Pāli: Paṇḍuputta, đạo sĩ phái Tà mạng (*ājīvaka*), con trai của một người thợ làm xe trước kia (*purāṇayānākāraputto*).

cầu an ổn khoái lạc cho nàng ấy nên đem tràng hoa sen xanh, hoặc tràng hoa chiêm-bạc, hoặc tràng hoa tu-ma-na, hoặc tràng hoa bà-su, hoặc tràng hoa a-đề-mâu-đa đến tặng. Người con gái ấy hoan hỷ nhận cả hai tay, dùng trang sức trên đầu. Tôn giả Xá-lợi-phất, cũng như thế, nếu có người không dua nịnh, không dối trá, không ganh tị, có tín, tinh tấn, không giải đãi, có chánh niệm, chánh trí, tu định, tu tuệ, tâm không cuồng mê, gìn giữ các căn, tu tập rộng rãi hạnh Sa-môn và phân biệt khéo léo, người ấy được nghe Tôn giả Xá-lợi-phất nói pháp, giống như người đói muốn được ăn, người khát muốn được uống thì liền được ăn no, uống như ý vậy.

“Tôn giả Xá-lợi-phất! Thật kỳ diệu! Thật hy hữu! Tôn giả Xá-lợi-phất thường cứu vớt các người tu phạm hạnh, khiến cho xa lìa bất thiện, an trụ chỗ thiện”.

Như thế, cả hai Tôn giả tán thán lẫn nhau, rời từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi. Tôn giả Xá-lợi-phất thuyết như vậy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên và các thầy Tỳ-kheo nghe Tôn giả Xá-lợi-phất thuyết, hoan hỷ phụng hành.



88. KINH CẦU PHÁP

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Câu-tát-la cùng đại chúng Tỳ-kheo, qua đến phía Bắc làng Ngũ sa-la¹, trong rừng Thi-nhiếp-hòa với hàng đại đệ tử Trưởng lão, Thượng tôn, danh đức, như các ngài: Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Ca-diếp, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, Tôn giả A-na-luật, Tôn giả Lê-việt², Tôn giả A-nan và các đại đệ tử Trưởng lão Thượng tôn danh đức khác ngang hàng như vậy cũng có mặt tại làng Ngũ sa-la. [570a] Tất cả đều ở gần bên cạnh ngôi nhà lá của Phật.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các người nên hành cầu pháp, đừng hành cầu ẩm thực.³ Vì sao? Vì Ta thương tưởng các đệ tử, muốn các đệ tử nên hành cầu pháp, chứ không hành cầu ẩm thực. Nếu các người hành cầu ẩm thực, không hành cầu pháp, không những các người tự xấu xa, mà Ta cũng không được danh dự gì. Nếu các người hành cầu pháp, chứ không thực hành sự cầu ẩm thực, không những các thầy đã tự tốt đẹp mà Ta cũng được danh dự.

“Thế nào là các đệ tử vì cầu ẩm thực mà theo Phật tu hành, chứ không phải vì cầu pháp? Sau khi Ta ăn no, bữa ăn đã xong, còn lại đồ ăn dư; sau đó có hai Tỳ-kheo đến, đói khát, sức lực hao mòn, Ta nói với họ rằng: ‘Sau khi Ta ăn no, bữa ăn đã xong, còn lại đồ ăn dư, các người muốn ăn thì lấy mà ăn. Nếu các người không lấy thì Ta sẽ mang đồ nơi đất sạch, hoặc đổ trong nước không có trùng’.

“Trong hai người ấy, Tỳ-kheo thứ nhất suy nghĩ như vậy, ‘Đức Thế Tôn ăn rồi, bữa ăn đã xong, còn lại đồ ăn dư, nếu ta không lấy tất nhiên Đức Thế Tôn sẽ mang đồ nơi đất sạch, hoặc trong nước không có trùng. Vậy ta hãy lấy mà ăn’. Tỳ-kheo ấy liền lấy mà ăn. Tuy được một ngày một đêm an ổn khoái lạc, nhưng vì Tỳ-kheo ấy nhận lấy đồ ăn dư đó nên

¹ Ngũ Sa-la 五娑羅. Pāli: Pañcasāla.

² Lê-việt tức Revata mà chỗ khác cũng bản Hán này, âm là Li-việt-đa. Xem chú thích kinh số 184.

³ Hành cầu pháp mạc hành cầu ẩm thực 行求法莫行求飲食. Pāli (M. i. 12): *dhamaḍāyādā me bhavatha mā āmisadayādā*, hãy là những kẻ thừa tự Pháp của Ta, chớ đừng là kẻ thừa tự tài vật.

không vừa ý Phật⁴. Vì sao? Vì Tỳ-kheo đó nhận lấy đồ ăn đó nên không được là thiếu dục, không được là tri túc, không được là dễ nuôi, không được là dễ thỏa mãn, không được là biết thời, không được là biết tiết độ, không được tinh tấn, không được tĩnh tọa, không được có tịnh hạnh, không được sống viễn ly, không được nhất tâm, không được tinh cần, cũng không được chứng đắc Niết-bàn. Vì vậy, do bởi Tỳ-kheo nhận lấy đồ ăn dư mà không vừa ý Phật. Như thế, gọi là các đệ tử vì cầu ẩm thực mà theo Phật tu hành, chứ không phải vì cầu pháp.

“Thế nào là các đệ tử hành cầu pháp, chứ không hành cầu ẩm thực? Trong hai người ấy, Tỳ-kheo thứ hai suy nghĩ như vậy, ‘Đức Thế Tôn ăn rồi, bữa ăn đã xong, còn lại đồ ăn dư. Nếu ta không lấy thì tất nhiên Đức Thế Tôn sẽ mang đồ nơi đất sạch, hoặc trong nước không có trùng. Nhưng Đức Thế Tôn có dạy rằng: ‘Điều thấp kém nhất trong việc ăn uống là ăn đồ ăn dư.’⁵ Vậy ta không nên nhận lấy đồ ăn đó’. Nghĩ như thế rồi, Tỳ-kheo ấy không nhận lấy đồ ăn. Tỳ-kheo kia không nhận lấy đồ ăn đó, [570b] tuy suốt một ngày một đêm khổ sở, không được an ổn, nhưng nhân vì Tỳ-kheo ấy không nhận lấy đồ ăn đó nên được vừa lòng Phật. Vì sao? Tỳ-kheo ấy do bởi không nhận lấy đồ ăn dư nên được sự thiếu dục, được sự tri túc, được sự sống dễ nuôi, dễ thỏa mãn, biết thời, có tiết độ, có tinh tấn, có thể tĩnh tọa, có tịnh hạnh, có thể sống viễn ly, được nhất tâm, được tinh cần và cũng có thể chứng đắc Niết-bàn. Cho nên, do bởi Tỳ-kheo ấy không nhận lấy đồ ăn này mà được vừa lòng Phật. Như thế, gọi là các đệ tử vì cầu pháp mà theo Phật tu hành, chứ không phải vì cầu ẩm thực”.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói với các đệ tử:

“Nếu một Tôn sư có pháp luật, thích sống viễn ly, mà đệ tử hàng trưởng thượng của vị ấy không thích đời sống viễn ly, thì pháp luật đó không có ích gì cho mọi người, không mang lại an lạc cho mọi người, không phải là vì thương xót thế gian, cũng không phải là mong sự thiện lợi, mong cầu an ổn khoái lạc cho loài trời, loài người.

⁴ Bất khả Phật ý 不可佛意.

⁵ Hán: tàn dư thực 殘餘食. Có thể Hán đã diễn sai ý, vì các Tỳ kheo ăn đồ người khác ăn dư còn lại là chuyện rất thường thấy trong Luật. Bản Pāli: Thế Tôn dạy: “Hãy là kẻ thừa tự Pháp...”

“Nếu một Tôn sư có pháp luật, thích sống viễn ly, mà đệ tử bậc trung và bậc hạ của vị ấy không thích đời sống viễn ly, thì pháp luật đó không ích gì cho mọi người, không mang lại an lạc cho mọi người, không phải là vì thương xót thế gian, cũng không phải là mong cầu sự thiện lợi và hữu ích, mong cầu an ổn khoái lạc cho loài trời, loài người.

“Nếu một Tôn sư có pháp luật, thích sống viễn ly, mà đệ tử hàng trưởng thượng của vị ấy cũng thích đời sống viễn ly, thì pháp luật đó có ích cho mọi người, mang lại an lạc cho mọi người, là vì thương xót thế gian, mong cầu sự thiện lợi và hữu ích, mong cầu an ổn khoái lạc cho loài trời và loài người.

“Nếu một Tôn sư có pháp luật, thích sống viễn ly, đệ tử bậc trung và bậc hạ của vị ấy cũng thích đời sống viễn ly, thì pháp luật đó có ích cho mọi người, mang lại an lạc cho mọi người, là bậc thương xót thế gian, mong cầu sự thiện lợi và hữu ích, mong cầu an ổn khoái lạc cho trời, người”.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất cũng hiện diện trong chúng. Đức Thế Tôn bảo Tôn giả rằng:

“Xá-lợi-phất, thầy hãy nói pháp như pháp cho các Tỳ-kheo nghe. Ta bị đau lưng, nay Ta muốn nghỉ một lát”.

Tôn giả Xá-lợi-phất liền vâng lãnh lời Phật:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn”.

Rồi Đức Thế Tôn gấp tư y uất-đa-la-tăng trải trên giường, cuộn y tăng-già-lê làm gối, nằm nghiêng hông bên phải, hai chân chồng lên nhau, khởi quang minh tướng⁶, chánh niệm, chánh trí và chuyên niệm về dục khởi tướng⁷.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất nói với các Tỳ-kheo:

“Này Chư Hiền, nên biết, Đức Thế Tôn vừa nói pháp sơ lược rằng: ‘Nếu một Tôn sư có pháp luật, thích sống viễn ly mà đệ tử hàng trưởng thượng của vị ấy không thích đời sống viễn ly, thì pháp luật đó [570c] không có ích gì cho mọi người, không mang lại an lạc cho mọi người, không phải là vì thương xót thế gian, không phải là mong cầu thiện lợi và hữu ích,

⁶ Xem kinh 83.

⁷ Xem kinh 83.

mong cầu an ổn khoái lạc cho loài trời, loài người. Nếu một Tôn sư có pháp luật, thích sống viễn ly mà đệ tử bậc trung và hạ của vị ấy không thích đời sống viễn ly, thì pháp luật đó không có ích gì cho mọi người, không mang lại an lạc cho mọi người, không phải là vì thương xót thế gian, cũng không phải là mong cầu sự thiện lợi và hữu ích, mong cầu an ổn khoái lạc cho loài trời, loài người. Nếu một Tôn sư có pháp luật, thích sống viễn ly và đệ tử hàng trưởng thượng của vị ấy cũng thích đời sống viễn ly, thì pháp luật đó có ích cho mọi người, mang lại an lạc cho mọi người, là vì thương xót thế gian, mong cầu sự thiện lợi và hữu ích, mong cầu an ổn khoái lạc cho loài trời, loài người. Nếu một Tôn sư có pháp luật, thích sống viễn ly, đệ tử bậc trung và bậc hạ của vị ấy cũng thích đời sống viễn ly, thì pháp luật đó có ích cho mọi người, mang lại sự an lạc cho mọi người, là vì thương xót thế gian, mong cầu sự thiện lợi và hữu ích, mong cầu an ổn khoái lạc cho loài trời, loài người’.

“Nhưng Đức Thế Tôn nói pháp này hết sức sơ lược, các Thầy thấu hiểu nghĩa đó như thế nào và phân biệt rộng rãi như thế nào?”

Bấy giờ trong chúng, hoặc có Tỳ-kheo nói như thế này:

“Bạch Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu các Trưởng lão Thượng tôn tuyên bố rằng ‘Ta đã chứng đắc cứu cánh trí, biết một cách như thật rằng ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’. Các đồng phạm hạnh khi nghe vị Tỳ-kheo kia tự tuyên bố ‘Tôi đã chứng đắc cứu cánh trí’, bèn được hoan hỷ”.

Lại có Tỳ-kheo nói như thế này:

“Bạch Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu có đệ tử bậc trung, bậc hạ có ước nguyện vô thượng Niết-bàn, các đồng phạm hạnh thấy vị Tỳ-kheo kia đã hành như vậy, nên được hoan hỷ.”

Như vậy, các Tỳ-kheo ấy giải thích ý nghĩa đó như vậy mà không hài lòng Tôn giả Xá-lợi-phất.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói với các Tỳ-kheo ấy rằng:

“Này Chư Hiền, hãy lắng nghe, tôi sẽ giải thích cho các thầy.

“Này Chư Hiền, nếu một Tôn sư có pháp luật, thích sống viễn ly, mà hàng đệ tử trưởng thượng của vị ấy không thích đời sống viễn ly, thì người đệ tử hàng trưởng thượng ấy có ba điều đáng chê.

“Những gì là ba? Tôn sư thích sống viễn ly mà đệ tử hàng trưởng thượng không học theo hạnh viễn ly. Vị đệ tử ấy vì vậy mà đáng chê. Nếu Tôn sư dạy những pháp phải đoạn trừ mà đệ tử trưởng thượng không đoạn trừ pháp ấy. Vị đệ tử này vì vậy mà đáng chê. Với những điều có thể thủ chứng mà đệ tử trưởng thượng lại từ bỏ phương tiện⁸. Vị đệ tử này vì vậy mà đáng chê. Nếu bậc Tôn sư có pháp luật, thích an trú viễn ly mà đệ tử trưởng thượng của vị ấy không thích đời sống viễn ly thì người đệ tử ấy có ba điều đáng [671] chê trách này.

“Này Chư Hiền, nếu Tôn sư có pháp luật, thích sống viễn ly mà đệ tử bậc trung và hạ không thích đời sống viễn ly, thì đệ tử trung và hạ ấy có ba điều đáng chê.

“Những gì là ba? Tôn sư thích sống viễn ly, đệ tử trung và hạ không học theo hạnh viễn ly, những đệ tử này vì vậy mà đáng chê. Nếu Tôn sư dạy những pháp phải đoạn trừ mà đệ tử trung và hạ không đoạn trừ những pháp ấy, những đệ tử này vì vậy mà đáng chê. Với những điều có thể thủ chứng, mà đệ tử trung và hạ lại từ bỏ phương tiện, những đệ tử này vì vậy mà đáng chê. Nếu Tôn sư có pháp luật, thích sống viễn ly, mà đệ tử trung và hạ không thích đời sống viễn ly, thì những đệ tử ấy có ba điều đáng chê này.

“Này Chư Hiền, nếu Tôn sư có pháp luật, thích sống viễn ly và đệ tử trưởng thượng của vị ấy cũng thích đời sống viễn ly, thì đệ tử trưởng thượng này có ba điều đáng tán thưởng.

“Những gì là ba? Tôn sư thích sống viễn ly, đệ tử trưởng thượng cũng học theo hạnh viễn ly. Vị đệ tử này vì vậy đáng được tán thưởng. Nếu Tôn sư dạy những pháp phải đoạn trừ và đệ tử trưởng thượng đoạn trừ những pháp ấy. Vị đệ tử trưởng thượng này vì vậy đáng tán thưởng. Với những điều có thể thủ chứng thì đệ tử trưởng thượng tinh tấn cầu học, không bỏ phương tiện. Vị đệ tử này vì vậy đáng được tán thưởng. Nếu bậc Tôn sư có pháp luật, thích an trú viễn ly và đệ tử trưởng thượng cũng thích đời sống viễn ly thì những đệ tử ấy có ba điều đáng tán thưởng này.

“Này Chư Hiền, nếu Tôn sư có pháp luật, thích sống viễn ly, đệ tử trung và hạ cũng thích đời sống viễn ly, thì những đệ tử ấy có ba điều đáng tán

⁸ Xả phương tiện, nên hiểu là từ bỏ sự nỗ lực.

thường.

“Những gì là ba? Tôn sư thích an trú viễn ly, đệ tử trung và hạ cũng thích đời sống viễn ly. Những đệ tử này vì vậy đáng được tán thưởng. Nếu Tôn sư dạy những pháp phải đoạn trừ thì đệ tử trung và hạ đoạn trừ những pháp ấy. Những đệ tử này vì vậy đáng được tán thưởng. Với những điều có thể thủ chứng thì đệ tử trung và hạ tinh tấn, cầu học, không bỏ phương tiện. Những đệ tử này vì vậy đáng được tán thưởng. Nếu bậc Tôn sư có pháp luật, thích sống viễn ly và đệ tử trung và hạ cũng thích đời sống viễn ly thì những đệ tử ấy có ba điều đáng tán thưởng này”.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại nói với các Tỳ-kheo:

“Này Chư Hiền, có con đường giữa, theo đó có thể đạt đến tâm trú, đạt được định, được an lạc, tùy thuận pháp tùy pháp, được trí thông, được giác ngộ và cũng chứng đắc Niết-bàn.

“Này Chư Hiền, thế nào là có một con đường giữa, theo đó có thể đạt đến tâm trú, đạt được định, được an lạc, tùy thuận pháp tùy pháp, được trí thông, được giác ngộ và cũng chứng đắc Niết-bàn?

“Này Chư Hiền, niệm dục là ác, ác niệm dục cũng là ác⁹. Người ấy đoạn trừ niệm dục và cũng đoạn trừ ác niệm dục. Cũng vậy, sân nhuế, oán kết, bòn sẻn, ganh tị, dối trá, vô tâm, vô quý, mạn, tối thượng mạn, cống cao, phóng dật, hào quý, tăng tránh¹⁰.

“Này Chư Hiền, tham cũng là ác mà đắm trước cũng là ác. [571b] Người ấy đoạn trừ tham và cũng đoạn trừ đắm trước.

“Này Chư Hiền, đó là có một con đường giữa, theo đó có thể đạt đến tâm

⁹ Niệm dục ác, ác niệm dục diệt ác 念欲惡, 惡念欲亦惡. Pāli: *lobho ca pāpako doso ca pāpako, lobhassa ca pahānāya dosso ca pahānāya atthi majjhimā paṭipadā*, tham là ác, sân là ác; có con đường giữa để đoạn trừ tham và sân.

¹⁰ *Hào quý* 豪貴 và *tăng tránh* 憎諍; có lẽ Pāli: *thambo* (ngạo mạn) và *sārambho* (nóng nảy, hay gây gổ). Liệt kê các tính xấu, theo bản Pāli: *kodho* (phẫn nộ), *upanāho* (oán hận), *makkho* (phú: đạo đức giả), *palāso* (nao: ác ý), *issā* (tật: bủn xỉn), *maccheram* (xan: keo kiệt), *māyā* (cuồng: dối trá), *sāṭheyyam* (siểm: giáo hoạt), *thambho* (cống cao: ngạo mạn), *sārambho* (phản kích: hay gây sự), *māno* (mạn), *atimāno* (quá mạn: tự cao), *mado* (kiêu: ngiêp ngập), *pamādo* (phóng dật: phóng túng).

trú, đạt được định, được an lạc, tùy thuận pháp tùy pháp, được trí thông, được giác ngộ và cũng chứng đắc Niết-bàn.

“Này Chư Hiền, lại có một con đường giữa khác theo đó có thể đạt đến tâm trú, đạt được định, được an lạc, tùy thuận pháp tùy pháp, được trí thông, được giác ngộ và cũng chứng đắc Niết-bàn. Chư Hiền, thế nào là có một con đường giữa khác theo đó có thể đạt đến tâm trú, đạt được định, được an lạc, tùy thuận pháp tùy pháp, được trí thông, được giác ngộ và cũng chứng đắc Niết-bàn? Chư Hiền, đó là Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến đến chánh định, ấy là tám. Chư Hiền, đó là một con đường giữa khác nhờ đó có thể đạt đến tâm trú, đạt được định, được an lạc, tùy thuận pháp tùy pháp, được trí thông, được giác ngộ và cũng chứng đắc Niết-bàn”.

Bấy giờ Đức Thế Tôn đã qua cơn đau và được an ổn, từ chỗ nằm trở dậy, ngồi kiết già, Ngài tán thán Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Lành thay! Lành thay! Xá-lợi-phất nói pháp như pháp cho các Tỳ-kheo nghe. Xá-lợi-phất, từ nay về sau, thầy hãy nói pháp như pháp cho các Tỳ-kheo nghe nữa. Xá-lợi-phất, thầy nên luôn luôn nói pháp như pháp cho các Tỳ-kheo nghe”.

Rồi Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Các người phải cùng nhau vâng lãnh pháp như pháp, hãy tụng tập, chấp trì. Vì sao? Vì pháp như pháp này có pháp, có nghĩa, là căn bản phạm hạnh, được trí thông, được giác ngộ và cũng chứng đắc Niết-bàn. Các thiện nam tử cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, từ bỏ gia đình sống không gia đình, xuất gia học đạo, phải khéo léo thọ trì pháp như pháp này”.

Phật thuyết như vậy. Tôn giả Xá-lợi-phất và các Tỳ-kheo nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.¹¹



¹¹ Bản Hán, hết quyển 22.

89. KINH TỖ-KHEO THỈNH

[571c1] Tôi nghe như vậy.

Một thời Đức Phật trú tại thành Vương xá, trong rừng Trúc, vườn Ca-lan-đa an cư mùa mưa cùng với đại chúng Tỳ-kheo.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên¹ nói với các Tỳ-kheo:

“Này Chư Hiền, nếu có Tỳ-kheo thỉnh cầu² các Tỳ-kheo rằng: ‘Xin các thầy hãy nói với tôi, hãy chỉ giáo tôi, khiến trách tôi, xin đừng làm khó tôi’. Vì sao vậy? Này Chư Hiền, hoặc có một người hay có lời nói cộc³, mang bản tánh nói cộc và do bản tánh nói cộc này mà các đồng phạm hạnh không nói tới, không chỉ giáo, không khiến trách, trái lại làm khó người ấy.

“Này Chư Hiền, thế nào là bản tánh nói cộc, mà nếu ai có bản tánh nói cộc, các đồng phạm hạnh không nói với, không chỉ giáo, không khiến trách, trái lại làm khó người ấy?

“Này Chư Hiền, ở đây có người có ác dục và niệm tưởng dục⁴. Này Chư Hiền, nếu là người có ác dục và niệm tưởng dục thì đó là bản tánh nói cộc. Cũng như thế, nhiễm và hành nhiễm⁵, cố ý phú tàng⁶, lường gạt dối trá, xan tham, tật đố, vô tâm, vô quý, sân tộ ác ý⁷, nói lời phẫn nộ, cử tội Tỳ-kheo cử tội mình⁸, khinh mạn Tỳ-kheo cử tội mình⁹, phanh phui Tỳ-

¹ Pāli (M. i. 95): lúc bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên trú ở giữa những người Bhagga, trong núi Sūmsumāra.

² Hán: thỉnh 請. Pāli: pavāreti: tự tứ, yêu cầu người khác chỉ lỗi cho mình.

³ Hán: lệ ngữ, lệ ngữ pháp 戾語法. Pāli: *dubbaca, dovacassakaraṇa dhamma*.

⁴ Ác dục niệm dục 惡欲欲念. Pāli: *pāpiccho hoti pāpikānaṃ icchānaṃ vasaṃgato*, là người có ác dục, bị chi phối bởi ác dục.

⁵ Nhiễm hành nhiễm 染行染; có lẽ Pāli: *attukkāmsako paravambhī*, khen mình che người.

⁶ Bất ngữ kết trụ 不語結住; có lẽ Pāli: *makkhata*, phú, che dấu lỗi, ngụy thiện..

⁷ Sân tộ ác ý 瞋弊惡意; có lẽ Pāli: *kodhahetu upanāhī*, do nóng giận mà ôm lòng cừu hận.

⁸ Ha Tỳ-kheo ha 訶比丘訶. Pāli: *codito codakena codakṃ paṭipphareti*, bị nêu tội kích ngược lại người nêu tội.

⁹ Ha Tỳ-kheo khinh mạn 訶比丘輕慢, động từ nghịch đảo = khinh mạn ha Tỳ

kheo cử tội mình,¹⁰ nói lảng ngoài đề để tránh né, che giấu và hờn giận, thù ghét phùng phục, bằng hữu ác, đồng bọn ác, vong ân, không biết ân. Chư Hiền, nếu ai là người vong ân, không biết ân, thì đó là người có bản tánh cộc. Nay Chư Hiền, đó là những bản tánh khiến nói cộc. Nếu ai có bản tánh nói cộc, các đồng phạm hạnh không nói với, không chỉ giáo, không khiển trách, trái lại làm khó người ấy.

“Này Chư Hiền, Tỳ-kheo hãy tự tư lương¹¹: ‘Chư Hiền, nếu ai có ác dục, niệm dục thì tôi không ưa thích người đó. Nếu tôi có ác dục, niệm dục thì người ấy cũng chẳng ưa thích tôi’. Tỳ-kheo hãy quán sát như vậy, không hành ác dục, không niệm dục. Nên học như vậy.

“Cũng như thế, ai nhiễm và hành nhiễm, cố ý phú tàng, lường gạt dối trá, xan tham, tật đố, vô tâm, vô quý, sân tộ ác ý, nói lời phẫn nộ, cử tội Tỳ-kheo cử tội mình, khinh mạn Tỳ-kheo cử tội mình, phanh phui Tỳ-kheo cử tội mình, nói lảng ngoài đề để tránh né, che giấu và hờn giận, thù ghét phùng phục, bằng hữu ác, đồng bọn ác, vong ân, không biết ân. ‘Chư Hiền, nếu ai vong ân, không biết ân thì tôi không ưa thích người ấy, và nếu tôi vong ân, không biết ân thì người ấy cũng chẳng ưa thích tôi’. Tỳ-kheo hãy quán sát như vậy, không hành sự vong ân không biết ân. Nên học như vậy.

“Này Chư Hiền, ở đây có Tỳ-kheo không thỉnh cầu các Tỳ-kheo rằng: ‘Xin các ngài nói với tôi, chỉ giáo tôi, khiển trách tôi, [572a] đừng làm khó tôi’. Vì sao vậy? Chư Hiền, ở đây có một người dễ nói, phú bẩm bản tánh dễ nói¹², nhưng do phú bẩm bản tánh dễ nói nên các bậc phạm hạnh khéo nói với, khéo chỉ giáo, khéo khiển trách và không làm khó người đó.

“Này Chư Hiền, thế nào là bản tánh dễ nói? Nếu là người phú bẩm bản tánh dễ nói thì các đồng phạm hạnh khéo nói với, khéo chỉ giáo, khéo

kheo. Pāli: *codakaṃ apasādeti*, khinh dễ người nêu tội.

¹⁰ Hán: ha Tỳ kheo phát lộ 訶比丘發露; động từ nghịch đảo = phát lộ ha Tỳ kheo. Pl.: *codakassa paccāropeti*: phân vân người cử tội.

¹¹ Pāli: *attanāva attānaṃ evaṃ anuminitabbam*, nên tự mình suy xét về mình như vậy.

¹² Thiện ngữ, thành tựu thiện ngữ pháp 善語成就善語法. Pāli: *so ca sovaco hoti, sovaccasakaranehi samannāgato*.

khiểm trách và không làm khó người đó. Chư Hiền, người không ác dục, không niệm dục, đó là bản tánh dễ nói. Cũng như thế, không nhiễm và hành nhiễm, không cố ý phú tàng, không lường gạt dối trá, không xan tham tật đố, không vô tâm vô quý, không sân tộ ác ý, không nói lời phẫn nộ, không cử tội Tỳ-kheo cử tội mình, không khinh mạn Tỳ-kheo cử tội mình, không phan phui Tỳ-kheo cử tội mình, không nói lãng ngoài đề để tránh né, không che giấu và hờn giận, không thù ghét phùng phục, không bằng hữu ác đồng bọn ác, không vong ân không biết ân. Chư Hiền, nếu ai không vong ân không biết ân, đó là có bản tánh dễ nói. Chư Hiền, đó là những bản tánh khiếm dễ nói. Nếu ai đầy đủ bản tánh dễ nói thì các đồng phạm hạnh khéo nói với, khéo chỉ giáo, khéo khiếm trách và không làm khó người đó.

“Này Chư Hiền, Tỳ-kheo nên tự tư lương: ‘Chư Hiền, ‘nếu người không ác dục, không niệm dục, tôi ưa thích người đó. Nếu tôi không ác dục, không niệm dục thì người đó cũng ưa thích tôi.’ Tỳ-kheo nên quán sát như vậy, không hành ác dục, không niệm dục. Nên học như vậy. Cũng như thế, không nhiễm và hành nhiễm, không cố ý phú tàng, không lường gạt dối trá, không xan tham tật đố, không vô tâm vô quý, không sân tộ ác ý, không nói lời phẫn nộ, không cử tội Tỳ-kheo cử tội mình, không khinh mạn Tỳ-kheo cử tội mình, không phan phui Tỳ-kheo cử tội mình, không nói lãng ngoài đề để tránh né, không che giấu và hờn giận, không thù ghét phùng phục, không bằng hữu ác đồng bọn ác, không vong ân không biết ân. ‘Chư Hiền, nếu có người không vong ân không biết ân thì tôi thích người đó, và nếu tôi không vong ân không biết ân thì người đó cũng ưa thích tôi.’ Tỳ-kheo nên quán sát như vậy, không vong ân không biết ân. Nên học như vậy.

“Này Chư Hiền, nếu Tỳ-kheo quán sát như vậy tất sẽ được nhiều lợi ích: ‘Ta có ác dục, niệm dục hay không có ác dục, niệm dục?’

“Này Chư Hiền, nếu khi Tỳ-kheo quán sát mà biết được ta có [572b] ác dục, niệm dục thì không thể vui mừng. Do đó mong cầu đoạn trừ dục.

“Này Chư Hiền, nếu lúc Tỳ-kheo quán sát mà biết mình không có ác dục, niệm dục tức thì vui mừng, rằng: ‘Ta tự thanh tịnh, cầu học pháp tôn quý.’ Vì vậy nên vui mừng.

“Này Chư Hiền, như người có mắt, lấy gương tự soi thì thấy được mặt

minh là sạch hay bẩn. Chư Hiền, nếu người có mắt thấy mặt mình bẩn thì không vui mừng và mong muốn rửa sạch. Chư Hiền, nếu người có mắt thấy mặt mình không bẩn thì vui mừng rằng: ‘Mặt ta sạch’. Vì vậy nên vui mừng. Chư Hiền, cũng như vậy, nếu khi Tỳ-kheo quán sát mà biết được ta có ác dục, niệm dục thì không vui mừng và mong cầu đoạn trừ dục. Chư Hiền, nếu lúc Tỳ-kheo quán sát mà biết được mình không có ác dục, niệm dục thì vui mừng rằng ‘Ta tự thanh tịnh, cầu học pháp tôn quý.’ Vì vậy nên vui mừng. Cũng như thế, ta nhiễm và hành nhiễm hay không nhiễm và hành nhiễm? Cố ý phú tàng hay không cố ý phú tàng? Lường gạt dối trá hay không lường gạt dối trá? Xan tham tật đố hay không xan tham tật đố? Vô tâm vô quý hay không vô tâm vô quý? Sân tộ ác ý hay không sân tộ ác ý? Nói lời phẫn nộ hay không nói lời phẫn nộ? Cử tội Tỳ-kheo cử tội hay không cử tội Tỳ-kheo cử tội? Khinh mạn Tỳ-kheo cử tội hay không khinh mạn Tỳ-kheo cử tội? Phanh phui Tỳ-kheo cử tội hay không phanh phui Tỳ-kheo cử tội? Nói lãng ngoài đề để tránh né hay không nói lãng ngoài đề để tránh né? Che giấu và hờn giận hay không che giấu và hờn giận? Thù ghét phùng phục hay không thù ghét phùng phục? Bằng hữu ác và đồng bọn ác hay không bằng hữu ác và đồng bọn ác? Vong ân không biết ân hay không vong ân không biết ân? Chư Hiền, nếu khi Tỳ-kheo quán sát mà biết được ‘ta có vong ân không biết ân’ thì không vui mừng và mong muốn đoạn trừ. Chư Hiền, nếu lúc Tỳ-kheo quán sát mà biết được mình không có vong ân không biết ân thì được vui mừng rằng ‘Ta tự thanh tịnh, cầu học pháp tôn quý’, cho nên vui mừng.

“Này Chư Hiền, như người có mắt, lấy gương tự soi thì thấy được mặt mình là sạch hay bẩn. Chư Hiền, nếu người có mắt thấy mặt mình bẩn thì không vui mừng và mong muốn rửa sạch. Chư Hiền, nếu người có mắt thấy mặt mình không bẩn thì được vui mừng rằng ‘Mặt ta sạch sẽ’, cho nên vui mừng. Chư Hiền, [572c] cũng vậy, nếu khi Tỳ-kheo quán sát mà biết được ta có vong ân không biết ân, thì không vui mừng và mong muốn đoạn trừ. Chư Hiền, nếu khi Tỳ-kheo quán sát mà biết được mình không có vong ân không biết ân thì được vui mừng rằng ‘Ta tự thanh tịnh, cầu học tôn pháp’, cho nên vui mừng. Do vui mừng cho nên có hỷ, nhân

hỷ nên thân khinh an, do thân khinh an¹³ nên được cảm thọ lạc, do cảm thọ lạc nên được định tâm.

“Này Chư Hiền, Đa văn Thánh đệ tử do định tâm nên thấy như thật, biết như thật; do thấy như thật, biết như thật nên được yểm ly, do yểm ly nên được vô dục, do vô dục nên được giải thoát, do giải thoát mà được tri kiến giải thoát, biết một cách như thật rằng ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều đáng làm đã làm xong, không còn tái sanh’.”

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói như vậy, các thầy Tỳ-kheo nghe Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói xong, hoan hỷ phụng hành.



¹³ Hán: chỉ thân 止身.

90. KINH TRI PHÁP

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại tại Câu-xá-di, trong vườn Cù-sư-la¹.

Bấy giờ Tôn giả Chu-na² nói với các Tỳ-kheo:

“Nếu có Tỳ-kheo nói như thế này, ‘Tôi biết các pháp, những pháp được biết ấy không có tham lam’. Nhưng trong tâm Hiền giả kia, ác tham lam³ đã sanh và tồn tại.

“Cũng như vậy, tranh tụng, nhuế hận, sân triền, phú kết, bòn sèn, ganh tị, lừa dối, dua nịnh, vô tâm, vô quý, ác dục, ác kiến⁴. Nhưng trong tâm Hiền giả ấy ác dục, ác kiến đã sanh và tồn tại. Các vị đồng phạm hạnh biết Hiền giả ấy không biết các pháp, những pháp được biết đến mà không có tham lam. Vì sao? Vì trong tâm Hiền giả ấy tham lam đã sanh và tồn tại. Cũng như vậy, tranh tụng, nhuế hận, sân triền, phú kết, bòn sèn, ganh tị, lừa dối, dua nịnh, vô tâm, vô quý, ác dục, ác kiến. Vì sao? Vì trong tâm Hiền giả kia ác dục, ác kiến đã sanh và tồn tại.

“Này Chư Hiền, như người không giàu mà tự xưng là giàu, cũng không có phong ấp mà nói là có phong ấp. Lại không có súc mục mà nói là có súc mục. Khi muốn tiêu dùng thì không có vàng bạc, chơn châu, lưu ly, thủy tinh, hổ phách; không có súc mục, lúa gạo; cũng không có nô tỳ. Các bằng hữu quen biết đến nhà người ấy mà nói rằng: ‘Anh thật không giàu mà tự xưng là giàu, [573a] cũng không có phong ấp mà nói có phong ấp; lại không có súc mục mà nói có súc mục. Khi muốn tiêu dùng thì không có vàng bạc, chơn châu, lưu ly, thủy tinh, hổ phách, không có súc mục, lúa gạo và cũng không có nô tỳ’. Cũng giống như thế, này Chư

¹ Câu-xá-di Cù-sư-la viên 拘舍彌瞿師羅園. Xem kinh 72. Pāli tương đương, A. v. 41: khi ấy Mahā-cunda đang trú tại Ceti.

² Chu-na 周那. Pāli: Māha-Cunda. Xem kinh số 196.

³ Ác tăng tứ 惡增伺. Pāli: *lobha*. Nơi khác, Hán: *tăng tứ*, tương đương Pāli: *abhijjhā*.

⁴ Bản liệt kê Hán, xem các kinh 183, 196. Liệt kê theo Pāli: *lobha* (tham), *moha* (sì), *kodha* (phẫn nộ), *upanāha* (oán hận), *makkha* (giả dối hay phú tàng), *palāsa* (nảo hại hay có ác ý), *macchariya* (xan tham hay keo kiệt), *pāpikā issā* (ác tật đó), *pāpikā icchā* (ác dục).

Hiền, nếu có Tỳ-kheo nói như thế này: ‘Tôi biết các pháp, những pháp được biết mà không có tham lam’, nhưng trong tâm Hiền giả kia tham lam đã sanh và tồn tại. Cũng như vậy, tranh tụng, nhuế hận, sân triền, phú kết, bôn sên, ganh tị, lừa dối, dua nịnh, vô tầm, vô quý, ác dục, ác kiến đã sanh và tồn tại. Các đồng phạm hạnh biết Hiền giả ấy không biết các pháp, những pháp được biết mà không có tham lam. Vì sao? Vì tâm của Hiền giả kia không hướng đến chỗ diệt tận tham lam, đến Vô dư Niết-bàn. Cũng như vậy, tranh tụng, nhuế hận, sân triền, phú kết, bôn sên, ganh tị, lừa dối, dua nịnh, vô tầm, vô quý, ác dục, ác kiến. Vì sao? Vì tâm Hiền giả kia không hướng đến chỗ diệt tận ác nhuế, đến Vô dư Niết-bàn.

“Này Chư Hiền, hoặc có Tỳ-kheo không nói như thế này: ‘Tôi biết các pháp, những pháp được biết đến mà không có tham lam’”, nhưng trong tâm Hiền giả kia tham lam không sanh và tồn tại. Cũng như vậy, tranh tụng, nhuế hận, sân triền, phú kết, bôn sên, ganh tị, lừa dối, dua nịnh, vô tầm, vô quý, ác dục, ác kiến, nhưng trong tâm Hiền giả kia ác dục, ác kiến không sanh và tồn tại. Các đồng phạm hạnh biết Hiền giả ấy thật biết các pháp, những pháp được biết đến mà không có tham lam. Vì sao? Vì trong tâm Hiền giả kia, ác tham lam đã không sanh và tồn tại. Cũng như vậy, tranh tụng, nhuế hận, sân triền, phú kết, bôn sên, ganh tị, lừa dối, dua nịnh, vô tầm, vô quý, ác dục, ác kiến. Vì sao? Vì trong tâm Hiền giả kia ác dục, ác kiến không sanh và tồn tại.

“Này Chư Hiền, như người giàu to mà không nói mình giàu, cũng có phong ấp mà không nói là có phong ấp. Lại có súc mục mà không nói là có súc mục. Nếu lúc muốn tiêu dùng thì có sẵn vàng bạc, chơn châu, lưu ly, thủy tinh, hổ phách; có súc mục, lúa gạo và có nô tỳ. Các bằng hữu quen biết đến nhà người ấy, nói rằng: ‘Anh thật giàu to mà không nói là giàu, cũng có phong ấp mà không nói là có phong ấp. Lại có súc mục mà không nói là có súc mục, nhưng khi muốn dùng thì có sẵn vàng bạc, chơn châu, lưu ly, thủy tinh, hổ phách; có súc mục, lúa gạo và cũng có nô tỳ’.

[573b] “Cũng giống như thế, này Chư Hiền, nếu có Tỳ-kheo không nói như thế này: ‘Tôi biết các pháp, những pháp được biết đến mà không có tham lam’”, nhưng trong tâm Hiền giả kia ác tham lam đã không sanh và không tồn tại. Cũng như vậy, tranh tụng, nhuế hận, sân triền, phú kết, bôn sên, ganh tị, lừa dối, dua nịnh, vô tầm, vô quý, ác dục, ác kiến, nhưng trong tâm Hiền giả kia ác dục, ác kiến không sanh và tồn tại. Các

người đồng phạm hạnh biết Hiền giả ấy thật biết các pháp, những pháp được biết đến mà không có tham lam. Vì sao? Vì tâm Hiền giả ấy hướng đến chỗ diệt tận tham lam, sân triền, phú kết, bôn sên, ganh tị, lừa dối, dua nịnh, vô tâm, vô quý, ác dục, ác kiến. Vì sao? Vì tâm Hiền giả kia hướng đến chỗ diệt tận ác kiến, đến Vô dư Niết-bàn”.

Tôn giả Chu-na thuyết như vậy, các thầy Tỳ-kheo sau khi nghe Tôn giả nói xong, hoan hỷ phụng hành.



91. KINH CHU-NA VẤN KIẾN

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại tại Câu-xá-di, trong vườn Cù-sư-la¹. Bấy giờ Tôn giả Đại Chu-na vào lúc xế, rời chỗ tĩnh tọa đứng dậy, đi đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi xuống một bên, bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, trong đời, các kiến chấp phát sanh và phát sanh, tức các chủ trương có thần ngã, có chúng sanh, có nhân, có thọ, có mạng, có thể gian². Bạch Thế Tôn, biết như thế nào, thấy như thế nào để các kiến chấp này được tiêu diệt, được xả ly và khiến cho các tà kiến khác không tiếp diễn, không bị chấp thủ?”

Bấy giờ Thế Tôn nói rằng:

“Chu-na, trong đời, các kiến chấp phát sanh và phát sanh, tức các chủ trương có thần ngã, có chúng sanh, có nhân, có thọ, có mạng, có thể gian. Chu-na, nếu muốn các pháp diệt tận không dư, thì phải biết như vậy, thấy như vậy mới có thể khiến cho các kiến chấp này được tiêu diệt, được xả ly và khiến cho các kiến chấp khác không tiếp diễn, không bị chấp, hãy học pháp tiệm tổn³.

“Chu-na, trong Thánh pháp luật, thế nào là tiệm tổn? Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện, cho đến chứng đắc Tứ thiền, thành tựu an trụ, vị ấy nghĩ như vậy: ‘Ta đã thực hành sự tiệm tổn’. Nay Chu-na, trong Thánh pháp luật không phải chỉ có sự tiệm tổn này⁴.

¹ Xem kinh 90 trên.

² Các kiến chấp: thần 神 (Pāli: *attā*), chúng sanh 眾生 (*satta*), nhân 人 (*puggala*), thọ 壽 (*āyu*), mạng 命 (*jīva*), thế 世 (*loka*) đều liên hệ đến quan niệm linh hồn hay tiểu ngã (*attavāda*). Bản Pāli tương đương (M. i. 41) chỉ nêu: *attavādapapaṭisamyuttā lokavāda-papaṭisamyuttā (diṭṭhiyo)*, các kiến chấp liên hệ đến các thuyết về hữu ngã và thế giới (thường hay vô thường v.v...).

³ Tiệm tổn 漸損. Pāli: *sallekha*, tổn giảm, theo nghĩa kiểm thức, sống khắc khổ.

⁴ Pāli: *na kho panete, cunda, ariyassa vinaye sallekha vuccanti, diṭṭhadhamma-sukhavihārā ete ariyassa vinaye vuccanti*, trong luật của bậc Thánh, chúng không được gọi là tiệm giảm, mà được gọi là hiện pháp lạc trú.

“Có bốn tầng thượng tâm, hiện pháp lạc trú⁵, hành giả từ đó xuất rồi lại nhập trở lại. Vị ấy [573c] nghĩ như thế này: ‘Ta thực hành sự tiệm tôn này’. Nay Chu-na, trong Thánh pháp luật không phải chỉ có sự tiệm tôn này.

“Tỳ-kheo vượt khỏi mọi sắc tưởng, cho đến chứng đắc phi tưởng phi phi tưởng xứ, thành tựu an trụ. Vị ấy nghĩ như thế này: ‘Ta thực hành sự tiệm tôn’. Nay Chu-na, trong Thánh pháp luật không phải chỉ có sự tiệm tôn này.

“Có bốn tịch tĩnh giải thoát⁶, lia sắc, chứng đắc vô sắc, hành giả từ đó khởi lên sẽ nói cho người khác biết. Vị ấy nghĩ như thế này: ‘Ta thực hành sự tiệm tôn’. Nay Chu-na, trong Thánh pháp luật không phải chỉ có sự tiệm tôn này.

“Chu-na, ‘Người khác có ác dục, niệm dục; ta không có ác dục, niệm dục’. Hãy học tiệm tôn⁷.

“Chu-na, ‘Người khác có sân hại ý⁸; ta không có sân hại ý’. Hãy học tiệm tôn.

“Chu-na, ‘Người khác có sát sanh, lấy của không cho, phi phạm hạnh; ta không phi phạm hạnh’. Hãy học tiệm tôn.

“Chu-na, ‘Người khác có tham lam⁹, tâm não hại¹⁰, thụy miên triền¹¹, trạo cử¹², cống cao và có nghi hoặc¹³; ta không có nghi hoặc’. Hãy học tiệm

⁵ Hiện pháp lạc cư 現法樂居; chỉ tính chất của bốn thiền sắc giới. Pī: *diṭṭhadhamma-sukhavihārā*.

⁶ Nguyên Hán: tức giải thoát 息解脫, tức tịch tịnh giải thoát, chỉ bốn vô sắc giới định. Pāli: *santā vimokkhā*.

⁷ Pāli: *pare vihiṃsakā bhavissanti, maya ettha avihīṃsakā bhavissāmā*, những người khác có thể sẽ là bạo hại; chúng ta sẽ không là bạo hại: nên học tiệm giảm như vậy.

⁸ Hán: hại ý sân 害意瞋. Pāli: *vihiṃsaka*, bạo hành.

⁹ Tăng từ 增伺; Pāli: *abhijjhālu*.

¹⁰ Tránh ý 諍意; Pāli: *vyāpannacitta*.

¹¹ Thụy miên sở triền 睡眠所纏, triền cái thụy miên. Pāli: *thīnamiddhapariyuṭṭhāna*, mê ngủ nghĩ, bị buồn ngủ không chế.

¹² Điều cống cao, hay trạo cử ố tác hay trạo hồi. Pāli: *uddahaccakukkucca*, vị kích

tổn.

“Chu-na, ‘Người khác có sân kết¹⁴, dua siểm, lừa gạt, vô tâm, vô quý; ta có tâm quý’. Hãy học tiệm tổn.

“Chu-na, ‘Người khác có mạn, ta không có mạn’. Hãy học tiệm tổn.

“Chu-na, ‘Người khác có tăng thượng mạn, ta không có tăng thượng mạn¹⁵’. Hãy học tiệm tổn.

“Chu-na, ‘Người khác không đa văn, ta có đa văn’. Hãy học tiệm tổn.

“Chu-na, ‘Người khác không quán các thiện pháp, ta quán các thiện pháp’. Hãy học tiệm tổn.

“Chu-na, ‘Người khác hành phi pháp, ác hành; ta hành đúng pháp, diệu hành’. Hãy học tiệm tổn.

“Chu-na, ‘Người khác có nói láo, hai lưỡi, nói cộc cằn, nói phù phiếm, ác giới; ta không ác giới’. Hãy học tiệm tổn.

“Chu-na, ‘Người khác có bất tín, giải đãi, vô niệm, vô định mà lại có ác tuệ; ta không có ác tuệ’. Hãy học tiệm tổn.

“Chu-na, chỉ cần phát tâm nghĩ muốn cầu học các thiện pháp còn được nhiều sự lợi ích, hưởng chi thân và khẩu thực hành thiện pháp?

“Chu-na, ‘Người khác có ác dục, niệm dục; ta không có ác dục, niệm dục’. Hãy phát khởi tâm.

“Chu-na, ‘Người khác có sân hại ý; ta không có sân hại ý’. Hãy phát khởi tâm.

“Chu-na, ‘Người khác có sát sanh, lấy của không cho, phi phạm hạnh; ta không phi phạm hạnh’. Hãy phát khởi tâm.

“Chu-na, ‘Người khác có tham lam, tâm não hại, thùy miên triền, trạo cử và cống cao và có nghi hoặc; ta không có nghi hoặc’. Hãy phát khởi tâm.

động và vọng động.

¹³ Liệt kê năm triền cái (Pāli: *pañca nīvaraṇāni*): tham, sân, thùy miên, trạo hôi và nghi.

¹⁴ Sân kết 瞋結, chỗ khác (xem kinh 89 trên) gọi là *bất ngữ kết*, Pāli: *makkha*, nguy thiện và ác ý hay ác cảm.

¹⁵ Tăng mạn 增慢. Pāli: *atimāna*, tự cao.

“Chu-na, ‘Người khác có sân kết, dua siêm, lừa gạt, vô tâm, vô quý; ta có tâm quý’. Hãy phát khởi tâm.

“Chu-na, ‘Người khác [574a] có mạn, ta không có mạn’. Hãy phát khởi tâm.

“Chu-na, ‘Người khác có tăng thượng mạn, ta không có tăng thượng mạn’. Hãy phát khởi tâm.

“Chu-na, ‘Người khác không đa văn, ta có đa văn’. Hãy phát khởi tâm.

“Chu-na, ‘Người khác không quán các thiện pháp, ta quán các thiện pháp’. Hãy phát khởi tâm.

“Chu-na, ‘Người khác hành phi pháp, ác hạnh; ta hành đúng pháp, diệu hạnh’. Hãy phát khởi tâm.

“Chu-na, ‘Người khác có nói láo, nói hai lưỡi, nói cộc cằn, nói phù phiếm, ác giới; ta không ác giới’. Hãy phát khởi tâm.

“Chu-na, ‘Người khác có bất tín, giải đãi, vô niệm, vô định mà lại có ác tuệ; ta không có ác tuệ’. Hãy phát khởi tâm.

“Chu-na, ví như con đường xấu, có con đường tốt đối lại; bên đò xấu, có bên đò tốt, đối lại. Cũng vậy, này Chu-na, ác dục có phi ác dục đối lại. Hại ý sân, có không hại ý sân đối lại. Sát sanh, lấy của không cho, phi phạm hạnh, có phạm hạnh đối lại. Tham lam, não hại, thuy miên, trạo cử công cao, nghi hoặc, có sự không nghi hoặc đối lại. Sân kết, dua siêm, lừa gạt, vô tâm, vô quý; có tâm quý đối lại. Mạn, có không mạn đối lại. Tăng thượng mạn có không tăng thượng mạn đối lại. Không đa văn, có đa văn đối lại. Không quán các thiện pháp, có quán các thiện pháp đối lại. Hành phi pháp, ác hạnh; có hành đúng pháp, diệu hạnh đối lại. Nói láo, nói hai lưỡi, nói cộc cằn, nói phù phiếm, ác giới; có thiện giới đối lại. Bất tín, giải đãi, vô niệm, vô định, ác tuệ; có thiện tuệ đối lại.

“Chu-na, hoặc có pháp đen, có quả báo đen, dẫn đến ác xứ; hoặc có pháp trắng, có quả báo trắng, dẫn lên thiện xứ. Cũng như thế, này Chu-na, người ác dục thì do phi ác dục mà đi lên. Người có hại ý sân thì do không có hại ý sân mà đi lên. Người sát sanh, lấy của không cho, phi phạm hạnh, thì do phạm hạnh mà đi lên. Người tham lam, não hại, thuy miên, trạo cử công cao, nghi hoặc thì do không nghi hoặc mà đi lên. Người sân nhuế, dua siêm, lừa gạt, vô tâm, vô quý thì do tâm quý mà đi lên. Người mạn thì do không mạn mà đi lên, Người tăng thượng mạn thì do không tăng

thượng mạn mà đi lên. Người không đa văn thì do đa văn mà đi lên. Người không quán các thiện pháp thì do quán các thiện pháp mà đi lên. Người hành phi pháp, ác hạnh thì do hành đúng pháp, diệu hạnh mà đi lên. Người nói láo, nói hai lưỡi, nói cộc cằn, nói phù phiếm, ác giới thì do thiện giới mà [574b] đi lên. Người bất tín, giải đãi, vô niệm, vô định, ác tuệ thì do thiện tuệ mà đi lên.

“Chu-na, nếu có người tự mình không điều phục, người khác không điều phục, mà muốn có sự điều phục, sự kiện ấy không bao giờ có. Tự mình chìm, người khác chìm mà muốn vớt lên, sự kiện ấy không bao giờ có. Tự mình không Bát-niết-bàn, người khác không Bát-niết-bàn mà muốn dẫn đến nhập Niết-bàn, sự kiện ấy không bao giờ có.

“Chu-na, nếu có người tự mình điều phục được, người khác không điều phục được, mà muốn có sự điều phục, sự kiện ấy có xảy ra. Tự mình không chìm, người khác bị chìm mà muốn vớt lên, sự kiện ấy có xảy ra. Tự mình Bát-niết-bàn, người khác không Bát-niết-bàn mà muốn đưa đến Niết-bàn, sự kiện ấy có xảy ra.

“Cũng như thế, này Chu-na, người ác dục thì do phi ác dục mà nhập Niết-bàn. Người có hại ý sân thì do không có hại ý sân mà nhập Niết-bàn. Người sát sanh, lấy của không cho, phi phạm hạnh thì do phạm hạnh mà nhập Niết-bàn. Người tham lam, nảo hại, thù miên, trạo cử, cống cao, nghi hoặc, thì do không nghi hoặc mà nhập Niết-bàn. Người sân kết, dua nịnh, vô tâm, vô quý, thì do tâm quý mà dẫn nhập Niết-bàn. Người tăng thượng mạn thì do không tăng thượng mạn mà nhập Niết-bàn. Người không đa văn thì do đa văn mà dẫn nhập Niết-bàn. Người không quán các thiện pháp thì do quán các thiện pháp mà dẫn nhập Niết-bàn. Người hành phi pháp, ác hạnh thì do hành đúng pháp, diệu hạnh mà dẫn nhập Niết-bàn. Người nói láo, nói hai lưỡi, nói cộc cằn, nói phù phiếm, ác giới, thì do thiện giới mà dẫn nhập Niết-bàn. Người bất tín, giải đãi, vô niệm, vô định, ác tuệ, thì do thiện tuệ mà dẫn nhập Niết-bàn.

“Chu-na, đó là Ta đã nói cho người nghe về pháp tiệm tôn, đã nói pháp phát khởi tâm, đã nói pháp đối trị, đã nói pháp thăng thượng, đã nói pháp dẫn nhập Niết-bàn. Như bậc Tôn sư đối với đệ tử khởi tâm đại từ, thương xót, thương tưởng, mong cầu cho đệ tử được phước lợi và thiện ích, mong cầu an ổn khoái lạc. Ta đã làm như vậy. Các người cũng nên tự mình làm. Hãy đến nơi rừng vắng, núi sâu, dưới gốc cây, chỗ an tĩnh

không nhàn, tĩnh tọa tư duy, đừng phóng dật, không ngừng tinh tấn, chớ để ân hận mai sau. Đó là lời khuyên giáo, lời huấn thị của Ta”.

Phật thuyết như vậy. Tôn giả Đại Chu-na và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



92. KINH THANH BẠCH LIÊN HOA DỤ

[574c03] Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các thầy Tỳ-kheo:

“Hoặc có pháp do nơi thân mà diệt trừ, không do nơi miệng mà diệt trừ. Hoặc có pháp do nơi miệng mà diệt trừ, không do nơi thân mà diệt trừ. Hoặc có pháp không do nơi thân và miệng diệt trừ nhưng do tuệ kiến để diệt trừ.

“Thế nào là pháp do nơi thân mà diệt trừ, không do nơi miệng diệt trừ? Tỳ-kheo có thân hành bất thiện sung mãn, thọ trì đầy đủ, dễ dính trước nơi thân, các Tỳ-kheo thấy vậy khiển trách Tỳ-kheo ấy rằng: ‘Hiền giả, thân hành bất thiện sung mãn, thọ trì đầy đủ, sao lại dính trước nơi thân? Hiền giả, nên bỏ thân hành bất thiện, tu tập thân hành thiện’. Thời gian sau, vị Tỳ-kheo ấy bỏ thân hành bất thiện, tu tập thân hành thiện. Đó gọi là pháp do nơi thân mà diệt trừ, không do nơi miệng mà diệt trừ.

“Thế nào là pháp do nơi miệng mà diệt trừ, không do nơi thân diệt trừ? Tỳ-kheo khẩu hành bất thiện sung mãn, thọ trì đầy đủ và dính trước nơi miệng. Các Tỳ-kheo thấy vậy quở trách Tỳ-kheo ấy rằng: ‘Hiền giả, khẩu hành bất thiện sung mãn, thọ trì đầy đủ, sao lại dính trước nơi miệng? Hiền giả, nên bỏ khẩu hành bất thiện, tu tập khẩu hành thiện’. Thời gian sau, vị Tỳ-kheo ấy bỏ khẩu hành bất thiện, tu tập khẩu hành thiện. Đó gọi là pháp do nơi miệng mà diệt trừ, không do nơi thân diệt trừ.

“Thế nào là pháp không do nơi thân, miệng mà diệt trừ, nhưng chỉ do tuệ kiến để diệt trừ? Tham lam không do thân, miệng diệt trừ, chỉ do tuệ kiến mà diệt trừ. Cũng như thế, tranh tụng, nhuế, hận, sân triền, phú kết, bôn sên, tật đố, lừa gạt, dua siểm, vô tâm, vô quý, ác dục, ác kiến¹ không do nơi thân, miệng diệt trừ, chỉ do tuệ kiến mà diệt trừ. Đó gọi là pháp không do nơi thân, miệng mà diệt trừ, chỉ do tuệ kiến mà diệt trừ.

“Như Lai có khi quán sát; quán sát tâm của người khác, biết người này không tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ như vậy. Nếu như người này tu thân,

¹ Các bất thiện tâm sở này, xem kinh 91, các kinh trên.

tu giới, tu tâm, tu tuệ thì diệt trừ được tham lam. Vì sao? Vì người này sanh tâm ác tham mà trụ. Cũng như vậy, tranh tụng, nhuế, hận, sân triền, phú kết, bôn sên, tật đố, lừa gạt, dua nịnh, vô tâm, vô quý, ác dục, ác kiến; nếu người ấy tu tập thì diệt trừ được ác dục, ác kiến. Vì sao? Vì người này sanh tâm ác dục, ác kiến mà trụ.

“Nhu Lai cũng biết người này tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ như vậy. Nếu như người này tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ thì diệt trừ được tham lam. Lý do vì sao? Vì nơi người này [575a] tâm không sanh nơi ác tham mà trụ. Cũng như vậy, tranh tụng, nhuế hận, sân triền, phú kết, bôn sên, tật đố, lừa gạt, dua nịnh, vô tâm, vô quý, diệt được ác dục, ác kiến. Vì sao? Vì nơi người này tâm không sanh ác dục, ác kiến mà trụ.

“Giống như hoa sen xanh, hồng, đỏ, trắng sanh từ trong nước, lớn lên trong nước, vượt lên khỏi mặt nước, không bị dính nước. Cũng như thế, Như Lai sanh từ trong thế gian, lớn lên trong thế gian, tu hành vượt trên thế gian, không đắm trước pháp thế gian. Vì sao? Vì Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, vượt khỏi tất cả thế gian”.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan đứng cầm quạt hầu Phật, chấp tay hướng về Phật bạch rằng:

“Bạch Đức Thế Tôn, kinh này tên là gì, và thọ trì như thế nào?”

Lúc ấy Đức Thế Tôn bảo rằng:

“A-nan, kinh này tên là ‘Thanh Bạch Liên Hoa Dụ’. Ngươi hãy như vậy thọ trì đọc tụng”.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

“Các ngươi hãy cùng nhau thọ trì đọc tụng, gìn giữ kinh Thanh Bạch Liên Hoa Dụ này. Lý do vì sao? –Vi kinh ‘Thanh Bạch Liên Hoa Dụ’ này là như pháp, có nghĩa, là căn bản phạm hạnh, đưa đến trí thông, đưa đến giác ngộ và cũng đưa đến Niết-bàn. Nếu thiện nam tử cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo thì nên hãy khéo thọ trì, đáng tụng đọc kinh ‘Thanh Bạch Liên Hoa Dụ’ này”.

Phật thuyết như vậy. Tôn giả A-nan và các Tỷ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

93. KINH THUYẾT TÒNH PHẠM CHÍ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật đến Uất-tì-la, bên bờ sông Ni-liên-nhiên, ngồi dưới gốc cây A-đa-hòa-la Ni-câu-loại vào lúc mới thành đạo².

Bấy giờ sau giờ ngộ, có Thủy Tịnh Bà-la-môn³ ung dung đi đến chỗ Phật. Đức Thế Tôn thấy Thủy Tịnh Bà-la-môn từ xa đi lại; nhân vì có Thủy Tịnh Bà-la-môn, Ngài bảo các Tỳ-kheo⁴:

“Nếu có hai mươi một thứ câu ướ làm bản tâm⁵, chắc chắn dẫn đến ác xứ, sanh vào địa ngục.

“Những gì là hai mươi một thứ câu ướ? Đó là, tâm ướ do tà kiến, tâm ướ do phi pháp dục, tâm ướ do ác tham, tâm ướ do tà pháp, tâm ướ do tham, tâm ướ do nhuế, tâm ướ do thụ miên, tâm ướ do trạo cử hối quá, tâm ướ do nghi hoặc, tâm ướ do sân triền, tâm ướ do phú tàng, tâm ướ do xan tham, tâm ướ do tật đố, tâm ướ do khi trá, tâm ướ do dua siểm, [575b] tâm ướ do vô tâm, tâm ướ do vô quý, tâm ướ do mạn, tâm ướ do đại mạn, tâm ướ do ngạo mạn, tâm ướ do phóng dật⁶.

² Xem kinh 134.

³ Thủy Tịnh Phạm chí 水淨梵志. No.51: Kế Thủy Phạm chí; No.99 (1185) không nói tên; No.100 (99): Bà-la-môn thờ lửa; No.125 (13.5): một người Bà-la-môn đang gánh một gánh nặng, đi đến gần Phật. Người Bà-la-môn mà Phật gặp ngay sau khi vừa thành đạo, được nói đến trong Luật tạng Pāli tên là Huhunkajātika. Pāli tương đương không có chi tiết này. Nhưng người Bà-la-môn xuất hiện ở cuối kinh. Xem đoạn cuối.

⁴ Sự kiện này hoàn toàn không phù hợp. Khi vừa thành đạo này, Ngài chưa có một đệ tử xuất gia nào cả.

⁵ Ưố ô u tâm 穢汚於心. Pāli: *citassa upakkilesa*, ô nhiễm của tâm (hay tùy phiền não của tâm). No.51 và No.125: *kết* 結.

⁶ No.125 (13.5): 21 kết nhiễm tâm: sân, nhuế, hại, thụ miên, điệu hý, nghi, nộ, ky, não, tật, táng, vô tâm, vô quý, huyễn, gian, nguy, tránh, kiêu mạn, đố, táng thượng mạn, tham. Liệt kê theo bản Pāli: *abhijjhavisamalobho* (tham lam và bất chánh tham), *vyāpādo* (sân), *kodho* (phẫn nộ), *upanāho* (oán hận), *makkho* (phú tàng hay nguy hiểm), *palāso* (não hay ác ý, ác cảm), *issā* (tật đố), *macchariyam* (xan hay bõn sèn), *māyā* (cuồng hay huyễn hoặc), *sātheyyam* (siểm hay gian trá),

“Nếu có hai mươi một thứ cấu uế này làm bản tâm thì chắc chắn đi đến ác xứ, sanh vào địa ngục.

“Ví như cái áo bị cấu bẩn đem cho nhà thợ nhuộm. Người thợ nhuộm nhận áo đó, hoặc dùng tro sạch⁷, hoặc dùng bột giặt⁸ hay dùng nước chắt⁹ chà xát thật kỹ cho sạch cái áo dơ bẩn đó. Dù người thợ giặt dùng tro sạch, hoặc dùng bột giặt hay dùng nước chắt chà xát thật kỹ cho sạch, nhưng cái áo dơ bẩn ấy vẫn có màu dơ bẩn¹⁰. Cũng như vậy, nếu có hai mươi một thứ cấu uế làm bản tâm thì chắc chắn đi đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Những gì là hai mươi một thứ cấu uế? Đó là, tâm uế do tà kiến, tâm uế do phi pháp dục, tâm uế do ác tham, tâm uế do tà pháp, tâm uế do tham, tâm uế do nhuế, tâm uế do thụy miên, tâm uế do trạo cử hồi quá, tâm uế do nghi hoặc, tâm uế do sân triền, tâm uế do phú tàng, tâm uế do xan tham, tâm uế do tật đố, tâm uế do khi trá, tâm uế do dua siểm, tâm uế do vô tầm, tâm uế do vô quý, tâm uế do mạn, tâm uế do đại mạn, tâm uế do ngạo mạn, tâm uế do phóng dật.

“Nếu có hai mươi một thứ cấu uế này mà không làm bản tâm thì chắc chắn đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời. Những gì là hai mươi một thứ cấu uế? Đó là, tâm uế do tà kiến, tâm uế do phi pháp dục, tâm uế do ác tham, tâm uế do tà pháp, tâm uế do tham, tâm uế do nhuế, tâm uế do thụy miên, tâm uế do trạo cử hồi quá, tâm uế do nghi hoặc, tâm uế do sân triền, tâm uế do phú tàng, tâm uế do xan tham, tâm uế do tật đố, tâm uế do khi trá, tâm uế do dua siểm, tâm uế do vô tầm, tâm uế do vô quý, tâm uế do mạn, tâm uế do đại mạn, tâm uế do ngạo mạn, tâm uế do phóng dật. Nếu có hai mươi một thứ cấu uế này mà không làm bản tâm thì chắc chắn đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời.

thambho (ngoan cố hay ngạo mạn), *sārambho* (cấp tháo hay dễ kích động), *māno* (mạn), *atimāno* (quá mạn), *mado* (kiêu hay say sưa), *paṃādo* (phóng túng hay buông lung). Bản danh sách đầy đủ và giải thích chi tiết, xem *Pháp uẩn 9* (tr.494c).

⁷ Thuần hôi 淳灰; có lẽ nước tro.

⁸ Tháo đậu 澡豆; loại bột giặt do nghiền đậu trộn với vài thứ cây lá.

⁹ Thổ tí 土漬, nước chắt, để thấm qua đất?

¹⁰ No.51 cũng nói không thể giặt sạch như vậy. No.125 (13.5). Pāli: tắm vài dơ thì không thể nhuộm bất cứ màu gì cho đẹp đẽ ra được.

“Ví như cái áo trắng sạch của loại vải dệt ở xứ Ba-la-nại, đem cho nhà thợ nhuộm. Người thợ nhuộm nhận áo đó, dùng hoặc tro sạch, hoặc dùng bột giặt hay dùng nước chất chà xát thật kỹ cho thêm sạch cái áo trắng sạch bằng loại vải Ba-la-nại này. Người thợ giặt Ba-la-nại chà xát thật kỹ cho thêm sạch, nhưng cái áo trắng sạch loại vải Ba-la-nại ấy vốn đã sạch lại càng trắng sạch thêm. Cũng vậy, nếu có hai mươi một thứ cấu uế mà không làm bản tâm thì chắc chắn đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời. Những gì là hai mươi một thứ cấu uế? Đó là, tâm uế do tà kiến, tâm uế do phi pháp dục, tâm uế do ác tham, tâm uế do tà pháp, tâm uế do tham, tâm uế do nhuế, tâm uế do thụ miên, tâm uế do trạo cử hồi quá, tâm uế do nghi hoặc, [575c] tâm uế do sân triền, tâm uế do phú tàng, tâm uế do xan tham, tâm uế do tật đố, tâm uế do khi trá, tâm uế do dua siểm, tâm uế do vô tâm, tâm uế do vô quý, tâm uế do mạn, tâm uế do đại mạn, tâm uế do ngạo mạn, tâm uế do phóng dật. Nếu có hai mươi một thứ cấu uế này mà không làm bản tâm thì chắc chắn đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời.

“Nếu ai biết được tà kiến là cấu uế của tâm, sau khi biết liền đoạn trừ. Cũng như vậy, nếu ai biết được tâm uế do phi pháp dục, tâm uế do ác tham, tâm uế do tà pháp, tâm uế do tham, tâm uế do nhuế, tâm uế do thụ miên, tâm uế do trạo cử hồi quá, tâm uế do nghi hoặc, tâm uế do sân triền, tâm uế do phú tàng, tâm uế do xan tham, tâm uế do tật đố, tâm uế do khi trá, tâm uế do dua siểm, tâm uế do vô tâm, tâm uế do vô quý, tâm uế do mạn, tâm uế do đại mạn, tâm uế do ngạo mạn; nếu biết phóng dật là tâm uế, sau khi biết liền đoạn trừ.

“Tâm của vị ấy cùng đi đôi với từ, biến mãn một phương, thành tựu an trụ. Như vậy, cho đến hai phương, ba phương, bốn phương, tứ duy, trên dưới, trùm khắp tất cả cùng đi đôi với lòng từ, không kết, không oán, không giận, không tranh, rộng rãi bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trụ.

“Này Bà-la-môn,¹¹ đó là phương pháp gột rửa nội tâm chứ không phải gột rửa ngoại thân”.

Bấy giờ, Bà-la-môn¹² nói với Thế Tôn:

¹¹ Trong đoạn đầu, Phật nói với các Tỳ kheo. Có sự nhầm lẫn trong bản Hán.

¹² Pl. (M. i. 39): khi ấy có Bà-la-môn Sundarikabhādvajjo ngồi cách Phật không

“Này Cù-đàm, nên đi đến sông Đa thủy¹³ mà tắm rửa.”

Đức Thế Tôn hỏi:

“Này Bà-la-môn, nếu đến tắm nơi sông Đa thủy thì sẽ được những gì?”

Bà-la-môn trả lời:

“Này Cù-đàm, sông Đa thủy ấy là dấu hiệu trai khiết của thế gian, là dấu hiệu độ thoát, là dấu hiệu phước đức. Cù-đàm, nếu đến tắm nơi sông Đa thủy thì được trừ sạch tất cả ác”.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói bài tụng cho Bà-la-môn nghe:

*Diệu Hảo Thủ Bà-la-môn!*¹⁴

Nếu vào sông Đa Thủy,

Kê ngu thường du hý,

Không thể sạch nghiệp dữ.

Hảo Thủ, đến sông chi

Sông ấy có nghĩa gì?

Người tạo nghiệp bất thiện

Nước trong nào ích chi!

Người tịnh, không cầu ướ,

Người tịnh, thường thuyết giới;

Người tịnh, nghiệp trắng trong;

Thường được thanh tịnh hạnh.

Nếu ông không tạo sát,

Cũng không hay trộm cắp,

[576a]*Chân thật không dối trá,*

Thường chánh niệm, chánh trí;

Bà-la-môn học như vậy,

Tất cả chúng sanh an.

Bà-la-môn về nhà chi?

xa. Đối thoại tiếp theo, như trong bản Hán.

¹³ Đa thủy hà 多水河. No.99 (1158): Bà-huru hà. Pāli: Bāhukā.

¹⁴ Diệu hảo thủ Phạm chí 妙好首梵志, tên dịch nghĩa của Sundarika, do hình dung từ *sundara*: mỹ miều.

Suối nhà đâu trong sạch.

*Bà-la-môn, ông nên học,
Dùng thiện pháp tẩy sạch.
Cần gì nước bẩn kia,
Chỉ trừ bản thân thể.*

Bà-la-môn bạch Phật rằng:

*Tôi cũng nghĩ như vậy:
Dùng thiện pháp tẩy sạch,
Cần gì nước bẩn kia.
Bà-la-môn nghe Phật dạy,
Trong lòng rất hoan hỷ.
Tức thì lạy chân Phật,
Quy y Phật, Pháp, Tăng.*

Bà-la-môn bạch rằng:

“Bạch Đức Thế Tôn, con đã biết! Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu. Con nay tự quy y Phật, Pháp và Chúng Tỳ-kheo. Ngưỡng mong Thế Tôn cho con làm Ưu-bà-tắc, bắt đầu từ ngày nay, trọn đời, con tự quy y cho đến chết”. Phật thuyết như vậy. Bà-la-môn Diệu Hảo Thủy Tịnh và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



94. KINH HẮC TỖ-KHEO

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại tại nước Xá-vệ, trong Đông viên, giảng đường Lộc mẫu. Hắc Tỳ-kheo¹, con bà Lộc Mẫu, thường ưa tranh cãi, đi đến chỗ Phật. Thế Tôn thấy Hắc Tỳ-kheo từ xa đi lại, nhân vì có Hắc Tỳ-kheo nên Ngài nói với các Tỳ-kheo:

“Hoặc có người thường ưa tranh cãi, không khen việc đình chỉ tranh cãi. Nếu có người thường ưa tranh cãi, không khen việc đình chỉ tranh cãi, thì đó là pháp không khiến có ái lạc, không khiến có ái hỷ, không thể khiến cho có ái niệm, không khiến cho có kính trọng, không khiến tu tập, không khiến nhiếp trì, không khiến xứng đáng là Sa-môn, không thể khiến được nhất ý², không khiến chứng đắc Niết-bàn.³

“Hoặc có người ác dục, không khen việc đình chỉ ác dục. Nếu có người ác dục, không khen việc đình chỉ ác dục, thì đó là pháp không khiến có ái lạc, không khiến có ái hỷ, không thể khiến cho có ái niệm, không khiến cho có kính trọng, không khiến tu tập, không khiến nhiếp trì, không khiến xứng đáng là Sa-môn, không thể khiến [576b] được nhất ý, không khiến chứng đắc Niết-bàn.

“Hoặc có người phạm giới, vượt giới, sút mẻ giới, làm rách giới, cấu uế giới và không khen việc trì giới. Nếu có người phạm giới, vượt giới, sút mẻ giới, làm rách giới, cấu uế giới, thì đó là pháp không khiến có ái lạc, không khiến có ái hỷ, không thể khiến cho có ái niệm, không khiến cho có kính trọng, không khiến tu tập, không khiến nhiếp trì, không khiến xứng đáng là Sa-môn, không thể khiến được nhất ý, không khiến chứng đắc Niết-bàn.

“Hoặc có người có sân triền, có phú kết, có bồn sên, tật đố, có dua siểm,

¹ Hắc Tỳ-kheo 黑比丘. Pāli: Kālaka-bhikkhu. Bản Pāli tương đương không có chi tiết này.

² Nhất ý 一意. Pāli: ekībhava, nhất thể, hiệp nhất.

³ A.v. 164: *ayampi dhammo na piyatāya na garutāya na bhāvanāya na sāmāññāya na ekibhāvāya samvattati*, “pháp ấy không dẫn đến yêu thương, không dẫn đến tôn kính, không dẫn đến tu tập, không dẫn đến kết quả của Sa-môn, không dẫn đến hiệp nhất (hòa hiệp).”

đôi trá, có vô tâm, vô quý, không khen tầm quý⁴. Nếu có người có sân triền, có phú kết, bòn sên, tật đố, có dua siêm, đôi trá, có vô tâm, vô quý, không khen tầm quý, thì đó là pháp không khiến có ái lạc, không khiến có ái hỷ, không thể khiến cho có ái niệm, không khiến cho có kính trọng, không khiến tu tập, không khiến nhiếp trì, không khiến xứng đáng là Sa-môn, không thể khiến được nhất ý, không khiến chứng đắc Niết-bàn.

“Hoặc có người không tiếp đãi các vị đồng phạm hạnh, không khen sự tiếp đãi các vị đồng phạm hạnh. Nếu có người không tiếp đãi các vị đồng phạm hạnh, không khen sự tiếp đãi các vị đồng phạm hạnh, thì đó là pháp không khiến có ái lạc, không khiến có ái hỷ, không thể khiến cho có ái niệm, không khiến cho có kính trọng, không khiến tu tập, không khiến nhiếp trì, không khiến xứng đáng là Sa-môn, không thể khiến được nhất ý, không khiến chứng đắc Niết-bàn.

“Hoặc có người không quán các pháp, không khen việc quán các pháp. Nếu có người không quán các pháp, không khen việc quán các pháp, thì đó là pháp không thể ái lạc, không thể ái hỷ, không thể khiến ái niệm, không thể khiến cho có kính trọng, không thể khiến tu tập, không thể khiến nhiếp trì, không thể khiến xứng đáng là Sa-môn, không thể khiến được nhất ý, không thể khiến chứng đắc Niết-bàn.

“Hoặc có người không tĩnh tọa⁵, không khen tĩnh tọa. Nếu có người không tĩnh tọa, không khen tĩnh tọa, thì đó là pháp không khiến có ái lạc, không khiến có ái hỷ, không thể khiến cho có ái niệm, không khiến cho có kính trọng, không khiến tu tập, không khiến nhiếp trì, không khiến xứng đáng là Sa-môn, không thể khiến được nhất ý, không khiến chứng đắc Niết-bàn.

“Những người như thế tuy nghĩ rằng: ‘Mong các vị đồng phạm hạnh cúng dường, cung kính, lễ sự [576c] ta’, nhưng các vị đồng phạm hạnh không cúng dường, cung kính, lễ sự người ấy. Vì sao? Vì người ấy có vô lượng điều ác này. Nhân vì người ấy có vô lượng điều ác này nên khiến cho các vị đồng phạm hạnh không cúng dường, cung kính, lễ sự người ấy.

⁴ Xem các kinh 90 và 93 trên.

⁵ Yên tọa 宴坐; ngồi hay sống chỗ yên tĩnh, vắng vẻ. Pāli: *patisallāno*, độc cư, nhàn tĩnh, ẩn dật.

“Cũng như con ngựa dữ bị nhốt vào trong chuồng, tuy nó nghĩ rằng: ‘Mong người ta nhốt tôi ở chỗ an ổn, cho đồ ăn thức uống tươi tốt và thích ngắm nghía tôi’, nhưng người ta không nhốt nó ở chỗ an ổn, không cho nó đồ ăn thức uống tươi tốt và không thích ngắm nghía nó. Vì sao? Vì con ngựa ấy có sự dữ, nghĩa là vì nó hết sức thô tộ, không hiền lành, nên khiến cho người ta không nhốt nó ở chỗ an ổn, không cho đồ ăn thức uống tươi tốt và không thích ngắm nghía nó. Cũng như vậy, người này dù nghĩ rằng ‘Mong các vị đồng phạm hạnh cúng dường, cung kính, lễ sự ta’, nhưng các vị đồng phạm hạnh không cúng dường, cung kính, lễ sự người ấy. Vì sao? Vì người ấy có vô lượng điều ác này. Nhân vì người ấy có vô lượng điều ác này nên khiến cho các vị đồng phạm hạnh không cúng dường, cung kính, lễ sự người ấy.

“Ồ đây có người không thích tranh cãi, khen ngợi việc đình chỉ tranh cãi. Nếu có người không thích tranh cãi, khen ngợi việc đình chỉ tranh cãi, thì đây là pháp khả lạc, khả ái, khả hỷ, có thể khiến ái niệm, có thể khiến kính trọng, có thể khiến tu tập, có thể khiến nhiếp trì, có thể khiến xứng đáng là Sa-môn, có thể khiến được nhất ý, có thể khiến chứng đắc Niết-bàn.

“Hoặc có người không ác dục, khen ngợi việc đình chỉ ác dục. Nếu có người không ác dục, khen ngợi việc đình chỉ ác dục, thì đây là pháp khả lạc, khả ái, khả hỷ, có thể khiến ái niệm, có thể khiến kính trọng, có thể khiến tu tập, có thể khiến nhiếp trì, có thể khiến xứng đáng là Sa-môn, có thể khiến được nhất ý, có thể khiến chứng đắc Niết-bàn.

“Hoặc có người không phạm giới, vượt giới, sát mẻ giới; không làm rách giới, cấu uế giới; và khen ngợi việc trì giới. Nếu có người không phạm giới, vượt giới, sát mẻ giới; không làm rách giới, cấu uế giới; và khen ngợi việc trì giới, thì đây là pháp khả lạc, khả ái, khả hỷ, có thể khiến ái niệm, có thể khiến kính trọng, có thể khiến tu tập, có thể khiến nhiếp trì, có thể khiến xứng đáng là Sa-môn, có thể khiến được nhất ý, có thể khiến chứng đắc Niết-bàn.

“Hoặc có người không có sân triền, không phú kết, không bồn sèn, tật đố, không dua siểm, dối trá, không vô tâm, không vô quý và khen ngợi tâm quý. Nếu có người không có sân triền, không phú kết, không bồn sèn, tật đố, không dua siểm, dối trá, không [577a] vô tâm, không vô quý và khen ngợi tâm quý, thì đây là pháp khả lạc, khả ái, khả hỷ, có thể khiến ái

niệm, có thể khiến kính trọng, có thể khiến tu tập, có thể khiến nhiếp trì, có thể khiến xứng đáng là Sa-môn, có thể khiến được nhất ý, có thể khiến chứng đắc Niết-bàn.

“Hoặc có người có tiếp đãi các vị đồng phạm hạnh, khen ngợi việc tiếp đãi các vị đồng phạm hạnh. Nếu có người tiếp đãi các vị đồng phạm hạnh, khen ngợi việc tiếp đãi các vị đồng phạm hạnh, thì đây là pháp khả lạc, khả ái, khả hỷ, có thể khiến ái niệm, có thể khiến kính trọng, có thể khiến tu tập, có thể khiến nhiếp trì, có thể khiến xứng đáng là Sa-môn, có thể khiến được nhất ý, có thể khiến chứng đắc Niết-bàn.

“Hoặc có người quán các pháp, khen ngợi việc quán các pháp. Nếu có người quán các pháp, khen ngợi việc quán các pháp, thì đây là pháp khả lạc, khả ái, khả hỷ, có thể khiến ái niệm, có thể khiến kính trọng, có thể khiến tu tập, có thể khiến nhiếp trì, có thể khiến xứng đáng là Sa-môn, có thể khiến được nhất ý, có thể khiến chứng đắc Niết-bàn.

“Hoặc có người tĩnh tọa, khen ngợi tĩnh tọa. Nếu có người tĩnh tọa, khen ngợi tĩnh tọa, thì đây là pháp khả lạc, khả ái, khả hỷ, có thể khiến ái niệm, có thể khiến kính trọng, có thể khiến tu tập, có thể khiến nhiếp trì, có thể khiến xứng đáng là Sa-môn, có thể khiến được nhất ý, có thể khiến chứng đắc Niết-bàn.

“Người này tuy không nghĩ rằng: ‘Mong các vị đồng phạm hạnh cúng dường, cung kính, lễ sự nơi ta’, nhưng các vị đồng phạm hạnh vẫn cúng dường, cung kính, lễ sự người ấy. Vì sao? Vì người ấy có vô lượng điều lành này. Nhân người ấy có vô lượng điều lành này khiến cho các vị đồng phạm hạnh cúng dường, cung kính, lễ sự người ấy.

“Giống như con ngựa hiền nhốt trong chuồng, tuy nó không nghĩ rằng: ‘Mong người ta nhốt tôi ở chỗ an ổn, cho đồ ăn thức uống tốt tươi và thích ngắm nghĩa tôi’, nhưng người ta vẫn nhốt nó ở chỗ an ổn, cho đồ ăn thức uống tốt tươi và vẫn thích ngắm nghĩa nó. Vì sao? Bởi vì đó là con ngựa lành, nghĩa là nó rất thuần thực, rất hiền lành, nên người ta nhốt nó ở chỗ an ổn, cho đồ ăn thức uống tốt tươi và thích ngắm nghĩa nó. Cũng như vậy, người này tuy không nghĩ rằng ‘Mong các vị đồng phạm hạnh cúng dường, cung kính, lễ sự nơi ta’, nhưng các vị đồng phạm hạnh vẫn cúng dường, cung kính, lễ sự người ấy”.

Phật thuyết như vậy. Các vị Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ

phụng hành. □

95. KINH TRỤ PHÁP

[577b4] Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói với các thầy Tỳ-kheo:

“Ta nói về sự thối thất của thiện pháp¹, không đình trụ cũng không tăng tiến. Ta nói về sự đình trụ của thiện pháp, không thối thất không tăng tiến. Ta nói về sự tăng tiến của thiện pháp, không thối thất cũng không đình trụ.

“Thế nào là sự thối thất của thiện pháp, không đình trụ cũng không tăng tiến? Tỳ-kheo nếu có độc tìn, cấm giới, bác văn, bố thí, trí tuệ, biện tài, Thánh giáo và sở đắc², đối với các pháp này, vị ấy thối thất, chứ không trụ, cũng không tăng. Đó là sự thối thất của thiện pháp, không đình trụ cũng không tăng tiến.

“Thế nào là sự đình trụ của thiện pháp, không thối thất không tăng tiến? Tỳ-kheo nếu có độc tìn, cấm giới, bác văn, bố thí, trí tuệ, biện tài, Thánh giáo và sở đắc; đối với các pháp này, vị ấy trụ, chứ không thối, không tăng. Đó gọi là sự đình trụ của thiện pháp, không thối thất không tăng tiến.

“Thế nào là sự tăng tiến của thiện pháp, không thối thất cũng không đình trụ? Tỳ-kheo có độc tìn, cấm giới, bác văn, bố thí, trí tuệ, biện tài, Thánh giáo và sở đắc; đối với các pháp này vị ấy tăng, không thối, không trụ. Đó gọi là sự tăng tiến của thiện pháp, không thối thất cũng không đình trụ.

“Tỳ-kheo chắc chắn được nhiều lợi ích nếu quán như vậy: ‘Ta sống nhiều với tham lam hay sống không nhiều tham lam? Ta sống nhiều với tâm sân nhuế hay không nhiều tâm sân nhuế? Ta sống với thù miên hay sống không thù miên? Ta sống với nhiều trạo cử, cống cao hay là sống không

¹ Pāli (A.v. 96): *ñhītimpāham, bhikkhave, na vaṇṇayāmi kusalesu dhammesu, pageva parihānim*, Ta không tán thán sự đứng im trong các pháp thiện, huống gì là sự thối thất.

² Nguyên bản: A-hàm cập kỳ sở đắc 阿舍及其所得.

nhiều trạo cử, cống cao? Ta sống với nhiều nghi hoặc hay sống không nhiều nghi hoặc. Ta sống với nhiều thân tránh hay sống không nhiều thân tránh? Ta sống với nhiều cầu ướ hay sống không nhiều cầu ướ tâm? Ta sống với nhiều tín hay sống với nhiều bất tín? Ta sống với nhiều tinh tấn hay sống với nhiều giải đãi? Ta sống với nhiều chánh niệm hay sống với nhiều vô niệm? Ta sống với nhiều chánh định hay sống với nhiều vô định? Ta sống với nhiều ác tuệ hay sống với nhiều không ác tuệ?”

“Nếu khi Tỳ-kheo quán mà biết mình sống nhiều với tham lam, sân nhuế tâm, thù miên triền, trạo cử và cống cao, nghi hoặc, thân tránh, cầu ướ tâm, bất tín, giải đãi, vô niệm, vô định và sống với nhiều ác tuệ, thì Tỳ-kheo ấy vì muốn diệt trừ các pháp ác bất thiện này nên gấp rút tìm phương tiện học hỏi, hết sức tinh cần chánh niệm, [577c] chánh trí, nhẫn, không để thoái lui.

“Nhu người bị lửa cháy đầu, cháy áo, gấp rút cầu phương tiện cứu đầu cứu áo. Cũng như thế, vì muốn diệt trừ các pháp ác bất thiện này nên vị Tỳ-kheo ấy gấp rút cầu phương tiện học, hết sức tinh cần, chánh niệm, chánh trí, nhẫn, không để thoái lui.

“Nếu khi Tỳ-kheo quán mà biết mình sống không nhiều tham lam, không nhiều sân nhuế tâm, không nhiều thù miên triền, không nhiều trạo cử cống cao, không nghi hoặc, không thân tránh, không cầu ướ tâm, có tín, có tấn, có niệm, có định và sống với nhiều không ác tuệ, thì vị Tỳ-kheo ấy vì muốn trụ nơi thiện pháp này, không quên mất, không thoái lui, tu hành phát triển, nên gấp rút cầu phương tiện học, hết sức tinh cần, chánh niệm, chánh trí, nhẫn, không để thoái lui.

“Nhu người bị lửa cháy đầu, cháy áo, gấp rút cầu phương tiện cứu đầu cứu áo. Cũng như thế, vị Tỳ-kheo vì muốn an trụ nơi thiện pháp này, không quên mất, không thoái lui, tu hành phát triển, nên vị Tỳ-kheo ấy gấp rút cầu phương tiện học, hết sức tinh cần, chánh niệm, chánh trí, nhẫn, không để thoái lui”.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



96. KINH VÔ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất nói với các Tỳ-kheo:

“Này Chư Hiền, nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni không được nghe pháp chưa từng nghe; pháp đã nghe thì lại quên mất. Giả sử có pháp mà vị ấy trước kia đã tu hành, đã phát triển, đã tụng và đã được hiểu bởi tuệ, nhưng vị ấy không nhớ lại và không thấu hiểu. Này Chư Hiền, đó gọi là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni suy thoái tịnh pháp.

“Này Chư Hiền, nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni với pháp chưa nghe thì được nghe; pháp đã nghe thì không quên mất. Giả sử có pháp mà vị ấy trước kia đã tu hành, đã phát triển, đã tụng và đã được hiểu bởi tuệ, rồi vị ấy thường ghi nhớ và thấu hiểu, thì đó gọi là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni tăng trưởng tịnh pháp.

“Này Chư Hiền, Tỳ-kheo nên quán như vậy: ‘Ta có tham lam hay là không có tham lam? Ta có tâm sân nhuế hay không có tâm sân nhuế? Ta có thù miên triền hay không có thù miên triền? Ta có trạo cử, cống cao hay không có trạo cử, cống cao? Ta có nghi hoặc hay không có nghi hoặc? Ta có thân tránh hay không có thân tránh? Ta [578a] có tâm cấu uế hay không có tâm cấu uế? Ta có tín hay không có tín? Ta có tấn hay không có tấn? Ta có niệm hay không có niệm? Ta có định hay không có định? Ta có tuệ hay không có tuệ?’

“Này Chư Hiền, nếu khi Tỳ-kheo quán mà biết mình có tham lam, có tâm sân nhuế, có thù miên triền, có trạo cử, cống cao, có nghi hoặc, có thân tránh, có tâm cấu uế, không tín, không tấn, không niệm, không định, có ác tuệ, thì này Chư Hiền, vì muốn diệt trừ các pháp ác bất thiện này cho nên vị Tỳ-kheo ấy gấp rút cầu phương tiện học, hết sức tinh cần, chánh niệm, chánh trí, nhẫn, không để thoái lui.

“Này Chư Hiền, như người bị lửa cháy đầu, cháy áo, gấp rút tìm cách cứu đầu, cứu áo. Này Chư Hiền, cũng như thế, vị Tỳ-kheo vì muốn diệt trừ các pháp ác bất thiện này nên gấp rút cầu phương tiện học, hết sức tinh cần, chánh niệm, chánh trí, nhẫn, không để thoái lui.

“Này Chư Hiền, nếu khi Tỳ-kheo quán mà biết mình không có tham lam, không có tâm sân nhuế, không thù miên triền, không trạo cử, cống cao, không có nghi hoặc, không có thân tránh, không có tâm cấu uế; có tín, có tấn, có niệm, có định, không ác tuệ, thì Tỳ-kheo ấy vì muốn an trụ nơi pháp thiện này, không quên mất, không thoái lui, tu hành phát triển, nên gấp rút cầu phương tiện học, hết sức tinh cần, chánh niệm, chánh trí, nhẫn, không để thoái lui.

“Này Chư Hiền, như người bị lửa cháy đầu, cháy áo, gấp rút tìm cách cứu đầu, cứu áo. Này Chư Hiền, cũng như thế, Tỳ-kheo muốn an trụ nơi pháp thiện này, không quên mất, không thoái lui, tu hành phát triển, nên gấp rút cầu phương tiện học, hết sức tinh tấn, chánh niệm, chánh trí, nhẫn, không để thoái lui”.

Tôn giả Xá-lợi-phất thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Tôn giả thuyết, hoan hỷ phụng hành.¹



¹ Bản Hán, hết quyển 23.

PHẨM 10: NHÂN
TỤNG NGÀY THỨ HAI

Tiểu thổ thành

因處二苦陰 增上心及念
師子吼優曇 願想最在後

Kệ Tóm tắt:

- Nhân, Xứ, hai Khổ uẩn,
Tăng thượng tâm bà Niệm,
Sư tử hồng, Ưu-đàm,
Nguyệt, Tượng ở sau cùng
97. KINH ĐẠI NHÂN
98. KINH NIỆM XỨ
99. KINH KHỔ ẤM (I)
100. KINH KHỔ ẤM (II)
101. KINH TĂNG THƯỢNG TÂM
102. KINH NIỆM
103. KINH SƯ TỬ HỒNG
104. KINH ƯU-ĐÀM-BÀ-LA
105. KINH NGUYỆN
106. KINH TƯỢNG

97. KINH ĐẠI NHÂN

[584c8] Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại Câu-lâu-sấu, ở Kiềm-ma-sát-đàm, một đô ấp của Câu-lâu¹.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan, một mình tĩnh tọa tại một nơi vắng vẻ, tâm nghĩ như vậy, ‘Kỳ diệu thay, pháp duyên khởi này! Thật là vô cùng sâu sắc và ánh sáng cũng thật là vô cùng sâu sắc², nhưng ta quán sát thấy rất nông cạn, rất nông cạn!’³

Rồi vào lúc xế, Tôn giả A-nan rời chỗ tĩnh tọa, qua đến chỗ Phật, đánh lễ chân Ngài, rồi đứng sang một bên, bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, hôm nay con một mình tĩnh tọa tại một nơi thanh vắng, tâm nghĩ như vậy, ‘Kỳ diệu thay, duyên khởi này! Thật là vô cùng sâu sắc, nhưng ta quán sát thấy rất nông cạn, rất nông cạn!’”

Đức Thế Tôn bảo:

“A-nan, người chớ nghĩ rằng ‘Duyên khởi này rất nông cạn, rất nông cạn!’ Vì sao? Vì duyên khởi này thật là vô cùng sâu sắc và ánh sáng cũng thật là vô cùng sâu sắc.

“Này A-nan, đối với duyên khởi này, vì không biết như thật, thấy như thật, không giác ngộ, không thấu triệt, nên khiến chúng sanh ấy dính móc nhau như khung cửi rồi ren, như đám uẩn-mạn⁴ mọc chẳng chặt, tấp nập huyên náo, đi từ đời này đến đời kia, từ đời kia đến đời này, qua rồi lại, lại rồi qua, không thể ra khỏi vòng sanh tử. A-nan, cho nên phải biết duyên khởi này thật vô cùng sâu sắc và ánh sáng cũng rất là sâu sắc.

¹ Xem các kinh số 10, 175, 177.

² Minh diệu thậm thâm 明亦甚深. Pāli: *gambhīrāvabhāso*: “có vẻ sâu sắc” (Pāli-English Dict. PTS.). *avabhāsa*, từ gốc Skt.: ánh sáng, sự chói sáng, sự biểu hiện.

³ Chí thiện chí thiện 至淺至淺. Pāli: (*gambhīrāvabhāso ca...*) *me uttānattānako viya khāyati*, đối với con nó về như mình bạch. Trong đó, *uttānaka* có nghĩa “dễ dàng (như nằm ngửa)” và do đó, có nghĩa “công khai, minh bạch”. Bản Hán hiểu theo nghĩa cụ thể nên nói là “rất nông cạn”. No 1(13) hiểu theo nghĩa đầu.

⁴ Uẩn-mạn thảo 蘊蔓草; không rõ, Pāli: *muñjapabbaja*, cỏ *muñja* (một loại sậy, tên khoa học *Saccharum munja*) và cỏ *pabbaja*, chỉ chung lau sậy.

“A-nan, nếu có người hỏi: ‘Già và chết có duyên không?’ Hãy trả lời như vậy, ‘Già, chết có duyên’. Nếu có người hỏi: ‘Già, chết có duyên gì?’ Hãy trả lời như vậy: ‘Duyên nơi sanh vậy’.

“A-nan, nếu có người hỏi: ‘Sanh có duyên không?’ Hãy trả lời rằng: ‘Sanh cũng có duyên’. Nếu có người hỏi rằng: ‘Sanh có duyên gì?’ Hãy trả lời rằng: “Duyên nơi hữu vậy”.

“A-nan, nếu có người hỏi: ‘Hữu có duyên không?’, Hãy trả lời rằng ‘Hữu cũng có duyên’. Nếu có người hỏi: ‘Hữu có duyên gì?’, Hãy trả lời rằng: ‘Duyên nơi thủ⁵ vậy’.

“A-nan, nếu có người hỏi: [578c] ‘Thủ có duyên không?’ Hãy trả lời rằng ‘Thủ cũng có duyên’. Nếu có người hỏi: ‘Thủ có duyên gì?’ Hãy trả lời rằng: ‘Duyên nơi ái vậy’.

“A-nan, đó là duyên ái có thủ; duyên thủ có hữu; duyên hữu có sanh; duyên sanh có già và chết, duyên già chết có buồn lo, khóc lóc, buồn khổ, áo não; đều duyên nơi già chết mà có. Như thế là trọn đủ toàn khối khổ đau to lớn.⁶

“A-nan, duyên sanh có già chết. Đây nói duyên sanh có già chết; nên biết, điều được nói là duyên sanh có già chết. A-nan, nếu không sự sanh, như cá và loài cá, chim và loài chim, muỗi và loài muỗi, rồng và loài rồng, thần và loài thần, quỷ và loài quỷ, trời và loài trời, người và loài người; A-nan, các loài chúng sanh như thế này hay như thế kia ấy, ở bất cứ nơi này hay nơi kia ấy; nếu không sự sanh, mỗi loài và mỗi loài đều không sanh, thì giả sử tách rời sự sanh, có già chết không?”

“Bạch Thế Tôn, không”.

“A-nan, cho nên biết rằng, nguyên nhân của già chết, tập khởi của già chết, căn bản của già chết, duyên sanh của già chết⁷, gọi đó là sanh. Vì sao? Vì duyên nơi sanh nên có già chết.

“A-nan, duyên hữu có sanh. Đây nói là duyên hữu có sanh; nên biết, điều

⁵ Nguyên Hán: thọ 受.

⁶ Thuần đại khổ âm 純生大苦陰.

⁷ Nhân, tập, bản, duyên 因習本緣. Pāli: *hetu, samudayo, nidānaṃ, paccayo*: nguyên nhân, tập khởi, bản nguyên, điều kiện (nhân duyên). Các bản đều chép là 習 (tập quán), nhưng đối chiếu Pāli, nên hiểu là 集 (tập khởi).

được nói là duyên hữu có sanh.

“A-nan, nếu không có hữu, như cá và loài cá, chim và loài chim, muỗi và loài muỗi, rồng và loài rồng, thần và loài thần, quỷ và loài quỷ, trời và loài trời, người và loài người. A-nan, các loài chúng sanh như thế này hay như thế kia ấy, ở bất cứ nơi này hay nơi kia ; nếu không có sự hữu, mỗi loài và mỗi loài đều không có hữu, thì giả sử tách rời sự hữu, có sanh chăng?”

“Bạch Thế Tôn, không”.

“A-nan, cho nên biết rằng nguyên nhân của sanh, tập khởi của sanh, căn bản của sanh, duyên sanh của sanh, gọi đó là hữu. Vì sao? Vì duyên hữu nên có sanh.

“A-nan, duyên thủ có hữu. Đây nói là duyên thủ có hữu; nên biết, điều được nói là duyên thủ có hữu. A-nan, nếu không có thủ, mỗi loài và mỗi loài đều không có thủ, thì giả sử tách rời thủ, sẽ có hữu chăng? Thi thiết⁸ có hữu chăng?”

“Bạch Thế Tôn, không”.

“A-nan, cho nên biết rằng nguyên nhân của hữu, tập khởi của hữu, căn bản của hữu, duyên sanh của hữu, gọi đó là thủ. Vì sao? Vì duyên thủ nên có hữu.

“A-nan, duyên ái có thủ. Đây nói là duyên ái có thủ; nên biết, điều được nói là duyên ái có thủ. A-nan, nếu không có ái, mỗi loài và mỗi loài đều không có ái, giả sử tách rời ái, sẽ có thủ chăng? Thi thiết có thủ chăng?”

“Bạch Thế Tôn, không”.

“A-nan, cho nên biết rằng nguyên nhân của thủ, tập khởi của thủ, căn bản của thủ, duyên sanh của thủ, gọi đó là ái. Vì sao? Vì duyên ái nên có thủ.

[579a] “A-nan, đó là duyên ái có tâm cầu⁹, duyên tâm cầu có lợi đắc, duyên lợi đắc có phân phối, duyên phân phối có nhiễm dục, duyên nhiễm dục có đắm trước, duyên đắm trước có keo kiệt, duyên keo kiệt có tư hữu,

⁸ Hán: thi thiết 施設; Pl.: *paññatti*, quan niệm, có khái niệm hay *paññāyati*, được quan niệm, được khái niệm.

⁹ Duyên ái hữu cầu 緣愛有求. Pāli: *taṇham paṭicca pariyesanā*, duyên nói khát ái mà có tâm cầu.

duyên tư hữu có canh giữ¹⁰.

“A-nan, vì duyên canh giữ nên có dao gậy, đấu tranh, dua siểm, lừa gạt, nói láo, nói hai lưỡi, khởi lên vô lượng pháp ác bất thiện. Như vậy là trọn đủ toàn khối khổ đau to lớn.

“A-nan, nếu không có canh giữ, tất cả đều không có canh giữ, giả sử tách rời canh giữ sẽ có dao gậy, đấu tranh, dua siểm, lừa gạt, nói láo, nói hai lưỡi, khởi lên vô lượng pháp ác bất thiện chẳng?”

“Bạch Thế Tôn, không”.

“A-nan, cho nên biết rằng dao gậy, đấu tranh, dua siểm, lừa gạt, nói láo, nói hai lưỡi, khởi lên vô lượng pháp ác bất thiện, thì nhân của chúng, tập khởi của chúng, căn bản của chúng và duyên của chúng chính là bảo thủ vậy. Vì sao? Vì duyên bảo thủ nên có dao gậy, đấu tranh, dua siểm, lừa gạt, nói láo, nói hai lưỡi, khởi lên vô lượng pháp ác bất thiện. Như vậy là trọn đủ toàn khối khổ đau to lớn.

“A-nan, duyên tư hữu có canh giữ. Đây nói là duyên tư hữu có canh giữ; nên biết, điều được nói là duyên tư hữu có canh giữ. A-nan, nếu không có tư hữu, tất cả đều không có tư hữu, giả sử tách rời tư hữu, có canh giữ chẳng?”

“Bạch Thế Tôn, không”.

“A-nan, cho nên biết rằng nhân của canh giữ, tập khởi của canh giữ, căn bản nguyên của canh giữ, duyên của canh giữ, gọi đó là tư hữu vậy. Vì sao? Vì duyên tư hữu nên có canh giữ.

“A-nan, duyên keo kiệt có tư hữu. Đây nói là duyên keo kiệt có tư hữu; nên biết, điều được nói là duyên keo kiệt có tư hữu. A-nan, nếu không có keo kiệt, tất cả đều không có keo kiệt, giả sử tách rời keo kiệt, có tư hữu chẳng?”

“Bạch Thế Tôn, không”.

“A-nan, cho nên biết rằng nhân của tư hữu, tập khởi của tư hữu, căn bản

¹⁰Lợi, phân, nhiễm dục, trước, xan, gia, thủ 利分染欲著慳家守. Cf. No 1(13): lợi 利, dụng 用, dục 欲, trước 著, tật 嫉, thủ 守, hộ 護. Pāli: *labho* (lợi lộc), *vinicchayo* (quyết định, sử dụng), *chandarāgo* (ham muốn), *ajjhosānaṃ* (tham chấp), *pariggaho* (ôm giữ chặt), *macchariyaṃ* (keo lẩn), *ārakkho* (canh giữ).

của tư hữu, duyên của tư hữu, gọi đó là keo kiệt. Vì sao? Vì duyên keo kiệt nên có tư hữu.

“A-nan, duyên đấm trước có keo kiệt. Đây nói là duyên đấm trước có keo kiệt; nên biết, điều được nói là duyên đấm trước có keo kiệt. A-nan, nếu không có đấm trước, tất cả đều không có đấm trước, giả sử tách rời đấm trước, có keo kiệt chăng?”

“Bạch Thế Tôn, không”.

“A-nan, cho nên biết rằng nhân của keo kiệt, tập khởi của keo kiệt, căn bản của keo kiệt, duyên của keo kiệt, gọi đó là đấm trước. Vì sao? Vì duyên đấm trước nên có keo kiệt.

“A-nan, duyên đục có đấm trước. Đây nói là duyên đục có đấm trước; nên biết, điều được nói là duyên đục có đấm trước. A-nan, nếu không có đục, tất cả đều không có đục, giả sử tách rời đục, có đấm trước chăng?”

[579b]“Bạch Thế Tôn, không”.

“A-nan, cho nên biết rằng nhân của đấm trước, tập khởi của đấm trước, bản của đấm trước, duyên của đấm trước, gọi đó là đục. Vì sao? Vì duyên đục nên có đấm trước.

“A-nan, duyên phân phối có nhiễm đục. Đây nói là duyên phân phối có nhiễm đục; nên biết, điều được nói là duyên phân phối có nhiễm đục. A-nan, nếu không có phân phối, tất cả đều không có phân phối, giả sử tách rời phân phối, có nhiễm đục chăng?”

“Bạch Thế Tôn, không”.

“A-nan, cho nên biết rằng nhân của nhiễm đục, tập khởi của nhiễm đục, căn bản của nhiễm đục, gọi đó là phân phối. Vì sao? Vì duyên phân phối nên có nhiễm đục vậy.

“A-nan, duyên lợi đắc có phân phối. Đây nói là duyên lợi đắc có phân phối; nên biết, điều được nói là duyên lợi đắc có phân phối. A-nan, nếu không có lợi đắc, tất cả đều không có lợi đắc, giả sử tách rời lợi đắc, có phân phối chăng?”

“Bạch Thế Tôn, không”.

“A-nan, cho nên biết rằng nhân của phân phối, tập khởi của phân phối, bản của phân phối, duyên của phân phối gọi đó là lợi. Vì sao? Vì duyên lợi nên có phân phối.

“A-nan, duyên tầm cầu có lợi đắc. Đây nói là duyên tầm cầu có lợi đắc; nên biết, điều được nói là duyên tầm cầu có lợi đắc. A-nan, nếu không có tầm cầu, tất cả đều không có tầm cầu, giả sử tách rời tầm cầu, có lợi đắc chăng?”

“Bạch Thế Tôn, không”.

“A-nan, nhân của lợi đắc, tập khởi của lợi, căn bản của lợi đắc, duyên của lợi đắc, gọi đó là tầm cầu. Vì sao? Vì duyên tầm cầu cho nên có lợi đắc.

“A-nan, duyên ái có tầm cầu. Đây nói là duyên ái có tầm cầu; nên biết, điều được nói là duyên ái có tầm cầu.

“A-nan, nếu không có ái, tất cả đều không có ái, thì giả sử tách rời ái, có tầm cầu chăng?”

“Bạch Thế Tôn, không”.

“A-nan, cho nên biết rằng nhân của tầm cầu, tập khởi của tầm cầu, căn bản của tầm cầu, duyên của tầm cầu, gọi đó là ái. Vì sao? Vì duyên ái nên có tầm cầu.

“A-nan, dục ái và hữu ái, hai pháp¹¹ này nhân thọ¹², duyên thọ đưa đến.

“A-nan, nếu có người hỏi ‘Thọ có duyên không?’ Hãy trả lời rằng ‘Thọ cũng có duyên’. Nếu có người hỏi ‘Thọ có duyên gì?’ Hãy trả lời rằng ‘Thọ duyên với xúc’¹³ nên biết rằng: duyên xúc có thọ.

“A-nan, nếu không có nhãn xúc, tất cả đều không có nhãn xúc, giả sử tách rời nhãn xúc sẽ có duyên nhãn xúc mà sanh ra lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ chăng?”

“Bạch Thế Tôn, không”.

“A-nan, nếu không có nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc, tất cả đều không có ý xúc, giả sử [579c] tách rời ý xúc sẽ có duyên ý xúc mà sanh ra lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ chăng?”

“Bạch Thế Tôn, không”.

“A-nan, cho nên biết rằng nhân của thọ, tập khởi của thọ, căn bản của thọ,

¹¹ Dục ái và hữu ái 欲愛 有愛. No 1(13), ba ái: dục, hữu và vô sắc. Pl.: sáu ái thân: sắc, thanh, hương,...

¹² Nguyên Hán: giác 覺.

¹³ Cánh lạc 更樂.

duyên của thọ, gọi đó là xúc. Vì sao? Vì duyên xúc nên có thọ vậy.

“A-nan, nếu có người hỏi ‘Xúc có duyên không?’ Hãy trả lời rằng ‘Xúc có duyên’. Nếu có người hỏi ‘Xúc có duyên gì?’ Hãy trả lời rằng ‘Duyên danh sắc’. Nên biết rằng duyên danh sắc có xúc.

“A-nan, do sở hành, sở duyên¹⁴ mà biết có danh thân¹⁵. Rồi hành này, ly duyên này thì có hữu đối xúc¹⁶ chăng?”

“Bạch Thế Tôn, không”.

“A-nan, do sở hành, sở duyên mà biết có sắc thân. Rồi hành này, ly duyên này thì có tăng ngữ xúc chăng?¹⁷”

“Bạch Thế Tôn, không”.

“Giả sử rời danh thân và sắc thân thì sẽ có xúc, có thi thiết xúc chăng?”

“Bạch Thế Tôn, không”.

“A-nan, cho nên biết rằng nhân của xúc, tập khởi của xúc, căn bản của xúc, duyên của xúc, gọi đó là danh sắc. Vì sao? Vì duyên danh sắc nên có xúc.

“A-nan, nếu có người hỏi ‘Danh sắc có duyên chăng?’ Hãy trả lời rằng ‘Danh sắc có duyên’. Nếu có người hỏi ‘Danh sắc có duyên gì?’ Hãy trả lời rằng ‘Duyên thức’. Nên biết rằng duyên thức có danh sắc.

“A-nan, nếu thức không vào thai mẹ mà chỉ có danh sắc, thì có thành thân này chăng?”

“Bạch Thế Tôn, không”.

“A-nan, nếu thức mới vào thai, liền ra tức khắc thì danh sắc hợp với tinh

¹⁴ Sở hành, sở duyên 所行 所緣. Hành tướng hay hình thái hoạt động, và đối tượng hoạt động. Xem cht. dưới.

¹⁵ Pāli: *ākārehi yehi lingeḥi yehi... nāmakāyassa paññatti hoti*, do bởi những hình thái, những tướng mạo... mà có khái niệm về danh thân.

¹⁶ Hữu đối cánh lạc 有對更樂; xúc chạm có đối ngại, sự xúc chạm gây phản ứng trên các giác quan. Xem *Câu-xá* 10 (Ch.iii, tụng 30). No.1 (13): tâm xúc. Pāli: *paṭigha-samphassa*.

¹⁷ Tăng ngữ xúc 增語觸, tác động của ngôn từ trên nhận thức. Cũng gọi là danh mục xúc. No.1(13):tâm xúc 心觸. Xem cht. 14 No 1(13). Pāli: *adhivacana-samphassa*.

chăng?”

“Bạch Thế Tôn, không”.

“A-nan, nếu thức của trẻ nhỏ, con trai hay con gái, bị đoạn hoại không còn, thì danh sắc tăng trưởng dần được chăng?”

“Bạch Thế Tôn, không”.

“A-nan, cho nên biết rằng nhân của danh sắc, tập khởi của danh sắc, căn bản của danh sắc, duyên của danh sắc, gọi đó là thức. Vì sao? Vì duyên thức nên có danh sắc.

“A-nan, nếu có người hỏi ‘Thức có duyên chăng?’ Hãy trả lời rằng ‘Thức có duyên’. Nếu có người hỏi ‘Thức có duyên gì?’ Hãy trả lời rằng ‘Duyên danh sắc’. Nên biết rằng duyên danh sắc có thức.

“A-nan, nếu thức không có danh sắc, nếu thức không an lập, không dựa vào danh sắc thì thức có sanh, có già, có bệnh, có chết chăng? Có khổ chăng?”

“Bạch Thế Tôn, không”.

“A-nan, cho nên biết rằng nhân của thức, tập khởi của thức, căn bản của thức, duyên của thức, gọi đó là danh sắc. [580a] Vì sao? Vì duyên danh sắc nên có thức.

“A-nan, đó là duyên danh sắc có thức; duyên thức cũng có danh sắc; trong giới hạn đó mà có tăng ngữ, do tăng ngữ có truyền thuyết, do truyền thuyết mà có thể thi thiết là có, nghĩa là thức và danh sắc cùng đi đôi vậy¹⁸.

“A-nan, thế nào là có một loại kiến chấp có thần ngã?¹⁹”

¹⁸ Tham chiếu Pāli: *ettāvata...jāyetha vā... cavetha vā upapajjetha vā ettāvata adhivacanapatho ettāvata niruttipatho ettāvata paññattipatho...ettāvata vattam vattati itthattam paññāpanāya yadidam nāmarūpaṃ saha viññāṇena aññamaññapaccayatā pavattati*; trong giới hạn có thể sanh, có thể chết, có thể tái sanh; trong giới hạn ấy có con đường danh ngôn, con đường truyền thuyết, con đường khái niệm; trong giới hạn ấy là sự lưu chuyển từ trạng thái này sang trạng thái khác, tức là danh sắc cùng với thức hỗ tương làm duyên cho nhau...

¹⁹ Nhất kiến hữu thần 一見有神. Pāli: *kittāvata... attānaṃ samanupassamāno samanupassati*, cho đến mức nào quan niệm về tự ngã được quan sát?

Tôn giả A-nan bạch Đức Thế Tôn:

“Thế Tôn là Pháp bản, Thế Tôn là Pháp chủ, Pháp do Thế Tôn, cúi xin Thế Tôn nói điều đó. Con nay nghe xong, được biết ý nghĩa một cách rộng rãi”.

Phật nói:

“A-nan, hãy lắng nghe kỹ. Hãy khéo hý luận kỹ! Ta sẽ phân biệt cho ông nghe ý nghĩa một cách rộng rãi”.

Tôn giả A-nan vâng lời dạy, lắng nghe.

Phật nói:

“A-nan, hoặc có kiến chấp thọ là ngã²⁰. Hoặc lại có kiến chấp không cho rằng thọ là ngã, nhưng thần ngã có cảm thọ, mà tính cách của ngã là khả năng cảm thọ. Hoặc lại có kiến chấp không cho rằng thọ là ngã và cũng không cho rằng ngã có cảm thọ, vì tính cách của ngã là khả năng cảm thọ, mà chỉ cho rằng ngã không cảm thọ gì cả.

“A-nan, Nếu có người cho rằng ‘thọ là thần ngã’, thì nên hỏi người ấy rằng ‘Ông có ba cảm thọ: lạc thọ, khổ thọ và không khổ không lạc thọ; trong ba cảm thọ này, ông cho thọ nào là ngã?’ A-nan, nên nói tiếp với người ấy ‘Nếu lúc có cảm thọ về lạc thọ, thì ngay lúc ấy hai cảm thọ kia, khổ thọ và không khổ không lạc thọ, diệt mất. Lúc ấy chỉ có cảm thọ về lạc thọ, nhưng lạc thọ là pháp vô thường, khổ, hoại diệt’. Nếu khi lạc thọ diệt rồi thì người ấy há không nghĩ rằng ‘Chẳng phải là ngã diệt chẳng?’ A-nan, nếu chỉ có cảm thọ về khổ thọ, thì lúc ấy hai cảm thọ kia, lạc thọ và không khổ không lạc thọ, diệt mất. Người ấy lúc đó chỉ có cảm thọ về khổ thọ, nhưng khổ thọ là pháp vô thường, khổ, hoại diệt. Nếu khổ thọ đã diệt thì người ấy há không nghĩ rằng ‘Chẳng phải là ngã diệt chẳng?’ A-nan, nếu chỉ có cảm thọ về bất khổ bất lạc thọ thì lúc ấy cả hai cảm thọ kia, lạc thọ và khổ thọ, diệt mất. Người ấy lúc đó chỉ có cảm giác về không khổ không lạc thọ, nhưng không khổ không lạc thọ là pháp vô thường, khổ, hoại diệt. Nếu không khổ không lạc thọ đã diệt thì người ấy há không nghĩ rằng ‘Chẳng phải là ngã diệt chẳng?’ A-nan, thọ là pháp vô thường như vậy, khi khổ khi lạc²¹, há lại còn chấp rằng thọ là ngã

²⁰ Giác thị thần 覺是神. Pāli: *vedanā me attā*, cảm thọ là tự ngã của tôi.

²¹ Đề bản: ly 離. TNM: tạp. Pī: *aniccasukhadukkhacokinnam*, nó là vô thường, xen

chăng?”

“Bạch Thế Tôn, không”.

“A-nan, thọ vô thường như vậy, khi khổ khi lạc, không nên chấp rằng thọ là ngã.”

“A-nan, lại có một loại kiến chấp không cho rằng thọ là ngã, nhưng ngã có cảm thọ vì tính cách của ngã là khả năng cảm thọ,²² [580b] thì nên nói với người ấy: ‘Nếu ông không có thọ, thì thọ không thể có, không thể nói rằng cái này là sở hữu của tôi.’²³ A-nan, người kia còn chấp như vậy ‘Thọ không phải là ngã, nhưng ngã có cảm thọ, vì tính cách của ngã là khả năng cảm thọ’ nữa chăng?”

“Bạch Thế Tôn, không”.

“A-nan, cho nên người kia không nên chấp như vậy ‘Thọ không phải là ngã, nhưng ngã có cảm thọ, vì tính cách của ngã là khả năng cảm thọ’.

“A-nan, nếu lại có một loại kiến chấp không cho rằng thọ là ngã, cũng không cho rằng ngã có cảm thọ vì tính cách của ngã là khả năng cảm thọ, mà chỉ chấp rằng ngã không cảm thọ gì cả, thì nên nói với người ấy ‘Nếu ông không có cảm thọ, ông sẽ không cảm nhận được bất cứ gì cái cả; nhưng nếu ngã tách rời cảm thọ, thì không thể nói: ngã thanh tịnh’.²⁴ A-nan, người kia còn chấp ‘Thọ không phải là ngã, cũng không chấp ngã có cảm thọ vì tính cách của ngã là khả năng cảm thọ, mà chỉ chấp ngã hoàn toàn không có cảm thọ’ nữa chăng?”

lẫn. khổ lạc.

²² Pl.: *na kho me vedanā attā, nopi appaṭisaṃvedano me attā, attā me vediyati, vedanā dhammo hi me attā’ ti*, “ngã của tôi không phải là thọ; nhưng không phải ngã của tôi không có cảm thọ; ngã của tôi biết cảm thọ; ngã của tối tinh chất cảm thọ (thọ pháp).”

²³ Pl.: *vedanā ca hi sabbena sabbam sabbathā sabbam aparisesā nirujjheyym ... nu kho tattha ayam aham asmi ti siyā ti?* Nếu tất cả thọ hoàn toàn diệt tận vô dư, ở đó có thể nói “tôi đang hiện hữu” được chăng?

²⁴ Thần thanh tịnh 神清淨. Không rõ ý. Có lẽ nên hiểu: “Tôi đang thanh tịnh” hay “Ngã của tôi là thanh tịnh.” Cf. Pl.: *yattha sabbaso vedayitam natthi api nu kho tattha ayam aham asmī ti siyā ti?* Nơi nào hoàn toàn không có cái gì được cảm thọ, nơi ấy có thể nói: tôi đang hiện hữu, được chăng?”

“Bạch Thế Tôn, không”.

“A-nan, cho nên người kia không nên chấp như vậy ‘Thọ không phải là ngã, cũng không chấp ngã có cảm thọ vì tính cách của ngã là khả năng cảm thọ, mà chỉ chấp ngã hoàn toàn không có cảm thọ’. Đó gọi là một loại kiến chấp có ngã.

“A-nan, Thế nào là có loại không kiến chấp rằng có ngã?”

Tôn giả A-nan bạch Đức Thế Tôn:

“Thế Tôn là Pháp bản, Thế Tôn là Pháp chủ, Pháp do Thế Tôn. Cúi xin Thế Tôn nói điều đó. Con nay nghe rồi được biết ý nghĩa rộng rãi”.

Phật bảo:

“A-nan, Hãy lắng nghe kỹ. Hãy khéo hý luận kỹ. Ta sẽ phân biệt cho thầy nghe ý nghĩa một cách rộng rãi”.

Tôn giả A-nan vâng lời dạy, lắng nghe.

Phật nói:

“A-nan, ở đây có người không cho rằng ‘Thọ là ngã, cũng không cho rằng ngã có cảm thọ vì tính cách của ngã là khả năng cảm thọ và cũng không cho rằng ngã hoàn toàn không có cảm thọ’. Người ấy do không chấp như vậy nên không còn thọ sanh ở thế gian này. Người ấy do không còn thọ sanh nên không còn phiền lụy. Do không phiền lụy mà Bát-niết-bàn, biết một cách như thật rằng ‘Sự sanh đã hết, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’.

“A-nan, đó gọi là tăng ngữ, do tăng ngữ có truyền thuyết, do truyền thuyết mà thi thiết là có. Biết như vậy thì không còn gì để chấp thủ.

“A-nan, nếu Tỳ-kheo chánh giải thoát như vậy thì không có kiến chấp rằng Như Lai còn hay Như Lai không còn sau khi chết²⁵; chấp Như Lai vừa còn, vừa không còn; Như Lai không phải còn hay không còn. Đó gọi là có một loại không thấy có ngã.

“A-nan, thế nào là có một quan niệm có thần ngã được chủ trương?²⁶

Tôn giả A-nan bạch Phật rằng:

²⁵ Như Lai chung bất chung.

²⁶ Hán:hữu thần thi thiết nhi thi thiết 有神施設而施設. Pl. *attānaṃ paññapento paññapeti*.

“Thế Tôn là Pháp bản, Thế Tôn là Pháp chủ, pháp do Thế Tôn. Cúi xin Thế Tôn nói điều đó. Con nay nghe rồi biết ý nghĩa rộng rãi”.

[580c] Phật bảo:

“A-nan, hãy lắng nghe kỹ. Hãy khéo hý luận kỹ! Ta sẽ phân biệt cho thầy nghe ý nghĩa một cách rộng rãi”.

Tôn giả A-nan vâng lời, lắng nghe.

Phật nói:

“Hoặc có chủ trương với quan niệm ngã có sắc, có hạn lượng²⁷; hoặc có chủ trương với quan niệm ngã không phải là có sắc, có hạn lượng mà là không hạn lượng; hoặc có chủ trương với quan niệm ngã không phải là có sắc, có hạn lượng, cũng không phải là có sắc không hạn lượng, mà ngã là không sắc, có hạn lượng; hoặc có chủ trương với quan niệm ngã không phải là có sắc, hạn lượng, cũng không phải là có sắc không hạn lượng, cũng không phải là không có sắc, có hạn lượng, mà là không sắc không hạn lượng.

“A-nan, trường hợp chủ trương với quan niệm ngã có sắc có hạn lượng, người ấy chủ trương quan niệm ngã trong hiện tại là có sắc có hạn lượng, khi thân hoại mạng chung người ấy nói nó cũng như vậy, thấy nó cũng như vậy. Nếu khi ngã tách ngoài sắc nhỏ hẹp này, người ấy cũng suy niệm như vậy, tư duy nó như vậy, như vậy.²⁸ A-nan, đó là trường hợp chủ trương với quan niệm ngã có sắc với lượng ít. Như vậy, có trường hợp cho rằng ngã có sắc, có hạn lượng mà chấp trước.

“A-nan, trường hợp chủ trương với quan niệm ngã không phải là có sắc với lượng ít mà là có sắc không hạn lượng, người ấy trong hiện tại với vô lượng sắc này mà quan niệm ngã được chủ trương, và khi thân hoại mạng chung cũng nói nó như vậy, cũng thấy nó như vậy. Nếu khi ngã tách khỏi vô lượng sắc, người ấy cũng suy niệm như vậy, tư duy nó như vậy, như vậy. A-nan, đó là trường hợp chủ trương với quan niệm ngã có sắc không hạn lượng. Như vậy, có trường hợp cho rằng ngã có sắc, không hạn

²⁷ Hán: thiếu sắc thi thần thi thiết 少色是神施設. Pl.: *rūpī me paritto attā*, tự ngã của tôi là có sắc, có hạn lượng

²⁸ Pl.: *atatham vā santam tathattāya upakappessāmi*, “nếu không như thế, tôi sẽ cố gắng để như thế.” (Sớ giải: *upakappessāmi* = *sampādessāmi*).

lượng mà chấp trước.

“A-nan, trường hợp chủ trương với quan niệm ngã không phải là có sắc với hạn lượng ít cũng không phải là có sắc vô lượng, mà ngã là vô sắc với lượng ít, người ấy, trong hiện tại, căn cứ vào vô sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương, khi thân hoại mạng chung cũng nói nó như vậy, cũng thấy nó như vậy. Nếu khi ngã rời khỏi vô sắc nhỏ hẹp, người ấy suy niệm như vậy, tư duy nó như vậy, như vậy. A-nan, đó là trường hợp chủ trương với quan niệm ngã là không có sắc với lượng ít. Như vậy có trường hợp cho rằng ngã không sắc, có hạn lượng mà chấp trước.

“A-nan, trường hợp chủ trương với quan niệm ngã không phải là có sắc với lượng ít, cũng không phải là có sắc không hạn lượng, [581a] cũng không phải là không có sắc với lượng ít, mà là không có sắc không hạn lượng, người ấy trong hiện tại, với vô lượng vô sắc mà quan niệm ngã được chủ trương, khi thân hoại mạng chung cũng nói nó như vậy, cũng thấy nó như vậy. Nếu khi ngã rời khỏi vô lượng vô sắc, người ấy suy niệm như vậy, tư duy nó như vậy, như vậy. A-nan, đó là trường hợp chủ trương với quan niệm ngã là vô sắc vô lượng. Như vậy, có trường hợp cho rằng ngã không sắc không hạn lượng mà chấp trước.

“A-nan, như vậy là trường hợp quan niệm ngã được chủ trương.

“A-nan, thế nào là trường hợp quan niệm vô ngã được chủ trương?

Tôn giả A-nan bạch Đức Thế Tôn:

“Thế Tôn là Pháp bản, Thế Tôn là Pháp chủ, Pháp do Thế Tôn. Cúi mong Thế Tôn nói điều đó. Con nay nghe rồi được biết ý nghĩa rộng rãi”.

Phật bảo:

“A-nan, hãy lắng nghe kỹ. Hãy khéo hý luận kỹ! Ta sẽ phân biệt cho người nghe ý nghĩa một cách rộng rãi”.

Tôn giả A-nan vâng lời dạy, lắng nghe.

Phật nói:

“A-nan, ở đây là trường hợp không chủ trương với quan niệm ngã có sắc, có hạn lượng; cũng không chủ trương với quan niệm ngã có sắc không hạn lượng; cũng không chủ trương với quan niệm ngã không có sắc, có hạn lượng; cũng không chủ trương với quan niệm ngã không sắc không hạn lượng.

“A-nan, ở đây trường hợp không chủ trương với quan niệm ngã có sắc,

có hạn lượng, người ấy trong hiện tại không căn cứ vào sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương; khi thân hoại mạng chung cũng không nói nó như vậy, cũng không thấy nó như vậy. Nếu khi ngã rời khỏi sắc nhỏ hẹp, người ấy không suy niệm như vậy, cũng không tư duy nó như vậy, như vậy. A-nan, đó là trường hợp không chủ trương với quan niệm ngã có sắc, không hạn lượng. Như vậy, có trường hợp không cho rằng ngã có sắc, có hạn lượng để mà chấp trước.

“A-nan, ở đây trường hợp không chủ trương với quan niệm ngã có sắc không hạn lượng, người ấy, trong hiện tại không căn cứ vào sắc vô lượng mà quan niệm ngã được chủ trương, khi thân hoại mạng chung cũng không nói nó như vậy, cũng không thấy nó như vậy. Nếu khi ngã rời sắc vô lượng, người ấy không suy niệm như vậy, cũng không tư duy nó như vậy, như vậy. A-nan, đó là trường hợp không chủ trương với quan niệm ngã có sắc không hạn lượng. Như vậy, có trường hợp không cho rằng ngã có sắc, không hạn lượng để mà chấp trước.

“A-nan, ở đây trường hợp không chủ trương với quan niệm ngã không có sắc, có hạn lượng, người ấy, trong hiện tại không căn cứ vào không sắc, có hạn lượng mà [581b] quan niệm ngã được chủ trương, khi thân hoại mạng chung người ấy không nói nó cũng như vậy, không thấy nó cũng như vậy. Nếu khi ngã rời khỏi vô sắc nhỏ hẹp, người ấy không suy niệm như vậy, cũng không tư duy nó như vậy, như vậy. A-nan, đó là trường hợp không chủ trương với quan niệm ngã không có sắc, có hạn lượng. Như vậy, có trường hợp không cho rằng ngã không sắc, có hạn lượng để mà chấp trước.

“A-nan, ở đây trường hợp không chủ trương ngã không sắc không hạn lượng, người ấy, trong hiện tại, không căn cứ vào không sắc không hạn lượng mà quan niệm ngã được chủ trương. Khi thân hoại mạng chung người ấy không nói nó cũng như vậy, không thấy nó cũng như vậy. Nếu khi ngã rời khỏi vô sắc vô lượng, người ấy không suy niệm như vậy, cũng không tư duy nó như vậy, như vậy. A-nan, đó là trường hợp không chủ trương ngã không có sắc không hạn lượng. Như vậy, có trường hợp không cho rằng ngã không sắc, không hạn lượng để mà chấp trước.

“A-nan, đó gọi là có một loại quan niệm vô ngã được chủ trương.

“Lại nữa, này A-nan, có bảy trú xứ của thức²⁹ và hai xứ³⁰. Thế nào là bảy trú xứ của thức? Chúng sanh hữu sắc³¹ với các chủng loại thân khác nhau, các chủng loại tướng khác nhau, ấy là loài người và loài trời cõi Dục. Đó là trú xứ thứ nhất của thức.

“Lại nữa, này A-nan, chúng sanh hữu sắc với các chủng loại thân khác nhau, nhưng chỉ có một loại tướng, ấy là Phạm thiên sơ sanh không yếu thọ³². Gọi đó là trú xứ thứ hai của thức.

“Lại nữa, này A-nan, chúng sanh hữu sắc với một loại thân nhưng nhiều chủng loại tướng, ấy là Hoảng dục thiên³³. Gọi đó là trú xứ thứ ba của thức.

“Lại nữa, này A-nan, chúng sanh hữu sắc với một thân, với một loại tướng, ấy là Biến tịnh thiên. Gọi đó là trú xứ thứ tư của thức.

“Lại nữa, này A-nan, chúng sanh vô sắc, vượt qua tất cả sắc tướng, diệt trừ hữu đối tượng, không tư duy các loại tướng, vào Không vô biên xứ, thành tựu an trú Không vô biên xứ, ấy là Không vô biên xứ thiên. Gọi đó là trú xứ thứ năm của thức.

“Lại nữa, này A-nan, chúng sanh vô sắc, vượt qua tất cả Không vô biên xứ, vào Thức vô biên xứ, thành tựu an trú Thức vô biên xứ, ấy là Thức vô biên xứ thiên. Gọi đó là trú xứ thứ sáu của thức.

“Lại nữa, này A-nan, chúng sanh vô sắc, vượt qua tất cả vô lượng thức tướng, vào Vô sở hữu xứ, thành tựu an trú Vô sở hữu xứ, ấy là Vô sở hữu xứ thiên. Gọi đó là trú xứ thứ bảy của thức.

“Thế nào là có hai xứ? Chúng sanh hữu sắc không có tướng, không có thọ, ấy là Vô tướng thiên. Gọi đó là xứ thứ nhất.

“Lại nữa, này A-nan, chúng sanh vô sắc vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, vào Phi tướng phi phi tướng xứ, [581c] thành tựu an trú Phi tướng phi phi tướng xứ, ấy là Phi tướng phi phi tướng thiên. Gọi đó là xứ thứ hai³⁴.

²⁹ Thất thức trú 七識住. Pāli: *satta viññāṇaṭṭhitiya*.

³⁰ Nhị xứ 二處. N.1 (13): nhị nhập xứ. Pāli: *dve āyatanāni*.

³¹ Hữu sắc “vì có sắc uẩn” (*Tập dị 17*. No.1536, Đại 26, trang 437c).

³² *Tập dị 17* ibid.: Phạm chúng thiên vào thời sáng thế.

³³ Hoảng dục thiên, tức Quang âm thiên hay Cực quang thiên. Pāli: *Ābhassarā*.

³⁴ Vô tướng thiên và Phi hữu tướng phi vô tướng xứ thiên, không được gọi là trú

“A-nan, đối với trụ xứ thứ nhất của thức, chúng sanh hữu sắc với các chủng loại thân, với các chủng loại tướng, là loài người và loài trời cõi Dục; nếu có Tỳ-kheo biết như thật trụ xứ ấy của thức, biết sự tập khởi của trụ xứ của thức, biết sự diệt tận, vị ngọt, tai hoạn, biết xuất yếu, thì này A-nan, Tỳ-kheo kia có thể vui thích nơi trụ xứ của thức ấy, chấp trước và trụ nơi trụ xứ ấy của thức chăng?”

“Bạch Thế Tôn, không”.

“A-nan, đối với trụ xứ thứ hai của thức, chúng sanh hữu sắc với các chủng loại thân nhưng một chủng loại tướng, là Phạm thiên sơ sanh không yếu thọ; nếu có Tỳ-kheo biết như thật trụ xứ ấy của thức, biết sự tập khởi của trụ xứ ấy của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết tai hoạn, biết xuất yếu, thì này A-nan, Tỳ-kheo ấy có thể hoan lạc nơi trụ xứ kia của thức, kể trước và trụ nơi trụ xứ kia của thức chăng?”

“Bạch Thế Tôn, không”.

“A-nan, đối với trụ xứ thứ ba của thức, chúng sanh hữu sắc với một loại thân nhưng nhiều chủng loại tướng, ấy là Hoảng dục thiên. Nếu có Tỳ-kheo biết như thật trụ xứ ấy của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết tai hoạn, biết xuất yếu, thì này A-nan, Tỳ-kheo ấy có thể hoan lạc nơi trụ xứ kia của thức, kể trước và trụ nơi trụ xứ kia của thức chăng?”

“Bạch Thế Tôn, không”.

“A-nan, đối với trụ xứ thứ tư của thức, chúng sanh hữu sắc với một loại thân, với một loại tướng, ấy là Biến tịnh thiên. Nếu có Tỳ-kheo biết như thật trụ xứ ấy của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết tai hoạn, biết xuất yếu, thì này A-nan, Tỳ-kheo ấy có thể hoan lạc nơi trụ xứ kia của thức, kể trước và trụ nơi trụ xứ kia của thức chăng?”

“Bạch Thế Tôn, không”.

“A-nan, đối với trụ xứ thứ năm của thức, chúng sanh vô sắc, vượt qua tất cả sắc tướng, diệt trừ hữu đối tượng, không tư duy các loại tướng, vào Không vô biên xứ, thành tựu an trụ Không vô biên xứ, ấy là Không vô biên xứ thiên. Nếu có Tỳ-kheo biết như thật trụ xứ ấy của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết tai hoạn, biết xuất yếu, này A-nan, vị Tỳ-kheo ấy có thể hoan lạc nơi trụ xứ kia của thức, kể trước và trụ nơi trụ xứ kia

xứ của thức vì hai nơi này thức không hiện khởi.

của thức chãng?

“Bạch Thế Tôn, không”.

“A-nan, đối với trụ xứ thứ sáu của thức, chúng sanh vô sắc vượt tất cả Không vô biên xứ, vào Thức vô biên xứ, thành tựu an trụ Thức vô biên xứ, ấy là Thức vô biên xứ thiên. Nếu có Tỳ-kheo biết như thật trụ xứ ấy của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết tai hoạn, biết xuất yếu, thì này A-nan, Tỳ-kheo ấy có thể an lạc nơi trụ xứ kia của thức, kể trước và trụ nơi trụ xứ kia của thức chãng?”

“Bạch Thế Tôn, không”.

“A-nan, đối với trụ xứ thứ bảy của thức, [582a] chúng sanh vô sắc vượt qua tất cả vô lượng thức tưởng, vào Vô sở hữu xứ, thành tựu an trụ Vô sở hữu xứ, ấy là Vô sở hữu xứ thiên. Nếu có Tỳ-kheo biết như thật trụ xứ của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết tai hoạn, biết xuất yếu, thì này A-nan, vị Tỳ-kheo ấy có thể hoan lạc nơi trụ xứ kia của thức, kể trước và trụ nơi trụ xứ kia của thức chãng?”

“Bạch Thế Tôn, không”.

“A-nan, đối với trụ xứ thứ nhất, chúng sanh hữu sắc không có tướng, không có thọ, ấy là Vô tướng thiên. Nếu có Tỳ-kheo biết như thật trụ xứ ấy của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết tai hoạn, biết xuất yếu, thì này A-nan, Tỳ-kheo ấy có thể hoan lạc nơi trụ xứ kia của thức, kể trước và trụ nơi trụ xứ kia của thức chãng?”

“Bạch Thế Tôn, không”.

“A-nan, đối với trụ xứ thứ hai của thức, chúng sanh vô sắc, vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ, thành tựu an trụ Phi tưởng phi phi tưởng xứ, ấy là Phi tưởng phi phi tưởng thiên. Nếu có Tỳ-kheo biết như thật xứ ấy của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết tai hoạn, biết xuất yếu, thì này A-nan, Tỳ-kheo ấy có thể hoan lạc nơi xứ kia của thức, kể trước và trụ nơi xứ kia của thức chãng?”

“Bạch Thế Tôn, không”.

“A-nan, nếu có Tỳ-kheo biết như thật bảy trụ xứ của thức và hai xứ kia, tâm không nhiễm trước, được giải thoát thì gọi là Tỳ-kheo A-la-hán, được gọi là tuệ giải thoát.

“Lại nữa, này A-nan, có tám giải thoát.

“Những gì là tám?”

“Có sắc, quán sắc, đó là giải thoát thứ nhất.

“Lại nữa, bên trong không sắc tướng, bên ngoài quán sắc, đó là giải thoát thứ hai.

“Lại nữa, với tịnh giải thoát, tự thân chứng ngộ, thành tựu an trụ, đó là giải thoát thứ ba.

“Lại nữa, vượt qua tất cả sắc tướng, diệt trừ hữu đối tượng, không tư duy các loại tướng, vào Không vô biên xứ, thành tựu an trụ không vô biên xứ, đó là giải thoát thứ tư.

“Lại nữa, vượt qua tất cả Không vô biên xứ, vào Thức vô biên xứ, thành tựu an trụ thức vô biên xứ, đó là giải thoát thứ năm.

“Lại nữa, vượt qua tất cả Thức vô biên xứ, vào Vô sở hữu xứ, thành tựu an trụ Vô sở hữu xứ, đó là giải thoát thứ sáu.

“Lại nữa, vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, vào Phi tướng phi phi tướng xứ, thành tựu an trụ Phi tướng phi phi tướng xứ, đó là giải thoát thứ bảy.

“Lại nữa, vượt qua tất cả Phi tướng phi phi tướng xứ, tướng thọ diệt giải thoát, tự thân chứng ngộ, thành tựu an trụ, đó là giải thoát thứ tám.

[582b]“A-nan, Tỳ-kheo biết như thật về bảy trụ xứ của thức và hai xứ kia, tâm không nhiễm trước, được giải thoát, thành tựu an trụ và với tám giải thoát này, thuận và nghịch mà tự thân chứng ngộ, thành tựu an trụ và cũng do tuệ quán mà diệt tận các lậu, đó là Tỳ-kheo A-la-hán, được gọi Câu giải thoát³⁵.”

Phật thuyết như vậy. Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



³⁵ Xem, kinh số 195.

98. KINH NIỆM XỨ¹

Tôi nghe như vậy.

Một thời Đức Phật trú tại Câu-lâu-sấu, ở Kiêm-ma-sát-đàm, một đô ấp của Câu lâu.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có một con đường¹ tịnh hóa chúng sanh, vượt qua lo sợ, diệt trừ khổ não, chấm dứt kêu khóc, chứng đắc Chánh pháp. Đó là Bốn niệm xứ.

“Các Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác ở quá khứ đều đoạn trừ năm triền cái, tâm ô uế, tuệ yếu kém, lập tâm chánh trụ nơi Bốn niệm xứ, tu Bảy giác chi mà chứng quả giác ngộ Vô thượng chánh tận.

“Các Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác ở vị lai cũng đều đoạn trừ năm triền cái là thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, lập tâm chánh trụ nơi Bốn niệm xứ, tu Bảy giác chi mà chứng quả giác ngộ.

“Ta nay trong hiện tại, là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Ta cũng đều đoạn trừ năm triền cái làm tâm ô uế, tuệ yếu kém. Ta cũng lập tâm chánh trụ nơi Bốn niệm xứ, tu Bảy giác chi mà chứng quả giác ngộ Vô thượng chánh tận.

“Bốn niệm xứ là những gì? Đó là, quán thân như thân, quán thọ² như thọ, quán tâm như tâm và quán pháp như pháp.

“Thế nào gọi là niệm xứ quán thân như thân³?

“Tỳ-kheo khi đi thì biết mình đi, đứng thì biết mình đứng, ngồi thì biết mình ngồi, nằm thì biết mình nằm, ngủ thì biết mình ngủ, thức thì biết mình thức, ngủ say thì biết mình ngủ say. Tỳ-kheo như vậy, quán thân trên nội thân; quán thân trên ngoại thân; dựng niệm trên thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

“Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân; Tỳ-kheo biết rõ chính xác khi vào lúc ra, khi co lúc duỗi, khi cúi lúc ngẩng, nghi dung chừng chặc, khéo khoác tăng-già-lê và cầm bát; đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói năng,

¹ Nhất đạo 一道; No.125 (12.1): Nhất nhập đạo. Pāli: *ekāyano maggo*, con đường độc đạo.

² Giác.

³ Quán thân như thân 觀身如身. Pāli: *kāye kāyanupassī*.

im lặng đều biết rõ chính xác. Tỳ-kheo như vậy, quán thân trên nội thân; quán thân trên ngoại thân; dụng niệm trên thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

“Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân; [582c] Tỳ-kheo khi sanh niệm ác bất thiện, liền niệm điều thiện để đối trị, đoạn trừ, tiêu diệt, tĩnh chỉ. Như người thợ mộc hoặc học trò thợ mộc, kéo thẳng dây mực, búng lên thân cây rồi dùng búa bén mà đẽo cho thẳng. Cũng vậy, Tỳ-kheo khi sanh niệm ác bất thiện liền niệm điều thiện để đối trị, đoạn trừ. Tỳ-kheo như vậy, quán thân trên nội thân; quán thân trên ngoại thân; dụng niệm trên thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

“Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân; Tỳ-kheo răng ngậm khít lại, lưỡi ấn lên khẩu cái, dùng tâm trị tâm, đối trị, đoạn trừ, tiêu diệt, tĩnh chỉ. Như hai lực sĩ bắt một người yếu mang đi khắp nơi, tự do đánh đập. Cũng vậy, Tỳ-kheo răng ngậm khít lại, lưỡi ấn lên khẩu cái, dùng tâm trị tâm, đối trị, đoạn trừ, tiêu diệt, tĩnh chỉ.

“Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân; Tỳ-kheo-niệm hơi thở vào thì biết niệm hơi thở vào, niệm hơi thở ra thì biết niệm hơi thở ra. Thở vào dài thì biết thở vào dài, thở ra dài thì biết thở ra dài. Thở vào ngắn thì biết thở vào ngắn, thở ra ngắn thì biết thở ra ngắn. Học toàn thân thở vào, học toàn thân thở ra. Học thân hành tĩnh chỉ thở vào, học khẩu hành tĩnh chỉ thở ra. Tỳ-kheo như vậy, quán thân trên nội thân; quán thân trên ngoại thân; dụng niệm trên thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

“Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân; Tỳ-kheo có hỷ lạc do ly dục, nhuần thấm thân, phổ biến sung mãn; khắp trong thân thể hỷ lạc sanh do ly dục, không đâu không có. Như người hầu tắm, bỏ bột tắm đầy chậu, nước hòa thành bọt, nước thấm vào thân, phổ biến sung mãn, không đâu không có. Cũng vậy, Tỳ-kheo có hỷ lạc do ly dục nhuần thấm thân, phổ biến sung mãn; khắp trong thân thể, hỷ lạc sanh do ly dục không đâu không có. Tỳ-kheo như vậy, quán thân trên nội thân; quán thân trên ngoại thân; dụng niệm trên thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

“Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân; Tỳ-kheo có hỷ lạc do định sanh,

nhuần thấm thân, phổ biến sung mãn; khắp trong thân thể, hỷ lạc do định sanh không đâu không có. Cũng như suối trên núi, trong sạch không dơ, [583a] tràn đây, tràn ngập. Nước từ bốn phương chảy đến không sao đổ đổ vào được, mà chính từ đáy suối, nước tự vọt lên, chảy tràn ra ngoài, thấm ướt cả núi, phổ biến sung mãn, không đâu không có. Cũng vậy, Tỳ-kheo có hỷ lạc do định sanh thấm nhuần thân, phổ biến sung mãn; khắp trong thân thể, hỷ lạc do định không đâu không có. Tỳ-kheo như vậy, quán thân trên nội thân; quán thân trên ngoại thân; dụng niệm trên thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

“Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân; Tỳ-kheo có lạc do ly hỷ nhuần thấm vào thân, phổ biến sung mãn; khắp trong thân thể, lạc sanh do ly hỷ không đâu không có. Như các thứ sen xanh, hồng, đỏ, trắng sanh ra từ nước, lớn lên trong nước, ở dưới đáy nước, rễ, hoa, lá, cọng thảy đều thấm nhuần, phổ biến sung mãn, không đâu không có; cũng vậy, Tỳ-kheo có lạc do ly hỷ nhuần thấm vào thân, phổ biến sung mãn, khắp trong thân thể lạc do ly hỷ không đâu không có. Tỳ-kheo như vậy, quán thân trên nội thân; quán thân trên ngoại thân; dụng niệm trên thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

“Lại nữa, Tỳ-kheo nào quán thân như thân; Tỳ-kheo ở trong thân này được biến mãn với tâm ý thanh tịnh, tỏ rõ⁴, thành tựu an trụ; ở trong thân này tâm thanh tịnh không đâu không biến mãn. Như có một người trùm một cái áo rộng bảy hoặc tám khuỷu tay, từ đầu đến chân, thì khắp cả thân đều được phủ kín. Cũng vậy, Tỳ-kheo ở trong thân này với tâm thanh tịnh, không đâu biến mãn. Tỳ-kheo như vậy, quán thân trên nội thân; quán thân trên ngoại thân; dụng niệm trên thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

“Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân; là Tỳ-kheo niệm quang minh tướng, khéo thọ khéo tri, nhớ rõ điều niệm; như phía trước, phía sau cũng vậy; ngày cũng như đêm, đêm cũng như ngày; dưới cũng như trên, trên cũng như dưới. Như vậy tâm không điên đảo, tâm không bị ràng buộc,

⁴ Thanh tịnh tâm ý giả 清淨心意解: tâm thanh tịnh và ý cỡ mở. Pāli: *so imam eva kāyaṃ parisuddhena cetasā pariyodātena pharitvā*, vị ấy làm thấm nhuần thân nay với tâm thuần tịnh, tinh khiết. Xem kinh 81 (Niệm thân).

tâm tự quang minh, không khi nào còn bị bóng tối che lấp. Tỳ-kheo như vậy, quán thân trên nội thân; quán thân trên ngoại thân; dựng niệm trên thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

“Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân; Tỳ-kheo khéo giữ tướng trạng tu quán⁵, khéo nhớ điều niệm, [583b] như người ngồi quán sát kẻ nằm, rồi nằm quán sát kẻ ngồi. Tỳ-kheo khéo giữ tướng trạng tu quán, khéo nhớ điều niệm, cũng giống như vậy. Tỳ-kheo như vậy, quán thân trên nội thân; quán thân trên ngoại thân; dựng niệm trên thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

“Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân; Tỳ-kheo tùy theo những chỗ trong thân, tùy theo tính chất tốt xấu từ đầu đến chân quán thấy thấy đều đầy đầy bất tịnh, ‘trong thân này của ta có tóc, lông, móng, răng, da dày, da non, thịt, gân, xương, tim, thận, gan, phổi, ruột già, ruột non, lá lách, dạ dày, phân, não và não căn, nước mắt, mồ hôi, nước mũi, nước miếng, mủ, máu, mỡ, tủy, đờm dãi, nước tiểu’. Như một cái bồn chứa đủ hạt giống, ai có mắt sáng thì thấy rõ ràng, ‘đây là hạt lúa, hạt gạo, kia là hạt cải, cỏ, rau’; cũng vậy, Tỳ-kheo tùy theo những chỗ trong thân, tùy theo tính chất tốt xấu, từ đầu đến chân, quán thấy thấy đều đầy đầy bất tịnh: ‘Trong thân này của ta có tóc, lông, móng, răng, da dày, da non, thịt, gân, xương, tim, thận, gan, phổi, ruột già ruột non, lá lách, dạ dày, phân, não và não căn, nước mắt, mồ hôi, nước mũi, nước miếng, mủ, máu, mỡ, tủy, đờm dãi, nước tiểu’. Tỳ-kheo khéo giữ tướng trạng tu quán, khéo nhớ điều niệm, cũng giống như vậy. Tỳ-kheo như vậy, quán thân trên nội thân; quán thân trên ngoại thân; dựng niệm trên thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

“Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân; Tỳ-kheo quán sát giới trong thân rằng: ‘Trong thân này của ta có địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới’. Như gã đồ tể mổ bò, lột hết bộ da, trải lên mặt đất, phân thành sáu đoạn; cũng vậy, Tỳ-kheo quán các giới trong thân rằng ‘Trong thân này của ta có địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới’. Tỳ-kheo khéo giữ tướng trạng tu quán, khéo nhớ điều

⁵ Thiện thọ quán tướng 善受觀相. Đây chỉ đối tượng dùng làm đề mục tu quán.

niệm, cũng giống như vậy. Tỳ-kheo như vậy, quán thân trên nội thân; quán thân trên ngoại thân; dựng niệm trên thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

“Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân; Tỳ-kheo quán xác chết, mới chết từ một hai ngày đến sáu bảy ngày, đang bị quạ điều bươi mổ, sài lang câu xé, hoặc đã được hỏa thiêu, hay đã được chôn lấp, đang bị rửa nát hư hoại. Quán rồi tự so sánh: ‘Thân ta cũng thế, đều có những trường hợp này, không sao tránh khỏi’. Tỳ-kheo khéo giữ tướng trạng tu quán, khéo nhớ điều niệm, cũng giống như vậy. Tỳ-kheo như vậy, quán nội thân như thân; quán ngoại thân như thân; lập niệm tại thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

“Lại nữa, Tỳ-kheo [583c] quán thân như thân; Tỳ-kheo như từng thấy trong nghĩa địa, hài cốt xám xanh, rửa nát gần hết, xương vãi khắp đất. Quán rồi tự so sánh: ‘Thân ta cũng thế, đều có những trường hợp này, không sao tránh khỏi,’ Tỳ-kheo khéo giữ tướng trạng tu quán, khéo nhớ điều niệm, cũng giống như vậy. Tỳ-kheo như vậy, quán thân trên nội thân; quán thân trên ngoại thân; dựng niệm trên thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

“Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân; Tỳ-kheo như từng thấy trong nghĩa địa, da, thịt, máu, huyết tiêu cả, chỉ còn xương dính gân. Quán rồi tự so sánh: ‘Thân ta cũng thế, đều có trường hợp này, không sao tránh khỏi’. Tỳ-kheo khéo giữ tướng trạng tu quán, khéo nhớ điều niệm, cũng giống như vậy. Tỳ-kheo như vậy, quán thân trên nội thân; quán thân trên ngoại thân; dựng niệm trên thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

“Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân; Tỳ-kheo như từng trong nghĩa địa thấy xương rời từng đốt, tản mác khắp nơi, xương chân, xương đùi, xương đầu gối, xương bắp vế, xương sống, xương vai, xương cổ, xương sọ, mỗi thứ một nơi. Quán rồi tự so sánh: ‘Thân ta cũng thế, đều có những trường hợp này, không sao tránh khỏi’. Tỳ-kheo khéo giữ tướng trạng tu quán, khéo nhớ điều niệm, cũng giống như vậy. Tỳ-kheo như vậy, quán thân trên nội thân; quán thân trên ngoại thân; dựng niệm trên thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

“Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân; Tỳ-kheo như từng thấy trong nghĩa địa, xương trắng như vỏ ốc, xanh như lông chim bồ câu, đỏ như màu máu, mục nát bề vụn. Quán rồi tự so sánh: ‘Thân ta rồi cũng thế, đều có những trường hợp này, không sao tránh khỏi’. Tỳ-kheo khéo giữ tướng trạng tu quán, khéo nhớ điều niệm, cũng giống như vậy. Tỳ-kheo như vậy, quán thân trên nội thân; quán thân trên ngoại thân; dựng niệm trên thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

“Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni từng chi tiết quán thân như thân như vậy, đó gọi là niệm xứ quán thân như thân.

“Thế nào gọi là niệm xứ quán thọ như thọ? Tỳ-kheo khi thọ nhận cảm giác lạc liền biết đang thọ nhận cảm giác lạc, khi thọ nhận cảm giác khổ liền biết đang thọ nhận cảm giác khổ, khi thọ nhận cảm giác không lạc không khổ liền biết đang thọ nhận cảm giác không lạc không khổ. Khi thân thọ nhận cảm giác lạc, thân thọ nhận cảm giác khổ, thân thọ nhận cảm giác không lạc không khổ; khi tâm thọ nhận cảm giác lạc, tâm thọ nhận cảm giác khổ, tâm thọ nhận cảm giác không lạc không khổ; cảm giác lạc khi ăn, cảm giác khổ khi ăn, cảm giác không lạc không khổ khi ăn; cảm giác lạc khi không ăn, cảm giác khổ khi không ăn, cảm giác không lạc không khổ khi không ăn; cảm giác lạc khi có dục, cảm giác khổ khi có dục, cảm giác không lạc không khổ khi không có dục; cảm giác lạc [584a] khi không có dục, cảm giác khổ khi không có dục, cảm giác không lạc không khổ khi không có dục. Tỳ-kheo như vậy, quán thọ nơi nội thọ, quán thọ nơi ngoại thọ, dựng niệm tại thọ, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

“Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni từng chi tiết quán thọ như thọ như vậy, gọi là niệm xứ quán thọ như thọ.

“Thế nào gọi là niệm xứ quán tâm như tâm? Tỳ-kheo có tâm tham dục thì biết đúng như thật có tâm tham dục, có tâm vô dục thì biết đúng như thật là có tâm vô dục. Khi có sân hay không sân, có si hay không si, có ô uế hay không ô uế, có hợp hay có tan, có thấp hay có cao, có nhỏ hay có lớn; tụ hay không tụ, định hay không định, giải thoát hay không giải thoát. Cũng như vậy, có tâm giải thoát thì biết đúng như thật có tâm giải thoát; có tâm không giải thoát thì biết đúng như thật là có tâm không giải thoát. Tỳ-kheo như vậy, quán tâm nơi nội tâm, dựng niệm tại tâm, có tri, có

kiến, có minh, có đạt. Như vậy là Tỳ-kheo quán tâm như tâm.

“Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni từng chi tiết quán tâm như tâm như vậy, đó gọi là niệm xứ quán tâm như tâm.

“Thế nào gọi là niệm xứ quán pháp như pháp? Khi con mắt duyên sắc, sanh nội kết, nếu Tỳ-kheo bên trong thật có kết thì biết đúng như thật là bên trong có kết; bên trong thật không có kết thì biết đúng như thật là bên trong không có kết. Nội kết chưa sanh, bây giờ sanh, biết đúng như thật. Nội kết đã sanh và được đoạn trừ, không sanh lại nữa, biết đúng như thật. Với tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng giống như vậy. Khi ý duyên pháp, sanh nội kết, nếu Tỳ-kheo bên trong thật có kết thì biết đúng như thật là bên trong có kết, bên trong không có kết thì biết đúng như thật là bên trong không có kết, nội kết chưa sanh bây giờ sanh; biết đúng như thật nội kết đã sanh và đã được đoạn trừ, không sanh lại nữa, biết đúng [583b] như thật. Tỳ-kheo như vậy quán pháp nơi nội pháp, quán pháp nơi ngoại pháp, lập niệm tại pháp, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán pháp như pháp, nghĩa là quán sáu xứ bên trong.

“Lại nữa, Tỳ-kheo quán pháp như pháp; Tỳ-kheo bên trong thật có ái dục thì biết đúng như thật là đang có ái dục, bên trong thật không có ái dục thì biết đúng như thật là không có ái dục. Ái dục chưa sanh nay sanh, biết đúng như thật. Ái dục đã sanh và đã được đoạn trừ, không sanh lại nữa, biết đúng như thật. Với sân nhuế, thù miên, điều hối và nghi cũng giống như vậy. Bên trong thật có nghi, biết đúng như thật là đang có nghi; bên trong thật không có nghi, biết đúng như thật là không có nghi. Nghi chưa sanh, nay đã sanh, biết đúng như thật. Nghi đã sanh và đã được đoạn trừ, không sanh lại nữa, biết đúng [583b] như thật. Tỳ-kheo như vậy quán pháp nơi nội pháp, quán pháp nơi ngoại pháp, lập niệm tại pháp, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán pháp như pháp, nghĩa là quán năm triền cái.

“Lại nữa, Tỳ-kheo quán pháp như pháp; Tỳ-kheo bên trong thật có niệm giác chi thì biết đúng như thật là có niệm giác chi; bên trong thật không có niệm giác chi thì biết đúng như thật là không có niệm giác chi. Niệm giác chi chưa sanh nay sanh, biết đúng như thật. Niệm giác chi đã sanh thì ghi nhớ không quên, bất thối, tu tập càng lúc càng tăng trưởng, biết đúng như thật. Với trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định và xả cũng giống như vậy. Bên trong thật có xả giác chi thì biết đúng như thật là

đang có xả giác chi, bên trong thật không có xả giác chi thì biết đúng như thật là không có xả giác chi. Xả giác chi chưa sanh nay sanh, biết đúng như thật, xả giác chi đã sanh thì ghi nhớ không quên, bất thối, tu tập càng lúc càng tăng trưởng, biết đúng như thật. Tỳ-kheo như vậy quán nội pháp đúng như pháp, quán ngoại pháp đúng như pháp, lập niệm tại pháp, có tri, có kiến, có minh, có đạt như vậy gọi là Tỳ-kheo quán pháp như pháp, nghĩa là quán Bảy giác chi.

“Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni từng chi tiết quán pháp như pháp như vậy, đó gọi là niệm xứ quán pháp như pháp.

“Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào trụ Bốn niệm xứ thì trong vòng bảy năm, nhất định sẽ chứng được một trong hai quả: hoặc chứng Cứu cánh trí ngay trong hiện tại, hoặc chứng A-na-hàm nếu còn hữu dư.

“Không cần phải đến bảy, sáu, năm, bốn, ba, hai hay một năm, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào lập tâm chánh trú nơi Bốn niệm xứ thì trong vòng bảy tháng cũng sẽ nhất định chứng được một trong hai quả: hoặc chứng Cứu cánh trí ngay trong hiện tại, hoặc chứng A-na-hàm nếu còn hữu dư.

“Không cần phải đến bảy, sáu, năm, bốn, ba, hai hay một tháng, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào lập tâm chánh trú nơi Bốn niệm xứ thì trong vòng bảy ngày bảy đêm cũng sẽ nhất định chứng được một trong hai quả: hoặc chứng Cứu cánh trí ngay trong hiện tại, hoặc chứng A-na-hàm nếu còn hữu dư.

“Không cần phải đến bảy ngày đêm, sáu, năm, bốn, ba, hai hay hai ngày hai đêm, mà chỉ cần trong một ngày một đêm, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào luôn luôn trong từng khoảnh khắc lập tâm chánh trú nơi Bốn niệm xứ thì nếu buổi sáng thực hành như vậy, nhất định buổi tối liền được thăng tấn. Nếu buổi tối thực hành như vậy, nhất định sáng hôm sau sẽ được thăng tấn”.

Phật thuyết giảng như thế, các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.⁶



⁶ Bản Hán, hểc quyển 24.

99. KINH KHỔ UẨN (I)

[584c9] Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ các Tỳ-kheo sau bữa ăn trưa, có chút công việc nên tập trung ngồi tại giảng đường. Lúc ấy, một số đông những người Dị học, sau bữa cơm trưa loanh quanh tìm đến chỗ các Tỳ-kheo, cùng nhau chào hỏi rồi ngồi một bên, nói với các Tỳ-kheo rằng:

“Này Chư Hiền, Sa-môn Cù-đàm chủ trương biến tri đoạn dục¹, chủ trương biến tri đoạn sắc, chủ trương biến tri đoạn thọ². Này Chư Hiền, chúng tôi cũng chủ trương biến tri đoạn dục, chủ trương biến tri đoạn sắc, chủ trương biến tri đoạn thọ. Giữa Sa-môn Cù-đàm và chúng tôi, giữa hai³ chủ trương biến tri đoạn⁴ ấy, có sự thù thắng nào, có những sai biệt nào?”

“Lúc bấy giờ các Tỳ-kheo khi nghe những điều mà số đông những người Dị học ấy nói, không biết thế nào là phải, thế nào là trái, im lặng đứng dậy mà đi, đồng thời suy nghĩ rằng: ‘Những điều như vậy, chúng ta phải do nơi Đức Thế Tôn mới biết’.

Rồi họ đi đến Đức Phật, cúi đầu đánh lễ, ngồi một bên, đem những điều đã bàn luận với số đông những người Dị học ấy thuật lại với Đức Phật. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Lúc đó các ông nên hỏi số đông những người Dị học như vậy, ‘Này Chư Hiền, thế nào là vị ngọt của dục, thế nào là tai họa của dục, thế nào là sự xuất yếu của dục⁵? Thế nào là vị ngọt của sắc, thế nào là tai họa của sắc,

¹ Nguyên Hán: biến tri dục 知斷欲, biết thấu đáo về dục, đoạn trừ dục. Pāli: *kāmānaṃ pariññaṃ*. Số giải: *kāmābaṃ pahānaṃ samatikkamaṃ paññāpeti*, tức là chủ trương đoạn trừ dục, siêu việt dục

² Giác.

³ Bản Cao-li chép *nhị* 二; các bản khác chép tam 三.

⁴ Các bản chép: *nhị (tam) tri nhị (tam) đoạn*, dư chữ *nhị (tam)* thứ hai.

⁵ Dục vị, dục hoạn, dục xuất yếu 欲味欲患欲出要. Pāli: *kāmānaṃ assādo, kāmānaṃ ādīnavo, kāmānaṃ nissaraṇaṃ*, vị ngọt, sự tai hại và thoát ly đối với các

thế nào là sự xuất yếu của sắc? Thế nào là vị ngọt của thọ, thế nào là tai họa của thọ, thế nào là sự xuất yếu của thọ?

“Này các Tỳ-kheo, nếu các ông hỏi như vậy, sau khi nghe, họ sẽ cật vấn lẫn nhau, nói quanh nói quẩn, nổi sân và cãi cọ rời từ chỗ ngồi đứng dậy, im lặng và rút lui. Vì sao vậy? Vì Ta không thấy có những chư thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn hay bất cứ ai khác ở trên đời này có thể biết được nghĩa ấy để tuyên bố lên. Chỉ có Như Lai và đệ tử của Như Lai, hoặc đệ tử nào được nghe từ hai vị này”.

Đức Phật lại hỏi:

“Thế nào là vị ngọt của dục? Đó là, nhân bởi [585a] năm công đức của dục⁶ mà phát sanh lạc và hỷ. Vị ngọt của dục chỉ tột cùng đến đó chứ không thể hơn nữa, nhưng tai họa của nó thì rất nhiều.

“Thế nào là tai họa của dục? Một thiện gia nam tử, tùy kỹ thuật⁷ riêng mà tự mưu sinh; hoặc làm ruộng, hoặc buôn bán, hoặc học sách, hoặc giỏi toán thuật, biết công số, khéo in khắc, làm văn chương, tạo thủ bút, hoặc hiểu kinh thư, hoặc làm võ tướng, hoặc phụng sự vua⁸. Người ấy khi gặp lạnh phải chịu lạnh, gặp nóng phải chịu nóng, bị đói khát nhọc mệt, bị muỗi mòng châm chích; nó phải làm nghề nghiệp như thế để mong kiếm được tiền của. Thiện nam tử bằng những phương tiện như thế, làm các công việc như vậy để mong cầu như vậy, nếu không kiếm được tiền của thì sinh khổ sở, lo buồn rầu rĩ, tâm thành si dại, nói rằng ‘Luống công

dục.

⁶Ngũ dục công đức 五欲功德., năm yếu tố hay năm phẩm chất của dục. Pāli: *pañca kāmaganā*.

⁷Hán: kỹ thuật 伎 (技) 述. Pāli: *sippaṭṭhanena*, bằng công xảo xứ.

⁸Các “kỹ thuật” theo bản Hán: tác điền nghiệp, hành trị sanh, minh toán thuật, tri công số, xảo khắc ấn, tác văn chương, tạo thủ bút, hiểu kinh thư, tác dũng tướng, phụng vương sự 田業 行治生 學書 明算術 知工數 巧刻印 作文章 造手筆 曉經書 作勇將 奉事王. Danh sách theo bản Pāli: *yadi muddāya yadi gaṇanāya yadi saṅkhānena yadi kasiyā yadi vaṇijjāya yadi gorakkhena yadi issatthena yadi rājaporisena*, hoặc bằng ấn toán (hay thuật khắc ấn), bằng ám toán (tính trâm), mục toán (số học), canh nông, thương mại, mục súc (chăn bò), làm tên (chế tạo vũ khí), và quan chức (phục vụ vua).

làm lụng khổ nhọc vô ích mà những điều mong cầu không có kết quả'. Trái lại, thiện nam tử ấy bằng những phương tiện như vậy để mong cầu như vậy, nếu kiếm được tiền của nó sanh yêu quý, giữ gìn, chôn giấu. Vì sao vậy? Nó nghĩ: 'Tài vật này của ta, đừng để cho vua đoạt, giặc cướp, lửa thiêu, hư hại, mất mát, hoặc xuất tài mà vô lợi, hoặc làm việc mà không thành tựu'. Kẻ đó giữ gìn, chôn giấu như vậy nhưng nếu rủi bị vua đoạt, hoặc giặc cướp, lửa thiêu hư hại mất thì sinh khổ sở, lo buồn rầu rĩ, tâm thành si ám, nói rằng: 'Vật ta yêu quý, nhớ nghĩ suốt đêm ngày, nay đã không còn'. Đó là khối khổ uẩn trong hiện tại này⁹, nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

“Lại nữa, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên mẹ tranh cãi với con, con tranh cãi với mẹ, cha con, anh em, chị em, bà con dòng họ tranh cãi lẫn nhau. Vì tranh cãi lẫn nhau như vậy nên mẹ nói xấu con, con nói xấu mẹ. Cha con, anh em, chị em, bà con dòng họ nói xấu lẫn nhau. Thân thích còn vậy, huống nữa là người dung. Đó là khối khổ uẩn trong hiện tại này nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

“Lại nữa, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên vua tranh giành với vua, Bà-la-môn tranh giành với Bà-la-môn, Cư sĩ tranh giành với Cư sĩ, dân tranh giành với dân, nước này tranh giành với nước nọ. Bởi tranh giành nên thù nghịch nhau, rồi dùng đủ loại binh khí để giết hại lẫn nhau, hoặc nắm tay thoi, ném đá, hoặc dùng gậy đánh, dao chặt. Trong khi giao đấu, hoặc chết, hoặc sợ hãi, thọ cực trọng khổ. Đó là n khối khổ uẩn trong hiện tại này nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

“Lại nữa, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên mang khôi giáp, [585b] khoác trường bào, cầm giáo mác, cung tên, hoặc cầm dao thuấn, đi vào quân trận. Hoặc đánh nhau bằng voi, hoặc ngựa, hoặc xe, hoặc dùng bộ binh đánh nhau, hoặc cho trai gái đánh nhau. Trong khi giao đấu, hoặc chết, hoặc sợ hãi, thọ cực trọng khổ. Đó là khối khổ uẩn trong hiện tại này nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

⁹ Hiện pháp khổ âm 現法苦陰. Pāli: sanditṭhiko dukkhakhando, khổ uẩn được chứng kiến.

“Lại nữa, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên mang áo giáp, mặc trường bào, cầm giáo mác, cung tên, hoặc cầm dao thuẫn, đi tranh đoạt nước người, công thành phá lũy, chống cự lẫn nhau, thúc trống thổi kèn, lớn tiếng reo hò, hoặc dùng chày đập, hoặc dùng mâu kích, hoặc dùng bánh xe bèn, hoặc dùng tên bắn, hoặc lăn đá kè, hoặc dùng nỏ lớn, hoặc rót nước đồng sôi vào mắt. Trong khi giao đấu, hoặc chết, hoặc sợ hãi, thọ cực trọng khổ. Đó là khối khổ uẩn trong hiện tại này nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

“Lại nữa, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên mang áo giáp, mặc trường bào, cầm giáo mác, cung tên, hoặc cầm dao thuẫn vào xóm, vào ấp, vào quốc gia, vào thành thị, đục vách phá kho, cướp đoạt tài vật, chặn đường giao thông, hoặc đến ngõ khác phá xóm phá làng, phá thành diệt nước. Trong đó, hoặc người của vua bắt được, đem khảo đủ cách; chặt tay, chặt chân, hoặc chặt hết cả tay chân; cắt tai, cắt mũi, hoặc cắt cả tai mũi; hoặc lóc từng miếng thịt; bứt râu bứt tóc, hoặc bứt cả râu tóc; hoặc nhốt vào trong cũi, quấn vải hỏa thiêu, hoặc lấp trong cát, lấy cỏ quấn lại rồi đốt; hoặc bỏ vô bụng lừa sắt, hoặc bỏ vô miệng heo sắt, hoặc đặt vào miệng cọp sắt rồi đốt, hoặc bỏ vô vạc đồng, hoặc bỏ vô vạc sắt rồi nấu; hoặc chặt ra từng khúc, hoặc dùng xoa bèn đâm, hoặc lấy móc sắt móc, hoặc bắt nằm trên giường sắt rồi lấy dầu sôi rót, hoặc bắt ngồi trong cối sắt rồi lấy chày sắt giã, hoặc cho răn rít mỏ cắn, hoặc dùng roi quất, hoặc dùng gậy thọt, hoặc dùng dùi đánh, hoặc buộc sống treo trên nêu cao, hoặc chém đầu rồi bêu. Trong các trường hợp đó, kẻ ấy hoặc chết, hoặc sợ hãi, thọ cực trọng khổ. Đó là khối khổ uẩn trong hiện tại này nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

“Lại nữa, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên thân làm ác, khẩu làm ác, ý làm ác. Kẻ đó về sau bệnh tật liệt giường, hoặc ngồi hoặc nằm trên đất, vì khổ bức thân, toàn thân cảm giác khổ sở vô cùng, không còn đáng yêu thích. Kẻ đó vì lúc trước thân làm ác, khẩu làm ác, ý làm ác nên khi sắp chết chúng che ngay trước mắt giống như mặt trời lặn bóng sườn núi lớn, che lấp mặt đất¹⁰. [583c] Cũng vậy, kẻ ấy

¹⁰No.53: “Lúc mặt trời sắp lặn, bóng mát đổ ngược xuống giữa hai ngọn núi lớn”.

bị những ác hành của thân, ác hành của khẩu và của ý che lấp trước mắt, kẻ đó nghĩ rằng: ‘Ác hành ta làm trước kia, bây giờ chúng che trước mắt ta. Trước ta không tạo phước nghiệp mà tạo nhiều ác nghiệp. Giả tỷ có ai chỉ làm ác, hung bạo, chỉ làm tội chứ không làm phước, không hành thiện, khi sống không biết lo sợ, gần chết không chỗ nương cậy, không chỗ quay về. Người ấy thân sanh về cõi nào, ta cũng thác sinh về chỗ đó’. Do đó, sanh hồi hận, rồi do hồi hận mà chết không an, chết không được phước. Đó là khối khổ uẩn trong hiện tại này nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

“Lại nữa, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên thân làm ác, khẩu và ý làm ác. Kẻ đó vì thân làm ác, khẩu và ý làm ác nên nhân nơi đó, duyên nơi đó mà khi thân hoại mạng chung phải đến chỗ ác, sanh vào địa ngục. Đó là khối khổ uẩn trong đời sau nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc. Như vậy là tai họa của dục.

“Thế nào là sự xuất yếu của dục? Nếu đoạn trừ dục, xả ly dục, diệt tận dục, vượt qua khỏi dục mà thoát ly. Như vậy gọi là sự xuất yếu của dục.

“Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà không biết đúng như thật vị ngọt của dục, tai họa của dục, sự xuất yếu của dục, thì không bao giờ có thể tự mình đoạn dục, huống nữa là đoạn dục cho kẻ khác.

“Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào biết đúng như thật vị ngọt của dục, tai họa của dục, sự xuất yếu của dục, thì không những có thể tự mình đoạn dục mà có thể đoạn dục cho kẻ khác.

“Thế nào là vị ngọt của sắc? Giả sử có các thiếu nữ Sát-ly, Bà-la-môn, Cư sĩ hay Công sư đến tuổi mười bốn, mười lăm, là lúc có sắc đẹp mỹ miều. Nhân nơi sắc đẹp đó, duyên nơi sắc đẹp đó mà sanh lạc, sanh hỷ; vị ngọt của sắc chỉ tột cùng đến đó chứ không hơn nữa. Nhưng tai hại của sắc thì rất nhiều.

“Thế nào là tai hại của sắc? Nếu thấy nàng ấy về sau trở nên hết sức già yếu, đầu bạc, răng rụng, lưng còng, gối rũ, chóng gậy mà đi, tuổi trẻ đã tàn, mạng sống sắp hết, thân thể run rẩy, các căn hư mòn. Ý các người nghĩ sao? Có phải sắc đẹp trước kia đã biến mất và sanh ra tai họa chăng?

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy”.

“Lại nữa, nếu thấy nàng ấy bệnh tật liệt giường, ngồi nằm trên đất, vì khổ bức thân, chịu khổ cùng cực, ý các người nghĩ sao, có phải sắc đẹp trước

kia biến mất, sanh ra tai họa chẳng?”

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy”.

“Lại nữa, nếu thấy xác nàng ấy đã chết từ một, hai ngày đến sáu bảy ngày, đang bị quạ điều bươi mổ, sài lang cấu xé, hoặc đã được hỏa thiêu hay chôn lấp, đang bị mục nát hư hoại. Ý các người nghĩ sao? Có phải sắc đẹp trước [586a] đã biến mất và tai họa sanh ra chẳng?”

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy?”

“Lại nữa, nếu thấy xác nàng ấy ở trong nghĩa địa, hài cốt xám xanh, mục nát quá nữa, xương vãi trên đất. Ý các người nghĩ sao? Có phải sắc đẹp trước kia đã biến mất và tai họa sanh ra chẳng?”

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy”.

“Lại nữa, nếu thấy xác nàng ấy ở trong nghĩa địa, xương rời từng đốt, tản mát khắp nơi, xương chân, xương đùi, xương đầu gối, xương bắp vế, xương sống, xương vai, xương cổ, xương sọ, mỗi thứ một nơi, ý các thầy nghĩ sao? Có phải sắc đẹp trước kia đã biến mất và tai họa sanh ra chẳng?”

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy”.

“Lại nữa, nếu thấy xác nàng ấy ở trong nghĩa địa, xương trắng như vỏ ốc, xanh như lông chim câu, đỏ như màu máu, hư hoại, mục nát. Ý các người nghĩ sao? Có phải sắc đẹp trước kia đã biến mất và tai họa sanh ra chẳng?”

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Như vậy gọi là tai họa của sắc”.

“Thế nào là sự xuất yếu của sắc? Nếu đoạn trừ sắc, xả ly sắc, diệt tận sắc, vượt qua khỏi sắc mà thoát ly. Như vậy gọi là sự xuất yếu của sắc.

“Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà không biết đúng như thật vị ngọt của sắc, tai họa của sắc, sự xuất yếu của sắc, thì không bao giờ có thể tự mình đoạn sắc, hưởng nữa là đoạn sắc cho kẻ khác.

“Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào biết đúng như thật vị ngọt của sắc, tai họa của sắc, sự xuất yếu của sắc thì không những tự mình đoạn sắc, mà còn có thể đoạn sắc cho kẻ khác.

“Thế nào là vị ngọt của thọ? Tỳ-kheo ly dục, ly pháp ác bất thiện, cho đến, thành tựu và an trụ nơi Tứ thiên. Bây giờ, vị đó không nghĩ đến việc tự hại, cũng không nghĩ đến sự hại người. Nếu không nghĩ đến hại, đó là

vị ngọt của cảm giác lạc. Vì sao vậy? Vì không nghĩ đến sự làm hại thì thành tựu được cảm giác lạc ấy. Như vậy gọi là vị ngọt của thọ.

“Thế nào là tai họa của thọ? Thọ là pháp vô thường, pháp diệt. Như vậy gọi là tai họa của thọ.

“Thế nào là sự xuất yếu của thọ? Nếu đoạn trừ thọ, xả ly thọ, diệt tận thọ, vượt qua thọ mà thoát ly. Như vậy gọi là sự xuất ly của thọ.

“Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà không biết đúng như thật vị ngọt của thọ, tai họa của thọ, xuất yếu của thọ thì không bao giờ có thể tự mình đoạn thọ, hướng nữa là đoạn thọ cho kẻ khác.

“Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào biết đúng như thật vị ngọt của thọ, tai họa của thọ, xuất yếu của thọ thì không những tự mình có thể đoạn thọ, mà còn có thể đoạn thọ cho kẻ khác”.

Phật thuyết giảng như vậy. Các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe thuyết, hoan hỷ phụng hành.



100. KINH KHỔ ẤM (II)

[586b4] Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật đến Thích-ki-sáu, trú tại Ca-duy-la-vệ, vườn Ni-câu-loại.¹

Bấy giờ Thích Ma-ha-nam², sau bữa ăn trưa tìm đêm chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Ngài rồi ngồi qua một bên mà bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, con biết Thế Tôn dạy pháp như vậy khiến tâm con được diệt ba uế, nhiễm tâm uế, nhuế tâm uế và si tâm uế³. Bạch Thế Tôn, con biết pháp ấy như vậy nhưng trong tâm con lại sinh nhiễm pháp, nhuế pháp và si pháp. Bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như vậy, ‘Ta có pháp gì không bị diệt trừ, khiến tâm ta lại sinh pháp nhiễm, pháp nhuế, pháp si?’”

Thế Tôn bảo:

“Này Ma-ha-nam, ông có một pháp không bị diệt trừ, cho nên ông sống tại gia, không chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo này. Ma-ha-nam, nếu ông diệt được pháp đó, ông sẽ không sống tại gia mà chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo. Bởi vì có một pháp không bị diệt trừ mà ông sống tại gia, không chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo”.

Khi ấy Thích Ma-ha-nam liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trích áo bày vai hữu, chấp tay hướng về Phật mà bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn nói pháp cho con nghe để tâm con được thanh tịnh, trừ nghi, đắc đạo”.

Thế Tôn nói:

“Ma-ha-nam, có năm công đức của dục, đáng yêu, đáng mơ tưởng, đáng vui thích, có liên hệ đến dục, khiến cho người khoái lạc. Những gì là năm? Đó là, sắc được biết bởi mắt, âm thanh được biết bởi tai, hương được biết

¹ Xem các kinh 12, 180, 191. Pāli: *sakkesu viharati kapilavatthusmiṃ nigrodhārāme*.

² Thích Ma-ha-nam 釋摩訶男. Pāli: Sakka Mahānāma, con trai của Amitodana, anh em chú bác với Phật, chứ không phải là một trong năm vị đệ tử đầu tiên của Phật.

³ Nhiễm, nhuế, si tâm uế 染, 恚, 癡 心 穢. Pāli: lobho, doso, moho citassa upakkilesa, tham, sân, si là ô nhiễm của tâm.

bởi mũi, vị được biết bởi lưỡi, xúc được biết bởi thân. Do đây mà vua và quyền thuộc của vua được an lạc hoan hỷ. Ma-ha-nam, vị ngọt của dục chỉ cùng cực đến đó chứ không hơn nữa, nhưng tai họa của nó thì lại rất nhiều.

“Ma-ha-nam, thế nào là tai họa của dục? “Ma-ha-nam, một thiện gia nam tử, tùy kỹ thuật⁴ riêng mà tự mưu sinh; hoặc làm ruộng, hoặc buôn bán, hoặc học sách, hoặc giỏi toán thuật, biết công số, khéo in khắc, làm văn chương, tạo thủ bút, hoặc hiểu kinh thơ, hoặc làm võ tướng, hoặc phụng sự vua.⁵ Người ấy khi gặp lạnh phải chịu lạnh, gặp nóng phải chịu nóng, bị đói khát nhọc mệt, bị muỗi mòng châm chích; nó phải làm nghề nghiệp như thế để mong kiếm được tiền của. Thiện nam tử bằng những phương tiện như thế, làm các công việc như vậy để mong cầu như vậy, nếu không [586c] kiếm được tiền của thì sinh khổ sở, lo buồn rầu rĩ, tâm thành si đại, nói rằng ‘Luống công làm lụng khổ nhọc vô ích mà những điều mong cầu không có kết quả’. Trái lại, thiện nam tử ấy bằng những phương tiện như vậy để mong cầu như vậy, nếu kiếm được tiền của nó sanh yêu quý, giữ gìn, chôn giấu. Vì sao vậy? Nó nghĩ: ‘Tài vật này của ta, đừng để cho vua đoạt, giặc cướp, lửa thiêu, hư hại, mất mát, hoặc xuất tài mà vô lợi, hoặc làm việc mà không thành tựu’. Kẻ đó giữ gìn, chôn giấu như vậy nhưng nếu rủi bị vua đoạt, hoặc giặc cướp, lửa thiêu hư hại mất thì sinh khổ sở, lo buồn rầu rĩ, tâm thành si ám, nói rằng: ‘Vật ta yêu quý, nhớ nghĩ suốt đêm ngày, nay đã không còn’. Ma-ha-nam, đó là khối khổ uẩn trong hiện tại này⁶, nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

“Lại nữa, Ma-ha-nam, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên mẹ tranh cãi với con, con tranh cãi với mẹ, cha con, anh em, chị em, bà con dòng họ tranh cãi lẫn nhau. Vì tranh cãi lẫn nhau như vậy nên mẹ nói xấu con, con nói xấu mẹ. Cha con, anh em, chị em, bà con dòng họ nói xấu lẫn nhau. Thân thích còn vậy, huống nữa là người dưng. Ma-ha-nam, đó là khối khổ uẩn trong hiện tại này nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

“Lại nữa, Ma-ha-nam, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy

⁴ Đoạn này như kinh 99 trên, xem các cht. ở đó.

⁵ Xem kinh 99 trên.

⁶ Xem cht. 10, kinh 99.

dục làm gốc nên vua tranh giành với vua, Bà-la-môn tranh giành với Bà-la-môn, Cư sĩ tranh giành với Cư sĩ, dân tranh giành với dân, nước này tranh giành với nước nọ. Bởi tranh giành nên thù nghịch nhau, rồi dùng đủ loại binh khí để giết hại lẫn nhau, hoặc nắm tay thoi, ném đá, hoặc dùng gậy đánh, dao chặt. Trong khi giao đấu, hoặc chết, hoặc sợ hãi, thọ cực trọng khổ. Ma-ha-nam, đó là khối khổ uẩn trong hiện tại này nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

“Lại nữa, Ma-ha-nam, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên mang khôi giáp, khoác trường bào, cầm giáo mác, cung tên, hoặc cầm dao thuẩn, đi vào quân trận. Hoặc đánh nhau bằng voi, hoặc ngựa, hoặc xe, hoặc dùng bộ binh đánh nhau, hoặc cho trai gái đánh nhau. Trong khi giao đấu, hoặc chết, hoặc sợ hãi, thọ cực trọng khổ. Ma-ha-nam, đó là khối khổ uẩn trong hiện tại này nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

“Lại nữa, Ma-ha-nam, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên mang áo giáp, mặc trường bào, cầm giáo mác, cung tên, hoặc cầm dao thuẩn, đi tranh đoạt nước người, công thành phá lũy, chống cự lẫn nhau, thúc trống, [587a]thổi kèn, lớn tiếng reo hò, hoặc dùng chày đập, hoặc dùng mâu kích, hoặc dùng bánh xe bèn, hoặc dùng tên bắn, hoặc lăn đá kè, hoặc dùng nỏ lớn, hoặc rót nước đồng sôi vào mắt. Trong khi giao đấu, hoặc chết, hoặc sợ hãi, thọ cực trọng khổ. Ma-ha-nam, đó là khối khổ uẩn trong hiện tại này nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

“Lại nữa, Ma-ha-nam, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên mang áo giáp, mặc trường bào, cầm giáo mác, cung tên, hoặc cầm dao thuẩn vào xóm, vào ấp, vào quốc gia, vào thành thị, đục vách phá kho, cướp đoạt tài vật, chặn đường giao thông, hoặc đến ngõ khác phá xóm phá làng, phá thành diệt nước. Trong đó, hoặc người của vua bắt được, đem khảo đủ cách; chặt tay, chặt chân, hoặc chặt hết cả tay chân; cắt tai, cắt mũi, hoặc cắt cả tai mũi; hoặc lóc từng miếng thịt; bứt râu bứt tóc, hoặc bứt cả râu tóc; hoặc nhốt vào trong cũi, quần vải hỏa thiêu, hoặc lấp trong cát, lấy cỏ quấn lại rồi đốt; hoặc bỏ vô bụng lừa sắt, hoặc bỏ vô miệng heo sắt, hoặc đặt vào miệng cọp sắt rồi đốt, hoặc bỏ vô vạc đồng, hoặc bỏ vô vạc sắt rồi nấu; hoặc chặt ra từng khúc, hoặc dùng xoa bén đâm, hoặc lấy móc sắt móc, hoặc bắt nằm trên giường sắt rồi lấy

dầu sôi rớt, hoặc bắt ngồi trong cối sắt rồi lấy chày sắt giã, hoặc cho rần rít mô cấn, hoặc dùng roi quất, hoặc dùng gậy thọt, hoặc dùng dùi đánh, hoặc buộc sống treo trên nêu cao, hoặc chém đầu rồi bêu. Trong các trường hợp đó, kẻ ấy hoặc chết, hoặc sợ hãi, thọ cực trọng khổ. Ma-ha-nam, đó là khối khổ uẩn trong hiện tại này nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

“Lại nữa, Ma-ha-nam, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên thân làm ác, khẩu làm ác, ý làm ác. Kẻ đó về sau bệnh tật liệt giường, hoặc ngồi hoặc nằm trên đất, vì khổ bức thân, toàn thân cảm giác khổ sở vô cùng, không còn đáng yêu thích. Kẻ đó vì lúc trước thân làm ác, khẩu làm ác, ý làm ác nên khi sắp chết chúng che ngay trước mắt giống như mặt trời lặn bóng sườn núi lớn, che lấp mặt đất⁷. Cũng vậy, kẻ ấy bị những ác hành của thân, ác hành của khẩu và của ý che lấp trước mắt, kẻ đó nghĩ rằng: ‘Ác hành ta làm trước kia, bây giờ chúng che trước mắt ta. Trước ta không tạo phước nghiệp mà tạo nhiều ác nghiệp. Giả tỷ có ai chỉ làm ác, hung bạo, chỉ làm tội chứ không làm phước, không hành thiện, khi sống không biết lo sợ, gần chết không chỗ nương cậy, không chỗ quay về. Người ấy thân sanh về cõi nào, ta cũng thác sinh về chỗ đó’. Do đó, sanh hồi hận, rồi do hồi hận mà chết không an, chết không được phước. Ma-ha-nam, [587b] đó là khối khổ uẩn trong hiện tại này nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

“Lại nữa, Ma-ha-nam, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên thân làm ác, khẩu và ý làm ác. Kẻ đó vì thân làm ác, khẩu và ý làm ác nên nhân nơi đó, duyên nơi đó mà khi thân hoại mạng chung phải đến chỗ ác, sanh vào địa ngục. Ma-ha-nam, đó là khối khổ uẩn trong đời sau nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

“Ma-ha-nam, Vì vậy nên biết, dục tuyệt đối không có lạc, chỉ có vô lượng khổ hoạn. Đa văn Thánh đệ tử nếu không biết đúng như thật, vị ấy bị dục phủ kín, không đạt được xả, lạc⁸, vô thượng tịch tĩnh. Ma-ha-nam, Đa văn Thánh đệ tử như vậy sẽ nhân nơi dục mà bị thoái chuyển.

“Ma-ha-nam, Ta biết là dục không có lạc mà chỉ là vô lượng khổ hoạn.

⁷ Xem cht. 11, kinh 99.

⁸ Đắc xả lạc 得捨樂.

Biết như thật rồi, Ma-ha-nam, Ta không bị dục phủ kín, cũng không bị pháp ác quấn chặt. Vì vậy đạt được xả, lạc, vô thượng tịch tĩnh. Ma-ha-nam, vì vậy Ta không nhân nơi dục mà bị thoái chuyển.

“Ma-ha-nam, một thời, Ta sống tại thành Vương xá, trú trong động Tiên nhân Thất diệp, ở trên núi Tì-đa-la⁹.

“Ma-ha-nam, lúc bấy giờ vào lúc xế trưa, Ta rời chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Quảng sơn¹⁰, Ta thấy ở đó có nhiều người Ni-kiền đang tu hạnh không ngồi, thường đứng mà không ngồi, chịu khổ cùng cực. Ta bước đến hỏi: ‘Này các Ni-kiền! Vì sao các ông tu hạnh không ngồi này, thường đứng không ngồi, chịu khổ như vậy?’ Họ trả lời như vậy, ‘Này Cù-đàm, tôi có tôn sư Ni-kiền tên là Thân tử. Ngài dạy tôi rằng: ‘Này các Ni-kiền, đời trước nguoi nếu có nghiệp bất thiện, thì nhờ khổ hạnh này nguoi sẽ được hết. Nếu nay giữ gìn diệu hạnh của thân, giữ gìn diệu hạnh của khẩu, của ý, thì sẽ do nhân đó, duyên đó mà không trở lại làm ác, tạo nghiệp bất thiện’.’

“Ma-ha-nam, Ta hỏi lại rằng: ‘Này các Ni-kiền, các ông tin tưởng Tôn sư, không chút hoài nghi gì cả chăng?’ Họ trả lời Ta, ‘Đúng vậy, Cù-đàm, chúng tôi tin tưởng các đức Tôn sư, không chút hoài nghi gì cả’. Ma-ha-nam, Ta lại hỏi: ‘Này Ni-kiền, nếu quả như vậy thì Tôn sư Ni-kiền của các ông trước kia đã tạo các nghiệp ác bất thiện rất nặng, vị ấy vốn trước kia là Ni-kiền rồi chết đi, nay sanh vào nhân gian, xuất gia làm Ni-kiền, tu hạnh không ngồi, thường đứng không ngồi, chịu khổ sở như vậy, cũng như bọn các ông và đệ tử các ông vậy’. Họ lại nói với Ta: ‘Này Cù-đàm, lạc không nhân nơi lạc, nhưng nhân nơi khổ mới có. Như

⁹ Tì-đa-la sơn Tiên nhân Thất diệp 鬲 咄 羅 山 仙 人 七 葉 屋. Có lẽ là hang Sattapaṇṇiguhā, dưới chân núi Vebhāra, địa điểm này khác với bản Pāli là núi Gijjhakūṭa. cả hai đều ở trong số năm ngọn núi quanh Rājagahā. No.54: *Thiét-đê-ban-lãm-cù-hà*, có thể coi như dịch âm tương đương với Sattapaṇṇiguhā. Bản Pāli: ... *viharāmi gijjhakūṭe pabbate... sambahulā nigaṇṭhā isigilipasse kālasilāyam*, Ta trú trên núi Gijjhakūṭa (Linh thú); có nhiều người Nigaṇṭha sống trong hang Hắc thạch, sườn núi Tiên nhân.

¹⁰ Quảng sơn 廣 山, có lẽ là Vepulla, cao nhất trong năm ngọn núi quanh Rājagahā, địa điểm này cũng khác trong bản Pāli: họ ở trong hang Kaḷasilā trên sườn Isigili, No.54: *Đọa-phu-lu*, có thể coi như dịch âm tương đương Vepulla.

sự lạc của vua Tần-tì-sa-la¹¹ thì Sa-môn Cù-đàm [587c] không bằng được’. Ta lại nói: ‘Các ông si cuồng, nói điều vô nghĩa. Tại sao? Các ông không khéo léo, không hiểu biết gì cả. Mà khi không biết, nên các ông nói, ‘Như sự lạc của vua Tần-tì-sa-la thì Sa-môn Cù-đàm không bằng được’. Nay Ni-kiền, đáng lẽ các ông phải hỏi như thế này: ‘Tần-tì-sa-la và Sa-môn Cù-đàm, ai sung sướng hơn?’ Nay Ni-kiền, nếu như Ta nói rằng: ‘Sự lạc của Ta hơn, vua Tần-tì-sa-la không bằng,’ thì này Ni-kiền, các ông có thể nói như vậy, ‘ Sự lạc của vua Tần-tì-sa-la, Sa-môn Cù-đàm không bằng’. Các Ni-kiền đó liền nói như vậy, ‘Thưa Cù-đàm, nay chúng tôi muốn hỏi Cù-đàm, giữa vua Tần-tì-sa-la và Sa-môn Cù-đàm, ai sung sướng hơn?’ Ta lại nói, ‘Này Ni-kiền, Ta nay hỏi ông, tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Nay Ni-kiền, ý ông nghĩ sao, vua Tần-tì-sa-la có đạt được sự tịch mặc vô ngôn như ý,¹² nhân đó mà được hoan hỷ, khoái lạc trong bảy ngày bảy đêm không?’ Ni-kiền đáp, ‘Không, thưa Cù-đàm’. Ta hỏi, ‘Thế có được hoan hỷ, khoái lạc trong vòng sáu, năm, bốn, ba, hai hay một ngày một đêm không?’ Ni-kiền đáp: ‘Không, thưa Cù-đàm’. Ta lại hỏi, ‘Này Ni-kiền, Ta có đạt được sự tịch mặc vô ngôn ý, nhân đó mà được hoan hỷ, khoái lạc trong một ngày một đêm không?’ Ni-kiền đáp, ‘Được, thưa Cù-đàm’. Ta hỏi, ‘Thế Ta có được hoan hỷ trong vòng hai, ba, bốn, năm, sáu, cho đến bảy ngày bảy đêm không?’ ‘Được, thưa Cù-đàm’. Ta lại hỏi tiếp, ‘Này Ni-kiền, ý các ông nghĩ sao, ai sung sướng hơn, vua Tần-tì-sa-la hay là Ta?’ Ni-kiền đáp, ‘Thưa Cù-đàm, như chúng tôi hiểu theo sự trình bày của Sa-môn Cù-đàm thì Sa-môn Cù-đàm sung sướng hơn, vua Tần-tì-sa-la không bằng’.

“Ma-ha-nam, vì vậy nên biết là nơi dục không có lạc, chỉ toàn là khổ hoạn. Nếu Đa văn Thánh đệ tử không thấy như thật, như vậy sẽ bị bao phủ bởi dục, bị quấn chặt bởi pháp ác bất thiện, nên không đạt được xả, lạc, vô thượng tịch tĩnh. Ma-ha-nam, như vậy Đa văn Thánh đệ tử kia nhân nơi dục mà bị thoái chuyển.

“Ma-ha-nam, Ta biết là nơi dục không có lạc, chỉ toàn là vô lượng khổ hoạn. Ta biết đúng như thật nên không bị dục ngăn che, cũng không bị

¹¹ Tần-tì-sa-la 頻鞞娑羅. Pāli: Bimbisāra, vua nước Magadha (Ma-kiệt-đà).

¹² Pl.(M.i. 94): *aniñjamāno kāyena abhāsamāno vācaṃ satta rattidivāni...*, thân bất động, không nói lời nào, suốt bảy ngày đêm...

quần chặt bởi pháp ác bất thiện. Vì vậy đạt được xả, lạc, vô thượng tịch tĩnh.

“Ma-ha-nam, vì vậy Ta không nhân nơi dục mà bị thoái chuyển.

Phật thuyết như vậy. Thích Ma-ha-nam và [588a] các Tỳ-kheo nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



101. KINH TĂNG THƯỢNG TÂM

Tôi nghe như vậy.

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Nếu Tỳ-kheo muốn được tăng thượng tâm¹, cần phải thường xuyên suy niệm năm tướng. Thường xuyên niệm năm tướng thì tâm niệm bất thiện đã sanh liền được trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an trú, nội tâm được tĩnh chỉ, chuyên nhất, được định tĩnh².

“Năm tướng³ đó là những gì? Tỳ-kheo suy niệm về một tướng tương ưng thiện⁴, nếu sanh tâm niệm bất thiện⁵, vị Tỳ-kheo đó nhân nơi tướng này lại suy niệm về một tướng khác tương ưng với thiện, khiến tâm niệm ác bất thiện không sanh nữa. Khi vị Tỳ-kheo đó nhân nơi tướng này, lại suy niệm về một tướng khác tương ưng với thiện thì tâm niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Tâm niệm ác diệt rồi, tâm thường an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, được định tĩnh.

“Cũng như người thợ mộc hay học trò thợ mộc kéo thẳng dây mực, búng lên thân cây rồi dùng rìu bén mà đẽo cho thẳng; Tỳ-kheo cũng vậy, nhân nơi tướng này mà suy niệm một tướng khác tương ưng với thiện, khiến tâm niệm ác bất thiện không sanh nữa. Khi Tỳ-kheo đó nhân nơi tướng này, lại suy niệm một tướng khác tương ưng với thiện, tâm niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Tâm niệm ác diệt rồi, tâm liền được an trú, bên trong tĩnh chỉ chuyên nhất, đắc định. Nếu Tỳ-kheo muốn được tăng thượng tâm, cần phải luôn luôn suy niệm tướng thứ nhất này. Do suy niệm tướng này, tâm niệm bất thiện đã sanh liền được trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, được định tĩnh.

¹ Tăng thượng tâm 增上心. Pāli: *adhicittam*.

² Pāli (M. i. 120): *ajjhattam eva cittaṃ santiṭṭhati sannisīdati ekodhi hoti samādhīyati*.

³ Ngũ tướng 五相. Pāli: *pañca nimittāni*.

⁴ Pāli: *yaṃ nimittaṃ manasākaroto*, khi tác ý nơi một tướng (nào đó).

⁵ Bất thiện niệm 不善念: bất thiện tâm. Pāli: *upapajjanti pāpakā akusalā vitakkā chandūpasamhitāpi...*, sanh khởi những ác bất thiện tâm liền hệ đến dục...

“Lại nữa, Tỳ-kheo khi suy niệm về một tướng, tương ưng với thiện, nếu sanh tâm niệm bất thiện, Tỳ-kheo đó quán rằng: “Suy niệm ác này có tai họa⁶, suy niệm này là bất thiện, suy niệm này là ám, suy niệm này bị người trí ghét, suy niệm này nếu đầy đủ thì không thể chứng đắc trí thông⁷, không chứng đắc giác đạo, không chứng đắc Niết-bàn, vì nó khiến sanh tâm niệm ác bất thiện’. Vì Tỳ-kheo đó quán sự ác như vậy, tâm niệm bất thiện sanh khởi liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi liền tâm thường an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, đắc định.

“Nhu có người thiếu niên đẹp trai, khả ái, tắm gội sạch sẽ, mặc y phục đẹp đẽ, lấy hương xoa khắp thân, cạo sửa râu tóc [588b] khiến rất tinh khiết. Nếu lấy xác rắn, xác chó, hoặc xác người đã thối xanh, sinh chướng, thối rữa, chảy nước dơ, đeo tròng vào cổ người ấy, người ấy liền ghét sự dơ bẩn nên không hỷ, không lạc. Tỳ-kheo cũng vậy, Tỳ-kheo quán rằng ‘Niệm ác này có tai họa, niệm này không thiện, niệm này là ác, niệm này người trí ghét. Nếu đầy đủ niệm này thì không thể chứng đắc trí thông, không chứng đắc giác đạo, không chứng đắc Niết-bàn vì nó khiến sanh tâm niệm ác bất thiện’. Tỳ-kheo đã quán sự ác như vậy, tâm niệm bất thiện đã sanh liền trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, đắc định. Nếu Tỳ-kheo muốn được tăng thượng tâm, cần phải luôn luôn niệm tướng thứ hai này. Khi niệm về tướng này thì tâm niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, đắc định.

“Lại nữa, Tỳ-kheo khi suy niệm về một tướng tương ưng với thiện mà sanh tâm niệm bất thiện, và khi quán niệm ác có tai họa mà lại sanh tâm niệm bất thiện nữa, Tỳ-kheo đó không nên suy niệm về niệm này, vì nó khiến sanh tâm niệm ác bất thiện. Tỳ-kheo đó không suy niệm về niệm này nữa thì tâm niệm bất thiện đã sanh liền được trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, đắc định.

“Nhu người có mắt, cảnh sắc nằm trong ánh sáng nhưng không muốn nhìn. Người đó hoặc nhắm mắt, hoặc lánh thân đi. Ý các người nghĩ sao,

⁶ Pāli: *tesaṃ vitakkānaṃ ādīnava uparikkhitabbo: itipime vitakkā akusalā... sāvajjā... dukkhavipākā ti*, cần quán sát sự tai hại của các tâm này: tâm này là bất thiện, là bị chỉ trích, là có kết quả khổ.

⁷ Thông 通, chỉ thẳng trí, tức lục thông.

cảnh sắc nằm trong ánh sáng, người đó có thể cảm nhận được tướng dạng của sắc không?”

Đáp rằng:

“Thưa không.”

“Tỳ-kheo cũng vậy, không nên suy niệm về niệm này, vì nó khiến sanh tâm niệm ác bất thiện. Khi vị Tỳ-kheo đó không suy niệm về niệm này nữa, tâm niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, đặc định. Nếu Tỳ-kheo muốn được tăng thượng tâm, cần phải luôn luôn suy niệm tướng thứ ba này. Suy niệm về tướng này thì tâm niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, đặc định.

“Lại nữa, Tỳ-kheo khi suy niệm về một tướng tương ưng với thiện mà sanh tâm niệm bất thiện, khi quán niệm ác có tai họa cũng sanh tâm niệm bất thiện, và trong khi không suy niệm về niệm đó nữa cũng lại sanh tâm niệm bất thiện; vị Tỳ-kheo đó vì niệm này, phải dùng hành tướng của tư duy để giảm dần niệm ấy⁸, khiến không sanh tâm niệm ác bất thiện. Khi đối với niệm này, Tỳ-kheo đó phải dùng hành tướng tư duy để giảm dần niệm ấy thì niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, đặc định.

“Nhu có người đi đường, [588c] bước nhanh trên đường, người đó nghĩ rằng: ‘Tại sao ta đi nhanh? Giờ ta hãy đi chậm được chăng?’ Người đó liền đi chậm lại, nhưng rồi lại nghĩ: ‘Tại sao ta đi chậm mà chẳng đứng lại?’ Người đó liền đứng lại, nhưng rồi lại nghĩ: ‘Tại sao ta lại đứng? Ta ngồi xuống được chăng?’ Người đó liền ngồi xuống, nhưng rồi lại nghĩ: ‘Tại sao ta lại ngồi? Ta nằm xuống được chăng?’ Người đó liền nằm xuống. Như vậy là người đó đang thực hành pháp đình chỉ dần dần hành tướng thô của thân. Nên biết, Tỳ-kheo cũng giống như thế. Đối với niệm này, Tỳ-kheo đó phải dùng hành tướng của tư duy mà giảm dần niệm ấy để không sanh tâm niệm ác bất thiện. Khi đối với niệm này, Tỳ-kheo đó phải dùng hành tướng của tư duy, giảm dần niệm ấy, thì tâm niệm bất

⁸ Dĩ tư hành tiệm giảm kỳ niệm. Pāli: *tesam vitakkānaṃ vitakkasaṅkhārasaṅghānaṃ manāsikaroto*, tác ý đến tư thái và tác động của tâm đối với các tâm ấy.

thiện đã sanh liền bị trừ diệt, niệm ác diệt rồi, tâm liền được an trú, bên trong tĩnh chỉ, chuyên nhất, đặc định. Nếu Tỳ-kheo muốn được tăng thượng tâm, cần phải suy niệm luôn luôn tướng thứ tư này. Suy niệm tướng này thì niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm liền được an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, đặc định.

“Lại nữa, Tỳ-kheo khi suy niệm về một tướng, tương ưng với thiện mà sanh tâm niệm bất thiện, khi quán niệm ác có tai họa mà cũng sanh niệm bất thiện, khi không suy niệm về niệm ác cũng sanh tiếp tâm niệm bất thiện, và khi phải dùng hành tướng của tư duy để giảm dần niệm ấy, cũng lại sanh tiếp tâm niệm bất thiện nữa; Tỳ-kheo đó nên quán như vậy. Tỳ-kheo, vì nhân niệm này mà sanh tâm niệm bất thiện, Tỳ-kheo đó liền ngậm khít răng lại, lưỡi ấn lên khẩu cái, dùng tâm để tu tâm, giữ chặt tâm và hàng phục tâm⁹, khiến không niệm ác bất thiện.

“Khi vị Tỳ-kheo đó dùng tâm tu tâm, giữ chặt tâm và hàng phục tâm thì niệm bất thiện đã sanh liền được trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm liền được an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, đặc định. Như hai lực sĩ bắt một người yếu, nắm vững và hàng phục nó. Tỳ-kheo cũng vậy, răng ngậm khít lại, lưỡi ấn lên khẩu cái, dùng tâm tu tâm, giữ chặt tâm và hàng phục tâm để không sanh tâm niệm ác bất thiện. Khi vị Tỳ-kheo đó dùng tâm tu tâm, giữ chặt tâm và hàng phục tâm thì niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm liền được an trú, bên trong tĩnh chỉ, chuyên nhất, đặc định. Nếu Tỳ-kheo muốn được tăng thượng tâm, cần phải luôn luôn suy niệm tướng thứ năm này. Suy niệm tướng này thì tâm niệm bất thiện đã sanh liền được trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm liền được an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, đặc định.

“Nếu Tỳ-kheo muốn được tăng thượng tâm thì cần phải luôn luôn suy niệm năm tướng này. Luôn luôn suy niệm năm tướng [589a] thì tâm niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm liền được an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, đặc định.

“Nếu Tỳ-kheo khi suy niệm về một tướng tương ưng với thiện mà không sanh tâm niệm ác, khi quán niệm ác có tai họa cũng không sanh niệm ác,

⁹ Pāli: *cetasā cittaṃ abhiniggaṇhaitabbaṃ abhinippūletabbaṃ abhisantāpetabbaṃ*, bằng tâm mà không chế tâm, trấn áp tâm, khuất phục tâm.

khi không suy niệm về niệm đó cũng không sanh niệm ác, khi dùng hành tướng của tư duy để giảm dần niệm ấy cũng không sanh niệm ác, và khi dùng tâm tu tâm, giữ chặt tâm và hàng phục tâm cũng lại không sanh niệm ác nữa, liền được tự tại, muốn suy niệm thì suy niệm, không suy niệm thì không suy niệm.

Nếu Tỳ-kheo muốn niệm thì niệm, không muốn niệm thì không niệm, thì đó là Tỳ-kheo đã được tùy ý trong các suy niệm, tự tại trong các đạo tích suy niệm¹⁰.

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.



¹⁰ Tự tại chư niệm tích 自在諸念跡. Pāli: *bhikkhu vasī vitakkapariyāyapathesu*, Tỳ-kheo ấy là người tự chủ trên những con đường dẫn đến pháp chiêm nghiệm (tâm pháp môn đạo).

102. KINH NIỆM

Tôi nghe như vậy.

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Thuở xưa, khi chưa chứng quả giác ngộ Vô thượng chánh tận, Ta nghĩ rằng: ‘Ta hãy chia các suy niệm¹ làm hai phần, niệm dục, niệm nhuế, niệm hại² làm một phần. Niệm vô dục, niệm vô nhuế, niệm vô hại, làm một phần khác³.’

“Sau đó, Ta liền chia các niệm làm hai phần, niệm dục, niệm nhuế, niệm hại, làm một phần. Niệm vô dục, niệm vô nhuế, niệm vô hại, làm một phần khác.

“Ta thực hành như vậy. Sống viễn ly, cô độc, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nếu sanh tâm niệm dục, Ta liền biết là đang sanh tâm niệm dục, hại mình, hại người, hại cả hai, diệt trí tuệ, nhiều phiền nhọc, không chứng đắc Niết-bàn. Biết rằng, hại mình, hại người, hại cả hai, diệt trí tuệ, nhiều phiền nhọc, không chứng đắc Niết-bàn, nó liền tiêu diệt nhanh chóng.

“Nếu lại sanh tâm niệm nhuế, tâm niệm hại, Ta liền biết là đang sanh niệm nhuế, niệm hại, hại mình, hại người, hại cả hai, diệt trí tuệ, nhiều phiền nhọc, không chứng đắc Niết-bàn. Biết rằng, hại mình, hại người, hại cả hai, diệt trí tuệ, nhiều phiền nhọc, không chứng đắc Niết-bàn, nó liền được tiêu diệt nhanh chóng.

“Khi sanh tâm niệm dục, Ta không thọ nhận, mà đoạn trừ, loại trừ, tổng khứ; sanh tâm niệm nhuế, tâm niệm hại cũng không thọ nhận, mà đoạn trừ, loại trừ, tổng khứ. Vì sao vậy? Vì Ta thấy rằng, nhân nơi đó mà sanh

¹ Niệm 念, hoặc gọi là tâm, tức là chú tâm tìm bắt đối tượng của tư duy. Cũng là một thiện chi, thuộc Sơ thiện, mà bản Hán này thường dịch là: giác 覺. Pāli: *vitakka*.

² Dục niệm, nhuế niệm, hại niệm 欲恚害念, ba bất thiện tâm. Pāli: *tayo akusalavitakkā: kāmavitakko, vyāpādavitakko, vihiṃsavitakko*.

³ Ba thiện tâm. Pāli: *tayo kusalavitakkā*.

vô lượng pháp ác bất thiện. Ví như vào tháng cuối xuân, vì đã trồng lúa nên đất thả bò không được rộng. Người chăn bò thả bò nơi đầm ruộng, bò vào đất người, nó liền cầm roi đến ngăn lại. Vì sao vậy? [589b] Vì người chăn bò biết rằng nhân nơi đó mà có lỗi lầm là sẽ bị chửi, bị đánh, bị trói. Do đó, chăn bò cầm roi đến ngăn lại. Ta cũng như vậy, sanh tâm niệm dục, không thọ nhận, mà đoạn trừ, loại trừ, tổng khứ. Sanh tâm niệm nhuế, tâm niệm hại cũng không thọ nhận, mà đoạn trừ, loại trừ, tổng khứ. Vì sao vậy? Vì Ta thấy nhân nơi đó mà sanh vô lượng pháp ác bất thiện.

“Tỳ-kheo tùy theo sự tư duy, tùy theo sự suy niệm của mình mà tâm sanh ham thích trong đó.⁴

“Nếu Tỳ-kheo hý luận quá nhiều về dục, tất sẽ bỏ niệm vô dục; vì hý luận nhiều về dục cho nên tâm sanh ham thích trong đó. Nếu Tỳ-kheo hý luận quá nhiều về niệm nhuế, niệm hại, tất sẽ xả bỏ niệm vô nhuế và niệm vô hại. Vì hý luận quá nhiều về niệm nhuế và niệm hại nên tâm sanh ham thích trong đó. Tỳ-kheo như vậy, nếu không lìa được dục, không lìa được niệm nhuế và niệm hại, sẽ không thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu sầu, khốc lóc, cũng không thể xa lìa khỏi tất cả mọi sự khổ.

“Ta thực hành như vậy. Sống viễn ly, cô độc, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nếu sanh tâm niệm vô dục, Ta biết liền là đang sanh tâm niệm vô dục, không hại mình, không hại người, không hại cả hai, tu trí tuệ, không phiền nhọc mà chứng đắc Niết-bàn. Biết rằng, không hại mình, không hại người, không hại cả hai, tu trí tuệ không phiền nhọc mà chứng đắc Niết-bàn, liền được tu tập nhanh chóng và rộng rãi. Nếu lại sanh tâm niệm vô nhuế, tâm niệm vô hại, Ta liền biết là đang sanh niệm vô nhuế, niệm vô hại, sẽ không hại mình, không hại người, không hại cả hai, tu trí tuệ không phiền nhọc mà chứng đắc Niết-bàn. Biết rằng, không hại mình, không hại người, không hại cả hai, tu trí tuệ không phiền nhọc mà chứng đắc Niết-bàn, liền được tu tập nhanh chóng và rộng rãi.

“Ta sanh tâm niệm vô dục, và hý luận nhiều. Sanh niệm vô nhuế, niệm vô hại, và hý luận nhiều. Ta lại suy nghĩ như vậy: ‘Nếu hý luận quá nhiều

⁴ Hán: 心便樂中; tâm tiện lạc trung. Pl.(M. i. 115): *yaññadeva... bahulam anuvitakketi amvicāreti tathā tathā nati hoti cetaso*, tâm và tứ hướng nhiều về nơi nào thì tâm cũng thiên hướng về nơi đó.

thì thân mệt⁵, mắt hỷ, tâm liền bị tổn hại. Ta hãy đối trị nội tâm, khiến thường an trú bên trong, tĩnh chỉ, chuyên nhất, đặc định để tâm không bị tổn hại'. Sau đó, Ta liền đối trị nội tâm, khiến thường an trú bên trong, tĩnh chỉ, chuyên nhất, đặc định mà tâm không bị tổn hại.

“Ta đã sanh khởi niệm vô dục, rồi lại sanh khởi suy niệm về hướng pháp tùy pháp⁶, sanh khởi niệm vô nhuế, niệm vô hại, rồi lại cũng sanh khởi suy niệm về hướng pháp, thứ pháp. Vì sao vậy? Vì Ta không thấy nhân nơi đó mà sanh vô lượng pháp ác bất thiện. Ví như vào tháng cuối thu, đã gặt hết lúa, khi đó đũa chặn bò thả bò nơi đồng ruộng mà nghĩ rằng: ‘Bò ta ở trong bầy’. Vì sao vậy? Vì đũa chặn bò không thấy rằng nhân nơi đó [589c] mà có lỗi lầm là sẽ bị chửi, bị đánh, bị trói. Do đó đũa chặn bò nghĩ ‘Bò ta ở trong bầy’ và không thấy rằng nhân nơi đó mà có lỗi lầm là sẽ bị chửi, bị đánh, bị trói, có mất mát. Ta cũng như vậy, sanh niệm vô dục rồi lại sanh niệm hướng pháp, thứ pháp, sanh niệm vô nhuế, niệm vô hại, rồi lại cũng sanh niệm hướng pháp, thứ pháp. Vì sao vậy? Vì Ta không thấy nhân nơi đó mà sanh vô lượng pháp ác bất thiện.

“Tỳ-kheo tùy sự tư duy, tùy sự suy niệm mà tâm ham thích trong đó. Nếu Tỳ-kheo hý luận nhiều về niệm vô dục thì sẽ xả bỏ niệm dục; vì hý luận nhiều về niệm vô dục nên tâm ham thích trong đó. Nếu Tỳ-kheo hý luận nhiều về niệm vô nhuế, niệm vô hại thì sẽ xả bỏ niệm nhuế, niệm hại vì hý luận nhiều về niệm vô nhuế, niệm vô hại nên ham thích trong đó. Tỳ-kheo tâm tứ⁷ đã dứt, nội tĩnh nhất tâm, không tầm không tứ, định sanh hỷ lạc, chứng Nhị thiền, thành tựu và an trú. Tỳ-kheo đó ly hỷ dục, an trú xả, vô cầu, chánh niệm chánh trí, thân cảm giác lạc, điều mà bậc Thánh gọi là Thánh xả, niệm, an trú lạc, chứng đắc Tam thiền, thành tựu an trú. Tỳ-kheo diệt lạc, diệt khổ, diệt ưu hỷ vốn đã có, rồi thì không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng Tứ thiền, thành tựu an trú.

“Như vậy, Tỳ-kheo định tâm, thanh tịnh, không ô uế, không phiền não,

⁵ Để bản chép: thân *định hỷ* vong 身定喜亡; TTNM: thân *chi hỷ* vong 身之喜亡. Có thể nhầm cả; nên sửa lại: thân *phạp*, hỷ vong 身乏喜亡. Đối chiếu Pāli: *aticiraṃ anuvitakkayato... kāyo kilameyya; kāye kilante cittaṃ ūhaññeyya*: suy tầm quá lâu, thân có thể sinh mệt. Khi thân mỗi mệt, tâm loạn động.

⁶ Hướng pháp thứ pháp 向法次法, tức thực hành pháp tùy pháp

⁷ Giác quán, tức là tư và niệm đã nói trên.

nhu nhuyễn, khéo an trụ, chứng đắc tâm bất động, hướng đến quả vị lậu tận, tự thân chứng ngộ trí thông, liền biết như thật rằng ‘Đây là Khổ’, ‘Đây là Khổ tập’, ‘Đây là Khổ diệt’, ‘Đây là Khổ diệt đạo’. Cũng biết như thật đây là lậu diệt và đây là lậu diệt đạo. Tỳ-kheo đã biết như vậy, thấy như vậy rồi thì tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu, vô minh lậu. Giải thoát rồi biết mình đã giải thoát, biết đúng như thật rằng ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’.

“Khi Tỳ-kheo này đã lia niệãm dục, lia niệãm nhuế, lia niệãm hại thì được giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, buồn lo, khóc lóc, lia tất cả khổ. Ví như ở một khu rừng có suối nước lớn, có bầy nai nọ đến đó rong chơi. Có một người đến, không muốn vì sự lợi ích phước lành cho bầy nai đó, vì không muốn sự an ổn khoái lạc cho chúng, liền bít con đường chánh, mở con đường hiểm, đào hầm hố lớn rồi cho người coi giữ. Như vậy là tất cả bầy nai đều bị chết hết. Lại có một người khác đến, muốn cho bầy nai kia được lợi ích phước lành, được an ổn khoái lạc, liền mở con đường chánh, bít lấp con đường hiểm, đuổi người coi giữ. Như vậy, bầy nai được cứu thoát an ổn.

“Này các Tỳ-kheo, nên biết, [590a] Ta nói ví dụ này là muốn để các người biết rõ ý nghĩa, người trí tuệ nghe ví dụ này sẽ hiểu rõ ý thú. Ví dụ đó có nghĩa như vậy. Suối nước lớn là năm dục, ái niệãm, hoan lạc. Những gì là năm? Sắc được biết bởi mắt, tiếng được biết bởi tai, hương được biết bởi mũi, lưỡi vị được biết bởi lưỡi và xúc được biết bởi thân. Suối nước lớn, nên biết, đó là năm thứ dục lạc. Bầy nai, nên biết, đó là Sa-môn, Bà-la-môn. Người đi đến không muốn cho bầy nai kia được lợi ích và phước lành, được an ổn khoái lạc, nên biết, đó là Ma Ba-tuần. Bít con đường chánh, mở một đường hiểm, đó là ba niệãm ác bất thiện, niệãm dục, niệãm nhuế và niệãm hại. Đường hiểm, nên biết, đó là niệãm ác bất thiện. Lại có con đường hiểm, đó là tám tà đạo, tà kiến và tà định. Đào hầm lớn, nên biết, đó là vô minh. Người coi giữ, nên biết, đó là quyền thuộc của Ma Ba-tuần. Còn người đi đến, muốn cho bầy nai được lợi ích và phước lành, được an ổn khoái lạc, nên biết, đó chính là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác. Bít lấp con đường hiểm, mở con đường chánh, đó là ba niệãm thiện, niệãm vô dục, niệãm vô nhuế và niệãm vô hại. Đường chánh, nên biết đó là ba niệãm thiện. Lại còn có con đường chánh,

đó là bát chánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định.

“Này các Tỳ-kheo, Ta đã mở con đường chánh, bít lấp con đường hiểm, san bằng hầm hố, đuổi người coi giữ cho các người rồi. Ví như đấng Tôn sư thương yêu đệ tử, phát khởi lòng đại từ đại bi, mong muốn cho được lợi ích và phước lành, được an ổn khoái lạc. Điều đó Ta đã thực hiện rồi, các người cũng phải tự mình thực hiện. Hãy đến chỗ vô sự, núi rừng, gốc cây, hoặc chỗ nào yên tĩnh mà thiền tọa tư duy, chớ nên phóng dật. Hãy chuyên cần tinh tấn, đừng để về sau phải hối hận. Đó là lời răn dạy của Ta. Đó là lời khuyên bảo của Ta”.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.⁸



⁸ Bản Hán, hết quyển 25.

103. KINH SỰ TỬ HỒNG

[590b] Tôi nghe như vậy.

Một thời Đức Phật trú tại Câu-lâu-sấu, ở Kiềm-ma-sát-đàm. một đô ấp của Câu-lâu¹.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Ở đây² có Sa-môn thứ nhất, thứ hai, thứ ba, Sa-môn thứ tư. Ngoài đây ra³ không có Sa-môn, Bà-la-môn; Dị học hoàn toàn không có⁴ Sa-môn, Bà-la-môn. Trong bất cứ chúng hội, các người hãy chân chánh rống tiếng rống như sự tử vậy.

“Này các Tỳ-kheo, nếu có người Dị học đến hỏi các người, ‘Này Chư Hiền, các ông có hành gì, lực gì, trí gì mà các ông nói như vậy: ‘Ở đây có Sa-môn thứ nhất, thứ hai, thứ ba, Sa-môn thứ tư. Ngoài đây ra không có Sa-môn, Bà-la-môn; Dị học hoàn toàn không có Sa-môn, Bà-la-môn’. Trong bất cứ chúng hội các ông đều chân chánh rống tiếng rống sự tử như vậy?’”.

“Này các Tỳ-kheo, các người nên trả lời Dị học ấy như vậy: ‘Này Chư Hiền, Đức Thế Tôn của tôi là bậc có trí, có kiến; là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, thuyết giảng bốn pháp. Nhân nơi bốn pháp này mà chúng tôi nói như vậy: ‘Ở đây có Sa-môn thứ nhất, thứ hai, thứ ba, Sa-môn thứ tư. Ngoài đây ra không có Sa-môn, Bà-la-môn; Dị học hoàn toàn không có Sa-môn, Bà-la-môn. Trong bất cứ chúng hội mà chúng tôi đều chân chánh rống tiếng rống sự tử như vậy.’”

“Bốn pháp đó là những gì? Này Chư Hiền, chúng tôi tin tưởng Đấng Tôn Sư, tin Pháp, tin sự thành mãn của giới đức⁵, đồng đạo có ái kính, có

¹ Xem chú thích kinh 97 trên. Bản Pāli nói Phật ở tại Sāvatti.

² *Thử trung* 此中, tức chỉ trong Chánh pháp của Phật. Pāli: idheva, chỉ ở đây.

³ *Thử ngoại* 此外, tức ngoài Phật pháp. Pāli: parappavāda, ngoại đạo.

⁴ Dị học không vô 異學空無. Pāli: *suññā parappavādā*, các học thuyết khác trống rỗng, không có...

⁵ Tín giới đức cụ túc 戒德具足. Pāli: *atthi sīlesu paripūrakārītā*, tin có những sự thành mãn trong các giới đức.

phụng sự chân thành⁶.

“Này Chư Hiền, Đức Thế Tôn của chúng tôi là bậc có trí, có kiến, là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, thuyết giảng bốn pháp này. Nhân bốn pháp này mà chúng tôi nói như vậy: ‘Ở đây có Sa-môn thứ nhất, thứ hai, thứ ba, Sa-môn thứ tư. Ngoài ra không có Sa-môn, Bà-la-môn; Di học hoàn toàn không có Sa-môn, Bà-la-môn. Trong bất cứ chúng hội chúng tôi đều chân chánh rống tiếng rống sư tử như vậy.’

“Này các Tỳ-kheo, nếu Di học cũng có thể lại nói: ‘Này Chư Hiền, chúng tôi cũng tin đấng Tôn sư, tức Tôn sư của chúng tôi; tin pháp, tức pháp của chúng tôi; tin sự thành mãn của giới đức, tức giới của chúng tôi; cũng ái kính bạn đồng đạo, phụng sự chân thành, là [590c] bạn đồng đạo xuất gia và tại gia của chúng tôi. Này Chư Hiền, giữa hai lời nói này, của Sa-môn Cù-đàm và của chúng tôi, có gì hơn chẳng? Có ý gì chẳng? Có sai biệt gì chẳng?’ Các Tỳ-kheo, các người nên hỏi Di học như vậy: ‘Chư Hiền, cứu cánh là một hay cứu cánh là nhiều?’

“Này các Tỳ-kheo, nếu Di học trả lời như vậy: ‘Chư Hiền, cứu cánh chỉ có một, cứu cánh không có nhiều’. Thì này các Tỳ-kheo, các ông hỏi tiếp Di học: ‘Này Chư Hiền, người có dục mà được cứu cánh, hay người không có dục mới được cứu cánh?’⁷ Này các Tỳ-kheo, nếu Di học trả lời như vậy, ‘Này Chư Hiền, người không có dục mới được cứu cánh, không phải người có dục mà được cứu cánh’.

“Này các Tỳ-kheo, các người hãy hỏi tiếp Di học, ‘Chư Hiền, người có nhuế mà được cứu cánh, hay người không có nhuế mà được cứu cánh?’ Các Tỳ-kheo, nếu Di học trả lời như vậy: ‘Chư Hiền, người không có nhuế mà được cứu cánh, không phải người có nhuế mà được cứu cánh’. Các Tỳ-kheo, các người hãy hỏi tiếp Di học: ‘Chư Hiền, người có si mà được cứu cánh hay người không có si mà được cứu cánh?’

“Các Tỳ-kheo, nếu Di học trả lời như vậy: ‘Chư Hiền, người không có si

⁶ Ái kính đồng đạo, cung khác phụng sự 愛敬同道恭恪奉事. Pāli: *sahadhammikā kho pana piyā manāpā*, những người cùng theo một giáo pháp thương yêu nhau, mến mộ nhau.

⁷ Pl. *sā nitthā sarāgassa udāhu vītarāgassa*, cứu cánh ấy là cho nguwoif có dục hay cho người ly dục?

mà được cứu cánh, không phải người có si mà được cứu cánh’.

“Này các Tỳ-kheo, các người hãy hỏi tiếp Đệ học: ‘Chư Hiền, người có ái, có thủ⁸ mà được cứu cánh, hay người không có ái, không có thủ mà được cứu cánh?’ Các Tỳ-kheo, nếu Đệ học trả lời như vậy: ‘Chư Hiền, người không có ái, không có thủ mà được cứu cánh, không phải người có ái, có thủ mà được cứu cánh’. Này các Tỳ-kheo, các người hãy hỏi tiếp Đệ học: ‘Chư Hiền, người không có tuệ⁹, không có thuyết tuệ¹⁰ mà được cứu cánh, hay người có tuệ, có thuyết giảng tuệ mà được cứu cánh?’ Các Tỳ-kheo, nếu Đệ học trả lời như vậy: ‘Chư Hiền, người có tuệ, có thuyết tuệ mà được cứu cánh; không phải người không có tuệ, không thuyết tuệ mà được cứu cánh’. Các Tỳ-kheo, các người hãy hỏi tiếp Đệ học: ‘Chư Hiền, người có tăng, có tránh¹¹ mà được cứu cánh, hay người không có tăng có tránh mà được cứu cánh?’ Các Tỳ-kheo, nếu Đệ học trả lời như vậy: ‘Chư Hiền, người không có tăng, không có tránh mà được cứu cánh; không phải người có tăng có tránh mà được cứu cánh’. Các Tỳ-kheo, các người hãy nói với Đệ học như vậy: ‘Chư Hiền, như vậy là các ông nói có một cứu cánh, không phải nhiều cứu cánh.

“Người không có dục mà được cứu cánh, [591a] không phải người có dục mà được cứu cánh. Người không có nhuế mà được cứu cánh, không phải người có nhuế mà được cứu cánh. Người không có si mà được cứu cánh, không phải người có si mà được cứu cánh. Người không có ái, không có thủ được cứu cánh, không phải người có ái, có thủ mà được cứu cánh. Người có tuệ, có thuyết tuệ mà được cứu cánh; không phải người không có tuệ, không có thuyết tuệ mà được cứu cánh. Người không có tăng, không có tránh mà được cứu cánh; không phải người có tăng, có tránh mà được cứu cánh.

“Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nương nơi vô lượng kiến, vị đó nhất định

⁸ Ái và thọ 愛受, tức ái và thủ trong mười hai chi duyên khởi. Pāli: sa-taṇhā, sa-upādāna.

⁹ Vô tuệ 無慧; Pāli: *viddasuno udāhu aviddasuno*, cho bậc trí giả hay vô trí giả?

¹⁰ Thuyết tuệ 說慧, chưa rõ nghĩa.

¹¹ Tăng và tránh 憎諍; ghét và gây gỗ; hay ác cảm và hay gây sự. Pāli: anuruddha-paṭiviruddha (thuận tòng và phản đối)?

nuơng nơi hai kiến, hữu kiến và vô kiến¹². Nếu nuơng nơi hữu kiến, vị đó liền bám dính hữu kiến, nuơng cậy nơi hữu kiến, y trụ nơi hữu kiến và tranh chấp với vô kiến¹³. Nếu nuơng nơi vô kiến, vị đó liền bám dính vô kiến, nuơng cậy nơi vô kiến mà tranh chấp với hữu kiến.

“Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn không biết một cách như thật về nhân, về tập, về diệt, về tận, vị ngọt, tai hoạn và sự xuất yếu¹⁴, vị đó nhất định có dục, có nhuế, có si, có ái, có thủ, không có tuệ, không có thuyết tuệ, có tắng, có tránh; vị đó không lia khỏi sanh, già, bệnh, chết, cũng không thể thoát khỏi sự buồn rầu, kêu khóc, lo khổ, áo não, không đoạn tận khổ biên.

“Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn đối với những loại kiến này mà biết một cách như thật về tập, về diệt, về tận, vị ngọt, sự tai hoạn và sự xuất yếu, vị đó nhất định không có dục, không có nhuế, không có si, không có ái, không có thủ, có tuệ, có thuyết tuệ, không có tắng, không có tránh, vị đó lia khỏi sanh, già, bệnh, chết, cũng có thể thoát khỏi sự buồn rầu, kêu khóc, lo khổ, áo não, vượt khỏi bờ khổ.

“Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương đoạn trừ thủ, nhưng không chủ trương đoạn trừ tất cả thủ; chỉ chủ trương đoạn trừ dục thủ mà không chủ trương đoạn trừ giới thủ, kiến thủ, ngã thủ¹⁵. Vì sao vậy? Vì Sa-môn, Bà-la-môn đó không biết đúng như thật về ba xứ¹⁶. Do đó, vị ấy chủ trương đoạn trừ thủ, nhưng không chủ trương đoạn trừ tất cả thủ.

“Lại có Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương đoạn trừ thủ, nhưng không chủ

¹² Hữu kiến, vô kiến 有見無見. Pāli: *bhavadiṭṭhi, vibhavadiṭṭhi*, hữu kiến, phi hữu kiến.

¹³ Tắng tránh vô kiến 憎諍無見. Pāli: *vibhavadiṭṭhiyā te paṭiviruddhā*, chúng phản đối quan điểm phi hữu.

¹⁴ Bảy khía cạnh của vấn đề, Hán: nhân, tập, diệt, tận, vị, hoạn, xuất yếu 因集滅盡味患 出要. Pāli, chỉ kể sáu: *samudaya* (tập khởi), *atthangama* (hoại diệt), *assāda* (vị ngọt), *ādīnava* (tai hại), *nissarana* (sự thoát ly).

¹⁵ Bốn thọ, tức bốn thủ: dục, giới, kiến và ngã. Pāli: *cattāri upādāni, kāmupādānam* (dục thủ), *diṭṭhupādānam* (kiến thủ), *silabbatupādānam* (giới cầm thủ), *attavādupādānam* (ngã ngữ thủ, ngã luận thủ).

¹⁶ Ba xứ, đây chỉ ba trường hợp về giới, kiến và ngã. Tức trừ dục thủ.

trương đoạn trừ tất cả thủ; chỉ chủ trương đoạn trừ dục thủ, giới thủ, mà không chủ trương đoạn trừ kiến thủ, ngã thủ. Vì sao vậy? Vì Sa-môn, Bà-la-môn đó không biết đúng như thật về hai xứ. Do đó, vị ấy tuy đoạn trừ thủ nhưng không chủ trương đoạn trừ tất cả thủ.

“Lại có Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương đoạn trừ thủ nhưng không chủ trương đoạn trừ tất cả thủ; chỉ chủ trương đoạn trừ dục thủ, giới thủ, kiến thủ mà không [591b] chủ trương đoạn trừ ngã thủ. Vì sao vậy? Vị Sa-môn, Bà-la-môn đó không biết đúng như thật về một xứ. Do đó vị ấy chủ trương đoạn trừ thủ nhưng không chủ trương đoạn trừ tất cả thủ.

“Đối với pháp luật như vậy, người nào tin đấng Tôn sư, người đó không phải là chân chánh,¹⁷ không phải là đệ nhất. Nếu tin pháp, cũng không phải là chân chánh, không phải là đệ nhất. Nếu ái kính bạn đồng đạo, chân thành phụng sự, cũng không phải chân chánh, không phải đệ nhất.

“Nếu có Đức Như Lai ra đời, là Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, gọi là Phật Thế Tôn, Ngài cũng chủ trương đoạn trừ thủ. Ngay trong đời này, Ngài chủ trương đoạn trừ tất cả thủ, chủ trương đoạn trừ dục thủ, giới thủ, kiến thủ, ngã thủ. Bốn thủ này nhân nơi đâu? Tập khởi do đâu? Phát sinh từ đâu? Lấy gì làm gốc? Thủ này nhân nơi vô minh, phát sanh từ vô minh, lấy vô minh làm gốc.¹⁸ Tỳ-kheo vô minh đã diệt tận, minh tuệ đã phát sanh, vị đó từ đây không còn trở lại chấp thủ dục, chấp thủ giới, chấp thủ kiến và chấp thủ ngã nữa. Vị đó đã không chấp thủ rồi thì không còn lo sợ. Đã không lo sợ nên đoạn trừ nhân duyên, chắc chắn chứng đắc Niết-bàn và biết đúng như thật rằng ‘Sự sanh đã hết, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh’.

“Trong Pháp Luật chân chánh như vậy, nếu người nào tin Đấng Tôn Sư thì đó là người chân chánh, là người bậc nhất; nếu tin Pháp thì đó là

¹⁷ Hán: phi chánh phi đệ nhất 非正非第一. Pī: *sammagga*, chánh hành. Bản Hán hiểu: *samma* (chân chánh)+ *agga* (đỉnh cao, đệ nhất); thay vì, *samma*+(g)*gata* (đi, hành).

¹⁸ Hán: tứ thọ nhân vô minh. Pī: thủ do duyên ái, ái do duyên thọ,..., hành, vô minh.

người chân chánh, là người bậc nhất; nếu tin sự thành mãn của giới đức, đồng đạo có ái kính, thì đó là người chân chánh, là người bậc nhất; nếu đồng đạo có ái kính, có phụng sự chân thành thì đó là người chân chánh, là người bậc nhất.

“Này Chư Hiền, chúng tôi có hành như vậy, có lực như vậy, có trí như vậy. Nhân nơi đó mà chúng tôi nói như vậy, ‘Ở đây có Sa-môn thứ nhất, thứ hai, thứ ba, Sa-môn thứ tư. Ngoài đây ra không có Sa-môn, Bà-la-môn; Di học hoàn toàn không có Sa-môn, Bà-la-môn. Do đó, trong bất cứ chúng hội nào chúng tôi chân chánh rống tiếng rống sư tử như vậy’.”

Phật thuyết giảng như vậy, các Tỳ-kheo ấy sau khi Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



104. KINH ƯU-ĐÀM-BÀ-LA

Tôi nghe như vậy.

Một thời Đức Phật trú tại thành Vương xá, trong rừng Trúc, vườn Ca-lan-đa.

Bấy giờ có một Cư sĩ tên là Thập Ý¹, vào [591c] buổi sáng sớm, ông rời thành Vương xá, muốn đến chỗ Đức Phật để cúng dường lễ sự. Lúc bấy giờ Cư sĩ Thập Ý nghĩ rằng: “Hãy gác qua chuyện đi đến chỗ Phật. Thế Tôn và các Tỷ-kheo có thể vẫn còn đang thiền định. Ta hãy vào rừng Ưu-đàm-bà-la, đến Dự học viên²”.

Bấy giờ Cư sĩ Thập Ý liền đi vào rừng Ưu-đàm-bà-la, đến Dự học viên. Tại đây có một Dự học tên là Vô Nhuế³, được tôn làm tông chủ của dự học, được mọi người kính trọng, quy phục, được năm trăm Dự học tôn sùng. Giữa một đám đông ồn ào, ông đang cao giọng luận bàn đủ mọi vấn đề chào xáo⁴, như bàn chuyện vua chúa, bàn chuyện trộm cướp, bàn chuyện đấu tranh, bàn chuyện ăn uống, bàn chuyện y phục, bàn chuyện phụ nữ, bàn chuyện đồng nữ, bàn chuyện dâm nữ, bàn chuyện thế tục, bàn chuyện phi đạo, bàn chuyện sông biển, bàn chuyện quốc gia, tất cả những vấn đề cũng lại chào xáo như thế đều tập hợp tại chỗ ngồi của ông.

Lúc bấy giờ, Dự học Vô Nhuế thấy Cư sĩ Thập Ý từ xa tiến đến, liền ra lệnh bảo hội chúng của mình hãy im lặng:

“Này Chư Hiền, các ông chớ nói nữa, hãy vui vẻ im lặng! Mỗi người hãy tự mình thu liễm! Vì sao vậy? Vì có Cư sĩ Thập Ý sắp đến đây. Ông ấy là đệ tử của Sa-môn Cù-đàm. Trong số Cư sĩ tại gia ở trong thành Vương xá

¹ Cư sĩ Thập Ý 居士實意. No.1(8): Tán-đa-na 散陀那. No.11: Hòa hiệp 和合. Pāli, D. 25: Sandhāna gahapati.

² Ưu-đàm-bà-la lâm Dự học viên 優曇婆邏林異學園. No.1(8): Ô-tạm-bà-lị-nữ phạm chí lâm. No.11: Ô-đàm-mạt-lê viên: Pāli: Udumbarikāya paribbājakārāmo. một bà hoàng (devī) dựng Paribbajakārāma (Tinh xá dành cho các du sĩ dự học), gần Rājagaha (Vương xá).

³ Vô Nhuế 無恚. No.1(8), như No.11: Ni-câu-đà 尼拘陀. Pāli: Nigrodha. Hán đọc là Nikrodha.

⁴ Điều luận 鳥論. Cũng trong bản Hán này những chỗ khác gọi là Súc sanh luận. Xem kinh 207. Pāli: *tiracchānakatha*.

này, nếu có đệ tử của Sa-môn Cù-đàm mà danh đức vang dội, được mọi người kính trọng thì ông ấy là người bậc nhất. Ông ấy không ưa sự huyền ảo, thích im lặng, tự mình thu liễm. Nếu ông ấy biết hội chúng đây im lặng có thể sẽ đến”.

Đệ học Vô Nhuế bảo hội chúng im lặng, rồi tự mình cũng im lặng. Lúc bấy giờ Cư sĩ Thật Ý đi đến chỗ Đệ học Vô Nhuế, cùng nhau chào hỏi, rồi ngồi xuống một bên.

Cư sĩ Thật Ý nói:

“Này Vô Nhuế, Đức Phật Thế Tôn của tôi, hoặc ở tại rừng vắng, sơn lâm, dưới gốc cây hay sống trên sườn núi cao, những nơi vắng vẻ không có tiếng động, xa vắng, không có sự dữ, không có người đời và tùy thuận mà thiên tọa. Phật Thế Tôn là như vậy. Ngài sống ở tại rừng vắng, sơn lâm, dưới gốc cây, hay sống trên sườn núi cao, những nơi vắng lặng không có tiếng động, xa vắng, không có sự dữ, không có người đời, tùy thuận mà thiên tọa. Ngài ở nơi xa vắng, thường thích thiên tọa, an ổn, khoái lạc. Đức Phật Thế Tôn chưa hề một ngày một đêm tụ tập, hội họp cùng mọi người như ông và quyến thuộc của ông hôm nay”.

Bấy giờ Đệ học Vô Nhuế liền nói:

“Thôi, thôi, Cư sĩ! Ông do đâu mà biết được? Cái tuệ giải thoát trống rỗng⁵ của Sa-môn Cù-đàm, cái đó không đủ để nói, hoặc tương ưng hay không tương ưng, hoặc tùy thuận hay không tùy thuận. Sa-môn [592a] Cù-đàm đi từ biên này đến biên kia, ưa thích từ biên này đến biên kia, sống từ biên này đến biên kia. Như con trâu đui ăn cỏ nơi biên địa, nó đi từ biên này đến biên kia,⁶ ưa thích từ biên này đến biên kia, sống từ biên

⁵ Không tuệ giải thoát 空慧解脫. No 1(8): không xá tuệ空舍慧. Pāli nói: *suññāgārahātā samañassa gotamassa paññā*, “trí tuệ của Sa-môn Cù-đàm bị hủy hoại vì sống nơi hoang vắng” (hoặc hiểu cụ thể hơn: bị hủy hoại như ngôi nhà trống). Đề tài về tu tập nơi rừng vắng để chứng đạt vô thượng thanh tịnh không tánh (*parisudhā paramānuttarā suññatā*) được nói đến trong M.122 và 123 (Xem các kinh số 190 và 191 ở sau). No.11 (...) xử Ứng Chánh đẳng giác không xá, tuệ hà năng chuyên, “ở trong cái nhà trống của Phật, thì tuệ nào mà có thể chuyên?”

⁶ Hành biên chí biên 行邊至邊. Pāli: *seyyathāpi nāma gokāṇā pariyantacārini*

này đến biên kia. Sa-môn Cù-đàm cũng giống như vậy.

“Này Cư sĩ, nếu Sa-môn Cù-đàm đến nơi hội chúng này, chỉ bằng một vấn đề, tôi cũng đủ hủy diệt ông ấy như lặn cái bình không, và cũng sẽ nói cái ví dụ con trâu đui cho ông ấy nghe”.

Rồi Dị học Vô Nhuế bảo với đồ chúng của mình:

“Này Chư Hiền, giả sử Sa-môn Cù-đàm đến nơi hội chúng này, nếu như có đến thật, thì các ông chớ có đứng dậy chấp tay nghinh đón, cũng chớ có mời ngồi. Hãy để riêng một chỗ cho ông ấy ngồi thôi. Khi ông ấy đến đây rồi thì hãy nói như vậy, ‘Này Cù-đàm! Có chỗ ngồi đây, muốn ngồi tùy ý’.”

Bấy giờ Đức Thế Tôn đang thiên tọa, bằng thiên nhĩ thanh tịnh, nghe xa hơn người, nghe rõ cuộc thảo luận như vậy giữa Cư sĩ Thật Ý và Dị học Vô Nhuế. Vào lúc xế, Ngài liền rời chỗ ngồi đứng dậy, đi vào rừng Ưu-đàm-bà-la, đến Dị học viên. Thấy Đức Thế Tôn đang từ xa đi đến, Dị học Vô Nhuế liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trích áo bày vai phải, chấp tay hướng Phật mà tán thán rằng:

“Kính chào Cù-đàm, đã lâu ngày không đến đây. Xin mời ngồi chỗ này”.

Khi ấy Đức Thế Tôn thâm nghĩ: “Người ngu si này tự phản lại điều mình đặt ra”. Biết như vậy, Đức Thế Tôn liền ngồi trên giường đó. Dị học Vô Nhuế sau khi chào hỏi Đức Thế Tôn, liền ngồi xuống một bên.

Đức Thế Tôn hỏi:

“Này Vô Nhuế! Ông và Cư sĩ Thật Ý vừa bàn luận việc gì thế? Vì lý do gì mà nhóm họp nơi đây?”

Dị học Vô Nhuế trả lời:

“Thưa Cù-đàm, chúng tôi nghĩ như vậy, ‘Sa-môn Cù-đàm có những pháp gì dạy bảo cho đệ tử, các đệ tử sau khi vâng lãnh sự dạy bảo rồi liền được an ổn, trọn đời tịnh tu phạm hạnh và đem dạy cho người khác nữa?’ Thưa Cù-đàm, tôi và Cư sĩ Thật Ý vừa bàn luận việc như vậy. Vì lý do đó mà chúng tôi nhóm họp nơi đây”.

Cư sĩ Thật Ý nghe ông ta nói vậy liền nghĩ: ‘Lạ thay, Dị học Vô Nhuế lại

antamantān’ eva sevati, như con bò chột mắt đi loanh quanh ngoài rìa, từ đầu này đến đầu nọ.

nói láo. Vì sao vậy? Vì ở trước Đức Thế Tôn mà dám lừa dối Ngài’.

Đức Thế Tôn biết vậy, Ngài liền nói:

“Này Vô Nhuế, Pháp của Ta rất sâu sắc, rất kỳ diệu, rất hy hữu, khó hiểu, khó biết, khó thấy, khó chứng đắc, mà Ta dạy bảo cho đệ tử và đệ tử sau khi vâng lãnh sự dạy bảo rồi liền được an ổn, trọn đời tịnh tu phạm hạnh và đem dạy lại cho người khác nữa. Này Vô Nhuế, hãy hỏi Ta về lối tu khổ hạnh kinh tởm⁷ mà Sư tông của ông chấp nhận, Ta cũng sẽ giải đáp cho ông thỏa mãn”.

Lúc đó [592b] các chúng Di học ồn ào đó cùng nhau lớn tiếng nói rằng:

“Sa-môn Cù-đàm thật là kỳ diệu! Thật là hy hữu! Có như ý túc, có uy đức lớn, có phước hựu lớn, có oai thần lớn. Vì sao vậy? Ngài bỏ qua tông chỉ của mình mà lại đề nghị thảo luận về tông chỉ của người”.

Lúc bấy giờ Di học Vô Nhuế ra lệnh bảo hội chúng của mình im lặng rồi hỏi:

“Thưa Cù-đàm, lối tu khổ hạnh kinh tởm, thế nào là được hoàn toàn? Thế nào là không được hoàn toàn?

Bấy giờ Đức Thế Tôn trả lời:

“Này Vô Nhuế! Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn lỏa hình, không y phục, hoặc dùng tay làm y phục, hoặc lấy lá làm y phục, hoặc lấy hạt châu làm y phục; hoặc không mức nước bằng bình, hoặc không mức nước bằng gáo; không ăn đồ ăn xốc xĩa bằng dao gậy, không ăn đồ ăn lừa dối, không tự mình đến, không sai người đi, không làm khách được mời⁸, không làm khách được chào đón⁹, không làm khách được lưu¹⁰, không ăn từ giữa hai người đang ăn, không ăn tại nhà có thai¹¹, không ăn từ

⁷ Bất liễu tắng ó hành 不了憎惡行, tức lối tu hành khổ hạnh lấy sự ghê tởm (tắng ó) làm bản chất. Pāli: *tapojiguccha*.

⁸ Hán: *bất lai tôn* 不來尊. Pāli: *na-ehi-bhadantika*, “không là Tôn giả được gọi: Mời đến đây!”

⁹ Hán: *bất thiện tôn* 不善尊. Có lẽ tương đương: *na-sādhu-bhadantika*, “không là Tôn giả được chào đón: Lành thay, tôn giả!”

¹⁰ Hán: *bất trụ tôn* 不住尊. Pāli: *na-tiṭṭha-bhadantika*, “không là Tôn giả được mời mọc: Hãy ở lại đây, Tôn giả!”

¹¹ Hán: *bất hoài nhâm gia thực* 不懷妊家食. Pāli: *na gabbhīniyā (paṭigannhāti)*,

nhà có nuôi chó, không ăn từ nhà có lảng xanh bay đến; không ăn cá, không ăn thịt, không uống rượu, không uống nước dấm¹², hoặc không uống gì cả, học tập hạnh không uống; hoặc ăn một miếng, cho một miếng là đủ¹³, hoặc ăn hai, ba, bốn, cho đến bảy miếng, và cho bảy miếng là đủ, hoặc ăn bởi một lần nhận được¹⁴, và cho đến một lần nhận được là đủ, hoặc ăn bởi hai, ba bốn cho đến bảy lần nhận được và cho bảy lần nhận được là đủ, hoặc ăn ngày một lần và cho một lần là đủ, hoặc hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy ngày, nửa tháng, hay một tháng, ăn một lần và cho một lần là đủ; hoặc ăn cỏ¹⁵, hoặc ăn lúa cỏ¹⁶, hoặc ăn nếp tuế, hoặc ăn cám, hoặc ăn gạo đầu-đầu-la¹⁷, hoặc ăn đồ ăn thô; hoặc đến chỗ rừng vắng¹⁸, y nơi rừng vắng; hoặc ăn rễ, hoặc ăn trái, hoặc ăn quả tự rụng; hoặc mặc áo khâu đủ thứ vải¹⁹, hoặc mặc áo lông, hoặc mặc áo vải đầu-xá²⁰, hoặc mặc áo vải đầu-xá bằng lông, hoặc mặc bằng da nguyên, hoặc mặc da có xoi lỗ, hoặc mặc da toàn xoi lỗ; hoặc để tóc xõa, hoặc để tóc bện, hoặc để tóc vừa xõa vừa bện, hoặc chỉ cạo tóc, hoặc chỉ cạo râu, hoặc cạo cả râu tóc, hoặc nhổ tóc, hoặc nhổ râu, hoặc nhổ cả râu tóc, hoặc chỉ đứng thẳng không hề ngồi, hoặc đi chồm hồm, hoặc nằm gai, lấy gai làm giường; hoặc nằm cỏ²¹, lấy cỏ làm giường; hoặc thờ nước, ngày đêm lấy tay vọc; hoặc thờ lửa, ngày đêm đốt lên; hoặc thờ mặt trời, mặt trăng, thờ đấng

không (nhận thức ăn) từ người đàn bà mang thai.

¹² Hán: ác thủy 惡水. Pāli: *thusodaka*, nước lên men.

¹³ Pāli: *ekāgāriko vā hoti ekālopiko*, mỗi nhà chỉ nhận một miếng ăn.

¹⁴ Hán: thực nhất đắc 食一得. Pāli: *ekissāpi dattiyā yāpeti*, chỉ sống bằng một vật được cho.

¹⁵ Hán: thái như 菜茹. Pāli: *sāka-bhakkho*.

¹⁶ Hán: bại tử 稗子, loại cỏ giống như lúa. Pāli: *sāmāka*.

¹⁷ Hán: đầu-đầu-la 頭頭邏. Pāli: *daddula*.

¹⁸ Hán: chí vô sự xứ 至無事處, đến nơi rừng vắng? Không thấy Pāli tương đương. Tham chiếu: *vana-mūla-palāhāro yāpeti*.

¹⁹ Hán: liên hiệp y 聯合衣. Pāli: *masañāni*, vải gai lẫn các vải khác.

²⁰ Hán: đầu-xá y 頭舍衣. Pāli *dussa*, vải thô chưa nhuộm màu.

²¹ Hán: thảo 草; Tống-Nguyên: quả 菓; Minh: 果. Kinh số 18: ngọa quả 臥果. Pāli: *phalaka*, (nằm trên) tấm ván. Bản Hán hiệu *phala(ka)* là trái cây.

Tôn hựu Đại đức, [592c] chấp tay hướng về kia. Những sự như vậy thọ khổ vô lượng, học hạnh nóng bức²².

“Này Vô Nhuế, ý ông nghĩ sao, lối tu khổ hạnh kinh tởm như vậy là hoàn toàn hay không hoàn toàn?”

Dị học Vô Nhuế đáp:

“Thưa Cù-đàm, lối tu khổ hạnh kinh tởm như vậy là hoàn toàn, không phải là không hoàn toàn”.

Đức Thế Tôn lại nói:

“Này Vô Nhuế, Ta sẽ chỉ cho ông thấy cái lối tu khổ hạnh kinh tởm hoàn toàn đó bị vô lượng cấu uế làm ô nhiễm”.

Dị học Vô Nhuế hỏi:

“Thưa Cù-đàm, câu nói, ‘Ta sẽ chỉ cho ông thấy cái lối tu khổ hạnh kinh tởm hoàn toàn đó bị vô lượng cấu uế làm ô nhiễm’, nghĩa là thế nào?”

Đức Thế Tôn đáp:

“Này Vô Nhuế, hoặc có người chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ²³. Nhân bởi hành khổ hạnh một cách tân khổ mà có ác dục, niệm tưởng dục. Này Vô Nhuế, nếu ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, rồi nhân hành khổ hạnh ấy mà có ác dục, niệm tưởng dục. Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cấu uế.

“Này Vô Nhuế, hoặc có người hành khổ hạnh một cách tân khổ, do hành khổ hạnh một cách tân khổ này mà chỉ ngược nhìn ánh mặt trời, hấp thụ khí trời. Này Vô Nhuế, nếu ai hành khổ hạnh, rồi do chuyên hành khổ hạnh ấy nên chỉ ngược nhìn ánh mặt trời, hấp thụ khí trời. Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cấu uế.

“Này Vô Nhuế, hoặc có người hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh mà tự cống cao cho rằng ta đã tu khổ hạnh, nên tâm liền bị trói buộc. Này Vô Nhuế, nếu có người chuyên hành khổ hạnh rồi do chuyên hành khổ hạnh mà tự cống cao cho rằng đã tự tu khổ hạnh,

²² Hán: *Học phiền nhiệt hạnh* 學煩熱行. Pāli: *ātāpanaparitāpanānuyogam anuyutto viharati*, sống hành theo sự khổ hạnh ép xác.

²³ Đề bản: thanh khổ 淸苦;TNM: tinh khổ 精苦. Pāli: *tapassī tapassam samādiyati*, người tu khổ hạnh thọ trì pháp khổ hạnh.

nên tâm liền bị trời buộc. Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cầu ướ.

“Này Vô Nhuế, hoặc có người hành khổ hạnh một cách tâm khổ. Do nhân hành khổ hạnh mà quý mình khinh người. Này Vô Nhuế, nếu có ai chuyên hành khổ hạnh, rồi do chuyên hành khổ hạnh mà quý mình khinh người. Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cầu ướ.

“Này Vô Nhuế, hoặc có người hành khổ hạnh một cách tâm khổ, do hành khổ hạnh nên đến nhà người mà tự khen rằng: ‘Tôi hành tâm khổ; hành của tôi rất khó’. Này Vô Nhuế, nếu có ai chuyên hành khổ hạnh một cách tâm khổ, rồi do duyên hành khổ hạnh nên đến nhà người mà tự khen rằng: ‘Tôi hành tâm khổ; hành của tôi rất khó’. Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cầu ướ.

“Này Vô Nhuế, hoặc có người hành khổ hạnh một cách tâm khổ, do chuyên hành khổ hạnh một cách tâm khổ nên nếu thấy Sa-môn, Bà-la-môn được người [593a] kính trọng, cúng dường, lễ sự liền sanh lòng tạt đổ, nói rằng ‘Sao lại kính trọng, cúng dường, lễ sự Sa-môn, Bà-la-môn ấy? Hãy nên kính trọng, cúng dường, lễ sự tôi đây. Vì sao vậy? Vì tôi hành khổ hạnh.’

Này Vô Nhuế, hoặc có người hành khổ hạnh một cách tâm khổ, do chuyên hành khổ hạnh một cách tâm khổ nên nếu thấy Sa-môn, Bà-la-môn được người kính trọng, cúng dường, lễ sự liền sanh lòng tạt đổ, nói rằng ‘Sao lại kính trọng, lễ sự, cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn ấy? Hãy nên kính trọng, cúng dường, lễ sự tôi đây. Vì sao vậy? Vì tôi hành khổ hạnh’. Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cầu ướ.

“Này Vô Nhuế, hoặc có người hành khổ hạnh một cách tâm khổ, do hành khổ hạnh một cách tâm khổ nên nếu thấy Sa-môn, Bà-la-môn được người kính trọng, cúng dường, lễ sự liền đến mắng ngay mặt Sa-môn, Bà-la-môn đó, nói rằng: ‘Sao ông lại được kính trọng, lễ sự, cúng dường? Ông là người nhiều ham muốn, nhiều mong cầu, thường ăn năm thứ hạt, hạt sanh từ gốc cây, hạt sanh từ thân cây, hạt sanh từ trái cây, hạt sanh từ mắt cây và hạt sanh từ hạt. Ví như một trận mưa lớn làm tổn hại năm thứ hạt giống, nhiều loạn súc sanh và nhân dân, Sa-môn, Bà-la-môn kia mà hay đến nhà người, cũng giống như vậy’. Này Vô Nhuế, hoặc có ai hành khổ hạnh một cách tâm khổ, do hành khổ hạnh một cách tâm khổ nên nếu thấy Sa-môn, Bà-la-môn được người kính trọng, cúng dường, lễ sự liền đến

mắng ngay mặt Sa-môn, Bà-la-môn đó, nói rằng ‘Sao ông lại được kính trọng, lễ sự, cúng dường? Ông là người nhiều ham muốn, nhiều mong cầu, thường ăn năm thứ hạt sanh từ gốc cây, hạt sanh từ thân cây, hạt sanh từ trái cây, hạt sanh từ mắt cây và hạt sanh từ hạt. Ví như một trận mưa lớn làm tổn hại năm thứ hạt giống, nhiều loạn súc sanh và nhân dân, Sa-môn, Bà-la-môn mà hay đến nhà người, cũng giống như vậy’. Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cầu uest.

“Này Vô Nhuế, hoặc có người hành khổ hạnh một cách tân khổ, do hành khổ hạnh một cách tân khổ nên có sàu, có si, khủng bố, khủng cụ, sống lén lút, nghi ngờ, sợ mất tiếng, tham lam, phóng dật. Này Vô Nhuế, nếu có người hành khổ hạnh một cách tân khổ, do hành khổ hạnh một cách tân khổ nên có sàu, có si, khủng bố, khủng cụ, sống lén lút, nghi ngờ, sợ mất tiếng, tham lam, phóng dật. Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cầu uest.

“Này Vô Nhuế, hoặc ai chuyên tu khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên tu khổ hạnh nên sanh thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, khó tánh²⁴, không biết tiết hạn, những pháp mà Sa-môn, Bà-la-môn phải thông suốt lại không thông suốt. [593b] Này Vô Nhuế, nếu có người tu khổ hạnh, rồi do tu khổ hạnh nên sanh thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, khó tánh, không biết tiết hạn, những pháp mà Sa-môn, Bà-la-môn phải thông suốt lại không thông suốt. Vô Nhuế, hành khổ hạnh như thế là cầu uest.

“Này Vô Nhuế, hoặc có ai hành khổ hạnh một cách tân khổ, do hành khổ hạnh nên có sân triền, phú kết, bõn sèn, ganh tị, dua siếm, dối trá, vô tâm, vô quý. Này Vô Nhuế, nếu ai hành khổ hạnh một cách tân khổ, do hành khổ hạnh nên có sân triền, phú kết, bõn sèn, ganh tị, dua siếm, dối trá, vô tâm, vô quý. Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cầu uest.

“Này Vô Nhuế, hoặc có ai hành khổ hạnh một cách tân khổ, do hành khổ hạnh nên sanh ra nói dối, nói hai lưỡi, nói thô ác, nói phù phiếm, đủ cả ác giới. Này Vô Nhuế, nếu có ai hành khổ hạnh một cách tân khổ, do hành khổ hạnh nên sanh ra nói dối, nói hai lưỡi, nói thô ác, nói phù phiếm, đủ cả ác giới. Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cầu uest.

²⁴ Hán: nan vi 難為: không rõ nghĩa; nhưng có thể tương đương Pāli (M. ii. 45): *ādhānaggāhī* (cổ chấp) hay *duppaṇissaggi* (khó xả).

“Này Vô Nhuế, hoặc có ai hành khổ hạnh một cách tân khổ, do hành khổ hạnh nên không có tín tâm, giải đãi, không chánh niệm, chánh trí, có đủ ác tuệ. Này Vô Nhuế, nếu có ai hành khổ hạnh một cách tân khổ, do hành khổ hạnh nên không có tín tâm, giải đãi, không chánh niệm, chánh trí, có đủ ác tuệ. Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cầu uest.”

“Này Vô Nhuế, Ta đã chỉ cho ông thấy cái lỗi tu khổ hạnh kinh tởm hoàn toàn đó bị vô lượng cầu uest làm ô nhiễm, có phải vậy chăng?”

Dị học Vô Nhuế đáp:

“Thưa Cù-đàm, đúng vậy, Ngài đã chỉ cho tôi thấy cái lỗi tu khổ hạnh kinh tởm hoàn toàn đó bị vô lượng cầu uest làm ô nhiễm”.

“Này Vô Nhuế, Ta cũng chỉ cho ông thấy cái lỗi tu khổ hạnh kinh tởm hoàn toàn đó không bị vô lượng cầu uest làm ô nhiễm”.

Dị học Vô Nhuế lại hỏi:

“Thưa Cù-đàm, Ngài có thể chỉ cho tôi thấy cái lỗi tu khổ hạnh kinh tởm hoàn toàn đó không bị vô lượng cầu uest làm ô nhiễm như thế nào không?”

Đức Thế Tôn đáp:

“Này Vô Nhuế, hoặc có người hành khổ hạnh một cách tân khổ, do hành khổ hạnh tân khổ mà không có ác dục, không niệm tưởng dục. Này Vô Nhuế, nếu có người hành khổ hạnh một cách tân khổ, do hành khổ hạnh tân khổ mà không có ác dục, không niệm tưởng dục. Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cầu uest.

“Này Vô Nhuế, hoặc có người hành khổ hạnh một cách tân khổ, do hành khổ hạnh tân khổ mà không nhìn ánh mặt trời, không hấp thụ khí trời. Này Vô Nhuế, nếu có người chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh tân khổ nên không nhìn ánh mặt trời, [593c] không hấp thụ khí trời. Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cầu uest.

“Này Vô Nhuế, hoặc có người hành khổ hạnh một cách tân khổ, do hành khổ hạnh một cách tân khổ mà không tự cống cao cho rằng đã tu khổ hạnh nên tâm không bị trói buộc. Này Vô Nhuế, nếu có người chuyên hành khổ hạnh, rồi do chuyên hành khổ hạnh mà không tự cống cao cho rằng đã tu khổ hạnh nên tâm không bị trói buộc. Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cầu uest.

“Này Vô Nhuế, hoặc có người hành khổ hạnh một cách tân khổ, do hành

khổ hạnh một cách tân khổ mà không quý mình khinh người. Nay Vô Nhuế, nếu có người hành khổ hạnh rồi do hành khổ hạnh mà không quý mình khinh người. Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cầu ướ.

“Này Vô Nhuế, hoặc có người hành khổ hạnh một cách tân khổ, do hành khổ hạnh tân khổ mà không đến nhà người mà tự khen rằng ‘Tôi hành tân khổ, hành của tôi rất khó khăn’. Nay Vô Nhuế, nếu có người hành khổ hạnh một cách tân khổ, do hành khổ hạnh tân khổ mà không đến nhà người mà tự khen rằng ‘Tôi hành tân khổ; hành của tôi rất khó khăn’. Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cầu ướ.

“Này Vô Nhuế, hoặc có người hành khổ hạnh một cách tân khổ, do hành khổ hạnh tân khổ mà nếu thấy Sa-môn, Bà-la-môn được người kính trọng, cúng dường, lễ sự thì không sanh lòng tật đố, nói rằng ‘Sao lại kính trọng, cúng dường, lễ sự Sa-môn, Bà-la-môn ấy? Hãy nên kính trọng, cúng dường, lễ sự ta đây. Vì sao vậy? Vì ta là người tu khổ hạnh’. Nay Vô Nhuế, nếu có ai hành khổ hạnh một cách tân khổ, rồi do hành khổ hạnh tân khổ mà nếu thấy Sa-môn, Bà-la-môn được người kính trọng, cúng dường, lễ sự thì không sanh lòng tật đố, nói rằng ‘Sao lại kính trọng, cúng dường, lễ sự Sa-môn, Bà-la-môn ấy? Hãy nên kính trọng, cúng dường, lễ sự ta đây. Vì sao vậy? Vì ta là người tu khổ hạnh.’ Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cầu ướ.

“Này Vô Nhuế, hoặc có người hành khổ hạnh một cách tân khổ, do hành khổ hạnh tân khổ mà nếu thấy Sa-môn, Bà-la-môn được người kính trọng, cúng dường, lễ sự thì không đến mắng ngay mặt Sa-môn, Bà-la-môn đó, nói rằng: ‘Sao ông lại được kính trọng, cúng dường, lễ sự? Ông là người nhiều ham muốn, nhiều mong cầu, thường ăn năm thứ hạt, hạt sanh từ gốc cây, hạt sanh từ thân cây, hạt sanh từ trái cây, hạt sanh từ mắt cây và hạt sanh từ hạt. Ví như một trận mưa lớn làm tổn hại năm thứ hạt giống, [594a] nhiều loạn súc sanh và nhân dân, Sa-môn, Bà-la-môn mà hay đến nhà người cũng giống như vậy!’ Nay Vô Nhuế, nếu có ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, rồi do chuyên hành khổ hạnh tân khổ nên nếu thấy Sa-môn, Bà-la-môn được người kính trọng, cúng dường, lễ sự mà không đến mắng ngay mặt Sa-môn, Bà-la-môn đó, nói rằng: ‘Sao ông lại được kính trọng, cúng dường, lễ sự? Ông là người nhiều ham muốn, nhiều mong cầu, thường ăn năm thứ hạt, hạt sanh từ gốc cây, hạt sanh từ thân cây, hạt sanh từ trái cây, hạt sanh từ mắt cây và hạt sanh từ hạt. Ví

như một trận mưa lớn làm tổn hại năm thứ hạt giống, nhiễu loạn súc sanh và nhân dân, Sa-môn, Bà-la-môn mà hay đến nhà người cũng giống như vậy.’ Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cầu ướ.

“Này Vô Nhuế, hoặc có người hành khổ hạnh một cách tân khổ, do hành khổ hạnh tân khổ mà không sâu, không si, không khủng bố, không khủng cụ, không sống lén lút, không nghi ngờ, không mất tiếng, không tham lam, không phóng dật. Này Vô Nhuế, nếu ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, rồi do hành khổ hạnh tân khổ mà không sâu, không si, không khủng bố, không khủng cụ, không sống lén lút, không nghi ngờ, sợ mất tiếng, không tham lam, không phóng dật. Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cầu ướ.

“Này Vô Nhuế, hoặc có người hành khổ hạnh một cách tân khổ, do hành khổ hạnh tân khổ mà không sanh thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, khó tánh, không biết tiết hạn, những pháp mà Sa-môn, Bà-la-môn phải thông suốt thì thông suốt. Này Vô Nhuế, nếu ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh tân khổ mà không sanh thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, khó tánh, không biết tiết hạn, những pháp mà Sa-môn, Bà-la-môn phải thông suốt thì thông suốt. Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cầu ướ.

“Này Vô Nhuế, hoặc có người hành khổ hạnh một cách tân khổ, do hành khổ hạnh tân khổ mà không có sân triền, phú kết, bõn sẽn, ganh tị, dua siểm, dối trá, vô tâm, vô quý. Này Vô Nhuế! Nếu có ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh tân khổ mà không có sân triền, phú kết, bõn sẽn, ganh tị, dua nịnh, dối trá, vô tâm, vô quý. Này Vô Nhuế! Hành khổ hạnh như vậy là không cầu ướ.

“Này Vô Nhuế, hoặc có người hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh tân khổ mà không nói dối, không nói hai lưỡi, không nói thô ác, không nói phù phiếm, không có ác giới. Này Vô Nhuế, nếu ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh tân khổ nên không nói dối, không nói hai lưỡi, không nói thô ác, không nói phù phiếm, không có ác giới. Này [594b] Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cầu ướ.

“Này Vô Nhuế, hoặc có người hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh tân khổ mà có tín tâm, không giải đãi, có chánh

niệm, chánh trí, không có ác tuệ. Nay Vô Nhuế, nếu có ai chuyên hành khổ hạnh một cách tâm khổ, do chuyên hành khổ hạnh tâm khổ mà có tín tâm, không giải đãi, có chánh niệm, chánh trí, không có ác tuệ. Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế.

“Này Vô Nhuế, Ta đã chỉ cho ông thấy cái lối tu khổ hạnh kinh tởm hoàn toàn không bị vô lượng cấu uế làm ô nhiễm; có phải vậy không?”

Dị học Vô Nhuế đáp:

“Thưa Cù-đàm, đúng vậy, Ngài đã chỉ cho tôi thấy cái lối tu khổ hạnh kinh tởm hoàn toàn không bị cấu uế làm ô nhiễm”.

Dị học Vô Nhuế lại hỏi:

“Thưa Cù-đàm, lối tu khổ hạnh kinh tởm này đã đạt đến bậc nhất, đã đạt đến chân thật²⁵ chưa?”

Đức Thế Tôn đáp:

“Này Vô Nhuế, lối tu khổ hạnh kinh tởm này chưa đạt đến bậc nhất, chưa đạt đến chân thật, nhưng có hai hạnh đạt đến vô và đạt đến đốt”.

Dị học Vô Nhuế lại hỏi:

“Thưa Cù-đàm! Thế nào là lối tu khổ hạnh kinh tởm này chỉ đạt đến vô ngoài?”

Đức Thế Tôn đáp:

“Này Vô Nhuế, ở đây hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn tu tập bốn hạnh²⁶, không sát sanh, không bảo người sát sanh, không đồng tình với người sát sanh. Không trộm cắp, không bảo người trộm cắp, không đồng tình với người trộm cắp. Không phạm con gái của người, không bảo người khác phạm con gái của người, không đồng tình với người phạm con gái của người. Không nói dối, không bảo người khác nói dối, không đồng tình với người nói dối. Vị đó tu tập bốn hạnh này, ưa thích mà không tiến tới,²⁷ tâm đi đôi với từ, biến mãn cả một phương, thành tựu và an trụ.

²⁵ Đắc đệ nhất, đắc chân thật 得第一得真實. Pāli: *aggappattā, sārappattā*, đạt đến đỉnh cao, đạt đến lối (tinh túy).

²⁶ Hành tứ hành 行四行. Pāli: *cātuyāmasaṃvarasaṃtto*, được phòng hộ bằng bốn cấm giới luật nghi.

²⁷ Hán: lạc nhi bất tiến 樂而不進. Pl.: *so abhirahati no hīnāyāvattati*, vị ấy tiến tới

Như vậy cho đến hai, ba, bốn phương, bốn phương phụ, phương trên, phương dưới, phổ biến tất cả, tâm đi đôi với từ, không kết, không oán, không sân nhuế, không nào hại, rộng lớn, bao la, vô lượng, khéo tu tập biến mãn khắp cả thế gian, thành tựu và an trụ. Cũng như vậy, đối với bi, hỷ, tâm đi đôi với xả, không kết, không oán, không sân nhuế, không nào hại, rộng lớn bao la, vô lượng, tu tập biến mãn khắp cả thế gian, thành tựu và an trụ.

“Này Vô Nhuế, ý ông nghĩ sao, phải chăng lối tu khổ hạnh kinh tởm như vậy đạt đến vô ngoài?”

Vô Nhuế đáp:

“Thưa Cù-đàm! Lối tu khổ hạnh kinh tởm như vậy đạt đến vô ngoài. Thưa Cù-đàm, còn thế nào là hạnh bất liễu khả tăng này đạt đến đót?”

Đức Thế Tôn dạy:

“Này Vô Nhuế, hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn tu tập bốn hạnh. Không sát sanh, không bảo người sát sanh, không đồng tình với người sát sanh. Không trộm cắp, không bảo người trộm cắp, không đồng tình với người trộm cắp. Không phạm con gái của người, không bảo người khác phạm con gái của người, không đồng tình với người phạm con gái của người. Không nói dối, không bảo người khác nói dối, không đồng tình với người nói dối. Vị đó tu tập bốn hạnh này, ưa thích mà không tiến tới. [594c] Hnũhg gì là hành, những gì là tướng mạo, vị ấy nhớ lại vô lượng kiếp đã trải qua, hoặc một đời, hai đời, trăm ngàn đời, thành kiếp, hoại kiếp, vô lượng thành hoại kiếp, tại chỗ đó ta là chúng sanh tên đó, ta đã trải qua ở đó, đã từng sanh ở đó, có họ như vậy, tên như vậy, sinh hoạt như vậy, uống ăn như vậy, cảm thọ khổ lạc như vậy, tuổi thọ như vậy, sống lâu như vậy, dứt thọ mạng như vậy, rồi chết đây sanh kia, chết kia sanh đây. Ta sanh tại chỗ này như vậy, có họ như vậy, có tên như vậy, sinh hoạt như vậy, uống ăn như vậy, chịu khổ vui như vậy, tuổi thọ như vậy, sống lâu như vậy, dứt thọ mạng như vậy.

“Này Vô Nhuế, ý ông nghĩ sao, lối tu khổ hạnh kinh tởm như vậy có đạt đến đót cây hay không?”

“Vô Nhuế đáp:

chứ không hướng xuống thấp. Bản Hán đọc là *abhirati no (?)*.

“Thưa Cù-đàm, lỗi tu khổ hạnh kinh tởm như vậy là đã đạt đến đốt cây. Thưa Cù-đàm, thế nào là hạnh bất liễu khả tăng đạt đến bậc nhất, đạt đến chân thật?”

Đức Thế Tôn đáp:

“Này Vô Nhuế, hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn tu tập bốn hạnh. Không sát sanh, không bảo người sát sanh, không đồng tình với người sát sanh. Không trộm cắp, không bảo người trộm cắp, không đồng tình với người trộm cắp. Không phạm con gái của người, không bảo người khác phạm con gái của người, không đồng tình với người phạm con gái của người. Không nói dối, không bảo người khác nói dối, không đồng tình với người nói dối. Vị đó tu tập bốn hạnh này, ưa thích mà không tiến tới. Vị đó bằng thiên nhãn thanh tịnh, thấy xa hơn người, nhìn thấy chúng sanh lúc sanh lúc tử, sắc đẹp hoặc xấu, diệu hoặc bất diệu, qua lại chỗ lành hoặc chỗ không lành, tùy theo nghiệp mà chúng sanh ấy đã tạo. Vị ấy thấy sự kiện ấy đúng như thật, nếu chúng sanh nào thành tựu ác hạnh về thân, ác hạnh về khẩu, ác hạnh về ý, phi báng Thánh nhân, tà kiến, thành tựu nghiệp tà kiến; do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sanh ấy chắc chắn đi đến chỗ ác, sanh vào địa ngục. Nếu chúng sanh nào thành tựu diệu hạnh về thân, diệu hạnh về khẩu, diệu hạnh về ý, không phi báng Thánh nhân, chánh kiến, thành tựu nghiệp chánh kiến; do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sanh ấy chắc chắn đi lên chỗ lành, sanh vào cõi trời.

“Này Vô Nhuế, ý ông nghĩ sao, hạnh bất liễu khả tăng như vậy có đạt đến bậc nhất, đạt đến chân thật hay không?”

Vô Nhuế đáp:

“Thưa Cù-đàm, lỗi tu khổ hạnh kinh tởm như vậy là đã đạt đến bậc nhất, đạt đến chân thật. Thưa Cù-đàm, phải chăng vì để tác chứng lỗi tu khổ hạnh kinh tởm này mà các đệ tử của Sa-môn Cù-đàm nương tựa nơi Sa-môn Cù-đàm để tu hành phạm hạnh?”

Đức Thế Tôn đáp:

“Này Vô Nhuế, không phải vì để tác chứng lỗi tu khổ hạnh kinh tởm này mà đệ tử của Ta nương tựa nơi Ta để tu hành phạm hạnh.

“Này Vô Nhuế, lại còn có pháp khác tối thượng, tối diệu, tối thắng, chính vì để chứng đắc pháp ấy [595a] nên đệ tử của Ta nương tựa nơi Ta mà tu

hành phạm hạnh”.

Lúc đó, những Dị học trong hội chúng ồn ào đó liền lớn tiếng la ó:

“Đúng vậy! Đúng vậy! Vì để chứng đắc pháp ấy nên đệ tử của Sa-môn Cù-đàm nương tựa nơi Sa-môn Cù-đàm để mà tu hành phạm hạnh”.

Bấy giờ, Dị học Vô Nhuế ra lệnh bảo hội chúng của mình im lặng, rồi hỏi:

“Thưa Cù-đàm, pháp nào được gọi là còn có pháp khác tối thượng tối diệu, tối thắng; chính vì để chứng đắc pháp ấy nên đệ tử của Sa-môn Cù-đàm nương tựa nơi Sa-môn Cù-đàm mà tu hành phạm hạnh?”

Bấy giờ Đức Thế Tôn đáp:

“Này Vô Nhuế, nếu Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn xuất hiện ở thế gian. Vị đó xả bỏ năm triền cái làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, ly dục, ly pháp ác bất thiện, cho đến chứng Tứ thiền, thành tựu và an trụ. Vị ấy với định tâm như vậy, thanh tịnh không ô uế, không phiền não, nhu nhuyễn, khéo an trụ, chứng đắc tâm bất động mà thú hưởng sự diệt tận các lậu, tự thân chứng ngộ trí thông, biết như thật rằng ‘Đây là Khổ, đây là Khổ tập, đây là Khổ diệt, biết như thật đây là Khổ diệt đạo’. Cũng biết như thật đây là lậu, biết đây là lậu tận, đây là lậu diệt, biết như thật đây là lậu diệt đạo. Vị đó biết như vậy, thấy như vậy rồi thì tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu, vô minh lậu. Giải thoát rồi liền biết mình đã giải thoát, biết đúng một cách như thật rằng ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’.

“Này Vô Nhuế, như vậy gọi là còn có pháp khác tối thượng, tối diệu, tối thắng. Chính vì để chứng đắc pháp ấy nên đệ tử của Ta nương tựa nơi Ta mà tu hành phạm hạnh”.

Bấy giờ Cư sĩ Thật Ý nói rằng:

“Này Vô Nhuế, Đức Thế Tôn đang ở đây. Ông hãy chỉ bằng một vấn đề đủ để hủy diệt Ngài như lăn cái bình không đi! Ông hãy nói cái ví dụ con trâu đui ăn cỏ nơi biên địa như khi nãy đi!”

Đức Thế Tôn nghe xong, hỏi Dị học Vô Nhuế:

“Quả thật ông có nói như vậy không?”

Dị học Vô Nhuế đáp:

“Thưa Cù-đàm, quả thật tôi có nói như vậy”.

Đức Thế Tôn hỏi tiếp:

“Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác ở quá khứ, nếu gặp khu rừng vắng, sơn lâm, dưới gốc cây hay trên sườn núi cao, vắng lặng không có tiếng động, xa vắng, không có sự dữ, không có người đời, liền tùy thuận mà thiền tọa. Các Đức Phật Thế Tôn ở nơi rừng vắng, sơn lâm, dưới gốc cây hay trên sườn cao, vắng lặng không có tiếng động, xa vắng, không có sự dữ, không có người đời, liền tùy thuận mà thiền tọa. Các Ngài ở nơi xa vắng, thường thích thiền tọa, an ổn và khoái lạc. Các Ngài chưa hề một ngày một đêm tụ tập hội họp cùng mọi người như ông và quyến thuộc của ông hôm nay. Nay Vô Nhuế, ông có bao giờ nghe các vị trưởng lão cựu học nói như vậy không?”

[595b] Dị học Vô Nhuế đáp:

“Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác ở quá khứ, nếu gặp khu rừng vắng, sơn lâm, dưới gốc cây hay trên sườn núi cao, vắng lặng, không có tiếng động, xa vắng, không có sự dữ, không có người đời, liền tùy thuận mà thiền tọa. Các Đức Phật Thế Tôn ở nơi rừng vắng, sơn lâm, dưới gốc cây hay trên sườn núi cao, vắng lặng, không có sự dữ, không có người đời, liền tùy thuận mà thiền tọa. Các Ngài ở nơi xa vắng, thường thích thiền tọa, an ổn khoái lạc. Các Ngài chưa hề một ngày một đêm tụ tập, hội họp cùng mọi người như tôi và quyến thuộc của tôi hôm nay. Thưa đức Cù-đàm, tôi có nghe các vị trưởng lão cựu học nói như vậy”.

“Nay Vô Nhuế, ông há không nghĩ rằng ‘Như các Đức Thế Tôn đó ở nơi rừng vắng, sơn lâm, dưới gốc cây hay trên sườn núi cao, vắng lặng, không có tiếng động, xa vắng, không có sự dữ, không có người đời, liền tùy thuận mà thiền tọa. Các Ngài ở nơi xa vắng thường thích thiền tọa, an ổn khoái lạc. Vị Sa-môn Cù-đàm này cũng học đạo chánh giác như vậy’. Có phải vậy không?”

Dị học Vô Nhuế đáp:

“Thưa Cù-đàm, nếu tôi biết như vậy, tôi đã chẳng nói rằng chỉ bằng một vấn đề cũng đủ hủy diệt Ngài như lăn cái bình không, và cũng đã chẳng nói đến cái ví dụ con trâu đui ăn cỏ nơi biên địa”.

Đức Thế Tôn nói:

“Này Vô Nhuế, Ta có pháp thiện tương ưng với thiện, giải thoát tương ưng với giải thoát, có thể tự thân chứng ngộ. Do đây mà Như Lai tự xưng là Bạc Vô Úy. Các Tỳ-kheo đệ tử của Ta, ai đến với tâm không dua nịnh, không lừa dối, chất trực không hư vọng, Ta giáo huấn cho và theo giáo huấn ấy, chắc chắn sẽ đạt đến cứu cánh trí.

“Này Vô Nhuế, nếu ông nghĩ rằng ‘Sa-môn Cù-đàm vì muốn làm Thầy cho nên thuyết pháp’. Ông chớ nghĩ như vậy. Thầy ông Ta trả lại cho ông. Ta chỉ thuyết pháp cho nghe thôi. Vô Nhuế, nếu ông nghĩ rằng ‘Sa-môn Cù-đàm vì tham đệ tử cho nên thuyết pháp’. Ông chớ nghĩ như vậy. Đệ tử của ông trả lại cho ông, Ta chỉ thuyết pháp cho ông nghe thôi. Này Vô Nhuế, nếu ông nghĩ rằng ‘Sa-môn Cù-đàm vì tham sự cúng dường cho nên thuyết pháp’ Ông chớ nghĩ như vậy. Đồ cúng dường trả lại cho ông, ta chỉ thuyết pháp cho ông nghe thôi. Này Vô Nhuế, nếu ông nghĩ rằng ‘Sa-môn Cù-đàm vì tham được khen ngợi cho nên thuyết pháp’. Ông chớ nghĩ như vậy. Điều khen ngợi trả lại cho ông, Ta chỉ thuyết pháp cho ông nghe thôi. Này Vô Nhuế, nếu ông nghĩ rằng ‘Nếu ta có thiện pháp tương ưng thiện,²⁸ giải thoát đưa đến giải thoát, vì Sa-môn Cù-đàm này đoạt của ta, hủy diệt ta’. Ông chớ nghĩ như vậy. Pháp của ông trả lại cho ông, Ta chỉ thuyết pháp cho ông nghe thôi”.

Lúc bấy giờ tất cả hội chúng đều im lặng. Vì sao vậy? Vì họ bị Ma vương chế phục.

Khi ấy Đức Thế Tôn bảo Cư sĩ Thật Ý:

“Ông hãy nhìn tất cả hội chúng đang im lặng này. Vì sao vậy? [595c] Vì họ đang bị Ma vương chế phục. Nó khiến cả hội chúng Dị học không có một Dị học nào có ý niệm ‘Ta hãy thử theo Sa-môn Cù-đàm tu hành phạm hạnh’.”

Đức Thế Tôn biết vậy, Ngài thuyết pháp cho Cư sĩ Thật Ý nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho ông ấy nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, Ngài liền từ chỗ ngồi đứng dậy, nắm tay Cư sĩ Thật Ý, vận dụng thần túc, nương hư không mà đi.

²⁸ Pl.: *ye no dhammā kusalā kusalasañkhātā saccariyakānam*, những pháp gì là thiện, được thừa nhận là thiện của các Tôn sư của chúng ta.

Phật thuyết như vậy. Cư sĩ Thật Ý sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



105. KINH NGUYỆN

Tôi nghe như vậy.

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ có một Tỳ-kheo sống cô độc tại một nơi xa vắng, ẩn dật ở chỗ yên tĩnh, thiền tọa tư duy, trong tâm khởi lên ý nghĩ: “Đức Thế Tôn thăm hỏi ta, nói chuyện với ta, thuyết pháp cho ta nghe để ta được giới Cụ túc¹ mà không phé bỏ thiền định, thành tựu quán hạnh², ở nơi không tịnh.³”

Bấy giờ vào lúc xế, sau khi suy nghĩ như vậy rồi, vị Tỳ-kheo ấy liền từ chỗ thiền tọa đứng dậy, đi đến Đức Phật. Đức Thế Tôn nhìn thấy vị Tỳ-kheo ấy từ xa đi đến, nhân nơi Tỳ-kheo ấy, Ngài bảo các vị Tỳ-kheo:

“Các người hãy ước nguyện rằng: ‘Đức Thế Tôn thăm hỏi ta, nói chuyện với ta, thuyết pháp cho ta nghe’. Vậy hãy thành tựu giới Cụ túc và không phé bỏ thiền định, thành tựu quán hạnh, ở nơi không tịnh.

“Tỳ-kheo, hãy ước nguyện rằng: ‘Ta có thân tộc. Mong sao kia nhờ ta mà khi thân hoại mạng chung chắc chắn họ được lên chỗ lành, sanh vào cõi trời’. Vậy hãy thành tựu được giới Cụ túc và không phé bỏ thiền định, thành tựu quán hạnh, ở nơi không tịnh.

“Tỳ-kheo, hãy ước nguyện rằng: ‘Các thí chủ cung cấp cho ta y phục, đồ ăn uống, giường chõng, thuốc thang, đủ mọi thứ để nuôi thân. Mong cho kia nhờ sự bố thí này mà có nhiều công đức, có đại quang minh, được nhiều phước báo’. Vậy hãy thành tựu được giới Cụ túc và không phé bỏ thiền định, thành tựu quán hạnh, ở nơi không tịnh.

“Tỳ-kheo, hãy ước nguyện rằng: ‘Mong ta có thể nhẫn chịu được sự đói, khát, nóng, lạnh, muỗi mòng châm chích, sự áp bức của gió, của mặt trời; bị tiếng xấu, bị đánh đập cũng có thể nhẫn chịu; bản thân bị tật bệnh rất là đau khổ, cho đến mạng sống sắp tuyệt, các sự không được vui, ta cũng đều có thể kham nhẫn’. Vậy hãy thành tựu được giới Cụ túc và không phé bỏ thiền định, thành tựu quán hạnh, ở nơi không tịnh.

¹Đặc cụ túc giới 得具足戒. Pāli: sampannasīla, giới được thành tựu.

²Thành tựu quán hạnh. Pāli: vipassanāya samannāgato.

³Không tịnh xứ 空靜處. Pāli: suññāgāra, chỗ trống không, trống trải.

[596a] “Tỳ-kheo, hãy ước nguyện rằng: ‘Mong ta kham nhẫn được điều không làm cho vui. Nếu sanh tâm không vui, không bao giờ để dính trước’. Vậy hãy thành tựu được giới Cụ túc và không phé bỏ thiên định, thành tựu quán hạnh, ở nơi không tịnh.

“Tỳ-kheo, hãy ước nguyện rằng: ‘Nếu ta sanh khởi ba tâm niệm ác bất thiện: niệm dục, niệm nhuế, niệm hại; mong ta không bao giờ để đắm trước với ba niệm ác bất thiện đó’. Vậy hãy thành tựu được giới Cụ túc và không phé bỏ thiên định, thành tựu quán hạnh, ở nơi không tịnh.

“Tỳ-kheo, hãy ước nguyện rằng: ‘Mong ta ly dục, ly pháp ác bất thiện, cho đến chứng đắc Tứ thiên, thành tựu và an trụ’. Vậy hãy thành tựu giới Cụ túc và không phé bỏ thiên định, thành tựu quán hạnh, ở nơi không tịnh.

“Tỳ-kheo, hãy ước nguyện rằng: ‘Mong ta dứt hẳn ba kết, chứng đắc quả Tu-đà-hoàn, không bị rơi xuống pháp ác, quyết định thú hưởng đến quả vị Chánh giác, tối đa còn bảy lần ở cõi trời. Sau bảy lần qua lại rồi liền chứng đắc khổ biên’. Vậy hãy thành tựu giới Cụ túc và không phé bỏ thiên định, thành tựu quán hạnh, ở nơi không tịnh.

“Tỳ-kheo, hãy ước nguyện rằng: ‘Mong ta đã dứt hết ba kết, làm mỏng dâm, nộ, si; chỉ còn một lần qua lại ở cõi trời, cõi người. Sau một lần qua lại rồi liền chứng đắc khổ biên’. Vậy hãy thành tựu giới Cụ túc và không phé bỏ thiên định, thành tựu quán hạnh, ở nơi không tịnh.

“Tỳ-kheo, hãy ước nguyện rằng: ‘Mong ta dứt hết năm phần kết, sanh vào thế gian kia mà chứng đắc Niết-bàn, được pháp bất thối, không trở lại thế gian này’. Vậy hãy thành tựu giới Cụ túc và không phé bỏ thiên định, thành tựu quán hạnh ở nơi không tịnh.

“Tỳ-kheo, hãy ước nguyện rằng: ‘Mong ta được tịch tịnh giải thoát, ly sắc, chứng đắc vô sắc; với định như vậy, tự thân chứng ngộ, thành tựu và an trụ, do tuệ quán mà đoạn trừ lậu và biến tri lậu’. Vậy hãy thành tựu giới Cụ túc và không phé bỏ thiên định, thành tựu quán hạnh ở nơi không tịnh.

“Tỳ-kheo, hãy ước nguyện rằng: ‘Mong ta được như ý túc, thiên nhãn trí, tha tâm trí, túc mạng trí, sanh tử trí, các lậu đã dứt sạch, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự tri tự giác, tự thân chứng ngộ, thành tựu và an trụ, biết một cách như thật rằng ‘Sự sanh đã

dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa'. Vậy hãy thành tựu giới Cụ túc và không phớt bỏ thiên định, thành tựu quán hạnh ở nơi không tịnh”.

Lúc bấy giờ, Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật thuyết giảng, khéo thọ lãnh, khéo ghi nhớ, từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra. Tỳ-kheo ấy lãnh thọ lời Phật dạy, ẩn dật nơi yên tĩnh, thiên tọa tư duy, tu hành tinh cần, tâm không [586b] phóng dật. Do ẩn dật những nơi yên tĩnh, thiên tọa tư duy, tu hành tinh cần, tâm không phóng dật để đạt đến mục đích mà thiện nam tử cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chí tín, lia bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, là đây chỉ mong thành tựu phạm hạnh vô thượng, ngay trong đời này mà tự tri tự giác, tự thân chứng ngộ, thành tựu và an trụ, biết một cách như thật rằng ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa’. Tôn giả ấy đã biết pháp rồi, liền chứng quả A-la-hán.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



106. KINH TƯỜNG

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn đối với đất có tư tưởng về đất, cho rằng: ‘Đất tức là thần ngã, đất là sở hữu của thần ngã, thần ngã là sở hữu của đất’¹. Vị ấy đã cho đất tức là ngã, do đó không biết rõ đất. Cũng như vậy, đối với nước, lửa, gió, thần, trời, Sanh chủ², Phạm thiên, Vô phiến thiên, Vô nhiệt thiên³, vị ấy đối với Tịnh thiên⁴ có tư tưởng về Tịnh thiên, ‘Tịnh thiên tức là thần ngã, Tịnh thiên là sở hữu của thần ngã, thần ngã là sở hữu của Tịnh thiên’. Vị ấy đã cho Tịnh thiên tức là thần ngã, do đó không biết rõ Tịnh thiên. Đối với Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tướng phi phi tướng, với nhất thể, dị biệt, đa thù, cái được thấy, cái được nghe, cái được nhận thức, cái được liễu tri, cái được làm, cái được quán sát; cái được tác ý, cái được ý tư duy, từ đời này đến đời kia, từ đời kia đến đời này, cho đến, cái tất cả. Vị ấy đối với cái tất cả có tư tưởng về cái Tất cả, ‘Tất cả là thần ngã, tất cả là sở hữu của thần ngã, thần ngã là sở hữu của tất cả’. Vị ấy đã cho Tất cả tức là ngã, do đó không biết rõ cái Tất cả.

“Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn đối với đất thì biết đất, ‘Đất không phải là thần ngã, đất không phải là sở hữu của thần ngã, thần ngã không phải là

¹ Địa tức thị thần, địa thị thần sở, thần thị địa sở 地即是神, 地是神所, 神是地所. Đối chiếu Pāli:(...) *pathivim pathivito saññatvā pathivim maññati pathivito... pathiviyā... pathivito... maññati... pathivim meti maññati pathivim abhinandati*, sau khi từ đất mà có ấn tượng về đất, người ấy tư duy đất (đối tượng), tư duy trên đất (sở y), tư duy từ đất (xuất xứ),... người đó tư duy đất là của tôi, người ấy hoan hỷ đất.

² Sanh chủ 生主. Pāli: Pajāpati, chúa tể (hay tổ phụ) của muôn loài.

³ Vô phiến, Vô nhiệt. Hai trong năm Tịnh cư thiên. Bản Pāli không đề cập. Có tất cả tám đối tượng, xem kinh 78 (Phạm thiên thỉnh): bốn, đại, quý thần, chư thiên, Sanh chủ và Phạm thiên.

⁴ Tịnh 淨. Đây chỉ năm Tịnh cư thiên. Bản Pāli không đề cập.

sở hữu của đất'. Vị ấy đã không cho đất tức là thần ngã, vậy vị ấy biết rõ đất. Cũng như vậy, đối với nước, lửa, gió, thần, trời, Sanh chủ, Phạm thiên, Vô phiền thiên, Vô nhiệt thiên; vị ấy đối với Tịnh thiên thì biết Tịnh thiên, 'Tịnh thiên không phải là thần ngã, Tịnh thiên không phải là sở hữu của thần ngã, thần ngã không phải là sở hữu của Tịnh thiên'. Vị ấy đã không cho Tịnh thiên tức là thần ngã, vậy vị ấy biết rõ Tịnh thiên. Đối với Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tướng phi phi tướng, với nhất thể, dị biệt, đa thù, cái được thấy, cái được nghe, cái được nhận thức, cái được liễu tri, cái được làm, cái được quán sát; cái được tác ý, cái được ý tư duy, từ đời này đến đời kia, [596c] từ đời kia đến đời này, cho đến, cái tất cả. Vị ấy đối với cái Tất cả thì biết là Tất cả, 'Cái Tất cả không phải là ngã, cái Tất cả không phải là sở hữu của ngã, ngã không phải là sở hữu của cái Tất cả'. Vị ấy đã không cho cái Tất cả là thần ngã, vậy vị ấy đã biết rõ cái Tất cả.

“Ta đối với đất thì biết đất, ‘Đất không phải là thần ngã, đất không phải là sở hữu của thần ngã, thần ngã không phải là sở hữu của đất’. Ta đã không cho đất tức là thần ngã, vậy Ta đã biết rõ đất. Cũng như vậy, đối với nước, lửa, gió, thần, trời, Sanh chủ, Phạm thiên, Vô phiền thiên, Vô nhiệt thiên; Ta đối với Tịnh thiên thì biết Tịnh thiên, ‘Tịnh thiên không phải là thần ngã, Tịnh thiên không phải là sở hữu của thần ngã, thần ngã không phải là sở hữu của Tịnh thiên’. Ta đã không cho Tịnh thiên tức là thần ngã, vậy Ta biết rõ Tịnh thiên. Đối với Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tướng phi phi tướng, với nhất thể, dị biệt, đa thù, cái được thấy, cái được nghe, cái được nhận thức, cái được liễu tri, cái được làm, cái được quán sát; cái được tác ý, cái được ý tư duy, từ đời này đến đời kia, từ đời kia đến đời này, cho đến, cái tất cả. Ta đối với cái Tất cả thì biết là Tất cả, ‘Cái Tất cả không phải là ngã, cái Tất cả không phải là sở hữu của ngã, ngã không phải là sở hữu của cái Tất cả’. Ta đã không cho cái Tất cả là ngã, vậy là Ta đã biết rõ cái Tất cả”.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.⁵

⁵ Bản Hán, hết quyển 26.



PHẨM 11: LÂM
TỤNG NGÀY THỨ HAI
Tiểu thổ thành

二林觀心二 達奴波法本
優陀羅蜜丸 瞿曇彌在後

Kệ tóm tắt:

Hai Lâm, hai Quán tâm,
Đạt, Nô-ba, Pháp bản,
Ưu-đà-la, Mật hoàn,
Cù-đàm-di sau cùng

- 107. KINH LÂM (I)
- 108. KINH LÂM (II)
- 109. KINH TỰ QUÁN TÂM (I)
- 110. KINH TỰ QUÁN TÂM (II)
- 111. KINH ĐẠT PHẠM HẠNH
- 112. KINH A-NÔ-BA
- 113. KINH CHỮ PHÁP BỒN
- 114. KINH ƯU-ĐÀ-LA
- 115. KINH MẬT HOÀN DỤ
- 116. KINH CÙ-ĐÀM-DI

107. KINH LÂM (I)

Tôi nghe như vậy.

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo nương vào một khu rừng để ở. Vị ấy nghĩ rằng: ‘Ta nương vào khu rừng này để ở. Hoặc không có chánh niệm sẽ được chánh niệm; tâm chưa định sẽ được định; nếu chưa giải thoát sẽ được giải thoát, các lậu [597a] chưa diệt tận sẽ được diệt tận; chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì sẽ chứng đắc Niết-bàn. Điều người học đạo cần như áo, chăn, uống, ăn, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tìm cầu tất cả một cách dễ dàng, không khó khăn’.

“Rồi Tỳ-kheo ấy nương vào khu rừng này để ở. Sau khi nương vào khu rừng này để ở, nếu không có chánh niệm vẫn không được chánh niệm, tâm chưa được định vẫn không được định, chưa giải thoát vẫn không được giải thoát, các lậu chưa hết vẫn không đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn vô thượng vẫn chưa chứng đắc Niết-bàn. Những điều người học đạo cần như áo, chăn, uống, ăn, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tìm cầu tất cả một cách dễ dàng, không khó khăn, vị Tỳ-kheo ấy nên quán như vậy, ‘Ta xuất gia học đạo không phải vì áo chăn, không phải vì ăn uống, giường chõng, thuốc thang, cũng không phải vì các vật dụng cho đời sống. Nhưng ta nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chánh niệm vẫn không được chánh niệm, tâm chưa định vẫn không được định, chưa giải thoát vẫn không được giải thoát, các lậu chưa hết vẫn không đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng vẫn chưa chứng đắc Niết-bàn. Nhưng những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách dễ dàng không khó khăn’.

“Tỳ-kheo ấy đã quán như vậy rồi, phải từ bỏ khu rừng này để đi nơi khác”.

“Tỳ-kheo nương vào một khu rừng¹ để ở. Vị ấy nghĩ rằng: ‘Ta nương

¹ Đến một khu rừng khác.

vào khu rừng này để ở, hoặc không có chánh niệm sẽ được chánh niệm, tâm chưa được định sẽ được định, chưa giải thoát sẽ được giải thoát, các lậu chưa hết liền được đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì liền chứng đắc Niết-bàn. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách dễ dàng không khó khăn’.

“Rồi Tỳ-kheo ấy nương vào khu rừng này để ở. Sau khi nương vào khu rừng để ở, hoặc không có chánh niệm liền được chánh niệm, tâm chưa định liền được định, chưa giải thoát liền [597b] được giải thoát, các lậu chưa hết liền được đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì liền chứng đắc Niết-bàn. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách rất khó khăn, vị Tỳ-kheo ấy nên quán như vậy, ‘Ta xuất gia học đạo không phải vì áo chăn, không phải vì ăn uống, giường chõng, thuốc thang, cũng không phải vì vật dụng cho đời sống. Nhưng ta nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chánh niệm thì liền được chánh niệm, tâm chưa định liền được định, chưa giải thoát liền được giải thoát, các lậu chưa hết liền được đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì liền chứng đắc Niết-bàn. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách rất khó khăn’.

“Tỳ-kheo ấy đã quán như vậy rồi, nên ở lại khu rừng này”.

“Tỳ-kheo nương vào một khu rừng để ở. Vị ấy nghĩ rằng: ‘Ta nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chánh niệm sẽ được chánh niệm, tâm chưa định sẽ được định, chưa giải thoát sẽ được giải thoát, các lậu chưa hết sẽ được đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì sẽ chứng đắc Niết-bàn. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách dễ dàng không khó khăn’.

“Rồi vị Tỳ-kheo ấy nương vào khu rừng này để ở. Sau khi nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chánh niệm vẫn không có chánh niệm, tâm chưa được định tĩnh vẫn không được định tĩnh, nếu chưa được giải thoát vẫn không được giải thoát, các lậu chưa hết vẫn không đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng vẫn chưa chứng đắc Niết-bàn. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng,

thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách rất khó khăn. Vị Tỳ-kheo ấy nên quán như vậy, ‘Ta nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chánh niệm vẫn không được chánh niệm, tâm chưa được định tĩnh vẫn không được định tĩnh, nếu chưa giải thoát vẫn không được giải thoát, các lậu chưa hết vẫn không đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng vẫn chưa chứng đắc Niết-bàn. Những điều người học đạo cần như: áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách khó khăn’.

“Tỳ-kheo quán như vậy rồi, phải lập tức từ bỏ khu rừng này ngay trong đêm mà đi, chớ có cùng người cáo biệt”.

“Tỳ-kheo nương vào một khu rừng để ở. Vị ấy nghĩ: ‘Ta nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chánh niệm liền được chánh niệm, tâm chưa định liền được định, chưa giải thoát liền được giải thoát, các lậu chưa hết liền được đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì liền chứng đắc Niết-bàn. Và những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách dễ dàng không khó khăn’.

“Rồi Tỳ-kheo ấy nương vào khu rừng này để ở. Đã nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chánh niệm liền được chánh niệm, tâm chưa định liền được định, chưa giải thoát liền được giải thoát, các lậu chưa hết liền được đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì liền chứng đắc Niết-bàn. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, [597c] các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách dễ dàng không khó khăn. Tỳ-kheo ấy nên quán như vậy, ‘Ta nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chánh niệm liền được chánh niệm, tâm chưa định tĩnh liền được định tĩnh, nếu chưa giải thoát liền được giải thoát, các lậu chưa hết liền được đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì liền chứng đắc Niết-bàn. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách dễ dàng không khó khăn’.

“Tỳ-kheo đã quán như vậy rồi nên nương vào khu rừng này để ở trọn đời cho đến lúc mạng chung.

“Cũng như các trường hợp nương vào khu rừng để ở, cũng vậy, giữa bãi

tha ma, giữa thôn ấp hay sống với người khác”.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



108. KINH LÂM (II)

Tôi nghe như vậy.

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo nương vào khu rừng này để ở. Vị ấy nghĩ rằng: ‘Ta nương vào khu rừng này để ở vì lý tưởng xuất gia học đạo, là muốn thành đạt ý nghĩa của Sa-môn¹, ý nghĩa này được thành tựu đối với ta. Những điều người học đạo cần như y phục, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tìm cầu tất cả một cách dễ dàng không khó khăn’.

“Rồi Tỳ-kheo ấy nương vào khu rừng này để ở. Sau khi nương vào khu rừng này để ở, với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn thành đạt ý nghĩa của Sa-môn, nhưng ý nghĩa ấy không được thành đạt đối với ta. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu một cách dễ dàng không khó khăn’. Tỳ-kheo ấy nên quán như vậy, ‘Ta xuất gia học đạo không phải vì áo chăn, không phải vì ăn uống, giường chõng, thuốc thang, cũng không phải vì các vật dụng cho đời sống; nhưng ta nương vào khu rừng này để ở với lý tưởng xuất gia học đạo, là muốn thành đạt ý nghĩa của Sa-môn, ý nghĩa này không được thành đạt đối với ta. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu một cách dễ dàng không khó khăn’. Tỳ-kheo đã quán như vậy rồi, nên từ bỏ khu rừng này để đi nơi khác.

“Tỳ-kheo nương vào một khu rừng để ở, vị ấy nghĩ rằng: ‘Ta nương vào một khu rừng để ở với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn thành đạt ý nghĩa của Sa-môn, ý nghĩa ấy được thành đạt đối với ta. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu một cách dễ dàng không khó khăn’.

“Rồi Tỳ-kheo ấy [598a] nương vào khu rừng này để ở. Sau khi nương vào khu rừng này để ở với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn thành đạt ý

¹ Sa-môn nghĩa 娑門義, nên hiểu là mục đích của Sa-môn; hoặc, lợi ích của Sa-môn.

nghĩa của Sa-môn và ý nghĩa ấy được thành đạt đối với ta. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tìm cầu tất cả một cách rất khó khăn, Tỳ-kheo ấy nên quán như thế này: ‘Ta xuất gia học đạo không phải vì áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, cũng không phải vì các vật dụng cho đời sống. Nhưng ta nương vào khu rừng này để ở với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn thành đạt ý nghĩa của Sa-môn, ý nghĩa ấy được thành đạt đối với ta. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách rất khó khăn’.

“Tỳ-kheo đã quán như vậy rồi, nên ở lại khu rừng này.

“Tỳ-kheo nương vào một khu rừng để ở, vị ấy nghĩ rằng: ‘Ta nương vào khu rừng này để ở với lý tưởng xuất gia học đạo là thành đạt ý nghĩa của Sa-môn, ý nghĩa ấy được thành đạt đối với ta. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách dễ dàng không khó khăn’.

“Rồi vị ấy nương vào khu rừng này để ở. Sau khi nương vào khu rừng này để ở với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn thành đạt ý nghĩa của Sa-môn, nhưng ý nghĩa ấy không thành đạt đối với ta. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách khó khăn, vị Tỳ-kheo ấy nên quán như thế này: ‘Ta nương vào khu rừng này để ở với lý tưởng xuất gia học đạo là thành đạt ý nghĩa của Sa-môn, ý nghĩa ấy được thành đạt đối với ta. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách rất khó khăn’.

“Tỳ-kheo đã quán như vậy rồi phải lập tức từ bỏ khu rừng này ngay giữa đêm mà đi, chớ có cùng người cáo biệt.

“Tỳ-kheo nương vào một khu rừng để ở, vị ấy nghĩ rằng: ‘Ta nương vào khu rừng này để ở với lý tưởng xuất gia học đạo là thành đạt ý nghĩa của Sa-môn, ý nghĩa ấy được thành đạt đối với ta. Những điều người học đạo cần như: áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách dễ dàng không khó khăn’.

“Rồi vị Tỳ-kheo ấy nương vào khu rừng này để ở. Sau khi nương vào

khu rừng này để ở với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn thành đạt ý nghĩa của Sa-môn, ý nghĩa ấy được thành đạt đối với ta. Những điều người học đạo cần như áo chăn, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách dễ dàng không khó khăn, vị Tỳ-kheo ấy nên quán như thế này: ‘Ta nương vào khu rừng này để ở với lý tưởng xuất gia học đạo là thành đạt ý nghĩa của Sa-môn, ý nghĩa ấy được thành đạt đối với ta. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, [598b] thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách dễ dàng không khó khăn’.

“Tỳ-kheo đã quán như vậy rồi, nên nương vào khu rừng này để ở trọn đời cho đến lúc mạng chung”.

Cũng như các trường hợp nương vào khu rừng để ở, cũng vậy, giữa bãi tha ma, thôn ấp hay sống với người khác.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



109. KINH TỰ QUÁN TÂM (I)

Tôi nghe như vậy.

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo không thiện xảo quán tâm người khác, hãy thiện xảo tự quán sát tâm của chính mình. Nên học như vậy.

“Thế nào gọi là Tỳ-kheo thiện xảo quán tự tâm¹? Tỳ-kheo nếu có quán này, chắc chắn được nhiều lợi ích. ‘Phải chăng ta được chỉ của nội tâm², nhưng chưa được quán pháp bằng tối thượng tuệ³? Phải chăng ta được quán pháp tối thượng tuệ, nhưng chưa được chỉ nội tâm? Phải chăng ta chưa được chỉ nội tâm, cũng chưa được quán pháp tối thượng tuệ? Phải chăng ta được chỉ nội tâm, cũng được quán pháp tối thượng tuệ?’”

“Nếu Tỳ-kheo sau khi quán, liền biết rằng: ‘Ta được chỉ nội tâm, chưa được quán pháp tối thượng tuệ’. Tỳ-kheo ấy được chỉ nội tâm rồi, hãy nên mong cầu quán pháp tối thượng tuệ. Vị ấy sau đó được chỉ nội tâm và cũng được quán pháp tối thượng tuệ.

“Nếu Tỳ-kheo sau khi quán liền biết rằng: ‘Ta được quán pháp tối thượng tuệ, chưa được chỉ nội tâm’. Tỳ-kheo ấy trụ nơi quán pháp tối thượng tuệ rồi, hãy nên mong cầu nội chỉ tâm tĩnh chỉ. Vị ấy sau đó được quán pháp tối thượng tuệ và cũng được chỉ nội tâm.

“Nếu Tỳ-kheo sau khi quán liền biết rằng: ‘Ta chưa được chỉ nội tâm cũng chưa được tối thượng tuệ’. Như vậy Tỳ-kheo chưa được pháp thiện này; vì muốn được nên phải nhanh chóng tìm cầu phương tiện, học tập tinh cần, chánh niệm, chánh trí, kham nhẫn, đừng để bị thoái chuyển. Ví như người bị lửa đốt cháy đầu, đốt cháy áo, phải nhanh chóng tìm cầu phương tiện cứu đầu, cứu áo. Cũng vậy, Tỳ-kheo chưa được pháp thiện

¹Thiện tự quán tâm 善自觀心. Pāli: *sacittapariyāyakusala*.

²Nội chỉ 內止; đây nói về *chỉ quán* pháp môn. Pāli: *ajjhatacetosamatha*.

³Tối thượng tuệ quán pháp 最上慧觀法; được chỉ (*samtha*) nhưng chưa được quán (*vipassana*). Pāli: *adhipaññādharmavipassana*, sự quán chiếu pháp bằng tuệ tăng thượng.

này, vì muốn được nên phải nhanh chóng tìm cầu phương tiện, học tập tinh cần, chánh niệm chánh trí, đừng để bị thoái chuyển. Vị ấy sau đó liền được chỉ nội tâm và cũng được quán pháp tối thượng tuệ.

[598c]“Nếu Tỳ-kheo sau khi quán tâm, liền biết rằng: ‘Ta được chỉ nội tâm, cũng được quán pháp tối thượng tuệ’. Tỳ-kheo ấy tạm trú nơi pháp thiện này rồi, hãy nên mong cầu tự thân chứng ngộ Lộ tận trí thông⁴. Vì sao vậy? Ta nói, ‘Không được cất chứa tất cả y, nhưng cũng nói được phép cất chứa tất cả y⁵’.

“Loại y nào mà Ta nói không được cất chứa? Nếu cất chứa y mà tăng trưởng pháp ác bất thiện, suy thoái pháp thiện, loại y như vậy, Ta nói không được cất chứa.

“Loại y nào Ta nói được phép cất chứa? Nếu cất chứa y mà tăng trưởng pháp thiện, suy thoái pháp ác bất thiện, loại y như vậy Ta nói được phép cất chứa”. Cũng như y áo, về uống ăn, giường chõng, thôn ấp, cũng giống như vậy.

“Ta nói, không được quen thân tất cả mọi người, nhưng cũng nói được phép quen thân tất cả mọi người⁶.

“Loại người nào Ta nói không được quen thân? Nếu quen thân người mà tăng trưởng pháp ác bất thiện, suy thoái pháp thiện; người như vậy Ta thuyết giảng không được quen thân.

“Loại người nào Ta nói được phép quen thân? Nếu quen thân người mà tăng trưởng pháp thiện, suy thoái pháp ác bất thiện; người như vậy Ta nói được phép quen thân.

“Vị ấy biết đúng như thật pháp nên tập hành, cũng biết đúng như thật pháp không nên tập hành⁷. Vị ấy biết đúng như thật pháp nên tập hành,

⁴ Lộ tận trí thông tác chứng 漏盡智通作證. Pāli: *āsavānaṃ khayāya yo karaṇīyo*, nỗ lực dứt sạch các lậu.

⁵ Pāli: *cīvarampāhaṃ bhikkhave duvidhena vadāmi sevitabbampi asevitabbampī ti*, Y, Ta nói có hai loại: nên sử dụng và không nên sử dụng.

⁶ Hiệp tập nhất thiết nhân 狎習一切. Pāli: *puggalampāhaṃ bhikkhave duvidhena vadāmi sevitabbampi asevitabbampī ti*, người, Ta nói có hai loại: đáng thân cận và không đáng thân cận.

⁷ Tập pháp bất khả tập pháp 習法不可習法. Pāli: *sevitabba, asevitabba*: nên thân

pháp không nên tập hành rồi, với pháp không nên tập hành thì không tập hành, với pháp nên tập liền tập hành. Vì ấy không tập hành pháp không nên tập hành, tập hành pháp nên tập hành rồi liền tăng trưởng pháp thiện, suy thoái pháp ác bất thiện.

“Như vậy gọi là Tỳ-kheo thiện xảo quán tự tâm, khéo biết tự tâm, khéo thủ, khéo xả”.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



cận và không nên thân cận, nên sử dụng và không nên sử dụng, nên phục vụ và không nên phục vụ.

110. KINH TỰ QUÁN TÂM (II)

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo không thiện xảo quán tâm người khác, hãy thiện xảo tự quán sát tâm của chính mình. Nên học như vậy.

“Thế nào gọi là Tỳ-kheo thiện xảo quán tự tâm? Tỳ-kheo nếu có quán này, chắc chắn được nhiều lợi ích. ‘Ta thường hành tham lam hay thường hành không tham lam¹? Ta thường hành tâm sân nhuế hay thường hành tâm không sân nhuế? Ta thường hành thù miên triền hay thường hành không thù miên triền? Ta thường hành [599a] trạo hối, cống cao hay thường hành không trạo hối, cống cao? Ta thường hành nghi hoặc hay thường hành không nghi hoặc? Ta thường hành thân tránh² hay thường hành không thân tránh? Ta thường hành tâm ô uế hay thường hành tâm không ô uế? Ta thường hành tín hay thường hành bất tín? Ta thường hành tinh tấn hay thường hành giải đãi? Ta thường hành suy niệm hay thường hành không suy niệm? Ta thường hành tâm định hay thường hành tâm không định? Ta thường hành ác tuệ hay thường hành không ác tuệ?’

“Nếu Tỳ-kheo khi quán liền biết, ‘Ta thường hành tham lam, tâm sân nhuế, thù miên triền, trạo hối, cống cao, nghi hoặc, thân tránh, tâm ô uế, bất tín, giải đãi, không suy niệm, không tâm định, thường hành ác tuệ’. Tỳ-kheo ấy muốn diệt trừ pháp ác bất thiện này phải nhanh chóng tìm cầu phương tiện, học tập, tinh cần, chánh niệm, chánh trí, kham nhẫn, đừng để bị thoái chuyển.

“Ví như bị lửa đốt cháy đầu, cháy áo, nhanh chóng tìm cầu phương tiện cứu đầu, cứu áo. Cũng vậy, Tỳ-kheo muốn diệt trừ pháp ác bất thiện này phải nhanh chóng tìm cầu phương tiện, học tập, tinh cần, chánh niệm, chánh trí, kham nhẫn, đừng để bị thoái chuyển.

¹ Đa hành tăng tứ 多行增伺. Pāli: *abhijjahlū bahulaṃ viharāmi*, ta sống nhiều tham lam chăng?

² Thân tránh 身諍. Pāli: *sāradhakāyo*, cử chỉ thô bạo, nóng nảy.

“Nếu Tỳ-kheo khi quán liền biết, ‘Ta thường hành không tham lam, tâm không sân nhuế, không thù miên triền, không trạo hối cống cao, không nghi hoặc, không thân tránh, tâm không ô uế, tín, tinh tấn, suy niệm, định, thường hành không ác tuệ’. Tỳ-kheo ấy trụ nơi pháp thiện này rồi, hãy nên mong cầu tự thân chứng ngộ lậu tận trí thông.

“Vì sao vậy? Ta nói, không được cất chứa tất cả y nhưng cũng nói được quyền cất chứa tất cả y áo. Loại y nào Ta nói không được cất chứa? Nếu cất chứa y áo mà tâm tăng trưởng pháp ác bất thiện, suy thoái pháp thiện, y áo như vậy Ta nói không được cất chứa. Loại y nào Ta nói được quyền cất chứa? Nếu cất chứa y áo mà tâm tăng trưởng pháp thiện, suy thoái pháp ác bất thiện, y áo như vậy Ta nói được quyền cất chứa”. Cũng như y áo, về uống ăn, giường chõng, thôn ấp cũng giống như vậy.

“Ta nói không được quen thân tất cả mọi người, nhưng cũng nói được quen thân tất cả mọi người. Người thế nào mà Ta nói không được quen thân? Nếu quen thân người mà tâm tăng trưởng pháp ác bất thiện, suy thoái pháp thiện, người như vậy Ta nói không được quen thân. Người thế nào mà Ta nói được quyền quen thân? Nếu quen thân người, liền tăng trưởng pháp thiện, suy thoái pháp ác bất thiện, người như vậy Ta nói được quyền quen thân.

[599b] “Vị ấy biết đúng như thật pháp nên tập hành, cũng biết đúng như thật pháp không nên tập hành. Vị ấy biết đúng như thật pháp nên tập hành và pháp không nên tập hành rồi, pháp không nên tập hành thì không tập hành, pháp nên tập hành liền tập hành. Vị ấy không tập hành pháp không nên tập hành, tập hành pháp nên tập hành rồi, liền tăng trưởng pháp thiện, suy thoái pháp ác bất thiện.

“Như vậy gọi là Tỳ-kheo khéo tự quán tâm, khéo tự biết tâm, khéo thủ, khéo xả”.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



111. KINH ĐẠT PHẠM HẠNH

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại Câu-lâu-sấu, ở Kiếm-ma-sát-đàm, một đô ấp của Câu-lâu¹.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo rằng:

“Ta sẽ thuyết pháp cho các người nghe, vi diệu ở khởi đầu, vi diệu ở khoảng giữa và vi diệu ở đoạn cuối, có văn, có nghĩa, cụ túc thanh tịnh, hiển hiện phạm hạnh; đó là ‘Đạt phạm hạnh’², có thể diệt tận các lậu. Các người hãy lắng nghe, hãy khéo suy niệm!”

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời dạy, chờ nghe.

Đức Thế Tôn nói:

“Các người hãy biết lậu, nhân sinh của lậu, biết sự hữu báo của lậu, biết sự thắng liệt của lậu³, biết sự diệt tận của lậu, biết lậu diệt đạo.

“Các người hãy biết thọ⁴, biết nhân sanh của thọ, biết sự hữu báo của thọ, biết sự thắng liệt của thọ, biết sự diệt tận của thọ, biết thọ diệt đạo.

“Các người hãy biết tưởng, biết nhân sanh của tưởng, biết sự hữu báo của tưởng, biết sự thắng liệt của tưởng, biết sự diệt tận của tưởng, biết tưởng diệt đạo.

“Các người hãy biết dục, biết nhân sanh của dục, biết hữu báo của dục, biết sự thắng liệt của dục, biết sự diệt tận của dục, biết dục diệt đạo.

“Các người hãy biết nghiệp, biết nhân sanh của nghiệp từ đâu sanh, biết hữu báo của nghiệp, biết sự thắng liệt của nghiệp, biết sự diệt tận của nghiệp, biết nghiệp diệt đạo.

“Các người hãy biết khổ, biết nhân sanh của khổ, biết sự hữu báo của khổ,

¹ Kiếm-ma-sát-đàm Câu-lâu. Pāli: Kammāsadhammaṃ nāma kurūnaṃ nigamo. Xem kinh số 10.

² Đạt phạm hạnh 達梵行. Pāli: *nibbedhikapaiyāya*, pháp môn quyết trạch.

³ Các khía cạnh của vấn đề: sở nhân sanh 所因生, hữu báo 有報, thắng như 勝如, Pāli: *nidānasambhava* (nguyên nhân sanh khởi), *vemattatā* (đặc tính sai biệt), *vipāka* (báo ứng).

⁴ Giác 覺. Pāli: *vedanā*.

biết sự thắng liệt của khổ, biết sự diệt tận của khổ, biết khổ diệt đạo.

“Thế nào là biết lậu? Biết có ba lậu: dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Đó là biết lậu? Thế nào biết nhân sanh của lậu? Biết từ vô minh, nhân vô minh, do đó có lậu. Đó là biết nhân sanh của lậu. Thế nào là biết hữu báo của lậu? Biết bị vô minh trói buộc, bị các lậu rỉ thấm, do nhân duyên đó lãnh thọ quả báo hoặc đến chỗ lành hay đến chỗ ác. Đó là biết [599c] hữu báo lậu. Thế nào là biết sự thắng liệt của lậu? Biết có lậu sanh khiến vào địa ngục, có lậu sanh vào súc sanh, có lậu khiến sanh vào ngạ quỷ, có lậu khiến sanh vào cõi trời, hoặc có lậu khiến sanh vào cõi người. Đó là sự thắng liệt của lậu. Thế nào là biết sự diệt tận của lậu? Biết vô minh diệt, lậu liền diệt. Đó là biết lậu diệt tận. Thế nào là biết lậu diệt đạo? Biết Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến đến chánh định. Đó là biết lậu diệt đạo. Nếu Tỳ-kheo biết lậu, biết nhân sanh của lậu, biết hữu báo của lậu, biết sự thắng liệt của lậu, biết sự diệt tận của lậu, biết lậu diệt đạo như vậy, đó gọi là đạt phạm hạnh, có thể diệt tận tất cả lậu.

“Thế nào là biết thọ? Biết có ba cảm thọ: cảm thọ lạc, cảm thọ khổ và cảm thọ không khổ không lạc. Đó là biết thọ. Thế nào là biết nhân sanh của thọ? Biết từ xúc, do xúc nên có thọ. Đó là biết nhân sanh của thọ. Thế nào là biết hữu báo của thọ? Biết ái, ái là hữu báo của thọ. Đó là biết hữu báo của thọ. Thế nào là biết sự thắng liệt của thọ? Tỳ-kheo khi thọ nhận cảm thọ lạc, liền biết đang thọ nhận cảm thọ lạc; khi thọ nhận cảm thọ khổ liền biết đang thọ nhận cảm thọ khổ; khi thọ nhận cảm thọ không khổ không lạc, liền biết đang thọ nhận cảm thọ không khổ không lạc. Khi thân thọ nhận cảm thọ lạc, thân thọ nhận cảm thọ khổ, thân thọ nhận cảm thọ không khổ không lạc; khi tâm thọ nhận cảm thọ lạc, tâm thọ nhận cảm thọ khổ, tâm thọ nhận cảm thọ không khổ không lạc. Cảm thọ lạc khi ăn, cảm thọ khổ khi ăn, cảm thọ không khổ không lạc khi ăn. Cảm thọ lạc khi không ăn, cảm thọ khổ khi không ăn, cảm thọ không khổ không lạc khi không ăn. Cảm thọ lạc khi có dục, cảm thọ khổ khi có dục, cảm thọ không khổ không lạc khi có dục. Cảm thọ lạc khi không có dục, cảm thọ khổ khi không có dục, cảm thọ không khổ không lạc khi không có dục, thì biết có cảm thọ không khổ không lạc khi không có dục. Đó là biết sự thắng liệt của thọ. Thế nào là biết sự diệt tận của thọ? Biết xúc diệt, thọ liền diệt. Đó là biết sự diệt tận của thọ. Thế nào là biết thọ diệt đạo? Biết Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến cho đến chánh định. Đó là

biết thọ diệt đạo. Nếu Tỳ-kheo biết thọ, biết nhân sanh của thọ, biết hữu báo của thọ, biết sự thắng liệt của thọ, biết sự diệt tận của thọ, biết thọ diệt đạo như vậy, đó gọi là đạt phạm hạnh, có thể diệt tận tất cả thọ.

“Thế nào là biết tướng? Biết có bốn tướng⁵: Tỳ-kheo khi có tướng nhỏ cũng biết, tướng lớn cũng biết, tướng vô lượng cũng biết, tướng xứ vô sở hữu cũng biết. Đó là biết tướng. Thế nào là biết nhân sanh của tướng? Biết từ xúc, do xúc nên tướng. Đó là biết nhân sanh của tướng. Thế nào là biết hữu báo của tướng? Biết [600a] tuyên thuyết⁶, tùy tướng mà tuyên thuyết⁷. Đó là biết hữu báo của tướng. Thế nào là biết sự thắng liệt của tướng? Biết có tướng tướng về sắc⁸, có tướng tướng về tiếng, có tướng tướng về hương, có tướng tướng về vị, hoặc có tướng tướng về xúc. Đó là biết sự thắng liệt của tướng. Thế nào là biết sự diệt tận của tướng? Biết xúc diệt, tướng liền diệt. Đó là biết sự diệt tận của tướng. Thế nào là biết tướng diệt đạo? Biết Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến cho đến chánh định. Đó là biết tướng diệt đạo. Nếu Tỳ-kheo biết tướng, biết nhân sanh của tướng, biết hữu báo của tướng, biết sự thắng liệt của tướng, biết sự diệt tận của tướng, biết tướng diệt đạo như vậy, đó gọi là đạt phạm hạnh, có thể diệt tận tất cả tướng.

“Thế nào là biết dục? Biết dục có năm công đức của dục, khả ái, khả hỷ, mỹ sắc, tương ưng với dục, rất khả lạc. Những gì là năm? Sắc được biết bởi mắt, thanh được biết bởi tai, hương được biết bởi mũi, vị được biết bởi lưỡi, xúc được biết bởi thân, pháp được biết bởi ý. Thế nào là biết nhân sanh của dục? Biết từ xúc, do xúc nên có dục. Đó là biết nhân sanh của dục từ đâu sanh. Thế nào là biết hữu báo của dục? Tùy theo chủng loại dục mà sanh ái lạc, đắm trước rồi trụ vào đó, do nhân duyên đó lãnh thọ quả báo, đến chỗ có phước, đến chỗ phi phước hay chỗ bất động. Đó

⁵ Bản Pāli: sáu tướng: *rūpasāññā*, sắc tướng, cho đến, *dhammasāññā*, pháp tướng.

⁶ Thuyết 說. Pāli: *katamo saññānaṃ vipāko? vohāraveppako*, cái gì là kết quả (đi thực) của các tướng? Là kết quả của ngôn ngữ tập quán.

⁷ Tùy kỳ tướng tiện thuyết 隨其想便說. Pāli: *yathā yathā naṃ samjānāti tathā tathā voharati evaṃ saññī aho sin ti*, nó nhận biết vật ấy như thế nào thì nó nói như thế, rằng “tôi có tướng (có ấn tượng) như vậy”.

⁸ Pāli: *aññā saññā rūpesu*, tướng trong các sắc thì khác, cho đến, *aññā saññā dhammesu*, tướng trong các pháp thì khác.

là biết hữu báo của dục. Thế nào là biết sự thắng liệt của dục? Hoặc có dục ham muốn sắc⁹, hoặc có dục ham muốn tiếng, hoặc có dục ham muốn hương, hoặc có dục ham muốn vị, hoặc có dục ham muốn xúc. Đó là biết sự thắng liệt của dục. Thế nào là biết sự diệt tận của dục? Biết xúc diệt, dục liền diệt. Đó là biết sự diệt tận của dục. Thế nào là biết dục diệt đạo? Biết Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến cho đến chánh định. Đó là biết dục diệt đạo. Nếu Tỳ-kheo biết dục, biết nhân sanh của dục, biết hữu báo của dục, biết sự thắng liệt của dục, biết sự diệt tận của dục, biết dục diệt đạo là như vậy, đó gọi là đạt phạm hạnh, có thể diệt tận tất cả dục.

“Thế nào là biết nghiệp? Biết có hai nghiệp, nghiệp và nghiệp đã tư¹⁰. Đó là biết nghiệp. Thế nào là biết nhân sanh của nghiệp? Biết do xúc nên có nghiệp. Đó là biết nhân sanh của nghiệp. Thế nào là biết hữu báo của nghiệp? Biết nghiệp đen có quả báo đen, nghiệp trắng có quả báo trắng, nghiệp đen trắng có quả báo đen trắng, hoặc nghiệp không đen không trắng thì không có quả báo và nghiệp tận. Đó là biết nghiệp có quả báo. Thế nào là biết sự thắng liệt của nghiệp? Biết có nghiệp khiến sanh [600b] vào địa ngục, có nghiệp khiến sanh vào súc sanh, có nghiệp khiến sanh vào nạ quỷ, có nghiệp khiến sanh vào cõi trời, hoặc có nghiệp khiến sanh vào cõi người. Đó là biết sự thắng liệt của nghiệp. Thế nào là biết sự diệt tận của nghiệp? Biết xúc diệt, nghiệp liền diệt. Đó là biết sự diệt tận của nghiệp. Thế nào là biết nghiệp diệt đạo? Biết Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến cho đến chánh định. Đó là biết nghiệp diệt đạo. Nếu Tỳ-kheo biết nghiệp, biết nhân sanh của nghiệp, biết hữu báo của nghiệp, biết sự thắng liệt của nghiệp, biết sự diệt tận của nghiệp, biết nghiệp diệt đạo như vậy, đó gọi là đạt phạm hạnh, có thể diệt tận tất cả nghiệp.

“Thế nào là biết khổ? Biết khổ sanh, khổ già, khổ bệnh, khổ chết, khổ oán tắng hội, khổ ái biệt ly, khổ cầu bất đắc; nói tóm, năm thủ uẩn là khổ. Đó là biết khổ. Thế nào là biết nhân sanh của khổ? Biết từ ái, do ái sanh

⁹ Hữu dục dục sắc 有欲欲色. Pāli: *añño kāmo rūpesu*, dục nơi các sắc là (một loại) khác,... cho đến, *añño kāmo phoṭṭhabbesu*, dục nơi các xúc là (một loại) khác.

¹⁰ Tư nghiệp dĩ tư nghiệp 思業已思業. Pāli: *cetanam kamamṃ... cetayitvā kamaṃ katori kāyena vācāya manasā*: nghiệp được tư duy, và nghiệp sau khi tư duy rồi hành động bởi thân, miệng.

khổ. Đó là biết nhân sanh của khổ. Thế nào là biết hữu báo của khổ? Biết có khổ diệt hơi chậm, hoặc có khổ diệt hơi nhanh, hoặc có khổ diệt rất chậm, hoặc có khổ diệt rất nhanh.¹¹ Đó là biết hữu báo của khổ. Thế nào là biết sự thắng liệt của khổ? Đó là biết phạm phu ngu si, không đa văn, không gặp thiện tri thức, không điều ngự thánh pháp, nên khi thân sanh cảm thọ rất khổ, cùng cực khổ, mạng sống muốn tuyệt, phải tìm người cứu chữa ở bên ngoài; hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn thọ trì loại chú một câu, loại chú hai, ba, bốn hay nhiều câu, hoặc thọ trì loại chú một trăm câu thần chú, ‘Vị ấy trị dứt khổ cho ta’, như vậy là nhân mong cầu mà sanh khổ, nhân tập khởi mà sanh khổ. Đó là biết sự thắng liệt của khổ. Thế nào là biết sự diệt tận của khổ? Biết ái diệt, khổ liền diệt. Đó là biết sự diệt tận của khổ. Thế nào là biết khổ diệt đạo? Biết Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến cho đến chánh định. Đó là biết khổ diệt đạo. Nếu Tỳ-kheo biết khổ, biết nhân sanh của khổ, biết hữu báo của khổ, biết sự thắng liệt của khổ, biết sự diệt tận của khổ, biết khổ diệt đạo như vậy, đó gọi là Đạt phạm hạnh, có thể diệt tận tất cả khổ.”

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



¹¹ Pl.: khổ cực đại (*adhimattam*), khổ hạn chế (*parittam*), khổ biến mất chậm (*dandhavirāgi*), khổ biến mất nhanh (*hippavirāgi*): đây là sự thắng liệt (*vemattā*) của khổ.

112. KINH A-NÔ-BA

[600c1]Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại Bạt-kì-sầu¹, ở đô ấp A-nô-ba² của người Bạt-kì. Bấy giờ, vào lúc xế trưa, Đức Thế Tôn từ chỗ tĩnh tọa đứng dậy, bước ra khỏi tịnh thất và nói:

“A-nan, Ta và ông hãy đi đến sông A-di-la-hòa-đế³ để tắm.

Tôn giả A-nan nói:

“Kính vâng”.

Khi ấy, Đức Thế Tôn cùng Tôn giả A-nan đi đến sông A-di-la-hòa-đế, cởi bỏ y phục trên bờ sông rồi xuống nước tắm. Tắm xong, lên bờ, lau mình và mặc y phục vào. Bấy giờ Tôn giả A-nan cầm quạt quạt hầu Phật. Khi ấy, Đức Thế Tôn ngoảnh lại, hỏi:

“A-nan, Đê-bà-đạt-đa vì phóng dật nên sẽ bị đọa lạc rất cực khổ, chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục, ở đấy trọn kiếp, không thể cứu vớt. A-nan, ông có nghe các Tỳ-kheo nói lại rằng Ta đã xác định một cách dứt khoát⁴ Đê-bà-đạt-đa chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục, ở đấy trọn kiếp, không thể cứu vớt chăng?”

Tôn giả A-nan thưa:

“Quả vậy, lúc bấy giờ có một vị Tỳ-kheo nói với con rằng: ‘Này Tôn giả A-nan, phải chăng Đức Thế Tôn dùng tha tâm trí biết rõ tâm Đê-bà-đạt-đa nên Ngài xác định rằng Đê-bà-đạt-đa⁵ chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục, ở đấy trọn kiếp, không cứu vớt?’⁶”

Đức Thế Tôn nói:

¹ Bạt-kì-sầu 跋耆瘦. Pāli: Vajjīsu, giữa những người Vajji.

² A-nô-ba 阿奴波; địa danh này chưa rõ. Bản Pāli: Phật tại Daṇḍakappa, một ngôi làng của người Kosala.

³ A-di-la-hòa-đế 阿夷邏和帝. Pāli (A. iii. 402): Aciravatī, Tôn giả Ananda và một số đông Tỳ-kheo làng Daṇḍakappa đến tắm ở đây.

⁴ Nhất hướng ký 一向記.

⁵ Đê-bà-đạt-đa 提婆達多. Pāli: Devadatta.

⁶ Theo bản Pāli: Tỳ-kheo này hoài nghi, Phật tự biết hay nhờ chư Thiên nói cho biết.

“A-nan, Tỳ-kheo ấy hoặc nhỏ, hoặc trung, hoặc lớn tuổi, hoặc niên thiếu, đều không hiểu biết⁷. Vì sao vậy? Như Lai đã xác định, nhưng người ấy vẫn còn nghi hoặc. A-nan, Ta không thấy có những Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn hay bất cứ ai khác ở trên đời này từ người đến trời như Ta ghi nhận nhất quyết về Đê-bà-đạt-đa. Vì sao vậy? A-nan, Ta xác định rằng Đê-bà-đạt-đa chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục, ở đấy trọn kiếp, không thể cứu vớt. A-nan, nếu Ta thấy Đê-bà-đạt-đa có được chút pháp bạch tịnh bằng một sợi lông, Ta đã không xác định rằng Đê-bà-đạt-đa chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục, ở đấy trọn kiếp, không thể cứu vớt. A-nan, vì Ta không thấy Đê-bà-đạt-đa có được chút pháp bạch tịnh bằng một sợi lông, nên Ta xác định rằng Đê-bà-đạt-đa chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục, ở đấy trọn kiếp, không thể cứu vớt.

“A-nan, ví như cách thôn nọ không xa, có một hầm phần sâu rộng, có người bị lọt vào đấy, chìm xuống tận đáy. Có người đi đến trông thấy, phát khởi lòng đại từ đại bi, mong muốn cho được sự lợi ích và phước lành, được an ổn, khoái lạc. Người ấy [601a] nhìn quanh rồi nói, ‘Người này có chỗ nào như lông, tóc không bị dính phần để ta có thể nắm kéo lên chăng?’ Người ấy nhìn khắp châu thân nhưng không thấy có chỗ nào bằng một sợi lông, một cọng tóc mà không bị dính phần để có thể dùng tay nắm kéo lên được’. Cũng vậy, này A-nan, nếu Ta thấy Đê-bà-đạt-đa có một chút pháp bạch tịnh nào bằng một sợi lông, Ta đã không ghi xác định rằng Đê-bà-đạt-đa chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục, ở đấy trọn kiếp, không thể cứu vớt. A-nan, vì Ta không thấy Đê-bà-đạt-đa có được chút pháp bạch tịnh nào bằng một sợi lông, nên Ta ghi xác định rằng Đê-bà-đạt-đa chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục, ở đấy trọn kiếp, không thể cứu vớt.

Khi ấy, Tôn giả A-nan khóc lóc, lấy tay gạt lệ rồi thưa rằng:

“Kính bạch Thế Tôn! Thật là kỳ diệu! Thật là hy hữu! Thế Tôn đã xác định rằng ‘Đê-bà-đạt-đa chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục, ở đấy trọn kiếp không thể cứu vớt’.”

⁷ Hán: niên thiếu bất tự tri 年少不自知. Pāli: *bālo avyatto*, ngu si không biết gì. Bāla, có nghĩa con nít, cũng có nghĩa ngu si, cho nên Hán dịch niên thiếu (?).

“Đúng vậy A-nan! Đúng vậy A-nan! Ta xác định rằng Đê-bà-đạt-đa chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục, ở đây trọn kiếp, không thể cứu vớt. A-nan, nếu ông được Như Lai thuyết giảng cho nghe về phân biệt Đại nhân căn trí⁸ chắc chắn sẽ có tín tâm tối thượng nơi Như Lai mà luôn luôn hoan hỷ”.

Khi ấy, Tôn giả A-nan chấp tay hướng Phật mà bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, nay quả là đúng lúc! Bạch Thiện Thệ, nay quả là đúng lúc! Ngưỡng mong Thế Tôn thuyết giảng cho các Tỳ-kheo nghe về phân biệt Đại nhân căn trí. Các Tỳ-kheo được Thế Tôn thuyết giảng cho nghe sẽ khéo léo thọ trì”.

Đức Thế Tôn nói:

“A-nan, hãy lắng nghe! Hãy khéo hý luận! Nay Ta sẽ thuyết giảng cho ông nghe về phân biệt Đại nhân căn trí”.

Tôn giả A-nan vâng lời dạy chờ nghe.

Thế Tôn nói:

“A-nan, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp thiện, cũng thành tựu pháp bất thiện. Sau đó, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện. Người này đã diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện, nhưng thiện căn còn sót lại chưa đoạn tuyệt. Từ thiện căn đó, lại sẽ phát sanh pháp thiện. Như vậy, người này đạt được pháp thanh tịnh.

“A-nan, ví như sáng sớm, mặt trời vừa xuất hiện, bóng tối diệt, ánh sáng sanh. A-nan, ý ông nghĩ sao, mặt trời lên dần cho đến giờ ăn trưa, phải chăng bóng tối đã diệt, ánh sáng đã sanh?”

Tôn giả A-nan thưa:

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy”.

[601b]“Cũng vậy, này A-nan, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp thiện, cũng thành tựu pháp bất thiện. Sau đó, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện. Người này đã diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện, nhưng thiện căn còn sót lại, chưa đoạn tuyệt.

⁸Đại nhân căn trí 大人根智. Pāli: *purisindriyaññāna*.

Từ thiện căn đó sẽ lại phát sanh pháp thiện. Như vậy, người này đạt được pháp thanh tịnh.

“A-nan, ví như hạt lúa giống không hư, không vỡ, không mục, không nứt, không bị gió, nắng làm thương tổn, mùa thu được cất giấu kín đáo. Nếu người cư sĩ giỏi, sửa sang khoảnh ruộng tốt rồi vãi hạt giống vào và mưa xuống phải thời, A-nan, ý ông nghĩ sao, hạt giống ấy có dần dần lớn lên được chăng?”

Tôn giả A-nan thưa:

“Bạch Thế Tôn, có thể vậy”.

“Cũng vậy, A-nan, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp thiện, cũng thành tựu pháp bất thiện. Sau đó Như Lai dùng tha tâm trí lại quán sát tâm người này, biết người này diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện; người này đã diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện, nhưng thiện căn còn sót chưa đoạn tuyệt. Từ thiện căn đó, thiện pháp sẽ lại phát sanh. Như vậy là người này đạt được pháp thanh tịnh. A-nan, đó gọi là Đại nhân căn trí của Như Lai. Như Lai hiểu biết chân chánh về gốc rễ của các pháp như vậy.

“Lại nữa, A-nan, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp thiện, cũng thành tựu pháp bất thiện. Sau đó Như Lai dùng tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện, thiện căn còn sót chưa đoạn tuyệt, chắc chắn rồi sẽ đoạn tuyệt. Như vậy, người này đi đến pháp suy thoái⁹.

“A-nan, ví như từ lúc xế trưa cho đến khi mặt trời lặn, ánh sáng diệt, bóng tối sanh; A-nan, ý ông nghĩ sao, sau khi mặt trời lặn, phải chăng ánh sáng đã diệt, bóng tối đã sanh?”

Tôn giả A-nan thưa:

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy”.

“Cũng vậy, A-nan, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp thiện, cũng thành tựu pháp bất thiện. Sau đó Như Lai dùng tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện; người này đã diệt pháp thiện, sanh

⁹Suy thoái pháp 衰退法. Pāli: parihāna-dhamma.

pháp bất thiện, thiện căn còn sót chưa đoạn tuyệt, chắc chắn rồi sẽ đoạn tuyệt. Như vậy, người này đi đến pháp suy thoái”.

“A-nan, ví như hạt lúa giống không hư, không vỡ, không [601c] mục, không nứt, không bị gió, nắng làm thương tổn, mùa thu đến được cất giấu kín đáo. Nếu người cư sĩ kia giỏi, sửa sang ruộng tốt rồi vãi hạt giống vào nhưng mưa xuống không phải thời, thì này A-nan, ý ông nghĩ sao, hạt giống này có dần dần lớn lên được không?”

Tôn giả A-nan thưa:

“Bạch Thế Tôn, không thể được”.

“Cũng vậy, này A-nan, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp thiện, cũng thành tựu pháp bất thiện. Sau đó Như Lai dùng tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện; người này đã diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện, thiện căn còn sót chưa đoạn tuyệt, chắc chắn rồi sẽ đoạn tuyệt. Như vậy, người này đi đến pháp suy thoái”.

“A-nan, đó gọi là Đại nhân căn trí của Như Lai. Như Lai hiểu biết chân chánh về gốc rễ của các pháp như vậy.

“Lại nữa, này A-nan, Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát tâm người khác. Ta không thấy người này có được chút pháp bạch tịnh nào, dù chỉ bằng một sợi lông. Người này một mực chỉ có pháp ác, bất thiện, ô uế, làm gốc rễ cho sự hữu trong tương lai là sự phiền nhiệt, là khổ báo, là nguyên nhân của sanh, già, bệnh, chết. Như vậy, người này khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đi đến chỗ ác, sanh vào địa ngục”.

“A-nan, ví như hạt giống không hư, vỡ, mục nát, bị gió nắng làm thương tổn, mùa thu không được cất giấu kín đáo. Nếu người cư sĩ kia không phải là nông phu giỏi, lại không khéo canh tác, gieo hạt giống xuống và mưa không phải thời, thì này A-nan, ý ông nghĩ sao, hạt giống lúa có dần dần lớn lên được chăng?”

Tôn giả A-nan thưa:

“Bạch Thế Tôn, dạ không”.

“Cũng vậy, này A-nan, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, Ta không thấy người này có được chút pháp bạch tịnh, dù bằng sợi lông. Người này pháp ác bất thiện hoàn toàn đầy đủ, ô uế, làm gốc rễ cho sự

hữu trong tương lai, lại phiền nhiệt, khổ báo, nguyên nhân của sanh, già, bệnh, chết. Như vậy, người này khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đi đến chỗ ác, sanh vào địa ngục. A-nan, đó gọi là Đại nhân căn trí của Như Lai. Như Lai hiểu biết chân chánh về gốc rễ của các pháp như vậy”.

“Khi ấy Tôn giả A-nan chấp tay hướng Phật mà bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đã thuyết giảng về ba hạng người như vậy. Mong Thế Tôn có thể giảng thuyết về ba hạng người khác nữa được chăng?”

Đức Thế Tôn nói:

“Ta có thể nói. Nay A-nan, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp bất thiện, cũng thành tựu pháp thiện. Sau đó, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện. Người này đã diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện, [602a] nhưng bất thiện căn còn sót chưa đoạn tuyệt. Từ bất thiện căn này sẽ lại phát sanh pháp bất thiện. Như vậy, người này đi đến pháp suy thoái.

“A-nan, ví như lửa đốt, khi mới đốt chỉ có một ngọn, có người đẩy cỏ khô thêm rồi chất củi khô lên. Nay A-nan, ý ông nghĩ sao, ngọn lửa kia càng bốc cháy mạnh lên chăng?”

Tôn giả A-nan thưa:

“Bạch Thế Tôn, quả như vậy”.

“Cũng vậy, nay A-nan, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp bất thiện, cũng thành tựu pháp thiện. Sau đó, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện. Người này đã được diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện, nhưng bất thiện căn còn sót chưa đoạn tuyệt. Từ bất thiện căn đó sẽ lại phát sanh pháp bất thiện. Như vậy, người này đi đến pháp suy thoái.

“Nay A-nan, đó gọi là Đại nhân căn trí của Như Lai. Như Lai hiểu biết chân chánh về gốc rễ của các pháp như vậy.

“Lại nữa, nay A-nan, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp bất thiện, cũng thành tựu pháp thiện. Sau đó, Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này

diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện. Người này đã diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện, nhưng bất thiện căn còn sót chưa đoạn tuyệt, chắc chắn rồi sẽ đoạn tuyệt. Như vậy, người này đạt đến pháp thanh tịnh.

“A-nan, ví như đốt lửa, khi mới đốt chỉ có một ngọn, có người đem cây lửa đang cháy sáng này để trên đất bằng, hoặc để trên đá; này A-nan, ý ông nghĩ sao, ngọn lửa há càng bốc cháy mạnh lên chăng?”

Tôn giả A-nan thưa:

“Bạch Thế Tôn, không thể vậy”.

“Cũng vậy, này A-nan, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp bất thiện, cũng thành tựu pháp thiện. Sau đó Như Lai dùng tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện. Người này đã diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện, nhưng bất thiện căn còn sót chưa đoạn tuyệt, chắc chắn rồi sẽ đoạn tuyệt. Như vậy là người này đạt pháp thanh tịnh.

“A-nan, đó gọi là Đại nhân căn trí của Như Lai. Như Lai hiểu biết chân chánh về gốc rễ của các pháp như vậy.

“Lại nữa, này A-nan, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, Ta không thấy người này có chút hắc nghiệp dù bằng một sợi lông. Người này tuyệt đối chỉ có pháp thiện đầy đầy, cùng với lạc, được lạc báo, chắc chắn sanh vào lạc xứ mà [602b] được trường thọ. Như vậy, người này ngay trong đời này chắc chắn chứng đắc Niết-bàn.

“A-nan, ví như tro lửa đã tắt từ lâu, đã nguội lạnh, có một người thêm đầy cỏ khô rồi chất củi khô lên; này A-nan, ý ông nghĩ sao, tâm nguội lạnh há có thể bốc cháy được chăng?”

Tôn giả A-nan thưa:

“Bạch Thế Tôn, không thể được”.

“Cũng vậy, này A-nan, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác. Ta không thấy người này có chút hắc nghiệp dù bằng một sợi lông. Người này tuyệt đối chỉ có pháp thiện đầy đầy, cùng với lạc, được lạc báo, chắc chắn sanh vào lạc xứ mà được trường thọ. Như vậy, người này ngay trong đời này chắc chắn chứng đắc Niết-bàn. Này A-nan, đó gọi là Đại nhân căn trí của Như Lai. Như Lai hiểu biết chân chánh về gốc rễ của các pháp như vậy.

“A-nan, ba hạng người nói trên kia, hạng người thứ nhất đạt pháp thanh tịnh, hạng người thứ hai đạt pháp suy thoái, hạng người thứ ba khi thân hoại mạng chung chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục.

“Ba hạng người Ta nói sau này, hạng người thứ nhất đạt pháp suy thoái, hạng người thứ hai đạt pháp thanh tịnh, hạng người thứ ba ngay trong đời này chứng đắc Niết-bàn.

“A-nan, Ta đã giảng thuyết cho ông nghe về Đại nhân căn trí. Như đáng Tôn sư thương yêu đệ tử, phát khởi lòng đại từ đại bi, mong muốn cho được sự lợi ích và phước lành, được an ổn khoái lạc, điều đó Ta đã thực hiện rồi. Các người cũng phải tự mình thực hiện. Hãy đến rừng vắng, sơn lâm, dưới gốc cây hoặc một chỗ nào yên tĩnh mà thiền tịnh tư duy, chớ nên phóng dật. Hãy chuyên cần tinh tấn, đừng để về sau phải hối hận. Đó là lời răn dạy của Ta! Đó là lời khuyên bảo của Ta!”

Phật thuyết như vậy. Tôn giả A-nan sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.¹⁰



¹⁰ Bản hán, hết quyển 27.

113. KINH CHỮ PHÁP BỒN

[602c1] Tôi nghe như vậy.

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu có Di đạo đến hỏi các ông ‘Tất cả các pháp lấy gì làm gốc?’ Các ông nên trả lời họ như thế này: ‘Tất cả các pháp lấy dục làm gốc’.

“Nếu lại hỏi, ‘Lấy gì làm hòa hiệp?’ Hãy trả lời như vậy, ‘Lấy xúc làm hòa hiệp’¹.

“Nếu lại hỏi, ‘Lấy gì làm dẫn khởi?’ Hãy trả lời như vậy, ‘Lấy thọ làm dẫn khởi’².

“Nếu lại hỏi, ‘Lấy gì làm hiện hữu?’ Hãy trả lời như vậy, ‘Lấy tác ý làm hiện hữu’³.

“Nếu lại hỏi, ‘Lấy gì làm thượng thủ?’ Hãy trả lời như vậy: ‘Lấy niệm làm thượng thủ’.

“Nếu lại hỏi, ‘Lấy gì làm tiền đạo?’ Hãy trả lời như vậy, ‘Lấy định làm tiền đạo’.⁴

“Nếu lại hỏi, ‘Lấy gì làm tối thượng?’ Hãy trả lời như vậy, ‘Lấy tuệ làm tối thượng.’

“Nếu lại hỏi, ‘Lấy gì làm chắc thật?’ Hãy trả lời như vậy, ‘Lấy giải thoát làm chắc thật’.⁵

“Nếu lại hỏi, ‘Lấy gì làm cứu cánh?’ Hãy trả lời như vậy, ‘Lấy Niết-bàn làm cứu cánh’.

“Tỳ-kheo, đó là, dục là gốc của các pháp, xúc là hòa hiệp của các pháp,

¹ Hán: dĩ cánh lạc vi hòa 以更樂為和. Pāli: *vedanā-samosaraṇā*, hòa hiệp (kết hợp) là thọ. Xem cht. dưới.

² Dĩ hà vi lai 以何為來. Pāli: *phassa-samudayā*, xúc là tập khởi. Xem cht. trên.

³ Dĩ tư tưởng vi hữu 以思想為有. Pāli: *manasikāra-sambhavā*, tác ý là sanh khởi (hữu).

⁴ Pl.: *samādhippamikhā*.

⁵ Hán: giải thoát vi chân 解脫為真. Pl.: *vimuttisārā*.

thọ là dẫn khởi của các pháp, tác ý là hiện hữu của các pháp, niệm là thượng thủ của các pháp, định là tiền đạo của các pháp, tuệ là tối thượng của các pháp, giải thoát là chắc thật của các pháp, và Niết-bàn là cánh cửa của các pháp. Tỳ-kheo, hãy nên học tập như vậy.

“Tích tập tâm xuất gia học đạo⁶, tích tập tưởng vô thường,⁷ tích tập tưởng vô thường nên khổ, tích tập tưởng khổ nên vô ngã, tích tập tưởng bất tịnh, tích tập tưởng thức ăn ghê tởm⁸, tích tập tưởng tất cả thế gian không có gì hoan lạc, tích tập tưởng về sự chết.⁹

“Biết sự tốt xấu của thế gian¹⁰; tâm được tích tập với tưởng như vậy¹¹. Biết tập hữu của thế gian¹²; tâm được tích tập với tưởng như vậy. Biết như thật sự tập khởi, diệt tận, vị ngọt, tai hoạn và sự xuất yếu của thế gian; tâm được tích tập với tưởng như vậy. Nếu Tỳ-kheo tích tập được tâm xuất gia học đạo, tích tập được tưởng vô thường, tích tập được tưởng vô thường nên khổ, tích tập được tưởng khổ nên vô ngã, tích tập được tưởng bất tịnh, tích tập được tưởng thức ăn ghê tởm, tích tập được tưởng tất cả thế gian không có gì hoan lạc, tích tập được tưởng về sự chết. Biết sự tốt xấu của thế gian; tâm đã được tích tập với tưởng như vậy. Biết tập hữu của thế gian; tâm đã được tích tập với tưởng như vậy. Biết như thật sự tập khởi, diệt tận, vị ngọt, tai hoạn và sự xuất yếu của thế gian; tâm đã được tích tập với tưởng như vậy; đó được gọi là Tỳ-kheo đoạn ái, trừ kết; đã chánh tri, chánh quán các

⁶ Tập đắc xuất gia học đạo chi tâm 習得出家學道之心. Pāli (A. v. 106)): *yathāpabbajjā paricitañca cittaṃ*. Tập trong bản Hán phù hợp với *paricita* trong bản Pāli, nên hiểu là *tích tập*, thay vì là *tập khởi*.

⁷ Pl. *ibid.*: *aniccasaññāparicitañca no ciattaṃ bhavissati*: tâm sẽ được tích tập với tưởng vô thường.

⁸ Ác thực tưởng 惡食想. Pl.: *ādinavaśaṅkā*, tương về sự nguy hại.

⁹ Từ đoạn này trườ lên, tương đương Pāli, A. 8. 63 (iv. 338): *Mūlakasuttaṃ*.

¹⁰ Tri thế gian hảo ó 知世間好惡. Pāli: *lokassa samañ ca asamañ ca ñatvā*, biết sự chánh hay bất chánh (bình đẳng hay không bình đẳng) của thế gian.

¹¹ Tập như thị tưởng tâm 習如是想心. Pāli: *tamsaññāparicitañca cittaṃ*: tâm được tích tập với tưởng ấy.

¹² Tri thế gian tập hữu 知世間習有. Pāli: *lokassa samudayañ ca atthaṅgamañca ñatvā*, biết sự tập khởi và hoại diệt của thế gian.

pháp rồi liền được tận cùng sự khổ.¹³

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



¹³ Từ đoạn này trở lên, tương đương Pāli, A. 10. 59 (A. v. 108): Pabbajjāsuttam.

114. KINH ƯU-ĐÀ-LA¹

[603a] Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ưu-đà-la La-ma-tử² ở trong chúng hội thường nói như vậy, ‘Ta ở trong sanh loại này, quán sát nó, cảm thọ nó mà không biết cội gốc của ung nhọt, nhưng sau đó biết hoàn toàn cội gốc của ung nhọt³.’ Ưu-đà-la La-ma-tử không biết tất cả, tự xưng biết tất cả, thật không có giác ngộ tự xưng có giác ngộ. Ưu-đà-la La-ma-tử thấy như vậy, nói như vậy, ‘Nếu có tướng thì đó là bệnh, là ung nhọt, là gai, còn như không có tướng thì đó là kẻ ngu si. Nếu có cái được cảm thọ, thì đó là tinh chỉ, là tối diệu, tức là cho đến Phi tướng phi phi tướng xứ’. Ông ấy ái lạc tự thân, chấp thủ tự thân, sau đó tu tập cho đến Phi tướng phi phi tướng xứ. Khi thân hoại mạng ông chung sanh vào cõi trời Phi tướng phi phi tướng xứ. Sau khi chấm dứt tuổi thọ ở đó, ông trở lại nhân gian, sanh vào loài chồn.

“Ở đây, Tỳ-kheo nói chân chánh, có thể nói như vậy ‘Ta ở trong sanh loại này, quán sát nó, cảm thọ nó mà không biết cội gốc của ung nhọt, nhưng sau đó biết hoàn toàn cội gốc của ung nhọt’.

“Thế nào là Tỳ-kheo quán sát chân chánh? Tỳ-kheo biết sáu xúc xứ, biết tập, biết diệt, biết vị ngọt, biết tai hoạn và biết sự xuất yếu của chúng; bằng tuệ mà biết một cách như thật. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán sát chân chánh.

“Thế nào là Tỳ-kheo biết cảm thọ? Là Tỳ-kheo biết ba cảm thọ, biết tập,

¹ Tương đương Pāli, S. 35. 103. Uddaka.

² Ưu-đà-la La-ma-tử 優陀羅摩子. Pāli: Uddaka-Rāmaputta, vị đạo sĩ đã dạy cho Đức Phật lúc Ngài chưa thành đạo về pháp tu Phi tướng phi phi tướng (xem M.26 và kinh số 104).

³ Đối chiếu bản Pāli (A. iv. 82): *idam jātu vedagū, idam jātu sabbajī, idam jātu apalikhatam gaṇḍamūlam pālikhanin ti*. Quả thực ta thấu hiểu sự kiện này, khắc phục tất cả sự kiện này, phứt trừ gốc rễ của ung nhọt này. *Jātu* (quả thực, bất biến từ), trong bản Hán được hiểu là *jāti*: sanh loại (?).

biết diệt, biết vị ngọt, biết tai hoạn và biết sự xuất yếu của chúng; bằng tuệ mà biết một cách như thật. Như vậy gọi là Tỳ-kheo biết cảm thọ.

“Thế nào là Tỳ-kheo không biết cội gốc của ung nhọt, nhưng sau đó biết hoàn toàn cội gốc của ung nhọt? Tỳ-kheo biết hữu ái đã diệt, đã nhổ sạch gốc rễ của nó, khiến không thể sanh lại. Như vậy gọi là Tỳ-kheo không biết cội gốc của ung nhọt, nhưng sau đó biết hoàn toàn cội gốc của ung nhọt.

“Ung nhọt chính là thân này, là sắc thân bốn đại thô phù do cha mẹ sanh ra, được lớn lên nhờ ăn uống, cọ xát với y phục, chăm sóc bằng tắm rửa, là pháp vô thường, là pháp hủy hoại, là pháp tan rã. Như vậy gọi là ung nhọt.

“Cội gốc của ung nhọt là ba ái: dục ái, sắc ái và vô sắc ái. Như vậy gọi là cội gốc của ung nhọt. Tất cả lậu gây ung nhọt là sáu xúc xứ, mắt lậu thấy sắc, tai lậu nghe tiếng, mũi lậu ngửi mùi, lưỡi lậu nếm vị, thân lậu cảm xúc, ý lậu biết các pháp. [603b] Như vậy gọi là tất cả lậu gây ung nhọt.

“Này các Tỳ-kheo, Ta đã thuyết giảng cho các người nghe về cội gốc của ung nhọt. Như đấng Tôn sư thương yêu đệ tử, phát khởi lòng đại từ đại bi, mong cho được sự lợi ích và phước lành, được an ổn khoái lạc, điều đó Ta đã thực hiện. Các thầy cũng phải tự mình thực hiện. Hãy đến nơi rừng vắng, sơn lâm, dưới gốc cây hoặc một chỗ nào yên tĩnh mà thiền tọa, tư duy, chớ nên phóng dật. Hãy chuyên cần tinh tấn, đừng để về sau phải hối hận. Đó là lời răn dạy của Ta! Đó là lời khuyên bảo của Ta!”

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



115. KINH MẬT HOÀN DỤ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú Thích-ki-sầu, ở tại Ca-duy-la-vệ¹.

Bấy giờ sau khi đêm tối qua, vào buổi sáng sớm, Đức Thế Tôn đắp y, ôm bát, vào Ca-tì-la-vệ khátthực. Sau khi ăn xong, sau buổi trưa, thân cất y bát, rửa tay chân, rồi lấy ni-sư-đàn vắt lên vai, đi đến rừng trúc² trong chùa Thích-ca³, rồi Ngài đi vào Đại lâm⁴, đến dưới một gốc cây, trải ni-sư-đàn ngồi kiết già.

Khi ấy, Chấp Trọng Thích⁵ chống gậy [603c] mà đi, sau bữa cơm trưa, ung dung tìm đến chỗ Phật, cùng nhau chào hỏi, chống gậy đứng trước Đức Phật, rồi hỏi Đức Thế Tôn rằng:

“Sa-môn Cù-đàm, Ngài lấy gì làm tông chỉ? Và thuyết giảng những pháp gì?”

Đức Thế Tôn đáp:

“Này người họ Thích, nếu tất cả chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, từ người đến trời trên thế gian này đều không đấu tranh⁶, mà tu tập ly dục, thanh tịnh phạm hạnh, lìa bỏ siểm khúc, dứt trừ truy hồi⁷, không đắm trước nơi hữu, phi hữu, cũng không có tướng⁸. Đó là tông chỉ của Ta.

¹ Thích-ki-sầu, Ca-duy-la-vệ. Pāli, M 18: *sakkesu viharati nigrodhārāme*.

² Nghệ trúc lâm 詣竹林. Bản Pāli nói Phật ngồi nghỉ trưa dưới một gốc tre non (Beluvaṭṭhika), tre non.

³ Thích-ca tự 釋迦寺, chỉ tinh xá trong vườn Ni-câu-loại (Nigrodhārāma).

⁴ Đại lâm 大林. Pāli: Mahāvana, khu rừng gần Kapilavatthu.

⁵ Chấp Trọng Thích 執杖釋. Pāli: Daṇḍapānī Sakka, con trai của Anjana và Yosadharā, em của Hoàng hậu Mayā và Pajāpati, tức cậu ruột của Phật. Truyền thuyết Bắc phương nói ông là cha vợ của Thái tử Tất-đạt-đa.

⁶ Đấu tranh 鬥諍. Pāli: *viggayha*, sự tranh luận, tranh cãi.

⁷ Trừ hồi. Pāli: *chinnakukkucca*, dứt trừ sự ác tác, không còn truy hồi (hồi tiếc việc đã làm). Sớ giải: *kukkucca*, ác tác: *vippaṭisārakukkeccassa ceva hatthapādakukkuccassa*, ác tác bởi truy hồi và ác tác bởi tay chân. Được hiểu là trạng thái bồn chồn bất an.

⁸ Hán: (...) diệc vô tướng 亦無想. Pāli: (...) *taṃ brahmaṃ ... bhavābhava*

Pháp Ta thuyết giảng cũng như vậy”.

Khi ấy, Cháp Trọng Thích nghe Đức Phật nói, không cho là phải, không cho là trái. Cháp Trọng Thích lắc đầu rồi bỏ đi.

Bấy giờ, sau khi Cháp Trọng Thích bỏ đi không lâu, vào lúc xế, Đức Thế Tôn từ chỗ thiền tọa đứng dậy, đi vào giảng đường, đến trước chúng hội Tỳ-kheo, trải tọa cụ ngồi xuống, rồi nói với các Tỳ-kheo:

“Hôm nay, vào buổi sáng sớm, Ta đắp y, ôm bát vào Ca-duy-la-vệ khát thực. Sau khi ăn xong, Ta tắm y bát, rửa tay chân, lấy ni-sư-đàn vắt lên vai, đến khóm trúc trong chùa Thích-ca, rồi Ta đi vào Đại lâm ấy, đến dưới một gốc cây, trải ni-sư-đàn rồi ngồi kiết già. Khi ấy, có Cháp Trọng Thích chống gậy mà đi, sau bữa cơm trưa ung dung tìm đến chỗ Ta, cùng nhau chào hỏi, chống gậy đứng trước mặt Ta rồi hỏi Ta rằng: ‘Sa-môn Cù-đàm, Ngài lấy gì làm tông chỉ và thuyết giảng những pháp gì?’ Ta đáp, ‘Này người họ Thích, nếu tất cả chư Thiên, Ma, phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, từ người đến trời trên thế gian này đều không đấu tranh, tu tập ly dục, thanh tịnh phạm hạnh, lia bỏ siểm khúc, dứt trừ truy hỏi, không đắm trước nơi hữu, phi hữu, cũng không có tướng. Đó là tông chỉ của Ta. Pháp Ta thuyết giảng cũng như vậy’. Khi ấy Cháp Trọng Thích nghe Ta nói không cho là phải, cũng không cho là trái. Cháp Trọng Thích lắc đầu rồi bỏ đi”.

Khi ấy có một Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, trích áo bày vai phải, chấp tay hướng Phật mà bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, sao gọi là tất cả những Thiên, Ma, phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, từ người đến trời trên thế gian này đều không đấu tranh, tu tập ly dục, thanh tịnh phạm hạnh, lia bỏ siểm khúc, dứt trừ truy hỏi, không đắm trước nơi hữu, phi hữu, cũng không có tướng?”

Đức Thế Tôn nói:

“Tỳ-kheo, nếu người đối với hý luận nhân đó mà xuất gia học đạo⁹, tu tập

vīṭatanhaṃ saññā nāmusenti, các tướng không tìm phục nơi người Bà-la-môn mà tham ái, hữu ái và phi hữu ái đã bị loại trừ. Không nên làm ở đây Phật chủ trương “vô tướng”.

⁹ Nhân sở nhân niệm 人所因念. Pāli nói: *yatonidānaṃ purisaṃ papañcasaññāsaṅkhā samudācaranti ettha ce natthi abhinanditabbam*, “do nhân

tư tưởng, và đối với pháp hiện tại, quá khứ và vị lai, mà không ái, không lạc, không đấm trước, không trụ, đó gọi là tận cùng sự khổ. Dục sử, nhuế sử, hữu sử, mạn sử, vô minh sử, kiến sử, nghi sử¹⁰, đấu tranh, thù nghịch, siểm nịnh, lừa bịp, nói dối, nói hai lưỡi và vô lượng pháp ác bất thiện khác¹¹, đó gọi là biên tế khổ”.

Đức Phật nói như vậy rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tịnh thất tĩnh tọa.

Khi ấy các Tỳ-kheo liền suy nghĩ rằng: ‘Này Chư Hiền, nên biết, Đức Thế Tôn nói nghĩa này một cách vắn tắt, không phân biệt rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi vào tịnh thất tĩnh tọa, ‘Nếu người đối với hý luận nhân đó mà xuất gia học đạo, tu tập tư tưởng, và đối với pháp hiện tại, quá khứ và vị lai, mà không ái, không lạc, không đấm trước, không trụ, đó gọi là tận cùng sự khổ. Dục sử, nhuế sử, hữu sử, mạn sử, vô minh sử, kiến sử, nghi sử, đấu tranh, thù nghịch, siểm nịnh, lừa bịp, nói dối, nói hai lưỡi và vô lượng pháp ác bất thiện khác, đó gọi là biên tế khổ’.”

Rồi lại suy nghĩ rằng: “Này Chư Hiền, ai có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà Đức Thế Tôn vừa nói vắn tắt ấy?”

Rồi họ lại suy nghĩ: “Chỉ có Tôn giả Đại Ca-chiên-diên thường được Đức Thế Tôn và các đồng phạm hạnh có trí khen ngợi. Tôn giả Đại Ca-chiên-diên có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà Đức Thế Tôn vừa nói vắn tắt ấy. Này Chư Hiền, hãy cùng nhau đi đến chỗ Tôn giả Đại Ca-chiên-diên yêu cầu ngài nói nghĩa này. Nếu được Tôn giả Đại Ca-chiên-diên phân biệt cho thì chúng ta sẽ khéo léo nhận lãnh rồi ghi nhớ”.

Rồi thì [604a] các Tỳ-kheo đi đến chỗ của Tôn giả Đại Ca-chiên-diên,

duyên mà các hý luận vọng tưởng hiện hành nơi con người, ở đó nếu không có gì đang hoan hỷ...” Thử dựng lại đoạn Hán thành Pāli để xem có phải Hán và Pāli khác nhau do sự truyền khẩu hay không: *yatonidānaṃ purisaṃ pabbajjāsaññāparicitaṃ...* Sớ giải Pāli: *papañcasaññā*, là tướng (saññā) liên hệ với ái, mạn, kiến (*tanhāmānadiṭṭhipapañca*).

¹⁰ Các *sử* ở đây cũng gọi là *tùy miên*.

¹¹ Liệt kê của Pāli: *rāga* (tham trước), *paṭigha* (sân), *diṭṭhi* (kiến), *vicikicchā* (nghi), *māna* (mạn), *bhavarāga* (hữu ái), *avijjā* (vô minh), các *tùy miên* (*anusayāni*) này bị đoạn tận.

cùng nhau chào hỏi rồi ngồi một bên mà bạch rằng:

“Thưa Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, nên biết, Đức Thế Tôn nói nghĩa này một cách vắn tắt, không phân biệt rộng rãi, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tịnh thất tĩnh tọa. ‘Tỳ-kheo, nếu người đối với hý luận nhân đó mà xuất gia học đạo, tu tập tư tưởng, và đối với pháp hiện tại, quá khứ và vị lai, mà không ái, không lạc, không đấm trước, không trụ, đó gọi là đoạn tận biên tế khổ. Dục sử, nhuế sử, hữu sử, mạn sử, vô minh sử, kiến sử, nghi sử, đấu tranh, thù nghịch, siểm nịnh, lừa bịp, nói dối, nói hai lưỡi và vô lượng pháp ác bất thiện khác, đó gọi là biên tế khổ’. Chúng tôi liền suy nghĩ rằng: ‘Này Chư Hiền, ai có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà Đức Thế Tôn vừa nói vắn tắt?’ Rồi chúng tôi lại suy nghĩ: ‘Chỉ có Tôn giả Đại Ca-chiên-diên thường được Đức Thế Tôn và các đồng phạm hạnh có trí khen ngợi. Tôn giả Đại Ca-chiên-diên có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà Đức Thế Tôn vừa nói. Cúi xin Tôn giả Đại Ca-chiên-diên vì từ mẫn mà giảng rộng cho chúng tôi.’”

Bấy giờ Tôn giả Đại Ca-chiên-diên bảo rằng:

“Này Chư Hiền, hãy nghe tôi nói ví dụ này. Người có trí tuệ nghe dụ này sẽ hiểu rõ nghĩa lý.

“Này Chư Hiền, ví như có người tìm lõi cây. Vì muốn tìm lõi cây nên người ấy cầm búa vào rừng. Người ấy thấy cây đại thọ đã thành rễ, thân, cành, nhánh, lá, hoa và lõi. Người ấy không đụng đến rễ, thân, cành, lõi, mà chỉ đụng đến nhánh và lá. Những điều Chư Hiền nói cũng giống như vậy. Đức Thế Tôn đang ở đây mà Chư Hiền lại bỏ Ngài đến tôi để hỏi nghĩa này. Vì sao vậy? Này Chư Hiền, nên biết, Đức Thế Tôn là vị có mắt, là vị có trí. Ngài là Pháp, là vị Pháp Chủ, là Pháp tướng, là vị nói nghĩa chân đế, hiển hiện tất cả nghĩa. Do đó Chư Hiền nên đi đến chỗ Đức Thế Tôn mà hỏi nghĩa này, rằng: ‘Bạch Thế Tôn, điều này là thế nào? Điều này có nghĩa gì?’ Nếu như Đức Thế Tôn có nói gì thì Chư Hiền hãy khéo léo nhận lãnh và ghi nhớ”.

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch rằng:

“Đúng vậy, thưa Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, Đức Thế Tôn là bậc có mắt, là bậc có trí. Ngài là nghĩa, là Pháp, là bậc Pháp chủ, là bậc Pháp tướng, là bậc nói nghĩa chân đế, hiển hiện tất cả nghĩa. Do đó chúng tôi nên đi

đến chỗ Đức Thế Tôn mà hỏi nghĩa này, ‘Bạch Thế Tôn, điều này là thế nào? Điều này có nghĩa gì?’ Nếu như Đức Thế Tôn có nói gì thì chúng tôi khéo léo nhận lãnh rồi ghi nhớ. Nhưng, thưa Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, Ngài thường được Đức Thế Tôn và các đồng phạm hạnh có trí khen ngợi. Tôn giả Đại Ca-chiên-diên có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà Đức Thế Tôn vừa nói vấn tất ấy. Ngưỡng mong Tôn giả Đại Ca-chiên-diên thương xót [604b] mà giảng rộng cho”.

Tôn giả Đại Ca-chiên-diên bảo các Tỳ-kheo:

“Vây, này Chư Hiền, xin hãy nghe tôi nói”.

“Này Chư Hiền, duyên nhãn và sắc mà sanh nhãn thức. Hòa hiệp ba sự này là xúc. Do duyên xúc nên có cảm thọ. Có cảm thọ thì có tưởng. Có tưởng thì có tư duy. Có tư duy thì có niệm. Có niệm thì có phân biệt¹².

“Tỳ-kheo do suy niệm như vậy nên xuất gia học đạo, tu tập tư tưởng, trong đó đối với pháp hiện tại, quá khứ và vị lai không ái, không lạc, không đắm trước, không trụ; đó gọi là tận cùng biên tế khổ. Dục sử, nhuế sử, hữu sử, mạn sử, vô minh sử, kiến sử, đấu tranh, thù nghịch, siểm nịnh, lừa bịp, nói dối, nói hai lưỡi và vô lượng pháp ác bất thiện khác. Đó gọi là biên tế khổ.

“Với tai, mũi, lưỡi, thân cũng vậy. Duyên ý và pháp mà phát sanh ý thức. Ba sự cùng tụ hội liền có xúc. Do duyên xúc nên có cảm thọ. Có cảm thọ thì có tưởng. Có tưởng thì có tư duy. Có tư duy thì có suy niệm. Có suy niệm thì có phân biệt. Tỳ-kheo do niệm ấy mà xuất gia học đạo, tu tập tư tưởng, trong đó đối với pháp hiện tại, quá khứ và vị lai không ái, không lạc, không đắm trước, không trụ. Đó gọi là tận cùng biên tế khổ. Dục sử, nhuế sử, hữu sử, mạn sử, vô minh sử, kiến sử, đấu tranh, thù nghịch, siểm nịnh, lừa bịp, nói dối, nói hai lưỡi và vô lượng pháp ác bất thiện khác. Đó gọi là biên tế khổ.

“Này Chư Hiền, Tỳ-kheo trừ con mắt, trừ sắc, trừ nhãn thức mà có xúc, mà giả thiết có xúc, điều này không thể có. Nếu không giả thiết có xúc mà giả thiết có cảm thọ, điều ấy không xảy ra. Nếu không giả thiết cảm thọ mà giả thiết có suy niệm rồi xuất gia học đạo, tu tập tư tưởng, điều

¹² Nhược sở niệm tiện phân biệt若所念便分別. Pāli: yam vitakketi, tam papañceti, có tầm (niệm) cái gì, thì có hý luận cái đó.

này không thể có. Vớ tai, mũi, lưỡi, thân cũng vậy. Trừ ý, trừ pháp, trừ ý thức mà có xúc, giả thiết có xúc, điều này không thể có. Nếu không giả thiết xúc mà có thọ, giả thiết có thọ, điều này không thể có. Nếu không giả thiết thọ mà giả thiết có suy niệm, rồi xuất gia học đạo, tu tập tư tưởng, điều này không thể có.

“Này Chư Hiền, do con mắt, do sắc, do nhãn thức mà có xúc, giả thiết có xúc, điều này có thật. Do giả thiết xúc mà có thọ, giả thiết có thọ, điều này có thật. Do giả thiết thọ mà giả thiết có suy niệm rồi xuất gia học đạo, tu tập tư tưởng, điều này có thật. Do giả thiết thọ mà giả thiết có suy niệm rồi xuất gia học đạo, tu tập tư tưởng, điều này có thật.

“Vớ tai, mũi, lưỡi, thân cũng vậy. Do ý, do pháp, do ý thức mà có xúc, giả thiết có xúc, điều này có thật. [604c] Do giả thiết xúc mà có cảm thọ, giả thiết có cảm thọ, điều này có thật. Do giả thiết có cảm thọ mà giả thiết có suy niệm, rồi xuất gia học đạo, tu tập tư tưởng, điều này có thật.

“Này Chư Hiền, Đức Thế Tôn nói nghĩa này một cách vắn tắt, không phân biệt rộng rãi mà rời chỗ ngồi đứng dậy đi vào tịnh thất tĩnh tọa, ‘Tỳ-kheo, nếu người đối với hý luận nhân đó mà xuất gia học đạo, tu tập tư tưởng, và đối với pháp hiện tại, quá khứ và vị lai, mà không ái, không lạc, không đấm trước, không trụ, đó gọi là tận cùng biên tế khổ. Dục sử, nhuế sử, hữu sử, mạn sử, vô minh sử, kiến sử, nghi sử, đấu tranh, tăng tật, siểm nịnh, lừa bịp, nói dối, nói hai lưỡi và vô lượng pháp ác bất thiện khác, đó gọi là biên tế khổ’. Đức Thế Tôn nói nghĩa này một cách vắn tắt, không phân biệt rộng rãi. Tôi đã diễn rộng câu ấy, vắn ấy như vậy.

“Này Chư Hiền, có thể đi đến chỗ Phật, tường trình lại đầy đủ, nếu đúng như nghĩa mà Đức Thế Tôn muốn nói, Chư Hiền hãy nhận lãnh và ghi nhớ”.

Khi ấy các Tỳ-kheo nghe những gì Tôn giả Đại Ca-chiên-diên nói, khéo ghi nhớ, tụng đọc, từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu quanh Tôn giả Đại Ca-chiên-diên ba vòng rồi đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ, ngồi xuống một bên mà bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, vừa rồi Đức Thế Tôn nói nghĩa này một cách vắn tắt, không phân biệt rộng rãi, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, đi vào tịnh thất nghỉ ngơi. Tôn giả Đại Ca-chiên-diên đã đem những câu này, vắn này mà diễn rộng ra”.

Đức Thế Tôn nghe xong, khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! Trong hàng đệ tử của Ta, có vị là bậc có mắt, có trí, có pháp, có nghĩa. Vì sao? Vì khi Tôn sư nói nghĩa này cho họ từ một cách vắn tắt, không phân biệt một cách rộng rãi, mà vị đệ tử kia đã diễn rộng ra những câu ấy, vắn ấy. Đứng như những gì Tỳ-kheo Đại Ca-chiên-diên đã nói, các người hãy nên nhận lãnh rồi ghi nhớ như vậy. Vì sao vậy? Vì nói, quán nghĩa phải như vậy.

“Này các Tỳ-kheo, ví như có người do đi đến chỗ rừng vắng, trong rừng sâu, giữa những cây cối, bỗng nhiên gặp được bánh mật¹³, vị ấy ăn, thưởng thức vị ngọt. Thiện nam tử cũng giống như vậy, ở trong Pháp Luật chân chánh này của Ta, tùy theo những gì được quán sát, vị ấy thưởng thức được vị ngọt của nó. Quán sát con mắt, thưởng thức được vị ngọt. Quán sát tai, mũi, lưỡi, thân, quán sát ý thưởng thức được vị ngọt”.

Bấy giờ Tôn giả A-nan đang cầm quạt hầu Đức Thế Tôn, Tôn giả A-nan liền chấp tay hướng Phật mà bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, pháp này tên gọi là gì? Chúng con phải phụng trì như thế nào?”

Đức Thế Tôn nói:

“Này A-nan, pháp này tên là ‘Mật hoàn dụ’¹⁴, ông hãy nên nhận lãnh và ghi nhớ”.

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các người hãy nhận lãnh pháp ‘Mật hoàn dụ’ này, [605a] phải thường tụng đọc. Vì sao vậy? Này các Tỳ-kheo, pháp “Mật hoàn dụ” này có pháp, có nghĩa, là căn bản phạm hạnh, dẫn đến trí thông, dẫn đến giác ngộ, đưa đến Niết-bàn. Thiện nam tử cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chí tín, lia bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo, hãy nên khéo léo nhận lãnh, ghi nhớ pháp ‘Mật hoàn dụ’ này”.

Phật thuyết như vậy. Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



¹³ Mật hoàn 蜜丸. Pāli: madhu-piṇḍika.

¹⁴ Pāli: madhupiṇḍikapariyāya, pháp môn mật hoàn.

116. KINH CÙ-ĐÀM-DI

Tôi nghe như vậy.

Một thời Đức Phật trú Thích-ki-sáu, tại Ca-duy-la-vệ, vườn Ni-câu-loại¹, cùng với đại chúng Tỳ-kheo đồng thọ hạ an cư.

Bấy giờ, Cù-đàm-di Đại Ái² đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên mà bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, nữ nhân có thể đắc quả Sa-môn thứ tư³ được chăng? Do nhân duyên này nữ nhân có thể ở trong Pháp Luật chân chánh này chí tín, lia bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo được chăng?”

Đức Thế Tôn nói:

“Thôi! Thôi! Cù-đàm-di, người chớ nên nghĩ rằng ‘Nữ nhân có thể ở trong Pháp Luật chân chánh này chí tín, lia bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo’. Cù-đàm-di, người cứ như vậy mà cạo bỏ đầu tóc, khoác áo ca-sa, suốt đời tịnh tu phạm hạnh.”⁴ Khi ấy, Cù-đàm-di Đại Ái bị Phật ngăn cản, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra.

Bấy giờ các Tỳ-kheo khâu vá y cho Đức Phật. Đức Thế Tôn ở Thích-ki-sáu không bao lâu, sau khi trải qua ba tháng thọ hạ an cư xong và đã khâu vá y rồi, Ngài khoác y, cầm bát, sửa soạn du hành nhân gian. Cù-

¹ Xem cht. kinh trên.

² Cù-đàm-di Đại Ái 瞿曇彌大愛. Tứ phần 48: Ma-ha Ba-xà-ba-đề 摩訶波闍波提 Pāli: Mahāpajāpatī Gotamī.

³ Tức quả vị A-la-hán. Ý câu hỏi, theo bản Pāli, do A-nan nghĩ ra như là cơ sở để nữ được xuất gia như nam. Bà Gotamī không nêu câu hỏi này. Xem đoạn dưới.

⁴ Tứ phần 48: sau khi không được Phật cho phép nữ giới xuất gia, vì lý do Phật pháp sẽ không tồn tại lâu, Bà cùng với năm trăm người nữ khác tự cạo tóc, mặc áo ca-sa và vẫn đi theo Phật khẩn nguyện Ngài chấp thuận. Pāli (A.iv. 257; Vin. ii. 253) cũng vậy, Bà theo Phật đến Vesāli và tự cạo tóc tại đây (*kese chedāpetvā kāsāyāni vatthāni acchādetvā*). No 60: Phật hông chấp nhận cho xuất gia, nhưng cho phép tự cạo đầu, khoác ca-sa, trnջ đời tu tịnh phạm hạnh 常可剃頭被袈裟至竟行清淨梵行.

đàm-di Đại Ái nghe tin các Tỳ-kheo khâu vá y của Đức Phật, Đức Thế Tôn ở Thích-ki-sáu không bao lâu, sau khi trải qua ba tháng thọ hạ an cư xong và đã khâu vá y rồi, Ngài khoác y, ôm bát, sửa soạn du hành nhân gian. Sau khi nghe tin, bà Cù-đàm-di Đại Ái lại đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên mà bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, nữ nhân có thể đắc quả thứ tư được chăng? Do nhân duyên này, nữ nhân có thể ở trong Pháp Luật chân chánh này chí tín, lia bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo được chăng?”

Đức Thế Tôn cũng lại nói:

“Thôi! Thôi! Cù-đàm-di, người chớ nên nghĩ rằng ‘Nữ nhân có thể ở trong Pháp Luật chân chánh này chí tín, lia bỏ gia đình, sống không gia đình mà [605b] học đạo’. Cù-đàm-di, người cứ như vậy mà cạo bỏ đầu tóc, khoác áo ca-sa, suốt đời tịnh tu phạm hạnh.”

Khi ấy, Cù-đàm-di Đại Ái bị Phật ngăn cản lần thứ hai, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn ở Thích-ki-sáu, sau khi trải qua ba tháng thọ hạ an cư xong và đã khâu vá y rồi, Ngài khoác y, ôm bát du hành nhân gian. Cù-đàm-di Đại Ái nghe tin Đức Thế Tôn ở Thích-ki-sáu sau khi trải qua ba tháng thọ hạ an cư xong và đã khâu vá y rồi, Ngài khoác y ôm bát mà du hành nhân gian, Cù-đàm-di Đại Ái liền cùng các lão mẫu Xá-di⁵ đi theo sau Phật, tiến dần đến Na-ma-đề, trú tại tinh xá Na-ma-đề Kiên-ni⁶. Khi ấy, Cù-đàm-di Đại Ái lại đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật rồi ngồi một bên mà bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, nữ nhân có thể đắc quả thứ tư được chăng? Do nhân duyên này, nữ nhân có thể ở trong Pháp Luật chân chánh này chí tín, lia bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo được chăng?”

Đức Thế Tôn nói lại lần thứ ba:

“Thôi! Thôi! Cù-đàm-di, người chớ nên nghĩ rằng ‘Nữ nhân có thể ở trong Pháp Luật chân chánh này chí tín, lia bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo’. Cù-đàm-di, người cứ như vậy mà cạo bỏ đầu tóc,

⁵ Xá-di 舍彌. Pāli: Sākiyānī, người nữ trong dòng họ Thích-ca.

⁶ Na-ma-đề 那摩提; xem kinh 185. Pāli nói: Phật đến Vesālī, tức rừng Mahāvana.

khoác áo ca-sa, suốt đời tịnh tu phạm hạnh”. Khi ấy, Cù-đàm-di Đại Ái bị Phật ngăn cản lần thứ ba, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra.

Lúc bấy giờ, Cù-đàm-di Đại Ái chân căng bết bùn⁷, mình mẩy dính đầy bụi bặm, vô cùng mệt mỏi, đứng ngoài cửa buồn rầu khóc lóc. Tôn giả A-nan trông thấy Cù-đàm-di Đại Ái chân căng bết bùn, mình mẩy dính đầy bụi bặm, vô cùng mệt mỏi, đứng ngoài cửa buồn rầu khóc lóc, liền hỏi:

“Cù-đàm-di, vì có gì mà chân căng bết bùn, mình mẩy dính đầy bụi bặm, vô cùng mệt mỏi, đứng ngoài cửa buồn rầu khóc lóc như vậy?”

Cù-đàm-di Đại Ái đáp:

“Thưa Tôn giả A-nan, nữ nhân không được ở trong Pháp Luật chân chánh này chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo”.

Tôn giả A-nan nói:

“Cù-đàm-di, hãy đứng dậy, để tôi đi đến Đức Phật thưa hỏi việc này cho”.

Cù-đàm-di Đại Ái Đạo bạch:

“Kính vâng, thưa Tôn giả A-nan”.

Rồi Tôn giả A-nan đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, chấp tay hướng Phật mà bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, nữ nhân có thể đắc quả thứ tư được chăng⁸? Do nhân duyên này nữ nhân có thể ở trong Pháp Luật chân chánh chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà [605c] học đạo được chăng?”

Đức Thế Tôn nói:

“Thôi! Thôi! A-nan, người chớ nên nghĩ rằng ‘Nữ nhân có thể ở trong Pháp Luật chân chánh này chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo’. A-nan, nếu cho nữ nhân được ở trong Pháp Luật chân chánh này chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo thì phạm hạnh này sẽ không tồn tại lâu dài⁹. A-nan, ví như gia đình có nhiều người nữ, ít người nam thì gia đình này có được hưng thịnh lâu

⁷ Luật Tứ Phần (nt): bà chạy bộ theo Phật, cho đến rách gót chân.

⁸ Bản Pāli, A-nan nghĩ, Phật không chấp nhận thỉnh cầu, ta hãy dùng cách khác, và hỏi như vậy (*yamñunāham aññepi pariyāyena bhagavantam yāceyyam...*).

⁹ Trong bản Pāli, Phật chỉ nói điều này sau khi đã chấp thuận cho nữ xuất gia.

không?

“Bạch Thế Tôn, không thể vậy”.

“Cũng vậy, này A-nan, nếu có nữ nhân được ở trong Pháp Luật chân chánh này chí tín, lia bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo thì phạm hạnh sẽ không được tồn tại lâu dài.

“A-nan, ví như trong ruộng lúa dẻ, ruộng lúa tẻ có sanh cỏ uế¹⁰ thì ruộng lúa kia chắc chắn bị hư hại. Cũng vậy, này A-nan, nếu cho nữ nhân được ở trong Pháp Luật chân chánh này chí tín lia bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo thì phạm hạnh này sẽ không được tồn tại lâu dài”.

Tôn giả A-nan lại bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, Cù-đàm-di Đại Ái đã đem lại cho Thế Tôn nhiều lợi ích. Vì sao? Vì sau khi thân mẫu Thế Tôn mất, Cù-đàm-di Đại Ái đã bảo dưỡng Đức Thế Tôn”.

Đức Thế Tôn nói:

“Đúng vậy, A-nan! Đúng vậy, A-nan! Cù-đàm-di Đại Ái đã đem lại cho Ta nhiều lợi ích, đã bảo dưỡng Ta sau khi thân mẫu Ta mất. Nhưng này A-nan, Ta cũng đem lại cho Cù-đàm-di Đại Ái nhiều lợi ích. Vì sao? Này A-nan, Cù-đàm-di Đại Ái nhờ Ta mà được quy y Phật, quy y Pháp, quy y Chúng Tỳ-kheo, không nghi ngờ ba ngôi tôn quý và Khổ - Tập - Diệt - Đạo, thành tựu tín tâm, phụng trì giới cấm, tu học bác văn, thành tựu hạnh bố thí, được trí tuệ, xa lia nghiệp sát, đoạn trừ nghiệp sát; xa lia nghiệp không cho mà lấy, đoạn trừ nghiệp không cho mà lấy; xa lia nghiệp tà dâm, đoạn trừ nghiệp tà dâm; xa lia nghiệp nói dối, đoạn trừ nghiệp nói dối; xa lia nghiệp uống rượu, đoạn trừ nghiệp uống rượu.

“A-nan, nếu có người nhờ người mà được quy y Phật, quy y Pháp, quy y Chúng Tỳ-kheo, không nghi ngờ ba ngôi tôn quý và Khổ - Tập - Diệt - Đạo, thành tựu tín tâm, phụng trì giới cấm, tu học bác văn, thành tựu bố thí, được trí tuệ, xa lia nghiệp sát, đoạn trừ nghiệp sát; xa lia nghiệp không cho mà lấy, đoạn trừ nghiệp không cho mà lấy; xa lia nghiệp tà

¹⁰Hữu uế 有穢, ruộng có cỏ xấu mọc lan. No.60: *bạc vũ* 雹雨, mưa đá. *Từ phần sương bạc* 霜雹. Pāli: *sālikkhetta setatthikā nāma rogajāti*, trong ruộng lúa có loại bệnh gọi là “bạch chứng” (tức sương muối? Hay do một giống nấm ăn trắng cây?).

dâm, đoạn trừ nghiệp tà dâm; xa lia nghiệp nói dối, đoạn trừ nghiệp nói dối; xa lia nghiệp uống rượu, đoạn trừ nghiệp uống rượu. Rồi, này A-nan, giả như người này cúng dường người kia y phục, ăn uống, tọa cụ, thuốc thang, các vật dụng cho cuộc sống, cho đến trọn đời, chẳng lẽ nào lại không được đền ơn¹¹.

“Này A-nan, Ta vì nữ nhân mà tuyên bố tám pháp tôn sư¹², nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân [606a] phải phụng trì suốt đời.

“A-nan, ví như người thợ đánh cá và đệ tử của người thợ đánh cá đắp đập ở khoảng nước sâu để giữ nước, không cho chảy ra ngoài; cũng vậy, này A-nan, nay Ta vì nữ nhân mà tuyên bố tám pháp tôn sư, nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

“Tám pháp đó là những gì?

“A-nan, Tỳ-kheo-ni phải cầu thọ giới Cụ túc nơi Tỳ-kheo. A-nan, Ta đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ nhất. Nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

“A-nan, Tỳ-kheo-ni cứ mỗi nửa tháng phải đến thọ giáo nơi Tỳ-kheo. A-nan, Ta đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ hai. Nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

“A-nan, nếu nơi trụ xứ không có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni không được thọ hạ an cư. A-nan, Ta đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ ba. Nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

“A-nan, Tỳ-kheo-ni sau khi thọ hạ an cư phải đối trước hai bộ chúng thỉnh cầu chỉ rõ về ba sự kiện: thấy, nghe và nghi. A-nan, Ta đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ tư. Nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

“A-nan, nếu Tỳ-kheo không cho phép Tỳ-kheo-ni thưa hỏi thì Tỳ-kheo-ni

¹¹ *Tứ phần*: Phật vẫn chưa chấp thuận, Tôn giả A-nan hỏi về khả năng đắc Thánh quả của nữ nhân, Phật xác nhận, rồi A-nan nói: “Nếu nữ nhân có thể đắc Thánh quả, họ cũng có thể xuất gia”. Do đó Phật chấp thuận và thiết lập tám kinh pháp.

¹² Bát tôn sư pháp 八尊師法, tức Bát kinh pháp. No.60: Bát trọng pháp 八重法. Pāli: *aṭṭha garudhammā*. Trong bản Hán, *garu*: kính trọng; được hiểu là guru: *tôn sư*.

không được thưa hỏi Tỳ-kheo về Kinh-Luật hoặc A-tỳ-đàm. Nếu cho phép hỏi thì Tỳ-kheo-ni mới được thưa hỏi về Kinh-Luật hoặc A-tỳ-đàm. A-nan, Ta đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ năm. Nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

“A-nan, Tỳ-kheo-ni không được nói điều trái phạm của Tỳ-kheo, nhưng Tỳ-kheo được quyền nói điều trái phạm của Tỳ-kheo-ni. A-nan, Ta đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ sáu. Nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

“A-nan, Tỳ-kheo-ni nếu phạm Tăng-già-bà-thi-sa¹³ thì phải đối trước hai bộ chúng hành bất mạn¹⁴ trong vòng mười lăm ngày. A-nan, Ta đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ bảy. Nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

“A-nan, Tỳ-kheo-ni dù đã thọ giới Cụ túc lâu đến một trăm năm, nhưng đối với trước Tỳ-kheo mới thọ giới Cụ túc vẫn phải khiêm cung cúi đầu làm lễ, cung kính chấp tay thưa hỏi. A-nan, Ta đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ tám. [606b] Nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

“A-nan, Ta đã vì nữ nhân tuyên bố tám pháp tôn sư này, nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời. A-nan, nếu Cù-đàm-di Đại Ái phụng trì tám pháp tôn sư này thì được ở trong Pháp Luật chân chánh mà xuất gia học đạo, được thọ giới Cụ túc, làm Tỳ-kheo-ni”.

Khi ấy Tôn giả A-nan nghe Đức Phật dạy, khéo léo nhận lãnh và ghi nhớ, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra, đi đến chỗ Cù-đàm-di Đại Ái, nói rằng:

“Cù-đàm-di, nữ nhân đã được phép ở trong Pháp Luật chân chánh này chỉ tin lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo. Cù-đàm-di, Đức Thế Tôn đã vì nữ nhân mà tuyên bố tám pháp tôn sư, nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

“Tám pháp này là những gì?

¹³ Tăng-già-bà-thi-sa 僧伽婆尸婆 (Pl: *saṅghādisesa*.) Pāli trong đây nói: *garudhammaṃ ajjhāpanāya*, phạm trọng cấm.

¹⁴ Hành bất mạn 行不慢. *Tứ phần*: hành ma-na-đoà 行摩那埵. Pl.: *ubhatoṅghe pakkhamānattaṃ caritabbaṃ*, hành mātatta trước hai bộ Tăng.

“Cù-đàm-di, Tỳ-kheo-ni phải cầu thọ giới Cụ túc nơi Tỳ-kheo. Cù-đàm-di, Thế Tôn đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ nhất. Nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

“Cù-đàm-di, Tỳ-kheo-ni cứ mỗi nửa tháng phải đến thọ giáo nơi Tỳ-kheo. Cù-đàm-di, Thế Tôn đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ hai. Nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

“Cù-đàm-di, nếu nơi trụ xứ không có Tỳ-kheo thì Tỳ-kheo-ni không được thọ hạ an cư. Cù-đàm-di, Thế Tôn đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ ba. Nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

“Cù-đàm-di, Tỳ-kheo-ni sau khi thọ hạ an cư phải đối trước hai bộ chúng thính cầu chỉ rõ về ba sự kiện: thấy, nghe và nghi. Cù-đàm-di, Thế Tôn đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ tư. Nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

“Cù-đàm-di, nếu Tỳ-kheo không cho phép Tỳ-kheo-ni thưa hỏi thì Tỳ-kheo-ni không được thưa hỏi Tỳ-kheo về Kinh-Luật hoặc A-tỳ-đàm. Nếu cho phép hỏi thì Tỳ-kheo-ni mới được thưa hỏi về Kinh -Luật hoặc A-tỳ-đàm. Cù-đàm-di, Thế Tôn đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ năm. Nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

“Cù-đàm-di, Tỳ-kheo-ni không được nói điều trái phạm của Tỳ-kheo, nhưng Tỳ-kheo được quyền nói điều trái phạm của Tỳ-kheo-ni. Cù-đàm-di, Thế Tôn đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ sáu. Nữ nhân [606c] không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

“Cù-đàm-di, Tỳ-kheo-ni nếu phạm Tăng-già-bà-thi-sa thì phải đối trước hai bộ chúng hành bất mạn trong vòng mười lăm ngày. Cù-đàm-di, Thế Tôn đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ bảy. Nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

“Cù-đàm-di, Tỳ-kheo-ni dù đã thọ giới Cụ túc lâu đến một trăm năm, nhưng đối với trước Tỳ-kheo mới thọ giới Cụ túc vẫn phải khiêm cung cúi đầu làm lễ, cung kính chấp tay thưa hỏi. Cù-đàm-di, Thế Tôn đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ tám. Nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

“Cù-đàm-di, Thế Tôn đã vì nữ nhân tuyên bố tám pháp tôn sư này, nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời. Cù-đàm-di,

Thế Tôn nói như vậy, ‘Nếu Cù-đàm-di Đại Ái phụng trì tám pháp tôn sư này thì được ở trong Pháp Luật chân chánh mà xuất gia học đạo, được thọ giới Cụ túc, làm Tỳ-kheo-ni’.

Khi ấy, Cù-đàm-di Đại Ái bạch:

“Thưa Tôn giả A-nan, cho phép tôi nói ví dụ này, người trí tuệ nghe dụ này phải hiểu rõ nghĩa lý. Thưa Tôn giả A-nan, giả sử có thiếu nữ Sát-lị, Bà-la-môn, Cư sĩ hay Công sư đoan chánh, đẹp đẽ, tắm gội sạch sẽ, lấy hương xoa khắp thân, mặc y phục mới, dung mạo trang sức bằng đủ thứ anh lạc, nếu có người nghĩ tưởng đến thiếu nữ ấy, mong muốn cho được lợi ích và phước lành, được an ổn khoái lạc, liền đem tràng hoa sen xanh, tràng hoa chiêm bặc, tràng hoa tu-ma-na, tràng hoa bà-sur, hoặc tràng hoa a-đề-muru-đa trao tặng thiếu nữ ấy, thiếu nữ ấy vui mừng, hai tay nhận lãnh, đem cài lên đầu mình. Cũng vậy, thưa Tôn giả A-nan, Đức Thế Tôn đã vì nữ nhân mà tuyên bố tám pháp tôn sư này, tôi nguyện suốt đời nhận lãnh phụng trì”.

Bấy giờ Cù-đàm-di Đại Ái ở trong Pháp Luật chân chánh xuất gia học đạo, được thọ giới Cụ túc mà làm Tỳ-kheo-ni.

Cù-đàm-di Đại Ái, về sau trở thành Đại Tỳ-kheo-ni, cùng với các Trưởng lão Thượng tôn Tỳ-kheo-ni, là những vị danh tiếng trong hàng vương giả, tu hành phạm hạnh đã lâu, đồng đi đến chỗ Tôn giả A-nan cúi đầu làm lễ rồi đứng một bên mà bạch rằng:

“Thưa Tôn giả A-nan, nên biết, các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão Thượng tôn này là những vị danh tiếng trong hàng vương giả, tu hành phạm hạnh đã lâu, còn các Tỳ-kheo kia nhỏ tuổi, mới học đạo, xuất gia sau, [607a] vào trong Pháp Luật chân chánh này chưa được bao lâu, mong rằng các thầy Tỳ-kheo ấy đối với các Tỳ-kheo-ni nên tùy theo lớn nhỏ mà cúi đầu làm lễ, cung kính chấp tay thưa hỏi.”

Khi ấy Tôn giả A-nan nói:

“Cù-đàm-di, hãy đứng dậy, để tôi đi đến Đức Phật thưa hỏi việc này”.

Cù-đàm-di Đại Ái Đạo bạch rằng:

“Kính vâng, thưa Tôn giả A-nan.”

Rồi thì Tôn giả A-nan đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật rồi đứng một bên, chấp tay hướng Phật mà bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, hôm nay Cù-đàm-di Đại Ái cùng các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão Thượng tôn là những vị danh tiếng trong hàng vương giả, tu hành phạm hạnh đã lâu, đồng đi đến chỗ của con, cúi đầu đánh lễ sát chân con rồi đứng qua một bên, chấp tay mà nói với con rằng: ‘Thưa Tôn giả A-nan, các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão Thượng tôn này là những vị danh tiếng trong hàng vương giả, tu hành phạm hạnh đã lâu, còn các thầy Tỳ-kheo nhỏ kia còn nhỏ tuổi, mới học đạo, xuất gia sau, vào nơi Pháp Luật chân chánh này chưa được bao lâu, mong rằng các thầy Tỳ-kheo ấy đối với Tỳ-kheo-ni nên tùy theo lớn nhỏ mà cúi đầu làm lễ, cung kính chấp tay thưa hỏi’”.

Đức Thế Tôn nói:

“Thôi, thôi! A-nan, hãy gìn giữ lời nói này. Hãy thận trọng, chớ có nói điều đó! A-nan, giả sử người hiểu biết như Ta biết thì một câu cũng không nên nói, huống nữa là đã nói như vậy.

“A-nan, ví như nữ nhân không được ở trong Pháp Luật chân chánh, chí tín, lia bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo, thì các Bà-la-môn, Cư sĩ sẽ lấy áo trải lên đất mà nói rằng: ‘Thưa Sa-môn tinh tấn, ngài có thể đi lên trên này. Thưa Sa-môn tinh tấn, ngài đã làm việc khó làm, khiến cho chúng tôi được lợi ích, phước lành, an ổn, khoái lạc lâu dài’.

“A-nan, ví như nữ nhân không được Pháp Luật chân chánh, chí tín, lia bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo thì các Bà-la-môn, Cư sĩ sẽ đem đầu tóc mình trải lên đất mà nói rằng: ‘Thưa Sa-môn tinh tấn, ngài có thể đi lên trên này. Thưa Sa-môn tinh tấn, ngài đã làm việc khó làm, khiến cho chúng tôi được lợi ích, phước lành, được an ổn, khoái lạc lâu dài’.

“A-nan, ví như nữ nhân không được ở trong Pháp Luật chân chánh này chí tín lia bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo, thì các Bà-la-môn, Cư sĩ nếu trông thấy Sa-môn, hai tay sẽ bưng các thức ăn ra đứng bên đường chờ đợi mà nói rằng: ‘Thưa Tôn giả, xin thọ nhận món ăn này. Có thể mang đi tùy ý thọ dụng để cho chúng tôi được lợi ích phước lành, được an ổn khoái lạc lâu dài’.

“A-nan, ví như nữ nhân không được ở trong Pháp Luật chân chánh này chí tín lia bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo, [607b] các Bà-la-môn, Cư sĩ nếu trông thấy Sa-môn tinh tấn liền sanh tâm kính mến, diu

đỡ vào nhà, đem các tài vật ra cúng dường Sa-môn tinh tấn mà nói rằng: ‘Thưa Tôn giả, xin thọ nhận tài vật này. Có thể mang đi tùy ý thọ dụng để cho chúng tôi được lợi ích phước lành, được an ổn khoái lạc lâu dài’.

“A-nan, ví như nữ nhân không được ở trong Pháp Luật chân chánh này chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo, thì dù cho mặt trời mặt trăng này có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, nhưng đối trước đức oai thần của vị Sa-môn tinh tấn vẫn không thể sánh bằng, huống nữa là đối với hàng đệ đạo dõ chết ấy!

“A-nan, giả như nữ nhân không được ở trong Pháp Luật chân chánh này chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo thì Chánh pháp sẽ tồn tại đến ngàn năm. Thế nhưng, giờ đây đã mất hết một nửa, chỉ còn lại có được năm trăm năm.

“A-nan, có năm việc nữ nhân không làm được. Nếu nói rằng nữ nhân được thành Như Lai, Bạc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, hoặc Chuyển luân vương, Thiên Đế Thích, Ma vương hay Đại Phạm thiên, điều này nhất định không thể có.

“Nhưng có năm việc người nam làm được. Nếu nói rằng người nam được thành Như Lai, Bạc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, hoặc Chuyển luân vương, Thiên Đế Thích, Ma vương hay Đại Phạm thiên vương, điều này chắc chắn có thật”.

Phật thuyết như vậy. Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.¹⁵



¹⁵ Bản Hán, hết quyển 28.

PHẨM 12: ĐẠI TỤNG NGÀY THỨ BA

Niệm tụng

柔軟龍象處 無常請瞻波
二十億八難 貧窮欲福田
優婆塞怨家 教曇彌降魔
賴吒優婆離 釋問及善生
商人世間福 息止至邊喻

Kệ tóm tắt:

Nhu nhuyển, Long tượng, Xứ,
Vô thường, Thịnh, Chiêm-ba,
Nhị thập ức, Bát nạn,
Bản cùng, Dục, Phước điền,
Ưu-bà-tắc, Oán gia,
Giáo Đàm-di, Hàng ma,
Lại-tra, Ưu-bà-li,
Thích vấn và Thiện Sanh,
Thương nhân, Thế gian phước,
Tức chỉ, Chí biên, Dụ.

- 117. KINH NHU NHUYỂN
- 118. KINH LONG TƯỢNG
- 119. KINH THUYẾT XỨ
- 120. KINH THUYẾT VÔ THƯỜNG
- 121. KINH THỈNH THỈNH
- 122. KINH CHIÊM-BA
- 123. KINH SA-MÔN NHỊ THẬP ÚC
- 124. KINH BÁT NẠN
- 125. KINH BẢN CÙNG
- 126. KINH HÀNH DỤC
- 127. KINH PHƯỚC ĐIỀN
- 128. KINH ƯU-BÀ-TẮC

- 129. KINH OÁN GIA
- 130. KINH GIÁO
- 131. KINH HÀNG MA
- 132. KINH LẠI-TRA-HÒA-LA
- 133. KINH ƯU-BA-LY
- 134. KINH THÍCH VẤN
- 135. KINH THIỆN SANH
- 136. KINH THƯƠNG NHÂN CẦU TÀI
- 137. KINH THẾ GIAN
- 138. KINH PHƯỚC
- 139. KINH TỨC CHỈ ĐẠO
- 140. KINH CHÍ BIÊN
- 141. KINH DỰ

117. KINH NHU NHUYẾN

[607c5] Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Chính Ta ngày trước ra đi xuất gia học đạo là ra đi từ chỗ ưu du, từ chỗ thông dong nhàn nhã, từ đời sống cực kỳ êm dịu¹. Khi Ta còn ở nhà, Phụ vương Duyệt-đầu-đàn² tạo cho Ta đủ thứ cung điện; cung điện để ở vào mùa Xuân, cung điện để ở vào mùa Hạ, cung điện để ở vào mùa Đông.

“Bởi Ta thích du ngoạn nên cách điện không xa, người lại tạo không biết bao nhiêu là ao sen: ao hoa sen xanh, ao hoa sen hồng, ao hoa sen đỏ, ao hoa sen trắng. Trong các ao đó trồng đủ các loại hoa dưới nước: hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen đỏ và hoa sen trắng. Nước luôn luôn đầy, hoa luôn luôn nở, mà những người sai dịch chăm sóc không thông suốt được hết.

“Bởi Ta thích du ngoạn nên trên bờ ao trồng các loại hoa: hoa tu-ma-na, hoa bà-sur, hoa chiêm-bặc, hoa tu-kiền-đề, hoa ma-đầu-kiền-đề, hoa a-đề-muru-đa, hoa ba-la-đầu.

“Bởi Ta thích du ngoạn nên người sai bốn người tắm rửa cho Ta. Tắm rửa cho Ta rồi lại xoa hương chiêm-đàn đỏ vào khắp thân Ta. Xoa hương vào thân Ta rồi lại khoác vào mình Ta chiếc áo lụa thật mới. Trên, dưới, trong, ngoài đều mới mẻ. Suốt ngày đêm luôn luôn cảm lợng³ che cho Ta, không để cho Thái tử đêm phải nhiễm sương, ngày bị nắng hớp.

“Như nhà dân thường được ăn đại mạch thô, cơm gạo tẻ, cháo đậu, gừng⁴,

¹ Tùng ưu du, thung dung nhàn lạc, cực nhu nhuyễn 從優遊從容閑樂極柔軟. Pāli (A. i. 145): *sukhumālo parasukhumālo accanta sukhumālo*, êm dịu, rất êm dịu, vô cùng êm dịu.

² Duyệt-đầu-đàn 悅頭檀, Vua Tịnh Phạn, Pāli: Suddhodana.

³ Tán cái 繖蓋, đúng ra phải nói “*bạch tán cái*”, biểu hiện của vương gia. Pāli: *setachattā*.

⁴ Hán: thô quảng 麩 [麥+廣], mạch phạn 麥飯, đậu canh 豆羹, khương thái 薑菜. Pāli: *kanājakam bhojanam... vilāṅgadutiyaṃ*, cháo tằm và sữa chua.

cho đó là đồ ăn bậc nhất, nhưng người sai dịch thấp nhất của Phụ vương Duyệt-đầu-đàn của Ta lại cho như vậy là rất dở, chỉ ăn nếp trắng⁵ và hào soạn mới cho là đồ ăn bậc nhất.

“Lại nữa, nếu có cầm thú nơi đồng ruộng, loại cầm thú ngon nhất như đề-đế-la-hòa-tra, kiếp-tân-xà-la, hề-mễ-hà, lê-nê-xa, thi-la-mễ⁶. Các loại cầm thú nơi đồng ruộng, loại cầm thú ngon nhất như vậy Ta thường được ăn.

“Ta nhớ khi xưa, lúc còn ở với Phụ vương Duyệt-đầu-đàn, suốt bốn tháng hạ, mỗi khi lên trên chánh điện đều không có người nam; chỉ toàn là kỹ nữ để cùng vui chơi, không hề trở xuống.

“Rồi khi Ta muốn đến công viên, tức thì có ba mươi danh kỹ thượng thặng được tuyển chọn với những hàng đại thuẫn đi dẫn đường hộ tống trước sau, không kể những tiểu tiết khác.

“Ta có như ý túc đó⁷ và sự êm dịu cực kỳ này.

“Ta còn nhớ thừa xưa, lúc Ta thăm ruộng⁸, [608a] khi người làm ruộng nghỉ ngơi trên đám ruộng, Ta đi đến dưới gốc cây Diêm-phù ngồi kiết già, ly dục, ly pháp ác bất thiện, có tâm, có tứ, hỷ lạc do viễn ly sanh, chứng đắc được Sơ thiền, thành tự và an trụ. Ta nghĩ rằng: ‘Phàm phu ngu si không đa văn, tự có sẵn tật bệnh, không thoát khỏi tật bệnh, nhưng thấy người tật bệnh thì ghê tởm, khinh bỉ, không yêu, không thích, mà không tự quán sát mình’.

“Rồi Ta lại nghĩ: ‘Ta tự có sẵn tật bệnh, không thoát khỏi tật bệnh. Nếu Ta thấy người tật bệnh mà ghê tởm, khinh bỉ, không yêu, không thích, Ta không nên như vậy, vì Ta cũng có trường hợp này’. Quán sát như vậy rồi,

⁵ Hán: canh lương 粳糧.

⁶ Đề-đế-la-hòa-tra 提帝邏耆吒; Pāli: *tittirapatta* (?), một loại chim trĩ, hay chim chá-cô. Kiếp-tân-xà-la 劫賓閣邏, Pāli: *kapiñjala* (?), chim trĩ. Hề-mễ-hà 奚米何, Pāli: *hamśa* (?), chim nhạn. Lê-nê-xa 犁泥奢, Thi-la-mễ 施羅米, không tìm ra tương đương âm Pāli. Trong bản Pāli không đề cập các loại thực phẩm này.

⁷ Như ý túc 如意足 (Pāli: *iḍhi-pāda*), thường dịch là thần thông. Đây có nghĩa là quyền lực. Đoạn trên kể bốn quyền lực của thiếu niên con nhà phú quý: gắm vóc lụa là, cung điện cho các mùa, vườn hoa tráng lệ, và thức ăn thượng hạng.

⁸ Xem kinh 32.

tâm công cao phát khởi do không có tật bệnh liền tự tiêu diệt.

“Ta lại nghĩ rằng: ‘Phàm phu ngu si không đa văn, tự có sẵn sự già, không thoát khỏi sự già, nhưng thấy người già cả thì ghê tởm, khinh bỉ, không yêu, không thích, mà không tự quán sát mình’.

“Rồi Ta lại nghĩ: ‘Ta tự có sẵn sự già, không thoát khỏi sự già. Nếu Ta thấy người già cả mà ghê tởm, khinh bỉ, không yêu, không thích, Ta không nên như vậy, vì Ta cũng có trường hợp này’. Quán sát như vậy rồi, tâm công cao phát khởi do chưa đến tuổi già liền tự tiêu diệt.

“Phàm phu ngu si không đa văn, vì chưa bị tật bệnh nên tâm tự cao, tự phụ, rồi do tham dục mà sanh si ám, không tu tập phạm hạnh. Phàm phu ngu si không đa văn vì còn trẻ trung nên tự cao tự phụ, không tu tập phạm hạnh, rồi tham dục mà sanh si ám. Phàm phu ngu si không đa văn vì còn thọ mạng nên tự cao tự phụ, phóng dật, rồi do tham dục mà sanh si ám, không tu tập phạm hạnh.”

Khi ấy, Đức Thế Tôn liền nói bài kệ:

*Tuổi già, tật bệnh,
Và sự tử vong,
Là pháp có sẵn,
Người ngu khinh nhờn.*

*Nếu ta miệt thị
Tưởng mình không vương;
Thật chẳng hợp lý;
Vì đó sự thường.*

*Ai hành như thế,
Biết pháp ly sanh.
Không bệnh, còn trẻ,
Tưởng thọ, kiêu căng;*

*Đoạn trừ kiêu ngạo,
Vô dục bình an.*

*Ai hiểu như vậy
Nơi dục sợ gì!
Được vô hữu tưởng
Tịnh tu phạm hạnh.*

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành. □

118. KINH LONG TƯỢNG

[608b3] Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, ở tại Đông viên, giảng đường Lộc mẫu⁹.

Bấy giờ vào lúc xế trưa, Đức Thế Tôn từ chỗ tĩnh tọa đứng dậy, bước ra khỏi tịnh thất và nói:

“Ô-đà-di¹⁰, Ta và người hãy đi đến Đông hà để tắm¹¹.”

Tôn giả Ô-đà-di đáp:

“Kính vâng.”

Khi ấy, Đức Thế Tôn cùng với Tôn giả Ô-đà-di đi đến Đông hà, cởi bỏ y phục trên bờ sông rồi xuống nước tắm. Tắm xong, lên bờ lau mình và mặc y phục vào.

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc có một con voi chúa tên là Niệm¹², đang lội ngang qua Đông hà với tất cả các loại kỹ nhạc được tấu lên. Dân chúng trông thấy nói rằng:

“Đây phải chăng là rồng trong loài rồng, là Đại long vương hay là con gì vậy?¹³”

Tôn giả Ô-đà-di chấp tay hướng về Đức Phật bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, con voi thân hình to lớn cho nên dân chúng trông thấy nói rằng: ‘Đây phải chăng là rồng trong loài rồng, là Đại long vương hay là con gì vậy?’”

⁹ Đông viên Lộc tử mẫu giảng đường 東園鹿子母講堂. Pāli: Pubbārama Migāgamātu-pāsāda, giảng đường được xây dựng bởi bà Visakhā, mẹ của Miga.

¹⁰ Ô-đà-di 烏陀夷. Pāli: Udāyi, cũng gọi là Mahā-udāyi, hay Pandita-udāyi, con của một người Bà-la-môn ở Kapilavatthu.

¹¹ Đông hà 東河. Pāli: Pubbakotthaka. Bản Pāli nói: Phật gọi ngài A-nan đi tắm.

¹² Long tượng danh viết Niệm 龍象名曰念. Pāli: Seto nāma nāgo (Seta, bản Hán đọc là Sati).

¹³ Long trung long, vi đại long vương, vi thị thù 龍中龍為大龍王為是誰. Pāli: Nāgo vata, bho, nāgo. “Rồng kia, các ngài, rồng kia!”

Đức Thế Tôn nói:

“Đúng vậy, Ô-đà-di! Đúng vậy, Ô-đà-di, con voi có thân hình to lớn nên dân chúng trông thấy nói rằng: ‘Đây phải chăng là rồng trong loài rồng, là Đại long vương hay là con gì vậy?’

“Này Ô-đà-di, ngựa, lạc đà, trâu, lừa, rắn¹⁴, người, cây cối... nếu có thân hình to lớn, này Ô-đà-di, dân chúng trông thấy cũng nói rằng: ‘Đây phải chăng là rồng trong loài rồng, là Đại long vương hay là con gì vậy?’

“Ô-đà-di, nếu Trời, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn (hay bất cứ ai) từ người cho đến trời ở trên đời này mà không làm hại bằng thân, miệng, ý, Ta nói vị ấy chính là rồng¹⁵.

“Ô-đà-di, Như Lai ở trong thế gian này bao gồm Trời, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn (hay bất cứ ai) từ người cho đến trời đều không dùng thân, miệng, ý để làm hại, cho nên Ta được gọi là Rồng.”

Khi ấy, Tôn giả Ô-đà-di chấp tay hướng về Đức Phật mà bạch:

“Bạch Thế Tôn, mong Đức Thế Tôn gia trì cho con thêm uy lực. Mong Đức Thiện Thế gia trì cho con thêm uy lực, để con được ở trước Phật, bằng bài tụng liên hệ đến Rồng¹⁶ mà tán thán Đức Thế Tôn.”

Đức Thế Tôn nói:

“Tùy ý người muốn.”

Khi ấy Tôn giả Ô-đà-di ở trước Đức Phật, dùng bài tụng liên hệ đến rồng tán thán Đức Thế Tôn rằng:

*Chánh giác sanh nhân gian,
Tự chế ngư, đắc định.
Phạm hạnh bước vững vàng,
Bình an, tâm ý tĩnh.
Nhân loại đều xưng tôn;*

¹⁴Nguyên Hán: *hung hành* 胸行, đi bằng bụng, Pāli: *uragam*, loài bò sát hay con rắn.

¹⁵*Bất dĩ thân khẩu ý hại (...) thị long* 不以身口意害是龍. Pāli nói: *āgum na kāroti kāyena vācāya manasā, tam ahaṃ nāgo ti brūmi*, ai không làm ác bằng thân, miệng, ý; Ta nói người đó là nāga.

¹⁶*Long tương ưng tụng* 龍相應頌.

Vượt ngoài tất cả pháp.
 [608c]Chư Thiên đều kính ngưỡng;
 Chí Chân, Bạc Vô Trước.

Từ rùng, bỏ rùng đi;
 Siêu việt toàn kết sử;
 Xả dục, sống vô dục,
 Vàng ròng trong khối đá.

Mặt trời trên hư không,
 Tối thượng giữa loài rồng,
 Vang lừng danh Chánh Giác,
 Hy-mã điệp muôn trùng.

Tuyệt đối không nào hại,
 Đại long, thật Đại long!
 Chắc thật, đây tối thượng,
 Rồng thiêng giữa loài rồng!

Ôn nhuần và vô hại,
 Hai chân, Rồng là đây.
 Khổ hạnh và phạm hạnh,
 Là bước đi của Rồng.

Rồng thiêng, tay là tín;
 Hai đức, xá là ngà;
 Tuệ: đầu, và niệ: cổ;
 Phân biệt pháp, tư duy;

Bụng lớn, chứa muôn pháp;
 Độc cư: đôi cánh tay;
 Rồng tu quán hơi thở;
 Nội tĩnh, tâm tinh chuyên;

Chánh định, đi hay đứng;
 Nằm thiền, ngồi cũng thiền;
 Định ý, hằng định ý;
 Là pháp thường của Rồng.

Thọ thực nhà thanh tịnh;

Nhà bất tịnh không ăn;
Ác bất tịnh, không thọ,
Quay đi như Sư tử.

Sở đắc những cúng dường,
Từ tâm nên nạp thọ.
Ròng ăn, do tín thí;
Vừa đủ, không đắm say.

Đoạn trừ mọi kết sử,
Giải thoát mọi đường dây.
Tâm không, không trói buộc,
Vạn nẻo bước du hành.

Chẳng khác loài sen trắng,
Nước sanh, nước nuôi lớn;
Bùn lầy không nhiễm trước;
Tuyệt sắc, hương ngào ngọt.

Cũng vậy, Tối Thượng Giác,
Sanh thành trong thế gian;
Tịnh diệu, dục không vương,
Như hoa không nhiễm nước.

Ví như ngọn lửa hừng;
Bớt củi, ngọn tắt dần.
Củi hết rồi lửa tắt;
Như vậy lửa diệt tàn.

Kẻ trí nói dụ này,
Nghĩa ấy mong thấu triệt;
Là điều Ròng sở tri,
Ròng tụng, Ròng sở thuyết.

[609a] Triệt đoạn dâm dục, sân,
Trừ si, vô lậu tịnh;
Ròng xả bỏ hậu thân,
Đó là Ròng diệt tận.

Phật thuyết như vậy. Tôn giả Ô-đà-di sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ

phụng hành.



119. KINH THUYẾT XỨ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Ồ đây có ba thuyết xứ¹, chứ không phải bốn hay năm. Nếu Tỳ-kheo sau khi thấy, nhân sự thấy đó mà nói lên một vấn đề² rằng: ‘Tôi thấy, nghe, hiểu, biết’, Tỳ-kheo nói mà nói rằng: ‘Đây là điều tôi biết’.

“Những gì là ba? Tỳ-kheo nhân quá khứ mà nói một vấn đề³ như vậy: ‘Trong thời quá khứ có’. Tỳ-kheo nhân vị lai mà nói một vấn đề như vậy: ‘Trong thời vị lai có’. Tỳ-kheo nhân hiện tại mà nói một vấn đề như vậy: ‘Trong thời hiện tại có’.

“Đó gọi là ba thuyết xứ chứ không phải bốn hay năm. Nếu Tỳ-kheo sau khi thấy, nhân sự thấy đó mà nói một vấn đề rằng: ‘Tôi thấy, nghe, hiểu, biết’. Tỳ-kheo nói một vấn đề rằng: ‘Đây là điều tôi biết’. Do điều được thuyết, khéo tập được nghĩa, do không thuyết, không khéo tập được nghĩa.

“Hiền Thánh đệ tử với hai tai nhất tâm nghe pháp. Vị ấy sau khi với hai tai nhất tâm nghe pháp, đoạn một pháp, tu một pháp, tự thân tác chứng một pháp. Vị ấy sau khi đã đoạn được một pháp, tu một pháp, tự thân chứng đắc một pháp rồi, liền được chánh định. Hiền Thánh đệ tử sau khi đã được chánh định, liền đoạn trừ hết tất cả dâm, nộ, si. Như vậy là Hiền Thánh đệ tử chứng đắc tâm giải thoát, giải thoát rồi liền biết mình đã giải thoát, biết đúng như thật rằng: ‘Sự sanh của ta đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’.

“Do điều được nói⁴ nên có bốn trường hợp để quan sát người, rằng Hiền

¹Thuyết xứ 說處. Pāli (A. i. 197): *tīṇi kathāvatthūni*, ba luận sự, cơ sở của ngôn luận. *Tập dị* 3 (tr. 378 c - 78 a): ba ngôn y 三言依.

²*Thuyết nhi thuyết* 說而說. Pāli: *katham katheyya*, có thể nói về vấn đề.

³*Nhân quá khứ thuyết nhi thuyết* 因過去說而說. Pāli: *atītam vā addhānam ārabha katham katheyya*, có thể nói về vấn đề liên hệ thời quá khứ.

⁴Nhân sở thuyết 因所說. Pāli: *Kathāsampayogena*, bằng sự liên hệ với ngôn

giả này có thể cùng nói, hoặc không thể cùng nói. Nếu Hiền giả này với câu hỏi khẳng định mà không trả lời khẳng định, với câu hỏi phân biệt mà không trả lời phân biệt, với câu hỏi phản vấn mà không trả lời phản vấn, với câu hỏi xả trí vấn mà không trả lời xả trí⁵. Như vậy, không thể cùng nói, cũng không thể cùng thảo luận với Hiền giả này.

“Nếu Hiền giả này với câu hỏi khẳng định mà trả lời khẳng định, với câu hỏi phân biệt mà trả lời phân biệt, với câu hỏi phản vấn mà trả lời phản vấn, với câu hỏi xả trí vấn mà trả lời xả trí. Như vậy, ó thể cùng nói, cũng có thể cùng thảo luận với Hiền giả này.

“Lại nữa, do điều được nói nên lại có bốn trường hợp để quan sát người, rằng có thể cùng nói, hoặc không thể cùng nói với Hiền giả này. Nếu Hiền giả này không an trụ trên xứ phi xứ, không an trụ trên sở tri, không an trụ trên thuyết dụ, không an trụ trên đạo tích⁶; như vậy thì không thể cùng nói, cũng không thể cùng thảo luận với Hiền giả này.

“Nếu Hiền giả này an trụ trên xứ phi xứ, an trụ trên sở tri, an trụ trên thuyết dụ, an trụ trên đạo tích; như vậy thì có thể cùng nói, cũng có thể cùng thảo luận với Hiền giả này.

“Do điều được nói, với lời nói trầm tĩnh⁷, xả bỏ sở kiến của mình, xả bỏ ý kết oán, xả bỏ tham dục, xả bỏ sân nhuế, xả bỏ si ám, xả bỏ kiêu mạn, xả bỏ bất ngữ⁸, xả bỏ tật đố, không háo thắng, không ép người, không chấp

thuyết.

⁵ Nhất hướng luận 一向論 (*ekamsavyākaraṇīyam*), phân biệt luận 分別論 (*vibhajjhavyākaraṇīyam*), cật luận 詰論 (*paṭipucchavyākaraṇīyam*), chỉ luận 止論 (*thapakaraṇīyam*). Bốn trường hợp đặt câu hỏi và trả lời, *bốn ký vấn* (*Tập dị* 8, tr. 401a-11a): Nhất hướng ký vấn, phân biệt ký vấn, phản cật ký vấn, xả trí ký vấn.

⁶ *Xứ phi xứ* 處非處 (Pāli: *thānāthāna*), (không được xác định là) hợp lý hay không hợp lý; *sở tri* 所知 (Pāli: *parikappa*) (có hay không có) chủ đích; *thuyết dụ* 說喻 (Pāli: *aññātavāda*) ngôn ngữ được chấp thuận (của bậc trí); *đạo tích* (Pāli: *paṭipadā*), thực tiễn (được xác định bằng thực tiễn hành động).

⁷ *Chỉ tức khẩu hành* 止息口行.

⁸ Hán: *bất ngữ* 不語. Có lẽ Pāli: *makkha*: phú, che dấu, ngụy thiện (đạo đức giả). Xem các kinh 89, 91, 122.

chặt khuyết điếm, nói nghĩa nói pháp⁹. Sau khi nói nghĩa nói pháp, khuyên dạy, rồi lại khuyên dạy cho bỏ¹⁰, tự mình hoan hỷ, khiến người kia cùng hoan hỷ. Thuyết nghĩa như vậy, thuyết sự như vậy, là Thánh thuyết nghĩa, là Thánh thuyết sự¹¹; nghĩa là đã cứu cánh tận diệt hết lậu.”

Rồi thì, Đức Thế Tôn nói bài tụng rằng:

*Luận tranh và luận nghị,
Ý tạp, lòng cống cao;
Nghịch Thánh, chê Thánh đức,
Mong cầu khuyết điếm nhau,

Khai thác lỗi bất cần,
Khăng khăng khuất phục người,
Đối địch đều háo thắng;
Thánh không nói như vậy.

Nếu mong thành luận nghị,
Người trí biết tùy thời,
Có pháp và có nghĩa,
Chư Thánh luận như vậy.

Người trí nói như vậy.
Không cãi, không cống cao,
Ý không biết nhàm đủ,
Không kết, không oán thù;

Tùy thuận, không điên đảo;
Mỗi lời hợp chánh tri.
Khéo nói thì có thể
Trợn không lời xấu xa;*

⁹ Hán: *nghĩa thuyết pháp thuyết* 義說法說. Pāli: *atthavādī dhammavādī*, lời nói hữu ích, lời nói đúng pháp.

¹⁰ Hán: *giáo phục giáo chỉ* 教復教止. Có lẽ Pāli: *sataṃ ve hoti mantanā*, được lưu ý và thật sự được khuyến cáo.

¹¹ Pāli: *evam kho ariyā mantenti, esā ariyāna mantanā*, “Các Thánh đàm luận như vậy; đó là những điều được các Thánh đàm luận”.

Không luận vì luận tranh,
 Không tùy người thách đố;
 Biết xử và thuyết xử,
 Là điều được luận bàn.
 Đây là lời Thánh nhân;
 Người trí, hai mục đích¹²,
 Cho đời này bình an,
 Cho đời sau khoái lạc.
 Nên biết người thông đạt,
 Thuyết phi đảo, phi thường¹³.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



¹² Hán: *câu đắc nghĩa* 俱得義, được lợi (nghĩa) cả hai đường.

¹³ Pāli: *etad aññāya medhāvī na samusseyya*, sau khi nhận thức được điều đó, bậc trí không nói lời khoa đại.

120. KINH THUYẾT VÔ THƯỜNG

Tôi nghe như vậy:

[609c4] Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Sắc là vô thường, vô thường nên khổ, khổ nên phi ngã¹. Thọ² cũng vô thường, vô thường nên khổ, khổ nên phi ngã. Tưởng cũng là vô thường, vô thường nên khổ, khổ nên phi ngã. Hành cũng là vô thường, vô thường nên khổ, khổ nên phi ngã. Thức cũng là vô thường, vô thường nên khổ, khổ nên phi ngã.

“Nhu vậy là sắc vô thường; thọ, tưởng, hành, thức vô thường, vô thường nên khổ, khổ nên phi ngã. Đa văn Thánh đệ tử hãy nên quán sát như vậy, hãy tu tập bảy đạo phẩm³, vô ngại, chánh tư, chánh niệm⁴. Vị ấy đã biết như vậy, thấy như vậy rồi thì tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu, vô minh lậu. Giải thoát rồi liền biết mình đã giải thoát; biết như thật rằng: ‘Sự sanh của ta đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’.

“Có chúng sanh và chín trú xứ của chúng sanh⁵, cho đến cõi đệ nhất hữu với hành còn tàn dư, tức cõi phi tưởng phi phi tưởng xứ⁶, ở trong khoảng trung gian đó, là bậc đệ nhất, là tối đại, là tối thắng, là tối thượng, là tối tôn, là tối diệu; đó chính là vị A-la-hán ở trong đời. Vì sao vậy? Vì trên

¹ Hán: *phi thân* 非神.

² Hán: *giác* 覺. Pāli: *vedanā*.

³ Bản Nguyên-Minh: ba mươi bảy đạo phẩm. Bản Pāli, không có chi tiết này.

⁴ Pāli (S.iii. 82): *yad anattā taṃ n’etaṃ mama, n’eso aham asmi na m’eso attā, ti evaṃ etaṃ yathābhūtaṃ sammappaññāya daṭṭhabbā*, “ cái gì là vô ngã, cần phải được nhận thức một cách như thực bằng chánh trí rằng: cái này không phải của ta; ta không phải là cái này; cái này không phải là tự ngã của ta”.

⁵ Hán: hữu tình cư, chỗ chúng sanh cư ngụ. Pāli: *sattāvasā*.

⁶ Hán: *hữu tưởng vô tưởng xứ hành dư đệ nhất hữu* 有想無想處行餘第一有, chỉ Hữu đỉnh thiên, cõi cao nhất trong tam hữu, tức cõi Phi tưởng phi phi tưởng xứ, tầng thứ tư của vô sắc định. Pāli *ibid.*: *yāvataṃ sattāvasā, yāvataṃ bhavaggāṃ*, cho đến các cảnh vực của hữu tình, cho đến chóp đỉnh của (ba) Hữu.

đời này, A-la-hán đã được an ổn khoái lạc.”

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói bài tụng rằng:

*Vô trước⁷, đệ nhất lạc;
Đoạn dục, ái đã trừ,
Vĩnh viễn lìa ngã mạn,
Bứt tung màn lưới si⁸.*

*Người không bị lay chuyển,
Tâm chẳng bận mảy trần,
Thế gian không đắm nhiễm,
Vô lậu, phạm hạnh thành,*

*Thấu triệt thân năm uẩn,
Cảnh giới bảy thiện pháp⁹,
Chốn đại hùng du hành,
Lìa xa mọi khủng bố.*

*Thành tựu báu thất giác¹⁰,
Học đủ ba môn học,
Thượng bằng hữu tôn xưng;
Chân chánh con của Phật;*

Thành tựu mười chi đạo¹¹.

⁷ Vô trước 無著, dịch nghĩa từ A-la-hán. Pāli: sukhino vata arahanta, A-la-hán thật sự an lạc.

⁸ Vô minh võng 無明網, Pāli: mohajāla.

⁹ Cảnh giới thất thiện pháp 境界七善法. Pāli: *sattasadhmagocarā*, sở hành là bảy điều (chánh) pháp. Số giải: *saddhā* (tín), *hiri* (tàm), *ottappam* (quý), *bāhusaccam* (đạo đức), *āradhāvīriyatā* (tinh tấn), *upaṭṭhitassatiṭā* (chánh niệm), *paññā* (tuệ). Xem *Tập dị 17* (tr.437a), “bảy điều pháp: tín, tàm, quý, tinh tấn, niệm, định, tuệ.”

¹⁰ Thất bảo giác 七覺寶. Pāli: sattaratanā, ở đây chỉ bảy giác chi: trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, niệm, định, xả.

¹¹ Thập chi đạo 十支道, tức mười vô học chi; *Tập dị 20* (Đại 26, tr.452c): 1. Vô học chánh kiến; ...; 8. Vô học chánh định; 9. Vô học chánh giải thoát; 10. Vô học chánh trí. Pāli: dasahaṅga.

*Đại long định kiên cố,
Đáng bậc nhất trong đời;
Vị này không hữu ái.*

*Vạn cảnh không lay chuyển;
Giải thoát hữu tương lai;
[610a]Đoạn sanh, lão, bệnh, tử.
Lậu diệt, việc làm xong;*

*Phát khởi vô học trí¹²;
Tận cùng tối hậu thân¹³;
Tối thắng thanh tịnh hạnh.
Tâm không do bởi người¹⁴;*

*Đối các phương trên dưới,
Vị ấy không hỷ lạc;
Thường rống tiếng sư tử,
Vô thượng giác trên đời.*

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



¹² Vô học trí. Pāli: *asekhaññā*.

¹³ Tối hậu thân. Pāli: *antimoyaṃ samussayo*.

¹⁴ *Bát do tha* 不由他, tự tri, tự chứng ngộ, không do kẻ khác. Pāli: *aparapaccāya*, không nương theo người khác.

121. KINH THỈNH TỈNH¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại thành Vương xá, trong rừng Trúc, vườn Ca-lan-đa² cùng với chúng Tỳ-kheo gồm năm trăm vị an cư mùa mưa.

Bảy giờ vào ngày mười lăm trong tháng³, là ngày Đức Thế Tôn thuyết Biệt giải thoát⁴ vào giờ tự tứ⁵. Ngài đến trước chúng Tỳ-kheo trải tọa cụ ngồi xuống rồi nói với các Tỳ-kheo:

“Ta⁶ là Bà-la-môn, đã chứng đắc tịch diệt, thành Vô Thượng Y Vương, thọ thân này của Ta là thân tối hậu. Ta là Bà-la-môn, sau khi đã chứng đắc tịch diệt, thành Vô Thượng Y Vương, thọ thân này của Ta là thân tối hậu, thì các người là con chân chánh của Ta, thọ sanh từ miệng, hóa sanh từ pháp. Các người là con chân chánh của Ta, thọ sanh từ miệng, hóa sanh từ pháp, thì các người hãy dạy dỗ lẫn nhau, răn dạy lẫn nhau.”

Bảy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất cũng đang hiện diện trong chúng. Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai, sửa y, chấp tay hướng về Thế Tôn, bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, như Thế Tôn vừa nói: ‘Ta là Bà-la-môn đã chứng đắc tịch diệt, thành Vô Thượng Y Vương, thọ thân này của Ta là thân tối hậu.

¹ Phụ chú trong bản Hán: 下一請字音慈井反 “chữ 請 sau đọc là *tỉnh*”. Tương đương Pāli: S. vii.7 Pavāraṇa (tự tứ).

² No.61, 62 và Pāli: Xá-vệ, Đông viên, Lộc tử mẫu giảng đường (Sāvatti, Pubbārama, Migāramātipāsāda).

³ No.61, ngày rằm tháng bảy.

⁴ Tụng giải thoát 從解脫. Pāli: Pāṭimokkha.

⁵ Tương thỉnh thỉnh thời 相請請時, “trong khi hỏi lẫn nhau”, được dịch nghĩa như vậy, vì trong lễ tự tứ, các Tỳ-kheo chỉ điếm lẫn nhau những điều luật. Pāli: *pavāraṇā*. Các bản dịch khác là *thọ tuế*, tức sau ba tháng an cư, Tỳ-kheo được tính một tuổi hạ.

⁶ Trong bản Pāli và các bản Hán kia đều có ghi lời tự tứ của Đức Thế Tôn như vậy: “Này các Tỳ-kheo, bây giờ Ta tự tứ (tức yêu cầu chỉ điếm, hoặc nói là “thọ tuế”), các thầy có khiển trách gì Ta đối với thân, khẩu chẳng?” Pl. S. i. 190: *handā dāni, bhikkhave, pavāremi vo. na ca me kiñci garahatha kāyikaṃ vā vācasikaṃ vā*.

Ta là Bà-la-môn, sau khi đã chứng đắc tịch diệt, thành Vô Thượng Y Vương, thọ thân này của Ta là thân tối hậu, thì các người là con chân chánh của Ta, thọ sanh từ miệng, hóa sanh từ pháp. Các người là con chân chánh của Ta, thọ sanh từ miệng, hóa sanh từ pháp, thì các người hãy dạy dỗ lẫn nhau, răn dạy lẫn nhau’. Bạch Thế Tôn, đối với những ai chưa điều ngự, Thế Tôn khiến cho điều ngự; những ai chưa tịch tĩnh, khiến cho tịch tĩnh⁷; những ai chưa độ thoát, khiến cho độ thoát; những ai chưa giải thoát khiến cho giải thoát; những ai chưa tịch diệt, khiến cho tịch diệt, chưa đắc đạo khiến cho đắc đạo, chưa thi thiết phạm hạnh khiến cho thi thiết phạm hạnh. Thế Tôn là Bạc Tri Đạo, Giác Đạo, Thức Đạo, [610b] Thuyết Đạo⁸. Đệ tử của Thế Tôn sau đó được đắc pháp, lãnh thọ khuyến giáo, lãnh thọ khiển trách. Sau khi lãnh thọ khuyến giáo, lãnh thọ khiển trách sẽ vâng theo lời dạy của Thế Tôn mà nhất hướng tu hành, được tự tại như ý, khéo biết Chánh pháp. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn không phiền gì con đối với thân, khẩu, ý hành chăng?”

Khi ấy, Thế Tôn nói:

“Này Xá-lợi-phất, Ta không phiền gì đối với thân, khẩu, ý hành của thầy cả. Vì sao vậy? Này Xá-lợi-phất, thầy là bậc thông tuệ, đại tuệ, tốc tuệ, tiếp tuệ, lợi tuệ, quảng tuệ, thâm tuệ, xuất yếu tuệ, minh đạt tuệ⁹. Này Xá-lợi-phất, thầy đã thành tựu thật tuệ. Này Xá-lợi-phất, ví như Chuyển luân vương có Thái tử không trái phạm lời khuyên dạy, tất bái lãnh sự truyền thừa của Phụ vương và sau này cũng có thể truyền thừa lại. Cũng vậy, này Xá-lợi-phất, Ta chuyển vận pháp luân, thầy cũng có thể chuyển vận pháp luân. Này Xá-lợi-phất, vì vậy nên Ta không phiền gì về thân, khẩu, ý hành của thầy.”

⁷Hán: tức 息, và chỉ tức 止息.

⁸Tri Đạo, Giác Đạo, Thức Đạo, Thuyết Đạo 知道覺道識道說道. No.63: Như Lai đã nhận thức toàn diện về Chánh đạo, tuyên thuyết hoàn hảo về Chánh đạo, khai thị Chánh đạo.

⁹Thông tuệ 聰慧 (Pāli: *pañña*), đại tuệ 大慧 (Pāli: *mahāpañña*), tốc tuệ 速慧 (Pāli: *hāsapañña*), tiếp tuệ 捷慧 (Pāli: *javapañña*), lợi tuệ 利慧 (Pāli: *tikkhapañña*), quảng tuệ 廣慧 (Pāli: *putthupañña*), thâm tuệ 深慧 (Pāli: không có tương đương), xuất yếu tuệ 出要慧 (Pāli: không có tương đương), minh đạt tuệ 明達慧 (Pāli: *nibbedhikā*).

Tôn giả Xá-lợi-phất chấp tay hướng về Thế Tôn, thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, Thế Tôn không phiền gì về thân, khẩu, ý hành của con; nhưng bạch Thế Tôn, Thế Tôn có phiền gì về thân, khẩu, ý hành của năm trăm thầy Tỳ-kheo chăng?”

Đức Thế Tôn nói:

“Này Xá-lợi-phất, Ta cũng không phiền gì về thân, khẩu, ý hành của năm trăm Tỳ-kheo này. Vì sao vậy? Này Xá-lợi-phất, năm trăm Tỳ-kheo này đều đã chứng đắc vô trước, dứt trừ các lậu, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, đã đặt gánh nặng xuống, hữu kết đã tận và đã đạt được thiện nghĩa, chánh trí, chánh giải thoát; chỉ trừ một Tỳ-kheo¹⁰ mà trước kia Ta đã thọ ký cho rằng: ngay trong đời này sẽ chứng đắc cứu cánh trí, biết một cách như thật rằng: ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’. Này Xá-lợi-phất, vì vậy nên Ta không phiền gì về thân, khẩu, ý hành của năm trăm Tỳ-kheo này.”

Tôn giả Xá-lợi-phất ba lần lặp lại chấp tay hướng về Đức Thế Tôn thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, Thế Tôn không phiền gì về thân, khẩu, ý hành của con và cũng không phiền gì về thân, khẩu, ý hành của năm trăm Tỳ-kheo này. Như vậy, bạch Thế Tôn, trong số năm trăm Tỳ-kheo này, có bao nhiêu thầy đã chứng đắc ba minh đạt¹¹? Bao nhiêu thầy đã chứng đắc câu giải thoát¹²? Bao nhiêu thầy đã chứng đắc tuệ giải thoát¹³?”

Thế Tôn nói:

“Này Xá-lợi-phất, trong số năm trăm Tỳ-kheo này, chín mươi Tỳ-kheo đã chứng đắc ba minh đạt; chín mươi Tỳ-kheo đã chứng đắc câu giải thoát; còn các Tỳ-kheo kia đều chứng đắc tuệ giải thoát. Này Xá-lợi-phất, trong chúng này không có nhánh, không có cành lá, cũng không có đốt, mà chỉ có lõi chắc thật, thanh tịnh, đều đã chân chánh trụ vị.”

¹⁰ Chỉ Tôn giả A-nan, bấy giờ chưa chứng đắc lậu tận.

¹¹ Tam minh đạt 三 明 達, tức tam minh. Pl.: *tevijjā*

¹² Câu giải thoát 俱 解 脫, hay Câu phần giải thoát, Pāli: *ubhatobhāgavimutta*, vị A-la-hán có Tuệ giải thoát đồng thời có Diệt tận định. Về Câu giải thoát, Tuệ giải thoát, xem kinh số 127 và 195.

¹³ Tuệ giải thoát, xem cht. trên.

Bấy giờ, Tôn giả Bàng-kỳ-xá¹⁴ cũng hiện có ở trong chúng. Khi ấy Tôn giả Bàng-kỳ-xá liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo, chấp tay hướng về Thế Tôn thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, mong Đức Thế Tôn gia trì cho con thêm uy lực. Mong Đức Thiện Thệ gia trì cho con thêm uy lực để con được ở trước Phật và Chúng Tỳ-kheo, bằng sự tương ưng như nghĩa¹⁵ mà làm bài tụng tán thán. Đức Thế Tôn nói:

“Bàng-kỳ-xá, người cứ tùy ý.”

Khi ấy, Tôn giả Bàng-kỳ-xá ở trước Đức Phật và chúng Tỳ-kheo, bằng sự tương ưng như nghĩa mà tán tụng như vậy:

*Hôm nay ngày Rằm tứ tứ,
Hội tọa Tăng chúng năm trăm;
Đoạn tận buộc ràng kiết sử,
Tiên nhân vô ngại vô sanh.*

*Thanh tịnh ngời quang minh,
Giải thoát tất cả hữu;
Dứt sanh, lão, bệnh, tử;
Lậu diệt, việc làm xong.*

*Diệt hoi và nghi kết,
Mạn, hữu lậu đã trừ,
Nhỏ tuyệt gai ái kết,
Thành Vô thượng Y sư.*

*Đồng mãnh như sư tử,
Khủng bố đã dứt trừ,
Đã vượt sự sanh tử,
Diệt lậu tận, vô dư.*

Ví như Chuyển luân vương,

¹⁴ Bàng-kỳ-xá 傍耆舍, Vangīsa, thuộc một gia đình Bà-la-môn rất thông suốt các tập Vệ-đà, do quán bất tịnh mà đắc quả A-la-hán.

¹⁵ Hán: tương ưng như nghĩa 相應如義. Pāli: *sāruppāhi gāthāhi abhitthavi*, tán thán bằng những bài kệ thích ứng.

*Quần thần vây xung quanh,
Thống lĩnh toàn cõi đất,
Suốt đại dương vô cùng.*

*Đấng Đại Hùng tối thắng,
Bậc Thượng Chủ, Thượng Tôn;
Đệ tử hằng cung kính,
Tam minh, ngoài tử sanh.*

*Tất cả là con Phật;
Cành, lá đã loại bỏ;
Chuyển pháp luân vô thượng;
Kính lạy Đấng Tối Tôn.*

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỷ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.



122. KINH CHIÊM-BA

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại Chiêm-ba, ở bên hồ Hằng-già¹.

Bấy giờ là ngày mười lăm trong tháng, là ngày Thế Tôn thuyết Biệt giải thoát, trải tọa ngồi trước chúng Tỳ-kheo. Khi Đức Thế Tôn ngồi xong, liền nhập định và bằng tha tâm trí Ngài quan sát tâm đại chúng. Khi quan sát tâm đại chúng rồi, cho đến lúc hết buổi đầu hôm, Ngài vẫn ngồi im lặng.²

Bấy giờ có một Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai, sửa y chấp tay hướng về Đức Phật thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, đã hết buổi đầu hôm, Phật và Chúng Tỳ-kheo tập họp [611a] ngồi đây đã lâu, mong Đức Thế Tôn nói thuyết Biệt giải thoát.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn im lặng không trả lời.

Thế rồi, cho đến phần giữa đêm, Đức Thế Tôn vẫn ngồi im lặng. Tỳ-kheo kia lại lần nữa, từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai sửa y, chấp tay hướng về Đức Phật và thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, buổi đầu hôm đã qua, phần giữa đêm cũng sắp hết; Phật và Chúng Tỳ-kheo tập trung ngồi đây đã lâu, kính mong Đức Thế Tôn nói thuyết Biệt giải thoát.”

Đức Thế Tôn lại một lần nữa không trả lời.

Thế rồi, cho đến phần cuối đêm, Đức Thế Tôn vẫn ngồi im lặng. Tỳ-kheo kia lại lần thứ ba từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai sửa y, chấp tay hướng về Đức Thế Tôn mà thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, buổi đầu hôm đã qua, phần giữa đêm cũng chấm dứt, rồi buổi cuối đêm cũng sắp hết, trời gần về sáng, không bao lâu nữa, mặt trời sẽ mọc; Phật và Chúng Tỳ-kheo tập họp ngồi đây đã quá lâu, mong Đức Thế Tôn nói thuyết Biệt giải thoát.”

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo vị Tỳ-kheo kia:

“Trong chúng này có một thầy Tỳ-kheo làm đã việc bất tịnh.”

¹ Xem các cht. liên hệ ở kinh số 37 trên.

² Tham chiếu kinh số 37 trên.

Lúc đó Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cũng đang ở trong chúng. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền suy nghĩ thế này: “Vì Tỳ-kheo nào mà Đức Thế Tôn nói trong chúng này có một thầy Tỳ-kheo đã làm việc bất tịnh? Ta nên nhập định như thế, nhân trong định như thế, bằng tha tâm trí mà quan sát tâm niệm đại chúng.”

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nhập định như thế, nhân trong định như thế, bằng tha tâm trí mà quan sát tâm niệm đại chúng.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền biết vị Tỳ-kheo mà vì vị ấy Đức Thế Tôn nói trong chúng này có một thầy Tỳ-kheo đã làm việc bất tịnh.

Rồi thì, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên xuất định, đi đến trước vị Tỳ-kheo ấy, nắm tay kéo đi, mở cửa lòi ra bên ngoài mà nói:

“Này người ngu si, hãy đi xa đi, đừng sống ở đây, không được trở lại hội họp với đại chúng Tỳ-kheo. Từ nay trở đi ông không phải là Tỳ-kheo nữa.”

Tôn giả đóng cửa, gài chốt then lại, rồi trở về chỗ Đức Phật, cúi đầu sát lay chân Phật, rồi ngồi sang một bên mà thưa:

“Tỳ-kheo mà vì ông ấy Đức Thế Tôn nói trong chúng này có một Tỳ-kheo đã làm việc bất tịnh; con đã đuổi ông ấy đi rồi. Bạch Thế Tôn, buổi đầu hôm đã qua, phần giữa đêm cũng chấm dứt, rồi buổi cuối đêm cũng sắp hết, trời gần về sáng, không bao lâu nữa, mặt trời sẽ mọc; Phật và Chúng Tỳ-kheo tập họp ngồi đây đã quá lâu, mong Đức Thế Tôn nói thuyết Biệt giải thoát.”

Đức Thế Tôn nói:

“Này Đại Mục-kiền-liên, kẻ ngu si sẽ mắc đại tội nếu gây phiền nhiễu cho Đức Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo. Này Đại Mục-kiền-liên, nếu Đức Như Lai ở giữa chúng bất tịnh mà thuyết Biệt giải thoát thì đầu người kia sẽ vỡ thành bảy mảnh. Do đó, [611b] này Đại Mục-kiền-liên, từ nay về sau các thầy hãy thuyết Biệt giải thoát, Đức Như Lai không thuyết Biệt giải thoát nữa. Vì sao như thế?”³

³ Từ đây trở xuống tương đương Pāli A. Viii.10 đã dẫn. Bản Pāli bắt đầu bằng sự kiện hai Tỳ-kheo nói xấu nhau, và khi biết được, Đức Thế Tôn nói như trong bản Hán này.

“Vì như vậy, này Đại Mục-kiền-liên. Hoặc có người ngu si khi vào, lúc ra đều với chánh tri; khi co lúc duỗi, khi cúi lúc ngẩng, đều khéo phân biệt quán sát; nghi dung chững chạc, khoác tăng-già-lê ngay ngắn; cầm y, bát chính tề; đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói năng, im lặng đều biết rõ ràng, tựa như bậc phạm hạnh chân chánh, nhưng hành động của bậc phạm hạnh chân chánh thì kẻ ấy không biết được.

“Này Đại Mục-kiền-liên, nếu các đồng phạm hạnh biết được kẻ ấy, sẽ nghĩ rằng: ‘Đây là sự ô uế đối với Sa-môn, là sự ô nhục đối với Sa-môn, là sự đáng ghét đối với Sa-môn, là gai nhọn đối với Sa-môn’.⁴ Sau khi biết rồi liền cùng nhau tấn xuất người ấy⁵. Vì sao vậy? Vì không muốn các đồng phạm hạnh phải bị nhiễm ô.

“Này Đại Mục-kiền-liên, ví như trong ruộng lúa dẻ, hoặc ruộng lúa tẻ đang tươi tốt của cư sĩ kia có sanh loại cỏ tên là cỏ uế mạch⁶. Cỏ này có rễ, thân, đốt, lá và hoa thảy đều giống hệt như cây lúa tẻ. Nhưng sau khi kết hạt thì người cư sĩ kia thấy được, liền suy nghĩ rằng: ‘Đây là sự ô nhục đối với lúa tẻ, là gai nhọn đáng ghét đối với lúa tẻ’. Sau khi biết rồi, cư sĩ kia liền nhổ quăng đi hết. Vì sao vậy? Vì không muốn giống lúa tẻ đích thật phải bị ô nhiễm.

“Cũng vậy, này Đại Mục-kiền-liên, hoặc có người ngu si khi vào lúc ra đều với chánh tri; khi co lúc duỗi, khi cúi lúc ngẩng đều khéo phân biệt quán sát; nghi dung chững chạc, khoác tăng-già-lê ngay ngắn, cầm y, bát chính tề; đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói năng, im lặng đều biết rõ ràng, tựa như đồng phạm hạnh chân chánh, nhưng hành động của đồng phạm hạnh chân chánh thì kẻ ấy không biết được.

“Này Đại Mục-kiền-liên, nếu các đồng phạm hạnh biết được kẻ ấy, sẽ nghĩ rằng: ‘Đây là sự ô uế đối với Sa-môn, là sự ô nhục đối với Sa-môn, là sự đáng ghét đối với Sa-môn, là gai nhọn đối với Sa-môn’. Sau khi biết rồi liền cùng nhau tấn xuất người ấy. Vì sao vậy? Vì không muốn các

⁴ Pl. (A. iv. 171): *samañadūsī samañapālāpo samañakārañdavo*: sự sỉ nhục của sa-môn, rom rạ của sa-môn, rác bần của sa-môn.

⁵ Tấn khí 擯棄.

⁶ Hán: uế mạch 穢麥. No 64: ác thảo 惡草. Pl.: *yavadūsī yavalāpo yavakārañdavo*: thứ lúa mạch đã hỏng, rom, rác của lúa mạch.

đồng phạm hạnh phải bị nhiễm ô.

“Này Đại Mục-kiền-liên, vì như đến mùa thu, người cư sĩ kia đem giê lúa. Từ trên cao, lúa được đổ từ từ xuống. Nếu là hạt lúa chắc thì nằm lại, còn lúa lép hay trấu thì sẽ theo gió bay đi. Sau đó người cư sĩ kia liền cầm chổi quét dọn sạch sẽ. Vì sao vậy? Vì không muốn hạt lúa dé chắc thật phải bị ô tạp.

“Cũng vậy, này Đại Mục-kiền-liên, hoặc có người ngu si khi vào lúc ra đều với chánh tri; khi co lúc duỗi, khi cúi lúc ngẩng đều khéo phân biệt quán sát; nghi dung chững chạc, khoác tăng-già-lê ngay ngắn, cầm y, bát chỉnh tề; đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói năng, im lặng đều biết rõ ràng, tựa như đồng phạm hạnh chân chánh, nhưng hành động của đồng phạm hạnh chân chánh thì kẻ ấy không biết được.

“Này Đại Mục-kiền-liên, nếu các đồng phạm hạnh biết được kẻ ấy, sẽ nghĩ rằng: ‘Đây là sự ô uế đối với Sa-môn, là sự ô nhục đối với Sa-môn, là **[611c]** sự đáng ghét đối với Sa-môn, là gai nhọn đối với Sa-môn’. Sau khi biết rồi liền cùng nhau tấn xuất người ấy. Vì sao vậy? Vì không muốn các đồng phạm hạnh phải bị nhiễm ô.

“Này Đại Mục-kiền-liên, ví như người cư sĩ kia muốn có nước suối chảy đến nên làm máng dẫn nước. Người ấy cầm búa vào rừng, gõ vào thân các cây. Nếu cây có lõi cứng thì tiếng phát ra nhỏ, còn cây rỗng ruột thì tiếng phát ra lớn. Sau khi biết rõ, người cư sĩ kia liền chặt cây ấy đem về làm máng dẫn nước.

“Cũng vậy, này Đại Mục-kiền-liên, hoặc có người ngu si khi vào lúc ra đều với chánh tri; khi co lúc duỗi, khi cúi lúc ngẩng đều khéo phân biệt quán sát; nghi dung chững chạc, khoác tăng-già-lê ngay ngắn, cầm y, bát chỉnh tề; đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói năng, im lặng đều biết rõ ràng, tựa như đồng phạm hạnh chân chánh, nhưng hành động của đồng phạm hạnh chân chánh thì kẻ ấy không biết được.

“Này Đại Mục-kiền-liên, nếu các đồng phạm hạnh biết được kẻ ấy, sẽ nghĩ rằng: ‘Đây là sự ô uế đối với Sa-môn, là sự ô nhục đối với Sa-môn, là sự đáng ghét đối với Sa-môn, là gai nhọn đối với Sa-môn’. Sau khi biết rồi liền cùng nhau tấn xuất người ấy. Vì sao vậy? Vì không muốn các đồng phạm hạnh phải bị nhiễm ô.”

Khi ấy, Đức Thế Tôn liền nói bài tụng rằng:

*Cùng tập hội, nên biết,
Ác dục, tăng, tật, nhuế⁷
Che giấu, hận, keo kiệt⁸,
Tật đó, siểm, khi cuống.*

*Trong chúng, giả đạo đức;
Lén lút xưng Sa-môn,
Âm thầm làm việc ác;
Ác kiến, không thủ hộ;
Lừa dối, và nói láo:
Nên biết, người như vậy,
Tập chúng đừng cho vào;
Tẩn xuất, không sống chung.*

*Chúng dối trá, láo khoét;
Chưa ngộ nói đã ngộ.
Biết thời, tu tịnh hạnh,
Đuối chúng, tránh xa chúng.*

*Hãy cùng người thanh tịnh,
Sống hòa hợp với nhau;
Như vậy sẽ an ổn,
Và đoạn tận khổ biên.*

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



⁷ *Tăng, tật, nhuế* 憎嫉恚, ghét, ganh tị, thù nghịch.

⁸ *Bất ngữ kết* 不語結. Pāli: *makkhā*, che giấu tội lỗi.

123. KINH SA-MÔN NHỊ THẬP ỨC

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tôn giả Sa-môn Nhị Thập ỨC¹ cũng trú tại nước Xá-vệ, [612a] trong rừng Âm lâm²; đầu đêm, giữa đêm và cuối đêm đều học tập không ngủ, tinh cần chánh trụ, tu tập đạo phẩm. Khi ấy Tôn giả Sa-môn Nhị Thập ỨC sống một mình nơi yên tĩnh, thiền tọa tư duy, tâm khởi lên ý nghĩ: “Nếu có đệ tử nào của Đức Thế Tôn tinh cần học tập pháp luật chân chánh thì ta là người bậc nhất, thế mà tâm vẫn chưa giải thoát được các lậu. Nhà cha mẹ ta cực kỳ phú quý, có nhiều tiền của, nay ta có nên xả giới, bỏ đạo hạnh, chuyên việc bố thí, tu tập các phước nghiệp chăng?”

Bấy giờ Đức Thế Tôn bằng tha tâm trí biết rõ tâm niệm của Tôn giả Sa-môn Nhị Thập ỨC, liền bảo một Tỳ-kheo:

“Ngươi hãy đi đến chỗ kia, gọi Sa-môn Nhị Thập ỨC về đây.”

Tỳ-kheo ấy bạch:

“Kính vâng.”

Rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đánh lễ chân Phật, nhiễu quanh ba vòng, bước ra, đi đến chỗ Tôn giả Sa-môn Nhị Thập ỨC nói:

“Đức Thế Tôn cho gọi thầy.”

Tôn giả Sa-môn Nhị Thập ỨC nghe Tỳ-kheo ấy nói, liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ chân Phật rồi ngồi một bên. Đức Thế Tôn nói:

“Sa-môn, phải chăng vừa rồi ngươi sống một mình nơi yên tĩnh, thiền tọa tư duy, tâm khởi lên ý nghĩ: ‘Nếu có đệ tử nào của Đức Thế Tôn tinh cần học tập pháp luật chân chánh thì ta là người bậc nhất, thế mà tâm vẫn

¹ Sa-môn Nhị Thập ỨC 沙門二十億. Pāli: Soṇa (Koḷivāsa). *Ngũ Phần* 21 (145a16): Thủ-lâu-na Nhị Thập ỨC 首樓那二十億. Tứ phần 38 (tr. 843b12): Thủ-lung-na 守籠那.. No.99 (254) và No125 (23.3): Nhị Thập ỨC Nhĩ, do Soṇa được đọc là Sota (lỗi tai); và Koḷi được đọc là koṭi (một ỨC).

² Âm lâm 閻林. Pl.: Andhavana, khu rừng ở phía Nam Sāvatti. Pl. A. 6. 55: Tôn giả đang ở tại Sītavana (Thi-đà lâm, hàn lâm), một bãi tha ma ngoài thành Rājagaha.

chưa giải thoát được các lậu. Nhà cha mẹ ta cực kỳ phú quý, có nhiều tiền của, nay ta có nên xả giới, bỏ đạo hạnh, chuyên việc bố thí, tu tập các phước nghiệp chăng?”

Khi ấy Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Úc thẹn thùng xấu hổ, không thể không hoang mang, nghĩ thầm, “Thế Tôn đã biết rõ tâm niệm của ta”, liền chấp tay hướng về Đức Phật mà bạch rằng:

“Quả thật vậy.”

Đức Thế Tôn nói:

“Sa-môn, nay Ta hỏi ngươi; hãy tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Ý ngươi nghĩ sao, khi ngươi sống tại gia, giới đánh đàn cầm nên tiếng đàn hòa điệu với lời ca, lời ca ăn khớp với tiếng đàn; có phải vậy chăng?”

Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Úc thưa:

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Thế Tôn lại hỏi:

“Ý ngươi nghĩ sao, nếu dây đàn căng quá thì tiếng hòa âm có đáng ưa không?”

Sa-môn Nhị Thập Úc đáp:

“Bạch Thế Tôn, không!”

Đức Thế Tôn lại hỏi:

“Ý ngươi nghĩ sao, nếu dây đàn chùng quá thì tiếng hòa âm có đáng ưa chăng?”

Sa-môn Nhị Thập Úc đáp:

“Bạch Thế Tôn, không.”

Đức Thế Tôn lại hỏi:

“Ý ngươi nghĩ sao, nếu dây đàn vừa phải, không căng quá, cũng không chùng quá, thì tiếng đàn có đáng ưa không?”

Sa-môn Nhị Thập Úc đáp:

“Bạch Thế Tôn, đáng ưa.”

Đức Thế Tôn nói:

“Cũng vậy, này Sa-môn, quá sức tinh tấn sẽ khiến tâm rối loạn, nhưng chẳng tinh tấn thì tâm sẽ biếng lười. Vì vậy, [612b] ngươi hãy phân biệt

thời gian nào nên quán sát tướng nào, chớ nên buông lung.”

Bấy giờ Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Úc sau khi nghe Đức Phật dạy, khéo thọ lãnh, khéo ghi nhớ, từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đánh lễ chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra. Lãnh thọ ví dụ đàn cầm do Đức Phật dạy rồi, Tôn giả sống một mình ở nơi xa vắng, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn. Tôn giả ấy sau khi sống một mình ở nơi xa vắng, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn, liền đạt được mục đích mà một thiện nam tử cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo, duy chỉ mong thành tựu phạm hạnh vô thượng, ngay trong đời này tự tri, tự giác, tự thân chứng ngộ, thành tựu và an trụ, biết một cách như thật rằng: ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’. Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Úc đã biết pháp rồi, v.v..., cho đến, chứng quả A-la-hán.

Lúc bấy giờ, sau khi đã chứng quả A-la-hán, Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Úc nghĩ rằng: “Nay đã đến thời, ta có nên đi đến chỗ Đức Thế Tôn trình bày về sự chứng đắc cứu cánh trí của mình chăng?” Rồi thì Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Úc đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ rồi ngồi xuống một bên mà bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, nếu có Tỳ-kheo chứng đắc Vô sở trước³, dứt trừ các lậu, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, đã đặt gánh nặng xuống, hữu kết đã giải trừ⁴, tự thân đạt được thiện nghĩa⁵, bằng chánh trí mà chứng đắc giải thoát, thì tức khắc vị ấy liền được an lạc trong sáu xứ⁶: an lạc nơi vô dục, an lạc nơi viễn ly, an lạc nơi vô tránh, an lạc nơi ái tận, an lạc nơi thủ tận, và an lạc nơi tâm không di động⁷.

³ Hán: *Tỳ-kheo đắc Vô sở trước* 比丘得無所著; Pāli: bhikkhu araham, vị Tỳ-kheo là A-la-hán.

⁴ Hán: *hữu kết đã giải* 有結已解; Pāli: *parikkhīṇabhavasamyojano* (*tận chư hữu kết*), đã diệt tận hoàn toàn các phiền não trói buộc dẫn tới tái sinh.

⁵ Hán: *tự đắc thiện nghĩa* 自得善義, tự mình đã đạt mục đích; Pī: *anuppattasadattho* (*đãi đắc kỹ lợi*), đã đạt đến mục đích tối cao, chí thiện.

⁶ Hán: *lạc thủ lục xứ* 樂此六處. Pāli: cha thānāni adhimutto, quyết định trong sáu trường hợp.

⁷ Vô dục 無欲, viễn ly 遠離, vô tránh 無諍, ái tận 愛盡, thọ (=thủ) tận 受盡, tâm bất di động 心不移動. Pāli: *nekkhama*, *paviveka*, *abyāpajjh*, *taṇhākkhayā*,

“Bạch Thế Tôn, hoặc có người nghĩ rằng: ‘Hiền giả này do y tín tâm nên an lạc nơi vô dục’. Người ấy không nên quán như vậy. Chỉ khi nào dứt trừ được tham dục, sân nhuế và ngu si thì mới an lạc nơi vô dục.

“Bạch Thế Tôn, hoặc có người nghĩ rằng: ‘Hiền giả này vì thích được khen ngợi, muốn được cúng dường, cho nên an lạc nơi viễn ly’. Người ấy không nên quán như vậy. Chỉ khi nào dứt trừ được tham dục, sân nhuế và ngu si thì mới an lạc nơi viễn ly.

“Bạch Thế Tôn, hoặc có người nghĩ rằng: ‘Hiền giả này do y trên giới nên an lạc nơi vô tránh’. Người ấy không nên quán như vậy. Chỉ khi nào dứt trừ được tham dục, sân nhuế và ngu si thì mới an lạc nơi vô tránh, an lạc nơi ái tận, an lạc nơi thủ tận, và an lạc nơi tâm không di động.

“Bạch Thế Tôn, nếu có Tỳ-kheo chứng đắc Vô sở trước, dứt trừ các lậu, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, đã đặt gánh nặng xuống, hữu kết đã giải trừ, tự thân đạt được thiện nghĩa, bằng chánh trí mà chứng đắc giải thoát, thì tức khắc vị ấy liền an lạc nơi sáu xứ này.

“Bạch Thế Tôn, [612c] nếu có Tỳ-kheo tu học tuy chưa đắc ý, mà mong cầu quả vị Niết-bàn an ổn vô thượng, vị ấy lúc bấy giờ chỉ mới thành tựu học căn và học giới, nhưng sau đó sẽ dứt trừ các lậu, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời hiện tại này tự tri, tự giác, tự thân chứng ngộ, thành tựu và an trụ, biết một cách như thật rằng: ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’. Vị ấy lúc bấy giờ đã thành tựu vô học căn và vô học giới.

“Bạch Thế Tôn, ví như một đồng tử thơ ấu, lúc bấy giờ chỉ mới thành tựu tiểu căn và tiểu giới, nhưng sau đó được đầy đủ học căn. Như vậy là đồng tử đó lúc bấy giờ đã thành tựu học căn và học giới. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, nếu có Tỳ-kheo tu học tuy chưa đắc ý nhưng mong cầu quả vị Niết-bàn an ổn vô thượng, vị ấy lúc bấy giờ chỉ mới thành tựu học căn và học giới, nhưng sau đó sẽ dứt trừ các lậu, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự tri, tự giác, tự thân chứng ngộ, thành tựu và an trụ, biết một cách như thật rằng: ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’. Vị ấy lúc bấy giờ đã thành tựu vô học căn và vô học giới.

“Vị ấy nếu có sắc được nhận thức bởi mắt, khi sắc đó đến với mắt thì cũng không vì vậy mà khiến tâm giải thoát, tuệ giải thoát này phải bị vong thất, nội tâm được an trụ, khéo chế phục, thủ hộ, ghi nhớ và quán pháp hưng suy. Khi có tiếng được nhận thức bởi tai, hương được nhận thức bởi mũi, vị được nhận thức bởi lưỡi, xúc được nhận thức bởi thân, pháp được nhận thức bởi ý, khi pháp đến với ý thì cũng không vì vậy mà khiến tâm giải thoát, tuệ giải thoát này phải bị vong thất, nội tâm được an trụ, khéo chế phục, thủ hộ, ghi nhớ và quán pháp hưng suy.

“Bạch Thế Tôn, ví như cách thôn không xa, có tòa núi đá lớn, không vỡ, không sứt mẻ, không yếu dòn, vững chắc, không trống hờ, là một khối hợp nhất. Nếu có gió, mưa lớn từ phương Đông đến thì cũng không thể lay chuyển, không thể di động; cũng không phải gió phương Đông dờn đến phương Nam. Nếu có gió, mưa lớn từ phương Nam đến thì cũng không thể lay chuyển, không thể di động; cũng không phải gió phương Nam dờn đến phương Tây. Nếu có gió, mưa lớn từ phương Tây đến thì cũng không thể lay chuyển, không thể di động; cũng không phải gió phương Tây dờn đến phương Nam. Nếu có gió, mưa lớn từ phương Bắc đến thì cũng không thể lay chuyển, không thể di động; cũng không phải gió phương Bắc dờn đến các phương.

“Cũng vậy, bạch Thế Tôn, vị ấy khi có sắc được nhận thức bởi mắt, khi sắc đó đến với mắt thì cũng không vì vậy mà khiến tâm giải thoát, tuệ giải thoát này sẽ bị vong thất, nội tâm được an trụ, khéo chế phục, [613a] thủ hộ, ghi nhớ và quán pháp hưng suy. Khi có tiếng được nhận thức bởi tai, hương được nhận thức bởi mũi, vị được nhận thức bởi lưỡi, xúc được nhận thức bởi thân, pháp được nhận thức bởi ý. Khi pháp đó đến với ý thì cũng không vì vậy mà khiến tâm giải thoát, tuệ giải thoát này sẽ bị vong thất, nội tâm được an trú, khéo chế phục, thủ hộ, ghi nhớ và quán pháp hưng suy.”

Khi ấy, Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Úc liền nói bài tụng:

*Vui nơi vô dục⁸,
Thì tâm viễn ly;
Hoan hỷ vô tránh⁹,*

⁸ Pāli: nekkhamma, xuất ly, xuất gia.

Hân hoan thủ tận.

*Vui nơi thủ tận,
Tâm không di động,
Biết đúng như thật,
Tâm được giải thoát.*

*Tâm đã giải thoát,
Căn trần tĩnh chỉ¹⁰,
Việc làm đã xong¹¹,
Không phải làm nữa.*

*Vì như núi đá,
Gió không lay nổi.
Sắc, thanh, hương, vị,
Thân, xúc cũng vậy;
Pháp ái, bất ái¹²,
Không làm động tâm.*

Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Ưc sau khi đối trước Đức Phật trình bày về sự chứng đắc cứu cánh trí, từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đánh lễ chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra.

Bấy giờ, sau khi Tôn giả Nhị Thập Ưc đi ra không bao lâu, Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo rằng:

“Này các thiện nam tử, hãy nên đến trước Ta để trình bày về sự chứng đắc cứu cánh trí như vậy. Hãy như Sa-môn Nhị Thập Ưc, đi đến trước Ta trình bày về sự chứng đắc cứu cánh trí mà không khen mình, không khinh người, nói điều nghĩa lợi, hiển hiện pháp tùy theo các trường hợp; chớ nên như kẻ ngu si bị tăng thượng mạn trói buộc, đến trước mặt Ta trình bày về sự chứng đắc cứu cánh trí. Kẻ ấy không đạt được nghĩa lợi, chỉ toàn là sự phiền nhọc. Sa-môn Nhị Thập Ưc đi đến trước Ta trình bày

⁹ Pāli: *avyāpajjha*, không nào hại, không thù nghịch.

¹⁰ Hán: *tức căn* 息根. Pāli: *santacitta*, tâm tịch tịnh.

¹¹ Hán: *tác dĩ bất quán* 作已不觀. Pāli: *katassa paṭicayo n'atthi*, không có sự làm thêm đối với điều đã làm.

¹² Pāli: *iṭṭhā dhammā aniṭṭhā ca*, các pháp khả ái và không khả ái.

về sự chứng đắc cứu cánh trí mà không khen mình, không khinh người, nói điều nghĩa lợi, hiển hiện pháp tùy theo các trường hợp.”

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành. □

124. KINH BÁT NẠN

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

[613b] Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Người tu phạm hạnh có tám nạn¹³, tám phi thời¹⁴. Những gì là tám?

“Vào lúc Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, xuất hiện ở thế gian, thuyết pháp đưa đến tịch tịnh, đưa đến tịch diệt, đưa đến giác đạo, những điều Thiện Thệ dạy, thì người ấy lúc bấy giờ đang sanh vào chốn địa ngục. Đó là nạn thứ nhất đối với người tu phạm hạnh.

“Lại nữa, vào lúc Như Lai Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, xuất hiện ở thế gian, thuyết pháp đưa đến tịch tịnh, đưa đến tịch diệt, đưa đến giác đạo, những điều Thiện Thệ dạy, thì người ấy lúc bấy giờ đang sanh vào loài súc sanh, vào loài ngựa quý, sanh vào cõi trời Trường thọ¹⁵, sanh ở xứ biên địa mọi rợ, không tín, vô ân, không biết báo đáp, không có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Đó là nạn thứ năm¹⁶ đối

¹³ Bát nạn 八難. Pāli: *atth' akkhaṇā*, tám trường hợp không may mắn, không gặp vận, bất hạnh.

¹⁴ Phi thời 非時. Pāli: *asamaya*, không đúng lúc, trái thời.

¹⁵ Trường thọ thiên 長壽天. Pāli: *dīghāyukam devanikāyam*. Sớ giải: *asaññam devanikāyam sandhāya vuttam*, chỉ trời Vô tướng.

¹⁶ Trong này kể gồm luôn cả súc sanh (*tiracchānayoṇim*), ngựa quý (*pettvisayam*), Trường thọ thiên (*dīghāyukam devanikāyam*), và biên địa (*paccantimesu janapadesu*).

với người tu phạm hạnh.

“Lại nữa, vào lúc Như Lai Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở thế gian, thuyết pháp đưa đến tịch tịnh, đưa đến tịch diệt, đưa đến giác đạo, những điều Thiện Thệ dạy, thì bấy giờ người ấy tuy sanh nhằm chốn văn minh¹⁷ nhưng lại điếc, câm, ú ớ như dê kêu¹⁸, dùng tay thay lời, không thể nói nghĩa thiện ác. Đó là nạn thứ sáu, việc phi thời thứ sáu đối với người tu phạm hạnh.

“Lại nữa, vào lúc Như Lai Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở thế gian, thuyết pháp đưa đến tịch tịnh, đưa đến tịch diệt, đưa đến giác đạo, những điều Thiện Thệ dạy thì bấy giờ người ấy tuy sanh nhằm chốn văn minh, không điếc, không câm, không ú ớ như dê kêu, không dùng tay thay lời, có thể nói nghĩa thiện ác, nhưng lại có tà kiến và điên đảo kiến. Người ấy thấy như vậy và nói như vậy, ‘Không bố thí, không trai tỵ, không chú thuyết, không có nghiệp thiện ác, không có nghiệp báo của thiện ác, không có đời này đời khác, không cha không mẹ, ở đời không có bậc chân nhân đi đến thiện xứ, khéo đi, khéo hướng, tỵ tri, tỵ giác, tỵ tác chứng thế giới này và thế giới khác, thành tựu an trụ’. Đó là nạn thứ bảy đối với người tu phạm hạnh.

“Lại nữa, vào lúc Như Lai, [613c] Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn không xuất hiện ở thế gian, cũng không thuyết pháp đưa đến tịch tịnh, đưa đến tịch diệt, đưa đến giác đạo, những điều Thiện Thệ dạy thì bấy giờ người ấy lại sanh nhằm chốn văn minh, không điếc, không câm, không ú ớ như dê kêu, không dùng tay thay lời, lại có thể nói nghĩa thiện ác và có chánh kiến, không có điên đảo kiến. Người ấy thấy như vậy và nói như vậy, ‘Có bố thí, có trai tỵ, cũng có chú thuyết, có nghiệp thiện ác, có nghiệp báo của thiện ác, có đời này, có đời khác, có cha, có mẹ, ở đời có bậc chân nhân, đi đến thiện xứ, khéo đi, khéo hướng, tỵ tri, tỵ giác, tỵ tác chứng thế giới này và thế giới khác,

¹⁷ Hán: trung quốc 中國. Pāli: *majjhimesu janapadesu*, chỉ những nước ở trung bộ Ấn-độ.

¹⁸ Như dương minh 如羊鳴. Pāli: *eḷamūga*, vừa điếc vừa câm.

thành tựu an trụ'. Đó là nạn thứ tám, việc phi thời thứ tám đối với người tu phạm hạnh.

“Người tu phạm hạnh có một điều không nạn, một việc đúng thời. Thế nào là một điều không nạn, một việc đúng thời đối với người tu phạm hạnh? Lúc Như Lai Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn không xuất hiện ở thế gian, cũng không thuyết pháp đưa đến tịch tịnh, đưa đến tịch diệt, đưa đến giác đạo, những điều Thiện Thệ dạy, thì bấy giờ người ấy sanh nhằm chốn văn minh, không điếc, không câm, không ú ớ như dê kêu, không dùng tay thay lời, lại có thể nói nghĩa thiện ác, có chánh kiến, không có điên đảo kiến. Người ấy thấy như vậy và nói như vậy, ‘Có bố thí, có trai tự, cũng có chú thuyết, có nghiệp thiện ác, có nghiệp báo của thiện ác, có đời này, có đời khác, có cha, có mẹ, ở đời có bậc chân nhân, đi đến thiện xứ, khéo đi, khéo hướng, tự tri, tự giác, tự tác chứng thế giới này và thế giới khác, thành tựu an trụ’. Đó là điều không tai nạn, việc đúng thời đối với người tu phạm hạnh.”

Khi ấy Đức Thế Tôn nói bài tụng rằng:

*Nếu được làm thân người,
Pháp được thuyết vi diệu,
Mà không chứng đạo quả,
Tất không phải gặp thời.*

*Nói nhiều nạn phạm hạnh;
Người ở vào đời sau,
Nếu như gặp phải thời,
Điều quá khó ở đời.*

*Muốn được lại thân người,
Và nghe pháp vi diệu;
Cần phải siêng năng học;
Mình tự thương mình thôi.*

*Luận bàn, nghe pháp lành;
Chớ chần chừ lỡ dịp.*

[614a] *Nếu để mất dịp này,*

*Tất lo đọa địa ngục.
Nếu không sanh gặp thời,
Không được nghe pháp lành;
Như người buôn mất cửa;
Chịu sanh tử không cùng.
Nếu sanh được thân người,
Được nghe pháp chánh thiện,
Vâng theo Thế Tôn dạy,
Chắc chắn sẽ gặp thời.
Nếu đã gặp thời rồi,
Siêng tu chánh pháp hạnh,
Để tựu thành pháp nhãn,
Đáng Nhật Thân đã nói.¹⁹
Người ấy thường tự giữ
Tiến lên, là các sử,
Đoạn diệt mọi kết sử,
Hàng ma, quyền thuộc ma;
Người ấy vượt thế gian,
Đã diệt tận các lậu.*

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



¹⁹ Nhật thân 日親, bà con của mặt trời, chỉ dòng họ Thích. Pl.: *diccabandhu*.

125. KINH BÀN CÙNG

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ồ đời, người có tham dục mà lại bàn cùng, phải chăng là sự bất hạnh lớn?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu một người có tham dục, lại bàn cùng, lại mang nợ tài vật của người khác.Ồ đời, người mang nợ tài vật của người khác, phải chăng là đại bất hạnh?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Đức Thế Tôn lại bảo các thầy Tỳ-kheo:

“Nếu một người có tham dục, mang nợ tài vật của người khác mà không trả đúng hạn được, cứ hẹn rày, hẹn mai.Ồ đời, cứ khát nợ mãi, phải chăng là đại bất hạnh?”

Các thầy Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu một người có tham dục, cứ khát nợ mãi không trả được, chủ nợ đến đòi,Ồ đời bị chủ nợ đòi, phải chăng là đại bất hạnh?”

Các thầy Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Đức Thế Tôn lại bảo các thầy Tỳ-kheo:

“Nếu chủ nợ đến đòi, mà người có tham dục kia không thể trả được, chủ nợ cứ đến đòi mãi.Ồ đời bị chủ nợ đòi mãi, phải chăng là đại bất hạnh?”

Các thầy Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Đức Thế Tôn lại bảo các thầy Tỳ-kheo:

“Nếu chủ nợ cứ đòi mãi, nhưng kẻ tham dục kia vẫn không thể trả được, liền bị [614b] chủ nợ bắt trời lại. Ở đời bị chủ nợ bắt trời lại, phải chăng là đại bất hạnh?”

Các thầy Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

“Đó là, ở đời, người có tham dục lại bản cùng là đại bất hạnh. Ở đời, người có tham dục vay nợ tài vật của người khác là đại bất hạnh. Ở đời, người có tham dục vay nợ tài vật của người khác mà khát mãi là đại bất hạnh. Ở đời, người có tham dục bị chủ nợ đòi nợ là đại bất hạnh. Ở đời, người có tham dục bị chủ nợ đòi mãi là đại bất hạnh. Ở đời, người có tham dục bị chủ nợ bắt trời là đại bất hạnh. Cũng vậy, nếu ai đối với Thánh pháp mà không tin ở thiện pháp, không giữ cấm giới, không nghe nhiều, không bố thí, không trí tuệ; đối với thiện pháp, dù có nhiều kim ngân, lưu ly, thủy tinh, ma ni, bạch kha, loa bích, san hô, hổ phách, mã não, đại môi xa cừ, bích ngọc, xích thạch, tuyền châu, nhưng người ấy vẫn là kẻ nghèo nàn cô thế. Như vậy, trong Thánh pháp của Ta, gọi đó là sự bản cùng, bất thiện.

“Kẻ ấy thân làm việc ác, miệng nói ác và ý nghĩ ác, như thế trong Thánh pháp của Ta gọi là sự vay nợ bất thiện.

“Kẻ ấy muốn che giấu việc làm ác của thân, không tự tỏ bày, không muốn nói ra, không thích bị quở trách, không ưa theo điều phải. Muốn che giấu lời nói ác, ý nghĩ ác, không tự tỏ bày, không muốn nói ra, không thích bị khiển trách, không ưa theo điều phải, như thế trong Thánh pháp của Ta gọi là sự khát nợ bất thiện.

“Kẻ ấy hoặc sống trong thôn ấp hay ở ngoài thôn ấp, các đồng phạm hạnh thấy được bèn nói như thế này: ‘Này Chư Hiền, người này làm như thế, hành vi như thế, ác như thế, bất tịnh như thế. Đó là cái gai của thôn ấp’. Kẻ ấy liền bào chữa, ‘Này Chư Hiền, tôi không làm như vậy, không có hành vi như vậy, không ác như vậy, không bất tịnh như vậy, cũng không phải là cái gai của thôn ấp’. Như thế, trong Thánh pháp của Ta gọi là sự đòi nợ bất thiện.

“Kẻ ấy hoặc ở rừng vắng, hoặc ở núi non, dưới gốc cây, hoặc ở chỗ vắng vẻ, nhưng vẫn niệm tưởng ba việc bất thiện: dục, nhuế, hại. Như thế

trong Thánh pháp của Ta gọi là sự không nợ đòi nợ bất thiện.

“Kẻ ấy thân đã làm việc ác, miệng đã nói lời ác và ý đã nghĩ điều ác. Do đó, kẻ ấy khi thân hoại mạng chung nhất định sanh vào chỗ ác, sanh trong địa ngục. Như thế, trong Thánh pháp của Ta gọi là sự trói buộc của bất thiện.

“Ta không thấy có sự trói buộc nào đau khổ bằng, nặng nề bằng, tàn khốc bằng, khó yêu nổi bằng sự trói buộc trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Ba sự trói buộc đau khổ này chỉ có bậc [614c] Tỳ-kheo A-la-hán lậu tận mới biến tri và diệt tận, nhỏ phăng cội rễ, vĩnh viễn không còn tái sanh.”

Rồi Đức Thế Tôn nói tụng rằng:

*Kẻ nghèo khổ ở đời
Vay nợ của người khác;
Đã vay tiền của rồi,
Mắc nợ người là khổ.*

*Chủ nợ đến đòi nợ,
Nhân đấy bắt trói lại;
Bị trói thật khổ thay,
Thế gian vẫn lạc dục.*

*Trong Thánh pháp cũng vậy;
Nếu không có chánh tín,
Không từ và không quý,
Làm ác, không thiện hành.*

*Thân làm điều bất thiện,
Miệng ý chẳng kém gì,
Che giấu không nói ra,
Không ưa lời dạy phải,*

*Giả sử có tu hành,
Tâm niệm cho là khổ,
Hoặc thôn hay chổ vắng,
Nhân đó sanh hối hận.*

*Các việc thân, miệng gây,
Và những điều ý nghĩ,*

Ác nghiệp cứ tăng dần,
Quen làm lại làm nữa,

Tạo ác mãi không thôi.
Làm nhiều bất thiện rồi,
Thọ sanh đã đến lúc,
Tất bị trói đũa ngục.

Buộc ràng quá khổ này,
Bậc Đại Hùng đã thoát.
Đúng pháp thu tiền tài,
Không nợ nần, an ổn.

Bố thí được hoan hỷ
Cả hai¹ đều có lợi;
Các Cư sĩ theo đây,
Do trí, phước tăng mãi.

Trong Thánh pháp cũng vậy,
Nếu có thành tín vững,
Đầy đủ đức tám quý,
Rộng rãi không keo kiệt,

Dứt lìa năm triền cái,
Thường ưa hành tinh tấn,
Thành tựu các thiền định,
Chuyên nhất, tâm tĩnh lạc².

Niềm vui phi vật chất³,
Cũng như nước tắm trong;
Bất động tâm giải thoát⁴,

¹ An lạc trong đời này (*ditṭhadhamomahitatthāya*) và trong đời sau (*samparāyasukhāya*).

² Mãn cụ thường khí lạc 滿具常棄樂. Pāli: *ekodi nipako sato*, chuyên nhất, cần thận, có chánh niệm.

³ Vô thực lạc 無食樂. Pāli: *nirāmisam sukham*, sự an lạc không do vật chất.

⁴ Bất động tâm giải thoát 不動心解脫. Pāli: *akuppā me vimuttī*.

Trừ sạch các hữu kết.

Không bệnh là Niết-bàn;

Đó là đèn vô thượng,

Vô ưu, vô nhiễm lạc⁵,

Gọi là không di động.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.⁶



⁵ Vô trần an 無塵安. Pāli: *virajam khema*, sự an ổn không dính bụi.

⁶ Bản Hán, hết quyển 29.

126. KINH HÀNH DỤC

[615a9] Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Cư sĩ Cấp Cô Độc đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Ngài rồi ngồi xuống một bên, thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, ở đời có bao nhiêu hạng người hành dục¹?”

Đức Thế Tôn dạy:

“Này Cư sĩ, ở đời gồm có mười hạng người hành dục. Những gì là mười?”

“Cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách phi pháp vô đạo. Sau khi tìm cầu của cải một cách phi pháp vô đạo, kẻ ấy không tự nuôi thân đầy đủ; cũng không nuôi cha mẹ, vợ con, tôi tớ, người giúp việc, cũng không cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn để được lên cảnh giới an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời sống lâu. Đó là một hạng người hành dục.

“Lại nữa, này Cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách phi pháp vô đạo. Sau khi tìm cầu của cải một cách phi pháp vô đạo, kẻ ấy có thể tự nuôi thân đầy đủ, cùng nuôi cha mẹ, vợ con, tôi tớ, người giúp việc, nhưng không cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn để được lên cảnh giới an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu. Đó là một hạng người hành dục.

“Lại nữa, Cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách phi pháp vô đạo. Sau khi tìm cầu của cải một cách phi pháp vô đạo, kẻ ấy có thể tự nuôi thân đầy đủ, nuôi cha mẹ, vợ con, tôi tớ, người giúp việc, cũng cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn để được lên cảnh giới an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu. Đó là một hạng người hành dục.

“Lại nữa, Cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp. Sau khi tìm cầu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp, kẻ ấy không tự nuôi thân đầy đủ, cũng không nuôi cha mẹ, vợ con, tôi tớ, người giúp việc, cũng không cúng dường Sa-môn, Bà-la-

¹ Hành dục (nhân) 行欲人. Pāli: *kāma bhogī*, người hưởng thụ dục lạc.

môn ðể ðược lên cảnh giới an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu. Đó là một hạng người hành dục.

[615b] “Lại nữa, Cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp. Sau khi tìm cầu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp, kẻ ấy có thể tự nuôi thân đầy đủ, cùng nuôi cha mẹ, vợ con, tôi tớ, người giúp việc, nhưng không cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn ðể ðược lên cõi an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu. Đó là một hạng người hành dục.

“Lại nữa, Cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ. Sau khi tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ, kẻ ấy không tự nuôi thân đầy đủ, cũng không nuôi cha mẹ, vợ con, tôi tớ, người giúp việc, cũng không cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn ðể ðược lên cõi an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu. Đó là một hạng người hành dục.

“Lại nữa, Cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ. Sau khi tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ, kẻ ấy có thể tự nuôi thân đầy đủ, cùng nuôi cha mẹ, vợ con, tôi tớ, người giúp việc, nhưng không cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn ðể ðược lên cõi an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu. Đó là một hạng người hành dục.

“Lại nữa, Cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ. Sau khi tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ, kẻ ấy có thể tự nuôi thân đầy đủ, cùng nuôi cha mẹ, vợ con, tôi tớ, người giúp việc, cũng cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn ðể ðược lên cõi an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu. Nhưng khi có của cải rồi lại bị đắ m nhiễm, hệ lụy. Khi ðã bị hệ lụy, đắ m nhiễm, không thấy ðược tai hoạn, không biết ðến sự xuất yếu mà tiêu dùng. Đó là một hạng người hành dục.

“Lại nữa, Cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ. Sau khi tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ, kẻ ấy có thể tự nuôi thân đầy đủ, cùng nuôi cha mẹ, vợ con, tôi tớ, người giúp việc, cũng cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn ðể ðược lên cõi an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu. Khi có của cải rồi, không đắ m nhiễm, không hệ lụy. ðã không hệ lụy, không đắ m nhiễm, thấy ðược tai

hoạn, biết được sự xuất yếu mà tiêu dùng. Đó là một hạng người hành dục.

“Này Cư sĩ, có người hành dục tìm cầu của cải một cách phi pháp vô đạo. [615c] Sau khi tìm cầu của cải một cách phi pháp vô đạo, kẻ ấy không tự nuôi thân đầy đủ, cùng nuôi cha mẹ, vợ con, tôi tớ, người giúp việc, cũng không cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn để được lên cõi an vui, hưởng thọ lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu; kẻ hành dục này so với các người hành dục khác là thấp hèn nhất.

“Này Cư sĩ, có người hành dục tìm cầu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp. Sau khi tìm cầu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp, kẻ ấy tự nuôi thân đầy đủ cùng nuôi cha mẹ, vợ con, tôi tớ, người giúp việc, cũng cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn để được lên cõi an vui, hưởng thọ lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu; kẻ hành dục này so với các người hành dục khác là tối thượng.

“Này Cư sĩ, có người hành dục tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ. Sau khi tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ, kẻ ấy không tự nuôi thân đầy đủ cùng nuôi cha mẹ, vợ con, tôi tớ, người giúp việc, cũng cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn để được lên cõi an vui, hưởng thọ lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu. Khi có của cải rồi, không đắm nhiễm, không hệ lụy. Đã không hệ lụy, không đắm nhiễm, thấy được tai nạn, biết sự xuất yếu khi tiêu dùng, thì kẻ hành dục này so với các người hành dục khác là tối đệ nhất, tối đại, tối thượng, tối thắng, tối tôn, tối diệu.

“Cũng như con bò có sữa, do sữa có lạc, do lạc có sanh tô, do sanh tô có thực tô, do thực tô có tô tinh. Tô tinh là tối đệ nhất, tối đại, tối thượng, tối thắng, tối tôn, tối diệu. Này Cư sĩ, cũng như vậy, so với các người hành dục khác, kẻ hành dục này là tối đệ nhất, tối đại, tối thượng, tối thắng, tối tôn, tối diệu.”

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói tụng rằng²:

*Hoặc phi pháp kiếm của;
Vừa pháp vừa phi pháp;
Không cúng, không tự dùng,
Không bố thí, tạo phước;*

² Bản Pāli không có kệ tụng.

*Cả hai đều mang họa,
Kẻ hành dục thấp nhất.*

*Nếu kiếm của hợp pháp,
Đã lo được tự thân,
Cung cấp và tự dùng,
Bố thí và tạo phước,
Cả hai đều có đức:
Kẻ hành dục tối thượng.*

*Nếu được tuệ xuất yếu,
Hưởng lạc sống tại gia,
Thấy tai hoạn, tri túc,
Tiết kiệm dùng tài vật,
[616a] Kẻ được tuệ xuất dục,
Là hành dục trên hết.*

Phật thuyết như vậy. Cư sĩ Cấp Cô Độc và các Tỷ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



127. KINH PHƯỚC ĐIỀN

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Cư sĩ Cấp Cô Độc đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật rồi ngồi xuống một bên, thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, ở đời có bao nhiêu hạng người phước điền¹?”

Đức Thế Tôn dạy:

“Này Cư sĩ, ở đời có hai hạng người phước điền. Những hạng người nào là hai? Một là hạng học nhân², hai là hạng vô học nhân³.

“Hạng hữu học có mười tám, hạng vô học có chín.

“Này Cư sĩ, mười tám hạng người hữu học là những ai? Là tín hành, pháp hành, tín giải thoát, kiến đạo, thân chứng⁴, gia gia⁵, nhất chủng, hướng Tu-đà-hoàn, đắc Tu-đà-hoàn; hướng Tu-đà-hàm, đắc Tu-đà-hàm; hướng A-na-hàm, đắc A-na-hàm, trung Bát-niết-bàn, sanh Bát-niết-bàn, hành Bát-niết-bàn, vô hành Bát-niết-bàn, thượng lưu sắc cứu cánh⁶. Đó là

¹ Phước điền nhân 福田人. Pāli: *dakkhiṇeyya*, người xứng đáng được cúng dường.

² Học nhân 學人, chỉ các bậc Thánh dưới A-la-hán quả, vì còn phải học. Pāli: *sekha*.

³ Vô học nhân 無學人, chỉ vị đắc quả A-la-hán, không cần phải học nữa. Pāli: *asekha*.

⁴ Tín hành, hay Tùy tín hành; Pháp hành hay Tùy pháp hành; Tín giải thoát hay Tín thắng giải; Kiến đạo hay Kiến chí và Thân chứng. Xem kinh số 195.

⁵ Gia gia 家家 (Pāli: Kolaṅkola), những vị chứng quả Dự lưu (Sotāpanna) phải thọ sanh từ nhân gian lên thiên thượng hay từ thiên thượng xuống nhân gian, trước khi chứng đắc Niết-bàn. Nhất chủng 一種 (Pāli: Ekabīja), những vị chứng quả Dự lưu chỉ tái sanh một lần trước khi đắc Niết-bàn. Cả hai hạng này thuộc Nhất lai hướng hay Tu đà hàm hướng (Sakadāgāmi-magga), tức từ Dự lưu quả hướng đến Nhất lai quả.

⁶ Năm hạng A-na-hàm (Ngũ bất hoàn 五不還) xem *Tập Di 14* (tr. 425 c-26 c): 1. *Trung Bát-niết-bàn* (Pāli: *antaraparinibbāyī*), nhập Niết-bàn ngay sau khi vừa thác sanh lên Tịnh cư thiên (Niết-bàn với thân trung hữu, theo Hữu bộ); 2. *Sanh*

mười tám hạng hữu học.

“Này Cư sĩ, chín hạng người vô học là những ai? Tư pháp, thăng tấn pháp, bất động pháp, thối pháp, bất thối pháp, hộ pháp, hộ tắc bất thối bất hộ tắc thối⁷, thật trụ pháp, tuệ giải thoát, câu giải thoát. Đó là chín hạng vô học⁸.”

Khi ấy Đức Thế Tôn nói tụng:

*Học, Vô học trong đời,
Đáng tôn, đáng phụng kính;
Các ngài tu chánh thân,
Miệng, ý cũng chánh hành.
Ruộng tốt cho tại gia,
Cúng dường được phước lớn.*

Phật thuyết như vậy. Cư sĩ Cấp Cô Độc và các Tỳ-kheo, sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



bát Niết-bàn (Pāli: *upahacca-parinibhāyī*: tổn hại bát-niết-bàn): thác sanh Tịnh cư thiên một thời gian mới nhập Niết-bàn; 3. *Hữu hành Bát-niết-bàn* (Pāli: *sasaṅkhāra-parinibbāyī*): thác sanh thượng giới, tinh tấn tu tập mới nhập Niết-bàn; 4. *Vô hành Bát-niết-bàn* (Pāli: *asaṅkhāra-parinibhāyī*): không cần tinh tấn tu tập nữa; 5. *Thượng lưu sắc cứu cùnh* (Pāli: *uddhamsota-akaniṭṭhagāmi*), lần lượt tái sinh qua các cõi từ sơ thiên, cho đến tầng cao nhất của Sắc giới, nhập Niết-bàn tại đó.

⁷ Đối chiếu với sáu hạng A-la-hán trong luận *Câu-xá 25* (No.1558, tr.129a, tt.): 1. *Thối pháp* (thối bất thối), gặp nghịch duyên bị sụt xuống các bậc Thánh thấp hơn; 2. *Tư pháp*, mong cầu Vô dư Niết-bàn cấp thời vì sợ thối thất; 3. *Hộ pháp* (hộ tắc bất thối, bất hộ tắc thối), do thủ hộ mà không bị thối thất; 4. *An trụ pháp* (thật trụ), không bị chi phối nghịch duyên để thối thất, nhưng không tiến tới; 5. *Kham đạt pháp* (thăng tiến), có khả năng tiến tới bất động tánh. 6. *Bất động tánh* căn cơ mãnh lợi, không bị chi phối bởi bất cứ duyên gì.

⁸ Bản Pāli và No.99 (992) không đề cập đến các chi tiết, chỉ nói đại cương hai hạng phước điền và bài tụng.

128. KINH ƯU-BÀ-TẮC

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

[166b] Bảy giờ, Cư sĩ Cấp Cô Độc cùng chúng Ưu-bà-tắc gồm có năm trăm người đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất. Cư sĩ Cấp Cô Độc cúi đầu đánh lễ rồi ngồi xuống một bên. Năm trăm Ưu-bà-tắc cũng làm lễ rồi ngồi xuống một bên. Cư sĩ Cấp Cô Độc và năm trăm Ưu-bà-tắc sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Xá-lợi-phất thuyết pháp cho họ, khuyên phát khát ngưỡng, thành tựu sự hoan hỷ. Ngài dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho họ, khuyên phát khát ngưỡng, thành tựu sự hoan hỷ rồi, liền rời chỗ ngồi đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật và ngồi xuống một bên.

Sau khi Tôn giả Xá-lợi-phất đi chẳng bao lâu, Cư sĩ Cấp Cô Độc và năm trăm Ưu-bà-tắc cũng đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Ngài rồi ngồi xuống một bên. Sau khi Tôn giả Xá-lợi-phất và mọi người đã an tọa, Đức Thế Tôn dạy:

“Này Xá-lợi-phất, nếu thầy biết rằng bạch y Thánh đệ tử¹ gìn giữ, thực hành năm pháp một cách hoàn hảo và được bốn tầng thượng tâm², hiện pháp lạc trú, dễ được chứ không phải khó được. Xá-lợi-phất, thầy nên xác nhận rằng Thánh đệ tử này không còn đọa địa ngục, cũng không còn sanh vào loài súc sanh, ngạ quỷ và các chỗ ác, được quả Tu-đà-hoàn, không đọa ác pháp, nhất định thẳng tiến tới quả vị Chánh giác, tối đa chịu bảy lần sanh tử nữa. Sau bảy lần qua lại cõi trời, nhân gian, liền được chấm dứt khổ đau.

“Xá-lợi-phất, thế nào là bạch y Thánh đệ tử khéo giữ gìn và thực hành năm pháp³? Đó là bạch y Thánh đệ tử xa lìa sát sanh, vứt bỏ dao gậy, có

¹ Bạch y Thánh đệ tử 白衣聖弟子. Pāli: *gihī odātavasana*, tại gia áo trắng.

² Bốn tầng thượng tâm 增上心, ở đây chỉ bốn chứng tịnh hay bốn bất hoại tín, (xem *Pháp uẩn 2*, No.1537, tr. 460a). Pāli: *cataro ābhicetasikā dhammā*; xem đoạn dưới.

³ Thiện hộ hành ngũ pháp 善護行五法. Pāli: *pañcasu sikkhāpadesu samvuttakammanto*, hoạt động được phòng hộ trong năm điều học, tức hộ trì năm giới.

tâm tầm quý, tâm từ bi, làm lợi ích cho tất cả, cho đến loài côn trùng, người ấy đối với sự sát sanh, tâm đã tịnh trừ. Đó là pháp thứ nhất mà bạch y Thánh đệ tử đã giữ gìn và thực hành một cách hoàn hảo.

“Lại nữa, này Xá-lợi-phất, bạch y Thánh đệ tử xa lìa việc lấy của không cho, dứt trừ việc lấy của không cho. Khi nào cho mới lấy, vui với việc cho mới lấy, thường ưa bố thí, hoan hỷ không keo kiết, không mong đền trả, không tham lam, thấy tài vật của kẻ khác không lấy về mình⁴. Người ấy đối với việc không cho mà lấy tâm đã tịnh trừ. Đó là pháp thứ hai mà bạch y Thánh đệ tử đã giữ gìn và thực hành một cách hoàn hảo.

“Lại nữa, Xá-lợi-phất, bạch y Thánh đệ tử xa lìa tà dâm, dứt trừ tà dâm. Người nữ kia hoặc có cha giữ gìn, hoặc có mẹ giữ, hoặc cả cha cả mẹ cùng giữ, hoặc anh em giữ, hoặc chị em giữ, hoặc gia nương giữ, hoặc thân tộc giữ, hoặc người cùng họ giữ, hoặc là vợ của người khác, hoặc có phạt gậy, khủng bố,⁵ hoặc đã có ước hẹn bằng tài hóa, cho đến bằng một tràng hoa⁶; đối với tất cả những người nữ ấy, không xâm phạm đến. Người ấy đối với tà dâm, tâm đã tịnh trừ. Đó là pháp thứ ba mà bạch y Thánh đệ tử đã giữ gìn và thực hành một cách hoàn hảo.

“Lại nữa, [616c] Xá-lợi-phất, bạch y Thánh đệ tử xa lìa nói dối, dứt trừ nói dối; nói lời chân thật, ưa sự chân thật, an trụ nơi sự chân thật, không dời đổi sai chạy. Tất cả những lời nói đều đáng tin, không lừa dối thế gian. Người ấy đối với sự nói dối, tâm đã tịnh trừ. Đó là pháp thứ tư mà bạch y Thánh đệ tử giữ gìn và thực hành một cách hoàn hảo.

“Lại nữa, Xá-lợi-phất, bạch y Thánh đệ tử lìa rượu, bỏ rượu. Người ấy đối với việc uống rượu, tâm đã tịnh trừ. Đó là pháp thứ năm mà bạch y Thánh đệ tử giữ gìn và thực hành một cách hoàn hảo.

⁴Bất dĩ thân sở phú thường tự hộ kỹ 不以偷所覆常自護已, không bị ám ảnh bởi việc ăn trộm. Sau khi thường tự giữ gìn... Câu này bất thường so với các nơi khác cũng trong bản Hán này. Ở đây dịch theo thông lệ của các trường hợp kia.

⁵Hữu tiên phạt, khủng bố 有鞭罰恐布, roi vọt và đe dọa; hai hạng nữ không là vợ hay con của ai, nhưng một hạng được pháp luật vua gìn giữ; và một hạng vốn là nô tì được chủ gìn giữ.

⁶Người nữ đã hứa hôn.

“Này Xá-lợi-phất, thế nào là bạch y Thánh đệ tử được bốn tâm tăng thượng, hiện pháp lạc trú, dễ chứ không phải khó được⁷? Đó là bạch y Thánh đệ tử niệm tướng Như Lai⁸, Bạc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Nhớ nghĩ Như Lai như vậy rồi, nếu có những ác dục liền được tiêu diệt. Trong tâm có những điều bất thiện, nhớt nhơ, sâu khổ, âu lo cũng được tiêu diệt. Bạch y Thánh đệ tử nương vào Như Lai, tâm tịnh được hỷ, nếu có những điều ác dục liền được tiêu diệt. Trong tâm có những điều bất thiện nhớt nhơ, sâu khổ, âu lo cũng được tiêu diệt. Như vậy, bạch y Thánh đệ tử được tâm tăng thượng thứ nhất, hiện pháp lạc trú, dễ được chứ không phải khó được.

“Lại nữa, Xá-lợi-phất, bạch y Thánh đệ tử niệm tướng Pháp⁹ được Thế Tôn khéo giảng, pháp chắc chắn đưa đến cứu cánh, không phiền, không nhiệt, hằng hữu,¹⁰ không di động. Quán Pháp như vậy, biết Pháp như vậy, nhớ nghĩ Pháp như vậy rồi nếu có những điều ác dục liền được tiêu diệt. Trong tâm có những điều bất thiện nhớt nhơ, sâu khổ, âu lo, cũng được tiêu diệt. Bạch y Thánh đệ tử duyên vào Pháp, tâm tịnh được hỷ. Nếu có những điều ác dục, liền được tiêu diệt. Trong tâm có những điều bất thiện nhớt nhơ, sâu khổ, âu lo, cũng được tiêu diệt. Như vậy, bạch y Thánh đệ tử được tâm tăng thượng thứ hai.

“Lại nữa, Xá-lợi-phất, bạch y Thánh đệ tử niệm Chúng Tăng¹¹, Thánh Chúng của Như Lai là những bậc thiện thú hướng, chánh thú hướng,

⁷ Nghĩa là, do có bốn tăng thượng tâm (*catunnam ābhicetasikānam*) mà sống an lạc ngay trong hiện tại (*diṭṭhadhammavihārānam*).

⁸ Hán: niệm Như Lai 念如來; Pāli: *buddhe aveccappasādena samannāgato*, thành tựu niềm tin không dao động đối với Phật. Có bốn niềm tin bất động, gọi là bốn chứng tịnh hay bất hoại tín; xem đoạn tiếp của kinh.

⁹ Hán: niệm Pháp. Pāli: *dhamme aveccappasādena samannāgato*, thành tựu niềm tin bất động nơi Pháp.

¹⁰ Thường hữu 常有; đây được hiểu là pháp không lệ thuộc thời gian; Pl. *akālika*.

¹¹ Niệm Tăng. Pāli: *saṅhge aveccappasādena samannāgato*.

như lý hành, pháp tùy pháp hành,¹² chúng ấy thật có A-la-hán hướng, A-la-hán quả, có A-na-hàm hướng, A-na-hàm quả, có Tu-đà-hàm hướng, Tu-đà-hàm quả, có Tu-đà-hoàn hướng, Tu-đà-hoàn quả. Đó là bốn cặp tám bậc, là Chúng của Như Lai thành tựu giới, thành tựu định, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát, thành tựu giải thoát tri kiến, đáng kính, đáng trọng, đáng phụng, đáng cúng, là ruộng phước an lành của thế gian. Người ấy nhớ nghĩ Chúng của Như Lai như vậy, nếu có những điều ác dục liền được tiêu diệt. Trong tâm có những điều bất thiện, [617a] nhớt nhớ, âu lo, cũng được tiêu diệt. Bạch y Thánh đệ tử duyên vào Chúng của Như Lai, tâm được hoan hỷ, nếu có những điều ác dục liền được tiêu diệt. Trong tâm có những điều bất thiện, nhớt nhớ, sầu khổ, âu lo cũng được tiêu diệt. Như vậy, bạch y Thánh đệ tử được tâm tăng thượng thứ ba, hiện pháp lạc trú dễ được chứ không phải khó được. “Lại nữa, Xá-lợi-phất, bạch y Thánh đệ tử tự niệm tướng giới¹³, giới này không sút mẻ, không rách nát, không ô uế, không cấu bẩn, vững như mặt đất, không hư vọng, đó là điều mà Đức Phật ngợi khen, thọ trì đầy đủ tốt đẹp. Người ấy tự nhớ nghĩ giới như vậy, nếu có những điều ác dục, liền được tiêu diệt. Trong tâm có những điều bất thiện, sầu khổ, nhớt nhớ, âu lo cũng được tiêu diệt. Bạch y Thánh đệ tử duyên vào giới, tâm định được hỷ. Nếu có những điều ác dục liền được tiêu diệt. Trong tâm có những điều bất thiện, nhớt nhớ, sầu khổ, âu lo cũng được tiêu diệt. Như vậy, bạch y Thánh đệ tử được tâm tăng thượng thứ tư, đối với hiện pháp lạc trú dễ được chứ không phải khó được.

“Này Xá-lợi-phất, nếu thầy biết rằng bạch y Thánh đệ tử giữ gìn và thực hành năm pháp một cách hoàn hảo và được bốn tâm tăng thượng, hiện pháp lạc trú, dễ được chứ không phải khó được, thì này Xá-lợi-phất, thầy nên ghi nhận rằng ‘Thánh đệ tử này không còn đọa địa ngục, cũng không sanh vào loài súc sanh, ngạ quỷ và các chỗ ác, được quả Tu-đà-hoàn, không đọa ác pháp, nhất định thẳng tiến đến quả vị Chánh giác, tối đa

¹² thiện thú hướng, chánh thú hướng, như lý hành, pháp tùy pháp hành 善趣正趣 向法次法 順行如法. Pl. thành cú: *suppaṭipanno, ujuppaṭipanno, ñāyappaṭipanno, sāmīcippaṭianno*.

¹³ Tự niệm thi-lại 自念尸賴. Pāli: *ariyakantehi sīlehi aveccappasādena samannāgato*, thành tựu các học giới mà Thánh ái mộ.

chịu bảy lần sanh tử nữa, sau bảy lần qua lại cõi trời và nhân gian, liền được chấm dứt khổ đau.”

Khi ấy Đức Thế Tôn nói tụng rằng:

*Kẻ trí sống tại gia,
Thấy địa ngục, sợ hãi;
Do thọ trì Thánh pháp,
Trừ bỏ tất cả ác.*

*Không sát hại chúng sanh,
Biết rồi hay lià bỏ,
Chân thật không nói dối,
Không trộm của kẻ khác;
Tri túc với gia phụ,
Không ái lạc vợ người;
Dứt bỏ việc uống rượu,
Gốc tâm loạn cuồng si.*

*Thường nên niệm chánh giác,
Suy nghĩ các pháp lành.
Niệm Tăng, quán cảm giới,¹⁴
Do đó được hoan hỷ.*

*Muốn hành hạnh bố thí,
Mà cầu mong hưởng phước,
Trước thí bậc Tịch tịnh¹⁵,
Như vậy thành quả báo.*

*Ta nói, bậc Tịch tịnh,
Xá-lợi nên nghe kỹ.*

[617b] *Nếu có đen và trắng,
Dù sắc đỏ hay vàng
Tap sắc, sắc đang yêu¹⁶,*

¹⁴ Nguyên trong bản: thi-lại 尸賴; Pl.: *sīla*.

¹⁵ Hán: tiên thí ưu túc tâm 先施於息心, bố thí cho người có tâm tịch tĩnh trước hết. Pāli: *santesu paṭhamam dinnā*.

¹⁶ Mang sắc ái lạc sắc 龍色愛樂色. Pāli: *kammasāsu sarūpāsu*, (những con bò) có

*Bò và các chim câu.
 Tùy loại chúng sanh ra,
 Bò thuần, đi phía trước,
 Thân sức thành đầy đủ,;
 Đi nhanh lại về nhanh,
 Dùng theo khả năng chúng,
 Kể gì sắc tốt xấu.*

*Nhân gian này cũng vậy,
 Tùy theo chỗ thọ sanh,
 Sát-đế-lị, Bà-la-môn,
 Cư sĩ hay thợ thuyền,
 Tùy thọ sanh của họ,
 Trưởng thượng do tịnh giới.*

*Bậc Vô Trước, Thiện Thệ,
 Cúng thí ấy, quả lớn.
 Phàm phu, vô sở trí,
 Không tuệ, không học hỏi,
 Thí nơi ấy, quả nhỏ.
 Không quang minh rọi đến.
 Nơi nào rọi quang minh,
 Phật đệ tử trí tuệ.*

*Tín tâm nơi Thiện Thệ,
 Thiện căn được vững bền,
 Người ấy sanh thiện xứ,
 Như ý chứng Gia gia,
 Tối hậu đắc Niết-bàn,
 Như vậy có duyên cá.*

Phật thuyết như vậy. Tôn giả Xá-lợi-phất, chư Tỳ-kheo, Cư sĩ Cấp Cô Độc và năm trăm Ưu-bà-tắc sau khi nghe lời Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



129. KINH OÁN GIA

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bảy pháp oán gia¹ để gây thành oán gia; tức là khi mà bọn nam nữ nổi lên sân nhuế.

“Những gì là bảy?

“Oán gia thì không muốn oán gia có sắc đẹp. Vì sao oán gia không muốn oán gia có sắc đẹp? Người hay sân nhuế bị tác động bởi sân nhuế, bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không xả bỏ sân nhuế; người ấy tuy luôn tắm gội, dùng danh hương thoa mình, nhưng sắc thân² vẫn xấu. Vì sao như vậy? Vì bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế. Đó là pháp oán gia thứ nhất gây thành oán gia khi mà bọn nam nữ nổi lên sân nhuế.

“Lại nữa, oán gia thì không muốn oán gia [617c] ngủ nghỉ an lành. Vì sao oán gia không muốn oán gia ngủ nghỉ an lành? Người hay sân nhuế bị tác động bởi sân nhuế, bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế; người ấy tuy nằm trên giường vua, trải bằng thảm lông chim, phủ bằng gấm vóc lụa là, có nệm mềm, hai đầu kê gối, được phủ bằng thảm quý, bằng da sơn dương³, nhưng giấc ngủ vẫn âu lo, đau khổ. Vì sao như vậy? Vì bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế. Đó là pháp oán gia thứ hai để gây thành oán gia khi mà bọn nam nữ nổi lên sân nhuế.

“Lại nữa, oán gia thì không muốn oán gia có lợi lớn. Vì sao oán gia không muốn oán gia có lợi lớn? Người hay sân nhuế bị tác động bởi sân nhuế, bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế, thì người ấy đáng

¹Thất oán gia pháp 七怨家法. Pāli (A. iv. 94): *sattime dhammā sapattakantā sapattakaraṇā*, bảy pháp được kẻ thù yêu thích, tạo thành kẻ thù.

²Sắc, đây chỉ màu da. Pāli: *vaṇṇa*.

³Ca-lăng-già-ba-hòa-la-ba-già-tát-đa-la-na 加陵伽波和邏波遮悉多羅那 phiên âm. Pāli: *kadalimigapavara-paccattharaṇa*. Cf. *Phiên Phạn ngữ 10*, No.2130, tr. 1051b:Ca-lăng-già: tên xứ. Ba- hòa-la: dịch là ác. Ba-già-tát-đa-la-na: dịch là áo gối .

lẽ được lợi, hai điều ấy không trái nhau, thật là bất lợi lớn. Vì sao như vậy? Vì bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế. Đó là pháp oán gia thứ ba để gây thành oán gia khi mà bọn nam nữ nổi lên sân nhuế.

“Lại nữa, oán gia thì không muốn oán gia có bằng hữu. Vì sao oán gia không muốn oán gia có bằng hữu? Người hay sân nhuế bị tác động bởi tâm sân nhuế, bị chi phối bởi tâm sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế, người ấy nếu có bằng hữu thân thiết, họ cũng tìm cách lánh mặt bỏ đi. Vì sao như vậy? Vì bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế. Đó là pháp oán gia thứ tư để gây thành oán gia khi mà bọn nam nữ nổi lên sân nhuế.

“Lại nữa, oán gia thì không muốn oán gia có sự khen ngợi. Vì sao oán gia không muốn oán gia có sự khen ngợi? Người hay sân nhuế bị tác động bởi sân nhuế, bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế, người ấy danh ô tiếng xấu đồn khắp. Vì sao như vậy? Vì bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế. Đó là pháp oán gia thứ năm để gây thành oán gia khi mà bọn nam nữ nổi lên sân nhuế.

“Lại nữa, oán gia thì không muốn oán gia quá giàu sang. Vì sao oán gia không muốn oán gia quá giàu sang? Người hay sân nhuế bị tác động bởi sân nhuế, bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế; người ấy tạo nghiệp thân, khẩu, ý như vậy khiến mất nhiều tài vật. Vì sao như vậy? Vì bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế. Đó là [618a] pháp oán gia thứ sáu để gây thành oán gia khi mà bọn nam nữ nổi lên sân nhuế.

“Lại nữa, oán gia thì không muốn để oán gia khi thân hoại mạng chung được đến chỗ an lành, sanh ở cõi trời. Vì sao oán gia không muốn oán gia đến chỗ an lành? Người hay sân nhuế bị tác động bởi sân nhuế, bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế, thân khẩu ý tạo ác nghiệp; người ấy sau khi thân, khẩu, ý tạo ác nghiệp, thân hoại mạng chung chắc chắn đến chỗ ác, sanh trong địa ngục. Vì sao như vậy? Vì bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế. Đó là pháp oán gia thứ bảy để gây thành oán gia khi mà bọn nam nữ nổi lên sân nhuế.

“Đó là cả bảy pháp oán gia gây thành oán gia khi mà bọn nam nữ nổi lên sân nhuế.”

Khi ấy Đức Thế Tôn nói tụng rằng:

Người sân, sắc da xấu;

Nằm ngủ, khổ không yên.
Đáng lẽ được của nhiều,
Trở lại bị bất lợi.

Kẻ bằng hữu thân thiết,
Xa lìa người sân nhuế.
Luôn luôn tập sân nhuế,
Tiếng xấu đồn khắp nơi.

Sân gây nghiệp thân khẩu,
Nhuế buộc ràng nghiệp ý.
Người bị nhuế chế ngự,
Mất tất cả tài vật.

Sân nhuế sanh bất lợi,
Sân nhuế sanh tâm nhơ.
Sợ sệt sanh bên trong,
Người không thể biết được.

Người sân không biết nghĩa,
Người sân không hiểu pháp,
Không mắt, mù mịt tối,
Là người ưa sân nhuế.

Nhuế dẫy, sắc da ghê,
Như lửa mới bốc khói,
Từ đó sanh ghét ghen,
Duyên sân lại do đó.

Việc làm của người sân,
Dù thiện và bất thiện,
Sau khi cơn sân qua,
Nóng lòng như lửa đốt.

Gọi là nghiệp phiền nhiệt,
Và các pháp buộc ràng.
Tất cả Ta đã nói,
Các ngươi hãy nghe kỹ.

Người sân nghịch hại cha,

Và với cả anh em,
Cũng giết hại chị em,
Người sân nhiều tàn khốc.

Sanh ra và lớn lên,
Được thấy thế gian này,
[618b] Nhờ mẹ được sống còn,
Khi sân cũng sát hại.

Không xấu, không hổ thẹn,
Sân triền, không nói năng,
Người bị sân chế ngự,
Miệng nói không chừa gì.

Tạo tác tội nghịch si,
Để mình tự yếu mạng,
Khi làm không tự biết,
Do sân sanh sợ hãi.

Tự buộc trói thân mình,
Ái lạc không cùng cực,
Dù ái niệm tự thân,
Người sân cũng tự hại.

Hoặc tự đâm bằng dao,
Hoặc nhảy xuống hang sâu,
Hay dùng dây thắt cổ,
Uống các loại thuốc độc,
Đó là tượng sân nhuế.
Là chết bởi vì sân,
Tất cả đều dứt hết,
Dùng tuệ mới biết được.

Nghiệp bất thiện dù nhỏ,
Người trí biết liền trừ.
Nên nhẫn nại hạnh này,
Màu da không dử dãn,

Không nhuế, cũng không ưu,

*Khói tắt không cao ngạo,
Chế ngự đoạn sân nhuế,
Tịch diệt, không còn lậu.*

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.



130. KINH GIÁO

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Tôn giả Đàm-di¹, vị tôn trưởng địa phương² làm chủ Phật-đồ³, được mọi người tôn sùng, tánh tình hung bạo, nóng nảy, rất cộc cằn thô lỗ, hay mắng nhiếc các vị Tỳ-kheo. Vì vậy, các vị Tỳ-kheo địa phương⁴ đều bỏ đi, không muốn sống ở đó. Các Ưu-bà-tắc địa phương thấy các vị Tỳ-kheo địa phương đều bỏ đi, không muốn ở đó, liền nghĩ rằng: “Các vị Tỳ-kheo địa phương này vì sao lại bỏ đi, không muốn sống ở đây?” Rồi các vị Ưu-bà-tắc địa phương nghe được rằng: “Tôn giả Đàm-di, vị tôn trưởng địa phương, làm chủ Phật-đồ, được mọi người tôn sùng, mà tánh tình hung bạo, nóng nảy, rất cộc cằn thô lỗ, hay mắng nhiếc các Tỳ-kheo. Vì vậy các Tỳ-kheo địa phương [618c] đều bỏ đi, không muốn sống ở đó.”

Các vị Ưu-bà-tắc nghe việc ấy rồi, liền cùng nhau kéo đến Tôn giả Đàm-di, xua đuổi ông ra khỏi các chùa địa phương⁵. Bấy giờ Tôn giả Đàm-di bị các vị Ưu-bà-tắc địa phương xua đuổi ra khỏi các tinh xá địa phương, liền vân y, mang bát du hành đến nước Xá-vệ, dần dà đến vườn

¹ Đàm-di 曇彌. Pāli: Dhammika therā, nguyên là một Bà-la-môn ở Kosala, quy Phật vào lúc rừng Jetavana được cúng.

² Sanh địa tôn trưởng 生地尊長. Pāli: jātibhūmiyaṃ āvasiko, người cư trú tại sinh quán.

³ Phật-đồ chủ 佛圖主, có lẽ muốn nói Phật tháp. Bản Pāli: *āvāsiko sattasu āvāsesu*, là người cư trú trong bảy trú xứ (ở địa phương). Hình như tất cả đều do Dhammika làm chủ.

⁴ Bản Hán: sanh địa chư Tỳ-kheo 生地諸比丘. Bản Pāli: *āgantukā bhikkhū*, các Tỳ-kheo khách.

⁵ Bản Pāli nói: Bị xua đuổi, Tôn giả đến một tinh xá khác cũng trong địa phương. Nhưng vừa đến Tôn giả lại mắng nhiếc các Tỳ-kheo ở đó, họ lại bỏ đi và Tôn giả lại bị các Cư sĩ kéo đến xua đuổi. Cứ như vậy, Tôn giả sống bảy nơi tất cả tại địa phương (sabbaso jātibhūmiyaṃ sattasu āvāsesu). Cuối cùng, Tôn giả phải tìm đến Đức Phật tại Rājagaha, núi Gijjhakūta.

Cấp Cô Độc, rừng Thắng Lâm, nước Xá-vệ. Rồi Tôn giả Đàm-di đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Ngài, ngồi sang một bên mà bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, con đối với Ưu-bà-tắc địa phương không có điều gì xấu xa, chẳng nói điều gì, không xúc phạm đến ai, nhưng các Ưu-bà-tắc địa phương xua đuổi con ra khỏi các chùa địa phương.”

Khi đó, Đức Thế Tôn bảo rằng:

“Thôi đủ rồi, này Đàm-di, nói điều đó làm gì!”

Tôn giả Đàm-di chấp tay hướng Phật, bạch lại một lần nữa rằng:

“Bạch Thế Tôn, con đối với Ưu-bà-tắc địa phương không có điều gì xấu xa, chẳng nói điều gì, không xúc phạm đến ai, nhưng các Ưu-bà-tắc địa phương xua đuổi con ra khỏi các tinh xá địa phương.”

Đức Thế Tôn cũng lần thứ hai bảo rằng:

“Đàm-di, thuở xưa, ở châu Diêm-phù này có các thương nhân đi thuyền ra biển, mang theo con ó tìm bờ. Bọn người ấy ra biển chưa bao xa, họ thả con ó tìm bờ. Nếu con ó tìm bờ đến được bờ của biển cả, nó sẽ vĩnh viễn không trở lại thuyền. Nếu con ó tìm bờ không đến được bờ của biển cả, nó sẽ trở lại thuyền. Người cũng vậy, này Đàm-di, bởi vì người bị các Ưu-bà-tắc địa phương xua đuổi ra khỏi các chùa địa phương nên người mới trở về chỗ Ta. Thôi, đủ rồi Đàm-di, nói thêm điều ấy làm gì!”

Tôn giả Đàm-di bạch lại lần thứ ba:

“Bạch Thế Tôn, con đối với Ưu-bà-tắc địa phương không có điều gì xấu xa, chẳng nói điều gì, không xúc phạm đến ai, nhưng các Ưu-bà-tắc địa phương xua đuổi con ra khỏi các tinh xá địa phương.”

Đức Thế Tôn cũng lại lần thứ ba bảo rằng:

“Đàm-di, người trụ trong Sa-môn pháp mà lại bị các Ưu-bà-tắc địa phương xua đuổi ra khỏi các tinh xá địa phương sao?”

Lúc đó Tôn giả Đàm-di liền rời chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay hướng Phật, bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Sa-môn trụ trong pháp Sa-môn?”

Đức Thế Tôn dạy:

“Này Đàm-di, thuở xưa, khi con người sống đến tám vạn tuổi. Đàm-di, khi con người sống đến tám vạn tuổi, châu Diêm-phù này cực kỳ giàu

sang hạnh phúc, dân cư đông đúc, thôn ấp gần nhau bằng khoảng một con gà bay.

“Khi con người sống đến tám vạn tuổi, con gái đến năm trăm tuổi [619a] mới lấy chồng. Đàm-di, khi con người sống đến tám vạn tuổi, chỉ có các bệnh như vậy: đại tiện, tiểu tiện, lòng dục, ăn uống và già.

“Đàm-di, khi con người sống đến tám vạn tuổi, có một vị vua tên là Cao-la-bà⁶, thông minh trí tuệ, làm Chuyển luân vương, có bốn loại binh chủng chinh trị thiên hạ; là Pháp vương hành theo chánh pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu là bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu, tướng quân báu; đó là bảy báu. Có đủ một ngàn người con, tướng mạo đoan chánh, dũng mãnh vô úy, có thể khuất phục mọi kẻ địch. Vua ấy thống lãnh tất cả cõi đất đai cho đến biên cả, không cai trị bằng dao gậy mà chỉ bằng chánh pháp trị hóa, khiến được an ổn.

“Đàm-di, vua Cao-la-bà có một gốc cây tên là Thiện trụ ni-câu-loại thọ⁷ vương⁸. Đàm-di, Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương có năm cành. Cành thứ nhất dành cho vua và hoàng hậu ăn. Cành thứ nhì dành cho thái tử và các quan ăn. Cành thứ ba dành cho nhân dân trong nước ăn. Cành thứ tư dành cho Sa-môn, Bà-la-môn ăn. Cành thứ năm dành cho cầm thú ăn. Đàm-di, quả của cây Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương lớn bằng cái hủ hai thặng, mùi vị như mật nguyên chất. Đàm-di, quả Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương không ai canh giữ mà cũng chẳng ai trộm cắp. Về sau có một người đói khát gầy còm, nhan sắc tiêu tụy, muốn được ăn quả, nó đến cây Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương ăn quả rồi bẻ gãy cành cây hái quả đem về. Trên cây Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương có một vị trời nương ở đó. Ông ấy nghĩ rằng: ‘Lạ thay, người ở châu Diêm-phù vô ân, không biết báo đáp. Vì sao? Vì nó ăn quả nơi cây Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương rồi bẻ gãy cành cây, hái quả đem về. Mong cho cây Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương không có quả, không sanh quả nữa!’ Tức thì cây Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương

⁶ Cao-la-bà 高羅婆. Pāli: Koravya, trong các truyện bản sanh thường được nói là vua của bộ tộc Kuru.

⁷ Bản Cao-li không có chữ *thọ*. Ba bản Tống-Nguyên-Minh đều có.

⁸ Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương 善住尼拘類樹王. Pāli: Suppatittha nigrodharājā.

không có quả, cũng không sanh quả.

“Rồi lại có một người đói khát, gầy còm, nhan sắc tiêu tụy, muốn được ăn quả, đi đến cây Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương, thấy cây không có quả, cũng không sanh quả, người ấy tức thì đi đến vua Cao-la-bà tâu rằng: ‘Tâu Thiên vương, nên biết, cây Thiện trụ ni-câu-loại [619b] thọ vương không có quả, cũng không sanh quả nữa’.

“Vua Cao-la-bà nghe xong, trong khoảnh khắc như người lực sĩ co duỗi cánh tay biến khỏi Câu-lâu-sầu, đến cõi Tam thập tam thiên, đứng trước Thiên Đế Thích⁹ mà tâu rằng: ‘Tâu Câu-dục¹⁰ nên biết, cây Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương không có quả, cũng không sanh quả nữa. Khi đó, Thiên đế Thích và vua Cao-la-bà trong khoảnh khắc như người lực sĩ co duỗi cánh tay biến khỏi cõi Tam thập tam thiên, đến nước Câu-lâu-sầu, cách cây Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương đứng lại. Thiên đế Thích thực hiện như ý tức như vậy¹¹, bằng như ý tức như vậy, hóa làm nước lớn, gió bão và mưa to. Do nước lớn, gió bão và mưa to, cây Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương bị tróc gốc ngã đổ.

“Lúc đó có vị trời sống trên cây Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương nhận thấy như vậy mới buồn khổ, sầu thương, khóc lóc chảy nước mắt, đứng trước mặt Thiên đế Thích. Thiên đế Thích hỏi, ‘Thiên, vì lẽ gì mà ông buồn khổ, sầu thương, khóc lóc rơi lệ, đứng trước mặt ta?’ Vị trời kia thưa rằng: ‘Tâu Câu-dục, nên biết, nước lớn, gió bão, mưa to, cây Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương bị tróc gốc ngã đổ’. Khi ấy, Thiên đế Thích bảo Thọ thiên kia rằng: ‘Thiên, ông là Thọ thiên, trụ Thọ thiên pháp¹² mà để nước lớn, gió mạnh, mưa to làm cây Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương bị tróc gốc ngã đổ sao?’ Thọ thiên thưa rằng: ‘Tâu Câu-dục, thế nào gọi là Thọ thiên trụ Thọ thiên pháp?’ Thiên Đế Thích bảo, ‘Thiên, giả sử có người muốn được rễ cây, cứ lấy rễ cây đi; muốn được cành cây, nhánh cây, lá cây, hoa quả, cứ đem đi, Thọ thiên

⁹ Thiên đế Thích. Pāli: Sakka devānam Inda.

¹⁰ Câu-dục 拘翼. Pāli: Kosika, biệt danh Thiên Đế Thích.

¹¹ Tác như kỳ tượng như ý tức. Pāli: *tathārūpam iddhābhisamkhāram abhisamkhāsi*, thực hiện một loại thần thông như thế.

¹² Thọ thiên pháp 樹天法. Pāli: *rukhadhamma*, đây hiểu là đạo lý tự nhiên của cây.

không nên giận dữ, không nên ghen ghét, tâm không nên thù hận, Thọ thiên vẫn an trụ trên thọ thiên với ý niệm buông xả. Như vậy gọi là Thọ thiên trụ Thọ thiên pháp'. Vị trời kia lại tâu rằng: 'Tâu Câu-dục, tôi là Thọ thiên mà không trụ Thọ thiên pháp. Từ nay về sau tôi sẽ trụ Thọ thiên pháp. Ước mong cây Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương trở lại như cũ'. Rồi thì Thiên đế Thích thực hiện như ý túc như vậy. Thực hiện như ý túc như vậy xong, lại hóa làm nước lớn, gió bão, mưa to. Hóa làm nước lớn, gió bão, mưa to xong, cây Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương liền trở lại như cũ.

"Này Đàm-di, cũng vậy, Tỳ-kheo bị người mắng nhiếc, không mắng nhiếc lại; bị người sân giận không sân giận lại; bị người quấy phá, không quấy phá lại; bị đánh đập không đánh đập lại. Này Đàm-di, như vậy gọi là Sa-môn trụ Sa-môn pháp."

Lúc đó, Tôn giả Đàm-di liền từ chỗ ngồi, trích vai áo đang mặc, chấp tay hướng Phật khóc lóc rơi lệ, bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, con không phải là Sa-môn trụ Sa-môn pháp. Từ nay về sau con sẽ là Sa-môn trụ Sa-môn pháp."

Đức Thế Tôn dạy:

"Xưa có một Đại sư tên là Thiện Nhân¹³, được các ngoại đạo Tiên nhân [619c] tôn làm tôn sư, lia bỏ ái dục, được như ý túc. Đàm-di, Thiện Nhân đại sư có vô lượng trăm ngàn đệ tử. Đàm-di, Thiện Nhân đại sư nói Phạm thế pháp¹⁴ cho các đệ tử nghe. Đàm-di, khi Thiện Nhân đại sư nói Phạm thế pháp cho các đệ tử, trong các đệ tử có người không phụng hành trọn vẹn, người ấy sau khi mạng chung, hoặc sanh lên cõi trời Tứ thiên vương, hoặc sanh cõi trời Tam thập tam thiên, hoặc sanh cõi trời Diệm-ma, hoặc sanh cõi trời Đâu-suất-đà, hoặc sanh cõi trời Hóa lạc, hoặc sanh cõi trời Tha hóa lạc. Đàm-di, khi Thiện Nhân đại sư nói Phạm thế pháp cho đệ tử nghe, trong các đệ tử có người phụng hành

¹³ Đại sư Thiện Nhân 大師善眼. Pāli: Sunetto nāma satthā, một trong sáu vị tôn sư cổ đại, thường được kể trong các mẫu truyện cổ Phật giáo.

¹⁴ Phạm thế pháp 梵世法, pháp dẫn đến đời sống trên Phạm thiên. Pāli: *brahama-lokasahavyatāya dhamma*.

trộn vện, người ấy tu bốn phạm trụ¹⁵, lia bỏ dục. Khi mạng chung rồi được sanh lên cõi trời Phạm thiên. Đàm-di, khi ấy Thiện Nhân đại sư nghĩ rằng: ‘Đời sau ta không nên cùng các đệ tử đồng sanh đến một chỗ. Bây giờ ta hãy tu tăng thượng từ. Sau khi tu tăng thượng từ, mạng chung, ta sẽ được sanh vào cõi trời Hoảng dục.’ Đàm-di, sau đó Thiện Nhân đại sư liền tu tăng thượng từ. Sau khi tu tăng thượng từ, mạng chung được sanh vào cõi trời Hoảng dục. Đàm-di, Thiện Nhân đại sư và các đệ tử học đạo không luống công, được quả báo lớn. Cũng như Thiện Nhân đại sư, có các Đại sư Mâu-lê-phá-quần-na, A-la-na-giá Bà-la-môn, Cù-đà-lê-xá-đa, Hại-đề-bà-la Ma- nạp, Thù-đề-ma-lê Kiều-đệ-bà-la và Thất-đa Phú-lâu-hề-đa¹⁶.

‘Đàm-di, Đại sư Thất-đa Phú-lâu-hề-đa cũng có vô lượng trăm ngàn đệ tử. Đàm-di, Đại sư Thất-đa Phú-lâu-hề-đa nói Phạm thế pháp cho các đệ tử. Trong số các đệ tử có người không phụng hành trộn vện pháp đã dạy, người ấy sau khi thân hoại mạng chung, hoặc sanh lên cõi trời Tứ thiên vương, hoặc sanh cõi trời Tam thập tam thiên, hoặc sanh cõi trời Diệm-ma, hoặc sanh cõi trời Đâu-suất-đà, hoặc sanh cõi trời Hóa lạc, hoặc sanh cõi trời Tha hóa. Đại sư Thất-đa Phú-lâu-hề-đa khi nói Phạm thế pháp, trong số các đệ tử có người phụng hành trộn vện pháp ấy, tu bốn phạm thất, lia bỏ dục ái. Người ấy sau khi thân hoại mạng chung được sanh vào cõi trời Phạm Thiên. Đàm-di, Đại sư Thất-đa Phú-lâu-hề-đa nghĩ rằng: ‘Đời sau ta không nên cùng các đệ tử sanh cùng một chỗ. Bây giờ ta nên tu tăng thượng từ. Sau khi tu tăng thượng từ, mạng chung sẽ được sanh vào cõi trời Hoảng dục’. Đàm-di, sau đó vị Đại sư thứ bảy Thất-đa Phú-lâu-hề-đa tu tăng thượng từ. Sau khi tu tăng thượng từ rồi, mạng chung được sanh lên cõi trời [620a] Hoảng dục. Đàm-di, Đại sư Thất-đa Phú-lâu-hề-đa và các đệ tử học đạo không hư dối, được quả báo lớn.

¹⁵ Hán: Phạm thất 梵室.

¹⁶ Danh sách sáu Đại sư thời cổ: Mâu-lê-phá-quần-na 牟犁破群那, Pāli: Mūgapakkha; A-la-na-giá Bà-la-môn 阿羅那遮婆羅門, Pāli: Aranemi; Cù-đà-lê-xá-đa 瞿陀梨舍哆, Pāli: Kuddāla; Hại-đề-bà-la Ma- nạp 害提婆羅摩納, Pāli: Hatthipāla; Thù-đề-ma-lê Kiều-tì-bà-la 儲提摩麗橋鞞陀邏, Pāli: Jotipāla govinda. Thất (Tát-đa) Phú-lâu-hề-đa 七富樓奚, Pāli: Satta Purohita, vị này không được kể trong danh sách, A. iii. 373.

“Đàm-di, nếu có người nào mắng nhiếc bảy vị Đại sư và vô lượng trăm ngàn đệ tử kia, cùng đánh đập, sân nhuế, trách móc họ, chắc chắn chịu vô lượng tội. Nhưng đối với một Tỳ-kheo đã thành tựu chánh niệm, một đệ tử Phật chứng đắc tiểu quả, mà có ai mắng nhiếc, đánh đập, sân nhuế, trách móc vị ấy thì tội nhiều hơn thế nữa.

“Thế cho nên, này Đàm-di, các người hãy luôn luôn nhắc nhở, thủ hộ lẫn nhau. Vì sao như vậy? Vì ngoài sự lỗi lầm này, không còn sự lỗi lầm nào hơn nữa¹⁷.”

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Tu-niết¹⁸, Mâu-lê-phá-quần-na,
A-la-na-giá Bà-la-môn,
Cù-đà-lê-xá-đa,
Hại-đề-bà-la Ma-nap,
Thù-đề-ma-lê Kiều-tì-bà-la và
Thất-đa Phú-lâu-hề-đa,
Trong đời quá khứ ấy
Danh đức bảy tông sư,
Bi tâm, không nhiễm ái,
Dục kết đã dứt trừ.
Trăm ngàn số đệ tử,
Vô lượng đếm sao vừa,
Cũng đều ly dục kết,
Dù cứu cánh còn chưa.

Với các Tiên nhân ấy,
Thủ trì khổ hạnh này,
Ai ôm lòng oán hận,
Tội mắng nhiếc nhiều thay.

Huống chi với Phật tử,
Vị đã đạt chánh kiến;*

¹⁷ Pāli: Nāham (...) ito bahiddā evarūpam khantim vādāmi. Ngoài sự nhẫn nại này, ta nói không còn sự nhẫn nại nào như vậy nữa.

¹⁸ Sunetta, xem chú thích trên.

*Ai chửi mắng, đập phá,
Tội nghiệp lại tràn đầy.*

*Này Đam-di, do đó,
Hãy biết thù hận nhau.
Sở dĩ hận thù nhau,
Tội nặng nào hơn đâu.*

*Khổ quá nặng như thế,
Bậc Thánh cũng ghét bỏ,
Màu da lại dử dằn¹⁹;
Chớ thù tà kiến xử.
Đó là hạng thấp hèn,
Thánh pháp gọi như thế²⁰.*

*Vị chưa lìa dâm dục,
Nhưng có năm điều ngũ căn:
Tín, tinh tấn, niệm xử,
Cùng chánh định, chánh quán:
Ai làm khổ vị ấy,
Trước phải thọ họa tai²¹.
[620b] Họa tai đã tự thọ,
Sau nữa gây hại người.*

*Ai biết tự thù hận,
Tất thù hận bên ngoài.
Cho nên hãy tự hận,
Kẻ trí hoan lạc thay!*

¹⁹ Hán: tất đắc thọ ác sắc 必得受惡色. Pāli: *na sādthurūpaṃ āsīde*, chớ công kích người (có sắc diện) đoạn chánh. Có lẽ Hán hiểu *āsīde* (công kích) là “hãy ngồi gần” do gốc động từ *sīdati*, ngồi.

²⁰ Bản Pāli: *sattamo puggalo eso, ariyasāṅghassa vuccati*, người ấy (xả bỏ tà kiến) được nói là cao cả trong hàng Thánh chúng. Hình như bản Hán hiểu ngược lại?

²¹ Nguyên bản Hán hoir tối nghĩa. Đây phong theo Pāli: *tādisam bhikkhum āsajja, pubbeva upahaññati*, ai công kích Tỳ-kheo (dù chưa ly dục nhưng đã có ngũ điều căn: tín, tấn v.v...) như vậy, nó bị tai họa trước.

Phật thuyết như vậy, Tôn giả và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



131. KINH HÀNG MA

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại Bạt-kì-sầu, trong núi Ngạc, rừng Bồ, vườn Lộc dã¹.

Lúc bấy giờ Đại Mục-kiền-liên đang coi việc dựng thiền thất cho Phật². Trong lúc Tôn giả đang kinh hành trên khoảng đất trống, bấy giờ Ma vương hóa hình nhỏ xíu, chui vào trong bụng của Tôn giả Đại Mục-kiền-liên. Lúc đó, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nghĩ như vậy, “Bụng ta cảm thấy nặng, giống như đang ăn phải hạt đậu. Ta hãy nhập như vậy, bằng định như vậy ta nhìn vào bụng xem.”

Rồi Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đi đến cuối đường kinh hành, trái ni-sur-đàn, ngồi xếp kiết già, nhập định như vậy, bằng định như vậy mà nhìn vào bụng mình, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên thấy Ma vương đang ở trong đó. Tôn giả bèn ra khỏi định, nói với Ma vương:

“Này Ba-tuần, ngươi hãy đi ra! Này Ba-tuần, ngươi hãy đi ra! Chớ có xúc nhiễu Như Lai, cũng chớ xúc nhiễu đệ tử của Như Lai. Đừng sống mãi trong sự vô nghĩa, vô ích mà phải tái sanh ác xứ, thọ vô lượng khổ.”

Khi ấy, Ma vương liền nghĩ: “Sa-môn này không thấy, không biết, thế mà lại nói: ‘Này Ba-tuần, ngươi hãy đi ra! Này Ba-tuần, ngươi hãy đi ra! Chớ có xúc nhiễu Như Lai, cũng chớ xúc nhiễu đệ tử của Như Lai. Đừng sống mãi trong sự vô nghĩa, vô ích mà phải tái sanh ác xứ, thọ vô lượng khổ’. Tôn sư của ông ta có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, cũng không thể thấy mau lẹ, biết mau lẹ như vậy, huống nữa là đệ tử mà thấy biết được sao!”

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên lại nói với Ma vương rằng:

“Ta lại biết trong ý của ngươi, ngươi nghĩ như vậy, ‘Sa-môn này không thấy, không biết, thế mà lại nói: ‘Này Ba-tuần, ngươi hãy đi ra! Này Ba-

¹Ngạc sơn, Bồ lâm: xem kinh 74. No 66: Bạt-kì Thi-mục-ma-ti-lượng Lộc dã viên. 跋祇尸牧摩鼻量鹿野園. No 67: Phần-kì quốc, Diệu hoa sơn, Khung cụ tụ, Lộc uyển 焚祇國妙華山恐懼聚鹿苑.

²No.66: tác quật 作窟, làm cái hang (cho Phật). cũng nói dữ kiện này. No.67 và Pāli không có.

tuần, ngươi hãy đi ra! Chớ có xúc nhiều Như Lai, cũng chớ xúc nhiều [620c] đệ tử của Như Lai. Đừng sống mãi trong sự vô nghĩa, vô ích mà phải tái sanh ác xứ, thọ vô lượng khổ'. Tôn sư của ông ta có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, cũng không thể thấy mau lẹ, biết mau lẹ như vậy, huống nữa là đệ tử mà thấy biết được sao!”

Ma Ba-tuần kia nghĩ rằng: “Sa-môn này đã thấy và biết ta nên mới nói như vậy.” Rồi ma Ba-tuần hóa hình nhỏ xíu, từ trong miệng vọt ra, đứng ngay trước mặt Tôn giả Đại Mục-kiền-liên.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên bảo rằng:

“Này ma Ba-tuần, thuở xưa, có Như Lai tên là Câu-lưu-tôn³, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác. Lúc đó ta làm Ma có tên là Ác⁴. Ta có người em gái⁵ tên là Hắc⁶. Ngươi chính là con trai của nó. Này Ma Ba-tuần, vì lẽ đó cho nên ngươi là cháu gọi ta bằng cậu.

“Này Ma Ba-tuần, Đức Câu-lưu-tôn Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác có hai đệ tử, một tên là Âm⁷, hai tên là Tướng⁸. Này Ba-tuần, do ý nghĩa nào được gọi là Âm? Ba-tuần, Tôn giả đó lúc sống trên cõi trời Phạm thiên, tiếng nói bình thường của ngài vang cả ngàn thế giới, lại không có một đệ tử nào có âm thanh ngang bằng, hoặc tương tợ, hoặc trội hơn được. Này Ba-tuần, vì lẽ ấy cho nên Tôn giả đó được gọi là Âm vậy. Ba-tuần, lại do ý nghĩa nào mà Tôn giả Tướng có tên là Tướng? Này Ba-tuần, Tôn giả Tướng nương nơi thôn ấp mà du hành. Khi đêm đã qua, lúc trời hừng sáng, Tôn giả ấy đắp y, mang bình bát, đi vào thôn ấp khát thực, cẩn thận thủ hộ thân, thu nhiếp các căn, giữ vững chánh niệm. Ngài sau khi khát thực xong và sau khi ăn vào lúc giữa trưa, thâu vén y bát, rửa tay chân, vắt ni-sư-đàn trên vai, đi vào rừng vắng vẻ, hoặc đến dưới

³ Giác-lịch-câu-tuần-đại 覺礫拘荀大. No.66: Câu-lâu-tôn 拘樓孫. No.67: Câu-lâu-tân 拘樓秦. Pāli: Kakusandha.

⁴ Ác 惡. No.66: xúc nhiều ma 觸婬魔. No.67: Sân Hận 瞋恨. Pāli: Dūsī.

⁵ No.66 cũng nói là muội. No.67 nói là tỷ, chị. Pāli: bhaginī.

⁶ Hắc 黑. No.67: Yểm hắc 黧黑. Pāli: Kālī.

⁷ Âm 音; Pāli: Vidhura. No 67: Hồng Âm 洪音. No 66: Ti-lâu (âm thanh) Tát-nhã 毗樓(音聲)薩若, hai người kẻ chung.

⁸ Tướng 想; Pāli: Sañjīva. No 67: Tri Tướng 知想.

gốc cây trong rừng sâu, hoặc đến chỗ không tĩnh, trái ni-sư-đàn ngồi kết già, liền nhập tướng tri diệt định một cách nhanh chóng. Lúc ấy có những người đang lừa trâu, dê, người đi mót cỏ, hoặc người đi đường; họ vào trong núi, thấy ngài nhập tướng tri diệt định, bèn nghĩ rằng: ‘Sa-môn này ngồi mà chết trong khu rừng vắng này. Chúng ta hãy nhặt cỏ khô chất đống phủ lên trên, ràng rịt cẩn thận, lượm củi chất chồng lên trên thân để hỏa thiêu’.⁹ Họ bèn nhặt cỏ khô chất đống phủ lên thân ngài, nỏ lửa đốt rồi bỏ mà đi. Tôn giả kia, sau khi đêm đã qua, trời vừa hừng sáng, ra khỏi định, đập phui y phục, du hành trở về thôn ấp, đắp y, mang bình bát vào thôn ấp khát thực như thường lệ, khéo giữ gìn thân căn, giữ vững chánh niệm. [621a] Những người lừa trâu, dê, những người mót cỏ khô, hoặc người đi đường vào trong núi đã gặp Tôn giả trước kia, họ bèn nghĩ: ‘Đây là Sa-môn ngồi mà chết trong khu rừng vắng vẻ này. Chúng ta đã nhặt cỏ khô chất đống phủ trên thân, nỏ lửa đốt rồi bỏ đó mà đi. Song Hiền giả này vẫn còn biết tướng’¹⁰.’ Ngày Ba-tuần, vì lẽ đó cho nên Tôn giả Tường được gọi là Tường vậy.

“Ngày Ba-tuần, lúc ấy Ác ma nghĩ rằng: ‘Sa-môn trọc đầu này bị da đen trói chặt¹¹, bị tuyệt chủng, không con cái, học thiền, dò xét, ngong ngóng dò xét, luôn luôn ngong ngóng dò xét’¹². Giống như con lừa trợn ngày mang nặng, bị cột lại trong tàu, không được ăn lúa mạch, nó dò xét, ngong ngóng dò xét, luôn luôn ngong ngóng dò xét; Sa-môn trọc đầu này bị da đen trói chặt, tuyệt chủng, không con cái, chúng nó học thiền, dò

⁹ Trong bản: da-duy 耶維.

¹⁰ Thử Hiền giả cánh phục tướng 此賢者更復想; Pāli: *ayam samaṇo... svāyaṃ paṭisañjīvito*, “sa-môn này tự mình sống lại.” Ở đây, *sañjīva*: người còn sống; bản Hán đọc là *saññīva* (Skt. *saññīva*); người còn có tướng.

¹¹ Dĩ hắc sở phược 以黑所縛. Pāli: *kaṅhā bandhupādāpacca*, đen điu, nòi giống ti tiện (sinh từ bàn chân của bà con của Phạm thiên). Trong bản Hán, *bandhu*, bà con, được đọc là *bandha*, sự cột trói.

¹² Cố dịch sát: học thiền, tứ, tăng tứ, sát sát tăng tứ 學禪伺增伺數數增伺. Pāli: *jhāyanti, pajjhāyanti, nijjhāyanti, apajjhāyanti* (chúng nó thiền, chúng nó thiền trầm ngâm, chúng nó thiền đắm đuối, chúng nó thiền si đại). Hán *tăng tứ* thường dịch chữ *abhijjhā*, tham cầu (theo nghĩa, dòm ngó tài sản người khác), được hiểu cùng gốc động từ *jhāyati*: thiền hay tư duy.

xét, ngong ngóng dò xét, luôn luôn ngong ngóng dò xét.

“ ‘Giống như con mèo ngồi rình bên hang chuột, vì muốn bắt chuột nên nó dò xét, ngong ngóng dò xét, luôn luôn ngong ngóng dò xét; cũng vậy, Sa-môn trọc đầu này bị da đen trói chặt, tuyệt chủng không con cái, chúng nó học thiền, dò xét, ngong ngóng dò xét, luôn luôn ngong ngóng dò xét.

“ ‘Cũng giống như con cú mèo¹³ ở giữa đồng củi khô, vì muốn bắt chuột nên nó dò xét, ngong ngóng dò xét, luôn luôn ngong ngóng dò xét; cũng vậy, Sa-môn trọc đầu này bị da đen trói chặt, tuyệt chủng không con cái, chúng nó học thiền, dò xét, ngong ngóng dò xét, luôn luôn ngong ngóng dò xét.

“ ‘Giống như con chim hạc¹⁴ ở bên bờ nước, vì muốn bắt cá nên nó dò xét, ngong ngóng dò xét, luôn luôn ngong ngóng dò xét; cũng vậy, Sa-môn trọc đầu này bị da đen trói chặt, bị tuyệt chủng không con cái, chúng nó học thiền, dò xét, ngong ngóng dò xét, luôn luôn ngong ngóng dò xét.

“ ‘Chúng dò xét cái gì? Dò xét với mục đích gì? Dò xét để mong cái gì? Chúng nó loạn trí, phát cuồng, bại hoại. Ta chẳng biết chúng nó ở đâu đến, cũng chẳng biết chúng nó đi về đâu, chẳng biết chúng nó sống ở đâu, chẳng biết chúng nó chết như thế nào, sanh như thế nào? Ta hãy dạy bảo các Bà-la-môn, Cư sĩ rằng: ‘Ngươi hãy đi đến mà chửi, mà đập, mà phá, mà rửa xả Sa-môn tinh tấn kia’. Vì sao vậy? Khi bị chửi, bị đập, bị phá, bị rửa xả, biết đâu chúng nó chẳng nổi ác tâm để ta dễ chi phối’.

“Bây giờ Ác ma bèn xúi dục các Cư sĩ, Bà-la-môn. Các Cư sĩ, Bà-la-môn ấy chửi, đập phá, rửa xả Sa-môn tinh tấn. Các Cư sĩ, Bà-la-môn ấy hoặc dùng cây đánh, hoặc lấy đá ném, hoặc vác gậy đập, có khi gây thương tích Sa-môn tinh tấn, có khi làm rách toạc áo, có khi làm bể bình bát. Bây giờ trong số Cư sĩ Bà-la-môn ấy do nhân duyên này thân hoại mạng chung phải đến ác xứ, sanh trong địa ngục. Chúng sanh vào đó rồi, suy nghĩ như vậy, ‘Ta đáng phải thọ khổ này, lại phải thọ [621b] cực khổ hơn

¹³Nguyên Hán: hư hồ 鴞狐, có lẽ chính xác là con hư lưu 鴞鷗, loại cú tai mèo, bắt chuột. Pāli: *ulūka*, con cú.

¹⁴Hạc điều 鶴鳥, chính xác nên hiểu là con sếu; nhưng bản Pāli: *kotthu nadīṭṭe*, con già can bên bờ sông.

nữa. Vì có sao? Vì chúng ta đã đối xử tàn ác với Sa-môn tinh tấn vậy’.

“Này Ba-tuần, đệ tử của Đức Câu-lưu-tôn Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, mang đầu thương tích, mang y rách toạc, mang bình bát bể, đi đến chỗ Câu-lưu-tôn Như Lai, Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác. Lúc bấy giờ Đức Câu-lưu-tôn Như Lai, Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác đang thuyết pháp cho vô lượng trăm ngàn quyến thuộc vây quanh. Đức Câu-lưu-tôn Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác trông thấy từ xa một đệ tử mang đầu bị thương tích, y rách toạc, bình bát bể đi đến. Ngài thấy vậy, bảo các Tỳ-kheo rằng: ‘Các người có thấy chằng, Ác ma đã xúi dục các Cư sĩ, Bà-la-môn rằng ‘Các người hãy đến mà chửi, mà đập, mà rửa xả Sa-môn tinh tấn. Vì có sao? Khi bị chửi, bị đập, bị rửa xả, biết đâu chúng nó chằng nổi ác tâm để ta dễ dàng chi phối.’” Này các Tỳ-kheo, hãy với tâm tương ưng từ, biến mãn một phương, thành tựu an trụ. Cũng vậy, hai, ba, bốn phương, tứ duy thượng hạ bao trùm tất cả, tâm tương ưng với từ, không kết, không oán, không nhuế, không não hại, rộng lớn bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Bi và hỷ cũng vậy. Tâm tương ưng với xả, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rộng lớn bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Với tâm ấy khiến Ác ma không thể chi phối’.

“Này Ma Ba-tuần, Đức Câu-lưu-tôn Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, bằng giáo pháp như vậy mà dạy đệ tử. Họ bèn thọ lãnh giáo pháp ấy, tâm tương ưng với từ, không oán, không nhuế, không tranh, rộng lớn bao la, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Với tâm ấy, ác ma kia không thể chi phối được.

“Này Ma Ba-tuần, lúc đó Ác ma lại nghĩ: ‘Bằng sự việc ấy ta muốn chi phối Sa-môn tinh tấn mà không thể được. Bây giờ ta hãy xúi dục các Cư sĩ, Bà-la-môn rằng: ‘Các người hãy đến phụng kính, cúng dường, lễ sự Sa-môn tinh tấn’. Biết đâu do sự phụng kính, cúng dường, lễ sự Sa-môn tinh tấn, chúng nó chằng nổi ác tâm để ta dễ dàng chi phối’.

“Này Ma Ba-tuần, các Cư sĩ, Bà-la-môn kia sau khi bị Ác ma xúi dục, họ [621c] đến phụng kính, cúng dường, lễ sự Sa-môn tinh tấn. Họ lấy áo trải lên mặt đất mà nói rằng ‘Sa-môn tinh tấn, xin đạp lên mà đi. Sa-môn tinh tấn thường làm những việc khó làm, khiến cho chúng tôi mãi mãi được lợi ích, được an ổn khoái lạc’. Hoặc có Bà-la-môn trải tóc lên mặt đất,

nói rằng ‘Sa-môn tinh tấn, xin đập lên tóc mà đi. Sa-môn tinh tấn thường làm những việc khó làm, khiến cho chúng tôi mãi mãi được lợi ích, được an ổn khoái lạc’. Hoặc có Cư sĩ, Bà-la-môn hai tay bùng đu các loại ẩm thực, đứng bên dưới đọi và nói rằng ‘Sa-môn tinh tấn, xin nhận vật thực này, xin cứ mang đi tùy ý mà thọ dụng, để cho tôi mãi mãi được lợi ích, được an ổn khoái lạc’. Các Cư sĩ, Bà-la-môn thành tín thấy Sa-môn tinh tấn, cung kính bồng bế vào nhà, đem đủ thứ tài vật ra cho Sa-môn tinh tấn và nói rằng: ‘Xin thọ nhận cái này, xin thọ dụng cái này, xin mang cái này đi, tùy ý mà thọ dụng’. Lúc bấy giờ trong số các Cư sĩ, Bà-la-môn đó có người chết, do nhân duyên này thân hoại mạng chung được đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời. Sau khi sanh vào đó, họ bèn nghĩ ‘Ta xứng đáng thọ hưởng sự an lạc này, lại sẽ thọ hưởng cực lạc hơn nữa. Vì sao thế? Vì chúng ta đã làm các việc lành với Sa-môn tinh tấn vậy’.

“Này Ma Ba-tuần, đệ tử của Đức Câu-lưu-tôn Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, sau khi được phụng kính, cúng dường, lễ sự, họ đi đến Đức Câu-lưu-tôn Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác. Lúc đó Đức Câu-lưu-tôn Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác đang thuyết pháp cho vô lượng trăm ngàn đệ tử vây quanh. Khi Đức Câu-lưu-tôn Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác trông thấy từ xa các đệ tử được phụng kính, cúng dường, lễ sự đang đi đến, thấy vậy, ngài bảo các Tỳ-kheo rằng: ‘Các người có thấy chăng? Ác ma xúi dục các Cư sĩ, Bà-la-môn rằng ‘Các người hãy đến phụng kính, cúng dường, lễ sự Sa-môn tinh tấn’. Biết đâu do phụng kính, cúng dường, lễ sự Sa-môn tinh tấn, chúng sẽ nổi ác tâm để ta dễ dàng chi phối. Này các Tỳ-kheo, các người hãy quán các hành vô thường, quán các pháp hưng suy, quán vô dục, quán xả ly, quán diệt, quán đoạn, để cho bọn ác ma không thể chi phối’.

“Này Ma Ba-tuần, Đức Câu-lưu-tôn Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác bằng giáo pháp như vậy mà dạy các đệ tử; họ bèn thọ lãnh giáo pháp ấy, quán các hành vô thường, quán pháp hưng suy, quán vô dục, quán xả ly, quán diệt, quán đoạn, [622a] khiến cho ác ma không thể chi phối.

“Này Ma Ba-tuần, lúc đó Ác ma bèn nghĩ: ‘Bằng việc ấy ta muốn chi phối Sa-môn tinh tấn mà không được. Ta hãy hóa hình làm một đứa nhỏ¹⁵

¹⁵ Bản Pāli: nhập vào một cậu bé (*aññataram kumārakam anvāvisitvā*).

tay cầm cây gậy lớn, đứng bên đường, đánh vỡ đầu Tôn giả Âm, khiến máu chảy ướt cả mặt’.

“Này Ma Ba-tuần, Đức Câu-lưu-tôn Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, sau đó đang du hành trong thôn ấp. Khi đêm đã qua, lúc trời hừng sáng, mang y bát vào trong thôn xóm khát thực, Tôn giả Âm đi hầu theo phía sau. Ma Ba-tuần, lúc ấy Ác ma hóa hình làm một đứa bé, tay cầm một cây gậy lớn đứng bên đường, đánh vỡ đầu Tôn giả Âm, khiến máu chảy ướt cả mặt.

“Này Ma Ba-tuần, Tôn giả Âm sau khi bị vỡ đầu chảy máu, vẫn đi theo sau Đức Câu-lưu-tôn Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, như bóng không rời hình. Này Ma Ba-tuần, Đức Câu-lưu-tôn Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác sau khi đến thôn ấp, bằng sức mạnh cực kỳ của bản thân, Ngài xoay nhìn theo phía hữu, như cái nhìn của một voi chúa, không sợ không hãi, không kinh không khiếp, quán sát khắp mọi phía. Này ma Ba-tuần, Đức Câu-lưu-tôn Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, nhìn thấy Tôn giả Âm đầu bị chảy máu ướt cả mặt, đang đi theo sau Phật như bóng không rời hình, bèn nói rằng: ‘Ác ma thật là hung bạo này có đại oai lực, Ác ma này không biết vừa đủ’.

“Này ma Ba-tuần, Đức Câu-lưu-tôn Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, nói chưa xong thì ngay tại chỗ đó Ác ma liền bị đọa vào đại địa ngục Vô khuyết¹⁶. Ma Ba-tuần, đại địa ngục này có bốn tên gọi¹⁷, một là Vô khuyết, hai là Bách đỉnh, ba là Nghịch thích, bốn là Lục cánh. Trong đại địa ngục đó có ngục tốt đi đến chỗ ác ma ở mà nói rằng: ‘Ngươi nay nên biết, nếu đỉnh hiệp với các đỉnh, phải biết mãn một trăm năm.’ ”

Ma Ba-tuần nghe nói như vậy xong, trong lòng hết sức rúng động, kinh sợ, khủng khiếp vô cùng, tóc lông dựng ngược, bèn hướng đến tôn giả Đại Mục-kiền-liên mà nói bài kệ:

*Địa ngục kia thế nào,
Xưa Ác ma ở đó?*

¹⁶No.66: danh A-tỳ-nê-lê. Có lẽ, Vô khuyết tức Vô gián, hay A-tỳ (Avici). Bản Pāli không nói tên địa ngục gì.

¹⁷Bản Pāli chỉ có ba tên: *chaphassāyatāniko*, địa ngục sáu xúc xú; *saṅkusamāhato*, địa ngục cọc sắt; *paccattavedaniyo*, địa ngục thọ khổ các biệt.

*Nhiều hại phạm hạnh Phật,
Xúc phạm cả Tỳ-kheo.*

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đáp lại ma Ba-tuần bài kệ rằng:

*Địa ngục tên Vô khuyết,
Ác ma từng ở trong.
Nhiều hại đồng phạm hạnh,
Xúc phạm Tỳ-kheo Tăng.*

[623b] *Đinh sắt cả trăm cái,
Thảy đều đâm ngược lên.
Địa ngục tên Vô khuyết,
Ác ma từng ở trong.*

*Nếu như ai không biết,
Đệ tử Phật, Tỳ-kheo,
Tất nhiên khổ như vậy,
Mà thọ báo nghiệp đen.*

*Trong nhiều chốn công viên,
Loài người trên đất này,
Ăn loại lúa tự mọc,
Đòi Bắc châu, tự nhiên.¹⁸*

*Triền núi Đại Tu di
Xông ướp bởi nhân lành.¹⁹
Tu tập nơi giải thoát,
Thọ trì tối hậu thân,*

*Đứng sừng trên suối lớn,
Cung điện kiếp lâu bền.²⁰
Sắc vàng thật khả ái,
Như lửa rực huy hoàng²¹.*

¹⁸ Bốn câu trở lên nói đời sống châu Bắc Câu-lô.

¹⁹ Hai câu nói về trời Tứ thiên vương, ở ngay sườn núi Tu-di (Sineru).

²⁰ Nói về cõi trời Tam thập tam thiên hay Đạo lợi thiên (Tavatimsa), ở trên chóp Tu-di. Từ đây trở xuống, nói về các cõi cao hơn.

*Nhạc trời trôi các thứ;
Đến Đế Thích thiên cung.
Kiếp xưa với nhà cửa,
Thiên Giác đã cúng dường²².*

*Nếu Đế Thích đi trước,
Lên điện Tỳ-xà-diên²³,
Hân hoan chào đón Thích,
Thiên nữ vũ chúc mừng.*

*Nếu thấy Tỳ-kheo đến²⁴,
Nhìn lui, về thẹn thùng.
Trên điện Tỳ-xà-diên,
Luận nghĩa cùng Sa-môn*

*Ái tận, đắc giải thoát²⁵;
Đại tiên có biết chăng?
Tỳ-kheo liền đáp lại,
Người hỏi đúng như nghĩa.*

*Câu-dục, ta biết đây,
Ái tận, đắc giải thoát.
Nghe lời giải đáp này,
Đế Thích hoan hỷ lạc.*

²¹ Hán: Hoàng dục; danh từ bình thường, không chỉ trời Quang âm ở Nhị thiên thiên.

²² Trong một tiền kiếp, Đế Thích cúng dường nhà cửa cho Sa-môn. Do đó, còn có tên là Vāsava.

²³ Tỳ-xà-diên. Pali: Vejayanta (Chiến thắng), được gọi như vậy vì xuất hiện khi Thiên Đế Thích chiến thắng A-tu-la (Asura).

²⁴ Tức Tôn giả Đại Mục-kiền-liên. Xem chú thích ngay dưới.

²⁵ Thiên đế Thích (Sakka) được Phật giảng cho về ái tận giải thoát. Trở về cung điện, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên muốn biết Sakka có hiểu hay không, nên tìm đến điện Vejayanta. Thiên đế Thích từ chối trả lời. Khi Tôn giả thấy đời sống hưởng thụ của Thiên đế Thích cho rằng quá đáng, nên bắm ngón chân cái, làm rung động điện Vejayanta, Thiên Đế Thích hoảng sợ (xem M.37).

Tỳ-kheo ban lợi ích,
Nói năng đúng nghĩa chân.
Trên Tỳ-xà-diên điện,
Hồi Đế Thích thiên vương.

Cung điện tên gì vậy,
Mà Ông thủ thành trì?
Thích đáp: Đại Tiên nhân!
Tên Tỳ-xà-diên-đá.
Gọi là thế giới ngàn,
Ở trong ngàn thế giới;
Không cung điện nào hơn
Như Tỳ-la-diên-đá.

Thiên vương Thiên đế Thích,
Tự tại mà du hành.
Ái-lạc na-du-đá²⁶,
Hóa một thành trăm hàng.

Trong Tỳ-lan-diên điện,
Đế Thích tự tại chơi.
[622c]Tỳ-lan-diên đại điện,
Ngón chân đủ lung lay²⁷.
Thiên vương mắt xem thấy,
Đế Thích tự tại chơi.

Giảng đường Lộc tử mẫu²⁸,
Nền sâu, đắp kiên cố,
Khó động, khó lung lay,
Lay bởi định như ý.

Kia có đất lưu ly,
Thánh nhân bước lên đi

²⁶Na-du-đá, Pāli: nahuta hay nayuta, đơn vị đo đường dài. Nhưng trong đây không rõ ý gì.

²⁷Xem chú thích 25 trên.

²⁸Phật nói về ái tận giải thoát cho Đế Thích tại giảng đường Lộc tử mẫu.

*Tron nhuần, cảm thọ lạc,
Trái gấm êm diệu kỳ.*

*Ái ngữ thường hòa hiệp,
Thiên vương thường hân hoan.
Nhạc trời hay khéo trôi,
Âm tiết họa nhịp nhàng.*

*Thiên chúng đều hội tụ,
Nhưng thuyết Tu-đà-hoàn²⁹.
Biết mấy vô lượng ngàn,
Và hằng trăm na-thuật.*

*Đến Tam thập tam thiên,
Bậc Tuệ Nhân thuyết pháp.
Nghe Ngài thuyết pháp xong,
Hoan hỷ và phụng hành.*

*Ta cũng có pháp ấy,
Như lời của Tiên nhân;
Tức lên cõi Đại phạm,
Hỏi Phạm thiên sự tình.*

*Phạm vẫn có thấy này:
Tức thấy có từ xưa,
Ta vĩnh tồn, thường tại,
Hằng hữu, không biến đổi.*

*Đại Phạm trả lời kia:
Đại tiên tôi không thấy,
Tức thấy có từ xưa,
Ta thường hằng không đổi.*

*Tôi thấy cảnh giới này,
Các Phạm thiên quá khứ;
Ta nay do đâu nói,*

²⁹ Đế Thích được coi như đấng Tu-đà-hoàn, sau khi nghe Phật nói kinh Sakkapañhā (Pāli: D.21, Hán No.1914).

Thường hằng không biến đổi.

*Ta thấy thế gian này,
Bậc Chánh Giác đã dạy.
Tùy nhân duyên sanh ra,
Luân chuyển rồi trở lại.*

*Lửa không nghĩ thế này:
“Ta đốt kẻ ngu dại”
Lửa đốt, ngu sờ tay,
Tất nhiên phải bị cháy.*

*Cũng vậy, Ma Ba-tuần,
Đến Như Lai pháp khuất,
Mãi làm điều bất thiện,
Tất thọ báo miên viễn.
Người đừng trách Phật-đà,
Chớ hại Tỳ-kheo tịnh.*

*Một Tỳ-kheo hàng ma,
Tại Bồ Lâm rừng già.
Con quỷ sâu áo não,
Bị Kiên-liên quở la.
[623a] Hãi hùng mất trí tuệ,
Biến mất bèn đi xa.*

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên thuyết như vậy. Ma Ba-tuần sau khi nghe Tôn giả thuyết, hoan hỷ phụng hành.³⁰



³⁰ Bản Hán, hết quyển 30.

132. KINH LẠI-TRA-HÒA-LA

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại Câu-lâu-sấu¹ cùng với đại chúng Tỳ-kheo, đi đến Thâu-lô-tra²; trú trong vườn Thi-nhiếp-hòa³, phía Bắc thôn Thâu-lô-tra.

Bấy giờ, các Bà-la-môn, Cư sĩ thôn Thâu-lô-tra nghe đồn rằng: “Sa-môn Cù-đàm, con dòng họ Thích, lia bỏ tông tộc, xuất gia học đạo, đang trú Câu-lâu-sấu cùng với đại chúng Tỳ-kheo, đi đến thôn Thâu-lô-tra này, trú trong rừng Thi-nhiếp-hòa, phía Bắc thôn Thâu-lô-tra. Sa-môn Cù-đàm ấy có tiếng tăm lớn, đồn khắp mười phương. Sa-môn Cù-đàm là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Vị ấy ở trong thế gian này, giữa Chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, từ người đến trời, mà tự tri, tự giác, tự chứng ngộ, thành tựu an trụ⁴. Vị ấy thuyết pháp vi diệu ở khởi đầu, vi diệu ở khoảng giữa và đoạn cuối cũng vi diệu, có nghĩa, có văn; cụ túc thanh tịnh, hiển hiện phạm hạnh⁵. Nếu được gặp Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác để tôn trọng, lễ bái, cúng dường, thừa sự, thật là thiện lợi thay! Chúng ta nên cùng nhau đến gặp Sa-môn Cù-Đàm để lễ bái, cúng dường.”

¹ Câu-lâu-sấu 拘樓瘦. Pāli: Kurūsu, giữa những Kuru. No 68: Câu-lưu quốc 拘留國. No 69: Câu-lô thành 俱盧.

² Thâu-lô-tra 輸蘆吒. No.69: Đồ-la tụ lạc 睹羅聚落. No.68: từ Câu-lưu quốc đến Chú-la-âu-tra quốc 耆羅歐吒國. Pāli: một làng của người Kuru tên là Thullakoṭṭihika.

³ Thi-nhiếp-hòa viên 尸攝憇園. Pāli: Sīmsapāvana, rừng cây sīmsapa.

⁴ Hán: *bī u thử thế... tự tri tự giác tự tác chứng thành tựu du*. Pāli, thành cú: *so imaṃ lokam sadevakamsayam abhiññā sacchikatvā pavedeti*, “Vị ấy sau khi bằng thắng trí tự mình chứng nghiệm thế giới này bao gồm chư Thiên... rồi thuyết minh”.

⁵ Hán: *cụ túc thanh tịnh, hiển hiện phạm hạnh* 具足清淨顯現梵行. Pāli, thành cú: *kevalaparipuṇṇam parisuddham brahmacariyam pakāseti*, Ngài nêu sáng đời sống phạm hạnh tuyệt đối hoàn hảo, tuyệt đối trong sạch.

Các Cư sĩ, Bà-la-môn thôn Thâu-lô-tra sau khi đã được nghe như vậy, mỗi người cùng với quyến thuộc theo sau, từ thôn Thâu-lô-tra ra đi, hướng về phía Bắc, đến vườn Thi-nhiếp-hòa. Họ mong gặp Đức Thế Tôn để lễ bái, cúng dường. Sau khi đến nơi Phật, các Bà-la-môn, cư sĩ thôn Thâu-lô-tra kia, có người cúi đầu lễ bái sát chân Phật rồi ngồi sang một bên; có người chào hỏi Phật rồi ngồi sang một bên; có người chấp tay hướng Phật rồi ngồi sang [623b] một bên; có người từ xa thấy Phật, lặng lẽ ngồi xuống. Khi các Bà-la-môn, Cư sĩ thôn Thâu-lô-tra ai nấy đều ngồi yên, Đức Phật nói pháp cho họ, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện nói pháp cho họ, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi Đức Phật ngồi im lặng. Bấy giờ, các Bà-la-môn, Cư sĩ thôn Thâu-lô-tra sau khi được Phật thuyết pháp, khuyến phát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, ai nấy đều rời chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu sát chân Phật, đi quanh Phật ba vòng rồi ra về.

Lúc bấy giờ con trai cư sĩ là Lại-tra-hòa-la⁶ vẫn ngồi không đứng dậy. Đến lúc các Bà-la-môn, cư sĩ thôn Thâu-lô-tra ra về chẳng bao lâu, Lại-tra-hòa-la con trai cư sĩ liền rời chỗ ngồi đứng dậy, trích vai áo, chấp tay hướng về Phật mà bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, như con biết, đối với giáo pháp mà Phật đã dạy, nếu con sống tại gia bị tù hãm trong những sự phiền toái, không thể trọn đời thanh tịnh tu hành phạm hạnh được. Bạch Thế Tôn, xin cho con được theo Thế Tôn xuất gia học đạo, thọ giới Cụ túc, được làm Tỳ-kheo tịnh tu phạm hạnh.”

Đức Thế Tôn hỏi:

“Này con trai Cư sĩ, cha mẹ có cho phép ông ở trong Chánh pháp luật này, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo không?”

Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, cha mẹ chưa cho con ở trong Chánh pháp luật này chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo.”

Đức Thế Tôn dạy:

⁶Lại-tra-hòa-la Cư sĩ tử 賴吒毖羅居士子. Pāli:Ratṭhapālo nāma kulaputto. No 69: Hộ Quốc 護國.

“Này con trai Cư sĩ, nếu cha mẹ không cho phép ông sống trong Chánh pháp luật này, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo, thì Ta không thể độ ông xuất gia học đạo, cũng không thể truyền trao giới Cụ túc.”

Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ bạch:

“Bạch Thế Tôn, con sẽ phương tiện xin cha mẹ để con được phép ở trong Chánh pháp luật này chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo.”

Đức Thế Tôn dạy:

“Này con trai Cư sĩ, tùy ước muốn của ông.”

Khi ấy Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ nghe lời Phật dạy, cẩn thận ghi nhớ, cúi đầu lễ sát chân Phật, đi quanh ba vòng rồi ra về. Về đến nhà, ông thưa với cha mẹ:

“Thưa cha mẹ, như con biết, đối với giáo pháp mà Phật đã dạy, nếu con sống tại gia đình, bị tù hãm trong những sự phiền toái, không thể trọn đời thanh tịnh tu hành phạm hạnh được. Cúi xin cha mẹ cho con trong Chánh pháp luật này mà chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo.”

Cha mẹ của Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ bảo:

“Lại-tra-hòa-la, cha mẹ chỉ có một mình con, hết sức yêu thương chiều chuộng, lòng những quyến luyến không kể xiết. Giả sử con có chết đi, cha mẹ còn không muốn rời bỏ, huống gì còn sống mà nữ lìa xa, không nhìn thấy được mặt sao?”

Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ lại [623c] thưa đến lần thứ ba:

“Thưa cha mẹ, như con biết, đối với giáo pháp mà Phật đã dạy, nếu con sống tại gia đình, bị tù hãm trong những sự phiền toái, không thể trọn đời thanh tịnh tu hành phạm hạnh được. Cúi xin cha mẹ cho con trong Chánh pháp luật này mà chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo.”

Cha mẹ Lại-tra-hòa-la cũng lại bảo đến lần thứ ba:

“Lại-tra-hòa-la, cha mẹ chỉ có một mình con, hết sức yêu thương chiều chuộng, lòng những quyến luyến không kể xiết. Giả sử con có chết đi, cha mẹ còn không muốn rời bỏ, huống gì còn sống mà nữ lìa xa, không nhìn thấy được mặt sao?”

Khi ấy Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ liền vật mình xuống đất, nói:

“Từ nay con không đứng dậy, không uống, không ăn, cho đến khi nào cha mẹ cho con ở trong Chánh pháp luật này chí tín lia bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo.”

Rồi Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ trải qua một ngày không ăn, cho đến hai ngày, ba ngày, bốn ngày, nhiều ngày không ăn. Bấy giờ cha mẹ Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ đến bên con bảo rằng:

“Lại-tra-hòa-la, người con mềm mại, thân hình đẹp đẽ, thường nằm ngòì trên giường tốt, nay con không biết khổ sao? Lại-tra-hòa-la, con hãy mau đứng dậy, sống đời dục lạc mà bố thí, sung sướng mà tu phước nghiệp. Vì sao? Lại-tra-hòa-la, cảnh giới của Đức Thế Tôn rất khó, rất khó! Xuất gia học đạo lại càng rất khó.”

Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ vẫn nằm im lặng không đáp.

Rồi cha mẹ Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ đi đến thân bằng quyến thuộc và các quan viên nói rằng:

“Mong quý vị hãy cùng đến chỗ Lại-tra-hòa-la khuyên nó dậy.”

Thân bằng quyến thuộc của Lại-tra-hòa-la và các quan viên bèn cùng nhau đi đến chỗ Lại-tra-hòa-la bảo rằng:

“Này cậu Lại-tra-hòa-la, người cậu mềm mại, thân hình đẹp đẽ, thường nằm ngòì trên giường tốt, nay không biết khổ sao? Lại-tra-hòa-la, cậu hãy mau đứng dậy, sống đời dục lạc mà bố thí, sung sướng tu phước nghiệp. Vì sao? Lại-tra-hòa-la, cảnh giới của Đức Thế Tôn rất khó, rất khó! Xuất gia học đạo lại càng rất khó.”

Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ vẫn nằm im lặng không đáp.:

Rồi cha mẹ Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ đi đến các thiện tri thức đồng bạn đồng lứa với Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ, nói rằng:

“Mong các cậu đến chỗ Lại-tra-hòa-la-khuyên nó đứng dậy.”

Các thiện tri thức đồng bạn đồng lứa với Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ, liền cùng nhau đi đến bên [624a] Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ, nói rằng:

“Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ, người bạn mềm mại, thân hình đẹp đẽ, thường nằm ngòì trên giường tốt, nay bạn không biết khổ sao? Lại-tra-hòa-la, bạn hãy mau đứng dậy sống đời dục lạc mà bố thí, sung sướng tu phước nghiệp. Vì sao? Lại-tra-hòa-la, cảnh giới của Đức Thế Tôn rất khó, rất khó! Xuất gia học đạo lại càng rất khó.”

Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ vẫn im lặng không đáp.

Khi ấy các thiện tri thức đồng bạn, đồng lứa với Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ đi đến chỗ cha mẹ Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ nói rằng:

“Hai bác nên cho Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ ở trong Chánh pháp luật này chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo. Nếu anh ấy thích sống như vậy, thì ngay trong đời này còn có thể gặp nhau. Nếu anh ấy chán sống cảnh ấy thì tự nhiên sẽ trở về với cha mẹ. Nay nếu không cho anh ấy đi, nhất định anh ấy sẽ chết, không nghi ngờ gì nữa. Như thế có ích gì?”

Khi ấy, cha mẹ Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ nghe xong, liền nói với các thiện tri thức đồng bạn đồng lứa với Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ rằng:

“Chúng tôi nay cho Lại-tra-hòa-la ở trong Chánh pháp luật mà chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo. Nếu học đạo mà vẫn trở về cho chúng tôi gặp.”

Rồi các thiện tri thức đồng bạn đồng lứa với Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ liền cùng nhau đến chỗ Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ nói rằng:

“Này bạn, cha mẹ đã cho bạn ở trong Chánh pháp luật mà chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo. Khi học đạo rồi, phải trở về thăm cha mẹ.”

Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ nghe như vậy, vui mừng khôn tả, hân hoan, sinh ái, sinh lạc, bèn đứng dậy, dần dần bồi dưỡng thân thể. Khi thân thể đã bình phục, liền rời khỏi thôn Thâu-lô-tra, đi đến chỗ Phật, cúi đầu sát chân Phật, bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, cha mẹ đã cho con ở trong Chánh pháp luật này chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo. Ngưỡng mong Thế Tôn cho con được theo Thế Tôn xuất gia học đạo, thọ giới Cụ túc, được làm Tỳ-kheo.”

Khi ấy Đức Thế Tôn độ Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ xuất gia học đạo, truyền trao giới Cụ túc. Sau khi truyền trao giới Cụ túc, Đức Thế Tôn ở lại thôn Thâu-lô-tra một thời gian, sau đó Ngài thân y mang bát lần lượt du hành đến nước Xá-vệ, trú trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la sau khi xuất gia học đạo, thọ giới Cụ túc, sống cô độc ở nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Do sống cô

độc ở nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, ngài đạt đến mục đích mà một thiện nam tử [624b] cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo, là chỉ cầu hoàn thành vô thượng phạm hạnh, ở ngay đời hiện tại này tự tri, tự giác, tự chứng ngộ, thành tựu an trụ, biết như thật rằng: “Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa”. Tôn giả Lại-tra-hòa-la biết như pháp rồi, cho đến, chứng đắc quả A-la-hán.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la, sau khi đắc quả A-la-hán, khoảng chín mươi năm trôi qua, bèn nghĩ rằng: “Ngày xưa ta đã hứa xuất gia học đạo rồi sẽ trở về thăm cha mẹ. Ta nay nên trở về để trọn lời hứa đó.”

Rồi Tôn giả Lại-tra-hòa-la đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, ngồi sang một bên, bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, con trước có lời hứa, là sau khi học đạo rồi, sẽ về thăm cha mẹ. Hôm nay con xin từ giã để về thăm cha mẹ cho trọn lời hứa trước.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nghĩ: “Thiện nam tử Lại-tra-hòa-la này, nếu giả sử xả giới, bỏ đạo, sống đời dục lạc như cũ, chắc chắn không có trường hợp đó.” Đức Thế Tôn biết vậy, liền bảo:

“Ngươi hãy đi. Những ai chưa được độ, hãy độ; chưa giải thoát, hãy khiến cho giải thoát; chưa tịch diệt, khiến được tịch diệt. Lại-tra-hòa-la, nay tùy ý ngươi.

Khi đó, Tôn giả Lại-tra-hòa-la nghe Phật dạy xong, cẩn thận ghi nhớ, liền rời chỗ ngồi đứng dậy, cúi lạy sát chân Phật, đi quanh ba vòng, rồi đi về phòng riêng, thu xếp ngọa cụ, mang y ôm bát, lần lượt du hành đến thôn Thâu-lô-tra, trú trong vườn Thi-nhiếp-hòa, phía Bắc thôn Thâu-lô-tra.

Khi đêm đã qua, trời vừa hừng sáng, Tôn giả Lại-tra-hòa-la mang y ôm bát vào thôn Thâu-lô-tra khát thực. Tôn giả Lại-tra-hòa-la nghĩ như vậy: “Đức Thế Tôn khen ngợi việc thứ lớp khát thực. Ta nay ở trong thôn Thâu-lô-tra này nên theo thứ lớp khát thực.”

Tôn giả Lại-tra-hòa-la ở trong thôn Thâu-lô-tra theo thứ lớp khát thực, lần lượt về đến nhà mình. Lúc đó cha của Tôn giả Lại-tra-hòa-la đứng trong cửa, đang chải tóc cạo râu. Ông ta thấy Lại-tra-hòa-la đi vào, liền nói rằng:

“Sa-môn trọc đầu này bị quỷ đen trói chặt⁷, tuyệt chủng không con cái, phá hoại gia đình ta. Ta có một đứa con, hết sức thương yêu chiều chuộng, lòng những quyến luyến không kể xiết, thế mà nó dẫn đi mất. Đùng cho nó ăn!”

Tôn giả Lai-tra-hòa-la ở nhà cha đã không được bố thí, mà lại bị rửa xả rằng: “Sa-môn trọc đầu này [624c] bị quỷ đen trói chặt, tuyệt chủng không con cái, phá hoại gia đình ta. Ta có một đứa con, hết sức thương yêu chiều chuộng, lòng những quyến luyến không kể xiết, thế mà nó dẫn đi mất. Đùng cho nó ăn!”

Tôn giả Lai-tra-hòa-la nghe vậy liền vội vàng bỏ đi.

Lúc đó người nô tỳ của cha Tôn giả Lai-tra-hòa-la xách một giỏ đồ ăn thiu thối, định vất vào đồng rác. Tôn giả thấy người nô tỳ của cha Tôn giả Lai-tra-hòa-la xách một giỏ đồ ăn thiu thối, định vất vào đồng rác, liền nói:

“Này cô em, nếu đồ ăn thiu thối này đáng bỏ đi thì nên bỏ vào bát của tôi. Tôi sẽ ăn.”

Khi ấy, nô tỳ của cha người nô tỳ của cha Tôn giả Lai-tra-hòa-la đem đồ ăn thiu thối trong giỏ đổ vào bát. Đang khi đổ vào bát, do hai dấu hiệu mà cô nhận ra Tôn giả; đó là: tiếng nói và tay chân của Tôn giả. Nhận ra được hai dấu hiệu này, nó liền chạy đến chỗ cha của Tôn giả Lai-tra-hòa-la, thưa:

“Thưa ông, nên biết, cậu Lai-tra-hòa-la đã trở về để thôn Thâu-lô-tra này rồi. Ông nên đến gặp.”

Cha Tôn giả Lai-tra-hòa-la nghe xong, rất đổi vui mừng phấn khởi, tay trái vén áo, tay mặt vuốt sửa râu tóc, rồi đi nhanh đến chỗ Tôn giả Lai-tra-hòa-la. Khi đó Tôn giả Lai-tra-hòa-la đang quay mặt vào vách, ăn đồ ăn thiu thối ấy.

Cha Tôn giả Lai-tra-hòa-la thấy Tôn giả Lai-tra-hòa-la đang quay mặt vào vách ăn đồ ăn thiu thối, nói rằng:

⁷Hán: *vị hắc sở phược* 為黑所縛. Pāli, thành cú: *kaṇhā bandhupādapaccā*, đen điu, sinh từ dưới bàn chân của bà con ta. Nhưng bản Hán đọc là *kaṇhābandha*.... Xem cht. 11 kinh 31.

“Lại-tra-hòa-la con, người con rất mềm mại, thân hình đẹp đẽ, thường ăn thức ăn ngon. Lại-tra-hòa-la, tại sao con lại ăn đồ ăn thiu thối như thế? Lại-tra-hòa-la, vì lẽ gì con đã về đến thôn Thâu-lô-tra này mà không về nhà cha mẹ?”

Tôn giả Lại-tra-hòa-la thưa rằng:

“Thưa Cư sĩ, con đã vào nhà cha, nhưng không được bố thí mà lại bị rửa xả, mắng rằng: ‘Sa-môn trọc đầu này bị quỷ đen trói chặt, tuyệt chủng không con cái, phá hoại gia đình ta. Ta có một đứa con, hết sức thương yêu chiều chuộng, lòng những quyền luyến không kể xiết, thế mà nó dẫn đi mất. Đùng cho nó ăn!’ Con nghe như vậy bèn vội vàng bỏ đi.

Cha Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói lời xin lỗi rằng:

“Lại-tra-hòa-la, con hãy tha lỗi! Lại-tra-hòa-la, con hãy tha lỗi! Cha thật không biết Lại-tra-hòa-la trở về nhà cha.”

Rồi cha Tôn giả Lại-tra-hòa-la với lòng cung kính, diu đỡ Tôn giả Lại-tra-hòa-la đưa vào trong nhà, trải chỗ ngồi và mời ngồi. Tôn giả Lại-tra-hòa-la bèn ngồi xuống. [625a] Lúc đó, người cha thấy Tôn giả Lại-tra-hòa-la ngồi xong, liền đến chỗ vợ, nói rằng:

“Này bà, nên biết, Thiện nam tử Lại-tra-hòa-la đã về lại nhà rồi, mau sửa soạn cơm nước.”

Mẹ Tôn giả Lại-tra-hòa-la nghe xong, rất đổi vui mừng, phấn khởi, liền vội vàng sửa soạn cơm nước. Soạn cơm nước xong, bà liền mang tiền bạc ra để giữa nhà một đồng lớn. Đồng tiền lớn đến nỗi một người đứng bên này, một người ngồi bên kia, không trông thấy nhau. Dồn một đồng tiền lớn xong, bà đi đến chỗ Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói:

“Lại-tra-hòa-la, đây là phần tiền tài của mẹ. Còn tiền tài của cha con thì nhiều vô lượng trăm ngàn, không thể tính được. Nay giao hết cho con. Lại-tra-hòa-la con, con nên xả giới, bỏ đạo, sống đời dục lạc mà bố thí, sung sướng tu phước nghiệp. Vì sao như vậy? Vì cảnh giới của Thế Tôn rất khó, rất khó! Xuất gia học đạo lại càng rất khó.”

Tôn giả Lại-tra-hòa-la thưa với mẹ rằng:

“Con nay có một điều muốn nói, mẹ có chịu nghe không?”

Mẹ Lại-tra-hòa-la nói:

“Này con nhà Cư sĩ, có điều gì con cứ nói, mẹ sẵn sàng nghe.”

Tôn giả Lại-tra-hòa-la thưa với mẹ rằng:

“Nên may bao vải mới, đựng đầy tiền, dùng xe chở đến sông Hằng, đổ xuống chỗ sâu. Vì sao vậy? Vì do tiền này làm cho con người lo khổ, sầu thương, khóc lóc, không được an vui.”

Khi ấy, mẹ Tôn giả Lại-tra-hòa-la nghĩ rằng: “Bằng phương tiện này không thể làm cho con ta Lại-tra-hòa-la xả giới bỏ đạo. Ta nên đến mấy con vợ cũ của nó, nói như thế này: ‘Các con dâu ơi, các con nên dùng ngọc anh lạc khi trước trang điểm thân thể, thứ ngọc mà thiện nam tử Lại-tra-hòa-la lúc còn ở nhà ưa thích nhất. Dùng thứ anh lạc này trang điểm rồi, các con cùng nhau đến bên Lại-tra-hòa-la, mỗi đứa ôm một chân mà nói rằng: Không biết hiền lang có thiên nữ nào đẹp hơn tôi mà khiến cho hiền lang bỏ tôi để tu phạm hạnh vì nàng?’”

Nghĩ xong, bà ta liền đến chỗ các vợ cũ của Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói như thế này:

“Các con dâu ơi, các con nên dùng ngọc anh lạc khi trước trang điểm thân thể, thứ ngọc mà thiện nam tử Lại-tra-hòa-la lúc còn ở nhà ưa thích nhất. Dùng thứ anh lạc này trang điểm rồi, các con cùng nhau đến bên Lại-tra-hòa-la, [625b] mỗi đứa ôm một chân mà nói rằng: ‘Không biết hiền lang có thiên nữ nào đẹp hơn tôi mà khiến cho hiền lang bỏ tôi để tu phạm hạnh vì nàng?’”

Khi ấy, các cô vợ cũ của Tôn giả Lại-tra-hòa-la liền dùng ngọc anh lạc khi trước trang điểm thân thể, thứ anh lạc mà Tôn giả Lại-tra-hòa-la lúc còn tại gia ưa thích nhất. Dùng loại ngọc đó trang điểm rồi, liền kéo đến bên Tôn giả Lại-tra-hòa-la, mỗi người ôm một chân mà nói như thế này:

“Không biết hiền lang có thiên nữ nào đẹp hơn tôi mà khiến cho hiền lang bỏ tôi để tu phạm hạnh vì nàng?”

Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói với các cô vợ cũ rằng:

“Này các cô em, các cô nên biết, tôi không phải vì thiên nữ mà tu phạm hạnh. Sở dĩ tôi tu phạm hạnh, nay đã được mục đích ấy. Những điều Phật dạy, nay tôi đã làm xong.”

Những bà vợ của Tôn giả Lại-tra-hòa-la đứng sang một bên khóc lóc rơi lệ mà nói rằng:

“Tôi không phải em gái của hiền lang, nhưng hiền lang lại gọi tôi bằng

cô em.”

Lúc đó Tôn giả Lại-tra-hòa-la quay nhìn về phía cha mẹ, nói:

“Thưa Cư sĩ, nếu có thí cơm, đúng giờ thì thí, tại sao làm phiền nhau?”

Bấy giờ, cha mẹ Tôn giả Lại-tra-hòa-la liền đứng dậy, thân hành lấy nước rửa, dâng ngài các món hào soạn dồi dào, đủ các loại cứng mềm, tự thân chiêm chước cho ngài ăn no. Ăn xong thân dọn chén bát, dùng nước rửa xong, lấy một cái giường nhỏ ngồi riêng nghe pháp.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la thuyết pháp cho cha mẹ nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho họ, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, ngài từ chỗ ngồi đứng dậy, nói tụng rằng:

*Hãy nhìn hình bóng trang sức này,
Trân bảo ngọc ngà và các thứ;
Tóc uốn lượn buông xuôi phía hữu;
Nốt ruồi xanh, mắt kẻ, mi dài.
Trò dối trá gạt người si dại,
Nhưng lừa sao được kẻ sang bờ!*

*Với bao nhiêu gắm vóc lụa là,
Mong làm đẹp thân hình xú ố.
Trò dối trá gạt người si dại;
Nhưng lừa sao được kẻ sang bờ!*

*Và bao nhiêu hương liệu bôi xoa,
Châm chắm điểm phấn vàng son đỏ.
Trò dối trá gạt người si dại;
Nhưng lừa sao được kẻ sang bờ!*

*Áo tịnh diệu trang hoàng thân thể;
Nhưng nguyên hình huyễn hoặc còn trơ.
Trò dối trá gạt người si dại;
Nhưng lừa sao được kẻ sang bờ!*

[625c]*Khi nai đã đập tan lưới bẫy,
Và phá tung cổng nhốt một đời;
Ta bỏ lại miếng mồi, đi mất;*

Ai yêu gì trời buộc thân nai?

Tôn giả Lai-tra-hòa-la nói tụng rồi, dùng như ý túc nương hư không mà đi. Đến rừng Thâu-lô-tra, đi vào rừng ấy, trải ni-sur-đàn ngồi kiết già dưới cây tì-hê-lặc⁸.

Bấy giờ, vua Câu-lao-bà⁹ với quần thần trước sau vây quanh, ngồi ở chánh điện, bàn tán khen ngợi Tôn giả Lai-tra-hòa-la rằng:

“Nếu ta nghe tin Thiện nam tử Lai-tra-hòa-la¹⁰ đến Thâu-lô-tra này thì ta quyết đến thăm.”

Khi ấy vua Câu-lao-bà bảo thợ săn rằng:

“Người hãy đi dò xét rừng Thâu-lô-tra. Ta muốn đến đó săn.”

Thợ săn vâng lời, liền đến dò xét rừng Thâu-lô-tra. Khi người thợ săn dò xét rừng, thấy Tôn giả Lai-tra-hòa-la trải tọa cụ ngồi kiết già dưới cây tì-hê-lặc, liền nghĩ: “Người mà vua Câu-lao-bà cùng quần thần ngồi tại chánh điện bàn tán khen ngợi, bây giờ ở đây.”

Khi người thợ săn dò xét rừng Thâu-lô-tra xong rồi, trở về tâu với vua Câu-lao-bà rằng:

“Tâu Đại vương, nên biết, tôi đã xem rừng Thâu-lô-tra rồi. Xin theo ý Đại vương. Tâu Đại vương, Tôn giả Lai-tra-hòa-la, người mà Đại vương cùng quần thần ngồi ở chánh điện bàn tán khen ngợi rằng: ‘Nếu ta nghe tin Thiện nam tử Lai-tra-hòa-la đến Thâu-lô-tra này, ta quyết đến thăm’. Nay Tôn giả Thiện nam tử Lai-tra-hòa-la hiện đang ở trong rừng Thâu-lô-tra, trải tọa cụ ngồi kiết già dưới cây tì-hê-lặc, Đại vương muốn gặp có thể đến đó.”

Vua Câu-lao-bà nghe xong, bảo người đánh xe:

“Người mau mau sửa soạn xa giá. Ta muốn đến gặp Lai-tra-hòa-la.

Người đánh xe vâng lệnh, sửa soạn xa giá xong trở lại tâu vua:

⁸ Tì-hê-lặc 鞞 醯 勒. Pāli: *vibhīṭaka*, cây xuyên luyện (Terminalia belerica), có thể dùng quả nó làm thuốc.

⁹ Câu-lao-bà; tên vua, chủ khu vườn nai mà Lai-tra-hòa-la đang trú. Xem No(160), kinh “A-lan-na” sau. Pāli: Koravya.

¹⁰ Hán: *Lai-tra-hòa-la tộc tánh tử*: Lai-tra-hòa-la, con trai nhà tông tộc, hay con nhà gia thế.

“Tâu Đại vương, nên biết, xa giá đã sửa soạn xong. Xin theo ý Đại vương.”

Khi ấy vua Câu-lao-bà liền ngồi xe ra đi đến rừng Thâu-lô-tra. Từ xa trông thấy Tôn giả Lại-tra-hòa-la, vua liền xuống xe, đi bộ đến chỗ Tôn giả Lại-tra-hòa-la. Tôn giả Lại-tra-hòa-la thấy vua Câu-lao-bà đến, nói rằng:

“Đại vương, nay đến đây, muốn ngồi đâu tự tiện ngồi, được chăng?”

Vua Câu-lao-bà đáp:

“Hôm nay tuy tôi đến bờ cõi của mình, nhưng ý tôi muốn [626a] Thiện nam tử Lại-tra-hòa-la mời tôi ngồi.”

Tôn giả Lại-tra-hòa-la liền mời vua Câu-lao-bà rằng:

“Đây có chỗ ngồi riêng, xin mời Đại vương ngồi.”

Khi ấy, vua Câu-lao-bà với Tôn giả Lại-tra-hòa-la cùng chào hỏi nhau rồi ngồi sang một bên. Vua nói với Tôn giả Lại-tra-hòa-la:

“Có phải ngài vì gia đình suy sụp mà xuất gia học đạo chăng? Nếu vì không có tài vật nên sống đời học đạo, thì này Lại-tra-hòa-la, trong nhà của Câu-lao-bà vương gia này có nhiều tài vật, tôi sẽ xuất tài vật cho Lại-tra-hòa-la, khuyên Lại-tra-hòa-la xả giới bỏ đạo, sống đời dục lạc mà bố thí, tùy ý tu phước nghiệp. Vì sao như vậy? Lại-tra-hòa-la, giáo pháp của Tôn sư rất khó, xuất gia học đạo lại càng khó hơn”.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la nghe xong, nói rằng:

“Đại vương nay bằng sự bất tịnh mời tôi, không phải bằng sự thanh tịnh mà mời.”

Vua Câu-lao-bà nghe xong, hỏi:

“Tôi phải làm sao để thỉnh mời Lại-tra-hòa-la bằng sự thanh tịnh, không phải bằng sự bất tịnh?”

Tôn giả Lại-tra-hòa-la đáp:

“Đại vương, nên nói như thế này: ‘Lại-tra-hòa-la, nhân dân trong nước tôi an ổn, sung sướng, không có việc kinh sợ, không có đấu tranh, không có hà khắc, không có khổ nô dịch; lúa gạo đầy đủ, khát thực dễ được. Lại-tra-hòa-la sống trong nước tôi, tôi sẽ ủng hộ như pháp’. Đại vương, nói như vậy gọi là bằng sự thanh tịnh mời tôi, không phải bằng sự bất tịnh mà mời.”

Vua Câu-lao-bà nghe xong, nói:

“Nay tôi bằng sự thanh tịnh mà mời Lại-tra-hòa-la; không phải bằng sự bất tịnh. Nhân dân trong nước tôi an ổn, sung sướng, không có việc kinh sợ, không có đấu tranh, không có hà khắc, không có khổ nô dịch; lúa gạo đầy đủ, khát thực dễ được. Lại-tra-hòa-la sống trong nước tôi, tôi sẽ ủng hộ như pháp.”

“Lại nữa, Lại-tra-hòa-la, có bốn trường hợp suy vi, do suy vi nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo. Những gì là bốn? Bệnh suy, lão suy, tài sản suy, thân tộc suy.

“Lại-tra-hòa-la, thế nào là bệnh suy? Hoặc có người trường kỳ bị bệnh; bệnh tật rất nặng, quá đau đớn, người ấy nghĩ rằng: ‘Ta trường kỳ bị bệnh; bệnh tật rất nặng, quá đau đớn. Ta thật có dục vọng nhưng không sống đời dục lạc được. Ta nay nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo’. Sau đó, người ấy vì bệnh suy nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo. Đó gọi là bệnh suy.

“Lại-tra-hòa-la, thế nào gọi là lão suy? Hoặc có người tuổi già, các căn suy yếu, tuổi thọ gần hết, người ấy [626b] nghĩ rằng: ‘Ta tuổi đã già, các căn suy yếu, tuổi thọ gần hết, ta thật có dục vọng nhưng không thể sống đời dục lạc, ta nay nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo’. Sau đó, người ấy vì lão suy nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo. Đó gọi là lão suy.

“Lại-tra-hòa-la, thế nào là tài sản suy? Hoặc có người bần cùng cô thế, người ấy nghĩ rằng: ‘Ta bần cùng cô thế, ta nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo’. Sau đó, người ấy vì tài sản suy nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo. Đó gọi là tài sản suy.

“Lại-tra-hòa-la, thế nào gọi là thân tộc suy? Hoặc có người bà con tuyệt tự, chết tuyệt, không còn một ai, người ấy nghĩ rằng: ‘Ta nay bà con tuyệt tự, chết tuyệt, không còn một ai. Ta nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo’. Sau đó người ấy vì thân suy nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo. Đó gọi là thân tộc suy.

“Lại-tra-hòa-la khi xưa không bệnh hoạn, an ổn trọn vẹn, đường tiêu hóa điều hòa, không lạnh không nóng, bình chánh an lạc, thuận hòa không tranh chấp; do đó, các thứ đồ ăn mềm hay cứng được dễ dàng tiêu hóa, an ổn. Như vậy, Lại-tra-hòa-la chẳng phải vì bệnh suy mà cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo.

“Lại-tra-hòa-la khi xưa vào tuổi niên thiếu, tóc đen óng mượt, thân thể khỏe mạnh, rồi xướng ca tấu nhạc, mặc tình thỏa thích. Lại chung diện thân thể, thường thích dạo chơi. Lúc ấy bà con không ai muốn để ngài học đạo; cha mẹ khóc lóc, lo sầu áo nã, cũng không cho ngài xuất gia học đạo. Nhưng ngài cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo. Như vậy Lại-tra-hòa-la không vì lão suy mà cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo.

“Lại-tra-hòa-la ở trong thôn Thâu-lô-tra này, về phần tài vật, gia đình ngài là đệ nhất, là tối đại, là tối thắng, là tối thượng. Như vậy Lại-tra-hòa-la không vì tài sản suy mà cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo.

“Lại-tra-hòa-la ở trong rừng Thâu-lô-tra này, các bà con giàu có đều còn sống. Như vậy, Lại-tra-hòa-la không phải vì thân tộc suy mà [626c] cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo.

“Lại-tra-hòa-la, đối với bốn trường hợp suy vì ấy, hoặc do một suy vì nào đó nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo, nhưng tôi thấy Lại-tra-hòa-la không có một suy vì nào khả dĩ khiến Lại-tra-hòa-la cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo. Lại-tra-hòa-la hiểu biết thế nào và được nghe những gì mà cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo?”

Tôn giả Lại-tra-hòa-la đáp:

“Đại vương, Thế Tôn là đáng đã biết, đã thấy, là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, đã giảng thuyết bốn sự. Tôi hoan hỷ chấp nhận điều ấy; tôi thấy, nghe, hiểu biết điều ấy, nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo.

“Nhưng gì là bốn¹¹? Đại vương, thế gian này không được bảo vệ, không đáng nương tựa¹². Thế gian này nhất thiết phải đi đến sự già nua¹³. Thế gian này không thường, cần phải bỏ đi¹⁴. Thế gian này không có sự thỏa mãn, không có sự biết đủ, là tội tớ của ái¹⁵.”

Vua Câu-lao-bà hỏi:

“Lại-tra-hòa-la, như ngài vừa nói, ‘Đại vương, thế gian này không được bảo vệ, không đáng nương tựa’. Nhưng, Lại-tra-hòa-la, tôi có con, cháu, anh, em, bè đảng, tượng quân, xa quân, mã quân, bộ quân, thầy đều giỏi bắn, giỏi chống cự, nghiêm nghị, dũng mãnh như vương tử, lực sĩ, Bát-la-khiên-đề, Ma-ha-năng-già¹⁶; lại có người xem tướng, có kẻ trừ mưu, có người tính toán, có kẻ thông hiểu điển sách, có người giỏi đàm luận, có quân thần, có quyền thuộc, người trì chú, kẻ biết chú, bất cứ phương nào có sự khủng bố thì có kẻ chế phục, ngăn cản. Nếu như lời Lại-tra-hòa-la nói, ‘Đại vương, thế gian này không được bảo vệ, không đáng nương tựa,’ thì này Lại-tra-hòa-la, nói như thế có nghĩa gì?”

Tôn giả Lại-tra-hòa-la đáp:

“Đại vương, bây giờ tôi hỏi Vua, xin tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Đại vương, thân này có bệnh chăng?”

Vua Câu-lao-bà đáp:

¹¹ Bốn sự kiện theo No.69: lão, bệnh, ái, tử. No.68: đại loại như vậy. Pāli và bản Hán này tương đồng về đại cương.

¹² Pl. (M. ii. 67): *atāṇo loko anabhissaro 'ti*, thế gian này vô hộ, vô chủ.

¹³ Hán: *thú hướng lão pháp* 趣向老法. Pāli: *upaniyyati loko addhuvo ti*, thế gian này không bền vững, bị lôi cuốn đi.

¹⁴ Pāli: *assako loko sabbaṃ pahāya gamanīyan ti*, thế giới này không sở hữu; cần xả bỏ tất cả khi ra đi. Trong bản Hán, *assaka*, “không có sở hữu” được đọc là *asassaka*, “không thường hằng”.

¹⁵ Hán: *vi ái tẩu sứ* 為愛走使. Pāli: *ūno loko atitto taṇhādāso ti*, thế gian này thiếu thốn, không thỏa mãn, nô lệ của khát ái.

¹⁶ *Bát-(thâu?)-la-khiên-đề Ma-ha-năng-già* 鉢(鑰)邏騫提 摩訶能伽, không rõ tên của cái gì. Hoặc giả là tên một con voi chúa (Ma-ha-năng-già: *mahānāga*).

“Lại-tra-hòa-la, nay thân này của tôi thường có phong bệnh¹⁷.”

Tôn giả Lại-tra-hòa-la hỏi:

“Đại vương, khi phong bệnh bộc phát rất trầm trọng, rất đau đớn, thì này Đại vương, lúc ấy có thể bảo bọn con cháu, anh em, họ hàng thân thích, tượng quân, xa quân, mã quân, bộ quân, thầy đều giỏi bắn, giỏi chống cự, nghiêm nghị, đồng mãnh như vương tử, lực sĩ, Bát-la-khiên-đề, Ma-ha-năng-già, kẻ xem tướng, kẻ trừ mưu, người tính toán, kẻ thông hiểu điển sách, người giỏi đàm luận, quân thần quyền thuộc, kẻ trì chú, người biết chú, rằng ‘Các người hãy đến, tạm thời thay thế ta chịu sự khổ sở đau đớn để [627a] ta khỏi bệnh, an lạc’ được chăng?”

Vua Câu-lao-bà đáp:

“Không được. Vì sao vậy? Tôi tự gây nghiệp; nhân bởi nghiệp, duyên bởi nghiệp, riêng mình chịu khổ sở đau đớn.”

Tôn giả Lại-tra-hòa-la bảo:

“Đại vương, thế cho nên Đức Thế Tôn dạy rằng ‘Thế gian này không được bảo vệ, không đáng nương tựa. Tôi muốn nhả lạc điều đó, tôi thấy, nghe, hiểu biết điều đó nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo.’”

Vua Câu-lao-bà nói rằng:

“Như Lại-tra-hòa-la đã nói, ‘Đại vương, thế gian này không được bảo vệ, không đáng nương tựa’. Nay Lại-tra-hòa-la, tôi cũng muốn nhả lạc điều đó. Vì sao như vậy? Thế gian này quả thật không được bảo vệ, không đáng nương tựa.”

Vua Câu-lao-bà lại hỏi:

“Như Lại-tra-hòa-la đã nói, ‘Đại vương, thế gian này tất cả đều đi đến chỗ già nua’. Lại-tra-hòa-la, nói như vậy có nghĩa gì?”

Tôn giả Lại-tra-hòa-la đáp:

“Đại vương, bây giờ tôi hỏi Vua, xin tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Lúc Đại vương còn hai mươi bốn tuổi hay hai mươi lăm tuổi thì như thế nào? Khi ấy sự nhanh nhẹn như thế nào đối với ngày nay? Khi ấy, gân sức, hình thể, nhan sắc như thế nào đối với ngày nay?”

¹⁷ Hán: *phong bệnh* 風病. Pāli: *amusāyiko ābādho*, bệnh thống phong mạn tính.

Vua Câu-lao-bà đáp:

“Khi tôi còn hai mươi bốn hay hai mươi lăm tuổi, tự nhớ lại thời ấy, sự nhanh nhẹn, gân sức, hình thể, nhan sắc không ai hơn tôi. Lại-tra-hòa-la, tôi nay đã già nua, các căn lụn bại, mạng sống sắp chấm dứt, tuổi đầy tám mươi, đâu có mạnh khỏe như xưa.”

Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói:

“Đại vương, thế cho nên Đức Thế Tôn dạy rằng: ‘Thế gian này, tất cả đều đi đến chỗ già nua’. Tôi muốn tiếp nhận điều đó, tôi thấy, nghe, hiểu biết điều đó nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín từ bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo.”

Vua Câu-lao-bà nói:

“Như Lại-tra-hòa-la nói, ‘Đại vương, thế gian này tất cả đều đi đến chỗ già nua’. Tôi cũng muốn tiếp nhận điều đó. Vì sao như vậy? Thế gian này quả thật tất cả đều đi đến chỗ già nua.”

Vua Câu-lao-bà lại hỏi:

“Như Lại-tra-hòa-la đã nói, ‘Đại vương, thế gian này vô thường, cần phải bỏ đi’. Lại-tra-hòa-la, nói như vậy lại có nghĩa gì?”

Tôn giả Lại-tra-hòa-la đáp:

“Đại vương, bây giờ tôi hỏi Vua, xin tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Đại vương, có nước Câu-lâu-sấu dồi dào, hậu cung dồi dào, kho tàng dồi dào không?”

Vua Câu-lao-bà đáp:

“Đúng vậy!”

Tôn giả Lại-tra-hòa-la lại hỏi:

“Đại vương, có nước Câu-lâu-sấu [627b] dồi dào, hậu cung dồi dào, kho tàng dồi dào, nếu thời gian đã đến, không thể nương tựa, chịu đựng sự tan vỡ, tất cả đời này đều đi đến chỗ diệt vong; lúc đó nước Câu-lâu-sấu dồi dào, hậu cung dồi dào, kho tàng dồi dào, có thể từ đời này mang qua đời sau không?”

Vua Câu-lao-bà đáp:

“Không được. Vì sao như vậy? Tôi phải đơn độc, cô thân, cũng không bạn bè, từ đời này mà đi đến đời sau.”

Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói:

“Thế cho nên Đức Thế Tôn dạy rằng: ‘Thế gian này vô thường, cần phải bỏ đi’. Tôi muốn nhả lạc điều đó, tôi thấy, nghe, hiểu biết điều đó nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo.”

Vua Câu-lao-bà nói:

“Nhu Lại-tra-hòa-la đã nói, ‘Đại vương, thế gian này vô thường, cần phải bỏ đi’. Tôi cũng muốn nhả lạc điều đó. Vì sao? Thế gian này quả thật vô thường, cần phải bỏ đi.”

Vua Câu-lao-bà lại hỏi:

“Nhu Lại-tra-hòa-la đã nói, ‘Đại vương, thế gian này không có sự thỏa mãn, không có sự biết đủ, là tội tớ của ái’. Lại-tra-hòa-la, nói điều này, như vậy có nghĩa gì?”

Tôn giả Lại-tra-hòa-la đáp:

“Đại vương, bây giờ tôi hỏi Vua, xin tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Có nước Câu-lâu-sấu dồi dào, hậu cung dồi dào, kho tàng dồi dào không?”

Vua Câu-lao-bà đáp:

“Đúng vậy.”

Tôn giả Lại-tra-hòa-la lại hỏi:

“Có nước Câu-lâu-sấu dồi dào và hậu cung dồi dào, kho tàng dồi dào; nếu có một người từ phương Đông đến, đáng tin nhiệm, không lừa dối, nói với vua rằng: Tôi từ phương Đông đến, thấy nước ấy vô cùng giàu có an vui, nhân dân đông đúc. Đại vương, có thể chiếm đoạt của cải, nhân dân, lực dịch nước ấy. Vua có muốn đi đánh chiếm nước ấy không?”

Vua Cao-lao-bà đáp:

“Lại-tra-hòa-la, nếu tôi biết có nước nào giàu có của cải, nhân dân, lực dịch như vậy, tôi sẽ đi đánh chiếm nước đó.”

“Cũng vậy, phương Nam, phương Tây, phương Bắc cũng như vậy. Từ bờ biển lớn, nếu có một người đến, đáng tin nhiệm, không lừa dối, nói với vua rằng: Tôi từ bờ biển lớn đến, thấy nước ấy vô cùng giàu có an lạc, nhân dân đông đúc. Đại vương, có thể chiếm đoạt của cải, nhân dân, lực dịch nước ấy. Vua có muốn đi đánh chiếm nước ấy không?”

Vua Cao-lao-bà đáp:

“Lại-tra-hòa-la, nếu tôi biết có nước nào giàu có của cải, [627c] nhân dân, lực dịch như vậy, tôi sẽ đi đánh chiếm nước đó.”

Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói:

“Đại vương, thế cho nên Đức Thế Tôn dạy rằng: ‘Thế gian này không có sự thỏa mãn, không có biết đủ, là tội tứ của ái’. Tôi muốn nhắn lặc điều đó; tôi thấy, nghe, hiểu biết điều đó nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo.”

Vua Câu-lao-bà nói:

“Như Lại-tra-hòa-la đã nói, ‘Đại vương, thế gian này không có sự thỏa mãn, không có sự biết đủ, là tội tứ của ái’. Tôi cũng muốn nhắn lặc điều đó. Vì sao? Vì thế gian này quả không có sự thỏa mãn, không có sự biết đủ, là tội tứ của ái.”

Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói:

“Đức Thế Tôn, là đáng đã biết, đã thấy, là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, nói cho tôi nghe bốn việc này. Tôi muốn nhắn lặc điều đó nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo.”

Lúc đó, Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói tụng rằng:

*Ta thấy người thế gian,
Có của, ngu không thí;
Được của rồi cầu thêm,
Xan tham chứa chất của.*

*Làm vua, được thiên hạ,
Chinh ngự tùy sức mình.
Trong nước không biết đủ,
Lại tìm ở nước ngoài.*

*Vua và các nhân dân
Chưa thỏa dục, mạng vong.
Xóa tóc, vợ con khóc;
Ôi thôi, khổ khó ngăn.*

Bỏ chẵn đệm chôn cất;

*Hoặc chất củi hỏa thiêu.
Duyên đi đến đời sau;
Thiêu rồi vẫn ngu dại.*

*Chết rồi của không theo;
Vợ con và nô tỳ,
Giàu nghèo đều chung nhau;
Ngu, trí, cũng vậy thôi.*

*Người trí chẳng âu lo;
Kẻ ngu ôm sầu thảm.
Thế nên trí tuệ hơn;
Bước về nẻo chánh giác.*

*Chấp chặt theo có Hữu,
Kẻ ngu gây hạnh ác.
Vớ pháp, làm phi pháp;
Dùng sức cưỡng đoạt người.*

*Kém trí bắt chước theo;
Ngu làm nhiều hạnh ác.
Nhập thai đến đời sau,
Luôn luôn chịu sanh tử.*

[628a] *Đã thọ sanh ra đời,
Chỉ làm các việc ác.
Như giặc bị bắt trói;
Tự làm ác hại mình.*

*Chúng sanh này như thế,
Cho mãi đến đời sau,
Do nghiệp mình đã tạo
Tự làm ác hại mình.*

*Như trái chín tự rụng;
Già trẻ cũng như vậy.
Muốn trang điểm, yêu thích;
Tâm hưởng sắc tốt xấu;*

Bị dục trói buộc hại;

*Do dục sanh kinh hĩ.
Vua, tôi thấy giác này,
Biết Sa-môn vi diệu.*

Tôn giả Lại-tra-hòa-la thuyết như vậy. Vua Câu-lao-bà sau khi nghe lời Tôn giả Lại-tra-hòa-la thuyết xong, hoan hỷ phụng hành.¹⁸



¹⁸ Bản Hán, hết quyển 31.

133. KINH ƯU-BA-LY

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại Na-nan-đà¹, trong vườn xoài Ba-bà-ly².

Lúc bấy giờ có người Ni-kiền là Trường Khổ Hạnh³ sau giờ ăn trưa, ung dung đi đến chỗ Phật, và sau khi chào hỏi, ngồi xuống một bên.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bèn hỏi:

“Nhà khổ hạnh Ni-kiền Thân Tử⁴ chủ trương có bao nhiêu hành vi để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp?”⁵”

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh đáp:

“Thưa Cù-đàm, Tôn sư của tôi, Ni-kiền Thân Tử, không giảng dạy cho chúng tôi về những hành vi để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp. Nhưng người giảng dạy chúng tôi về sự trừng phạt để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp.”

Thế Tôn lại hỏi:

“Nhà khổ hạnh Ni-kiền Thân Tử chủ trương có bao nhiêu sự trừng phạt để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp?”

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh đáp rằng:

“Thưa Cù-đàm, Tôn sư của tôi, Ni-kiền Thân Tử giảng dạy cho chúng tôi về ba sự trừng phạt để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp. [628b] Những gì là ba? Đó là sự trừng phạt bằng thân, sự trừng phạt bằng miệng và sự trừng phạt bằng ý⁶.

¹ Na-nan-đà 那難陀. Pāli: Nālandā.

² Ba-bà-ly nại lâm 波婆離奈林. Pāli: khu rừng xoài của Pāvārika, của một đại phú tại Nālanda (Na-nan-đà), một thị trấn ở gần Rājagaha.

³ Trường Khổ Hạnh Ni-kiền 長苦行尼犍. Pāli: Dīghatapassī-nigaṇṭha, một đệ tử của Nigaṇṭha-Nātaputta (Ni-kiền Thân Tử).

⁴ Ni-kiền Thân Tử 尼犍親子, Nigaṇṭha-Nātaputta.

⁵ M. i. 371: *kati...kammāni paññapeti pāpassa kammaṣṣa kiriyāya pāpassa kammaṣṣa pavattiyā'ti*, có bao nhiêu nghiệp để thi hành ác nghiệp, để tiến hành ác nghiệp?

⁶ Tam phạt: thân phạt, khẩu phạt, ý phạt 三罰身罰口罰意罰. Pl.: *tīni daṇḍāni paññapeti- kāyadaṇḍaṃ vacīdaṇḍaṃ manodaṇḍaṃ*.

Đức Thế Tôn lại hỏi:

“Này Khổ Hạnh, thế nào, thân phật, khẩu phật, ý phật có khác nhau không?”

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh đáp rằng:

“Thưa Cù-Đàm, đối với chúng tôi, thân phật khác, khẩu phật khác, ý phật khác.”

Đức Thế Tôn lại hỏi:

“Này Khổ Hạnh, các sự trùng phật này tương tự như vậy. Ni-kiền Thân Tử chủ trương trùng phật nào nặng hơn hết để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp? Sự trùng phật của thân chăng? Của khẩu chăng? Của ý chăng?”

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh đáp rằng:

“Thưa Cù-đàm, các sự trùng phật này tương tự như vậy. Tôn sư tôi, Ni-kiền Thân Tử chủ trương thân phật là nặng hơn hết để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp. Khẩu phật thì không phải vậy, ý phật thì nhẹ nhất, không bằng thân phật vốn rất lớn lao, rất nặng nề.”

Thế Tôn lại hỏi:

“Này Khổ Hạnh, ông nói thân phật nặng nhất chăng?”

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh đáp:

“Thưa Cù-đàm, thân phật nặng nhất.”

Đức Thế Tôn hỏi lại đến lần thứ ba:

“Này Khổ Hạnh, ông nói thân phật nặng nhất chăng?”

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh cũng ba lần đáp lại:

“Thưa Cù-đàm, thân phật nặng nhất.”

Đức Thế Tôn thẩm định ba lần Ni-kiền Trường Khổ Hạnh việc như vậy xong, bèn ngồi im lặng.

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh hỏi:

“Sa-môn Cù-đàm chủ trương có bao nhiêu sự trùng phật để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp?”

Bấy giờ Đức Thế Tôn đáp:

“Này Khổ Hạnh, Ta không giảng thuyết về những trùng phật để không

hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp. Ta chỉ giảng thuyết về nghiệp để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp.”

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh hỏi:

“Cù-đàm chủ trương có bao nhiêu nghiệp để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp?”

Thế Tôn lại đáp:

“Này Khổ Hạnh, Ta giảng thuyết về ba nghiệp để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp. Thế nào là ba? Là thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp.”

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh lại hỏi:

“Cù-đàm, thân nghiệp khác, khẩu nghiệp khác, ý nghiệp khác chăng?”

Thế Tôn lại đáp:

“Ta nói, thân nghiệp khác, khẩu nghiệp khác, ý nghiệp khác vậy”.

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh hỏi:

“Thưa Cù-đàm, ba nghiệp này tương tự như vậy, Ngài chủ trương nghiệp nào nặng nhất để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp? Là thân nghiệp chăng? Khẩu nghiệp chăng? Ý nghiệp chăng?”

Thế Tôn lại đáp:

“Này Khổ Hạnh, ba nghiệp này tương tự như vậy, Ta giảng thuyết ý nghiệp là nặng nhất để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp. Thân nghiệp và khẩu nghiệp thì không phải vậy.”

[628c] Ni-kiền Trường Khổ Hạnh hỏi:

“Cù-Đàm chủ trương ý nghiệp nặng nhất chăng?”

Thế Tôn đáp:

“Này Khổ Hạnh, Ta giảng thuyết ý nghiệp là nặng nhất.”

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh lại hỏi đến ba lần:

“Cù-Đàm chủ trương thì thiết ý nghiệp là nặng nhất chăng?”

Thế Tôn cũng trả lời đến ba lần:

“Này Khổ Hạnh, Ta giảng thuyết ý nghiệp là nặng nhất vậy.”

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh ba lần thăm định Thế Tôn sự việc đó như vậy xong, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi nhiều ba vòng quanh Thế Tôn rồi lui

về; đi đến chỗ Ni-kiền Thân Tử. Ni-kiền Thân Tử từ xa thấy Trường Khổ Hạnh đi đến, liền hỏi:

“Này Khổ Hạnh, ngươi từ đâu đến vậy?”

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh đáp:

“Con từ Na-nan-đà, trong vườn xoài Ba-bà-ly, tại chỗ của Sa-môn Cù-đàm đến đây.”

Ni-kiền Thân Tử hỏi:

“Này Khổ Hạnh, ông có cùng Sa-môn Cù-đàm bàn luận không?”

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh đáp:

“Có bàn luận với nhau.”

Ni-kiền Thân Tử nói rằng:

“Này Khổ Hạnh, nếu đã cùng với Sa-môn Cù-đàm bàn luận, thì hãy nói lại hết cho ta nghe, để hoặc giả ta biết được luận thuyết của vị ấy”.

Rồi Ni-kiền Trường Khổ Hạnh mới đem sự việc thảo luận với Thế Tôn nói lại cho ông nghe. Ni-kiền Thân Tử nghe xong, khen rằng:

“Hay thay Khổ Hạnh! Ngươi đối với Tôn sư đã làm đúng pháp của đệ tử. Ông là người mà việc phải làm được thành biện bằng trí tuệ. Với quyết định thông minh, với sự trầm tĩnh không sợ hãi, hoàn toàn tự tin tưởng, đã đạt đến tài hùng biện, đã bắt được ngọn cờ cam lộ, ở trong cảnh giới cam lộ tự thân chứng ngộ, thành tựu an trụ⁷. Vì sao vậy? Ngươi vừa rời đối với Sa-môn Cù-đàm mà giảng thuyết thân Phật là nặng nhất để không hành ác nghiệp, không gây ác nghiệp. Khẩu phật không như vậy. Ý Phật càng kém hơn; không bằng thân Phật rất lớn lao, rất trầm trọng.”

Khi ấy, Cư sĩ Ưu-ba-ly⁸ cùng năm trăm Cư sĩ tập họp trong chúng chấp tay hướng Ni-kiền Thân tử. Rồi Cư sĩ Ưu-ba-ly nói với Ni-kiền Trường

⁷ Sở tác trí biện, thông minh quyết định, an ổn vô úy, thành tựu điều ngự, dãi dắc biện tài dắc cam lộ tràng, u cam lộ giới, tự tác chứng thành tựu du
所作智辯, 聰明決定, 安隱無畏, 成就調御, 逮得辯才, 得甘露幢, 於甘露界,
自作證成就遊. Lời khen ngợi này cũng giống như lời khen ngợi giữa Tôn giả Xá-lợi-phất và Mãn Tử Tử trong kinh số 9 trên.

⁸ Ưu-ba-ly cư sĩ 優波離居士, đệ tử tại gia của Ni-kiền Thân Tử. Pāli: Upāli-gahapati.

Khổ Hạnh:

“Ngài đã ba lần thăm định Sa-môn Cù-đàm việc như vậy?”

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh đáp:

“Cư sĩ, tôi đã ba lần thăm định Sa-môn Cù-đàm việc như vậy.”

Cư sĩ Ưu-ba-ly nói với Ni-kiền Trường Khổ Hạnh:

“Tôi cũng có thể đến thăm định ba lần Sa-môn Cù-đàm việc như vậy, rồi lôi kéo đi đâu tùy ý. Cũng như [629a] người lực sĩ nắm con dê có cái bờm dài⁹ rồi lôi kéo đi đâu tùy ý; tôi cũng như vậy, có thể đến thăm định ba lần Sa-môn Cù-đàm việc như vậy, rồi lôi kéo đi đâu tùy ý. Cũng như người lực sĩ cầm áo lông giũ bụi, tôi cũng như vậy, có thể đến thăm định lại ba lần với Sa-môn Cù-đàm việc như vậy, rồi lôi kéo đi đâu tùy ý. Tôi cũng như vậy, có thể đến thăm định lại ba lần với Sa-môn Cù-đàm việc như vậy rồi lôi kéo đi đâu tùy ý. Cũng như người nấu rượu¹⁰, hay đệ tử của người nấu rượu, lấy cái túi lọc rượu đem đổ vào trong nước, rồi tùy theo ý muốn, lôi đi đâu tùy ý; tôi cũng như vậy, có thể đến thăm định ba lần Sa-môn Cù-đàm việc như vậy, rồi lôi kéo đi đâu tùy ý. Cũng như con voi chúa đã sáu mươi tuổi, là một đại long tượng kiêu ngạo¹¹, đủ ngà, đủ vóc, gân sức mạnh mẽ, một lực sĩ dẫn đi, lấy nước rửa bắp vế, rửa xương sống, rửa sườn, rửa bụng, rửa răng, rửa đầu và giỡn chơi trong nước; tôi cũng như vậy, có thể đến thăm định ba lần với Sa-môn Cù-đàm việc như vậy, rồi tùy theo chỗ mà tậy. Tôi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm cùng ông bàn luận, hàng phục xong rồi trở về.”

Ni-kiền Thân Tử nói với Cư sĩ Ưu-ba-ly rằng:

“Ta cũng có thể hàng phục Sa-môn Cù-đàm. Ông cũng có thể. Ni-kiền Trường Khổ Hạnh cũng có thể vậy.”

Khi ấy, Ni-kiền Trường Khổ Hạnh thưa với Ni-kiền Thân Tử:

⁹ *Chấp trường mao dương* 執長髦羊. Pāli: *dīghalomikaṃ elakaṃ lomesu gahetvā*, túm lấy lông của con dê có lông dài.

¹⁰ *Cô tửu sư* 沽酒師 (nhà bán rượu). *Cô*, TNM: 酤; Pāli, gồm hai thí dụ: *balavā soṇḍikākammakaro*, lực sĩ nấu rượu; và *balavāsoṇḍikādhutto*, lực sĩ say rượu.

¹¹ Kiêu ngạo Ma-ha-năng-già 憍傲摩訶能加. Không rõ Pāli; nhưng Sanskrit có thể là *pramādana-mahānāga*, con voi chúa say rượu; thay vì *pra-māna-* (kiêu mạn). Thí dụ này, trong bản Pāli: (...) *kuñjaro satṭhihāyano*, con voi già sáu mươi tuổi.

“Con không muốn để cho Cư sĩ Ưu-ba-ly đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm. Vì sao như vậy? Vì Sa-môn Cù-đàm biết chú huyễn hóa, có thể dùng chú thuật biến hóa làm đệ tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Con sợ Cư sĩ Ưu-ba-ly bị Sa-môn Cù-đàm biến hóa, hóa làm đệ tử.”

Ni-kiền Thân Tử nói:

“Khổ Hạnh, Cư sĩ Ưu-ba-ly mà bị Sa-môn Cù-đàm biến hóa, hóa làm đệ tử, việc đó hoàn toàn không có. Sa-môn Cù-đàm bị Cư sĩ Ưu-ba-ly biến hóa làm đệ tử, chắc chắn có việc ấy.”

Cư sĩ Ưu-ba-ly thưa lại lần thứ ba với Ni-kiền Thân Tử rằng:

“Hôm nay con đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm cùng ông ấy đàm luận. Hàng phục xong, con trở về.”

Ni-kiền Thân Tử cũng đáp lại lần thứ ba rằng:

“Ông nên đi nhanh đi. Ta cũng có thể hàng phục Sa-môn Cù-đàm. Ông cũng có thể. Ni-kiền Trường Khổ Hạnh cũng có thể vậy.”

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh bạch lại lần thứ ba rằng:

“Con không muốn để cho Cư sĩ Ưu-ba-ly đi đến chỗ Sa-môn. Vì sao vậy? Vì Sa-môn Cù-đàm biết chú huyễn hóa, có thể dùng chú thuật biến hóa làm đệ tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Con sợ Cư sĩ Ưu-ba-ly bị Sa-môn Cù-đàm biến hóa làm đệ tử.”

Ni-kiền Thân Tử nói:

“Khổ Hạnh, Cư sĩ Ưu-ba-ly bị Sa-môn Cù-đàm [629b] biến hóa làm đệ tử, việc đó hoàn toàn không có. Sa-môn Cù-đàm bị Cư sĩ Ưu-ba-ly biến hóa làm đệ tử, chắc chắn có việc ấy. Cư sĩ Ưu-ba-ly, người đi tùy ý.”

Lúc ấy, Cư sĩ Ưu-ba-ly cúi đầu sát chân Ni-kiền Thân Tử ba lần rồi đi đến chỗ Phật, chào hỏi Phật rồi ngồi sang một bên, hỏi rằng:

“Thưa Cù-đàm, ngày hôm nay Ni-kiền Trường Khổ Hạnh có đến đây không?”

Đức Thế Tôn đáp:

“Cư sĩ, có đến.”

Cư sĩ Ưu-ba-ly hỏi:

“Cù-đàm, có cùng với Ni-kiền Trường Khổ Hạnh đàm luận chăng?”

Đức Thế Tôn đáp:

“Có cùng đàm luận.”

Cư sĩ Ưu-ba-ly nói:

“Cù-đàm, nếu đã cùng với Ni-kiền Trường Khổ Hạnh đàm luận, xin Ngài thuật lại hết cho tôi nghe. Hoặc giả, sau khi nghe xong, tôi biết được việc đó.”

Rồi Thế Tôn thuật hết lại những điều mà Ngài cùng với Ni-kiền Trường Khổ Hạnh đàm luận cho Ưu-ba-ly nghe. Lúc đó Cư sĩ Ưu-ba-ly nghe rồi, khen rằng:

“Hay thay Khổ Hạnh! Như vậy mới gọi là đối với Tôn sư làm đúng việc thực hành pháp của một đệ tử. Điều phải làm được thành biện bằng trí tuệ, với quyết định thông minh, với sự trầm tĩnh không sợ hãi, với sự hoàn toàn tự tin tưởng, đạt đến đại biện tài, bắt được ngọn cờ cam lộ, ở trong cảnh giới cam lộ mà tự tác chứng, thành tựu an trụ. Vì sao như vậy? Vì đã đối với Sa-môn Cù-đàm mà trình bày thân phật là tối thượng để không hành ác nghiệp, không gây ác nghiệp. Khẩu phật không như vậy, ý càng kém hơn, không bằng thân phật, vốn rất lớn lao, rất nặng nề”.

Khi đó Đức Thế Tôn bảo rằng:

“Cư sĩ, Ta muốn cùng ông bàn luận về việc này. Nếu như ông an trụ trong sự thật, thì bằng sự thật mà đáp.”¹²

Cư sĩ Ưu-ba-ly đáp:

“Cù-đàm, tôi an trụ trong sự thật, bằng sự thật mà đáp. Sa-môn Cù-đàm, hãy nên cùng tôi bàn luận việc này.”

Đức Thế Tôn hỏi:

“Cư sĩ, ông nghĩ sao? Ở đây nếu Ni-kiền ưa bố thí, thích hành việc bố thí, không hý luận, ưa sự không hý luận, rất thanh tịnh, chuyên hành trì chú¹³. Nếu khi người ấy đi đến đây, đập chết nhiều côn trùng lớn nhỏ, thì thế nào, Cư sĩ, Ni-kiền Thân Tử đối với việc sát sanh này chủ trương có quả

¹² Pāli: *sace kho tvam gahapati sacce patiṭṭhāya manteyyāsi siyā no ettha kathāsallāpo ti*, “nếu ông an trú trên sự thật mà tư duy thì ở đây có thể có hội thoại của chúng ta”.

¹³ Pāli: Nigaṇṭha hành bốn cấm giới (*cātuyāmasaṃvarasaṃvutto*) và kiêng cử nước (*sabbavārivārito*).

báo ra sao?”

Cư sĩ Ưu-ba-ly đáp:

“Thưa Cù-đàm, nếu người ấy cố ý thì có tội lớn, nếu không cố ý¹⁴ thì không có tội lớn.”

Đức Thế Tôn hỏi:

“Cư sĩ, ông nói cố ý là thế nào?”

Cư sĩ Ưu-ba-ly đáp:

“Thưa Cù-đàm, đó là ý nghiệp¹⁵ vậy.”

Đức Thế Tôn bảo:

“Cư sĩ, ông nên suy nghĩ rồi trả lời. Những điều nói trước trái với điều sau, sau trái với điều trước, [629c] không phù hợp nhau. Cư sĩ, ông ở trong chúng này tự nói: ‘Cù-đàm, tôi an trụ trong sự thật, bằng sự thật mà đáp. Sa-môn Cù-đàm, hãy nên cùng tôi bàn luận việc này’.

“Cư sĩ, ông nghĩ sao? Nếu có Ni-kiền chỉ uống nước nóng, dứt hẳn nước lạnh¹⁶. Nhưng khi không có nước nóng bèn muốn uống nước lạnh. Không có nước lạnh người ấy liền chết. Nay Cư sĩ, Ni-kiền Thân Tử có thể nói thế nào về chỗ thác sanh của Ni-kiền ấy?”

Cư sĩ Ưu-ba-ly đáp:

“Thưa Cù-đàm, có loại trời gọi là Ý trước¹⁷. Vị Ni-kiền đó mạng chung, do ý có dính mắc tất sanh vào chỗ ấy.”

Đức Thế Tôn bảo:

“Cư sĩ, ông nên suy nghĩ rồi sẽ trả lời. Những điều ông nói trước trái với sau, sau trái với trước, không phù hợp nhau. Cư sĩ, ông ở trong chúng này tự nói: ‘Cù-đàm, tôi an trụ trong sự thật, bằng sự thật mà đáp. Sa-môn Cù-đàm, hãy nên cùng tôi bàn luận việc này’.

¹⁴ Hán: 恣 思, và vô tư. Pāli: *cetana*; và *asañcetanika*.

¹⁵ Hán, 恣 意 業. Pāli: *cetanam manodaṇḍaṣṣim*, 恣 意 業 著.

¹⁶ Pāli: (...) *nigaṇṭho ābādhika... sīṭodakapaṭikkhito uñhodakapaṭisevī*, có người Ni-kiền bệnh... không uống nước lạnh, mà chỉ uống nước nóng. Sớ giải Pāli: Vì nghĩ trong nước lạnh có chúng sanh nên không dùng.

¹⁷ Ý trước (thiên) 意著天. Pāli: *manosattā devā*. Sớ giải: *manamhi sattā laggālaggitā*, những chúng sanh bị dính mắc, dính chặt trong ý (*manas*).

“Cư sĩ, ông nghĩ sao, giả sử có người cầm dao bén tới đây, người ấy nói rằng: ‘Trong một ngày tôi chém đầu, lột da, xẻ thịt tất cả chúng sanh ở trong xứ Na-nan-đà này chất thành đồng thịt, làm thành khối thịt’. Cư sĩ, ông nghĩ sao, người ấy có thể trong một ngày mà chém đầu, lột da, xẻ thịt tất cả chúng sanh ở xứ Na-nan-đà này chất thành đồng thịt, làm thành một khối thịt không?”

Cư sĩ Ưu-ba-ly đáp:

“Không thể. Vì sao như vậy? Xứ Na-nan-đà này quá giàu có an vui, nhân dân đông đúc, cho nên người ấy chắc chắn không thể trong một ngày mà chém đầu, lột da, xẻ thịt tất cả chúng sanh chất thành đồng thịt, làm thành khối thịt được. Thưa Cù-đàm, người ấy chỉ gây phiền nhọc vô ích.”

Đức Thế Tôn bảo:

“Cư sĩ, ông nghĩ sao, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn đến, có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, tâm được tự tại, người ấy nói như vậy: ‘Ta chỉ khởi một niệm sân, làm cho cả xứ Na-nan-đà này thiêu rụi thành tro’. Nay Cư sĩ, ông nghĩ sao? Sa-môn, Bà-la-môn ấy có thể làm cho cả Na-nan-đà này thiêu rụi thành tro không?”

Cư sĩ Ưu-ba-ly đáp:

“Thưa Cù-đàm, đâu phải chỉ một Na-nan-đà, đâu phải chỉ hai hoặc ba, hoặc bốn; mà thưa Cù-đàm, Sa-môn Bà-la-môn kia có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, tâm được tự tại, nếu khởi lên niệm sân thì có thể làm cho hết thủy các nước, [630a] hết thủy nhân dân thiêu rụi thành tro, sá gì một Na-nan-đà?”

Đức Thế Tôn bảo:

“Cư sĩ, ông nên suy nghĩ rồi sẽ trả lời. Những điều nói trước trái với sau, sau trái với trước, không phù hợp nhau. Ông ở tại chúng này tự nói: ‘Sa-môn Cù-đàm, tôi an trú trong sự thật, bằng sự thật mà đáp. Sa-môn Cù-đàm, hãy nên cùng tôi bàn luận việc này.’”

Đức Thế Tôn hỏi:

“Cư sĩ, ông có từng nghe rừng Đại-trạch, rừng Kỳ-lân, rừng Mê-lộc, rừng Tĩnh tịch, rừng Không dã; tại sao những khu rừng ấy là những

khu rừng?¹⁸”

Cư sĩ Ưu-ba-ly đáp:

“Thưa Cù-đàm, tôi có nghe.”

“Cư sĩ, ông nghĩ sao? Vì ai mà rừng Đại-trạch, rừng Kỳ-lân, rừng Mê-lộc, rừng Tĩnh tịch, rừng Không dã, tại sao những khu này là những khu rừng?”

Cư sĩ Ưu-ba-ly im lặng không đáp.

Đức Thế Tôn bảo:

“Cư sĩ, hãy trả lời nhanh đi! Hãy trả lời nhanh đi! Bây giờ không phải là lúc im lặng. Cư sĩ! Ở tại chúng này, ông tự nói: ‘Thưa Cù-đàm, tôi an trú trong sự thật, bằng sự thật mà đáp. Sa-môn Cù-đàm, hãy nên cùng tôi bàn luận việc này’.”

Lúc ấy, Cư sĩ Ưu-ba-ly chỉ im lặng trong chốc lát rồi nói:

“Thưa Cù-đàm, tôi không im lặng. Tôi chỉ suy nghĩ về ý nghĩa này vậy. Thưa Cù-đàm, bọn Ni-kiền ngu si kia không hiểu rõ ràng, không thể giải biết, không biết khoảnh ruộng tốt mà không tự xét, cứ mãi lừa dối tôi, tôi mê lầm vì họ, nghĩa là vì nhầm đến Sa-môn Cù-đàm mà họ chủ trương thân phạt là nặng nhất để không làm ác nghiệp, không gây ác nghiệp, khẩu phạt và ý phạt không bằng. Nếu như theo những điều mà Sa-môn Cù-đàm đã nói, tôi hiểu ý nghĩa rằng, bởi vì Tiên nhân khởi một niệm sân mà có thể làm cho rừng Đại-trạch, rừng Kỳ-lân, rừng Mê-lộc, rừng Tĩnh tịch, rừng Không dã, những khu này trở thành những khu rừng.

“Bạch Thế Tôn, con đã biết. Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu. Hôm nay con xin quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo. Cúi xin Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc. Từ nay về sau, trọn đời con quy y cho đến khi chết”.

¹⁸ Đại-trạch vô sự, Kỳ-lân vô sự, Mê-lộc vô sự, Tĩnh tịch vô sự, Không dã vô sự 大澤無事, 麒麟無事, 麋鹿無事, 靜寂無事, 空野無事. Tham chiếu dẫn chứng của *Duy thức nhị thập luận* (tr.77a11): rừng Đản-trạch-ca 彈咤迦林, rừng Mật-đăng-già 末蹬伽林, rừng Kiết-lăng-già 羯陵伽林. Những khu rừng này trước kia vốn là những đô thị trù phú, nhưng do sự phẫn nộ của các đạo sĩ, chúng trở thành rừng xanh. Pāli: Daṇḍakāraññaṃ, Kāliṅgāraññaṃ, Mejjhāraññaṃ, Mātāṅgāraññaṃ.

Đức Thế Tôn bảo:

“Cư sĩ, ông hãy im lặng mà làm, không nên lớn tiếng tuyên bố¹⁹. Sự im lặng của người thù thắng²⁰ như vậy là tốt đẹp.”

Cư sĩ Ưu-ba-ly bạch:

“Bạch Thế Tôn, với sự kiện này, đối với Thế Tôn con lại bội phần hoan hỷ. Vì sao như vậy? Vì Thế Tôn đã nói như thế này: ‘Cư sĩ, ông hãy im lặng mà làm, không nên lớn tiếng tuyên bố. Sự im lặng của người thù thắng như vậy là tốt đẹp’.

“Bạch Thế Tôn, nếu như con mà làm đệ tử của các Sa-môn, Bà-la-môn khác [630b] thì họ đã cầm tràng phan, dù lọng đi tuyên bố khắp nơi Nanan-đà, nói như thế này: ‘Cư sĩ Ưu-ba-ly đã làm đệ tử ta! Cư sĩ Ưu-ba-ly đã làm đệ tử ta!’ Nhưng Thế Tôn lại nói như thế này: ‘Cư sĩ, ông hãy im lặng mà làm, không nên lớn tiếng tuyên bố. Sự im lặng của người thù thắng như vậy là tốt đẹp’.”

Cư sĩ Ưu-ba-ly lại bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, từ nay về sau con không cho các Ni-kiền đi vào nhà con. Chỉ có bốn chúng đệ tử Thế Tôn, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di vào mà thôi.”

Đức Thế Tôn bảo:

“Cư sĩ, các Ni-kiền kia cùng với gia đình ông trong một thời gian dài đã tôn kính nhau.²¹ Nếu họ có đến thì ông nên tùy theo khả năng của mình mà cúng dường họ.”

Ưu-ba-ly bạch:

“Bạch Thế Tôn, với sự kiện này, đối với Thế Tôn con lại bội phần hoan hỷ. Vì sao như vậy? Vì Thế Tôn đã nói như thế này: ‘Cư sĩ, các Ni-kiền kia đối với gia đình ông trong một thời gian dài đã tôn kính nhau. Nếu họ

¹⁹ Hán: *mặc nhiên hành...*; Pāli: *manasi karohi...manasi karitvā vyākaroḥi*: hãy suy nghĩ chín chắn. Suy nghĩ chín chắn rồi hãy tuyên bố.

²⁰ Thắng nhân 勝人. Pāli: *nāta-nanussa*, nhân vật nổi tiếng, vì Upāli vốn là nhân vật nổi tiếng.

²¹ Pl.: *dīgharattaṃ kho te nigaṇṭhānaṃ opānabhūtaṃ kulam*, trong thời gian dài gia đình ông là nguồn nước cung cấp cho các Nigaṇṭhā.

có đến thì ông nên tùy theo khả năng của mình mà cúng dường họ’. Bạch Thế Tôn, ngày trước con nghe nói Thế Tôn dạy như thế này: ‘Nên cho Ta, đừng cho người khác. Nếu cho Ta sẽ được phước lớn, nếu cho người khác thì không được phước lớn. Cho đệ tử Ta thì sẽ được phước lớn, cho đệ tử người khác thì không được phước lớn.’ ”

Đức Thế Tôn bảo:

“Cư sĩ, Ta không nói như thế. Ta không nói rằng: ‘Nên cho Ta chứ đừng cho người khác. Cho đệ tử Ta chứ đừng cho đệ tử người khác. Nếu cho Ta thì phước lớn, nếu cho người khác thì không được phước lớn. Cho đệ tử Ta sẽ được phước lớn, nếu cho đệ tử người khác thì không được phước lớn’. Cư sĩ, Ta nói như thế này: ‘Hãy cho tất cả tùy theo tâm hoan hỷ. Nhưng cho người không tinh tấn không được phước lớn. Cho người tinh tấn sẽ được phước lớn.’ ”

Cư sĩ Ưu-ba-ly bạch:

“Bạch Thế Tôn, xin nguyện không làm vậy²². Con tự biết nên cho Ni-kiền hay không nên cho Ni-kiền. Bạch Thế Tôn, hôm nay một lần nữa con xin tự quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo. Cúi xin Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc. Từ nay về sau, trọn đời quy y cho đến khi chết.”

Khi ấy Đức Thế Tôn thuyết pháp cho Cư sĩ Ưu-ba-ly, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng, [630c] thành tựu hoan hỷ rồi, như pháp của chư Phật, Đức Phật trước hết nói pháp thuận thứ²³ khiến người nghe hoan hỷ, ấy là nói pháp bố thí, trì giới, sanh thiên, chê bai dục là tai hoạn, sanh tử là ô uế; khen vô dục là đạo phẩm vi diệu, là bạch tịnh.

Thế Tôn nói pháp như vậy cho ông nghe xong, Ngài biết ông có tâm hoan hỷ, tâm cụ túc, tâm nhu nhuyễn, tâm kham nại, tâm tăng thượng, tâm hướng đến, tâm không nghi ngờ, tâm không triền cái, có năng lực nhận lãnh chánh pháp. Rồi như pháp chánh yếu mà chư Phật đã nói, Đức Thế Tôn liền nói Khổ, Tập, Diệt, Đạo cho ông nghe. Cư sĩ Ưu-ba-ly ngay tại chỗ ngồi đã thấy bốn Thánh đế Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng như vải trắng dễ nhuộm sắc màu; cũng vậy, Cư sĩ Ưu-ba-ly ngay tại chỗ ngồi

²²Nguyện vô vi dã 願無為也. Không rõ nghĩa chính xác.

²³Đoan chánh pháp 端正法. Pāli: *anupubbikathā*, thuận tự pháp thoại.

thấy bốn Thánh đế Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Ngay khi đó, Cư sĩ Ưu-ba-ly thấy pháp, đắc pháp, biết pháp bạch tịnh, đoạn nghi độ hoặc, không còn tôn thờ ai khác, không theo ai khác, không còn do dự, đã trụ quả chứng. Đối với pháp của Thế Tôn được vô sở úy, liền rời chỗ ngồi đứng dậy làm lễ Đức Phật:

“Bạch Thế Tôn, hôm nay con ba lần tự quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo. Cúi xin Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc. Từ nay về sau, trọn đời con quy y cho đến khi chết.”

Rồi Cư sĩ Ưu-ba-ly sau khi nghe pháp được Phật giảng dạy, khéo thọ, khéo trì, cúi đầu lễ chân Phật, đi quanh ba vòng, trở về nhà bảo người đứng giữ cửa rằng:

“Các người nên biết, nay ta là đệ tử của Đức Thế Tôn. Từ nay về sau, các Ni-kiền tử đến chớ cho vào cửa, chỉ cho bốn chúng đệ tử của Đức Thế Tôn là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di vào mà thôi. Nếu có Ni-kiền đến thì nói với họ rằng: ‘Tôn giả, Cư sĩ Ưu-ba-ly nay được Phật cải hóa, đã hóa làm đệ tử Phật, nên không cho các Ni-kiền vào cửa, chỉ cho bốn chúng đệ tử của Đức Thế Tôn là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di vào mà thôi. Nếu người cần thức ăn, hãy đứng đó, sẽ đem thức ăn ra cho.’”

Khi đó, Ni-kiền Trường Khổ Hạnh nghe Cư sĩ Ưu-ba-ly đã được Sa-môn Cù-đàm cải hóa, hóa làm đệ tử và không cho Ni-kiền vào cửa, chỉ cho đệ tử của Sa-môn Cù-đàm là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di vào. Ni-kiền Trường Khổ Hạnh nghe xong như vậy rồi đi đến chỗ Ni-kiền Thân Tử bạch rằng:

“Thưa tôn sư, đây điều con đã nói trước.”

Ni-kiền Thân Tử hỏi:

“Khổ Hạnh, điều gì gọi là điều người đã nói trước?”

[631a] Ni-kiền Trường Khổ Hạnh đáp:

“Thưa tôn sư, con đã nói trước rằng: ‘Không muốn cho Cư sĩ Ưu-ba-ly đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm. Vì sao như vậy? Vì Sa-môn Cù-đàm biết chú huyền hóa, có thể dùng chú thuật hóa làm đệ tử Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Con sợ rằng Cư sĩ Ưu-ba-ly sẽ bị Sa-môn Cù-đàm biến hóa, hóa làm đệ tử’. Thưa tôn sư, Cư sĩ Ưu-ba-ly nay đã bị Sa-môn Cù-đàm biến hóa, hóa làm đệ tử rồi, không cho các Ni-kiền vào cửa, chỉ

cho đệ tử Sa-môn Cù-đàm là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di vào.”

Ni-kiền Thân Tử nói:

“Khổ Hạnh, Cư sĩ Ưu-ba-ly bị Sa-môn Cù-đàm biến hóa làm đệ tử, việc ấy hoàn toàn không có. Sa-môn Cù-đàm bị Cư sĩ Ưu-ba-ly biến hóa làm đệ tử, việc ấy chắc chắn có.”

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh bạch lại:

“Thưa tôn sư, nếu không tin lời con nói, thì tôn sư có thể thân hành đến, hoặc sai người đến.”

Khi ấy, Ni-kiền thân tử bảo:

“Khổ Hạnh, ông nên thân hành đến đó xem sao. Có phải Cư sĩ Ưu-ba-ly đã bị Sa-môn Cù-đàm biến hóa làm đệ tử rồi chăng? Hay là Sa-môn Cù-đàm bị Cư sĩ Ưu-ba-ly biến hóa làm đệ tử rồi?”

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh vâng lệnh Ni-kiền Thân Tử, đi đến nhà Cư sĩ Ưu-ba-ly. Người giữ cửa vườn trông thấy Ni-kiền Trường Khổ Hạnh đến, liền nói như thế này:

“Tôn giả, Cư sĩ Ưu-ba-ly nay đã được Phật cải hóa, hóa thành đệ tử Phật rồi, nên không cho các Ni-kiền vào cửa, chỉ cho bốn chúng đệ tử của Thế Tôn là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di vào thôi. Nếu ngài muốn nhận thức ăn thì nên đứng đó, con sẽ đem thức ra cho.”

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh nói:

“Người giữ cửa, ta không cần thức ăn.”

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh biết việc này như vậy rồi, lắc đầu bỏ đi, về tới chỗ Ni-kiền Thân Tử thưa:

“Thưa tôn sư, đây là điều con đã nói trước.”

Ni-kiền thân tử hỏi:

“Khổ Hạnh, cái gì gọi là điều ông đã nói trước?”

Trường khổ hạnh Ni-kiền đáp:

“Thưa tôn sư, con đã nói rằng: ‘Không muốn cho Cư sĩ Ưu-ba-ly đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm. Vì sao như vậy? Vì Sa-môn Cù-đàm biết chú huyễn hóa, có thể dùng chú thuật hóa làm đệ tử Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Con sợ rằng Cư sĩ Ưu-ba-ly sẽ bị Sa-môn Cù-đàm biến hóa,

hóa làm đệ tử'. Thưa tôn sư, Cư sĩ Ưu-ba-ly nay đã bị [631b] Sa-môn Cù-đàm biến hóa, hóa làm đệ tử rồi, không cho các Ni-kiền vào cửa, chỉ cho đệ tử Sa-môn Cù-đàm là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di vào.”

Ni-kiền Thân Tử nói:

“Khổ Hạnh, Cư sĩ Ưu-ba-ly bị Sa-môn Cù-đàm biến hóa làm đệ tử, việc ấy hoàn toàn không có. Sa-môn Cù-đàm bị Cư sĩ Ưu-ba-ly biến hóa làm đệ tử, việc ấy chắc chắn có.”

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh bạch lại:

“Thưa tôn sư, nếu không tin lời con nói, thì tôn sư có thể thân hành đến.

Lúc đó Ni-kiền thân tử và đại chúng Ni-kiền năm trăm người cùng đi đến nhà Cư sĩ Ưu-ba-ly. Người giữ cửa vừa trông thấy Ni-kiền Thân Tử và đại chúng Ni-kiền năm trăm người kéo đến, nói như thế này: “Thưa Tôn giả, Cư sĩ Ưu-ba-ly nay đã được Phật cải hóa, hóa thành đệ tử Ngài rồi, nên không cho các Ni-kiền vào cửa, chỉ cho bốn chúng đệ tử của Thế Tôn là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di vào cửa mà thôi. Nếu ngài muốn nhận thức ăn thì nên đứng đó, con sẽ đem thức ăn ra cho.”

Ni-kiền Thân Tử nói:

“Người giữ cửa, ta không cần thức ăn, Ta chỉ muốn gặp Cư sĩ Ưu-ba-ly.”

Người giữ cửa nói:

“Xin ngài đứng đó, để con thưa với Cư sĩ Ưu-ba-ly.”

Người giữ cửa kia liền vào thưa rằng:

“Thưa Cư sĩ, Ni-kiền Thân Tử cùng đại chúng Ni-kiền năm trăm người đứng ở ngoài cửa, nói như thế này: ‘Ta muốn được gặp Cư sĩ Ưu-ba-ly.’”

Cư sĩ Ưu-ba-ly bảo người giữ cửa:

“Người đến cửa giữa²⁴ trải bày tòa ngồi. Bày xong trở lại cho ta biết.”

Người giữ cửa vâng lệnh, đi đến cửa giữa trải bày giường ngồi xong rồi trở lại thưa:

“Thưa Cư sĩ, đã trải giường xong, kính mong Cư sĩ tự biết thời.”

²⁴Hán: trung môn 中門. Pāli: *majjhimāya dvārasālāya*, căn nhà (phòng) giữa có trở cửa lớn.

Cư sĩ Ưu-ba-ly dẫn người giữ cửa đi đến nhà giữa. Ở đó có một cái giường thật cao rộng, to lớn, rất sạch sẽ, được trải khéo léo, đó là chỗ Cư sĩ Ưu-ba-ly trước kia đã bế²⁵ Ni-kiền Thân Tử để ngồi lên đó, thì bây giờ Cư sĩ Ưu-ba-ly tự leo lên ngồi kiết già, bảo với người giữ cửa:

“Người ra chỗ Ni-kiền Thân Tử nói như thế này: ‘Tôn nhân, Cư sĩ Ưu-ba-ly nói tôn nhân muốn vào thì tùy ý.’”

Người giữ cửa vâng lệnh đi ra, đến chỗ Ni-kiền nói như thế này:

“Tôn nhân, Cư sĩ Ưu-ba-ly nói: Tôn nhân muốn vào thì tùy ý.”

[631c] Lúc đó, Ni-kiền Thân Tử và đại chúng Ni-kiền năm trăm người cùng đến nhà giữa. Cư sĩ Ưu-ba-ly vừa trông thấy Ni-kiền Thân Tử và đại chúng Ni-kiền năm trăm người cùng vào, nói như thế này:

“Tôn nhân, ở đây có chỗ ngồi, muốn ngồi xin tùy ý.”

Ni-kiền thân tử nói:

“Cư sĩ, ông làm như vậy phải lẽ chăng? Tự mình lên tòa cao ngồi kiết già cùng nói chuyện với người như người xuất gia học đạo không khác?”

Cư sĩ Ưu-ba-ly nói:

“Tôn nhân, tôi có đồ vật của mình, muốn cho thì cho, không cho thì không cho. Chỗ ngồi này là của tôi, cho nên tôi nói có chỗ ngồi, muốn ngồi xin tùy ý.”

Ni-kiền Thân Tử trải chỗ ngồi mà ngồi, rồi nói rằng:

“Cư sĩ, vì sao như vậy? Muốn hàng phục Sa-môn Cù-đàm nhưng khi trở về đã bị hàng phục. Cũng như có người vào rừng để tìm con mắt, nhưng khi trở về bị mất con mắt. Cũng vậy, Cư sĩ, muốn đến hàng phục Sa-môn Cù-đàm nhưng khi trở về đã bị hàng phục. Cũng như người vì khát mà xuống ao; nhưng trở lên vẫn cứ khát. Cư sĩ cũng như vậy, muốn đi chinh phục Sa-môn Cù-đàm, thì bị chinh phục ngược trở lại. Cư sĩ, vì sao như vậy?”

Cư sĩ Ưu-ba-ly nói:

“Tôn nhân, xin nghe tôi nói dụ. Người trí tuệ nghe dụ thì hiểu được ý nghĩa. Tôn nhân, ví như có một người Bà-la-môn có người vợ trẻ. Người vợ kia đang có thai, nói với chồng rằng: ‘Tôi nay mang thai, anh hãy đến

²⁵ Hán: bảo 抱. TNM: thí 施.

chợ mua đồ chơi đẹp về cho con’. Lúc đó, Bà-la-môn kia nói với vợ rằng: “Chỉ mong em được bình yên sinh sản, rồi lo gì mà không có. Nếu sanh con trai thì mua đồ chơi con trai cho nó. Nếu sanh con gái thì mua đồ chơi con gái cho nó’. Người vợ lại ba lần nói với chồng: ‘Tôi nay đang mang thai, anh hãy đến chợ mua đồ chơi về cho con’. Bà-la-môn đã ba lần nói lại với vợ rằng: Chỉ mong em được bình yên sinh sản, rồi lo gì mà không có. Nếu sanh con trai thì phải mua đồ chơi con trai. Còn nếu sanh con gái thì mua đồ chơi con gái’. Bà-la-môn kia thương vợ quá sức, liền nói rằng: ‘Em muốn mua đồ chơi gì cho con?’ Người vợ đáp: ‘Anh mua đồ chơi đẹp là con khi con’. Bà-la-môn nghe rồi, đi vào chợ mua đồ chơi đẹp bằng con khi con, đem về nói với vợ: ‘Tôi đã mua đồ chơi đẹp bằng khi con về đây’. Người vợ thấy rồi chê rằng [632a] màu sắc không đẹp, liền nói với chồng: ‘Anh nên đem thứ đồ chơi khi con này đến thợ nhuộm, nhuộm nó màu vàng để được rất dễ thương hơn, và nhờ cho nó phát ra ánh sáng’. Bà-la-môn nghe xong, liền cầm đồ chơi con khi con đến thợ nhuộm, nói rằng: ‘Hãy nhuộm đồ chơi khi con này thành sắc vàng, làm cho nó rất dễ thương và nhờ cho nó phát ra ánh sáng cho tôi’. Khi ấy người thợ nhuộm nói với Bà-la-môn: ‘Đồ chơi khi con nhuộm thành màu vàng làm cho dễ thương, việc này làm được, nhưng không thể nhờ cho nó phát ra ánh sáng được’.

“Khi ấy người thợ nhuộm nói tụng này:

*Khi nhỏ tiếp nhận sắc,
 Chứ không thể đảo nhờ.
 Nếu nhờ, nó sẽ chết;
 Chịu sao được với chày?
 Đây là đũa xú ướ,
 Khi con đây bất tịnh.*

“Thưa Tôn nhân, nên biết, những điều được Ni-kiền thuyết cũng giống như vậy, không thể chịu đựng được những nạn vắn của người khác, cũng không thể suy nghĩ quán sát được. Chỉ có nhuộm sự ngu si, không nhuộm trí tuệ. Tôn nhân, xin hãy nghe đây. Cũng như chiếc áo Ba-la-nại thanh tịnh, người chủ cầm đến thợ nhuộm, nói rằng: ‘Nhuộm giùm chiếc áo này thành cực đẹp, làm cho dễ yêu, cũng đập nhờ kỹ cho nó phát ánh sáng’. Lúc đó, thợ nhuộm bảo với chủ áo rằng: ‘Áo này có thể nhuộm thành màu sắc cực đẹp, làm cho dễ ưa; cũng có thể đập nhờ cho phát ánh sáng’.

“Khi ấy thợ nhuộm nói tụng này:

*Như vải Ba-la-nại,
Trắng sạch, chịu sắc màu;
Đập xong thời mềm mại,
Sáng chói, càng thêm đẹp.*

“Thưa Tôn nhân, những điều các Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác đã dạy cũng như vậy; rất đủ khả năng chịu đựng những nạn vắn của kẻ khác, cũng có thể suy nghĩ quán sát một cách thỏa đáng được; chỉ có nhuộm trí tuệ, không nhuộm ngu si.”

Ni-kiền Thân Tử nói:

“Cư sĩ, ông đã bị Sa-môn Cù-đàm biến hóa bằng chú huyễn thuật.”

Cư sĩ Ưu-ba-ly nói:

“Tôn nhân, thật tốt đẹp loại chú huyễn hóa ấy, rất tốt đẹp loại chú huyễn hóa. Thưa Tôn nhân, loại chú huyễn hóa đó làm cho cha mẹ tôi được lợi ích an ổn, khoái lạc lâu dài; vợ con, nô tỳ, người giúp việc, quốc vương Na-nan-đà và tất cả thế gian, chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, từ người đến trời, [632b] làm cho họ được lợi ích an ổn khoái lạc lâu dài.”

Ni-kiền thân tử nói:

“Cư sĩ, toàn cõi Na-nan-đà đều biết Cư sĩ Ưu-ba-ly là đệ tử Ni-kiền, nay đây cuối cùng là đệ tử của ai?”

Khi ấy, Cư sĩ Ưu-ba-ly liền từ chỗ ngồi đứng dậy, gồi phải quỳ xuống đất, nhắm phương có Phật, chấp tay hướng về, nói:

“Tôn nhân, hãy nghe điều tôi nói đây:

*Đại Hùng, trừ si ngốc;
Diệt uế²⁶, hàng phục địch.
Vô địch, vi diệu tu,
Học giới, thiên, trí tuệ;
An ổn không bợn nhơ:*

²⁶ Đoạn uế 斷穢. Pl. *pabhinnakhīlassa*, (của vị) diệt trừ hoang dã; khai khẩn đất hoang. So2ứ giả: diệt năm tâm hoang vu, xem No 1(8) kinh Phúng tụng, *Tập dị* 12, tr. 416b29: ngũ tâm tài 五心裁.

Ba-ly đệ tử Phật.

*Đại Thánh đã tu tập;
Thành đức tự tại thuyết.
Khéo niệm, quán sát màu;
Không thấp, cũng không cao;
Bất động, thường tự tại:
Ba-ly đệ tử Phật.*

*Không cong²⁷, thường biết đủ;
Thỏa mãn, trừ xan tham;
Thành Sa-môn giác ngộ,
Tôn đại sĩ, hậu thân,
Vô tỷ, không nhiễm trần:
Ba-ly đệ tử Phật.*

*Bao dung, không ganh ghét;
Đáng Tịch Mặc nhiệm màu,
Dũng mãnh, hằng an ổn;
Trụ pháp, vi diệu tư,
Chế ngự, không hý bôn;
Ba-ly đệ tử Phật.*

*Đại long sống vượt tục,
Giải trừ mọi sử kiết,
Ứng thanh tịnh biện tài,
Tuệ phát, dứt vui buồn;
Đức Thích-ca, cõi ngoài;
Ba-ly đệ tử Phật.*

*Thiền tư duy Chánh pháp,
Thanh tịnh, nhiều loạn trừ;
Thường cười, không hờn giận;
Đệ nhất đời viễn ly.
Thường chuyên tinh, vô úy:
Ba Ly đệ tử Phật.*

²⁷ Vô khúc 無曲. Pl.: *akathamkathissa*, (của vị) đã dứt trừ nghi hoặc.

*Đáng Thất Tiên²⁸ vô đấng,
Chứng tịnh hạnh, tam minh²⁹.
Tắm sạch,³⁰ như đèn sáng
Yên nghỉ, dứt oán kết;
Dũng mãnh, cực thanh tịnh:
Ba-ly đệ tử Phật.*

*Tịch tĩnh, tuệ như đất,³¹
Đại trí, trừ trừ tham lam;
Đáng thờ, con mắt siêu;
Thượng sỹ không ai sánh;
Tự điều ngự, triệt sân;
Ba-ly đệ tử Phật.*

[632c]*Đoạn dục³², vô thượng thiện;
Khéo điều ngự vô song;
Vô thượng thường hoan hỷ;
Trừ nghi, rực sắc quang;
Đoạn mạn, vô thượng giác;
Ba-ly đệ tử Phật.*

*Đoạn ái, giác tối thượng;
Khỏi tan, lửa đã tắt;
Đáng Như Khứ³³, Thiện Thệ;
Đáng Vô Đẳng, Tối Tôn;
Đáng Đại Danh, Chân Chánh;*

²⁸ Thất Tiên 七仙, Đức Thích-ca cũng được xưng hiệu là Đệ Thất Tiên. Pl.: *isisattamassa*.

²⁹ Nguyên Hán: *tam đạt* 三達. Pl.: *tevijjā*.

³⁰ Tịnh dục 淨浴. Pl.: *nhātakassa*, vị đã tắm sạch phiền não, thường dùng mô tả vị A-la-hán.

³¹ Tuệ như địa 慧如地. Pl.: *bhūripaññassa*, Sớ giải: trí tuệ rộng lớn bao la như quả đất (*pathavīsamāya paññāya vipūlāya mahantāya*).

³² Hán: *đoạn vọng* 斷望. Pl.: *taṇhacchindassa*, (của vị) đã cắt đứt khát ái.

³³ *Như khứ* 如去, cùng nghĩa với *Như Lai*. Đối với Niết-bàn mà nói là *Như Lai*, đối với sanh tử mà nói là *Như khứ*.

*Ba-ly đệ tử Phật.
 Trăm lời tán Phật này,
 Tự phát, không cần suy.
 Những sự Ba-ly nói,
 Chư Thiên đến hội tề.
 Khéo gia sức hùng biện;
 Đúng pháp, đúng nhân tài.
 Ni-kiền thân tử hỏi:
 ‘Đệ tử của Như Lai’.*

Ni-kiền Thân Tử hỏi:

“Cư sĩ, ông ca ngợi Sa-môn Cù-đàm với ý gì?”

Cư sĩ Ưu-ba-ly đáp:

“Hãy nghe tôi nói dụ, người trí nghe dụ thì hiểu rõ ý nghĩa. Như thầy trò người làm tràng hoa, chọn các loại hoa, dùng dây dài kết làm các loại tràng hoa. Cũng vậy, này Tôn nhân, Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, có vô lượng xưng tán, là đáng tôn thờ, nên tôi ca ngợi.”

Khi nói pháp này, Cư sĩ Ưu-ba-ly xa lia trần cấu, phát sanh con mắt pháp thấy các pháp. Ni-kiền Thân Tử liền mưa máu nóng, rồi đến nước Bà-hòa³⁴ vì bệnh này mà mạng chung.

Phật nói như vậy, Cư sĩ Ưu-ba-ly nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

³⁵□

³⁴ Bà-hòa quốc 波 憍 國. Túc Pāli: Pāva; xem kinh số 196.

³⁵ Bản Hán, hết quyển 32.

134. KINH THÍCH VẤN

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại phía Đông thành Vương xá, nước Ma-kiệt-đà, trong động đá Nhân-đà-la, trên núi Tì-đà-đề, phía Bắc thôn Nại lâm¹.

Bấy giờ [633a] Thiên vương Thích² nghe Phật trú tại phía Đông thành Vương xá, nước Ma-kiệt-đà, trong động Nhân-đà-la, trên núi Tì-đà-đề, phía Bắc thôn Nại lâm. Khi ấy, Thiên vương Thích bảo Ngũ Kết nhạc tử³ rằng:

“Ta nghe Đức Thế Tôn trú tại phía Đông thành Vương xá, nước Ma-kiệt-đà, trong động Nhân-đà-la, trên núi Tì-đà-đề, phía Bắc thôn Nại lâm. Nay Ngũ Kết, ngươi hãy cùng ta đến yết kiến Đức Thế Tôn”.

Ngũ Kết nhạc tử thưa rằng:

“Xin vâng.”

Rồi thì, Ngũ kết nhạc tử ôm đàn lưu ly⁴ cùng đi theo Thiên vương Thích. Chư Thiên ở Tam thập tam thiên nghe Thiên vương Thích rất khát khao muốn gặp Phật, chư Thiên Tam thập tam thiên cũng theo hầu Thiên vương mà đi. Bấy giờ trong khoảnh khắc, nhanh như lực sĩ co duỗi cánh tay, Thiên vương Thích cùng chư Thiên Tam thập tam và Ngũ Kết biến mất khỏi cõi trời Tam thập tam, đã hiện đến phía Đông thành Vương xá, nước Ma-kiệt-đà, trên núi Tì-đà-đề, phía Bắc thôn Nại lâm, cách động đá

¹ Ma-kiệt-đà 摩竭陀; Pāli: Magadha. Vương xá thành 王舍城; Pāli: Rājagaha. Nại lâm 奈林; No.1(14) Am-bà 菴婆菴婆羅村, Pāli: Ambasasaṇḍa. Nhân-đà-la thạch thất 因陀羅石室; No.1(14) Nhân-đà-sa-la khốt (quật) 因陀婆羅窟; No 15: Đế thích nham 帝釋巖. Pāli: Indasāla-gūha. Tì-đà-đề 鞞陀提; No.1(14) Tỳ-đà sơn 毘陀山; No 15: Tỳ-đề-hê sơn 毘提呬山 Pāli: Veditiyaka.

² Thiên Vương Thích 天王釋 hay Thiên đế Thích 天帝釋; Pāli: Sakka devānam inda.

³ Ngũ Kết nhạc tử 五結樂子; No.14 Cháp nhạc thần 槃伽遮翼. No.15: Ngũ Kết Càn-thát-bà vương tử 五髻乾闥婆王子. Pāli: Pañcasikha Gandhabbaputta.

⁴ Lưu ly cầm 琉璃琴. No 15: lưu ly bảo trang nghiêm không hầu 琉璃寶裝筵篋, đàn không hầu làm bằng lưu ly. Pl.: beluvapaṇḍuvīṇa..

không xa.

Lúc bấy giờ núi Tì-đà-đề hào quang chiếu sáng rực rỡ như lửa cháy. Nhân dân ở chung quanh núi thấy vậy nghĩ rằng: “Núi Tì-đà-đề bị lửa đốt cháy khắp nơi.”

Khi ấy Thiên vương Thích sau khi đã đứng xuống tại một nơi, bảo rằng:

“Này Ngũ Kết, Đức Thế Tôn là như vậy. Ngài ở trong rừng vắng, trong rừng sâu, dưới gốc cây, thích ở trên sườn núi cao, vắng bật không tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa, có đại oai đức; cùng với chư Thiên, ưa thích đời sống xa lánh, tĩnh tọa ấy, đời sống an ổn khoái lạc ấy. Chúng ta chưa thông báo trước, không nên tự tiện bước tới. Này Ngũ Kết, người hãy đi đến thông báo trước, sau đó chúng ta mới bước tới.”

Ngũ kết thưa rằng:

“Xin vâng lời.”

Ngũ Kết sau khi vâng lời dạy của Thiên vương Thích, liền ôm đàn lưu ly đi trước, đến động đá Nhân-đà-la, rồi nghĩ rằng: “Hãy ở nơi này, cách Phật không gần cũng không xa, để Phật biết được và nghe được âm thanh của ta.”

Khi đã đến đứng ở nơi kia, Ngũ Kết gảy đàn và hát lên những bài tụng nói về tình yêu, nói về rồng, nói về Sa-môn, nói về A-la-hán⁵:

*Hiền nương ơi!
Ta kính lễ phụ mẫu nàng;
Mặt trăng và Đam-phù-lâu⁷;
Đã sanh nàng tuyết vời,
Gây hoan lạc lòng ta.*

⁵ Dục tương ưng kê, Long tương ưng kê, Sa-môn tương ưng kê, A-la-ha tương ưng kê 欲, 龍, 沙門, 阿羅訶相應偈. Pāli: buddhūpasamhitā dhammūpasamhitā saṅghūpasamhitā arahantūpasamhitā kāmūpasamhitā, nói về Phật, về Pháp, về Tăng, về A-la-hán, về dục.

⁶ Hán: Hiền 賢. No.1(14) Bạt-đà 跋陀. Pāli: Bhaddā, con gái của Timbaru, Chấp nhạc Thiên vương.

⁷ Hán: nguyệt cập Đam-phù-lâu 月及耽浮樓. Pāli: (...) Timbaraṃ Suriyavaccase, (cha nàng) Timbara, (và nàng thi) rực rỡ như mặt trời.

Như nóng cầu gió mát;
 Như khát cầu nước lạnh;
 Như vậy, ta yêu nàng,
 Như La-hán yêu Pháp.

Như dòng nước, khó giữ!
 Lụy tình cũng như vậy.
 [633b]Đời đời mong sống chung,
 Như cúng dường Vô Trước.

Ao nước trong, vừa mát;
 Dưới đáy có cát vàng⁸;
 Như voi chúa⁹ nóng bức,
 Xuống ao tắm mặc tình.

Như voi bị móc câu;
 Lòng ta bị nàng khuấy.
 Hành động nàng không hay,
 Yếu điệu, chưa được nàng.

Tâm ý ta hoàn toàn lệ thuộc,
 Và phiền oan đã đốt cháy tim;
 Và vì vậy không còn hoan lạc,
 Như một người đi vào hang hùm.

Như Thích tử tư duy thiền tọa,
 Hằng vui say trong sự nhất tâm.
 Như Mâu-ni đạt thành giác ngộ¹⁰;
 Cũng diệu tịnh như ta được nàng.

Như niềm vui Đại thánh Mâu-ni¹¹
 Do chứng đắc viên toàn giác đạo.
 Niềm vui ta cũng ở nơi kia,

⁸ Hán: kim túc sa 金粟沙. Pāli: *kiñjakkha*, tơ sen hay nhụy sen.

⁹ Hán: long tượng 龍象.

¹⁰ Pāli: *amatam muni jigīsāno*, (như) tu sĩ khát vọng sự bất tử (hay cam lộ).

¹¹ Các từ Mâu-ni ở đây chỉ chung các ẩn sĩ, hay tu sĩ; không chỉ riêng Đức Thích-ca Mâu-ni. Xem thêm chú thích trên.

Bằng khao khát được nàng hội tụ.
 Như người bệnh mong cầu phương dược;
 Như đói ăn hoài niệm thức ăn;
 Ôi Hiền nữ, mong lòng ta tắt,
 Như nước rưới cho ngọn lửa tàn.
 Nếu ta có hành vi tạo phước,
 Như cúng dường La-hán chân nhân¹²;
 Thọ báo ấy tức thành tịnh diệu,
 Ta mong cùng Hiền nữ sống chung.
 Ta ước nguyện bên nàng vĩnh kiếp;
 Không xa nàng sống lẻ đơn thân.
 Và ta hẹn theo nàng được chết,
 Không mong gì cách biệt ly sanh.
 Ôi, Thiên đế cho tôi lời nguyện,
 Bạc tôn cao Tam thập tam thiên!
 Ôi Đại Thánh, trên đời tối thượng,
 Biết cho tôi lời nguyện vững bền.
 Kính lễ Đấng Hùng Lực,
 Tối thượng giữa nhân gian,
 Dứt trừ gai ái dục,
 Con lạy Đấng Nhật Thân¹³.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn từ tam-muội dậy, tán thán Ngũ Kết Nhạc Tử:

“Hay thay! Hay thay! Ngũ Kết, giọng ca của người cùng với tiếng đàn hòa điệu; tiếng đàn và giọng ca hòa điệu. Giọng ca không đi ngoài tiếng đàn; tiếng đàn không đi ngoài giọng ca. Này Ngũ Kết, người nhớ lại ngày xưa, người có ca tụng bài kệ liên quan đến tình yêu, liên quan đến rồng, liên quan đến Sa-môn, liên quan đến La-hán này chăng?”

Ngũ Kết thưa rằng:

¹² Trong nguyên bản: *cúng dường chư Vô trước*.

¹³ Nhật chi thân 日之親. Pāli: Ādicca-bandhu, bà con của mặt trời, chỉ Đức Thích Tôn; theo truyền thuyết, dòng họ Thích xuất thân từ Mặt trời.

“Bạch Thế Tôn, mong Đại Tiên nhân¹⁴ tự biết cho. Bạch Đại Tiên nhân, ngày xưa, khi Thế Tôn mới chứng đắc giác đạo, ở tại Uất-tì-la¹⁵, bên bờ sông Ni-liên-thiên¹⁶, dưới gốc cây A-xà-hòa-la-ni-câu-loại¹⁷. Bảy giờ [633c] con gái của Nhạc vương Đam-phù-lâu¹⁸, tên là Hiền Nguyệt Sắc¹⁹ và có một thiên thần tên là Kết, con trai của Ma-đâu-lệ, người đánh xe²⁰, yêu người con gái kia.

“Bạch Đại Tiên nhân, vị ấy trong lúc đang yêu người con gái ấy, con cũng yêu người con gái ấy. Nhưng, bạch Đại Tiên nhân, khi con yêu người con gái ấy mà cuối cùng không được. Bảy giờ con đứng sau người con gái ấy mà ngâm bài kệ liên quan đến tình yêu, liên quan đến rỗng, liên quan đến Sa-môn, liên quan đến La-hán này.

“Bạch Đại Tiên nhân, khi con ngâm bài kệ này, người con gái ấy quay nhìn lại, hân hoan cười nụ và nói với con rằng: ‘Ngũ Kết, tôi chưa được thấy Phật Thế Tôn kia, nhưng tôi nghe từ các vị trời Tam thập tam nói rằng: ‘Đức Thế Tôn kia là Như Lai, là Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn’. Nay Ngũ Kết, nếu anh đã từng nhiều lần ca ngợi Đức Thế Tôn, vậy anh có thể cùng với tôi đồng thờ kính Đấng Đại Tiên nhân’. Con chỉ gặp gỡ nàng được một lần duy nhất, từ đó về sau không còn thấy lại.”

Bảy giờ Thiên vương Thích nghĩ rằng: “Ngũ Kết nhạc tử đã làm cho Thế Tôn ra khỏi thiên định, thông báo ta với Đức Thiện Thệ.” Rồi thì, Thiên

¹⁴ Đại Tiên Nhân 大仙人. Pāli: Mahesi. Chi Phật.

¹⁵ Uất-bê-la 鬱鞞羅. Pāli: Uruvela, tên thôn; phía Nam Bô-đề đạo tràng.

¹⁶ Ni-liên-thiên hà 尼連禪河. Pāli: Nerañjarā, chi lưu của sông Hằng, cách chỗ Phật thành đạo khoảng một dặm.

¹⁷ A-xà-hòa-la-ni-câu-loại 阿閼鞞羅尼拘類. Pāli: Ajapāla-Nigrodha, tức cây bô-đề.

¹⁸ Đam-phù-lâu Nhạc vương 耽浮樓樂王. Pāli: Timbaru-Gandhabba-rāja.

¹⁹ Hiền Nguyệt Sắc 賢月色. Pāli: Bhaddā Suriya-vaccasā, nàng Bhaddā lộng lẫy như mặt trời.

²⁰ Kết Ma-đâu-lệ ngự xa tử 結摩兜麗御車子. No.1(14): Thi-hán-đa, Thiên đại tướng tử 尸漢陀天大將子; Pāli: Sikkhandi, vốn là con trai của thần đánh xe (saṭṭhāhakassa putto) Mātali.

vuong Thích nói:

“Ngũ Kết, ngươi hãy đến nơi ấy, thay mặt ta đánh lễ sát chân Phật mà thăm hỏi Đức Thế Tôn rằng: ‘Thánh thể có khỏe mạnh, an ổn khoái lạc, không bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường chăng? Bạch Đại Tiên nhân, Thiên vương Thích và chư Thiên ở Tam thập tam muốn đến yết kiến Thế Tôn’.”

Ngũ kết thưa:

“Xin vâng.”

Khi đó, Ngũ Kết bỏ đàn lưu ly xuống, chấp tay hướng về Phật, bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn! Kính Đại Tiên nhân! Thiên vương Thích xin cúi đầu dưới chân Phật, thăm hỏi Thế Tôn rằng: ‘Thánh thể có khỏe mạnh, an ổn khoái lạc, không bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường chăng? Bạch Đại Tiên nhân, Thiên vương Thích và chư Thiên ở Tam thập tam muốn đến yết kiến Thế Tôn’.”

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo rằng:

“Này Ngũ Kết, mong cho Thiên vương Thích được an ổn khoái lạc. Chư Thiên, loài người, A-tu-la, Kiên-thát-bà, La-sát và tất cả các loài chúng sanh khác đều được an ổn, khoái lạc. Này Ngũ Kết, Thiên vương Thích có muốn đến yết kiến Ta, vậy xin cứ tùy ý.”

Ngũ Kết nghe Phật dạy xong, khéo léo thọ trì, đánh lễ chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra, trở về đến chỗ Thiên vương Thích thưa rằng:

“Tâu Thiên vương, tôi đã bạch với [634a] Thế Tôn. Thế Tôn nay đang đợi Thiên vương. Mong Thiên vương nên tự biết thời.”

Bấy giờ, Thiên vương Thích cùng chư Thiên Tam thập tam và Ngũ Kết nhạc tử đi đến chỗ Phật. Khi ấy, Thiên vương Thích cúi đầu sát chân Phật, ba lần tự xưng danh tánh rằng:

“Bạch Đại Tiên nhân! Con là Thiên vương Thích! Con là Thiên vương Thích!”

Đức Thế Tôn bảo:

“Quả thật vậy! Quả thật vậy. Này Câu-dực²¹, ngươi chính là Thiên vương

²¹ Câu-dực 拘翼, cũng gọi là Kiêu-thi-ca. Pāli: Kosiya, biệt danh của Thiên Đế Thích.

Thích.”

Thiên vương Thích ba lần tự xưng danh tánh, đánh lễ chân Phật rồi đứng sang một bên. Khi ấy, Thiên vương Thích thưa rằng:

“Bạch Đại Tiên nhân, con nên ngồi cách Thế Tôn xa hay gần?”²²

Đức Thế Tôn dạy:

“Người hãy ngồi gần ta. Vì sao? Vì người có hàng chư Thiên quyền thuộc đông vậy.”

Rồi Thiên vương Thích đánh lễ chân Phật và ngồi sang một bên. Chư Thiên Tam thập tam và Ngũ Kết nhạc tử cũng đánh lễ chân Phật rồi ngồi sang một bên. Lúc ấy động Nhân-đà-la bỗng nhiên rộng lớn. Vì sao? Vì do oai thần của Phật và oai đức của chư Thiên vậy.

Thiên vương Thích sau khi ngồi xuống, thưa rằng:

“Bạch Đại Tiên nhân, đã từ lâu con muốn đến yết kiến Thế Tôn, muốn thưa hỏi về giáo pháp. Bạch Đại Tiên nhân, xưa kia, một thời Đức Thế Tôn trú tại nước Xá-vệ, trong một vách đá²³. Bạch Đại Tiên nhân, lúc đó con có việc riêng, cùng với chư Thiên Tam thập tam đi xe ngàn voi²⁴ đến nhà của đại vương Tì-sa-môn²⁵. Tì-sa-môn Đại vương gia có người thiếp tên là Bàn-xà-na²⁶.

“Lúc bảy giờ Thế Tôn đang nhập định, im lặng tịch nhiên. Người thiếp kia chấp tay đánh lễ dưới chân Đức Thế Tôn. Bạch Đại Tiên nhân, con nói với Bàn-xà-na rằng: ‘Này Hiền muội, nay không phải lúc ta đến yết kiến Thế Tôn. Thế Tôn đang nhập định. Nếu khi nào Thế Tôn xuất định, Hiền muội hãy thay mặt ta đánh lễ Thế Tôn và hỏi thăm Thánh thể của

²² No 15: vị Thiên chủ nghĩ: Hang này quá hẹp, mà chư thiên đông, làm sao ngồi?

²³ Thạch nham 石巖. Pāli: Salaḷāgāra, ngôi nhà (*agāra*) có những cây *salaḷa* (loại cây tỏa mùi thơm) ở trước cửa. No.1(14): tại ngôi nhà của một người Bà-la-môn.

²⁴ Thiên tượng xa 千象車. No.1(14): thiên bức hảo xa, cỗ xe báu có bánh xe nghìn căm.

²⁵ Tì-sa-môn 鞞沙門. Pāli: Vessavaṇa (Đa Văn Thiên vương), đứng đầu trong Tứ đại Thiên vương.

²⁶ Bàn-xà-na 槃闍那. Pāli: Bhuñjatī (Diệu Tỷ).

Thế Tôn có khỏe mạnh, an ổn, khoái lạc, không bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường không nói như vậy: ‘Bạch Đại Tiên nhân, Thiên vương Thích đánh lễ chân Phật và thăm hỏi rằng: ‘Thế Tôn có khỏe mạnh, an ổn, khoái lạc, không bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường không?’ Bạch Đại Tiên nhân, cô em ấy có thay mặt con đánh lễ chân Phật và thăm hỏi Thế Tôn, Thế Tôn có nhớ chăng?’

Đức Thế Tôn bảo:

“Này Câu-dục, cô em ấy có thay mặt người đánh lễ và cũng nói lại ý người muốn thăm hỏi. Ta có nhớ việc ấy. Này Câu-dục, khi người đi, Ta nghe tiếng xe lăn mà xuất định.”

“Bạch Thế Tôn, ngày xưa con có nghe rằng, khi Đức Như Lai, Bạc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, [634b] Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở đời thì thiên chúng được hưng thịnh mà A-tu-la bị giảm thiểu.

“Bạch Đại Tiên nhân, chính mắt con trông thấy Tỳ-kheo đệ tử Thế Tôn theo Phật tu hành phạm hạnh, xả dục, ly dục, khi thân hoại mạng chung được đến cõi an lành, sanh lên trời.

“Bạch Đại Tiên nhân, Thích nữ Cù-tỳ²⁷ là đệ tử của Thế Tôn cũng theo Thế Tôn tu tập phạm hạnh, ghê tởm thân nữ, ái lạc thân nam, chuyển thân nữ thành thân nam, xả dục, ly dục, khi thân hoại mạng chung được sanh đến cõi Tam thập tam thiên làm con của con. Nàng đã thọ sanh rồi, chư Thiên thấy đều biết, Cù-bà thiên tử²⁸, có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần.

“Bạch Đại Tiên nhân, con lại thấy có ba vị Tỳ-kheo đệ tử Thế Tôn cũng theo Thế Tôn tu tập phạm hạnh, nhưng không xả ly dục, khi thân hoại mạng chung chúng sanh vào trong Kỹ nhạc cung²⁹ thấp kém. Họ đã thọ sanh rồi, ngày ngày đến Tam thập tam thiên cùng chư Thiên hầu hạ Cù-bà thiên tử. Thiên tử thấy chúng liền nói bài kệ:

²⁷ Cù-tỳ Thích nữ 瞿毗釋女. Pāli: Gopikā nāma Sakya-dhitā.

²⁸ Cù-bà thiên tử 瞿婆天子. Pāli: Gopako devaputto.

²⁹ Kỹ nhạc cung 伎樂宮. Pāli: Gandhabbakāya, đội viên đội âm nhạc của Thiên Đê Thích.

*Pháp nhân Ưu-bà-di³⁰,
Tôi vốn tên Cù-tì,
Phụng kính Phật và pháp,
Tịnh ý thờ Tăng-già.*

*Tôi đã nhờ ân Phật,
Thích tử phước đức lớn,
Diệu sanh Tam thập tam,
Thiên tử, mọi người biết.*

*Biết người vốn Tỳ-kheo,
Sanh làm thần kỹ nhạc;
Chấp tay đứng trước mặt
Cù-bà nói kệ cho.*

*Vốn con Đức Cù-đàm;
Khi tôi ở nhân gian,
Nhà ta các người đến;
Âm thực tôi cúng dường.*

*Người vốn cùng bậc Thánh
Hành vô thượng phạm hạnh;
Nay lại để người sai,
Thường nhật kính phụng trời.*

*Xưa tôi hầu hạ người,
Cùng nghe Thánh diệu pháp.
Được tín, thành tựu giới;
Khéo sanh cõi trời này.*

*Người vốn được thờ phụng,
Hành vô thượng phạm hạnh.
Nay lại để người sai
Thường nhật kính phụng trời.*

Mặt mày người là gì?

³⁰ Nguyên Hán: *dữ nhãn Ưu-bà-di* 與眼優婆夷. Pāli: *upāsikā cakkhumato ahoṣi*, tôi vốn là Ưu-bà-di, vị nữ đệ tử của Bạc Hữu Nhân, tức Đức Phật.

Phật pháp đã thọ trì,
 [634c]Pháp nội tâm chứng tri³¹,
 Thánh Nhân đã dạy rõ³².

Các vị xưa tôi hầu,
 Nay nhạc thần tháp kém;
 Tự theo phi pháp hành,
 Tự sanh chỗ phi pháp.

Ta sống đời tại gia;
 Nay xem thẳng đức ta,
 Chuyển nữ thành thiên tử,
 Thọ ngũ dục tự do.

Con Cù-đàm bị mắng,
 Buồn nản, khen Cù-đàm³³:
 Ta³⁴ nay hãy tiến hành;
 Thiên tử nói thật đúng.

Hai trong số cần hành,
 Nhớ pháp luật Cù-đàm,
 Biết dục là tai họa,
 Bèn xả ly dục tham.
 Chúng bị dục trói chặt,
 Tức xả ly được liền.
 Như voi đứt dây xích,
 Vượt Tam thập tam thiên.

Nhân-đà-la, Thiên, Phạm,
 Tất cả đều đến nhóm.

³¹ Nguyên Hán: phản bối bất hướng pháp 反背不向法, Pháp quay vào nội tâm chứ không hướng ra bên ngoài. Pāli: *paccattam veditabbo hi dhammo*.

³² Hán: thị nhãn giác thiện thuyết 是眼覺善說. Pāli: *sudesito cakkhumatānubuddho*, pháp ấy được khéo thuyết bởi Đấng Giác Ngộ có mắt.

³³ Pāli: *te coditā gotamasāvakena/ saṃvegam āpāduṃ samecca gopakam*, “họ bị mắng vì là đệ tử của Gotama, cảm kích, họ đồng ý với Gopaka (và nói như sau)...”

³⁴ Ta, lời của những Thiên tử bị Cù-bà mắng.

Họ liền vượt chỗ ngồi,
 Hùng mãnh xả trần dục.
 Đế Thích thấy chúng phiên³⁵;
 Thắng Thiên³⁶, trỗi trên trời.
 Chúng vốn sanh hạ tiện,
 Nay vượt Tam tam thiên.
 Ưu phiên, rồi tám tấc³⁷.
 Cù-bà nói sau hết:
 Loài người có Đại Giác,
 Đáng Mâu-ni thắng dục³⁸.
 Con Ngài do lãng quên,
 Bị quả trách, lại được.
 Một trong ba vị kia
 Sanh trong thần kỹ nhạc.
 Hai vị chánh đạo thành
 Tại trời, vui định căn.
 Ngươi nói pháp như vậy;
 Đệ tử không mê hoặc,
 Vượt lậu, đoạn tà nghi,
 Lễ Phật, Đáng Chiến Thắng³⁹.

³⁵ Pāli: *te disvā samvegam* (...), (Đế Thích) sau khi thấy chư Thiên hiện diện ưu phiên (vì họ bị vượt qua ngay tại chỗ).

³⁶ Thắng thiên 勝天, chỉ cho Thiên Đế Thích. Pāli: *Devabhibhū*.

³⁷ Diệu tức ngôn 妙息言 (những lời trầm lắng). Pāli: *vaco nisamma*, suy nghĩ sâu xa về những lời (khiến trách). Trong bản Hán, đọc là *nisama* (diệu tức, hoàn toàn lắng xuống), thay vì *nisamma* (tư duy sâu xa).

³⁸ Nguyên Hán: tri dục 知欲. Pāli: *kāmābhibhū*, vị đã chiến thắng dục vọng.

³⁹ Thắng phục căn 勝伏根. Pāli: *buddham namassāma jinam janidam*, “chúng con lễ Phật, Đáng Chiến Thắng muôn loài”. Trong bản Hán, Janinda, Thiên đế của sanh loại, được hiểu là: *jana* (sanh loại) = *jita*: bị chinh phục, và *inda* (Thiên đế) = *indriya*: căn (quan năng hay giác quan).

*Bởi vì tỏ các pháp,
Hai vị được tiến thăng.
Từ chỗ tiến thăng ấy
Sanh lên trời Phạm thiên.
Chúng con biết pháp ấy
Nên đến đây, Đại Tiên!”*

Bấy giờ Đức Thế Tôn nghĩ rằng: “Vị Quý⁴⁰ này không bao giờ dua nịnh, dối trá, không huyễn hoặc, chất trực. Nếu có hỏi tất là muốn biết, chứ không phải muốn xúc nhiễu. Những điều vị này muốn hỏi cũng vậy. Ta hãy nói A-tỳ-đàm thậm thâm.”

Đức Thế Tôn biết như thế rồi, Ngài liền nói cho Thiên vương Thích [635a] bài kệ này:

*Vì an lạc đời này,
Và an lạc đời sau,
Câu-dực tùy ý hỏi,
Theo những điều sở thích.
Điều này hay điều kia,
Ta quyết đoán hết thảy.

Thế Tôn đã nghe cho
Nhật Thiên cầu đạo nghĩa,
Tại nước Ma-kiệt-đà
Hiền Bà-sa-bà hỏi⁴¹.*

Bấy giờ Thiên vương Thích thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, các loại trời, người, A-tu-la, Càn-thát-bà, La-sát và các

⁴⁰ Hán: thử quỷ 此鬼. Pāli: *ayam yakkho*, con quỷ Dạ-xoa này. Yakkha (Dạ-xoa), Thiên đế Thích cũng thường được gọi như vậy. Yakkha đôi khi là một mỹ từ cũng được dùng để tán Phật, như M.56 (tr.386) (...) *buddhasa* (...) *anupalittassa āhuneyya yakkhassa*, Đức Phật (...) vị Yakkha vô nhiễm, ứng cúng.

⁴¹ Bà-sa-bà 婆娑婆. Pāli: Vāsava, một tên khác của Thiên Đế Thích. Trong một tiền kiếp, Đế Thích cúng dường nhà cửa cho Sa-môn. Do đó, còn có tên là Vāsava.

chúng loại khác, mỗi mỗi có bao nhiêu kết sử⁴²?”

Đức Thế Tôn nghe xong, đáp:

“Này Câu-dục, các loại trời, người, A-tu-la, Kiền đạt hòa, La-sát và các chủng loại khác, mỗi mỗi đều có hai kết là bõn sên và ganh tị⁴³. Mỗi chủng loại ấy đều nghĩ rằng: ‘Mong sao ta không gậy⁴⁴, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, không đấu, không khổ, sống trong an lạc⁴⁵.’ Chúng tuy nghĩ như vậy, nhưng vẫn có gậy, có kết, có oán, có nhuế, có tranh, có đấu, có khổ mà không sống trong sự an lạc.”

Thiên vương Thích nghe thế, thưa rằng:

“Thật sự như vậy, bạch Thế Tôn! Thật sự như vậy, bạch Thiện Thệ! Thật sự như vậy, bạch Đại Tiên nhân, các loài trời, người, A-tu-la, Càn-thát-bà, La-sát và các chủng loại khác, mỗi mỗi đều có hai kết sử. Chúng nghĩ rằng: ‘Mong sao ta không gậy, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, không đấu, không khổ, mà sống trong sự an lạc’. Chúng tuy nghĩ như vậy, nhưng vẫn có gậy, có kết, có oán, có nhuế, có tranh, có đấu, có khổ mà không sống trong sự an lạc. Thật sự như vậy, bạch Thế Tôn! Thật sự như vậy, bạch Thiện Thệ! Thật sự như vậy, bạch Đại Tiên nhân. Đúng như pháp mà Phật đã nói, con đã biết. Con đã đoạn trừ nghi hoặc, không còn do dự, do nghe những điều Phật dạy.”

Thiên vương Thích sau khi nghe những điều Phật nói, hoan hỷ phụng hành; rồi lại hỏi:

“Bạch Đại Tiên nhân, bõn sên, ganh tị do nhân gì duyên gì, từ đâu sanh ra, do đâu mà có? Lại do nhân gì, duyên gì mà không có bõn sên và ganh

⁴² Kết 結. Pāli: *samyojana*, chỉ phiền não trói buộc.

⁴³ Xan và tật 慳 嫉. Pāli: *issā-macchariya*. Sớ giải: thấy người thành công mà ganh tị là *issā*. Thành công của mình không chịu chia sẻ chung với người khác là *macchariyam*. Trong bản Pāli, Sakka hỏi do kiết sử gì (*kiṃ samyojanā*) mà chúng sanh gây hận thù (*savera*). Phật trả lời như vậy. Hai bản kia cũng tương tự bản Pāli. Có lẽ bản Hán này dịch sát, vì câu hỏi của Thiên Đế Thích thêm định.

⁴⁴ Hán: vô trượng 無 丈. Pāli: *adaṇḍā*, không chiến tranh, gây hấn nhau.

⁴⁵ Trong các bản kia, Thiên đế Thích đã hỏi tương tự như vậy.

tị?”

Thế Tôn đáp rằng:

“Này Câu-dục, bõn sên và ganh tị nhân nơi yêu và không yêu⁴⁶, duyên nơi yêu và không yêu; từ nơi yêu và không yêu sanh ra; do yêu và không yêu mà có. Nếu không có yêu, và không yêu thì không có bõn sên và ganh tị vậy.”

Thiên vương Thích nghe xong, thưa rằng:

“Thật sự như vậy, bạch Thế Tôn! Thật sự như vậy, bạch Thiện Thệ! Thật sự như vậy, bạch Đại Tiên nhân. Bõn sên và ganh tị nhân nơi yêu và không yêu, duyên nơi yêu và không yêu; từ nơi yêu và không yêu sanh ra; do yêu và không yêu mà có. Nếu không có yêu, và không yêu thì không có bõn sên và ganh tị. Thật sự như vậy, bạch Thế Tôn! [635b] Thật sự như vậy, bạch Thiện Thệ! Thật sự như vậy, bạch Đại Tiên nhân. Đúng như pháp mà Phật đã nói, con đã biết. Con đã đoạn trừ nghi hoặc, không còn do dự, do nghe những điều Phật dạy.”

Thiên vương Thích sau khi nghe những điều Phật nói, hoan hỷ phụng hành.

Thiên vương Thích lại hỏi:

“Bạch Đại Tiên nhân, yêu và không yêu là do nhân gì, duyên gì, từ đâu phát sanh, do đâu mà có? Lại do nhân nào mà không có yêu và không yêu?”

Đức Thế Tôn bảo rằng:

“Này Câu-dục, yêu và không yêu là nhân nơi dục và duyên nơi dục mà phát sanh, do dục mà có⁴⁷. Nếu vô dục thì không có yêu và không yêu vậy.”

Thiên vương Thích nghe xong, thưa rằng:

“Thật sự như vậy, bạch Thế Tôn! Thật sự như vậy, bạch Thiện Thệ! Thật sự như vậy, bạch Đại Tiên nhân! Yêu và không yêu là nhân nơi dục và duyên nơi dục mà phát sanh, do dục mà có. Nếu vô dục thì không có yêu và không yêu vậy. Thật sự như vậy, bạch Thế Tôn! Thật sự như vậy,

⁴⁶ Ái bất ái 愛不愛. Pāli: *piyāppiya*, khả ái và không khả ái, yêu và ghét.

⁴⁷ Pāli: *chanda*: ham muốn, ước muốn.

bạch Thiện Thệ! Thật sự như vậy, bạch Đại Tiên nhân! Đúng như pháp mà Phật đã nói, con đã biết. Con đã đoạn trừ nghi hoặc, không còn do dự, do nghe những điều Phật dạy.”

Thiên vương Thích sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Thiên vương Thích lại hỏi:

“Bạch Đại Tiên nhân, dục là do nhân gì, duyên gì, từ đâu mà sanh, do đâu mà có; do nhân nào không có dục?”

Đức Thế Tôn đáp:

“Này Câu-dục, dục là do nhân bởi tâm⁴⁸ và duyên nơi tâm, từ nơi tâm mà phát sanh; do tâm mà có; nếu không có tâm thì không có dục.”

Thiên vương Thích nghe thế thưa rằng:

“Thật sự như vậy, bạch Thế Tôn! Thật sự như vậy, bạch Thiện Thệ! Thật sự như vậy, bạch Đại Tiên nhân, dục là do nhân bởi tâm và duyên nơi tâm, từ nơi tâm mà phát sanh; do tâm mà có; nếu không có tâm thì không có dục. Thật sự như vậy, bạch Thế Tôn! Thật sự như vậy, bạch Thiện Thệ! Thật sự như vậy, bạch Đại Tiên nhân! Đúng như pháp mà Phật đã nói, con đã biết. Con đã đoạn nghi, trừ hoặc, không còn do dự, do nghe những điều Phật dạy.”

Thiên vương Thích sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Thiên vương Thích lại hỏi:

“Bạch Đại Tiên nhân, tâm là do nhân gì, duyên gì, từ đâu mà sanh, do đâu mà có. Lại do nhân nào không có tâm?”

Đức Thế Tôn đáp:

“Này Câu-dục, tâm là nhân nơi hý luận và duyên nơi hý luận, từ nơi hý luận mà phát sanh, do hý luận mà có⁴⁹. Nếu không có hý luận thì không

⁴⁸ Niệm 念. No.1(14) Ái do tưởng sanh; Pāli: *chando (...) vitakkanidāno*, dục có nguyên nhân là tâm 尋, tức tâm cầu hay suy nghĩ tìm tòi.

⁴⁹ Tư 思. Đoạn sau, dịch là hý luận. Đây theo các đoạn sau cho nhất trí. Pāli: *papañcasaññāsankhā*, hý luận vọng tưởng. Sớ giải, có ba loại hý luận: ái hý luận (*tanhāpapañca*), mạn hý luận (*mānanapapañca*), kiến hý luận (*ditthipapañca*).

có tâm.

“Do tâm có dục, do dục có yêu và không yêu. Do yêu và không yêu có bòn sẻn và ganh tị. Do bòn sẻn và ganh tị mà sanh ra dao, gậy, đấu tranh, thù nghịch, đua nịnh, dối trá, nói láo, nói hai lưỡi, trong tâm sanh ra vô lượng pháp ác bất thiện. Như vậy, toàn khối lớn khổ đau⁵⁰ này phát sanh.

“Nếu không có hý luận thì không có tâm. Nếu không có tâm thì không có dục. Nếu không có dục thì không có yêu và không yêu. Nếu không có yêu và không yêu thì không có bòn sẻn và ganh tị. Nếu không có bòn sẻn và ganh tị thì không có dao gậy, đấu tranh, thù nghịch, đua nịnh, dối trá, nói láo, nói hai lưỡi, trong tâm không sanh ra vô lượng pháp ác bất thiện. Như vậy, toàn khối lớn đau khổ này tiêu diệt”.

Thiên vương Thích nghe xong, thưa rằng:

“Con đã hiểu, bạch Thế Tôn! Con đã hiểu, bạch Thiện Thệ! Con đã hiểu, bạch Đại Tiên nhân. Tâm là nhân nơi hý luận và duyên nơi hý luận, từ nơi hý luận mà phát sanh, do hý luận mà có. Nếu không có hý luận thì không có tâm.

“Do tâm có dục, do dục có yêu và không yêu. Do yêu và không yêu có bòn sẻn và ganh tị. Do bòn sẻn và ganh tị mà sanh ra dao, gậy, đấu tranh, thù nghịch, đua nịnh, dối trá, nói láo, nói hai lưỡi, trong tâm sanh ra vô lượng pháp ác bất thiện. Như vậy, toàn khối lớn khổ đau này phát sanh.

“Nếu không có hý luận thì không có tâm. Nếu không có tâm thì không có dục. Nếu không có dục thì không có yêu và không yêu. Nếu không có yêu và không yêu thì không có bòn sẻn và ganh tị. Nếu không có bòn sẻn và ganh tị thì không có dao gậy, đấu tranh, thù nghịch, đua nịnh, dối trá, nói láo, nói hai lưỡi, trong tâm không sanh ra vô lượng pháp ác bất thiện. Như vậy, toàn khối lớn đau khổ này tiêu diệt.

“Thật sự như vậy, bạch Thế Tôn! Thật sự như vậy, bạch Thiện Thệ! Thật sự như vậy, bạch Đại Tiên nhân! Đúng như pháp mà Phật đã nói, con đã biết. Con đã đoạn nghi, trừ hoặc, không còn do dự, do nghe những điều Phật dạy.”

Thiên vương Thích sau khi nghe xong những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

⁵⁰ Thuần đại khổ âm 純大苦陰.

Thiên vương Thích lại hỏi:

“Bạch Đại Tiên nhân, thế nào là con đường tiêu diệt hý luận⁵¹. Tỳ-kheo thực hành như thế nào để hướng đến con đường tiêu diệt hý luận?”

Đức Thế Tôn đáp rằng:

“Này Câu-dục, con đường tiêu diệt hý luận là Thánh đạo tám chi. Đó là, chánh kiến, chánh tư duy, cho đến chánh định. Này Câu-dục, đó là con đường tiêu diệt hý luận. Tỳ-kheo thực hành như vậy để hướng đến con đường tiêu diệt hý luận.”

Thiên vương Thích nghe dạy xong, thưa rằng:

“Thật sự như vậy, bạch Thế Tôn! Thật sự như vậy, bạch Thiện Thệ! Thật sự như vậy, bạch Đại Tiên nhân, con đường tiêu diệt hý luận là Thánh đạo tám chi. Đó là, chánh kiến, chánh tư duy, cho đến chánh định. Đại Tiên nhân, đó là con đường tiêu diệt hý luận. Tỳ-kheo thực hành như vậy để hướng đến con đường tiêu diệt hý luận. Đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Đúng như vậy, bạch Thiện thệ! Đúng như vậy, bạch Đại Tiên nhân! Đúng như pháp mà Đức Phật đã dạy, con đã rõ. Con đã đoạn trừ nghi hoặc, không còn do dự, do nghe những điều Phật dạy”.

Thiên vương Thích sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ [636a] phụng hành.

Thiên vương Thích lại hỏi:

“Bạch Đại Tiên nhân, một Tỳ-kheo hướng đến con đường tiêu diệt hý luận phải đoạn bao nhiêu pháp và hành bao nhiêu pháp?”

Đức Thế Tôn đáp:

“Này Câu-dục, Tỳ-kheo hướng đến con đường tiêu diệt hý luận phải đoạn ba pháp và tu hành ba pháp. Thế nào là ba? Một là niệm, hai là ngôn, ba là cầu⁵².

“Này Câu-dục, tâm ấy Ta nói có hai loại, nên hành và không nên hành.

⁵¹ Diệt hý đạo tích 滅戲道跡. Pāli: *papañcasaññāsankhānirodhagāminipatipadā*, thực hành hay tu tập dẫn đến chỗ diệt trừ hý luận vọng tưởng.

⁵² Niệm, ngôn, cầu 念言求; No.1(14): khẩu, tướng, cầu 口想求. Pāli: diệt trừ hý luận bằng *somanassa*, *domanassa*, *upekkha*, hỷ, ưu và xả. Ba pháp này trong bản Hán được trả lời cho câu hỏi khác ở sau.

Nếu tầm mà không nên hành thì Ta liền đoạn trừ. Nếu tầm nên hành thì Ta biết lúc nào nên hành, có chánh niệm, có chánh trí để thành tựu tầm kia vậy. Ngôn cũng như thế.

“Này Câu-dực, câu ấy Ta nói cũng có hai loại, nên hành và không nên hành. Nếu cầu mà không nên hành thì Ta liền đoạn. Nếu cầu mà nên hành thì Ta biết lúc nào nên hành, có chánh niệm, có chánh trí, để thành tựu cầu kia vậy.”

Thiên vương Thích nghe xong, thưa:

“Thật sự như vậy, bạch Thế Tôn! Thật sự như vậy, bạch Thiện Thệ! Thật sự như vậy, bạch Đại Tiên nhân! Tỳ-kheo hướng đến con đường tiêu diệt hý luận, đoạn ba pháp, tu hành ba pháp. Thế nào là ba? Một là tầm, hai là ngôn, ba là cầu.

“Đại Tiên nhân đã nói,⁵³ tầm có hai loại, nên hành và không nên hành. Nếu tầm tăng trưởng pháp ác bất thiện và giảm tổn thiện pháp thì Đại Tiên nhân liền đoạn trừ. Nếu tầm giảm tổn pháp ác bất thiện và tăng trưởng thiện pháp thì Đại Tiên nhân biết lúc nào nên hành, có niệm, có trí để thành tựu tầm kia vậy. Ngôn cũng như vậy. Đại Tiên nhân đã nói cầu cũng có hai loại, nên hành và không nên hành. Nếu cầu tăng trưởng pháp ác bất thiện và tổn giảm thiện pháp thì Đại Tiên nhân liền đoạn trừ. Nếu cầu mà giảm tổn pháp ác bất thiện và tăng trưởng thiện pháp thì Đại Tiên nhân biết lúc nào nên hành, có niệm, có trí để thành tựu cầu kia vậy.

“Đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Đúng như vậy, bạch Thiện Thệ! Đúng như vậy, bạch Đại Tiên nhân! Đúng như pháp Phật đã nói, con đã biết. Con đã đoạn trừ nghi hoặc, không còn do dự, do nghe những điều Phật dạy.”

Thiên vương Thích sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Thiên vương Thích lại hỏi:

“Bạch Đại Tiên nhân, Tỳ-kheo hướng đến con đường tiêu diệt hý luận, có bao nhiêu pháp; để thủ hộ Biệt giải thoát, hành bao nhiêu pháp?

⁵³ Đoạn này, có lẽ có sự nhầm lẫn trong bản Hán, hoặc nháy sot một đoạn; vì đây là lời Phật giảng cho Đề Thích chứ không phải trái lại.

Đức Thế Tôn đáp:

“Này Câu-dục, Tỳ-kheo hướng đến con đường tiêu diệt hý luận có sáu pháp; để thủ hộ Biệt giải thoát hành sáu pháp. Sáu pháp ấy là gì? Đó là, mắt thấy sắc, tai nghe thanh, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân biết xúc, ý biết pháp.⁵⁴

“Này Câu-dục, mắt thấy sắc ấy, Ta nói có hai loại, [636b] nên hành và không nên hành. Nếu mắt thấy sắc không nên hành thì Ta liền đoạn trừ. Nếu mắt sắc nên hành thì Ta biết lúc nào nên hành, có chánh niệm, có chánh trí để thành tựu mắt vậy.

“Cũng như thế, đối với tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân biết xúc và ý biết pháp ấy, Ta nói cũng có hai loại, nên hành và không nên hành. Nếu ý biết pháp không nên hành thì Ta liền đoạn trừ. nếu ý biết pháp nên hành thì Ta biết lúc nào nên hành, có chánh niệm, có chánh trí để thành tựu ý vậy.”

Thiên vương Thích nghe xong, thưa:

“Đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Đúng như vậy, bạch Thiện Thệ! Đúng như vậy, bạch Đại Tiên nhân! Tỳ-kheo hướng đến con đường tiêu diệt hý luận có sáu pháp; để thủ hộ Biệt giải thoát hành sáu pháp. Sáu pháp ấy là gì? Mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân biết xúc, ý biết pháp. Đại Tiên nhân đã nói, mắt thấy sắc có hai loại, nên hành và không nên hành. Nếu mắt thấy mà tăng trưởng pháp ác bất thiện và làm tổn giảm thiện pháp thì Đại Tiên nhân liền đoạn trừ. Nếu mắt thấy sắc làm tổn giảm pháp ác bất thiện và làm tăng trưởng thiện pháp thì Đại Tiên nhân biết lúc nào nên hành vậy. Có niệm, có trí để thành tựu mắt vậy. Cũng như thế, đối với tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân biết xúc, ý biết pháp cũng có hai loại, nên hành và không nên hành. Nếu ý biết pháp làm tăng trưởng pháp ác bất thiện và giảm tổn thiện pháp thì Đại Tiên nhân liền đoạn trừ. Nếu ý biết pháp làm tổn giảm pháp ác bất thiện và tăng trưởng thiện pháp thì Đại Tiên nhân biết lúc nào nên hành, có niệm, có trí để thành tựu ý vậy. Đúng như vậy, bạch Thế Tôn!

⁵⁴ Hành trong ba pháp: thân (*kāyasamācāram*), ngữ (*vacīsamācāram*), và tâm cầu (*pariyesanam*). Đối với sáu căn, thuộc về đoạn thủ hộ căn (*indriyaṣaṃvara*: căn luật nghi)

Đúng như vậy, bạch Thiện Thệ! Đúng như vậy, bạch Đại Tiên nhân! Đúng như pháp Phật đã nói, con đã biết. Con đã đoạn nghi, trừ hoặc, không còn do dự, do nghe những điều Phật dạy.”

Thiên vương Thích sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Thiên vương Thích lại hỏi:

“Bạch Đại Tiên nhân, vị Tỳ-kheo hướng đến con đường tiêu diệt hý luận, khi thân mạng tồn tại trong một khoảnh khắc, phải đoạn bao nhiêu pháp và tu hành bao nhiêu pháp?”

Đức Thế Tôn dạy:

“Này Câu-dục, Tỳ-kheo hướng đến con đường tiêu diệt hý luận, khi thân mạng tồn tại trong một khoảnh khắc, lại cũng phải đoạn ba pháp và tu hành ba pháp. Ba pháp ấy là gì? Một là hỷ, hai là ưu và ba là xả⁵⁵.

“Này Câu-dục, hỷ ấy Ta nói có hai loại, nên hành và không nên hành. Nếu hỷ mà không nên hành thì Ta liền đoạn trừ. Nếu hỷ nên hành thì Ta biết lúc nào nên hành, có niệm, có trí [636c] để thành tựu hỷ vậy. Ưu cũng như thế.

“Này Câu-dục, xả ấy Ta nói cũng có hai loại, nên hành và không nên hành. Nếu xả mà không nên hành thì Ta liền đoạn trừ. nếu xả nên hành thì Ta biết lúc nào nên hành, có niệm, có trí để thành tựu xả vậy.”

Thiên vương Thích nghe xong, thưa:

“Đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Đúng như vậy, bạch Thiện Thệ! Đúng như vậy, bạch Đại Tiên nhân! Tỳ-kheo hướng đến con đường tiêu diệt hý luận, khi thân mạng tồn tại trong một khoảnh khắc phải đoạn trừ ba pháp và thực hành ba pháp. Ba pháp ấy là gì? Một là hỷ, hai là ưu, ba là xả. Đại Tiên nhân đã nói hỷ có hai loại, nên hành và không nên hành. Nếu hỷ làm tăng trưởng pháp ác bất thiện và giảm tổn thiện pháp thì liền đoạn trừ. Nếu hỷ làm giảm tổn pháp ác bất thiện và tăng trưởng thiện pháp thì biết lúc nào nên hành, có niệm, có trí để thành tựu hỷ vậy. Ưu cũng như thế. Đại Tiên nhân đã nói xả cũng có hai loại, nên hành và không nên hành.

⁵⁵ Pāli: *somanassa*, *domanassa*, *upekkha*, liên hệ đến sự đoạn trừ hý luận nói ở đoạn trên.

Nếu xả làm tăng trưởng pháp ác bất thiện và giảm tổn thiện pháp thì liền đoạn trừ. Nếu xả làm tổn giảm pháp ác bất thiện và tăng trưởng thiện pháp thì biết lúc nào nên hành, có niệm, có trí để thành tựu xả vậy. Đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Đúng như vậy, bạch Thiện Thệ! Đúng như vậy, bạch Đại Tiên nhân! Đúng như pháp Phật đã nói, con đã biết. Con đã đoạn nghi trừ hoặc, không còn do dự, do nghe những điều Phật dạy.”

Thiên vương Thích sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Thiên vương Thích lại hỏi:

“Bạch Đại Tiên nhân, tất cả Sa-môn, Bà-la-môn đều đồng một thuyết, đồng một mong cầu, đồng một sở thích, đồng một an lạc, đồng một ý hướng chẳng?⁵⁶”

Đức Phật dạy:

“Này Câu-dục, tất cả Sa-môn, Bà-la-môn không đồng một thuyết, không đồng một mong cầu, không đồng một sở thích, không đồng một an lạc, không đồng một ý hướng.”

Thiên vương Thích lại hỏi:

“Bạch Đại Tiên nhân, tất cả Sa-môn, Bà-la-môn vì lý do gì mà không đồng một thuyết, không đồng một mong cầu, không đồng một sở thích, không đồng một an lạc, không đồng một ý hướng?”

Đức Thế Tôn đáp:

“Này Câu-dục, thế giới này có nhiều chủng loại giới, có vô lượng giới⁵⁷. Vị ấy tùy theo một giới được biết đến, rồi nhân giới đó tùy khả năng của mình mà nói một chiều rằng ‘Đây là chân thật, ngoài ra đều hư dối’. Này Câu-dục, cho nên tất cả Sa-môn, Bà-la-môn không đồng một thuyết, không đồng một mong cầu, không đồng một sở thích, không đồng một an lạc, không đồng một ý hướng vậy.”

⁵⁶ Đồng nhất thuyết, đồng nhất dục, đồng nhất ái, đồng nhất lạc, đồng nhất ý 同一說, 同一欲, 同一, 同一樂, 同一意. Pāli: *ekantavādā ekantasīlā ekantachandā ekanta-ajjhosānā ti?* Đồng một chủ thuyết, đồng một giới đức, đồng một ước muốn, đồng một chí hướng.

⁵⁷ Pāli: *anekadhātu-nānādhātu*, vô số giới loại sai biệt.

Thiên vương Thích nghe xong, thưa:

“Đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Đúng như vậy, bạch Thiện Thệ! Đúng như vậy, bạch Đại Tiên nhân! Thế giới này có nhiều chủng loại giới, có vô lượng giới. Vị ấy tùy theo một giới được biết đến, [637a] rồi ở nơi giới đó tùy khả năng của mình mà nói một chiều rằng ‘Đây là chân thật, ngoài ra đều hư vọng’. Bạch Đại Tiên nhân, vì thế mà tất cả Sa-môn, Bà-la-môn không đồng một thuyết, không đồng một mong cầu, không đồng một sở thích, không đồng một an lạc, không đồng một ý hướng vậy. Đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Đúng như vậy, bạch Thiện Thệ! Đúng như vậy, bạch Đại Tiên nhân! Đúng như pháp Phật đã nói, con đã biết. Con đã đoạn trừ nghi hoặc, không còn do dự, do nghe những điều Phật dạy”.

Thiên vương Thích sau khi nghe những điều Phật nói, hoan hỷ phụng hành.

Thiên vương Thích lại hỏi:

“Bạch Đại Tiên nhân, tất cả Sa-môn, Bà-la-môn đều đạt đến cứu cánh, cứu cánh bạch tịnh, cứu cánh phạm hạnh, thành tựu cứu cánh phạm hạnh chăng⁵⁸?”

Đức Thế Tôn đáp:

“Này Câu-dục, không hẳn tất cả Sa-môn, Bà-la-môn đều đạt đến cứu cánh, cứu cánh bạch tịnh, cứu cánh phạm hạnh, thành tựu cứu cánh phạm hạnh.”

Thiên vương Thích, thưa:

“Bạch Đại Tiên nhân, vì lý do gì mà không hẳn tất cả Sa-môn, Bà-la-môn đều đạt đến cứu cánh, cứu cánh phạm bạch tịnh, cứu cánh phạm hạnh, thành tựu cứu cánh phạm hạnh?”

Đức Thế Tôn đáp:

“Này Câu-dục, Sa-môn, Bà-la-môn nào đối với vô thượng ái tận mà

⁵⁸ Pāli: *accantaniṭṭhā accantayogakkhemī accantabrahmacārī accantapariyosānā ti?*
“Đồng một cứu cánh, đồng một an ổn, đồng một phạm hạnh, đồng một mục đích?”

không toàn vẹn chân chánh tâm giải thoát⁵⁹, kẻ ấy không đạt đến cứu cánh, không cứu cánh bạch tịnh, không cứu cánh phạm hạnh, không thành tựu cứu cánh phạm hạnh.

“Này Câu-dục, Sa-môn, Bà-la-môn nào đối với vô thượng ái tận mà toàn vẹn chân chánh tâm giải thoát, kẻ ấy đạt đến cứu cánh, cứu cánh bạch tịnh, cứu cánh phạm hạnh, thành tựu cứu cánh phạm hạnh.”

Thiên vương Thích, thưa:

“Đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Đúng như vậy, bạch Thiện Thệ! Đúng như vậy, bạch Đại Tiên nhân, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn đối với vô thượng ái tận mà không hoàn toàn chân chánh tâm giải thoát, kẻ ấy không đạt đến cứu cánh, không cứu cánh bạch tịnh, không cứu cánh phạm hạnh, không thành tựu cứu cánh phạm hạnh.

‘Bạch Đại Tiên nhân, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn đối với vô thượng ái tận mà toàn vẹn chân chánh tâm giải thoát, kẻ ấy đạt đến cứu cánh, cứu cánh bạch tịnh, cứu cánh phạm hạnh, thành tựu cứu cánh phạm hạnh. Đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Đúng như vậy, bạch Thiện Thệ! Đúng như vậy, bạch Đại Tiên nhân! Đúng như pháp Phật đã nói, con đã biết, con đã đoan nghi, trừ hoặc, không còn do dự, do nghe những điều Phật dạy.’”

Thiên vương Thích sau khi nghe những điều Phật nói, hoan hỷ phụng hành.

Thiên vương Thích lại nói:

“Bạch Đại Tiên nhân, con lâu nay bị gai nhọn nghi hoặc, ngày nay được Thế Tôn nhổ ra. Vì sao? Vì Như Lai là Bạc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác vậy.”

Đức Thế Tôn hỏi:

“Này Câu-dục, [637b] người hãy nhớ lại ngày xưa người đã từng hỏi các Sa-môn, Bà-la-môn việc như thế chẳng?”

Thiên vương Thích đáp:

“Bạch Thế Tôn, mong Đại Tiên nhân tự biết cho. Bạch Đại Tiên nhân, chư Thiên Tam thập tam tập họp tại Pháp đường, đều ôm lòng sầu não, thường than thở rằng ‘Chúng ta nếu gặp được Đức Như Lai, Bạc Vô Sở

⁵⁹ Pāli: *tanhāsamkhaya-vimutta*, ái tận giải thoát, hay giải thoát do diệt tận khát ái.

Trước, Đẳng Chánh Giác, quyết sẽ đến yết kiến’. Bạch Đại Tiên nhân, nhưng chúng con không gặp được Như Lai, Bạc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, bèn thụ hưởng đầy đủ công đức của ngũ dục.

“Bạch Đại Tiên nhân, chúng con phóng dật. Sau khi sống phóng dật, vị thiên tử có đại oai đức, ngay nơi chỗ cực diệu mà mạng chung. Bạch Đại Tiên nhân, khi con thấy vị thiên tử đại oai đức ngay nơi chỗ cực diệu mà mạng chung, chúng con bèn chán nản hết sức, lông tóc đều dựng ngược ‘Mong ta không ở nơi này mà mạng chung nhanh chóng’.

“Bạch Đại Tiên nhân, con do sự chán này, sự ưu não này, nên khi thấy Sa-môn, Bà-la-môn nào sống nơi rừng vắng, trong rừng sâu, dưới gốc cây, thích ở trên sườn núi cao, vắng bật không có tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận tĩnh tọa; khi thấy vị ấy ưa thích nơi xa vắng, tĩnh tọa, sống an ổn khoái lạc, con cho rằng đây là Như Lai, Bạc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, liền đến yết kiến.

“Nhưng vị ấy không biết con, nên hỏi rằng: ‘Ông là ai?’

“Lúc đó con đáp rằng ‘Bạch Đại Tiên nhân, con là Thiên vương Thích. Bạch Đại Tiên nhân, con là Thiên vương Thích’.

“Vị ấy lại hỏi ‘Ta từng thấy người họ Thích và cũng thấy chúng tánh Thích. Vì lý do gì gọi là Thích? Vì lý do gì gọi là chúng tánh Thích?’

“Con liền đáp rằng ‘Bạch Đại Tiên nhân, nếu có ai đến hỏi con việc như vậy, con liền tùy khả năng, tùy sức⁶⁰ mà trả lời, cho nên được gọi là Thích’.

“Vị ấy lại hỏi ‘Chúng ta nếu tùy theo việc mà hỏi Thích, Thích cũng tùy việc mà đáp lại ta’.

“Vị ấy hỏi việc con, nhưng con không hỏi việc vị ấy. Vị ấy quy mạng con, nhưng con không quy mạng vị ấy.

“Bạch Đại Tiên nhân, từ nơi Sa-môn Bà-la-môn kia, oai nghi giáo pháp mà còn hoàn toàn không được, huống nữa lại được hỏi như vậy sao?”

Lúc ấy, Thiên vương Thích nói bài tụng:

Thích⁶¹ đi qua, đã qua;

⁶⁰ *Tùy sở năng, tùy kỳ lực.* Định nghĩa từ sakka, mà nghĩa đen là “khả năng”.

⁶¹ Tức Thiên Đế Thích.

Thích hay nói như thế.
Ý tưởng niệm lìa xa;
Trừ nghi, các do dự;
Từ lâu đi khắp đời,
Tìm cầu Đức Như Lai.
Thấy Sa-môn, Bà-la-môn
Tĩnh tọa nơi xa xôi
[637c] Cho là Chánh Đẳng Giác;
Đến phụng cúng, lạy thờ:
'Làm sao được thăng tấn'.
Như vậy con hỏi Ngài
Đã hỏi, không được đáp,
Thánh đạo và đạo tịch.
Thế Tôn nay vì con,
Nếu ý có sở nghi,
Sở niệm và sở tư,
Và sở hành của ý.
Biết tâm ẩn và hiện,
Thánh Nhân nói cho hay.
Tôn Phật là Đạo Sư,
Tôn Vô Trước Mâu-ni,
Tôn Bạc Đoạn kết sử,
Độ mình và độ người.
Đệ nhất trong hàng giác ngộ;
Tối thượng ngự trong hàng Điều ngự;
Tối diệu tịch trong hàng Tịch tĩnh;
Đáng Đại Tiên, độ mình, độ người.
Nên con lễ Đại Hùng;
Cúi lạy Tối Thượng Nhân;
Đoạn tuyệt gai ái dục;
Kính lạy Đáng Nhật Thân.

Bấy giờ Đức Thế Tôn lại hỏi rằng:

“Này Câu-dục, ông có nhớ ngày xưa, được xả ly như vậy, được hoan hỷ⁶² như vậy, nghĩa là do nơi Ta mà đạt được pháp hỷ chẳng?”

Thiên vương Thích thưa:

“Bạch Thế Tôn, mong Đại Tiên nhân tự biết cho.

“Bạch Đại Tiên nhân, một thời xưa, chư Thiên và A-tu-la chiến đấu với nhau. Bạch Đại Tiên nhân, khi chư Thiên và A-tu-la chiến đấu với nhau, con nghĩ rằng ‘Mong chư Thiên thắng, phá vỡ A-tu-la. Thực phẩm của chư Thiên và thực phẩm của A-tu-la,⁶³ hãy để tất cả cho Tam thập tam thiên thọ hưởng’.

“Bạch Đại Tiên nhân, khi chư Thiên đánh nhau với A-tu-la, chư Thiên đắc thắng, phá vỡ chúng A-tu-la. Thực phẩm của chư Thiên và thực phẩm của A-tu-la, tất cả đều được chư Thiên Tam thập tam thọ hưởng.

“Bạch Đại Tiên nhân, bây giờ có ly, có hỷ, nhưng xen lẫn dao gậy, kết oán, đấu tranh, thù nghịch, không được thần thông, không được giác đạo, không được Niết-bàn.

“Bạch Đại Tiên nhân, ngày nay con được ly, được hỷ, không xen lẫn dao gậy, kết oán, đấu tranh, thù nghịch, được thần thông, được giác đạo và được Niết-bàn.”

Đức Thế Tôn hỏi:

“Này Câu-dục, do đâu người được ly được hỷ? Do nơi Ta mà được pháp hỷ chẳng?”

“Thiên vương Thích đáp rằng:

“Bạch Đại Tiên nhân, con nghĩ rằng⁶⁴ ‘Ta mạng chung ở đây, sanh nơi nhân gian. Ở đó nếu có dòng họ rất giàu sang, tiền của vô số, sản nghiệp, súc mục không thể tính được. Phong hô thực ấp các thứ đầy đủ, hoặc là chủng tộc Sát-lị trưởng giả, chủng tộc Bà-la-môn trưởng giả, Cư sỹ trưởng giả [638a] và các chủng tộc khác, rất là giàu sang, của cải vô số,

⁶² Hán: đắc ly đắc hỷ. Pāli: veda-paṭilābha, somanassa-paṭilābha, có được cảm giác phấn khích, hoan hỷ.

⁶³ Pl.: *dibbā ojā, asurā ojā*: thực phẩm hay quyền lực của chư thiên và của a-tu-la.

⁶⁴ Từ đây trở xuống, No 1(14): trình bày năm kết quả của công đức; Pl.: sáu điều ích lợi (*cha atthavase*)

sản nghiệp, súc mục không thể tính được. Phong hô thực ấp các thứ đầy đủ.⁶⁵ Sau khi sanh vào chủng tộc như thế, thành tựu các căn, có tín tâm đối với pháp luật mà Đức Như Lai giảng thuyết. Sau khi có tín tâm, liền cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo và học trí.⁶⁶ Sau khi học trí, nếu thành đạt trí, liền chứng đắc cứu cánh trí, đạt đến biên tế cứu cánh.⁶⁷ Nếu sau khi học trí mà không được cứu cánh học trí và sau khi học trí thì có chư Thiên nào đó có đại phước hựu, có sắc tượng uy nguy, chói sáng rực rỡ, rất có oai lực, an ổn khoái lạc, sống mãi trong cung, sanh nơi tối thượng. Ta sẽ sanh trong đó”.
Bấy giờ Thiên vương Thích nói bài tụng:

*Xả ly thân Thiên thân,
Sanh xuống nơi nhân gian;
Thác thai không ngu muội,
Tùy sở thích hân hoan.*

*Thành thân đã hoàn mãn,
Chất trực, tu Thánh đạo,
Hành phạm hạnh trọn đủ
Sống vui đời xin ăn.*

“Và sau khi học trí, nếu được trí, liền chứng đắc cứu cánh trí, đạt đến biên tế cứu cánh. Nếu học trí và sau khi học trí rồi mà được trí nhưng không chứng đắc cứu cánh trí, đã thành vị trời tối thượng diệu, chư Thiên đều nghe danh, đó là Sắc cứu cánh thiên, ta sẽ sanh vào đó.”⁶⁸

“Bạch Đại Tiên nhân, con mong sẽ chứng đắc A-na-hàm. Bạch Đại Tiên nhân, con nay đã chứng đắc Tu-đà-hoàn.”

Đức Thế Tôn hỏi:

“Này Câu-dực, ngươi do đâu mà được sự lên xuống⁶⁹ rất tốt đẹp, cực

⁶⁵ No 1(14): công đức thứ nhất; Pl. ích lợi thứ hai: thọ thai không ngu muội, tùy lựa chọn.

⁶⁶ Ích lợi thứ ba trong bản Pāli: được sống và học chánh trí.

⁶⁷ Pāli: ích lợi thứ tư.

⁶⁸ Pāli: Ích lợi thứ sáu.

⁶⁹ *Sai giáng* 差降.

cao, cực rộng này, để có thể tự nói là đã chứng đắc Tu-đà-hoàn?”

Bấy giờ Thiên vương Thích dùng bài kệ đáp:

*Không còn tôn ai khác
Ngoài cảnh giới Thế Tôn.
Chúng Vô thượng sai giảng,
Cõi này thật chưa từng.*

*Đại Tiên, con ngồi đây,
Ngay với thân trời này
Con liền được tặng thọ
Chính mắt thấy như vậy.*

Khi nói pháp này, Thiên vương Thích xa lìa trần cấu, pháp nhãn của các pháp phát sanh. Tám vạn chư Thiên cũng được xa lìa trần cấu, pháp nhãn của các pháp phát sanh. Khi ấy Thiên vương Thích thấy pháp, đắc pháp, giác ngộ pháp bạch tịnh, đoạn trừ nghi hoặc, không còn tôn ai khác, không còn do ai khác, không còn do dự, đã an trụ trên quả chứng, [638b] đối với giáo pháp của Phật mà chứng đắc vô sở úy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ chân Phật, thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, con nay xin tự quy Phật, Pháp và Chúng Tỳ-kheo. Ngưỡng mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc. Kể từ hôm nay cho đến trọn đời, con tự quy y cho đến khi mạng chung.”

Bấy giờ Thiên vương Thích ngợi khen Ngũ kết nhạc tử rằng:

“Lành thay! Lành thay! Ngũ Kết, người đã giúp ích cho ta rất nhiều. Lý do vì sao? Do người mà Phật xuất định, bởi người trước hết khiến Thế Tôn từ định ra, khiến ta sau đó mới yết kiến được Thế Tôn. Nay Ngũ Kết! Sau khi từ đây trở về, ta đem Hiền Nguyệt Sắc, con gái của Nhạc vương Đam-phù-lâu gã cho người và đem bốn quốc của Nhạc vương ấy trao cho người, phong tặng người làm vua kỹ nhạc⁷⁰.”

Bấy giờ Thiên vương Thích bảo chư Thiên Tam thập tam rằng:

“Các người hãy lại đây! Nếu trước kia chúng ta vốn là Phạm thiên, sống trên cõi Phạm thiên, thường ba lần cung kính, lễ sự Phạm thiên vương thì các vị ấy nay tất cả đều cung kính lễ sự Thế Tôn. Lý do vì sao? Vì Thế

⁷⁰ Tức phong làm Càn-thát-bà vương.

Tôn là Phạm thiên, là vị Phạm thiên sẽ tạo hóa những bậc tối tôn, những chúng sanh đã sanh, những chúng sanh đã có và sẽ có, những gì Phạm thiên biết, Ngài đều biết hết, những gì Phạm thiên có thể thấy, Ngài đều thấy hết.”

Rồi Thiên vương Thích, chư Thiên cõi Tam thập tam, Ngũ Kết nhạc tử, nếu trước kia từng là Phạm thiên, sống trên cõi Phạm thiên, ba lần cung kính, lễ sự Phạm thiên, thì nay họ thấy đều hướng sự cung kính, lễ sự ấy đến Đức Thế Tôn, cúi đầu trước Đức Như Lai, Bạc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác.

Bấy giờ, Thiên vương Thích, Chư Thiên Tam Tập Tam và Ngũ Kết nhạc tử lại lần nữa cung kính lễ sự Thế Tôn, cúi đầu lễ sát chân Phật, nhiều quanh ba vòng rồi bỗng nhiên biến mất khỏi chỗ đó, không thấy nữa.

Bấy giờ Phạm thiên với sắc tượng nguy nguy, sáng chói rực rỡ, vào lúc trời gần sáng, đi đến chỗ Phật, cúi đầu sát chân Phật, rồi đứng sang một bên, dùng kệ bạch Thế Tôn:

*Do làm nhiều thiện ích
Do lợi nghĩa, là “trời”.
Hiện giả ở Ma-kiệt,
Bà-sa-bà hỏi han.*

“Khi Đại Tiên nhân nói pháp này, Thiên vương Thích xa lia trần cấu, pháp nhãn về các pháp khác phát sanh và tám vạn chư Thiên cũng xa lia trần cấu, pháp nhãn về các pháp phát sanh.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Phạm thiên rằng:

“Quả như vậy! Quả như vậy! Đúng như Phạm thiên đã nói:

*Do làm nhiều thiện ích
Do lợi nghĩa, là “trời”.
Hiện giả ở Ma-kiệt,
Bà-sa-bà hỏi han.*

[638c] “Này Phạm thiên, khi Ta nói pháp, Thiên vương Thích xa lia trần cấu, pháp nhãn về các pháp phát sanh và tám vạn chư Thiên cũng xa lia trần cấu, pháp nhãn về các pháp phát sanh.”

Đức Phật thuyết như vậy. Thiên vương Thích, chư Thiên Tam thập tam, Ngũ Kết nhạc tử và Đại phạm thiên, sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ

phụng hành.



135. KINH THIỆN SANH

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại thành Vương-xá, trong rừng Nhiêu hà mô¹.

Bấy giờ, trong thành Vương xá có con của vị Cư sĩ tên là Thiện Sanh. Khi người cha sắp lâm chung, nhân sáu phương mà trởi trần, khéo dạy khéo quả rằng:

“Này Thiện Sanh! Sau khi cha mất, con phải chấp tay mà lạy sáu phương rằng: Ở phương Đông, nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó rồi, chúng sanh đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại tôi.

“Cũng như vậy, phương Nam, phương Tây, phương Bắc, trên, dưới, nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó rồi, chúng sanh đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại tôi.”

Thiện Sanh, con trai Cư sĩ, nghe cha dạy xong, thưa rằng:

“Con xin vâng theo lời cha dạy bảo.”

Sau khi cha mất, vào mỗi sáng sớm, Thiện Sanh tắm gội xong, mặc áo sô-ma mới², tay cầm lá câu-xá³ còn tươi, đi đến bờ sông, chấp tay lạy sáu phương:

“Ở phương Đông, nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó rồi, chúng sanh đó [639a] cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại tôi.

“Cũng như vậy, phương Nam, phương Tây, phương Bắc, trên, dưới, nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái,

¹ Nhiêu hà mô 饒蝦蟆, chỗ nuôi ếch ương. No.1(16): trên núi Kỳ-xà-quật. Pāli D 31: Veḷuvane Kalandaka-nivāpe, trong rừng Trúc, chỗ nuôi sóc.

² Sô-ma y 芻磨衣 (Pāli: khoma: áo len).

³ Câu-xá diệp 拘舍葉, có lẽ Pāli gọi là *kusa*, một loại cỏ thơm (cỏ cát tường).

thờ phụng chúng sanh đó rồi, chúng sanh đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại tôi.”

Bấy giờ, khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, Đức Thế Tôn mang y, cầm bát vào thành Vương xá khát thực. Khi Đức Thế Tôn vào thành Vương xá khát thực, từ xa trông thấy Thiên Sanh, con vị Cư sĩ, vào lúc sáng sớm, tắm gội, mặc áo sô-ma mới, tay cầm lá câu-xá còn tươi, đi đến bờ sông, chấp tay lạy sáu phương:

“Ở phương Đông, nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó rồi, chúng sanh đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại tôi.

“Cũng như vậy, phương Nam, phương Tây, phương Bắc, trên, dưới, nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó rồi, chúng sanh đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại tôi.”

Đức Thế Tôn thấy thế, liền đi đến gần, hỏi Thiên Sanh, con trai Cư sĩ:

“Này con trai Cư sĩ, ông thọ nhận sự giáo hóa của Sa-môn, Bà-la-môn nào? Ai dạy ông cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng sáu phương? Mà vào mỗi buổi sáng tắm rửa, mặc áo sô-ma mới, tay cầm lá câu-xá còn tươi, đi đến bờ sông, chấp tay lạy sáu phương:

“ - Ở phương Đông, nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó rồi, chúng sanh đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại tôi.

“ - Cũng như vậy, phương Nam, phương Tây, phương Bắc, trên, dưới, nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó rồi, chúng sanh đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại tôi?”

Thiên Sanh, con trai Cư sĩ, thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, không có vị Sa-môn, Bà-la-môn nào dạy con cả. Bạch Thế Tôn, cha con khi sắp lâm chung, nhân sáu phương mà trở lại con, khéo dạy, khéo quở rằng: Này Thiên Sanh! Sau khi cha mất, con phải

chấp tay mà lạy sáu phương rằng: Ở phương Đông, nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó rồi, chúng sanh đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại tôi.

“ Cũng như vậy, phương Nam, phương Tây, phương Bắc, trên, dưới, nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó rồi, chúng sanh đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại tôi.

“Bạch Thế Tôn, con vâng lời trời của cha nên con cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng. Mỗi sáng sớm tắm gội, mặc áo sô-ma mới, tay cầm lá câu-xá còn tươi đi đến bờ sông, chấp tay lạy sáu phương rằng: Phương Đông nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó rồi, chúng sanh đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại tôi.

“Cũng như vậy, phương Nam, phương Tây, phương Bắc, trên, dưới, nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó rồi, chúng sanh đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại tôi.”

Đức Thế Tôn sau khi nghe như vậy, Ngài nói rằng:

“Này con trai Cư sĩ, Ta nói có sáu phương, chớ không nói là không có. [639b]Này con trai Cư sĩ, nếu có người khéo phân biệt sáu phương, xa lìa những nghiệp ác bất thiện ở bốn phương, người đó ngay trong đời này đáng được cung kính, tôn trọng. Sau khi thân hoại mạng chung, chắc chắn sẽ sanh đến thiện xứ, sanh vào cõi trời. Này con trai Cư sĩ, chúng sanh có bốn loại nghiệp, bốn loại ô uế⁴. Những gì là bốn? Này con trai Cư sĩ, sát sanh là một loại nghiệp, một loại ô uế của chúng sanh; lấy vật không được cho, tà dâm, vọng ngôn, là một loại nghiệp, một loại ô uế

⁴No.1(16): nghiệp kết 結業. Pāli: *cattāro kammakilesā*, bốn phiền não, hay bốn sự ô nhiễm, của nghiệp.

của chúng sanh.”

Rồi Đức Thế Tôn nói bài kệ này:

*Sát sanh cùng trộm cắp,
Tà dâm lấy vợ người,
Lời nói không chân thật,
Bạc trí không ngợi khen.*

“Này con trai Cư sĩ, con người do bốn việc mà bị nhiều tội lỗi. Bốn việc đó là gì? Đó là bị dục chi phối, bị sân hận chi phối, bị sợ hãi chi phối và bị ngu si chi phối.”

Rồi Đức Phật dạy tiếp bài kệ:

*Dục, nhuế, bố và si;
Hành vi ác, phi pháp,
Thanh danh tất bị diệt,
Như mặt trăng sắp tàn.*

“Này con trai Cư sĩ, con người do bốn việc mà được nhiều phước. Bốn việc đó là gì? Đó là không bị dục chi phối, không bị sân hận chi phối, không bị sợ hãi chi phối và không bị ngu si chi phối.”

Khi ấy, Đức Thế Tôn dạy bài kệ:

*Đoạn dục, không nhuế, bố,
Không si, hành pháp hành;
Thanh danh được tròn đủ,
Như mặt trăng dần đầy.*

“Này con trai Cư sĩ, kẻ mong cầu của cải nên biết sáu điều phi đạo⁶. Sáu điều đó là gì? Một là chơi bời cờ bạc các thứ⁷ mà mong cầu tài vật là phi pháp. Hai là rong chơi không phải lúc⁸ mà mong cầu tài vật là phi pháp.

⁵ Hán: hành dục, hành khuế (nhuế), hành bố, hành si 行欲行欲行恚行怖行癡. Pāli: *chandāgatim dosāgatim bhayāgatim mohāgatim*.

⁶ Lục phi đạo 六非道. Pāli: *cha bhogānam apāyamukhāni*, sáu nguyên nhân cho sự hao tài.

⁷ Hán: chủng chủng hý 種種戲; Pāli: *jūtappamādaṭṭhānuyogo*, đam mê cờ bạc.

⁸ Hán: phi thời hành 非時行. Pāli: *vikālavisikhācariyānuyogo*, du hành đường phố phi thời.

Ba là đam mê rượu chè mà mong cầu tài vật là phi pháp. Bốn là gần gũi ác tri thức mà mong cầu tài vật là phi pháp. Năm là đam mê kỹ nhạc mà mong cầu tài vật là phi pháp. Sáu là quen lười biếng mà mong cầu tài vật là phi pháp.

“Này con của vị Cư sĩ, với kẻ chơi bời bài bạc, nên biết có sáu tai họa. Sáu tai họa đó là gì? Một là, thắng⁹ thì sanh oán thù. Hai là, thua thì sanh xấu hổ. Ba là, mắc nợ¹⁰ thì ngủ không yên. Bốn là, khiến kẻ thù vui mừng. Năm là, khiến thân thuộc lo âu. Sáu là, nói giữa đám đông không ai tin dùng. Này con trai Cư sĩ, người chơi bài bạc thì làm việc không kinh doanh. Làm việc không kinh doanh thì công nghiệp không thành. Tài vật chưa có được thì không thể có được. Tài vật đã có sẵn thì càng lúc càng tiêu hao.

“Này con trai Cư sĩ, [639c]với người rong chơi không phải lúc, nên biết có sáu món tai họa. Sáu món đó là gì? Một là không tự giữ mình. Hai là không giữ gìn tài vật. Ba là không giữ gìn vợ con. Bốn là bị người nghi ngờ¹¹. Năm là sanh nhiều khổ hoạn¹². Sáu là bị người hủy báng¹³. Này con trai Cư sĩ, người rong chơi không phải lúc thì việc làm không kinh doanh. Việc làm không kinh doanh thì công nghiệp không thành. Tài vật chưa có được thì không thể có. Tài vật đã có sẵn thì càng lúc càng tiêu hao.

“Này con của vị Cư sĩ, với người đam mê rượu chè, nên biết có sáu món tai họa. Sáu món đó là gì? Một là tài sản hiện tại bị tổn thất. Hai là thân bị nhiều bệnh hoạn. Ba là đấu tranh càng tăng trưởng. Bốn là để lộ chỗ kín. Năm là tổn thất danh tiếng. Sáu là mất trí, thành ngu. Này con của vị Cư sĩ, người đam mê rượu thì việc làm không kinh doanh được. Việc làm không kinh doanh thì công nghiệp không thành. Tài vật chưa có được thì không thể có. Tài vật đã có sẵn thì càng lúc càng bị tiêu hao.

⁹Trong bản Hán: phụ 負 “thua”. Có lẽ chép nhầm. Theo ngữ cảnh, phải hiểu “thắng”.

¹⁰Trong bản Hán: phụ 負, ở đây nên hiểu là “mắc nợ”.

¹¹Pāli: *saṃkiyo hoti pāpakesu thānesu*, bị tình nghi các trường hợp phạm tội.

¹²Nghĩa là, chuốc vào thân những chuyện rắc rối.

¹³Pāli: nạn nhân của tin đồn thất thiệt.

“Này con nhà Cư sĩ, người gàn gỏi tri thức ác, nên biết có sáu món tai họa. Sáu món đó là gì? Một là thân cận giặc cướp. Hai là thân cận kẻ lừa gạt. Ba là thân cận kẻ say sưa. Bốn là thân cận kẻ buông lung. Năm là tụ hội chơi bời. Sáu là lấy đó làm thân hữu, lấy đó làm bạn đồng hành¹⁴. Này con nhà Cư sĩ, người gàn gỏi ác tri thức thì việc làm không kinh doanh. Việc làm không kinh doanh thì công nghiệp không thành. Tài vật chưa có được thì không thể có. Tài vật đã có sẵn thì càng lúc càng bị tiêu hao.

Này con trai Cư sĩ, với người đam mê kỹ nhạc, nên biết có sáu món tai họa. Sáu món đó là gì? Một là mê nghe ca. Hai là mê xem vũ. Ba là mê đánh nhạc. Bốn là mê xem lắc chuông.¹⁵ Năm là thích vỗ tay.¹⁶ Sáu là thích tụ hội đông người. Này con nhà Cư sĩ, người đam mê kỹ nhạc không phải lúc thì việc làm không kinh doanh. Việc làm không kinh doanh thì công nghiệp không thành. Tài vật chưa có được thì không thể có. Tài vật đã có sẵn thì càng lúc càng bị tiêu hao.

“Này con nhà Cư sĩ, với người lười biếng, nên biết có sáu tai họa. Sáu món đó là gì? Một là quá sớm, không làm việc. Hai là quá trễ, không làm việc. Ba là quá lạnh, không làm việc. Bốn là quá nóng, không làm việc. Năm là quá no, không làm việc. Sáu là quá đói, không làm việc. Này con nhà Cư sĩ, người lười biếng không phải lúc thì việc làm không kinh doanh được. Việc làm không kinh doanh thì công nghiệp không thành. Tài vật chưa có được thì không thể có. Tài vật [640a] đã có sẵn thì càng lúc càng bị tiêu hao.”

Rồi Đức Thế Tôn nói bài kệ này:

*Bài bạc, đuổi theo sắc,
Nghiện rượu, thích đánh nhạc,
Gàn gỏi ác tri thức,*

¹⁴. Dịch sát: dĩ thử vi thân hữu dĩ thử vi bạn lữ 以此為親友以此為伴侶; tối nghĩa. Pāli: *ye sāhasikā tyassa mittā honti, te sahāyā*, “những kẻ thô bạo, thật vậy, là những người bạn, những người đồng hành của nó”. Bản Hán hiểu *sāhasika* (thô bạo) cùng gốc với *sahāya* (bằng hữu).

¹⁵ Hán: lộng linh 弄鈴, một loại nhạc cụ, chuông nhỏ cầm tay, Pl.: *pāṇissara*?

¹⁶ Hán: phách thủ 拍兩手, một loại nhạc cụ, dùng tay đánh nhịp?

Lười biếng không làm việc,
Buông lung không giữ mình;
Những thứ ấy hại người.

Tới lui không giữ gìn,
Tà dâm, lầy vợ người,
Trong tâm thường kết oán,
Cầu nguyện không có lợi,
Uống rượu, nhớ nữ sắc;
Những thứ ấy hại người.

Thường xuyên hành bất thiện,
Ngoan cố không nghe lời,
Chửi Sa-môn, Bà-la-môn,
Điên đảo có tà kiến,
Hung bạo làm nghiệp đen,
Những thứ ấy hại người.

Thiếu thốn không của cải,
Uống rượu, mất áo quần,
Mang nợ, như chìm đuối,
Kẻ ấy phá họ hàng;
Thường đi đến lò rượu,
Gần gũi bằng hữu xấu,
Muốn được của không được,
Lấy bạn bè làm vui.
Có nhiều bạn hữu ác,
Thường theo bạn không lành,
Đời nay và đời sau,
Hai đời đều bại hoại.
Người làm ác giảm lần;
Làm lành lần hưng thịnh.
Tập thù thắng càng tăng.
Cho nên phải tập thắng;
Tập thắng thì được thắng;
Thường theo trí tuệ thắng.
Càng được giới thanh tịnh,

Càng an vui vi diệu.

*Ngày thì ưa ngủ nghỉ,
Đêm lại thích rong chơi;
Buông lung, thường uống rượu;
Ở nhà không yên được.*

*Quá lạnh và quá nóng,
Đều lười biếng không làm;
Rớt cuộc không sự nghiệp,
Không kiếm ra tài vật.
Hoặc lạnh và quá nóng,
Bất kể, như ngọn cỏ.
Siêng làm việc như vậy,
Suốt đời đều an vui.*

“Này con nhà Cư sĩ, có bốn hạng người không thân cận, tuồng như thân cận¹⁷. Bốn hạng người đó là gì? Một là biết việc¹⁸, thì chẳng phải thân cận in tuồng thân cận. Hai là trước mặt nói lời dịu ngọt¹⁹, thì chẳng phải thân cận in tuồng như thân cận. Ba là *lời* nói khéo²⁰ thì chẳng thân cận in tuồng như thân cận. Bốn là bạn đưa đến chỗ ác thì chẳng thân cận [640b] in tuồng như thân cận.

“Này con nhà Cư sĩ, do bốn trường hợp nên người biết việc dù chẳng phải thân cận in tuồng như thân cận. Bốn trường hợp ấy là gì? Một là do biết việc mà đoạt của. Hai là cho ít lấy nhiều. Ba là hoặc vì sợ mà làm. Bốn là hoặc vì lợi mà hứa theo.”

Rồi Đức Thế Tôn nói bài kệ:

*Người lấy biết làm việc,
Nói năng rất êm dịu,*

¹⁷ Pāli: *amittā mittapaṭirūpakā*, không phải bạn mà có vẻ bạn.

¹⁸ Hán: tri sự 知事. No.1(16) úy phục. Pāli: *aññadatthuharo*, hạng người vật gì cũng lấy. Hình như, trong bản Hán, *aññad* (khác) được hiểu là *aññā(d)* (biết); *atthu*, động từ mệnh lệnh cách: mong nó là; được hiểu là *attha*: sự việc.

¹⁹ Pāli: *anuppiya-bhāṇī*, nói ngọt, tức nịnh hót.

²⁰ Hán: ngôn ngữ 言語, không rõ ý. Pāli: *vacīparamo*, nói giỏi.

*Sợ, vì lợi hòa theo,
Biết chẳng thân, tuồng thân.
Nên xa lia kẻ ấy
Nhu đường có hiểm họa.*

“Này con nhà Cư sĩ, do bốn trường hợp, trước mặt nói lời dịu ngọt, dù chẳng thân cận in tuồng như thân cận. Bốn trường hợp đó là gì? Một là bày ra những việc hay đẹp. Hai là xúi làm các việc ác. Ba là trước mặt ngợi khen. Bốn là sau lưng nói việc xấu.”

Rồi Đức Thế Tôn nói bài kệ:

*Nếu đặt chuyện hay ho,
Xúi làm ác bất thiện,
Đổi mặt thì ngợi khen,
Sau lưng lại nói xấu;
Nếu biết hay và ác,
Và biết hai lối nói,
Dù thân, không nên thân;
Biết người ấy như vậy,
Nên xa lia kẻ ấy;
Nhu đường có hiểm họa.*

“Này con nhà Cư sĩ, có bốn trường hợp, nói khéo dù chẳng phải thân cận in tuồng như thân cận. Bốn trường hợp đó là gì? Một là chấp nhận việc đã qua. Hai là bàn bạc việc ngày mai²¹. Ba là đối trá không nói thật. Bốn là việc hiện tại thì hồng; nhận nói rằng ‘tôi sẽ làm’ nhưng không làm.”

Rồi Đức Thế Tôn nói bài kệ:

*Nhận việc qua, chưa đến;
Bàn suông, việc nay hồng;
Nói làm, nhưng không làm;
Biết chẳng thân như thân;
Nên xa lia kẻ ấy
Nhu đường có hiểm họa.*

²¹ Một và hai, No.1(14): việc trước đối trá; việc sau đối trá. Pāli: *atītena paṭisamtharati anāgatenā paṭisamtharati*, hoan nghinh bằng việc quá khứ... bằng việc vị lai.

“Này con nhà Cư sĩ, có bốn trường hợp bạn dẫn đến chỗ ác, dù chẳng phải thân cận in tuồng như thân cận. Bốn trường hợp đó là gì? Một là xúi các việc bài bạc. Hai là xúi đi rong chơi không phải thời. Ba là xúi uống rượu. Bốn là xúi thân cận kẻ ác.”

Rồi thì Đức Thế Tôn nói bài kệ:

*Xúi đủ thứ bài bạc
Uống rượu, lấy vợ người;
Thối thấp, không vươn lên;
Nó diệt như trăng tàn.
[640c] Nên xa lia kẻ ấy
Như đường có hiểm họa.*

“Này con nhà Cư sĩ, nên biết, có bốn hạng bạn lành²². Những gì là bốn? Một là cùng chịu khổ vui, nên biết đó là bạn lành. Hai là thương tưởng, nên biết đó là bạn lành. Ba là khuyên điều lợi, nên biết đó là bạn lành. Bốn là giúp đỡ, nên biết đó là bạn lành.

“Này con nhà Cư sĩ, do bốn việc mà cùng khổ cùng vui. Bốn trường hợp đó là gì? Một là quên mình, vì bạn. Hai là quên tài sản vì bạn. Ba là quên vợ con vì bạn. Bốn là biết nghe lời.”

Rồi Đức Thế Tôn nói bài kệ:

*Xả dục, tài, vợ, con,
Lời nói hay kham nhẫn;
Biết thân cùng khổ vui,
Kẻ trí nên làm thân.*

“Này con nhà Cư sĩ, do bốn việc mà thương tưởng, nên biết là bạn lành. Những gì là bốn? Một là dạy cho điều pháp²³. Hai là ngăn cấm ác pháp. Ba là khen ngợi trước mặt. Bốn là khước từ oán gia²⁴.

Rồi Đức Thế Tôn nói bài kệ:

*Dạy lành, cản việc ác,
Khen trước mặt, tránh thù;*

²² Hán: *thiện thân* 善親. Pāli: *mittā suhadā*, bạn tâm giao.

²³ Tức pháp thiện.

²⁴ Ba và bốn, bản Pāli: khuyên người nói tốt bạn; ngăn người nói xấu bạn.

*Biết bạn lành thương tưởng,
Kẻ trí nên làm thân.*

“Này con nhà Cư sĩ, do bốn việc mà cầu lợi²⁵, nên biết là bạn lành. Những gì là bốn? Một là bộc lộ việc kín ra. Hai là không che giấu việc kín. Ba là được lợi nên vui mừng. Bốn là không được lợi, không buồn.”

Rồi Đức Thế Tôn nói bài kệ:

*Việc mật, bày không giấu;
Lợi vui; không, chẳng buồn.
Biết bạn lành cầu lợi,
Kẻ trí nên thường thân.*

“Này con nhà Cư sĩ, do bốn việc mà giúp đỡ, nên biết bạn lành. Những gì là bốn? Một là biết bạn hết của cải. Hai là biết của cải hết, liền cung cấp vật. Ba là thấy buồn lung nên khuyên ngăn. Bốn là thường thương tưởng.”

Rồi Đức Thế Tôn nói bài kệ:

*Biết của hết, cho thêm;
Buông lung khuyên; thương tưởng.
Biết bạn lành giúp đỡ,
Kẻ trí nên làm quen.*

“Này con nhà Cư sĩ, trong pháp luật của bậc Thánh, có sáu phương: Đông, Nam, Tây, Bắc, Trên, Dưới.

“Này con nhà Cư sĩ, cũng như đối với phương Đông, con đối với cha mẹ cũng vậy. [641a] Người con phải có năm điều thờ kính, phụng dưỡng cha mẹ. Năm điều đó là gì? Một là tăng thêm của cải. Hai là cáng đáng mọi việc. Ba là dâng lên cha mẹ những gì người muốn. Bốn là không tự tác, không trái ý. Năm là tất cả vật riêng của mình đều dâng hết cha mẹ. Người con làm năm việc như trên để phụng dưỡng, thờ kính cha mẹ.

“Cha mẹ cũng lấy năm việc để chăm sóc các con. Năm việc đó là gì? Một là thương yêu con cái. Hai là cung cấp không thiếu. Ba là khiến con không mang nợ. Bốn là gả cưới xứng đáng. Năm là cha mẹ có của cải vừa ý đều giao hết cho con. Cha mẹ bằng năm điều ấy mà chăm sóc các

²⁵ Tức mong điều lợi cho bạn. Pāli: *atthakkhayī*.

con.

“Này con nhà Cư sĩ, như vậy phương Đông có hai trường hợp phân biệt. Này con nhà Cư sĩ, trong luật pháp của bậc Thánh, phương Đông là giữa con và cha mẹ. Này con nhà Cư sĩ, nếu người từ hiếu với cha mẹ, chắc chắn có sự tăng ích, chứ không có sự suy hao.

“Này con nhà Cư sĩ, cũng như phương Đông, phương Nam có hai trường hợp phân biệt.

“Học trò đối với thầy nên biết năm điều thờ kính, phụng dưỡng thầy. Năm điều đó là gì? Một là khéo cung kính vâng lời. Hai là khéo giúp đỡ, hầu hạ. Ba là hăng hái. Bốn là nghề nghiệp giỏi. Năm là hay thờ kính thầy. Đệ tử lấy năm điều ấy cung kính, phụng dưỡng Sư trưởng.

“Sư trưởng cũng dùng năm việc săn sóc đệ tử. Năm việc đó là gì? Một là dạy cho nên nghề. Hai là dạy dỗ nhanh chóng. Ba là dạy hết những điều mình biết. Bốn là đặt đũa ở những chỗ lành. Năm là gửi gắm bậc thiện tri thức. Sư trưởng lấy năm điều ấy mà săn sóc đệ tử.

“Này con nhà Cư sĩ, như vậy phương Nam có hai trường hợp phân biệt. Này con nhà Cư sĩ, trong luật pháp của bậc Thánh, phương Nam là giữa học trò và thầy. Này con nhà Cư sĩ, nếu người từ thuận đối với Sư trưởng, chắc chắn có sự tăng ích chứ không có sự suy hao.

“Này con nhà Cư sĩ, cũng như phương Tây, người chồng đối với vợ cũng vậy. Người chồng nên lấy năm việc mà yêu thương, cấp dưỡng vợ. Năm việc đó là gì? Một là thương yêu vợ. Hai là không khinh rẻ. Ba là sắm các thứ chuỗi ngọc, đồ trang điểm. Bốn là ở trong nhà để vợ được tự do. Năm là xem vợ như chính mình. Người chồng lấy năm việc để thương yêu, cấp dưỡng vợ.

“Người vợ phải lấy mười ba điều²⁶ khéo léo kính thuận chồng. Mười ba điều ấy là gì? Một là thương yêu kính trọng chồng. Hai là cung phụng, kính trọng chồng. Ba là nhớ nghĩ đến chồng. Bốn là trông nom các công việc. Năm là khéo tiếp đãi bà con. Sáu là trước mặt đưa mắt hầu đợi. Bảy là sau lưng thì cử chỉ yêu thương. Tám là lời nói thành thật. Chín là [641b] không khóa kín cửa phòng. Mười là thấy đến thì ca ngợi. Mười một là trải sẵn giường mà đợi. Mười hai là bày dọn đồ ăn uống ngon

²⁶No.1(16) và Pāli, chỉ có năm.

lành, sạch sẽ, dồi dào. Mười ba là cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn. Người vợ lấy mười ba việc ấy để khéo léo kính trọng chồng.

“Này con nhà Cư sĩ, như vậy phương Tây có hai trường hợp phân biệt. Này con nhà Cư sĩ, trong luật pháp của bậc Thánh, phương Tây là giữa vợ với chồng. Này con nhà Cư sĩ, nếu người từ mẫn với vợ, chắc có sự tăng ích, chứ không có sự suy hao.

“Này con nhà Cư sĩ, cũng như phương Bắc, chủ nhà đối với tôi tớ cũng như vậy²⁷. Người chủ nhà nên lấy năm điều thương mến chu cấp cho tôi tớ. Năm điều ấy là gì? Một là tùy sức mà sai làm việc. Hai là tùy lúc mà cho ăn. Ba là tùy lúc cho uống. Bốn là hết ngày thì cho nghỉ. Năm là bệnh hoạn cho thuốc thang. Chủ nhà lấy năm việc trên mà thương xót cung cấp cho tôi tớ.

“Tôi tớ cũng nên lấy chín điều²⁸ mà phụng sự chủ nhà. Chín điều ấy là gì? Một là tùy thời mà làm việc. Hai là chuyên tâm vào công việc. Ba là làm tất cả việc. Bốn là trước mặt thì đưa mắt hầu đợi. Năm là sau lưng thì thương kính mà làm. Sáu là nói lời thành thật. Bảy là khi chủ hoạn nạn thì không bỏ đi. Tám là đi phương xa thì nên khen ngợi chủ. Chín là khen chủ nhà là dễ dãi. Tôi tớ lấy chín điều ấy khéo léo phụng sự chủ nhà.

“Này con nhà Cư sĩ, như vậy phương Bắc có hai trường hợp phân biệt. Này con nhà Cư sĩ, trong luật pháp của bậc Thánh, phương Bắc là giữa chủ nhà và tôi tớ. Này con nhà Cư sĩ, nếu có người thương xót tôi tớ, chẵn chẵn có sự tăng ích chứ không có sự suy hao.

“Này con nhà Cư sĩ, cũng như phương Dưới, bằng hữu đối với bằng hữu²⁹ cũng vậy. Thân hữu nên lấy năm việc để ái kính cung cấp thân hữu. năm việc ấy là gì? Một là ái kính. Hai là không khinh mạn. Ba là không đối gạt. Bốn là cho tặng đồ quý. Năm là tìm cách giúp đỡ. Thân hữu lấy

²⁷ Pāli: quan hệ bằng hữu ở phương Bắc, quan hệ chủ tớ ở phương dưới.

²⁸ No.1(16) có năm.

²⁹ Nguyên Hán: *thân hữu quán thân hữu thân* 親友觀親友臣. Ý muốn phân biệt người bạn này đối với người bạn kia, rồi người kia đối lại. Pāli nói rõ hơn: một thiện nam từ đối với bạn hữu, kula-puttana (...) mittāmaccā (...) và ngược lại. Hán: *thân hữu thân*, Pāli: mittāmacca, trong đó, amacca có nghĩa bằng hữu, cũng có nghĩa người phụ tá hay thần thuộc (mahāmacca: quan đại thần).

năm việc trên để ái kính, cung cấp thân hữu.

“Thân hữu này³⁰ cũng lấy năm việc để nhớ nghĩ đến thân hữu. Năm việc đó là gì? Một là biết của cải hết. Hai là khi biết của cải hết thì cung cấp của cải. Ba là thấy bụng lung thì khuyên răn. Bốn là thương nhớ. Năm là gặp hoạn nạn thì cho nương tựa. Thân hữu lấy năm việc ấy để nhớ nghĩ đến thân hữu.

“Này con nhà Cư sĩ, như vậy, phương Dưới có hai trường hợp phân biệt. Này con nhà Cư sĩ, trong pháp luật của bậc Thánh là thân hữu đối với thân hữu vậy. [641c]Này con nhà Cư sĩ, nếu người thương xót thân hữu, chắc chắn có sự tăng ích chứ không phải có sự suy hao.

“Này con nhà Cư sĩ, cũng như phương Trên, thí chủ đối với Sa-môn, Bà-la-môn cũng vậy. Thí chủ nên lấy năm điều để tôn kính, cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn. Năm điều đó là gì? Một là không đóng kín cửa. Hai là thấy đến thì tán thán. Ba là trải giường mà đợi. Bốn là làm các món ăn uống ngon sạch, dồi dào, mà cúng. Năm là đúng như pháp mà hộ trì. Người thí chủ lấy năm điều trên cung kính cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn.

“Sa-môn, Bà-la-môn cũng lấy năm việc để khéo nhớ nghĩ đến thí chủ. Năm việc ấy là gì? Một là dạy cho có tín, hành tín và niệm tín. Hai là dạy các giới cấm. Ba là dạy nghe rộng. Bốn là dạy bố thí. Năm là dạy cho có tuệ, hành tuệ và lập tuệ. Sa-môn, Bà-la-môn lấy năm việc ấy để nhớ nghĩ đến thí chủ.

“Này con nhà Cư sĩ, như vậy phương Trên có hai trường hợp phân biệt. Này con nhà Cư sĩ, trong luật pháp của bậc Thánh, phương trên là giữa thí chủ và Sa-môn, Bà-la-môn. Này con nhà Cư sĩ, nếu người nào tôn kính cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn thì chắc chắn có sự tăng ích chứ không có sự suy hao.

“Này con nhà Cư sĩ, có bốn nhiếp sự³¹. Bốn việc ấy là gì? Một là huệ thí. Hai là lời nói khả ái. Ba là làm lợi cho người. Bốn là có lợi cùng chia³².”

³⁰ *Thân hữu thân*: xem chú thích trên.

³¹ Nhiếp sự 攝事, bốn nhiếp pháp.

³² Huệ thí, ái ngôn, hành lợi, đặng lợi 惠施愛言行利等利. Pl.: *dānam, peyyavajjam, atthacariyā, samānattatā*.

Rồi Đức Thế Tôn nói bài kệ:

*Huệ thí và ái ngôn,
Thường vì người lợi hành,
Vớ tất cả đồng lợi,
Khắp nơi đều vang danh.
Sự này duy trì đời
Cũng như người đánh xe.
Nhiếp sự này vắng mặt,
Mẹ không nhân bởi con
Mà được kính phụng dưỡng.
Con đối cha cũng vậy.
Nếu có nhiếp sự này,
Phước hựu thật to lớn;
Chiếu soi như ánh nhật,
Tiếng tốt truyền đi nhanh.
Thông minh, không nói cộc
Nhu vậy, làm nên danh
Định vững, không cao ngạo;
Tiếng loan truyền đi nhanh
Thành tựu tín và giới³³,
Nhu vậy làm nên danh.
Hăng hái, không giải đãi;
Thường cho người uống ăn;
Dù đất vào nẻo chánh;
Nhu vậy làm nên danh.
Bạn bè cùng lân tuất,
[642a]Ái lạc có giới hạn;
Giữa người thân, nhiếp sự
Thù diệu như sự tử.
Học nghề, học buổi đầu,
Kiếm lợi, kiếm sau đó.
Sản nghiệp đã dựng thành,*

³³ Thi lại 尸賴, phiên âm, Pāli: sīla.

*Phân chia làm bốn phần.
Phân cung cấp ẩm thực;
Phân điền giả nông canh;
Phân kho tàng chất chứa,
Phòng khi hữu sự cần;
Gom nông tang, thương cố,
Thu xuất, lợi một phần.
Thứ năm để cưới vợ;
Thứ sáu làm nhà cửa.
Tại gia sáu sự này,
Hưng thịnh, sống khoái lạc.
Tiền tài sẵn càng đầy,
Như nước xuôi biển cả.
Đời mưu sinh như vậy,
Như ong hút nhụy hoa;
Đời mưu sinh lâu dài,
Sống an lạc hưởng thọ.
Xuất tiền, không xuất xa;
Không tản mác tung ra.
Không thể đem tài vật
Cho hung bạo, ngoan tà.
Phương Đông là cha mẹ;
Phương Nam là tôn sư;
Phương Tây là thê tử;
Phương Bắc là nô tỳ;
Phương Dưới bằng và hữu;
Phương Trên bậc tịnh tu;
Nguyện lễ các phương ấy,
Phước đời này đời sau.
Do lễ các phương ấy,
Thí chủ sanh trời cao.*

Phật thuyết như vậy. Thiện Sanh con trai Cư sĩ sau khi nghe Phật thuyết,

hoan hỷ phụng hành.³⁴



³⁴ Bản Hán, hết quyển 33.

136. KINH THƯƠNG NHÂN CẦU TÀI

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

[642b] Bấy giờ Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Thuở xưa, tại châu Diêm-phù, có một số đông thương nhân cùng nhau tụ tập tại nhà khách buôn. Họ suy nghĩ như vậy: “Chúng ta hãy dong một chiếc thuyền đi biển¹ mà vào biển lớn, tìm kiếm tài bảo mang về cung cấp những chi dụng trong gia đình.”

Họ lại suy nghĩ rằng: “Này các bạn, việc đi biển không thể biết trước là an ổn hay không an ổn. Vậy mỗi người trong chúng ta nên chuẩn bị đầy đủ các dụng cụ làm phao nổi trên biển, tức là gồm túi bằng da dê đen², trái bầu lớn và mững bè.”

Sau đó mỗi người trong bọn họ đều chuẩn bị đầy đủ các dụng cụ, làm phao nổi trên biển, gồm túi bằng da dê đen, trái bầu lớn và mững bè, rồi đi vào biển cả.

“Khi họ đi vào biển cả, vua cá là Ma-kiệt³ phá vỡ chiếc thuyền ấy. Các thương nhân này mỗi người đều tự nương vào các dụng cụ làm phao nổi như túi bằng da dê đen, trái bầu lớn hay mững bè, rồi trôi đi về các phía.

“Lúc bấy giờ, từ phía Đông cửa biển ngọn gió lớn thổi dậy, thổi các thương nhân tấp vào bờ biển Tây. Nơi ấy, họ gặp một bọn con gái rất mỹ lệ, đoan chánh, trang sức thân thể bằng tất cả các loại trang sức. Bọn con gái ấy thấy họ, liền nói:

“Xin kính chào các bạn! Xin đón mừng các bạn. Nơi đây là chỗ rất diệu hảo, cực kỳ khoái lạc. Nào là vườn tược, ao tắm, những chỗ ngồi và nằm, nào là rừng cây, hoa cỏ um tùm và lại có nhiều tiền tài, vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, ma ni, chơn châu, bích ngọc, bạch kha, xa cừ, san hô, hổ phách, mã não, đồi mồi, xích thạch, toản châu; tất cả đều dành cho các

¹ Hán: hải trang thuyền 海装船.

² Hán: cổ dương 羖羊.

³ Ma-kiệt ngư vương 摩竭魚王, cá kinh, hoặc cự ngao. Pāli: *makara*, một loại cá voi trong huyền thoại.

bạn. Hãy cùng chúng tôi vui chơi hoan lạc. Mong các thương nhân châu Diêm-phù không đi về phương Nam, dù trong chiêm bao.

“Bọn thương nhân ấy đều cùng với những người đàn bà này vui chơi hoan lạc. Rồi bọn thương nhân ấy vì cùng với những người đàn bà này hiệp hội mà sanh ra con trai hoặc con gái.

“Về sau, châu Diêm-phù có một thương nhân có trí tuệ, sống cô độc tại một nơi thanh vắng mà nghĩ rằng: ‘Vì lý do gì bọn đàn bà này ngăn cản chúng ta không cho đi về phương Nam? Chúng ta nên canh chừng người đàn bà sống chung; khi biết nó đã ngủ, ta lặng lẽ chỗi dậy, rồi lén đi về phương Nam’.

“Thương nhân trí tuệ ở châu Diêm-phù ấy sau đó canh chừng người đàn bà sống chung. Khi biết nó đã ngủ, bèn lặng lẽ chỗi dậy, rồi lén đi về phương Nam. Thương nhân trí tuệ châu Diêm-phù ấy khi đi về phương Nam, từ xa nghe có tiếng kêu réo vang dậy, tiếng nhiều người la khóc áo não, hoặc kêu gọi cha mẹ, hoặc réo vợ réo con và nhớ thương bạn bè thân thích, rằng ‘Châu Diêm-phù tốt đẹp, an ổn khoái lạc, không còn thấy nữa’. Thương nhân này rất sợ hãi, lông tóc dựng ngược, nghĩ rằng: ‘Mong cho [642c] loài người và loài phi nhân không quấy rầy ta’.

“Rồi một thương nhân trí tuệ châu Diêm-phù tự kềm chế sự sợ hãi, tiếp tục đi lần về phương Nam. Một thương nhân trí tuệ châu Diêm-phù kia khi đi lần về phương Nam bỗng thấy có một tòa đại thiết thành. Sau khi trông thấy, bèn tìm khắp nhưng không thấy cửa, thậm chí một chỗ đủ để con mèo chui ra cũng không. Thương nhân trí tuệ châu Diêm-phù ấy thấy phía Bắc của thiết thành có một lùm cây to lớn sum suê, bèn đi đến lùm cây đại thọ ấy, chậm chạp leo lên cao. Leo lên rồi, hỏi đám đông:

“Này các bạn, các bạn vì có gì khóc la áo não, kêu cha gọi mẹ, réo vợ réo con, nhớ thương bạn bè thân thích rằng châu Diêm-phù tốt đẹp, an ổn khoái lạc không còn thấy nữa?

“Khi ấy đám đông đáp:

“Này bạn, chúng tôi là thương nhân ở châu Diêm-phù, đều cùng nhau tụ tập tại nhà khách buôn rồi nghĩ rằng ‘Chúng ta hãy dong một chiếc thuyền đi biển mà vào biển lớn tìm kiếm tài bảo mang về cung cấp những chi dụng trong gia đình’. Này bạn, chúng tôi lại nghĩ rằng ‘Này các bạn, việc đi biển không thể biết trước là an ổn hay không an ổn. Vậy mỗi

người trong chúng ta hãy nên chuẩn bị đầy đủ các dụng cụ làm phao nổi trên biển, tức là gồm túi bằng da dê đen, trái bầu lớn và mùng bè'. Nay bạn, sau đó chúng tôi mỗi người đều chuẩn bị đầy đủ các dụng cụ làm phao nổi trên biển, gồm túi bằng da dê đen, trái bầu lớn và mùng bè rồi đi vào biển cả. Khi chúng tôi ở giữa biển, ngư vương Ma-kiệt phá vỡ chiếc thuyền ấy. Nay bạn, bọn thương nhân chúng tôi mỗi người tự nương vào các dụng cụ làm phao nổi như túi bằng da dê đen, trái bầu lớn hay mùng bè rồi trôi đi về các phía. Lúc bấy giờ, từ phía Đông bờ biển, ngọn gió lớn thổi dậy thổi bọn thương nhân chúng tôi tấp vào bờ bẻ phía Tây. Nơi ấy gặp một bọn con gái rất mỹ lệ, đoan chánh, trang sức thân thể bằng tất cả các loại trang sức. Bọn con gái ấy thấy chúng tôi liền nói rằng 'Xin kính chào các bạn. Nơi đây là chỗ rất diệu hảo, cực kỳ khoái lạc; nào là vườn tược, ao tắm, những chỗ ngồi, nằm, rừng cây, hoa cỏ um tùm và lại có nhiều tiền tài, vàng bạc, thủy tinh, lưu ly, ma ni, chơn châu, bích ngọc, bạch kha, xa cừ, san hô, hổ phách, mã não, đại mạo, xích thạch, toàn châu; tất cả đều dành cho các bạn. Hãy cùng chúng tôi vui chơi hoan lạc. Mong các thương nhân châu Diêm-phù không đi về phương Nam, dù trong chiêm bao'. Nay bạn, chúng tôi cùng với những người vợ này vui chơi hoan lạc. Chúng tôi nhân vì cùng với những người vợ này hiệp hội mà sanh ra con trai hoặc con gái. Nay bạn, những người đàn bà ấy nếu không nghe châu Diêm-phù có bọn thương nhân khác [643a] ở giữa biển mà ngư vương Ma-kiệt phá vỡ thuyền thì họ cùng chúng tôi vui chơi hoan lạc. Nay bạn, những người đàn bà ấy nếu nghe châu Diêm-phù có bọn thương nhân khác ở giữa biển mà ngư vương Ma-kiệt phá vỡ thuyền, liền ăn thịt chúng tôi. Chúng tôi gặp phải sự bức bách. Nếu khi ăn thịt người mà còn thừa tóc, lông, móng, răng thì bọn đàn bà ấy lấy ăn hết. Nếu khi ăn thịt người, có máu huyết nhỏ xuống đất, bọn đàn bà ấy liền lấy móng tay đào sâu xuống đất bốn tấc, lấy mà ăn. Nay bạn, nên biết, chúng tôi là những thương nhân ở châu Diêm-phù, trước kia có năm trăm người, trong số đó bị ăn thịt hết hai trăm năm mươi người, còn lại hai trăm năm mươi người, nay đều ở trong thiết thành lớn này. Nay bạn, bạn chớ có tin lời của bọn đàn bà ấy. Chúng không phải thật là người, chính là quỷ La-sát vậy'.

“Bấy giờ thương nhân trí tuệ châu Diêm-phù từ trên cây đại thọ thông thả leo xuống, trở ra đường cũ trở về chỗ sống chung với người đàn bà

kia. Khi biết người đàn bà ấy còn ngủ say, ngay trong đêm đó, thương nhân trí tuệ châu Diêm-phù tức tức trở lại chỗ ở của các thương nhân châu Diêm-phù, nói rằng:

“Các người hãy đến đây. Chúng ta hãy đến một nơi vắng vẻ, mỗi người đi một mình, chớ đem con cái theo. Hãy cùng nhau đến chỗ kín đáo, vì có điều cần bàn luận.

“Bọn thương nhân châu Diêm-phù cùng đi đến một nơi vắng vẻ, mỗi người đi một mình, không đem theo con cái. Khi ấy, thương nhân trí tuệ châu Diêm-phù nói:

“Các bạn thương nhân, khi tôi sống cô độc tại một nơi thanh vắng mà nghĩ rằng: ‘Vi lý do gì bọn đàn bà này ngăn cản chúng ta không cho đi về phương Nam? Chúng ta nên canh chừng người đàn bà sống chung; khi biết nó đã ngủ, ta lặng lẽ chỗi dậy, rồi lén đi về phương Nam’.

“Rồi thì, tôi sau đó canh chừng người đàn bà sống chung. Khi biết nó đã ngủ, tôi bèn lặng lẽ chỗi dậy, rồi lén đi về phương Nam. Tôi khi đi về phương Nam, từ xa nghe có tiếng kêu réo vang dậy, tiếng nhiều người la khóc áo não, hoặc kêu gọi cha mẹ, hoặc réo vợ réo con và nhớ thương bạn bè thân thích, rằng ‘Châu Diêm-phù tốt đẹp, an ổn khoái lạc, không còn thấy nữa’. Tôi nghe thế rất sợ hãi, lông tóc dựng ngược, nghĩ rằng: ‘Mong cho loài người và loài phi nhân không quấy rầy ta’.

“Rồi tôi tự kềm chế sự sợ hãi, tiếp tục đi lần về phương Nam. Tôi khi đi lần về phương Nam bỗng thấy có một tòa đại thiết thành. Sau khi thấy bèn tìm khắp nhưng không thấy cửa, cho đến một chỗ đủ để con mèo chui ra cũng không. Tôi thấy [643b] phía Bắc của thiết thành có một lùm cây to lớn sum suê bèn đi đến lùm cây đại thọ ấy, chậm chạp leo lên cao. Leo lên rồi, hỏi đám đông rằng:

“—Này các bạn, các bạn vì có gì khóc la áo não, kêu cha gọi mẹ, réo vợ réo con, nhớ thương bạn bè thân thích rằng châu Diêm-phù tốt đẹp, an ổn khoái lạc không còn thấy nữa?”

““Khi ấy đám đông đáp rằng ‘Này bạn, chúng tôi là thương nhân ở châu Diêm-phù, đều cùng nhau tụ tập tại nhà khách buôn rồi nghĩ rằng ‘Chúng ta hãy dong một chiếc thuyền đi biển mà vào biển lớn tìm kiếm tài bảo mang về cung cấp những chi dụng trong gia đình’. Này bạn, chúng tôi lại nghĩ rằng ‘Này các bạn, việc đi biển không thể biết trước là an ổn hay

không an ổn. Vậy mỗi người trong chúng ta hãy nên chuẩn bị đầy đủ các dụng cụ làm phao nổi trên biển, tức là gồm túi bằng da dê đen, trái bầu lớn và mững bè'. Nay bạn, sau đó chúng tôi mỗi người đều chuẩn bị đầy đủ các dụng cụ làm phao nổi trên biển, gồm túi bằng da dê đen, trái bầu lớn và mững bè rồi đi vào biển cả. Khi chúng tôi ở giữa biển, ngư vương Ma-kiệt phá vỡ chiếc thuyền ấy. Nay bạn, bọn thương nhân chúng tôi mỗi người tự nương vào các dụng cụ làm phao nổi như túi bằng da dê đen, trái bầu lớn hay mững bè rồi trôi đi về các phía. Lúc bấy giờ, từ phía Đông bờ biển, ngọn gió lớn thổi dậy thổi bọn thương nhân chúng tôi tấp vào bờ biển phía Tây. Nơi ấy gặp một bọn con gái rất mỹ lệ, đoan chánh, trang sức thân thể bằng tất cả các loại trang sức. Bọn con gái ấy thấy rồi bèn nói rằng 'Xin kính chào các bạn. Nơi đây là chỗ rất diệu hảo, cực kỳ khoái lạc; nào là vườn tược, ao tắm, những chỗ ngồi, nằm, rừng cây, hoa cỏ um tùm và lại có nhiều tiền tài, vàng bạc, thủy tinh, lưu ly, ma ni, chơn châu, bích ngọc, bạch kha, xa cừ, san hô, hổ phách, mã não, đại mạo, xích thạch, toàn châu; tất cả đều dành cho các bạn. Hãy cùng chúng tôi vui chơi hoan lạc. Mong các thương nhân châu Diêm-phù không đi về phương Nam, dù trong chiêm bao'. Nay bạn, chúng tôi cùng với những người vợ này hiệp hội mà sanh ra con trai hoặc con gái. Nay bạn, những người đàn bà ấy nếu không nghe châu Diêm-phù có bọn thương nhân khác ở giữa biển mà ngư vương Ma-kiệt phá vỡ thuyền thì họ cùng chúng tôi vui chơi hoan lạc. Nay bạn, những người đàn bà ấy nếu nghe châu Diêm-phù có bọn thương nhân khác ở giữa biển mà ngư vương Ma-kiệt phá vỡ thuyền, liền ăn thịt chúng tôi. Chúng tôi gặp phải sự bức bách. Nếu khi ăn thịt người mà còn thừa tóc, lông, [643c] móng, răng thì bọn đàn bà ấy lấy ăn hết. Nếu khi ăn thịt người, có máu huyết nhỏ xuống đất, bọn đàn bà ấy liền lấy móng tay đào sâu xuống đất bốn tấc, lấy mà ăn. Nay bạn, nên biết, chúng tôi là những thương nhân ở châu Diêm-phù, trước kia có năm trăm người, trong số đó bị ăn thịt hết hai trăm năm mươi người, còn lại hai trăm năm mươi người, nay đều ở trong thiết thành lớn này. Nay bạn, bạn chớ có tin lời của bọn đàn bà ấy. Chúng không phải thật là người, chính là quỷ La-sát vậy."

"Khi ấy, các thương nhân châu Diêm-phù hỏi thương nhân trí tuệ châu Diêm-phù rằng:

“ - Nay bạn, sao bạn không hỏi đám đông người kia như vậy ‘Này các bạn, có phương tiện nào khiến chúng tôi và các bạn từ nơi này an ổn về đến châu Diêm-phù?’

“Thương nhân trí tuệ châu Diêm-phù đáp:

“ - Nay các bạn, khi ấy tôi quên không có hỏi như vậy.

“Rồi các thương nhân châu Diêm-phù nói rằng:

“ - Nay bạn, bạn hãy trở về đến chỗ sống chung với người đàn bà ấy, rồi canh chừng khi nó đang ngủ hãy lặng lẽ chỗi dậy, lên đi về phương Nam, lại đến chỗ đông người kia hỏi rằng ‘Này các bạn, có phương tiện nào khiến chúng tôi và các bạn từ đây mà an ổn về đến châu Diêm-phù?’

“Khi ấy, thương nhân trí tuệ châu Diêm-phù im lặng nhận lời các thương nhân.

“Lúc bấy giờ thương nhân trí tuệ châu Diêm-phù trở lại chỗ sống chung với người đàn bà ấy, dò xét thấy nó đang ngủ bèn lặng lẽ chỗi dậy, rồi lên đi về phương Nam, lại đi đến chỗ đông người kia hỏi rằng:

“ - Nay các bạn, có phương tiện nào khiến chúng tôi và các bạn từ đây mà an ổn về đến châu Diêm-phù chăng?

“Đám đông kia đáp rằng: Nay bạn, hoàn toàn không có phương tiện nào khiến chúng tôi và các bạn từ đây mà an ổn về đến châu Diêm-phù. Nay bạn, tôi đã nghĩ rằng ‘Chúng ta hãy đào phá vách tường này mà trở về chốn cũ’. Vừa nghĩ như thế, bức tường này lại cao gấp bội bình thường. Nay bạn, thế là phương tiện này khiến chúng ta không thể từ đây mà an ổn về đến châu Diêm-phù được. Chúng ta hoàn toàn không có cách nào. Nay bạn, chúng tôi nghe trên không trung nói rằng: Bọn thương nhân châu Diêm-phù ngu si bất định cũng không khéo hiểu biết. Vì sao? Vì không làm sao để vào ngày mười lăm là ngày nói Biệt giải thoát giới mà đi về phương Nam. Nơi ấy có Mao mã vương⁴ ăn gạo trắng tự nhiên, an ổn khoái lạc, các căn sung mãn, [644a] ba lần xưng lên rằng ‘Ai muốn qua bờ bên kia? Ai muốn nhờ ta được giải thoát? Ai muốn nhờ ta đưa từ đây đến châu Diêm-phù an ổn?’ Các người hãy đến Mao mã vương mà nói rằng ‘Chúng tôi muốn được đưa qua bờ bên kia. Mong giải thoát

⁴ Mao mã vương [馬+毛]馬王 Pāli: *valāhassa* (vân mã), giống ngựa lông dài có thể lướt mây bay đi.

chúng tôi! Mong đưa chúng tôi từ đây an ổn về đến châu Diêm-phù' Nay bạn, đó là phương tiện khiến các người từ đây an ổn mà về đến châu Diêm-phù. Nay thương nhân, hãy đến chỗ Mao mã vương kia mà nói rằng 'Chúng tôi muốn được đưa qua bờ bên kia. Mong giải thoát chúng tôi. Mong đưa chúng tôi từ đây an ổn trở về châu Diêm-phù'.

“Khi ấy, thương nhân trí tuệ châu Diêm-phù nói:

“ - Nay các thương nhân, mong sao tới lúc đi đến chỗ Mao mã vương mà nói: 'Chúng tôi muốn được đưa qua bờ bên kia. Mong giải thoát chúng tôi. Mong đưa chúng tôi từ đây an ổn trở về châu Diêm-phù'. Các thương nhân tùy theo ý của chư Thiên. Nay các thương nhân, nếu như vào ngày mười lăm là ngày thuyết Biệt giải thoát, Mao mã vương ăn gạo trắng tự nhiên, an ổn khoái lạc, các căn sung mãn, ba lần xướng lên rằng 'Ai muốn được đưa qua bờ bên kia? Ai muốn nhờ ta được giải thoát? Ai muốn nhờ ta đưa từ đây an ổn về tới châu Diêm-phù?' Bấy giờ chúng ta hãy đến chỗ kia mà nói rằng 'Chúng tôi muốn được đưa qua bờ bên kia? Mong giải thoát chúng tôi. Mong đưa chúng tôi từ đây an ổn về tới châu Diêm-phù'.

“Khi ấy, Mao mã vương, vào ngày mười lăm kể đó, là ngày thuyết Biệt giải thoát, ăn gạo trắng tự nhiên, an ổn khoái lạc, các căn sung mãn ba lần xướng lên rằng:

“Ai muốn được đưa qua bờ bên kia? Ai muốn nhờ ta được giải thoát? Ai muốn nhờ ta đưa từ đây an ổn về tới châu Diêm-phù?

“Khi những thương nhân châu Diêm-phù nghe xong, liền đi đến chỗ của Mao mã vương nói:

“Chúng tôi muốn được đưa qua bờ bên kia! Mong giải thoát chúng tôi! Mong đưa chúng tôi từ đây an ổn về đến châu Diêm-phù!

“Bấy giờ Mao mã vương nói: Nay các thương nhân, các đàn bà kia sẽ bồng con cùng nhau đến đây mà nói rằng 'Nay các bạn, xin mời các bạn trở về đây. Nơi đây là chỗ rất diệu hảo, cực kỳ khoái lạc. Nào là vườn tược, ao tắm, những chỗ ngồi nằm, rừng cây, hoa cỏ um tùm và lại có nhiều tiền của như kim ngân, thủy tinh, lưu ly, ma ni, chơn châu, bích ngọc, bạch kha, xa cừ, san hô, hổ phách, mã não, đại mạo, xích thạch, toàn châu; tất cả dành [644b] cho các bạn. Hãy cùng chúng tôi vui chơi hoan lạc. Giả sử không cần đến chúng tôi thì nên thương nghĩ đến con

trẻ’. Nếu các thương nhân kia nghĩ rằng ‘Ta có con trai, con gái. Ta có nơi cực lạc, tối diệu hảo. Nào là vườn tược, ao tắm, những chỗ ngồi nằm, rừng cây, hoa cỏ um tùm và lại có nhiều tiền tài, kim ngân, thủy tinh, lưu ly, ma ni, chơn châu, bích ngọc, bạch kha, xa cừ, san hô, hổ phách, mã não, đại mạo, xích thạch, toàn châu...’ thì họ dù có cỡi trên lưng ta, chắc sẽ bị ngã lộn xuống, rồi rơi xuống nước và sẽ bị bọn đàn bà ăn thịt, sẽ gặp sự bức bách. Nếu khi ăn thịt người mà còn sót tóc, lông, móng, răng thì bọn họ sẽ lấy ăn hết. Lại nữa, nếu khi ăn có máu huyết nhỏ xuống đất, bọn đàn bà lấy móng tay đào sâu xuống đất bốn tấc, lấy mà ăn. Nếu các thương nhân kia không nghĩ rằng ‘Ta có con trai, con gái. Ta có nơi cực lạc, tối diệu hảo. Nào là vườn tược, ao tắm, những chỗ ngồi nằm, rừng cây, hoa cỏ um tùm và lại có nhiều tiền tài, kim ngân, thủy tinh, lưu ly, ma ni, chơn châu, bích ngọc, bạch kha, xa cừ, san hô, hổ phách, mã não, đại mạo, xích thạch, toàn châu...’ thì họ dù chỉ nắm một sợi lông trong thân ta, chắc sẽ được an ổn về đến châu Diêm-phù.”

“Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Bọn đàn bà kia bỗng con đến mà nói rằng ‘Này các bạn, xin mời các bạn trở về đây. Nơi đây là chốn cực lạc, rất là diệu hảo. Nào là vườn tược, ao tắm, những chỗ ngồi nằm, rừng cây, hoa cỏ um tùm và lại có nhiều tiền tài, kim ngân, thủy tinh, lưu ly, ma ni, chơn châu, bích ngọc, bạch kha, xa cừ, san hô, hổ phách, mã não, đại mạo, xích thạch, toàn châu...’ tất cả dành cho các bạn, hãy cùng chúng tôi vui chơi hoan lạc’. Nếu thương nhân kia nghĩ rằng ‘Ta có con trai, con gái. Ta có nơi cực lạc, tối diệu hảo. Nào là vườn tược, ao tắm, những chỗ ngồi nằm, rừng cây, hoa cỏ um tùm và lại có nhiều tiền tài, kim ngân, thủy tinh, lưu ly, ma ni, chơn châu, bích ngọc, bạch kha, xa cừ, san hô, hổ phách, mã não, đại mạo, xích thạch, toàn châu...’ thì họ dù cỡi trên chỗ cao nhất nơi lưng của Mao mã vương, chắc chắn sẽ bị ngã lộn xuống, rơi xuống nước, liền bị bọn đàn bà ăn thịt, sẽ gặp bước đường rất là bức bách. Nếu khi ăn thịt người mà còn sót tóc, lông, móng, răng thì bọn họ sẽ lấy ăn hết. Lại nữa, nếu khi ăn có máu huyết nhỏ xuống đất, [644c] bọn đàn bà ấy liền lấy móng tay đào xuống đất bốn tấc, lấy mà ăn. Nếu các thương nhân kia không nghĩ rằng ‘Ta có con trai, con gái. Ta có nơi cực lạc, tối diệu hảo. Nào là vườn tược, ao tắm, những chỗ ngồi nằm, rừng cây, hoa cỏ um tùm và lại có nhiều tiền tài, kim ngân, thủy tinh, lưu ly, ma ni, chơn châu, bích ngọc,

bạch kha, xa cừ, san hô, hổ phách, mã não, đại mạo, xích thạch, toàn châu...’ thì họ dù chỉ một sợi lông nơi thân Mao mã vương, chắc chắn được an ổn về đến châu Diêm-phù.

“Này các Tỳ-kheo, Ta nói ví dụ này là muốn cho biết nghĩa. Ví dụ ấy là nói nghĩa này:

“Pháp của Ta được thuyết giảng khéo léo, phơi bày sâu rộng, khéo giữ gìn không trống, không khuyết, cũng như cầu, bè, các dụng cụ làm phao nổi, được lưu bố cùng khắp đến cả trời, người.

“Pháp của Ta được khéo giảng thuyết như vậy, phơi bày sâu rộng như vậy, khéo giữ gìn, không trống, không khuyết như vậy, cũng như cầu, bè, các dụng cụ làm phao nổi, được lưu bố cùng khắp đến cả trời người, đối với pháp ấy, nếu có Tỳ-kheo nào nghĩ rằng ‘Con mắt là ta; ta sở hữu con mắt. Tai, mũi, lưỡi, thân và ý là ta; ta sở hữu ý’; Tỳ-kheo ấy chắc chắn sẽ bị hại, giống như bọn thương nhân bị quỷ La-sát ăn thịt.

“Pháp của Ta được giảng thuyết khéo léo, phơi bày sâu rộng như vậy, khéo giữ gìn, không trống, không khuyết như vậy, cũng như cầu, bè, các dụng cụ làm phao nổi, được lưu bố cùng khắp đến cả trời người. Nếu có Tỳ-kheo nào nghĩ rằng ‘Mắt không phải là ta. Ta không sở hữu con mắt. Tai, mũi, lưỡi, thân và ý không phải là ta. Ta không sở hữu con mắt’; Tỳ-kheo ấy chắc chắn được an ổn. Ví như thương nhân cỡi trên Mao mã vương an ổn mà giải thoát nạn.

“Pháp của Ta khéo nói, khéo giảng thuyết như vậy, phơi bày sâu rộng như vậy, khéo giữ gìn, không trống, không khuyết như vậy, cũng như cầu, bè, các dụng cụ làm phao nổi, được lưu bố cùng khắp đến cả trời người. Nếu có Tỳ-kheo nào nghĩ rằng: ‘Sắc là ta. Ta sở hữu sắc. Thanh, hương, vị, xúc và pháp là Ta. Ta sở hữu pháp’; Tỳ-kheo ấy chắc chắn sẽ bị hại, giống như bọn thương nhân bị quỷ La-sát ăn thịt.

“Pháp của Ta khéo nói, phơi bày sâu rộng, khéo giữ gìn, không trống, không khuyết, ví như chiếc cầu nổi, được lưu bố cùng khắp đến cả trời người. [645a] Nếu các Tỳ-kheo nào nghĩ rằng ‘Sắc không phải là ta. Ta không sở hữu sắc. Thanh, hương, vị, xúc và pháp không là Ta. Ta không sở hữu pháp’, Tỳ-kheo ấy chắc chắn được an ổn, giống như thương nhân kia cỡi trên Mao mã vương mà an ổn được thoát nạn.

“Pháp của Ta khéo nói, phơi bày sâu rộng, khéo giữ gìn, không trống,

không khuyết, ví như chiếc cầu nổi, được lưu bố cùng khắp đến cả trời người. Nếu có Tỳ-kheo nghĩ rằng ‘Sắc uẩn là ta. Ta sở hữu sắc uẩn. Thọ, tưởng, hành, và thức uẩn là ta. Ta sở hữu thức uẩn’; Tỳ-kheo ấy chắc chắn sẽ bị hại, giống như thương nhân bị quỷ La-sát ăn thịt.

“Pháp của Ta khéo nói, phơi bày sâu rộng, khéo giữ gìn, không trống, không khuyết, ví như chiếc cầu nổi, được lưu bố cùng khắp đến cả trời người. Nếu có Tỳ-kheo nghĩ rằng ‘Sắc uẩn không là ta. Ta không sở hữu sắc uẩn. Thọ, tưởng, hành, và thức uẩn không là ta. Ta không sở hữu thức uẩn’, Tỳ-kheo ấy chắc chắn được an ổn, giống như thương nhân cỡi trên Mao mã vương mà an ổn thoát nạn.

“Pháp của Ta khéo nói, phơi bày sâu rộng, khéo giữ gìn, không trống, không khuyết, ví như chiếc cầu nổi, được lưu bố cùng khắp đến cả trời người. Nếu có Tỳ-kheo nghĩ rằng ‘Đất là ta. Ta sở hữu đất. Cho đến nước, lửa, gió, không và thức là ta. Ta sở hữu thức’, Vị Tỳ-kheo kia chắc chắn bị hại, giống như thương nhân bị quỷ La-sát ăn thịt.

“Pháp của Ta khéo nói, phơi bày sâu rộng, khéo giữ gìn, không trống, không khuyết, ví như chiếc cầu nổi, được lưu bố cùng khắp đến cả trời người. Nếu có Tỳ-kheo nghĩ rằng ‘Đất là không ta. Ta không sở hữu đất. Cho đến nước, lửa, gió, không và thức không là ta. Ta không sở hữu thức’, vị Tỳ-kheo kia chắc chắn được an ổn, giống như thương nhân nhờ ngồi trên lưng Mao mã vương đưa đến chỗ an lành.”

[645b] Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn nói bài tụng:

*Phật thuyết Chánh pháp luật;
Nếu có ai không tin,
Người ấy chắc bị hại
Như bị La-sát thịt.*

*Phật thuyết Chánh pháp luật;
Nếu có ai kính tin,
Người ấy được an ổn,
Như nương Mao mã vương.*

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



137. KINH THẾ GIAN

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Nhu Lai đã tự mình giác ngộ về thế gian và cũng nói lại cho người khác. Nhu Lai biết¹ thế gian. Nhu Lai tự giác ngộ về sự tập khởi của thế gian và cũng nói lại cho người khác. Nhu Lai đoạn trừ thế gian tập. Nhu Lai tự giác ngộ sự diệt tận của thế gian và cũng nói cho người khác. Nhu Lai chứng ngộ thế gian diệt. Nhu Lai tự giác ngộ đạo tích² của thế gian và cũng nói cho người khác. Nhu Lai tu thế gian đạo tích.

“Nếu có tất cả những gì cần được hiểu biết một cách toàn diện³, tất cả những gì điều đó Nhu Lai đã biết, thấy, giác, ngộ, chứng đắc. Vì sao vậy? Nhu Lai từ đêm chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cho đến ngày hôm nay vào lúc ban đêm sẽ đi vào tịch diệt trong Vô dư Niết-bàn giới⁴; trong khoảng thời gian giữa đó, nếu những gì được nói ra, được ứng đối từ chính miệng của Nhu Lai, tất cả những điều ấy đều là chắc

¹ Bốn Thánh đế, *tri khổ*, đoạn tập, chứng diệt và tu đạo. Pl. A. ii. 23: *loko tathāgatena abhisambuddho*, Nhu Lai đã giác ngộ thế gian; *lokasamuddayotathāgatassa pahīno*, Nhu Lai đã đoạn tập khởi của thế gian, *lokanirodho tathāgatassa sacchikato*, Nhu Lai đã tác chứng sự diệt tận của thế gian, *lokanirodhagāminī paṭipadā tathāgatasa bhāvitā*, Nhu Lai đã tu tập hành trì dẫn đến diệt tận thế gian.

² Đạo tích 道跡; Pāli: *paṭipāda*, phương pháp, hay đường lối thực hành.

³ Nhất thiết tận phổ chánh hữu 一切盡普正有 (?) Có lẽ là (...) *chánh tri*, thay vì *chánh hữu*. Tham chiếu Pāli: *yam... sadevakassa lokassa... sadevamanussasāya diṭṭham sutam mutam viññataṃ pattam pariyesitaṃ anuvicaritaṃ manasā sabbam taṃ tathāgatena abhisambuddham*, thế giới này bao gồm Thiên giới, cho đến, chư Thiên và nhân loại, những gì được thấy, được nghe, được nghĩ đến, được biết đến, được đạt đến, được tâm cầu, được suy xét bởi ý; tất cả những cái ấy đều được Nhu Lai giác ngộ.

⁴ Vô dư Niết-bàn giới 無餘涅槃界. Pāli: *anupādisesā nibbānadhātu*.

thật, không hư vọng, không ra ngoài sự Như⁵, cũng không phải là điên đảo. Đó là sự chắc thật, là sự chân thật.

“Nếu nói về sự tử như thế nào, thì hãy nói về Như Lai cũng như vậy. Vì sao vậy? Như Lai ở giữa đại chúng nếu có giảng thuyết thì đó chính là tiếng rống của Sư tử.

“Đối với tất cả thế gian, Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, từ trời đến người, Như Lai là Phạm Hữu⁶. Như Lai là Bạc Chí Lãnh⁷ vì không phiền cũng không nhiệt. Như Lai là Bạc Chân Thật không hư vọng⁸.”

Bấy giờ Thế Tôn liền nói bài kệ:

*Biết tất cả thế gian;
Ra khỏi mọi thế gian;
Thuyết tất cả thế gian;
Trọn thế gian như thật⁹*

*Đấng Tối Tôn Đại Hùng
Giải thoát mọi triền phược,
[645c]Diệt tận hết thấy nghiệp,
Sanh tử đều giải thoát.*

*Là trời cũng là người,
Thấy đều quy mạng Phật.
Cúi đầu lễ Như Lai,
Đại dương sâu vô cực.*

Chư Thiên, thần Hương âm¹⁰,

⁵ *Bát ly ư như* 不離於如. Pāli: *sabbam tam tatheva hoti, no aññathā*, tất cả những điều ấy chính thực là như vậy, không đổi khác.

⁶ Phạm Hữu 梵有 được hiểu là “Bạc Tối Diệu” (Pāli: Brahmabhūta), không được đề cập trong bản Pāli tương.

⁷ Chí lãnh hữu 至冷有, cực kỳ mát lạnh, vì đã dập tắt các thứ lửa.

⁸ Chân đế bất hư hữu 真諦不虛有, không rõ Pāli. Đoạn văn Pāli được coi tương đương: (...) *tathāgato abhibhū anabhibhūti aññadṛatthudaso vasavattī*, Như Lai là Vị chiến thắng, Vị không thể bị đánh bại, là Vị thấy tất cả, biết tất cả, tự do tự tại.

⁹ Pāli: *sabham loke yathātatham*, (biết) tất cả thế gian một cách như thật.

*Kính lạy Đấng Đã Biết,
 Chúng sanh trong tử sanh,
 Đều cúi đầu quy phục,
 Cúi đầu lễ Trí sĩ;
 Quy mạng Đấng Thượng Nhân;
 Không trần lụy, vô ưu,
 Vô ngại, các giải thoát;
 Vì vậy, thường¹¹ vui thiền,
 Sống viễn ly tịch tịnh.
 Hãy tự mình đốt đèn,
 Vì Như Lai khó gặp¹².
 Không gặp thời Như Lai,
 Đời sống trong địa ngục.*

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



¹⁰ Hương âm thân 香音神, hay nhạc thân, hay Càn-thát-bà; Pāli: Gandhabba.

¹¹ Trong bản: đương 當. TNM: thường .

¹² Vô ngã tất thất thời 無我必失時.

138. KINH PHƯỚC

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

“Đừng sợ hãi phước¹ mà hãy có ý niệm yêu thích. Vì sao vậy? Vì những gì được gọi là phước thì cũng nói là lạc. Sự sợ hãi đối với phước là không có ý niệm yêu thích. Vì sao vậy? Những gì là phi phước được nói là khổ.

“Ta nhớ lại trong thời quá khứ, lâu dài tác phước, lâu dài thọ báo mà ý niệm yêu thích. Thời quá khứ Ta hành từ tâm trong bảy năm mà trải qua bảy lần kiếp thành và kiếp hoại, không tái sinh trong thế gian này. Nếu thời kiếp hoại, Ta sanh lên cõi trời Hoảng dục². Trong thời kiếp thành, Ta tái sinh trở xuống trong cung điện trống không của Phạm thiên và là Đại Phạm thiên trong cõi Phạm thiên đó.

“Trong những trường hợp khác, ta trải qua một ngàn lần làm Tự Tại Thiên vương, ba mươi sáu lần làm Thiên đế Thích và vô lượng lần làm vua Sát-lị Đánh Sanh.

“Này Tỳ-kheo, lúc làm vua Sát-lị Đánh Sanh, Ta có tám vạn bốn ngàn thớt voi lớn được phủ những đồ cưỡi rất đẹp; dùng các báu bạch châu lạc³ trang sức, phủ lên voi chúa đầu đàn Vu-sa-hạ⁴.

“Này Tỳ-kheo, lúc Ta làm vua Sát-lị Đánh Sanh, có tám vạn bốn ngàn con ngựa được phủ lên các thứ đồ cưỡi đẹp. Dùng các báu vàng, bạc, dao lạc để trang sức cho ngựa đầu đàn là ngựa Mao⁵.

“Này Tỳ-kheo, lúc Ta làm [646a] vua Sát-lị Đánh Sanh, có tám vạn bốn ngàn cỗ xe, trang sức bằng bốn loại trang sức, dùng da vằn quý báu đủ

¹ Pl. A. iv. 48: *mā puññānaṃ bhāyittha, sukkhassetam bhikkhave adhivacanam, yad idaṃ puññaun ti*, “đừng sợ phước; đồng nghĩa với lạc, đó là phước”.

² Hoảng dục thiên. Pāli: Ābhassara.

³ Bạch châu lạc 白珠珞.

⁴ Vu-sa-hạ tượng vương 于娑賀象王. Pāli: Uposathanāgarāja.

⁵ Mao mã vương [馬+毛] 馬王. Pāli: Valāhaka-assarāja.

màu của các thú như sư tử, cọp, beo, dệt thành đủ loại màu sắc xen lẫn trang sức cho cỗ xe dẫn đầu chạy rất nhanh chóng tên là xe Nhạc thanh⁶.

“Này Tỳ-kheo, lúc Ta làm vua Sát-lị Đảnh Sanh, có tám vạn bốn ngàn thành lớn, giàu có cùng cực, dân chúng đông đúc, lấy vương thành Câu-xá-hòa-đề⁷ làm đầu.

“Này Tỳ-kheo, lúc làm vua Sát-lị Đảnh Sanh, Ta có tám vạn bốn ngàn ngôi lầu; có bốn loại lầu báu, làm bằng vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh; đứng đầu là Chánh pháp điện⁸.

“Này Tỳ-kheo, lúc làm vua Sát-lị Đảnh Sanh, Ta có tám vạn bốn ngàn ngự tòa; bốn loại tòa báu, bằng vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh; trải lên bằng các thứ nệm, chiếu dệt bằng lông năm sắc, phủ lên bằng những gấm, the, sa trun, lụa là; có chăn nệm lót, hai đầu để gối, trải thảm quý bằng da sơn dương⁹.

“Này Tỳ-kheo, lúc làm vua Sát-lị Đảnh Sanh, Ta có tám vạn bốn ngàn chiếc áo song y, áo sơ-ma¹⁰, áo gấm, áo lụa, áo kiếp bối, áo da sơn dương đen.¹¹

“Này Tỳ-kheo, lúc làm vua Sát-lị Đảnh Sanh, Ta có tám vạn bốn ngàn người nữ, thân thể nở nà, sạch sẽ sáng sủa, sắc đẹp hơn người, không thua chư Thiên, tư dung đoan chánh, ai nhìn cũng sinh ưa thích, trang điểm bằng các thứ vật báu, anh lạc; tất cả đều thuộc dòng Sát-lị. Ngoài ra, những người thuộc dòng khác thì nhiều vô số.

“Này Tỳ-kheo, lúc làm vua Sát-lị Đảnh Sanh, Ta có tám vạn bốn ngàn món ăn, ngày đêm thường dọn ra cho Ta ăn.

“Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn món ăn kia, có một món hết sức ngon, sạch sẽ, có vô lượng mùi vị, là món Ta thường ăn.

⁶ Nhạc thanh xa 樂聲車 Pāli: Vejayanta-ratha, cỗ xe (= cung điện) Chiến thắng.

⁷ Câu-xá-hòa-đề 拘舍瑟提. Pāli: Kusāvati.

⁸ Chánh pháp điện 正法殿. Pāli: Dhammapāsāda.

⁹ Hán dịch: gia-lãng-già-ba-hòa-la-ba-giá-tát-đa-la-na 加陵伽波瑟邏波遮悉多羅那. Pāli: *kadalimigapavara-pacchattharaṇa*, thảm lông bằng da sơn dương cực quý.

¹⁰ Sơ-ma y 初摩衣; Pāli: *khomāpilotikā*, vải lanh.

¹¹ Xem **cht. 9** trên.

“Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn người nữ kia có một người thuộc dòng Sát-li, đoan chánh đẹp đẽ khác thường, hầu hạ Ta.

“Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn song y kia có một chiếc áo song y, hoặc là áo sơ-ma, hoặc áo gấm, hoặc áo lụa, hoặc áo kiếp-bôi¹², hoặc áo da sơn dương đen là Ta thường mặc.

“Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn ngự tòa kia, có một ngự tòa làm bằng vàng, hoặc bạc, hoặc lưu ly, hoặc thủy tinh; đồ trải lên thì dùng những tấm nệm, những chiếc chiếu dệt bằng lông năm sắc; đồ phủ lên thì dùng gấm, the, sa trun, lụa là, có chần nệm lót, hai đầu để gối, có trải thảm quý bằng da sơn dương, là Ta thường nằm.

“Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn lầu quán kia, có một lầu quán làm bằng vàng, hoặc bạc, hoặc lưu ly, hoặc thủy tinh, tên là [646b] Chánh pháp điện, là nơi Ta thường ở.

“Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn thành lớn kia, có một thành giàu có cùng cực, dân chúng đông đúc, gọi là thành Câu-xá-hòa-đề là chỗ ta thường ở.

“Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn cỗ xe kia, có một cỗ được dùng da đủ màu của các thú như sư tử, cọp, beo dệt thành, màu sắc xen kẽ để trang hoàng, chạy rất nhanh chóng, tên là xe Nhạc thanh, Ta thường ngồi lên, đi đến các lầu quán để ngắm nhìn các vườn tược.

“Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn con ngựa kia có một con màu xanh biếc, đầu như chim, gọi là ngựa Mao, là Ta thường cưỡi, đi đến các lầu quán để ngắm các vườn tược.

“Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn thớt voi lớn kia, có một thớt toàn thân trắng toát, bảy chi thầy đều ngay thẳng, gọi là voi chúa Vu-sa-hạ, là Ta thường cưỡi đi đến các lầu quán để ngắm các vườn tược.

“Này Tỳ-kheo, bấy giờ Ta nghĩ: ‘Đó là nghiệp quả gì, là nghiệp báo gì, mà ngày nay Ta có đại như ý túc, đại oai đức, đại phước hựu, đại oai thần?’

“Này Tỳ-kheo, Ta lại nghĩ: Đó là ba nghiệp quả, là ba nghiệp báo, khiến ta ngày nay có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai

¹² Kiếp-bôi y 劫貝衣. Pāli: *kappāsika*, vải bông (gòn).

thần: một là bố thí, hai là điều phục, ba là thủ hộ.”

Bấy giờ Thế Tôn liền nói bài kệ:

*Quán sát phước báo này,
Diệu thiện, nhiều ích lợi.
Tỳ-kheo, Ta quá khứ
Bảy năm tu từ tâm;
Bảy kiếp thành, kiếp hoại,
Không tái sinh cõi này.*

*Lúc thế gian hủy hoại,
Ta sanh trời Hoảng dục.
Lúc thế gian chuyển thành,
Ta sanh vào Phạm thiên;
Ở đó, Ta Đại phạm.
Nghìn sanh, Tự Tại thiên;
Ba sáu lần Đế Thích;
Vô lượng trăm Đánh vương.*

*Sát-lị Đánh Sanh vương,
Tối tôn trong loài người.
Đúng pháp, không dao gậy,
Thống trị cả thiên hạ.
Đúng pháp, không dối trá,
Chánh an lạc, dạy dân.
Đúng pháp, lần lượt truyền,
Khắp tất cả cõi đất.
Chỗ giàu sang, nhiều của,
Sanh vào chủng tộc ấy;
Lúa gạo thấy tràn đầy'
Thánh tự bảy trân bảo.
[646c]Do các phước lớn ấy,
Chỗ sanh đều tự tại.*

*Chư Phật ngự thế gian,
Những điều Phật ấy dạy;
Biết điều này kỳ diệu,*

*Thấy thần thông không ít.
Ai biết mà không tin,
Như vậy sanh trong tối.
Vì vậy hãy vì mình
Mong cầu đại phước hựu.
Hãy cung kính Chánh pháp;
Thường niệm Pháp Luật Phật.*

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



139. KINH TỨC CHỈ ĐẠO

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo niên thiếu vừa mới thành tựu giới hãy thường xuyên đi đến một nghĩa địa¹ mà quán sát các tướng trạng tử thi: tướng xương, tướng xám xanh, tướng rữa nát, tướng bị thú ăn, tướng bộ xương khô. Vị ấy sau khi ghi nhận kỹ những tướng trạng tử thi này rồi trở về trụ xứ của mình, rửa sạch tay chân, trải ni-sư-đàn trên giường, ngồi kiết già và suy niệm về các tướng trạng này: tướng xương, tướng xám xanh, tướng rữa nát, tướng bị thú ăn, tướng những đốt xương dính liền. Vì sao vậy? Nếu Tỳ-kheo tu tập bằng các tướng trạng này sẽ đoạn trừ nhanh chóng những bệnh tham dục, sân nhuế trong tâm.”

Rồi Đức Thế Tôn nói bài tụng này:

*Những niên thiếu Tỳ-kheo,
Chưa đạt thành niệm trụ²
Hãy đến bãi tha ma
Để trừ dâm dục ý.*

*Để tâm không hận thù,
Thương yêu cả chúng sanh,
Tràn đầy khắp mọi phương.
Hãy quán sát thân thể,*

*Quán sát tướng xám xanh
Và rữa nát, hư hoại;
Quán sâu, quạ rĩa thân,
Xương phơi bày từng đốt.*

*Tu tập những tướng này,
Rồi trở về trụ xứ,*

¹ Tức chỉ đạo 息止道. Pāli: Sīvathikā.

² Nguyên Hán: ý chỉ 意止. Pāli: satipaṭṭhāna.

Gội rửa sạch chân tay,
Trải giường ngồi ngay thẳng;

Hãy quán sát như chân,
Trong thân và ngoài thân,
Chứa đầy đại tiểu tiện;
Tim, thận, gan và phổi,

Nếu khi đi trì bình³
Đến nơi thôn ấp người,
[647a] Như tướng mang giáp trụ,
Hãy chánh niệm trước mắt.

Nếu thấy sắc khả ái
Tinh sạch, liên hệ dục;
Thấy vậy quán như chân,
Chánh niệm pháp luật Phật.

Trong đây không xương, gân,
Không thịt, cũng không máu;
Không thận, tim, gan, phổi;
Không đàm, giải, não, óc,
Địa đại thủy đều không;
Thủy đại cũng bất thực;
Hỏa đại cũng là không;
Phong đại cũng chẳng thực.
Nếu có cảm thọ nào,
Tinh sạch liên hệ dục,
Tất cả đều lắng tịnh;
Quán sát bằng thật tuệ.

Như vậy tinh cần hành.
Thường niệm bất tịnh tướng;
Đoạn trừ dâm, nộ, si,
Vô minh cũng dứt tuyệt;
Hưng khởi thanh tịnh minh,

³Trong bản: phân vệ 分衛, phiên âm. Pāli: *pīṇḍapāta*.

Tỳ-kheo vượt khổ tế.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



140. KINH CHÍ BIÊN

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Trong sự nuôi sống, thấp kém nhất, cùng biên nhất,¹ đó là đi khát thực. Thế gian rất hủi kỵ, gọi là “đầu trọc, tay ôm bình bát bước đi.” Nhưng thiện nam tử ấy vì mục đích mà chấp nhận. Lý do vì sao? Vì nhằm tằm, ghê sợ sự sanh, già, bệnh, chết, sầu bi, khóc than, ưu, khổ, áo não; hoặc để đạt đến biên tế của toàn vẹn khối lớn đau khổ này. Các người há không phải với tâm như vậy mà xuất gia học đạo chăng?”

Các Tỳ-kheo bạch rằng:

“Thật sự như vậy.”

Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

“Người ngu si kia, với tâm như vậy mà xuất gia học đạo, nhưng lại sống theo tham dục, chìm đắm đến tận cùng, sự ô trọc quần chặt lấy tâm, ganh ghét, bất tín, lừa dối, mất chánh niệm, không chánh định, ác tuệ, tâm cuồng, rối loạn các căn, giữ giới hết sức lơ là, không tu Sa-môn, không phát triển rộng lớn.

“Cũng như người dùng đục để giết những đồ bị đục dính dơ; lấy máu rửa máu, lấy dơ chùi dơ, lấy bản trừ bản, lấy phân trừ phân, chỉ tăng thêm ô uế mà thôi; bỏ chỗ mờ mịn để vào chỗ mờ mịn, bỏ chỗ tối tăm để vào chỗ tối tăm. Ta nói [647b] người ngu si kia giữ giới Sa-môn cũng lại như vậy, nghĩa là nó sống theo tham dục, chìm đắm đến tận cùng, sự ô trọc quần chặt lấy tâm, ganh ghét, bất tín, lừa dối, mất chánh niệm, không chánh định, ác tuệ, tâm cuồng, rối loạn các căn, giữ giới hết sức lơ là, không tu Sa-môn, không phát triển rộng lớn.

“Cũng như đồng tro tàn giữa những que củi tàn thiêu xác người trong rừng vắng. Núi rừng không cần đến nó, thôn ấp cũng không dùng đến nó. Ta nói người ngu si giữ giới Sa-môn cũng lại như vậy, nghĩa là nó sống

¹ Cực chí biên 極至邊. Pl. (It. 91): *antam idam jīvakānaṃ yadidaṃ piṇḍolyaṃ*, sự sống tận cùng nhất là khát thực.

theo tham dục, chìm đắm đến tận cùng, sự ô trược quán chặt lấy tâm, ganh ghét, bất tín, lừa dối, mất chánh niệm, không chánh định, ác tuệ, tâm cuồng, rối loạn các căn, giữ giới hết sức lơ là, không tu Sa-môn, không phát triển rộng lớn.”

Rồi Thế Tôn nói bài tụng:

*Người ngu muội hồng đời dục lạc,
Và hư luôn mục đích Sa-môn.
Đạo và tục cả hai đều mất,
Như tro tàn theo ngọn lửa tàn.

Như thể giữa khu rừng hoang vắng,
Xác người thiêu còn lại tro tàn;
Dù thôn ấp, núi rừng, vô dụng;
Người tham mê dục vọng không hơn.
Đạo và tục cả hai đều mất,
Như tro tàn theo ngọn lửa tàn.*

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



141. KINH DỤ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu có vô lượng thiện pháp mà có thể đạt được thì tất cả đều lấy sự không phóng dật làm căn bản, sự không phóng dật làm tập khởi, nhân không phóng dật mà phát sanh, lấy không phóng dật làm đầu. Trong các thiện pháp, không phóng dật là tối đệ nhất.

“Cũng như làm ruộng, tất cả đều nhân nơi đất, y cứ trên đất, thiết lập trên đất mới làm được ruộng. Cũng vậy, nếu có vô lượng thiện pháp mà có thể đạt được thì tất cả đều lấy sự không phóng dật làm căn bản, không phóng dật làm tập khởi, nhân không phóng dật mà phát sanh, không phóng dật làm đầu. Trong các thiện pháp, không phóng dật là tối đệ nhất.

“Cũng như hạt giống, các loại hạt giống⁸⁹¹, các loại thảo mộc⁸⁹², trăm giống lúa, cây thuốc được phát sanh, trưởng dưỡng, tất cả đều nhân nơi đất, y cứ trên đất, [647c] thiết lập trên đất mới được sanh trưởng. Cũng vậy, nếu có vô lượng thiện pháp mà có thể đạt được thì tất cả đều lấy sự không phóng dật làm căn bản, không phóng dật làm tập khởi, nhân không phóng dật mà phát sanh, không phóng dật làm đầu. Trong các thiện pháp, không phóng dật là tối đệ nhất.

“Cũng như trong các căn hương⁸⁹³, trầm hương⁸⁹⁴ là tối đệ nhất. Cũng như trong các thọ hương⁸⁹⁵, xích chiên-đàn⁸⁹⁶ là tối đệ nhất. Cũng như trong các hoa dưới nước, hoa sen xanh là tối đệ nhất. Cũng như trong các hoa trên đất, hoa tu-ma-na⁸⁹⁷ là tối đệ nhất. Cũng như trong các dấu chân của loài thú, thì tất cả đều nhập vào trong dấu chân voi; dấu chân voi gồm chứa hết là bậc nhất; dấu chân voi ấy là tối đệ nhất, vì rất rộng, rất lớn. Cũng như thế, nếu có vô lượng thiện pháp mà có thể đạt được thì tất cả đều lấy sự không phóng dật làm căn bản, không phóng dật làm tập khởi, nhân không phóng dật mà phát sanh, không phóng dật làm đầu. Trong các thiện pháp, không phóng dật là tối đệ nhất.

“Cũng như trong các loài thú, Sư tử vương là tối đệ nhất. Ví như khi các trận cùng đấu chiến nhau thì yếu thế⁸⁹⁸ là thứ nhất. Cũng như các đòn tay của lâu gác, tất cả đều y cứ

⁸⁹¹ Chủng tử thôn 種子村. Pāli: *bijagāma*, loại hạt giống (năm loại); chỉ các thực vật thuộc nhóm gieo hạt.

⁸⁹² Nguyên Hán: quỷ thần thôn 鬼神村. Pāli: *bhūtagāma*, chỉ các loại cây trồng, đối lập với chủng tử thôn.

⁸⁹³ Căn hương 根香; hương liệu lấy từ rễ cây.

⁸⁹⁴ Trầm hương 沈香; trong bản Pāli: *kālānusāriya*, hương chiên-đàn đen.

⁸⁹⁵ Thọ hương 樹香; hương liệu lấy từ thân cây.

⁸⁹⁶ Xích chiên-đàn 赤栴檀; Pāli: *lohita-candana*, chiên-đàn đỏ.

⁸⁹⁷ Tu-ma-na hoa 須摩那華; Pāli: *sumana*, duyet ý hoa.

⁸⁹⁸ Yếu thế 要誓, No.100 (66) nói: ai xông lên trước là bậc nhất.

trên đòan đông⁸⁹⁹, thiết lập trên đông, được duy trì bởi đòan đông, đòan đông là bậc nhất vì duy trì tất cả. Cũng vậy, nếu có vô lượng thiện pháp mà có thể đạt được thì tất cả đều lấy sự không phóng dật làm căn bản, không phóng dật làm tập khởi, nhân không phóng dật mà phát sanh, không phóng dật làm đầu. Trong các thiện pháp, không phóng dật là tối đệ nhất.

“Cũng như trong các ngọn núi, Tu-di sơn vương là bậc nhất. Cũng như trong các dòng suối, biển lớn thu nhập nước, biển lớn là bậc nhất. Cũng như trong các loại đại thân⁹⁰⁰, A-tu-la vương là thứ nhất. Cũng như trong các loại chiêm thị⁹⁰¹, Ma vương là thứ nhất. Cũng như trong các loại hành dục, Đảnh sanh vương là thứ nhất. Cũng như trong các Tiểu vương, Chuyển luân vương là bậc nhất. Cũng như giữa các vì tinh tú trong hư không, mặt trăng là bậc nhất. Cũng như trong các loại vải lụa, lụa trắng tinh là thứ nhất. Cũng như trong các loại ánh sáng, ánh sáng của trí tuệ là thứ nhất. Cũng như trong các chúng hội, chúng đệ tử của Như Lai là bậc nhất. Cũng như trong các pháp hữu vi và vô vi, ái tận, vô dục, diệt tận, Niết-bàn là bậc nhất. Cũng như trong các loài chúng sanh không chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân; sắc, vô sắc, có tướng, không tướng, cho đến phi hữu tướng, phi vô tướng, trong đó Như Lai là bậc nhất, là tối đại, là tối thượng, là tối cao, là tối tôn, là tối diệu.

“Cũng như do bò mà có sữa; nhân sữa có tô; nhân tô có sanh tô; nhân sanh tô [648a] có thực tô; nhân thực tô có tô tinh; tô tinh là bậc nhất, là lớn, là trên, là tối, là thắng, là tôn, là diệu. Cũng như thế, trong các loài chúng sanh không chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân, sắc, vô sắc, hữu tướng, vô tướng, cho đến phi hữu tướng, phi vô tướng, trong đó Như Lai là bậc nhất, là tối đại, là tối thượng, là tối cao, là tối thắng, là tối tôn, là tối diệu.”

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói bài tụng:

*Những ai mong tài vật,
Tốt đẹp, tăng tiến nhiều,
Khen ngợi không phóng dật
Sự, vô sự, Trí nói⁹⁰².
Những ai không phóng dật,
Lợi nghĩa cả hai đời;
Đời này khéo thu hoạch;
Và đời sau thu hoạch.
Và thu hoạch đời này
Dùng mãnh quán các nghĩa
Kẻ trí tất giải thoát.*

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.⁹⁰³

⁸⁹⁹ Thừa duyên lương 承椽梁, đòan đông. Pāli: *gopānāsī*. No.100 (66): trong tất cả lầu các, cao-ba-na-tả (*gopānāsī*) là tối đệ nhất.

⁹⁰⁰ Đại thân 大身, thân hình to lớn đồ sộ.

⁹⁰¹ Chiêm thị 瞻待; bản Thánh: chiêm đặc 特. Không rõ.

⁹⁰² Sự vô sự tuệ thuyết 事無事慧說. Bậc trí nói. Cf. S. i. 87.



Pháp thí thắng mọi thí
Sabbadānaṃ dhammadānaṃ jināti